

DAN BROWN

NGUYỄN XUÂN HỒNG

dịch



NGUỒN CỘI

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

DAN BROWN

NGUỒN CỘI

Origin (2017)



Nguyễn Xuân Hồng dịch

ROBER LANGDON #5

Mục lục

- Cám ơn
- Tưởng nhớ
- Trích dẫn
- Thực Tế
- Dạo đầu
- CHƯƠNG 1
- CHƯƠNG 2
- CHƯƠNG 3
- CHƯƠNG 4
- CHƯƠNG 5
- CHƯƠNG 6
- CHƯƠNG 7
- CHƯƠNG 8
- CHƯƠNG 9
- CHƯƠNG 10
- CHƯƠNG 11
- CHƯƠNG 12
- CHƯƠNG 13
- CHƯƠNG 14
- CHƯƠNG 15
- CHƯƠNG 16
- CHƯƠNG 17
- CHƯƠNG 18
- CHƯƠNG 19
- CHƯƠNG 20
- CHƯƠNG 21
- CHƯƠNG 22
- CHƯƠNG 23
- CHƯƠNG 24
- CHƯƠNG 25
- CHƯƠNG 26
- CHƯƠNG 27
- CHƯƠNG 28
- CHƯƠNG 29
- CHƯƠNG 30
- CHƯƠNG 31
- CHƯƠNG 32
- CHƯƠNG 33

CHƯƠNG 34
CHƯƠNG 35
CHƯƠNG 36
CHƯƠNG 37
CHƯƠNG 38
CHƯƠNG 39
CHƯƠNG 40
CHƯƠNG 41
CHƯƠNG 42
CHƯƠNG 43
CHƯƠNG 44
CHƯƠNG 45
CHƯƠNG 46
CHƯƠNG 47
CHƯƠNG 48
CHƯƠNG 49
CHƯƠNG 50
CHƯƠNG 51
CHƯƠNG 52
CHƯƠNG 53
CHƯƠNG 54
CHƯƠNG 55
CHƯƠNG 56
CHƯƠNG 57
CHƯƠNG 58
CHƯƠNG 59
CHƯƠNG 60
CHƯƠNG 61
CHƯƠNG 62
CHƯƠNG 63
CHƯƠNG 64
CHƯƠNG 65
CHƯƠNG 66
CHƯƠNG 67
CHƯƠNG 68
CHƯƠNG 69
CHƯƠNG 70
CHƯƠNG 71
CHƯƠNG 72
CHƯƠNG 73
CHƯƠNG 74

CHƯƠNG 75
CHƯƠNG 76
CHƯƠNG 77
CHƯƠNG 78
CHƯƠNG 79
CHƯƠNG 80
CHƯƠNG 81
CHƯƠNG 82
CHƯƠNG 83
CHƯƠNG 84
CHƯƠNG 85
CHƯƠNG 86
CHƯƠNG 87
CHƯƠNG 88
CHƯƠNG 89
CHƯƠNG 90
CHƯƠNG 91
CHƯƠNG 92
CHƯƠNG 93
CHƯƠNG 94
CHƯƠNG 95
CHƯƠNG 96
CHƯƠNG 97
CHƯƠNG 98
CHƯƠNG 99
CHƯƠNG 100
CHƯƠNG 101
CHƯƠNG 102
CHƯƠNG 103
CHƯƠNG 104
CHƯƠNG 105
Lời kết
Lời cảm ơn

Cám ơn Kaoaye, Quandeptrai, Caruri
đã giúp hoàn thành sách này!

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Để tưởng nhớ mẹ tôi

Chúng ta phải sẵn sàng từ bỏ cuộc sống đã lên kế hoạch, để có cuộc sống đang chờ đợi phía trước.

- JOSEPH CAMPBELL

THỰC TẾ

Tất cả nghệ thuật, kiến trúc, địa điểm, khoa học và tổ chức tôn giáo trong cuốn tiểu thuyết này đều là thật.

DẠO ĐẦU

Khi đoàn tàu hỏa bánh xe răng cưa xưa bò dần lên đoạn dốc cao chóng mặt, Edmond Kirsch ngắm nghía phần đỉnh núi lởm chởm phía trên đầu. Cách một quãng, tòa tu viện bằng đá đồ sộ được xây đối diện với vách núi dựng đứng, dường như treo lơ lửng trong không trung, như thể được gắn nối một cách kỳ diệu vào phần vách núi thẳng đứng. Tòa tu viện không nhuộm màu thời gian này ở Catalonia, Tây Ban Nha đã phải chịu sức kéo liên tục của trọng trường suốt hơn bốn thế kỷ, nhưng chưa bao giờ chệch khỏi mục đích ban đầu của nó: bảo vệ những cư dân của mình tách biệt khỏi thế giới hiện đại.

Mĩa mai thay, giờ họ sẽ là những người đầu tiên biết sự thật, Kirsch nghĩ thầm, tự hỏi không biết họ sẽ phản ứng ra sao. Xét về lịch sử, những kẻ nguy hiểm nhất trên Trái Đất lại là những người của Chúa... đặc biệt khi các vị thần của họ bị đe dọa. Và mình lại sắp phóng một ngọn lao rực lửa vào tổ ong bắp cày.

Khi đoàn tàu lên đến đỉnh núi, Kirsch nhìn thấy một bóng người lẻ loi đang đứng đợi anh trên sân ga. Một người đàn ông với khung xương khô đét quần trong lớp áo chùng màu tía truyền thống và chiếc áo lễ trắng thêu hoa văn của Công giáo, cùng chiếc mũ sọ* trên đầu. Kirsch nhận ngay ra những nét xương xẩu của vị chủ nhà qua những tấm ảnh và cảm thấy lượng adrenaline bất ngờ trào lên.

Valdespino đích thân ra đón mình.

Giám mục Antonio Valdespino là một nhân vật ghê gớm ở Tây Ban Nha - không chỉ là một người bạn và cố vấn đáng tin cậy của Đức vua, mà ở đất nước này, ngài còn là một trong

những người ủng hộ có ảnh hưởng và lớn tiếng nhất cho việc bảo tồn những giá trị Công giáo bảo thủ cùng những chuẩn mực chính trị truyền thống.

“Ta chắc anh là Edmond Kirsch phải không?” vị giám mục mở lời khi Kirsch rời khỏi tàu.

“Vâng,” Kirsch mỉm cười nói khi chìa tay bắt bàn tay xương xẩu của vị chủ nhà. “Thưa Giám mục Valdespino, tôi muốn cảm ơn Đức cha đã thu xếp cuộc gặp gỡ này.”

“Ta đánh giá cao đề nghị của anh.” Giọng vị giám mục mạnh mẽ hơn Kirsch nghĩ - rõ ràng và lạnh lùng, như tiếng chuông ngân. “Thường thì chúng ta đâu có được những người làm khoa học hỏi ý kiến, nhất là người xuất chúng như anh. Mời đi lối này.”

Valdespino hướng dẫn Kirsch băng qua sân ga, không khí lạnh lạnh vùng núi quất vào lớp áo chùng của vị giám mục.

“Ta phải thú thực rằng trông anh khác hẳn ta hình dung,” Valdespino nói. “Ta cứ đinh ninh là một nhà khoa học, nhưng anh lại hoàn toàn...” Ông nhìn bộ vest Kition K50 cùng đôi giày Barker da đà điểu của vị khách với một thoáng coi thường. “‘Dân chơi’, ta tin từ ấy mới đúng nhỉ?”

Kirsch mỉm cười hết sức nhã nhặn. Từ ‘Dân chơi’ lỗi thời cả mấy thập kỷ trước rồi còn đâu.

“Khi đọc danh sách thành tích của anh,” vị giám mục nói, “ta vẫn không tin hẳn đó là những gì anh làm.”

“Tôi chuyên về lý thuyết trò chơi và làm mẫu máy tính.”

“Vậy là anh làm ra các trò chơi trên máy tính cho trẻ con à?”

Kirsch cảm thấy vị giám mục đang vờ ngây ngô nhằm tỏ ra mình kỳ quặc. Kirsch biết thừa, chính xác hơn thì Valdespino là một sinh viên công nghệ cực kỳ thạo tin và vẫn thường cảnh

báo những người khác về các hiểm họa của công nghệ. “Không, thưa cha, thực ra thì lý thuyết trò chơi là một lĩnh vực toán học chuyên nghiên cứu các mô thức để đưa ra những dự đoán về tương lai.”

“À phải. Ta tin ta đã đọc được rằng mấy năm trước anh từng dự báo về một cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Âu thì phải? Khi chẳng ai chịu lắng nghe, anh đã cứu nguy bằng việc phát minh ra một chương trình máy tính giúp EU thoát chết. Câu trích nổi tiếng của anh là gì nhỉ? ‘Lúc ba mươi ba tuổi, tôi bằng tuổi Đức Kitô khi Ngài hồi sinh.’”

Kirsch nhũn nhặn. “Một sự loại suy kém cỏi, thưa Đức cha. Tôi còn trẻ dại.”

“Trẻ dại ư?” Vị giám mục cười khùng khục. “Và giờ anh bao nhiêu nhỉ... có lẽ bốn mươi chẳng?”

“Vừa hay ạ.”

Vị tu sĩ già mỉm cười trong lúc cơn gió mạnh tiếp tục thổi áo choàng của ông căng phồng. “Chà, thánh nhân thường đãi kẻ khù khờ, nhưng nay điều đó chuyển hết sang đám trẻ - những kẻ chạy theo công nghệ, chỉ căng mắt nhìn mấy cái màn hình video chứ đâu có nhìn vào tâm hồn của chính mình. Ta phải thừa nhận rằng ta chưa bao giờ hình dung mình lại có lý do gặp gỡ một người trẻ tuổi đang rất nỗ lực thế này. Người ta gọi anh là nhà tiên tri cơ đấy.

“Với cha thì không phải là gì ghê gớm, thưa Đức cha,” Kirsch trả lời. “Khi tôi đặt vấn đề liệu tôi có thể gặp riêng cha và các đồng đạo của cha, tôi tính mình chỉ có hai mươi phần trăm cơ hội được chấp thuận.

“Và đúng như ta vẫn nói với các đồng đạo, người mộ đạo luôn có thể được lợi nhờ lắng nghe những kẻ vô thần. Chính

khi nghe giọng nói của quý dữ mà chúng ta có thể trân trọng tiếng nói của Chúa hơn.” Vị tu sĩ già mỉm cười. “Dĩ nhiên ta đùa thôi. Thứ lỗi cho cái khiếu hài hước già nua của ta nhé. Thỉnh thoảng, những bộ lọc của ta lại lừa ta.”

Nói xong, Giám mục Valdespino làm hiệu về phía trước. “Những người khác đang đợi đây. Đi lối này nào.”

Kirsch nhìn đích đến của họ, một tòa thành đồ sộ bằng đá xám chênh vênh bên rìa vách núi dựng đứng chạy hun hút hàng trăm mét xuống cả mảng chân đồi um tùm cây cối. Choáng váng vì độ cao, Kirsch rời ánh mắt khỏi phía vực sâu và dõi theo vị giám mục men theo lối đi khắp khếnh bên vách núi, chuyển suy nghĩ của mình trở lại cuộc gặp sắp tới.

Kirsch đã đề nghị một cuộc tiếp kiến với ba vị thủ lĩnh tôn giáo nổi bật, những người vừa tham dự một hội thảo ở đây.

Nghị viện các tôn giáo trên thế giới.

Từ năm 1893, cứ vài năm, hàng trăm thủ lĩnh tinh thần từ gần ba mươi tôn giáo trên thế giới lại tụ họp ở một địa điểm khác nhau và dành trọn một tuần tham gia cuộc đối thoại giữa các tín điều. Những người tham gia bao gồm nhiều linh mục Thiên Chúa giáo có ảnh hưởng, các giáo trưởng Do Thái và các giáo sĩ Hồi giáo từ khắp thế giới, cùng với các đạo sư Ấn Độ giáo, các vị tử khâu Phật giáo, các tín đồ Kỳ Na giáo, đạo Sikh và các tôn giáo khác.

Mục tiêu tự tuyên bố của nghị viện này là “vun đắp tình hòa hợp giữa các tôn giáo trên thế giới, tạo dựng cầu nối giữa các giá trị tinh thần đa dạng, và đề cao sự giao thoa của mọi tín điều.”

Một mục đích cao quý, Kirsch nghĩ thầm, mặc dù xem đó là một việc làm chẳng ích gì - một sự kiếm tìm vô nghĩa về những điểm tương ứng ngẫu nhiên trong cả mớ thập cẩm những

truyền thuyết, ngụ ngôn và điều hư cấu cổ xưa.

Khi Giám mục Valdespino dẫn anh đi dọc con đường, Kirsch dăm dăm nhìn xuống sườn núi với một ý nghĩ đầy mỉa mai. Moses leo lên núi để nhận Thánh Ngôn... còn ta leo lên núi để làm điều ngược lại.

Động cơ để Kirsch leo lên ngọn núi này, anh đã tự nhủ, là một nghĩa vụ đạo đức, nhưng anh biết có cả tá tham vọng ngông cuồng tiếp nhiên liệu cho chuyến đi này - anh rất háo hức cảm nhận cái tâm trạng hài lòng ngồi đối diện với các vị tu sĩ và tiên báo về kết cục sắp tới của họ.

Các vị đã xong lượt của các vị trong việc định nghĩa chân lý của chúng tôi rồi.

“Ta đã xem lý lịch của anh,” vị giám mục đột ngột lên tiếng, mắt liếc nhìn Kirsch. “Ta thấy anh là sản phẩm của Đại học Harvard thì phải?”

“Vâng. Bậc cử nhân ạ.”

“Ta hiểu. Gần đây, lần đầu tiên ta đọc về lịch sử Harvard, khối sinh viên đầu vào gồm những kẻ vô thần và bất khả tri còn đông hơn cả những người nhận là tín đồ của bất kỳ tôn giáo nào. Đó quả là một con số thống kê biết nói, Kirsch ạ.”

Tôi biết nói gì với ngài đây, Kirsch rất muốn trả lời, sinh viên của chúng tôi ngày càng thông minh.

Gió quất mạnh hơn khi họ đến tòa dinh thự cổ kính bằng đá. Bên trong thứ ánh sáng lờ mờ của lối vào tòa nhà, không khí nặng mùi thơm đặc quánh của nhựa nhũ hương* đang cháy. Hai người luồn lách qua cả mê cung hành lang tối om và mắt Kirsch đã tìm cách thích nghi được khi anh bám theo vị chủ nhà khoác áo chùng. Cuối cùng, họ đến một cánh cửa gỗ nhỏ một cách khác thường. Vị giám mục gõ cửa, khom người và

bước vào, ra hiệu cho vị khách đi theo.

Ngập ngừng, Kirsch bước qua ngưỡng cửa.

Anh thấy mình ở trong một gian phòng hình chữ nhật với những bức tường cao được che kín bởi những bộ sách bọc da rất cổ. Lại thêm những kệ sách không có giá đỡ nhô ra khỏi tường như những dẻ xương sườn, rải rác những lò sưởi bằng gang kêu lạnh canh hoặc xì xì, tạo cho căn phòng cảm giác kỳ dị như thể nó là sinh vật sống. Kirsch ngược mắt nhìn phần lối đi có chấn song trang trí quây tròn lấy tầng hai và biết ngay mình đang ở đâu.

Thư viện Montserrat lừng danh, anh nhận ra, thấy giật mình vì đã được chấp nhận. Căn phòng bất khả xâm phạm này được đồn đại là nơi chứa những văn bản cực hiếm chỉ những tu sĩ dâng trọn đời mình cho Chúa và lánh mình ở đây trên ngọn núi này mới được tiếp cận.

“Anh được theo ý mình rồi nhé,” vị giám mục nói. “Đây là không gian riêng tư nhất của bọn ta. Rất ít người ngoài từng vào được đây.”

“Quả là một đặc ân to lớn. Xin cảm ơn cha.”

Kirsch theo vị giám mục tới một chiếc bàn gỗ lớn, nơi có hai người đàn ông lớn tuổi nữa đang ngồi đợi. Người ngồi bên trái trông như bị thời gian bào mòn, với đôi mắt mỗi một và hàm râu trắng rối bù. Ông mặc một bộ vest đen nhàu nhĩ, áo sơ mi trắng và đội mũ phớt mềm.

“Đây là Giáo trưởng Yehuda Köves,” vị giám mục nói. “Ông ấy là triết gia Do Thái có tiếng, từng viết rất nhiều về vũ trụ học bí truyền.”

Kirsch nhoài người qua bàn và nhã nhặn bắt tay Giáo trưởng Köves. “Hân hạnh được gặp ngài,” Kirsch nói. “Tôi đã đọc sách

của ngài về pháp thuật bí truyền. Tôi không dám nói mình hiểu nhưng tôi đã đọc rồi.”

Köves gật đầu hòa nhã, lấy khăn tay chấm nhẹ lên cặp mắt ướt nhoèn.

“Còn đây,” vị giám mục nói tiếp, ra hiệu về phía người còn lại, “xin giới thiệu với anh ngài *allamah** đáng kính Syed al-Fadl.”

Vị học giả Hồi giáo khả kính đứng lên và cười rất tươi. Ông thấp lùn và to bè, với khuôn mặt vui vẻ dường như rất không hợp với đôi mắt đen nhìn như xoáy của mình. Ông mặc một chiếc áo dài trắng rất khiêm nhường. “Anh Kirsch, tôi đã đọc những phỏng đoán của anh về tương lai của nhân loại. Tôi không dám nói tôi tán thành với những điều ấy, nhưng tôi đã đọc rồi.”

Kirsch mỉm cười lịch thiệp và bắt tay người đàn ông.

“Và vị khách của chúng ta, Edmond Kirsch,” vị giám mục kết luận, miệng nói với hai vị đạo hữu, “như các ngài biết, là một nhà khoa học máy tính, chuyên gia lý thuyết trò chơi, nhà sáng chế và phần nào là một nhà tiên tri rất được trọng vọng trong thế giới công nghệ. Dựa trên lai lịch của anh ấy, tôi rất bối rối trước đề nghị của anh ấy xin được nói chuyện với ba chúng ta. Do đó, giờ tôi sẽ nhường cho anh Kirsch được giải thích lý do anh ấy đến đây.”

Nói xong, Giám mục Valdespino ngồi xuống giữa hai vị đạo hữu, khoanh tay và nhìn Kirsch đầy trông đợi. Cả ba người đàn ông đối diện với anh như trong tòa án, tạo nên một bầu không khí có phần giống một phiên tòa xử dị giáo hơn là một cuộc gặp gỡ thân thiện của các học giả. Giờ Kirsch nhận ra vị giám mục thậm chí còn chưa lấy ghế cho anh.

Kirsch cảm thấy bối rối hơn là bị đe dọa khi anh chăm chú nhìn ba ông già trước mặt mình. Ra đây là *Chúa Ba ngôi* mà mình đề nghị. *Ba bậc trí giả*.

Ngừng một lúc để khẳng định sức ảnh hưởng của mình, Kirsch bước tới bên cửa sổ và nhìn ra khung cảnh đẹp mê hồn phía dưới. Một khoảnh đất đồng cỏ cổ xưa ngập nắng vắt ngang vùng thung lũng sâu, nhường chỗ cho những đỉnh núi lởm chởm của dãy núi Collserola. Xa hơn mấy dặm, đầu đó ngoài Biển Balearic, lúc này một khối mây đông bão đầy hăm dọa đang dồn tụ phía trên đường chân trời.

Hợp quá đi, Kirsch thầm nghĩ, cảm nhận rõ tình trạng náo loạn anh sắp gây ra trong căn phòng này và cả thế giới ngoài kia nữa.

“Thưa các vị,” anh mở lời, quay phắt lại phía họ. “Tôi tin Giám mục Valdespino đã chuyển tới các vị lời đề nghị giữ bí mật của tôi. Trước khi chúng ta tiếp tục, tôi chỉ muốn nói rõ những gì tôi sắp chia sẻ với quý vị phải được giữ kín hết mức. Nói đơn giản, tôi đề nghị tất cả các vị thề giữ im lặng. Tất cả chúng ta đồng ý chứ?”

Cả ba người đàn ông gật đầu ngầm tỏ ý ưng thuận, điều Kirsch có lẽ đã biết thừa rồi. Họ sẽ *muốn chôn giấu thông tin này - chứ không phải lan truyền nó*.

“Tôi ở đây hôm nay,” Kirsch bắt đầu, “vì tôi đã có một phát hiện khoa học mà tôi tin các vị sẽ thấy giật mình. Đó là điều tôi đã theo đuổi nhiều năm, với hy vọng đem lại câu trả lời cho hai câu hỏi cơ bản nhất về nhận thức của loài người chúng ta. Giờ tôi đã thành công, tôi đến gặp riêng các vị vì tôi tin thông tin này sẽ tác động đến niềm tin của cả thế giới một cách sâu sắc, hoàn toàn có thể gây nên một sự thay đổi mà chỉ có thể mô tả như chúng ta sẽ nói là - *đổ vỡ*. Lúc này, tôi là người duy nhất

trên Trái Đất có được thông tin tôi sắp tiết lộ với các vị.”

Kirsch thò tay vào túi áo vest của mình và móc ra một chiếc điện thoại thông minh ngoại cỡ - thứ anh đã thiết kế và chế tạo để phục vụ cho những nhu cầu khác thường của riêng mình. Chiếc điện thoại có phần vỏ khảm màu sắc rất rực rỡ và anh mở bung nó ra như một cái ti vi trước mắt ba người đàn ông. Thoắt cái, anh dùng thiết bị đó kết nối với một máy chủ siêu an toàn, nhập mật khẩu gồm bốn mươi bảy mẫu tự của mình và phát trực tiếp một buổi thuyết trình cho họ xem.

“Những gì các vị sắp xem,” Kirsch nói, “là đoạn cắt thô một tuyên bố mà tôi hy vọng chia sẻ với cả thế giới - có lẽ trong khoảng một tháng nữa. Nhưng trước khi làm việc đó, tôi muốn tham vấn một vài nhà tư tưởng tôn giáo có ảnh hưởng nhất thế giới, để hiểu cho thấu đáo xem tin tức này sẽ được những người bị nó tác động nhiều nhất tiếp nhận như thế nào.”

Vị giám mục thở dài rất to, nghe có vẻ chán ngán hơn là lo lắng. “Phần nói đầu hấp dẫn đấy, Kirsch. Anh nói cứ như thể điều gì đó anh sắp cho chúng ta thấy sẽ lay chuyển nền tảng của các tôn giáo trên thế giới vậy.”

Kirsch đưa mắt nhìn khắp thư viện cổ kính chứa toàn những văn tự thiêng liêng. Nó sẽ không lay chuyển nền tảng của các vị đâu. Nó sẽ đập tan những thứ ấy cơ đấy.

Kirsch đánh giá mấy người trước mặt anh. Những gì họ không hề biết là trong thời gian chỉ ba ngày nữa, Kirsch đã lên kế hoạch công bố thuyết trình này trong một sự kiện gây chấn động được dàn dựng kỹ càng. Khi anh thực hiện việc đó, người dân trên khắp thế giới sẽ nhận ra rằng những giáo điều của mọi tôn giáo trên thực tế đều có chung một điểm.

Chúng đều sai lầm một cách thê thảm.

CHƯƠNG 1

Giáo sư Robert Langdon ngược nhìn bức tượng con chó cao tới mười hai mét châu hấu ở quảng trường. Bộ lông con vật này là một thảm cỏ và hoa thơm ngát.

Tao sẽ cố gắng thích mày, ông nghĩ. Thật sự đấy.

Langdon trầm ngâm nhìn con vật thêm một chút rồi tiếp tục đi dọc một lối đi đã tạm ngừng sử dụng, bước xuống cầu thang ngổn ngang với những mặt bậc khắp khểnh dự định gây khó chịu cho vị khách đang bước tới với nhịp đi và tốc độ thông thường của mình. Nhiệm vụ hoàn thành, Langdon quyết định, suýt vấp ngã hai lần trên mấy bậc thang không đều nhau.

Dưới chân cầu thang, Langdon nhảy xuống một chỗ dừng, mắt tròn tròn nhìn một khối to tướng lù lù phía trên.

Giờ thì mình nhìn tròn được nó rồi.

Một con nhện góa phụ đen sì, dữ tợn xuất hiện trước mặt ông, mấy cái chân mảnh khảnh bằng sắt của nó chống đỡ phần thân hình củ hành ở độ cao chỉ ít cũng gần bốn mét trong không trung. Phần dưới bụng con nhện lủng lảng một bọc trứng bằng lưới thép, đựng đầy những quả cầu thủy tinh.

“Tên nó là Maman,” một giọng nói vang lên. Langdon hạ ánh mắt và nhìn người đàn ông mảnh khảnh đứng ngay bên dưới con nhện. Người ấy mặc một chiếc áo khoác *sherwani** thêu kim tuyến màu đen và có bộ ria kiểu Salvador Dalí* uốn cong rất hài hước.

“Tên tôi là Fernando,” anh ta nói tiếp, “và tôi có mặt ở đây để chào đón ông tới thăm bảo tàng.”

Người đàn ông nhìn lướt một loạt thẻ ghi tên bày trên chiếc

bàn trước mặt anh ta. “Xin cho tôi biết danh tính của ông?”

“Vâng. Robert Langdon.”

Ánh mắt người đàn ông vụt trở lại. “À, tôi rất xin lỗi! Tôi không nhận ra ngài!”

Tôi còn khó nhận ra mình nữa là, Langdon nghĩ, di chuyển cứng ngắc trong chiếc áo gi lê trắng, áo đuôi tôm đen và chiếc nơ trắng. Trông tôi hết một gã Whiffenpoof*. Cái áo đuôi tôm cổ điển của Langdon đã ngót ba mươi năm, được gìn giữ từ những ngày ông còn là một thành viên Câu lạc bộ Ivy ở Princeton, nhưng nhờ chế độ bơi đều đặn hằng ngày, bộ đồ vẫn khá vừa vặn với ông. Lúc Langdon vội vàng sắp đồ, ông đã vớ nhầm cái túi quần áo treo trong tủ, mà bỏ lại bộ tuxedo quen thuộc của mình.

“Giấy mời nói mặc đồ đen và trắng,” Langdon nói. “Tôi tin áo đuôi tôm hoàn toàn phù hợp nhỉ?”

“Áo đuôi tôm là trang phục truyền thống mà! Trông ngài rất bảnh!” Người đàn ông bước vội lại và cẩn thận dán một miếng thẻ ghi tên vào ve áo vest của Langdon.

“Thật vinh hạnh được gặp ngài,” người đàn ông có bộ ria nói. “Chắc hẳn trước đây, ngài đã từng ghé chỗ chúng tôi rồi?”

Langdon chăm chú nhìn xuyên qua mấy cái chân nhện hướng về phía tòa nhà lấp lánh trước mặt họ. “Thực ra, tôi rất ngại khi phải nói rằng tôi chưa có dịp.”

“Ôi không!” Người đàn ông vờ ngã bở chửng. “Ngài không phải là người hâm mộ nghệ thuật hiện đại sao?”

Langdon vốn luôn thích thú thử thách của nghệ thuật hiện đại - cơ bản là khám phá xem tại sao một số tác phẩm cụ thể lại được ca ngợi là kiệt tác: những bức tranh màu nhỏ giọt* của Jackson Pollock; tác phẩm vỏ hộp súp Campbell của Andy

Warhol; những hình chữ nhật màu đơn giản của Mark Rothko. Tuy nhiên, Langdon thấy thoải mái hơn hẳn khi thảo luận về biểu tượng tôn giáo của Hieronymus Bosch* hoặc phong cách vẽ của Francisco de Goya*.

“Tôi là một người ủng hộ chủ nghĩa kinh điển hơn,” Langdon đáp. “Tôi thạo da Vinci hơn là de Kooning.”

“Nhưng da Vinci và de Kooning thì cũng đều *như nhau* mà!”

Langdon nhún vai mỉm cười. “VẬY thì rõ ràng tôi cần phải học một chút về de Kooning rồi.”

“Ồ, ngài tìm đến đúng chỗ rồi đây!” Người đàn ông vung cánh tay về phía tòa nhà đồ sộ. “Trong bảo tàng này, ngài sẽ tìm thấy một trong những bộ sưu tập nghệ thuật hiện đại tuyệt vời nhất trên cõi đời này! Tôi rất hy vọng ngài thấy thích.”

“Tôi cũng định như vậy,” Langdon trả lời. “Tôi chỉ ao ước biết được tại sao mình lại ở đây.”

“Ngài và tất cả những người khác!” Người đàn ông cười vui vẻ, đầu lắc lắc. “Vị chủ nhà của ngài rất kín tiếng về mục đích của sự kiện tối nay. Ngay cả nhân viên bảo tàng cũng không biết đang có việc gì. Bí mật là một nửa sự thú vị - vẫn đang có rất nhiều đồn đoán! Có vài trăm vị khách ở trong kia - nhiều gương mặt rất nổi tiếng - và chưa ai có bất kỳ ý tưởng nào xem chương trình tối nay là gì!”

Giờ thì Langdon cười toe toét. Rất ít vị chủ nhà trên thế giới này có gan đến phút cuối cùng mới gửi đi những tờ giấy mời về cơ bản có nội dung: Tối thứ Bảy. Đến chỗ đó. Hãy tin tôi. Và lại càng ít người có thể thuyết phục được hàng trăm nhân vật VIP tạm gác mọi việc và bay tới miền bắc Tây Ban Nha để tham dự sự kiện. Từ dưới bụng con nhện, Langdon bước ra và tiếp tục theo lối đi, mắt ngược lên nhìn một tấm bảng tròn đỏ rất lớn căng

phòng phía trên.

BUỔI TỐI CÙNG EDMOND KIRSCH

Chắc hẳn Edmond chưa bao giờ thiếu tự tin, Langdon vui vẻ nghĩ. Khoảng hai mươi năm trước, chàng thanh niên Eddie Kirsch là một trong những sinh viên đầu tiên của Langdon tại Đại học Harvard - một anh chàng đam mê máy tính để kiểu tóc như cây chổi lau nhà. Sự ham thích các mật mã của anh đã đưa đẩy anh đến với buổi hội thảo của Langdon dành cho sinh viên năm thứ nhất: Mật mã và ngôn ngữ của các biểu tượng. Trí thông minh tinh tế của Kirsch gây ấn tượng rất sâu sắc cho Langdon và mặc dù cuối cùng Kirsch từ bỏ thế giới ký hiệu học lỗi thời để theo đuổi lời hứa hào nhoáng của ngành máy tính nhưng anh và Langdon đã tạo dựng được một mối quan hệ thầy-trò vẫn luôn duy trì liên lạc suốt hơn hai thập kỷ qua kể từ khi Kirsch tốt nghiệp.

Giờ thì chàng sinh viên vượt xa thầy rồi, Langdon nghĩ. Đến vài năm ánh sáng ấy chứ.

Đến hôm nay, Edmond Kirsch đã là một chính khách phi đảng phái nổi tiếng thế giới - một nhà khoa học máy tính, người theo thuyết vị lai, nhà sáng chế và doanh nhân tỉ phú. Anh chàng bốn mươi tuổi này là cha đẻ một loạt công nghệ tiên tiến thể hiện những bước nhảy vọt rất lớn trong vô số lĩnh vực khác nhau như người máy học, khoa học não bộ, trí thông minh nhân tạo và công nghệ nano. Những dự đoán chính xác của anh về những đột phá khoa học trong tương lai đã tạo nên một trường bí mật xung quanh người đàn ông này.

Langdon ngờ rằng sở trường dự báo kỳ lạ của Edmond bắt nguồn từ kiến thức quảng bác phi thường của anh về thế giới quanh mình. Theo như Langdon còn nhớ được, Edmond là

người đam mê và sưu tầm sách không biết đâu mà thỏa mãn - đọc mọi thứ trong tầm mắt. Niềm đam mê của người đàn ông này dành cho sách, cùng khả năng tiếp thu nội dung sách, vượt xa bất kỳ điều gì ông từng chứng kiến.

Mấy năm qua, Kirsch sống chủ yếu ở Tây Ban Nha, dành lựa chọn của mình cho một môi trường với nét quyến rũ cổ kính, kiến trúc tiên phong, những quây rượu gin kỳ dị và thời tiết hoàn hảo của đất nước này.

Mỗi năm một lần, khi Kirsch trở lại Cambridge để diễn thuyết tại Phòng Truyền thông Học viện Công nghệ Massachusetts, Langdon đều ăn một bữa với cậu ấy tại một trong những trung tâm ăn chơi hợp thời mới tinh ở Boston mà Langdon chưa bao giờ nghe nói đến. Những cuộc trò chuyện của họ chẳng bao giờ đề cập đến công nghệ, tất cả những gì Kirsch muốn thảo luận với Langdon đều là nghệ thuật.

“Thầy là kết nối văn hóa của em, thầy Robert ạ,” Kirsch thường bông đùa. “Vị cử nhân nghệ thuật độc thân của riêng em!”

Câu châm chọc khôi hài nhằm vào tình trạng hôn nhân của Langdon càng mang sắc thái mỉa mai vì nó xuất phát từ một anh chàng độc thân vẫn kịch liệt phản bác chế độ hôn nhân một vợ một chồng là “một sự sỉ nhục đối với quá trình tiến hóa” và đã từng chụp hình với vô số siêu mẫu suốt nhiều năm.

Nghĩ đến tiếng tăm của Kirsch như là một nhà cải cách trong ngành khoa học máy tính, người ta có thể dễ dàng hình dung anh là một tay đam mê công nghệ kiêu ngạo. Nhưng thật ra anh lại tạo dựng bản thân như một hình tượng nhạc pop hiện đại gia nhập các giới có tiếng tăm, phục sức theo những phong cách mới nhất, nghe thứ âm nhạc bí ẩn không công khai và sưu tập vô vàn tác phẩm trường phái Ấn tượng và nghệ thuật hiện đại

vô giá. Kirsch thường gửi thư điện tử cho Langdon để xin lời khuyên về những tác phẩm nghệ thuật mới mà anh đang cân nhắc cho bộ sưu tập của mình.

Và rồi cậu ta sẽ lại làm ngược hẳn lại, Langdon trầm ngâm.

Khoảng một năm trước, Kirsch đã khiến Langdon ngạc nhiên khi không hỏi ông về nghệ thuật, mà lại về Chúa - một chủ đề rất lạ lẫm với một nhân vật tự nhận là vô thần. Bên đĩa sườn sống chặt nhỏ tại quán Tiger Mama ở Boston, Kirsch đã khai thác bộ não của Langdon về những tín điều cốt lõi của rất nhiều tôn giáo trên thế giới, đặc biệt là những câu chuyện khác nhau của họ về Sáng tạo.

Langdon đã nói với cậu ấy kiến thức tổng quan rất đáng tin cậy về các tín điều hiện hành, từ câu chuyện Sáng thế ký mà cả Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo cùng chung nhau, tới cả câu chuyện về thần Brahma của Ấn Độ giáo, chuyện thần Marduk của người Babylonia và những câu chuyện khác.

“Tôi rất tò mò. Tại sao một nhân vật vị lai chủ nghĩa lại quan tâm đến quá khứ vậy chứ? Phải chăng điều đó có nghĩa là anh chàng vô thần nổi tiếng của chúng ta cuối cùng đã tìm thấy Chúa?” Langdon hỏi khi họ rời nhà hàng.

Edmond cười rất thành thật. “Thầy lại mơ tưởng rồi! Em chỉ đánh giá cuộc cạnh tranh của mình thôi, thầy Robert.”

Langdon mỉm cười. Rất đặc trưng. “Chắc, khoa học và tôn giáo không phải là đối thủ cạnh tranh nhau, đó là hai ngôn ngữ khác nhau đang tìm cách kể cùng một câu chuyện. Thế giới này có chỗ cho cả hai.”

Sau cuộc gặp gỡ đó, Edmond cắt đứt liên lạc suốt gần một năm trời. Và rồi, rất đột ngột, ba ngày trước, Langdon nhận được một phong bì FedEx kèm vé máy bay, một biên nhận đặt

chỗ khách sạn và một thông báo viết tay từ Edmond, hỏi thúc ông tham dự sự kiện tối nay. Thông báo ghi: Thầy Robert, sẽ vô cùng có ý nghĩa với em nếu thầy có thể tham dự. Hiểu biết sâu sắc của thầy trong cuộc trò chuyện cuối cùng của chúng ta giúp làm nên buổi tối này.

Langdon rất bối rối. Cuộc trò chuyện hôm đó dường như chẳng có liên hệ gì dù rất xa xôi với một sự kiện do một nhân vật vị lai chủ nghĩa chủ trì cả.

Chiếc phong bì FedEx còn có tấm hình đen trắng hai người đứng mặt đối mặt. Kirsch đã viết một bài thơ ngắn gửi Langdon. □

Thầy Robert,
Khi thầy trực diện gặp em,
Không gian trống rỗng mở toang đợi
thầy.

— Edmond

Langdon mỉm cười khi nhìn tấm hình - một sự ám chỉ rất khôn khéo tới một tình huống mà Langdon từng tham gia vài năm trước. Hình bóng một chiếc cốc lễ, hay Chén thánh, lộ ra trong khoảng trống giữa hai khuôn mặt.

Giờ Langdon đang đứng bên ngoài bảo tàng này, háo hức muốn biết anh chàng sinh viên cũ của mình định công bố điều gì. Một làn gió nhẹ hất đuôi áo của ông khi ông men theo lối đi bộ bằng xi măng trên bờ sông Nervión uốn khúc, vốn từng là nguồn sống của một thành phố công nghiệp thịnh vượng. Không khí phảng phất mùi đồng hun.

Lúc Langdon vòng theo một khúc quanh trên lối đi, rốt cuộc ông cũng cho phép mình ngắm nhìn tòa bảo tàng đồ sộ, lấp lánh. Chỉ mới nhìn khó có thể đánh giá đúng về tòa nhà được.

Thay vào đó, ánh mắt của ông lướt tới lướt lui dọc theo toàn bộ chiều dài của những hình khối kéo dài, kỳ quái.

Tòa nhà này không chỉ phá bỏ mọi quy tắc, Langdon nghĩ. Nó hoàn toàn phớt lờ chúng. Một địa điểm hoàn hảo cho Edmond.

Bảo tàng Guggenheim ở Bilbao, Tây Ban Nha, trông giống thứ gì đó hiện ra từ một hình ảnh ảo giác lạ lẫm - một bức tranh cắt dán xoáy tròn của những hình thù kim loại biến dạng có vẻ tì đờ vào nhau một cách gần như ngẫu nhiên. Chạy dài ra xa, cái khối những hình thù hỗn độn này được phủ bằng hơn ba mươi nghìn viên gạch ốp titanium sáng lấp lánh như lớp vảy cá, khiến cho tòa nhà mang cảm giác vừa là sinh vật sống vừa xa lạ như ở ngoài hành tinh này, hết một con thủy quái tương lai nào đó vừa bò lên khỏi mặt nước để sưởi nắng trên bờ sông vậy.

Khi lần đầu tiên tòa nhà khai trương vào năm 1997, tờ *The New Yorker* đã ca ngợi kiến trúc sư của nó, Frank Gehry, là đã thiết kế ra “một con tàu tương lai ngoài sức tưởng tượng có hình thù lượn sóng trong lớp vỏ titanium,” trong khi các nhà phê bình trên khắp thế giới lên tiếng, “Tòa nhà vĩ đại nhất thời đại chúng ta!” “Nét tài hoa từ Sao Thủy!” “Một chiến tích kiến trúc phi thường!”

Kể từ khi bảo tàng khai trương, hàng chục tòa nhà “theo xu hướng phi tạo dựng” khác đã mọc lên - Sảnh Hòa nhạc Disney ở Los Angeles, BMW World ở Munich và thậm chí cả tòa thư viện mới tại chính học hiệu của Langdon. Mỗi cái đều mang đặc trưng thiết kế và xây dựng hoàn toàn trái với thông lệ, nhưng Langdon vẫn ngờ rằng không công trình nào trong số đó cạnh tranh được với Bilbao Guggenheim về giá trị gây sốc tuyệt đối của nó.

Lúc Langdon tiến lại, phần mặt tiền ốp gạch dường như biến hình theo mỗi bước chân, đem lại một nét đặc trưng mới qua

mỗi góc nhìn. Cái ảo giác ấn tượng nhất của bảo tàng lúc này trở nên rõ rệt. Thật ngạc nhiên khi từ góc nhìn này, tòa công trình đồ sộ xuất hiện đúng như đang nổi trên mặt nước, bập bênh trong một đầm nước menh mông “vô tận” vỗ sóng vào phần tường ngoài của bảo tàng.

Langdon dừng lại một lúc ngỡ ngàng trước cái hiệu ứng ấy và rồi mới bắt đầu vượt đầm nước qua cây cầu bộ hành hết sức giản tiện uốn thành một vòng cung phía trên vùng nước trong vắt. Ông mới chỉ đi được nửa đường thì có âm thanh rít lên rất to khiến ông giật mình. Nó phát ra ngay từ bên dưới chân ông. Ông dừng sững lại đúng lúc một đám hơi nước xoáy tròn bắt đầu cuộn lên từ phía dưới lối đi bộ. Màn sương mù dày đặc ấy bốc lên quanh ông và rồi tỏa ra khắp đầm nước, lan về phía bảo tàng và phủ kín phần chân móng của toàn bộ công trình.

Tác phẩm Điêu khắc Sương mù, Langdon nghĩ.

Ông đã đọc về công trình này của nghệ sĩ người Nhật Fujiko Nakaya. “Tác phẩm điêu khắc” này mang tính cách mạng ở chỗ nó được kiến tạo bằng phương tiện không khí hữu hình, một màn sương mù hiện hữu và tan đi theo thời gian. Và bởi lẽ các đợt gió thổi cùng điều kiện khí quyển chẳng bao giờ giống nhau giữa ngày này với ngày tiếp theo nên tác phẩm điêu khắc luôn khác biệt mỗi lần nó xuất hiện.

Cây cầu ngừng tiếng rít, Langdon nhìn bức tường sương mù lặng lẽ tụ trên khắp đầm nước, cuộn xoáy và lan đi như thể nó có ý nghĩ riêng vậy. Hiệu ứng này vừa thoát tục vừa khiến người ta mất phương hướng. Toàn bộ bảo tàng lúc này như đang lơ lửng trên mặt nước, tọa lạc nhẹ hẫng trên một đám mây - một con tàu ma lạc trên biển.

Langdon vừa định đi tiếp thì mặt nước tĩnh lặng bị xé toang bởi một loạt điểm phun trào nho nhỏ. Rất bất ngờ, năm cột lửa

cháy bùng bùng từ đầm nước vọt lên không trung, liên tục gầm rít như động cơ tên lửa xuyên thủng bầu không khí thấm đầm hơi nước và tung những chùm ánh sáng rực rỡ loang khắp lớp gạch ốp titanium của bảo tàng.

Thị hiếu kiến trúc của Langdon có xu hướng thiên về những kiểu cách bảo tàng như Louvre hay Prado nhiều hơn, và lúc nhìn màn sương cùng lửa lơ lửng phía trên đầm nước, ông không nghĩ ra được chỗ nào khác phù hợp hơn là chính cái bảo tàng siêu hiện đại này để làm nơi tổ chức một sự kiện được khởi xướng bởi một người yêu nghệ thuật và đổi mới, cũng như hình dung về tương lai một cách rõ ràng đến vậy.

Lúc này, khi đi qua màn sương, Langdon chú tâm đến lối vào bảo tàng - một chỗ trống đen ngòm đầy hăm dọa trên tòa công trình không mấy thân thiện. Lúc đến gần ngưỡng cửa, Langdon có cảm giác khó chịu rằng ông đang bước vào miệng một con rồng.

CHƯƠNG 2

Đô đốc hải quân Luis Ávila ngồi trên một chiếc ghế đầu quầy bar bên trong một quán rượu vắng vẻ tại một thành phố xa lạ. Ông ta mệt lử sau chuyến đi và chỉ vừa mới bay đến thành phố này vì một nhiệm vụ đầy ông ta đi xa cả nghìn dặm đường trong mười hai tiếng đồng hồ. Ông ta nhấp một ngụm nước khoáng pha vị ki nín từ cốc thứ hai của mình và trân trân nhìn dãy chai lọ nhiều màu sắc phía sau quầy bar.

Người nào cũng có thể tỉnh táo trong hoang mạc, ông ta suy tưởng, nhưng chỉ kẻ trung kiên mới có thể ngồi trong ốc đảo mà không hề hé môi.

Ávila không hề hé môi vì những thứ xấu xa suốt gần một năm. Khi ông ta để mắt đến bóng mình trong quầy bar lấp gương, ông ta mới cho phép bản thân có một khoảnh khắc hiếm hoi hài lòng với hình ảnh đang nhìn lại mình.

Ávila là một trong số những người đàn ông Địa Trung Hải may mắn mà tuổi già dường như là một tài sản hơn là một nguy cơ. Trải qua năm tháng, đám râu lởm chởm đen sì cứng quèo của ông ta đã mềm đi thành hàm râu muối tiêu rất lịch lãm, đôi mắt đen bừng bừng nhiệt huyết dịu xuống trạng thái tự tin điềm đạm và nước da bánh mật căng tràn giờ đây thấm đẫm nắng trời và đầy nếp nhăn, tạo cho ông ta khí phách của một người đàn ông vĩnh viễn hướng về phía biển khơi.

Thậm chí ở cái tuổi sáu mươi ba, cơ thể ông ta vẫn săn chắc, một thể lực rất ấn tượng được tôn thêm nhờ bộ đồng phục may đo. Lúc này, Ávila đang mặc trọn bộ đồ hải quân màu trắng - một bộ chế phục trông như của vua chúa gồm áo khoác cài chéo

màu trắng, huy hiệu cầu vai rộng bản màu đen, rất nhiều huân huy chương công trạng thật oai, áo sơ mi cổ đứng màu trắng hồ cứng, và quần lụa trắng viền.

Hạm đội Tây Ban Nha có thể không còn là lực lượng hải quân uy lực nhất trên Trái Đất này nữa, nhưng bọn ta vẫn biết cách ăn vận cho một sĩ quan.

Ngài đô đốc không khoác bộ đồng phục này đã nhiều năm rồi - nhưng đây là một buổi tối đặc biệt, và lúc trước, khi ông ta đi qua các con đường của thành phố xa lạ này, ông ta rất thích thú trước những ánh mắt tán thưởng của cánh phụ nữ cũng như sự lảng tránh của cánh đàn ông.

Tất cả mọi người đều nể trọng những người sống theo chuẩn mực.

“¿Otra tónica?” cô gái xinh xắn phục vụ quầy bar hỏi. Cô độ ba mươi, thân hình thon lẳn và có nụ cười vui vẻ.

Ávila lắc đầu. “No, *gracias*.”

Quán rượu này hoàn toàn vắng vẻ và Ávila cảm nhận được ánh mắt đầy ngưỡng mộ của cô gái dành cho mình. Thật tuyệt khi lại được nhìn ngắm. *Mình vừa từ vực thẳm trở về.*

Cái sự kiện khủng khiếp đã hủy hoại cuộc đời Ávila năm năm về trước sẽ mãi lớn vồn trong các hốc tâm trí của ông ta - một khoảnh khắc đình tai nhức óc duy nhất lúc Trái Đất bật tung và nuốt chửng ông ta.

Nhà thờ chính tòa Seville.

Buổi sáng Phục sinh.

Ánh Mặt trời vùng Andalusia tuôn trào qua lớp kính màu, hắt những mảng màu sắc muôn hình vạn trạng rực rỡ khắp không gian nội thất đá của nhà thờ. Cây đàn ống ồ ồ giai điệu tưng ca hân hoan trong khi cả nghìn tín đồ kỷ niệm phép màu

hồi sinh.

Ávila quỳ ngay chỗ rào chắn sát ban thờ, tim căng tràn cảm xúc biết ơn.

Sau một đời phục vụ trên biển khơi, ông ta may mắn nhận món quà lớn nhất từ Chúa - một mái ấm gia đình. Cười rất tươi, Ávila ngoảnh lại liếc nhìn cô vợ trẻ, María, lúc này vẫn đang ngồi trên ghế dài, bụng chửa to nên không thể đi bộ hết chiều dài lối đi chính giữa hai hàng ghế. Bên cạnh nàng, cậu con trai ba tuổi của họ, Pepe, rối rít vầy vầy cha nó. Ávila nháy mắt với cậu bé và María mỉm cười triu mến với chồng.

Cảm ơn người, Thiên Chúa, Ávila nghĩ lúc quay lại phía hàng rào để đón ly rượu lễ.

Một lát sau, một tiếng nổ đinh tai nhức óc xé qua ngôi nhà thờ cổ kính.

Chỉ trong một chớp sáng lóe lên, toàn bộ thế giới của ông ta bùng lên thành lửa đỏ.

Sóng hơi xô mạnh Ávila vào hàng rào ngăn ban thờ, người ông ta bị đè bởi cả đồng ngọn ngọn nóng rát toàn những mảnh vỡ và các bộ phận cơ thể người. Lúc Ávila tỉnh lại, ông ta không tài nào thở nổi trong khói đặc quánh, và nhất thời, ông ta không có ý niệm gì về việc mình đang ở đâu hay chuyện gì vừa xảy ra.

Thế rồi, át tiếng ong ong trong tai, ông ta nghe thấy những tiếng kêu thét đau đớn. Ávila gượng đứng lên, hãi hùng nhận ra mình đang ở đâu. Ông ta tự nhủ đây chỉ là một giấc mơ khủng khiếp. Ông ta lao đảo đi ngược trở lại qua tòa nhà thờ mù mịt khói leo qua những nạn nhân bị thương đang rên rỉ, tuyệt vọng loạng choạng tiến về khu vực ánh chùng là nơi vợ và con trai mình vẫn đang mỉm cười chỉ một lúc trước đó.

Chẳng còn gì ở đó.

Không ghế. Không người.

Chỉ có những mảnh vỡ máu me trên nền đá ám đen.

Rất may cái ký ức kinh khủng ấy bị đánh tan bởi tiếng chuông chói tai của cánh cửa quầy bar. Ávila vớ lấy cốc tónica của mình và hớp nhanh một ngụm, lắc đầu xua đi cái cảnh tượng đen tối như ông ta vẫn buộc phải làm vậy rất nhiều lần trước đó.

Cánh cửa quầy bar bung mở, Ávila ngoảnh nhìn hai người đàn ông lực lưỡng ngả nghiêng bước vào. Họ đang ư ử lạc điệu một bài chiến ca Ireland và khoác trên người những chiếc áo nịt len chơi bóng đá màu lục căng ra để che mấy cái bụng. Rõ ràng, trận đấu chiều nay diễn tiến theo chiều hướng của đội khách Ireland.

Ta sẽ lấy đó làm ám hiệu cho mình, Ávila nghĩ rồi đứng lên. Ông ta gọi tính tiền, nhưng cô gái phục vụ nháy mắt và phẩy tay. Ávila cảm ơn nàng và quay đi.

“Ôi trời ơi!” một trong hai người mới đến ré lên, trân trân nhìn bộ đồng phục trang trọng của Ávila. “Đúng là Đức vua Tây Ban Nha!”

Cả hai người cùng phá lên cười, lão đảo tiến lại phía ông ta.

Ávila cố bước vòng qua họ và bỏ đi, nhưng gã đàn ông to con hơn thô bạo túm lấy cánh tay ông ta và kéo ông ta trở lại một chiếc ghế đầu quầy bar. “Khoan đã nào, Đức ngài! Chúng tôi đã đi cả chặng đường tới Tây Ban Nha, chúng tôi phải làm một vai với Đức vua chứ!”

Ávila nhìn bàn tay dơ dáy của gã đàn ông đặt trên ống tay áo mới là của mình. “Buông ra đi,” ông ta nói khế. “Tôi cần phải đi.”

“Không được... ngài cần ở lại uống bia, ông bạn.” Gã đàn ông siết chặt nắm tay trong khi bạn của gã bắt đầu dùng một ngón tay bắn thủ hấy hấy những chiếc huy chương trên ngực áo Ávila. “Trông có vẻ ngài là một anh hùng đây, ông già.” Gã đàn ông giật mạnh một trong những chiếc huy chương danh giá nhất của Ávila. “Một cái quyền trượng trung cổ à? Vậy thì lão hiệp sĩ trong bộ giáp bóng bẩy đây à?!” Gã cười hô hố.

Tha thứ, Ávila tự nhắc mình. Ông ta đã từng gặp vô khối gã đàn ông như đám này - những sinh linh thống khổ, đầu óc giản đơn, chẳng bao giờ vì cái gì cả, những con người mù quáng lạm dụng các quyền tự do mà những người khác tranh đấu để dành cho họ.

“Thực ra thì,” Ávila nhẹ nhàng trả lời, “cái quyền trượng là biểu tượng cho Đơn vị Đặc nhiệm của Hải quân Tây Ban Nha.”

“Đặc nhiệm à?” Gã đàn ông vờ run rẩy sợ hãi. “Ấn tượng đây. Thế còn cái biểu tượng kia?” Gã chỉ vào tay phải Ávila.

Ávila liếc xuống bàn tay mình. Ở chính giữa phần thịt mềm hằn lên một hình xăm màu đen - một biểu tượng có từ thế kỷ XIV. □

Dấu hiệu này là giấy thông hành của ta, Ávila nghĩ, mắt nhìn biểu tượng. Dù ta sẽ không cần đến nó.

“Bỏ qua đi,” gã lưu manh nói, cuối cùng cũng buông cánh tay Ávila và hướng sự chú ý tới cô gái phục vụ. “Cô em xinh xắn đây” gã nói. “Em là gái Tây Ban Nha một trăm phần trăm à?”

“Phải”, Cô gái hòa nhã trả lời.

“Em không có một chút Ireland trong người sao?”

“Không.”

“Em có thích một chút không?” Gã đàn ông cười ngặt nghèo đầy kích động và đám mạnh lên quầy bar.

“Để cô ấy yên đi,” Ávila ra lệnh.

Gã đàn ông xoay người, trừng trừng nhìn ông ta.

Gã lưu manh thứ hai xĩa mạnh vào ngực Ávila “Lão đang dạy chúng tôi làm gì đây à?”

Ávila hít một hơi thật sâu, cảm thấy mỗi một sau chuyển đi dài ngày hôm nay và ông ta làm hiệu về phía quầy bar. “Các quý ông hãy ngồi xuống nào. Tôi sẽ đãi các anh bia.”

Mình rất vui vì ông ấy ở lại, cô gái phục vụ thầm nghĩ. Mặc dù nàng có thể tự lo cho mình nhưng chứng kiến cái cách viên sĩ quan này bình tĩnh xử lý hai gã cục súc kia khiến cho nàng thấy rất phục và hy vọng ông ta có thể ở lại cho tới lúc đóng cửa.

Viên sĩ quan gọi hai bia và một cốc nước khoáng nữa cho mình rồi ngồi xuống đúng chỗ cũ bên quầy bar. Hai gã cổ động viên bóng đá du côn ngồi hai bên ông ta.

“Nước khoáng à?” một gã chế giễu. “Tôi cứ nghĩ chúng ta đang uống cùng nhau cơ đấy.”

Viên sĩ quan mỉm cười mỗi một nhìn cô gái phục vụ và uống hết cốc nước của mình.

“Tôi e rằng mình có cuộc hẹn,” viên sĩ quan đứng lên nói. “Nhưng cứ thưởng thức bia của các anh đi.”

Lúc ông ta đứng lên, cả hai gã đàn ông, như đã diễn tập trước, cùng đập bàn tay thô ráp của họ lên vai ông ta và ấn ông ta ngồi xuống ghế. Một thoáng tức giận vụt qua ánh mắt viên sĩ quan và rồi tan biến.

“Kìa ông già, tôi không nghĩ ông muốn để chúng tôi một mình ở lại đây cùng với bạn gái của ông đâu.” Gã du côn nhìn cô gái và làm động tác tởm lợm gì đó bằng lưỡi.

Viên sĩ quan ngồi yên lặng một lúc lâu, và rồi thọc tay vào túi áo khoác.

Cả hai gã tóm lấy ông ta. “Ấy này! Lão làm gì thế?!”

Rất chậm rãi, viên sĩ quan rút ra một chiếc điện thoại di động và nói gì đó với hai gã bằng tiếng Tây Ban Nha. Họ trân trối nhìn ông ta không hiểu gì cả và ông ta chuyển sang tiếng Anh. “Tôi xin lỗi, chỉ là tôi cần gọi cho vợ và bảo mẹ ấy tôi sẽ về muộn thôi mà. Xem ra tôi sẽ ở đây một lúc rồi.”

“Giờ là lão nói đây nhé, ông bạn!” gã to con hơn nói, nốc cạn vại bia và nện mạnh cốc xuống quầy. Thêm vại nữa!

Trong khi cô gái phục vụ rót đầy cốc cho hai gã du côn, cô nhìn qua gương thấy viên sĩ quan bấm vài phím trên điện thoại rồi áp máy vào tai.

Cuộc gọi thông và ông ta nói nhanh bằng tiếng Tây Ban Nha.

“*Le llamo desde el bar Molly Malone,*” viên sĩ quan nói, đọc rõ tên quán rượu và địa chỉ trên miếng lót cốc trước mặt. “*Calle Particular de Estraunza, ocho.*” Ông ta đợi một lúc rồi tiếp tục. “*Necesitamos ayuda inmediatamente. Hay dos hombres heridos.*” Rồi ông ta tắt máy.

¿*Dos hombres heridos*? Mạch đập của cô gái rộn lên. Hai người bị thương ư?

Cô chưa kịp phân tích nghĩa câu nói của ông ta thì thấy một bóng trắng loáng lên và viên sĩ quan xoay sang phải, táng mạnh cùi chỏ lên trúng mũi gã to con kèm tiếng lạo xạo rợn người. Gương mặt gã đàn ông chuyển đỏ và gã ngã ngửa. Gã đàn ông thứ hai chưa kịp phản ứng thì viên sĩ quan lại xoay người, lần này sang bên trái, cùi chỏ kia thúc mạnh vào khí quản gã đàn ông khiến gã ngã nhào khỏi ghế.

Cô gái phục vụ sững sờ, trân trối nhìn hai gã đàn ông trên

sàn, một đang rú lên đau đớn, gã kia thở hổn hển và ôm chặt lấy hòng.

Viên sĩ quan chậm rãi đứng lên. Với vẻ bình tĩnh kỳ lạ, ông ta móc ví và đặt tờ một trăm euro lên quầy.

“Cho tôi xin lỗi,” ông ta nói bằng tiếng Tây Ban Nha. “Cảnh sát sẽ đến đây ngay để giúp cô.”

Rồi ông ta quay người và bỏ đi.

Bên ngoài, Đô đốc Ávila hít lấy không khí buổi đêm và bước đi dọc theo Trung tâm mua sắm Mazarredo về phía bờ sông. Tiếng còi cảnh sát tiến lại gần, ông ta lẩn vào chỗ tối để nhà chức trách đi qua. Còn công việc quan trọng phải làm và tối nay Ávila không thể lo thêm những chuyện phức tạp nữa.

Nhiếp chính vương đã nêu rõ nhiệm vụ tối nay.

Với Ávila, tiếp nhận mệnh lệnh từ Nhiếp chính vương là việc hết sức bình thản.

Không cần quyết định. Không có tội. Chỉ hành động. Sau cả một sự nghiệp chuyên đưa ra các lệnh chỉ huy, quả là nhẹ nhàng khi nhường lại bánh lái và để những người khác chèo lái con tàu này.

Trong cuộc chiến này, ta là một người bộ binh.

Chỉ vài ngày trước, Nhiếp chính vương cho ông ta biết một bí mật đáng ngại đến mức Ávila thấy không còn lựa chọn nào khác ngoài việc dâng trọn bản thân cho sự nghiệp này.

Tính chất tàn bạo của nhiệm vụ tối qua vẫn còn ám ảnh ông ta, nhưng ông ta biết những hành động của mình sẽ được tha thứ.

Sự đoan chính tồn tại dưới nhiều hình thức.

Và sẽ còn nhiều người chết trước khi đêm nay kết thúc.

Lúc Ávila xuất hiện tại một quảng trường bên bờ sông, ông ta

ngước mắt nhìn cái công trình đồ sộ trước mặt. Đó là một khối nhấp nhô các hình dạng vô lý được ốp bằng gạch kim loại - như thể cả hai nghìn năm tiến bộ về kiến trúc đã bị vượt qua cửa sổ để có được sự hỗn độn hoàn toàn.

Có người gọi đây là một bảo tàng. Ta gọi nó là một thứ quái dị.

Cố tập trung suy nghĩ, Ávila băng qua quảng trường, vòng vèo qua một loạt tượng điêu khắc rất kỳ quái đặt bên ngoài Bảo tàng Guggenheim ở Bilbao. Lúc tiến tới gần tòa nhà, ông ta nhìn thấy hàng chục vị khách đang hòa với nhau trong những bộ trang phục đen và trắng đẹp nhất của họ.

Những đám vô thần tụ tập với nhau.

Nhưng tối nay sẽ không như bất kỳ ai trong bọn họ hình dung.

Ông ta nắn thẳng lại chiếc mũ đô đốc và vuốt phẳng áo khoác, củng cố tinh thần mình cho nhiệm vụ đang nằm phía trước. Tối nay là một phần của một nhiệm vụ còn lớn hơn nhiều - một cuộc thập tự chinh của sự chân chính.

Khi Ávila băng qua khoảng sân tiến về phía lối vào bảo tàng, ông ta nhẹ nhàng chạm tay vào chuỗi hạt trong túi mình.

CHƯƠNG 3

Tiền sảnh bảo tàng có cảm giác như một nhà thờ chính tòa trong tương lai. Lúc Langdon bước vào trong, ánh mắt ông lập tức hướng lên trời, leo theo một dãy cột đồ sộ màu trắng chạy dọc một vách kính cao ngất, cao hơn sáu mươi mét lên đến tận vòm trần, nơi những chiếc đèn rọi halogen tỏa ra thứ ánh sáng trắng tinh khiết. Treo lơ lửng trong không trung là một mạng lưới lõi đi hẹp và ban công giăng ngang khoảng không, lác đác trên đó là những vị khách mặc đồ đen và trắng di chuyển ra vào các phòng trưng bày trên gác và đứng bên những ô cửa sổ trên cao, chiêm ngưỡng đầm nước phía dưới. Gần đó, một chiếc thang máy bằng kính lạng lẽ trượt dọc theo tường, đáp xuống mặt đất để đón thêm khách khứa.

Trông không giống bảo tàng nào Langdon từng tới xem. Ngay cả âm thanh cũng có cảm giác rất lạ lẫm. Thay vì truyền thống tôn trọng sự yên tĩnh bằng khâu hoàn thiện triệt âm, nơi này lại náo nhiệt với những giọng nói lầm rầm vang vọng dội lại từ đá và kính. Với Langdon, cái cảm giác quen thuộc duy nhất là dư vị khô khốc ở cuống lưỡi mình, không khí bảo tàng trên khắp thế giới đều như nhau - được lọc rất kỹ tất cả các hạt cùng các chất ô xy hóa và sau đó được làm ẩm bằng nước ion hóa tới độ ẩm bốn mươi lăm phần trăm.

Langdon đi qua một loạt chốt an ninh chặt chẽ đến ngạc nhiên, nhận ra có rất nhiều bảo vệ có vũ trang và cuối cùng đứng bên một chiếc bàn làm thủ tục khác. Một thiếu nữ trao cho ông chiếc tai nghe.

“Audioguía?”

Langdon mỉm cười. “Không, cảm ơn cô.”

Nhưng khi ông lại gần chiếc bàn, cô gái chặn ông lại, chuyển sang nói tiếng Anh cực chuẩn. “Xin lỗi, thưa ngài, nhưng vị chủ nhà của chúng ta tối nay, ngài Edmond Kirsch, đã yêu cầu tất cả mọi người đều phải đeo tai nghe. Việc đó là một phần trong trải nghiệm tối nay.”

“Ồ, dĩ nhiên rồi, vậy tôi sẽ lấy một chiếc.”

Langdon với lấy một chiếc tai nghe, nhưng cô gái xua tay, đổi chiếc thẻ ghi tên ông với bản danh sách quan khách dài dằng dặc, rồi trao cho ông một chiếc tai nghe có số hiệu khớp với tên của ông. “Hành trình tối nay được thiết kế riêng cho từng vị khách một.”

Thật sao? Langdon nhìn quanh. Có đến cả *mấy trăm* khách *khứa*.

Langdon nhìn chiếc tai nghe, không có gì hơn ngoài một cái vòng kim loại thanh thoát với mấy miếng mút nhỏ xíu ở mỗi đầu. Có lẽ nhìn thấy vẻ mặt bối rối của ông, cô gái bước tới để hỗ trợ.

“Đây là đồ rất mới,” cô nói, giúp ông đeo thiết bị lên. “Mấy miếng mút biến năng không để nhét vào *bên trong* tai ngài, mà đặt lên mặt ngài cơ.” Cô chỉnh cái vòng ra phía sau đầu ông và đặt mấy miếng mút kẹp nhẹ lên mặt ông, ngay phía trên xương hàm và dưới thái dương.

“Nhưng làm cách nào...”

“Công nghệ truyền dẫn xương. Các thiết bị biến năng đưa âm thanh trực tiếp vào xương hàm của ngài, cho phép âm thanh vào thẳng óc tai ngài. Tôi đã thử rồi, và thật sự rất tuyệt vời – giống như có giọng nói ngay trong đầu ngài vậy. Hơn nữa, nó giúp tai ngài được tự do để nghe các cuộc trò chuyện bên

ngoài.”

“Rất thông minh.”

“Công nghệ này do ngài Kirsch phát minh hơn 10 năm trước. Giờ nó khá sẵn trong rất nhiều thương hiệu tai nghe tiêu dùng.”

Mình hy vọng Ludwig van Beethoven bỏ qua, Langdon nghĩ bụng, cảm thấy khá chắc chắn rằng người sáng chế nguyên khai ra công nghệ truyền dẫn xương chính là nhà soạn nhạc thế kỷ XVIII, mà do bị điếc nên đã phát hiện ra ông có thể gắn một cần kim loại vào đàn dương cầm của mình và cắn chặt lấy nó trong lúc chơi đàn, giúp ông nghe được rất rõ ràng thông qua độ rung động ở xương hàm.

“Chúng tôi hy vọng ngài thích trải nghiệm chuyến tham quan của mình,” cô gái nói. “Ngài có khoảng một giờ trước màn thuyết trình để khám phá bảo tàng. Hướng dẫn âm thanh của ngài sẽ thông báo với ngài khi đến giờ lên gác tới thính phòng.”

“Cảm ơn cô. Tôi có cần lưu ý gì để...”

“Không ạ, thiết bị này tự kích hoạt. Chuyến tham quan có hướng dẫn của ngài sẽ bắt đầu ngay khi ngài di chuyển.”

“À vâng, dĩ nhiên rồi,” Langdon mỉm cười nói. Ông bỏ ra ngoài, băng qua tiền sảnh, tiến về phía mấy vị khách đứng rải rác, tất cả đều đang đợi thang máy và đeo chiếc tai nghe giống hệt dính chặt lấy xương hàm.

Chỉ mới đi được nửa tiền sảnh, ông nghe thấy một giọng nam vang lên trong đầu. “Chúc một buổi tối tốt lành và xin chào mừng tới bảo tàng Guggenheim ở Bilbao.”

Langdon biết đó là chiếc tai nghe của mình, nhưng ông vẫn dừng lại một chút và nhìn về phía sau. Hiệu ứng thật đáng kinh ngạc - đúng hệt như cô gái đã mô tả - giống như có một người ngay bên trong đầu bạn vậy.

“Gửi lời chào mừng chân thành nhất tới ngài, thưa Giáo sư Langdon.” Giọng nói rất thân thiện và nhẹ nhàng, bằng chất giọng Anh lịch sự. “Tên tôi là Winston và tôi rất vinh hạnh được làm hướng dẫn viên của ngài tôi hôm nay.”

Họ mượn ai ghi âm giọng này nhỉ - Hugh Grant* à?

“Tối nay,” giọng nói vui vẻ tiếp tục, “ngài có thể thoải mái phiêu du tùy ý, tới bất kỳ chỗ nào ngài thích và tôi sẽ cố gắng cung cấp thông tin cho ngài liên quan đến những gì ngài sẽ xem.

Rõ ràng, ngoài một nhân vật kể chuyện vui tính, những đoạn ghi âm riêng cho từng người và công nghệ truyền dẫn xương, mỗi chiếc tai nghe đều được trang bị GPS để nhận biết chính xác vị trí mà vị khách đang đứng trong bảo tàng và nhờ đó xác định được nội dung dẫn giải cần đưa ra.

“Thưa ngài,” giọng nói tiếp tục, “tôi nhận ra rằng là một giáo sư nghệ thuật, ngài là một trong những vị khách hiểu biết hơn hẳn, và vì thế có lẽ ngài sẽ ít cần thông tin của tôi. Tệ hơn nữa, rất có thể ngài sẽ hoàn toàn không đồng ý với phân tích của tôi về một số tác phẩm nhất định!” Giọng nói phát ra tiếng cười ngượng ngịu.

Nghiêm túc đây à? Ai viết phần lời này không biết? Phải thừa nhận là giọng điệu vui vẻ và cách phục vụ riêng từng người là một điểm rất hấp dẫn, nhưng Langdon không hình dung nổi mức độ công sức phải bỏ ra để thiết kế riêng hàng trăm chiếc tai nghe.

Thật mừng, lúc này giọng nói im bặt, như thể nó đã mệt lử vì phần trò chuyện chào mừng đã được lập trình trước.

Langdon nhìn qua tiền sảnh tới một tấm bảng tròn đỏ rất lớn nữa treo phía trên đám đông.

EDMOND KIRSCH
TỐI NAY CHÚNG TA TIẾN TỚI

Edmond định tuyên bố chuyện quái gì không biết?

Langdon hướng ánh mắt về phía khu cầu thang máy, nơi một đám khách khứa đang nói chuyện phiếm, trong đó có hai nhà sáng lập nổi tiếng của hai công ty Internet toàn cầu, một diễn viên Ấn Độ có tiếng và mấy vị khách VIP ăn vận rất bảnh bảnh mà Langdon cảm thấy có lẽ ông nên biết nhưng lại không hề biết. Cảm thấy mình vừa không thích vừa thiếu sự chuẩn bị để trò chuyện về các chủ đề truyền thông xã hội và Bollywood, Langdon di chuyển theo hướng ngược lại, vắn vớ tiến về phía một tác phẩm nghệ thuật hiện đại khá lớn đứng dựa vào bức tường phía xa.

Tác phẩm nép mình trong một hốc tối và gồm chín chiếc băng chuyền hẹp nổi lên từ các rãnh trên sàn nhà rồi chạy hướng lên trên, mất hút vào những khe hở trên trần. Tác phẩm này trông giống chín lối đi bộ đang chuyển động, chạy trên một mặt phẳng dựng đứng. Mỗi băng chuyền đều mang một thông điệp được chiếu sáng, cuộn ngược lên trời.

Ta cầu nguyện thật to...

Ta gửi thấy người trên da thịt mình...

Ta gọi tên người.

Nhưng lúc Langdon lại gần hơn, ông nhận ra rằng những băng chuyền đang chuyển động kia thực tế vẫn đứng yên; cái ảo giác chuyển động có được là nhờ “lớp da” ánh đèn LED nhỏ xíu bố trí trên mỗi thanh rầm dựng đứng. Các bóng đèn sáng lên theo một trình tự rất nhanh để tạo thành các từ ngữ hiện trên nền nhà, rồi chạy ngược lên thanh rầm và biến mất trên trần

nhà.

Ta gào thét...

Có máu...

Chẳng ai nói với ta.

Langdon bước tới và vòng quanh những thanh rầm dựng đứng, để cảm nhận toàn bộ.

“Đây là một tác phẩm rất kích thích,” anh chàng hướng dẫn viên âm thanh đột ngột lên tiếng trở lại. “Nó được gọi là Tác phẩm lắp đặt cho Bilbao và do nghệ sĩ nghệ thuật ý tưởng Jenny Holzer sáng tạo ra. Nó gồm chín bảng hiệu đèn LED, mỗi bảng cao đến hơn mười hai mét, truyền phát những trích dẫn bằng tiếng Basque*, Tây Ban Nha và tiếng Anh - tất cả đều liên quan đến những điều đáng sợ về bệnh AIDS và nỗi đau đớn mà những người bị vứt bỏ phải chịu đựng.

Langdon phải thừa nhận hiệu ứng này rất có sức mê hoặc và có phần thương tâm.

“Có lẽ trước đây ngài đã từng thấy tác phẩm của Jenny Holzer phải không?”

Langdon cảm thấy như bị thôi miên bởi nội dung chạy ngược lên trên.

Ta chôn vùi đầu ta...

Ta chôn vùi đầu người...

Ta chôn vùi người.

“Ngài Langdon?” giọng nói trong đầu ông vang lên. “Ngài có nghe tôi nói không? Tai nghe của ngài có hoạt động không?”

Langdon sức tỉnh khỏi dòng suy nghĩ. “Tôi xin lỗi... sao cơ? Xin chào?”

“Vâng, xin chào,” giọng nói trả lời. “Tôi tin chúng ta đã chào hỏi nhau rồi nhỉ? Tôi chỉ kiểm tra xem liệu ngài có nghe thấy tôi không thôi?”

“Tôi... tôi xin lỗi,” Langdon đáp ứng, xoay đi khỏi màn trình diễn và phóng nhìn qua tiền sảnh. “Tôi cứ nghĩ anh chỉ là một phần ghi âm thôi! Tôi không nhận ra mình có hẳn một người hướng dẫn thật trên đường đây.” Langdon hình dung ra một căn phòng vuông vức với một đội quân quản trị viên trang bị toàn tai nghe và những cuốn danh mục bảo tàng.

“Không sao, thưa ngài. Tôi sẽ là hướng dẫn viên riêng của ngài trong buổi tối này. Tai nghe của ngài có microphone gắn trên đó đây. Chương trình này có mục đích như một trải nghiệm tương tác trong đó ngài và tôi có thể trò chuyện về nghệ thuật.”

Giờ Langdon hiểu rằng những vị khách khác cũng đang nói qua tai nghe của họ. Ngay cả những người đi thành đôi có vẻ cũng đã bị tách nhau một chút, và đang trao đổi với nhau về mặt đầy kinh ngạc khi họ tiếp tục những cuộc trò chuyện riêng tư với những hướng dẫn viên riêng của mình.

“Mọi khách khứa ở đây đều có hướng dẫn viên riêng à?”

“Vâng, thưa ngài. Tối nay, chúng tôi hướng dẫn riêng cho ba trăm mười tám vị khách.”

“Thật đáng nể.”

“Chà, ngài biết đấy, Edmond Kirsch là người vô cùng đam mê nghệ thuật và công nghệ. Ông ấy thiết kế riêng hệ thống này cho các bảo tàng, với hy vọng thay thế cho các tour theo nhóm mà ông ấy rất ghét. Với cách này, từng vị khách đều có thể thưởng thức hành trình riêng, di chuyển theo tốc độ của riêng mình, đặt câu hỏi mà họ có thể thấy lúng túng nếu nêu ra khi đi

theo nhóm. Nó thật sự thân tình và chuyên tâm hơn rất nhiều.”

“Không có ý tỏ ra lạc hậu, nhưng tại sao lại không dẫn riêng từng người chúng tôi đi một lượt?”

“Rất có lý,” người đàn ông trả lời. “Thêm các hướng dẫn viên riêng cho một sự kiện bảo tàng thực sự sẽ tăng gấp đôi số người tại hiện trường và cần thiết phải giảm một nửa số lượng khách khứa. Hơn nữa, tập âm của tất cả các hướng dẫn viên diễn thuyết cùng một lúc sẽ rất gây phân tâm. Ý tưởng ở đây là làm cho phần thảo luận thành một trải nghiệm liền mạch. Một trong những mục tiêu của nghệ thuật, như ông Kirsch vẫn luôn nói, là thúc đẩy đối thoại.”

“Tôi hoàn toàn đồng ý,” Langdon đáp, “và đó là lý do mọi người thường tới thăm các bảo tàng cùng người yêu hoặc bạn bè. Những chiếc tai nghe này có thể được coi là góp phần làm mọi người xa cách.”

“Chà,” chất giọng người Anh trả lời, “nếu ngài đi cùng người yêu hoặc bạn bè, ngài có thể chỉ định cho tất cả mọi người loại tai nghe chỉ với một hướng dẫn viên duy nhất và thưởng thức màn thảo luận nhóm. Phần mềm thật sự khá tiên tiến.”

“Có vẻ anh có câu trả lời cho mọi việc.”

“Thực tế, đó là công việc của tôi mà.” Hướng dẫn viên bật ra tiếng cười lóng ngóng và đột ngột chuyển đề tài. “Bây giờ, thưa Giáo sư, nếu ngài đi qua tiền sảnh về phía cửa sổ, ngài sẽ thấy bức tranh lớn nhất của bảo tàng.”

Lúc Langdon bắt đầu bước qua tiền sảnh, ông đi qua một cặp đôi khoảng ba mươi tuổi trông rất gợi cảm cùng đội mũ lưỡi trai chơi bóng chày màu trắng giống nhau. Phần trước cả hai cái mũ, thay vì trang trí một biểu trưng công ty, lại là một biểu tượng gây ngạc nhiên. □

Đó là một biểu tượng Langdon biết rất rõ, nhưng ông chưa bao giờ thấy nó trên mũ lưỡi trai cả. Những năm gần đây, chữ cái A cách điệu rất nhiều này trở thành một biểu tượng phổ biến cho một trong những nhóm người gia tăng nhanh nhất và có tiếng nói ngày càng tăng trên hành tinh này - những người vô thần - những người bắt đầu lên tiếng mạnh mẽ hơn mỗi ngày nhằm phản đối những gì họ xem là những hiểm họa của niềm tin tôn giáo.

Những người vô thần giờ đã có mũ lưỡi trai riêng của họ rồi ư?

Khi quan sát tập hợp toàn những thiên tài đam mê công nghệ láo nháo quanh mình, Langdon tự nhủ rằng nhiều người trong số những bộ óc trẻ trung giỏi phân tích này có lẽ rất bài tôn giáo, giống như Edmond vậy.

Cử tọa tối nay đích xác không phải là “đám đông sân nhà” với một giáo sư biểu tượng tôn giáo.

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

Cập nhật: Có thể xem “Top 10 bản tin truyền thông trong ngày” của ConspiracyNet bằng cách bấm vào đây. Chúng tôi cũng có một bản tin rất mới vừa được công bố!

EDMOND KIRSCH TUYÊN BỐ GÂY NGẠC NHIÊN?

Tối nay, những ông lớn công nghệ đổ về Bilbao, Tây Ban Nha, để tham dự một sự kiện VIP do nhà vị lai chủ nghĩa Edmond Kirsch chủ trì tại Bảo tàng Guggenheim. An ninh thật chặt nghiêm ngặt và khách khứa không được thông báo mục đích của sự kiện, nhưng ConspiracyNet đã nhận được một mẩu tin từ một nguồn bên trong gợi ý rằng Edmond Kirsch sắp phát biểu và có kế hoạch gây ngạc nhiên cho khách khứa của mình bằng một tuyên bố khoa học lớn. ConspiracyNet sẽ tiếp tục theo dõi câu chuyện này và cung cấp tin tức ngay khi chúng tôi nhận được.

CHƯƠNG 5

Giáo đường Do Thái lớn nhất châu Âu nằm tại Budapest trên Phố Dohány. Được xây dựng theo phong cách Moor với cặp tháp nhọn đồ sộ, giáo đường có đủ chỗ cho hơn ba nghìn tín đồ - với những hàng ghế dài dưới nhà cho nam giới và các ghế băng trên ban công cho phụ nữ.

Ngoài vườn, có một hồ chôn tập thể là nơi mai táng xác của những người Do Thái Hungary đã chết trong những sự kiện kinh khủng thời Đức Quốc xã chiếm đóng. Nơi này được đánh dấu bằng một Cây Sự sống - một tác phẩm điêu khắc bằng kim loại mô tả một cây liễu rủ với mỗi nhánh lá có khắc tên một nạn nhân. Khi có gió thổi, những nhánh lá kim loại lanh canh va vào nhau, vang lên thứ tiếng vọng rất kỳ quái phía trên vùng đất thánh thiêng.

Suốt hơn ba thập niên, vị thủ lĩnh tinh thần của Đại Giáo đường là học giả giáo luật kiêm thầy bí thuật rất xuất chúng - Giáo trưởng Yehuda Köves - người mà, mặc dù tuổi tác đã cao và sức khỏe yếu, vẫn là một thành viên tích cực của cộng đồng Do Thái ở cả Hungary và trên thế giới.

Lúc mặt trời lặn bên kia dòng Danube, Giáo trưởng Köves rời giáo đường. Ông băng qua các gian hàng và “những quầy rượu đồ nát” bí ẩn của Phố Dohány trên đường trở về nhà mình chỗ Quảng trường Marcius 15, chỉ cách Cầu Elisabeth một tầm ném đá, công trình kết nối hai thành phố cổ Buda và Pest, được chính thức hợp nhất năm 1873.

Kỳ lễ Quá hải đang đến rất gần - bình thường đây vẫn là một trong những khoảng thời gian vui vẻ nhất trong năm của Köves

– thế nhưng, kể từ lúc từ Nghị viện các Tôn giáo Thế giới trở về tuần trước, ông chỉ cảm thấy một sự lo lắng vô tận.

Ước gì ta không bao giờ tham dự.

Buổi gặp gỡ đặc biệt với Giám mục Valdespino, Allamah Syed al-Fadl và nhà vị lai chủ nghĩa Edmond Kirsch đã ám ảnh suy nghĩ của Köves suốt ba ngày liền.

Giờ đây, lúc Köves về đến nhà, ông sải bước thẳng ra khu vườn trong sân và mở khóa căn *házikó* - căn nhà gỗ nhỏ dùng làm điện thờ và phòng làm việc riêng của ông.

Căn nhà gỗ là một gian phòng duy nhất với những giá sách cao vông xuống dưới sức nặng của những bộ sách tôn giáo. Köves sải bước tới bên bàn làm việc và ngồi xuống, cau mày nhìn mớ lộn xộn trước mặt.

Nếu có bất kỳ ai nhìn thấy bàn của ta trong tuần này, họ sẽ nghĩ ta mất trí.

La liệt khắp mặt bàn, có đến nửa tá văn bản tôn giáo khó hiểu mở toang, có gắn những miếng dán ghi chú. Đằng sau đó, cũng mở toang trên những chiếc giá gỗ, là ba tập sách nặng trĩu - các bản tiếng Do Thái, tiếng Aramaic*, và cả bản tiếng Anh của bộ Ngũ thư* - tập nào cũng mở vào đúng một cuốn.

Sáng thế ký.

Lúc mở đầu...

Dĩ nhiên, bằng trí nhớ, Köves có thể trích dẫn Sáng thế ký bằng cả ba thứ ngôn ngữ; ông càng có khả năng đọc những dẫn giải học thuật về kinh điển Zohar hay còn gọi là luận thuyết vũ trụ học bí truyền cao cấp. Với một học giả có năng lực như Köves thì nghiên cứu Sáng thế ký chẳng khác gì Einstein quay lại nghiên cứu số học bậc tiểu học. Tuy nhiên, đó lại chính là những gì ngài giáo trưởng thực hiện trong tuần này, và tập giấy

ghi chép trên bàn ông xem ra đã nhằng nhịt những dòng ghi chú nguệch ngoạc viết vội, lộn xộn đến mức chính Köves cũng khó nhận ra.

Trông mình như đã hóa điên mất rồi.

Giáo trưởng Köves bắt đầu với Ngũ thư - câu chuyện Sáng thế ký mà cả người Do Thái và người Thiên Chúa giáo cùng chung nhau. Lúc mở đầu Chúa trời tạo ra Thiên đàng và Trái Đất. Tiếp đến, ông chuyển sang những văn bản chỉ dẫn về giáo luật Do Thái, đọc lại những chỗ giải thích của các bậc giáo trưởng về Ma'aseh Bereshit - Công việc Sáng tạo. Sau đó, ông lại nghiên cứu kỹ thuật giảng giải Kinh thánh Do Thái, nghiên ngẫm những dẫn giải của nhiều bậc trí giả khả kính, những người đã cố gắng giải thích những điểm mâu thuẫn dễ thấy trong câu chuyện Sáng tạo truyền thống. Cuối cùng, Köves vui mình trong khoa học bí truyền của kinh điển Zohar, trong đó vị Chúa trời bất khả tri thể hiện mười sephirot, hay phương diện, khác nhau bố trí dọc theo các mạch nguồn gọi là Cây Sự sống, từ đó trở ra bốn vũ trụ riêng biệt.

Tính chất phức tạp khó hiểu của các tín điều hình thành nên Do Thái giáo vốn lại luôn khiến Köves thấy dễ chịu - một lời nhắc nhở từ Chúa trời rằng ngài không có ý định để nhân loại hiểu tất cả mọi việc. Và lúc này đây, sau khi xem thuyết trình của Edmond Kirsch và suy ngẫm về sự đơn giản và rõ ràng trong những gì Kirsch phát hiện ra, Köves cảm thấy như thể mình đã bỏ ra ba ngày vừa qua chỉ để nghiên ngẫm một mớ những điều mâu thuẫn lỗi thời. Đã có lúc, tất cả những gì ông có thể làm là gạt bỏ những văn bản cổ của mình và đi bộ một quãng dài dọc sông Danube để tập trung suy nghĩ.

Cuối cùng, Giáo trưởng Köves cũng bắt đầu chấp nhận một sự thật đau đớn: Thực tế, công trình của Kirsch sẽ có những tác

động tai hại cho những sinh linh sùng đạo trên thế giới này. Khám phá của nhà khoa học này trái ngược rõ rệt gần như với tất cả những giáo điều tôn giáo đã từng được xác lập và cái điều ấy lại thể hiện một cách thuyết phục và đơn giản đến xót xa.

Ta không thể quên được hình ảnh cuối cùng ấy, Köves nghĩ, nhớ lại phần kết luận kinh khủng trong thuyết trình của Kirsch mà họ đã xem trên chiếc điện thoại quá khổ của Kirsch. Tin tức này sẽ tác động đến mọi con người - không chỉ những người mộ đạo.

Giờ đây, bất chấp mọi nghiền ngẫm của ông suốt vài ngày qua, Giáo trưởng Köves vẫn cảm thấy không tiến triển chút nào để biết cần phải làm gì với thông tin mà Kirsch cung cấp.

Ông ngờ rằng Valdespino và al-Fadl cũng chẳng thấy gì sáng tỏ hơn. Cả ba người đã liên lạc qua điện thoại hai ngày trước, nhưng cuộc trò chuyện không đem lại kết quả gì.

“Các bạn của tôi,” Valdespino mở lời. “Rõ ràng, thuyết trình của anh Kirsch rất đáng ngại... ở nhiều cấp độ. Tôi đã giục anh ta gọi và thảo luận thêm với tôi, nhưng anh ta im bặt. Giờ tôi tin chúng ta phải đưa ra một quyết định.”

“Tôi đã có quyết định của mình,” al-Fadl nói. “Chúng ta không thể ngồi yên. Chúng ta cần kiểm soát tình hình này. Ai cũng rõ là Kirsch rất coi thường tôn giáo và anh ta sẽ trình bày phát hiện của mình theo cách gây hại hết mức cho tương lai của niềm tin. Chúng ta phải chủ động thôi. Chúng ta phải đích thân công bố phát hiện của anh ta. Ngay lập tức. Chúng ta phải soi rọi nó bằng thứ ánh sáng phù hợp để làm nhẹ bớt tác động và khiến cho nó bớt hăm dọa các tín đồ trong thế giới tinh thần.”

“Tôi nhận ra là chúng ta thảo luận chuyện công bố,” Valdespino nói, “nhưng rất tiếc, tôi không sao hình dung được ta phải trình bày thông tin này mà không gây hăm dọa như thế nào.” Ông thở dài thườn thượt. “Lại còn vấn đề chúng ta đã thề

với Kirsch rằng chúng ta sẽ giữ bí mật cho anh ta.”

“Phải,” al-Fadl nói, “và tôi cũng thấy mâu thuẫn trong chuyện vi phạm lời thề ấy, nhưng tôi cảm thấy chúng ta phải chọn phương án bớt tệ hại hơn và hành động nhân danh điều tốt đẹp hơn. Tất cả chúng ta đều bị công kích – Hồi giáo, Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Ấn giáo, mọi tôn giáo - và cứ nghĩ đến những tín điều của chúng ta đều đồng quy trên những chân lý cơ bản mà Kirsch đang hủy hoại, chúng ta có nghĩa vụ nói ra vấn đề này theo cách không làm tổn hại các cộng đồng của mình.”

“Tôi e rằng không có cách nào làm được vậy,” Valdespino nói. “Nếu chúng ta có ý định công bố cái tin của Kirsch thì cách khả dĩ duy nhất là tạo ra nghi ngờ đối với phát hiện của anh ta – khiến anh ta mất uy tín trước khi anh ta có thể tiết lộ thông điệp của mình.”

“Edmond Kirsch ư?” al-Fadl băn khoăn. “Một nhà khoa học xuất chúng chưa bao giờ sai lầm về bất kỳ chuyện gì ư? Tất cả chúng ta đều có mặt trong cuộc gặp với Kirsch phải không? Phần thuyết trình của anh ta rất thuyết phục.”

Valdespino làu bàu. “Cũng chẳng thuyết phục hơn những thuyết trình của Galileo, Bruno hay Copernicus lúc sinh thời đâu. Các tôn giáo trước đây đều từng gặp khó khăn rồi. Lần này chỉ là khoa học đập cửa chúng ta một lần nữa thôi mà.”

“Nhưng lại ở một mức độ sâu hơn rất nhiều so với những phát hiện về vật lý và thiên văn!” al-Fadl kêu lên. “Kirsch đang thách thức điều cốt lõi - cái gốc rễ căn bản của mọi thứ chúng ta tin tưởng! Ngài có thể dẫn lại lịch sử tùy ý ngài, nhưng xin chớ quên, bất chấp những nỗ lực rất lớn của Vatican của ngài nhằm bắt những người như Galileo im lặng, rốt cuộc khoa học của ông ấy vẫn thắng thế. Và rồi Kirsch cũng sẽ vậy. Chẳng có cách

nào ngăn được chuyện này xảy ra đâu.”

Một sự im lặng hoàn toàn.

“Quan điểm của tôi về chuyện này rất đơn giản,” Valdespino nói. “Tôi ước gì Edmond Kirsch không có phát hiện này. Tôi sợ rằng chúng ta chưa sẵn sàng xử lý những phát hiện của anh ta. Và ưu tiên mạnh mẽ của tôi là thông tin này không bao giờ được nhìn thấy ánh sáng ban ngày.” Ông ngừng lại. “Đồng thời, tôi tin rằng những sự kiện trên thế giới của chúng ta đều diễn ra theo ý Chúa. Có lẽ bằng cách cầu nguyện, Chúa sẽ nói chuyện với Kirsch và thuyết phục anh ta cân nhắc lại chuyện công bố phát hiện của mình.”

Al-Fadl gi皱 cợt thấy rõ. “Tôi không nghĩ Kirsch là hạng người có khả năng nghe được tiếng nói của Chúa đâu.”

“Có lẽ là không,” Valdespino nói. “Nhưng phép màu vẫn xảy ra hằng ngày mà.”

Al-Fadl nơn nóng vặn lại. “Bằng tất cả sự kính trọng, trừ phi ngài cầu nguyện rằng Chúa đánh chết Kirsch trước khi anh ta có thể công bố...”

“Thưa các ngài!” Köves xen vào, cố gắng làm giảm sự căng thẳng đang tăng lên. “Quyết định của chúng ta không cần vội vàng. Chúng ta không cần phải đạt được đồng thuận trong tối nay. Kirsch nói còn một tháng nữa mới công bố mà. Tôi xin gợi ý rằng chúng ta hãy tự suy ngẫm kỹ chuyện này và bàn bạc lại sau vài ngày nữa được không? Có lẽ phương pháp phù hợp sẽ tự hé lộ trong khi nghiền ngẫm.

“Ý kiến rất sáng suốt,” Valdespino đáp lời.

“Chúng ta không nên chờ đợi quá lâu,” al-Fadl cảnh báo.

“Chúng ta sẽ bàn bạc lại qua điện thoại sau hai ngày nữa nhé.”

“Đồng ý,” Valdespino nói. “Khi đó chúng ta có thể đưa ra quyết định cuối cùng của mình.”

Đó là hai ngày trước, và lúc này, buổi tối cho cuộc trò chuyện tiếp theo của họ đã đến.

Một mình trong phòng làm việc của mình, Giáo trưởng Köves càng thêm bồn chồn. Cuộc gọi theo hẹn vào tối nay lúc này chỉ còn ngót mười phút nữa là đến.

Cuối cùng, điện thoại đổ chuông và Köves vồ lấy nó.

“Chào ngài, Giáo trưởng,” Giám mục Valdespino nói, nghe đầy lo lắng. “Tôi xin lỗi vì trễ hẹn.” Ông ngừng lại. “Tôi e rằng ngài Allamah al-Fadl sẽ không tham gia cuộc gọi này với chúng ta.”

“Ồ?” Köves ngạc nhiên nói. “Mọi chuyện vẫn ổn chứ?”

“Tôi không rõ. Tôi đã cố gắng liên lạc với ông ấy cả ngày rồi, nhưng có vẻ như ngài *allamah* đã... biến mất. Không một đồng đạo nào của ông ấy biết ông ấy ở đâu.”

Köves cảm thấy lạnh toát. “Việc đó đáng lo đây.”

“Tôi cũng cho là thế. Tôi hy vọng ông ấy không sao. Rất tiếc là tôi có thêm tin tức.” Vị giám mục ngừng lại, giọng ông càng u ám hơn. “Tôi vừa được biết rằng Edmond Kirsch sắp tổ chức một sự kiện để chia sẻ phát hiện của mình với thế giới... vào tối nay.”

“Tối nay sao?!” Köves hỏi lại. “Anh ta nói sẽ là *một tháng* nữa cơ mà!”

“Phải” Valdespino nói. “Anh ta đã nói dối.”

CHƯƠNG 6

Giọng nói thân thiện của Winston lại vang lên trong chiếc tai nghe của Langdon. “Thẳng trước mặt ngài, thưa Giáo sư, ngài sẽ thấy bức tranh lớn nhất trong bộ sưu tập của chúng tôi, mặc dù hầu hết quan khách không nhận ra nó.”

Langdon phóng mắt nhìn qua tiền sảnh bảo tàng nhưng chẳng thấy gì ngoài một vách kính nhìn thẳng xuống đầm nước. “Tôi rất tiếc, tôi nghĩ mình có thể cũng nằm trong nhóm đa số ở đây. Tôi chẳng hề thấy bức tranh đâu cả.”

“Chà, nó được trưng bày rất khác thông lệ,” Winston bật cười nói. “Bức vẽ không được treo trên tường, mà ngay trên sàn nhà.”

Đáng lẽ mình phải đoán ra chứ, Langdon nghĩ, hạ ánh mắt và di chuyển về phía trước cho tới khi anh nhìn thấy bức vẽ hình chữ nhật trải dài trên nền đá dưới chân mình.

Bức tranh khổng lồ chỉ gồm một màu duy nhất, cả một trường đơn sắc màu xanh nước biển thẫm - và người xem đứng quanh rìa của nó, dăm dăm nhìn xuống như thể đang nhìn xoáy xuống một cái ao nhỏ.

“Bức tranh này cỡ năm trăm năm mươi bảy mét vuông,” - Winston cung cấp.

Langdon nhận ra nó rộng gấp mười lần kích thước căn hộ đầu tiên của mình ở Cambridge.

“Nó là tác phẩm của Yves Klein và được triu mến biết đến với tên gọi Bể bơi.”

Langdon phải thừa nhận rằng cái sắc màu xanh dương lôi cuốn này tạo cho ông cảm giác ông có thể lao mình thẳng xuống

bức tranh.

“Klein sáng chế ra màu này,” Winston nói tiếp. “Nó được gọi là màu Xanh dương Klein Quốc tế và ông ấy tuyên bố rằng chiều sâu của bức vẽ gọi lên tính vô hình và vô tận trong hình ảnh không tưởng của ông ấy về thế giới.”

Langdon cảm thấy lúc này Winston đang đọc kịch bản.

“Klein nổi tiếng nhất với những bức vẽ màu xanh dương, nhưng ông ấy cũng nổi tiếng với một bức ảnh dựng trông rất đáng sợ gọi là Nhảy vào khoảng trống, từng gây hoảng loạn khi được hé lộ năm 1960.”

Langdon từng xem bức Nhảy vào khoảng trống tại Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại ở New York. Bức ảnh hơi gây hoang mang khi mô tả một người đàn ông ăn mặc rất bảnh bao đang lao mình khỏi một tòa nhà cao tầng và sắp rơi xuống vỉa hè. Thực tế, đó là hình ảnh dựng - được sáng tác rất xuất sắc và chỉnh sửa cực khéo bằng một lưỡi dao cạo, rất lâu trước khi ra đời phần mềm Photoshop.

“Thêm nữa,” Winston nói. “Klein cũng sáng tác tác phẩm âm nhạc Monotone-Silence (Sự im lặng đều đều), trong đó một dàn nhạc giao hưởng từng biểu diễn chỉ với một hợp âm Rê trưởng duy nhất trong trọn vẹn hai mươi phút.”

“Và mọi người vẫn nghe à?”

“Cả nghìn người nghe. Mà một hợp âm chỉ là màn đầu. Trong màn thứ hai, dàn nhạc ngồi bất động và trình diễn ‘sự im lặng thuần túy’ suốt hai mươi phút.”

“Anh đang đùa phải không?”

“Không, tôi hết sức nghiêm túc. Nếu nói bênh vực thì màn trình diễn có lẽ không buồn chán như nghe qua vậy đâu; sân khấu còn có ba người phụ nữ khỏa thân, người thẩm đấm sơn

màu lam, lẫn lộn trên những tấm toan khổng lồ.”

Mặc dù Langdon dành phần lớn sự nghiệp của mình nghiên cứu về nghệ thuật, nhưng ông vẫn thấy bản khoản chuyện mình chưa bao giờ biết rõ cách thưởng thức những đề xướng mang tính tiên phong của thế giới nghệ thuật. Sức hấp dẫn của nghệ thuật hiện đại vẫn là một bí ẩn với ông.

“Tôi không có ý xem thường, anh Winston, nhưng tôi phải nói với anh rằng tôi thường thấy khó nhận biết được khi nào thì một thứ là ‘nghệ thuật hiện đại’ và khi nào thì một thứ lại hoàn toàn là dị hợm.”

Câu trả lời của Winston nghe thật vô cảm. “Ôi dào, thường đó là một câu hỏi, phải không ạ? Trong thế giới nghệ thuật cổ điển của ngài các tác phẩm được tôn sùng nhờ kỹ năng thực hiện của nghệ sĩ - tức là, người đó đặt cây bút lên toan hay chiếc đục lên đá khéo léo đến mức nào. Thế nhưng, trong nghệ thuật hiện đại, các kiệt tác thường thiên về ý tưởng hơn là thực hiện. Chẳng hạn, bất kỳ ai cũng có thể dễ dàng soạn được một bản giao hưởng dài bốn mươi phút chẳng có gì ngoài một hợp âm và sự im lặng, nhưng chỉ có Yves Klein mới là người có ý tưởng.”

“Cũng đúng.”

“Dĩ nhiên rồi, *Điều khắc Sương mù* ngoài kia là một ví dụ hoàn hảo về nghệ thuật khái niệm. Nghệ sĩ có một ý tưởng - cho những đường ông đục lỗ chạy bên dưới cầu và thổi sương mù trên mặt đầm - nhưng *quá trình sáng tạo* tác phẩm lại được thực hiện bởi những người thợ ông nước địa phương.” Winston ngừng lại. “Mặc dù tôi dành cho nghệ sĩ điểm số rất cao vì đã sử dụng phương tiện của bà ấy như một mật mã.”

“*Sương mù* là một mật mã sao?”

“Đúng thế. Một tặng vật bí ẩn gửi tới kiến trúc sư của bảo

tàng.”

“Frank Gehry à?”

“Frank O. Gehry,” Winston đính chính.

“Phải.”

Lúc Langdon di chuyển về phía cửa sổ, Winston nói, “Từ chỗ này ngài có góc nhìn con nhện rất đẹp. Ngài đã thấy Maman trên đường đi vào rồi chứ?”

Langdon phóng ánh mắt ra ngoài cửa sổ, qua đầm nước, về phía bức tượng con nhện đen to tướng trên quảng trường. “Vâng. Khó mà không nhìn thấy nó được.”

“Qua giọng điệu của ngài tôi cảm thấy ngài không phải là thích nó nhỉ?”

“Tôi đang cố gắng đây.” Langdon ngừng lại. “Là một người ủng hộ nghệ thuật kinh điển, ở đây tôi có phần lơ ngơ như cá rời nước vậy.”

“Hay lắm,” Winston nói. “Tôi cứ hình dung rằng ngài cũng như tất cả mọi người sẽ đánh giá cao Maman. Nó là một ví dụ hoàn hảo cho quan niệm cổ điển về đối lập tương cận*. Thực tế, có thể ngài muốn sử dụng nó trong lớp học khi ngài dạy về khái niệm này lần tới.”

Langdon nhìn con nhện, chẳng thấy gì như vậy cả. Khi đến lúc phải dạy về nghệ thuật đối lập tương cận, Langdon thích thứ gì đó truyền thống hơn một chút. “Tôi nghĩ tôi sẽ trung thành với tác phẩm David.”

“Vâng, Michelangelo là chuẩn mực vàng rồi,” Winston bật cười nói, “quá xuất sắc khi tạo dáng cho David ở một tư thế bất đối xứng rất nữ tính, tay ngẫu nhiên cầm một chiếc ná cao su mềm oặt, càng thể hiện khả năng dễ bị tổn thương của phái nữ. Và đôi mắt David toát ra vẻ cương quyết có khả năng giết người,

những sợi gân và mạch máu của anh ta phình lên trong trạng thái đề phòng gã Goliath sát nhân. Tác phẩm thanh nhã mà vẫn rất chết chóc.”

Langdon rất ấn tượng với phần mô tả trên và thâm ước sinh viên của chính ông cũng có sự hiểu biết rành rẽ về kiệt tác của Michelangelo như vậy.

“Maman cũng không khác David,” Winston nói. “Một sự đối lập tương cận táo bạo không kém giữa các nguyên lý mẫu đối chọi nhau. Về bản chất, con nhện đen là một sinh vật đáng sợ - một kẻ săn mồi chuyên bắt các nạn nhân bằng mạng lưới của nó rồi giết thịt. Mặc dù nguy hiểm chết người, nó vẫn được khắc họa ở đây với một bọc trứng đang phát triển, sắp nở, khiến cho nó vừa là kẻ săn mồi vừa là sinh vật tổ - phần thân khỏe khoắn tọa lạc trên đỉnh những chiếc chân mảnh khảnh đến khó tin, thể hiện cả sự mạnh mẽ lẫn sự mỏng manh. Có thể gọi Maman là một David thời hiện đại, nếu ngài muốn.”

“Không đời nào,” Langdon mỉm cười trả lời, “nhưng tôi phải thừa nhận phân tích của anh khiến tôi có chất liệu để suy ngẫm.”

“Tốt quá, vậy thì để tôi giới thiệu với ngài tác phẩm cuối cùng. Thật tình cờ nó lại là nguyên bản của Edmond Kirsch.”

“Thật sao? Tôi chưa hề biết Edmond lại là một nghệ sĩ.”

Winston cười to. “Tôi sẽ để ngài tự đánh giá.”

Langdon để Winston hướng dẫn ông đi qua các ô cửa sổ tới một hốc tường rộng rãi bên trong có một nhóm quan khách tụ tập trước một mảng bùn khô rất lớn treo trên tường. Mới nhìn, mảng đất sét cứng đanh ấy gợi cho Langdon nhớ tới một chương trình trưng bày hóa thạch của bảo tàng. Nhưng chỗ bùn này không hề có hóa thạch. Thay vào đó, nó có những vết

khắc rất thô tương tự như dấu vết một đứa trẻ có thể vạch ra bằng một cái que trên nền xi măng ẩm.

Đám đông trông có vẻ chẳng lấy gì làm ấn tượng.

“Edmond thực hiện cái này à?” một người phụ nữ mặc đồ da chồn với cặp môi bơm căng Botox càu nhàu. “Tôi không hiểu gì cả.”

Người thầy trong Langdon không nhin được lên tiếng. “Thực tế thì khá tài tình,” ông ngắt lời. “Cho đến giờ, nó là tác phẩm ưa thích của tôi trong cả bảo tàng này.”

Người phụ nữ xoay người, mắt nhìn ông với vẻ xem thường. “Ồ thật sao? Vậy hãy khai sáng cho tôi đi nào.”

Rất hân hạnh. Langdon bước tới chỗ đám dấu vết hằn khắc một cách thô bạo vào bề mặt đất sét. □

“Chà, trước hết,” Langdon nói, “Edmond khắc tác phẩm này trên đất sét như một sự kính trọng dành cho thứ ngôn ngữ viết sớm nhất của nhân loại, chữ hình nêm.”

Người phụ nữ chớp mắt, vẻ không lấy gì làm chắc.

“Ba vết hằn sâu ở giữa,” Langdon nói tiếp, “là cách đánh vần từ ‘cá’ trong tiếng Assyria. Nó được gọi là chữ tượng hình. Nếu bà nhìn kỹ, bà có thể hình dung cái miệng há to của con cá hướng về bên phải, cũng như những cái vây tam giác trên thân mình nó.”

Cả nhóm người đều nghiêng đầu ngoẹo cổ, ngắm nghía lại tác phẩm.

“Và nếu quý vị nhìn từ đây,” Langdon vừa nói vừa chỉ vào một loạt vết lõm bên trái con cá, “quý vị có thể thấy rằng Edmond in những dấu chân trên bùn đầm sau con cá, thể hiện cho bước tiến hóa lịch sử của cá lên đất liền.”

Những cái đầu bắt đầu gật gù tán thưởng.

“Và cuối cùng,” Langdon nói, “cái dấu hoa thị bất đối xứng bên phải - cái biểu tượng mà dường như con cá sấp nuốt lấy - là một trong những biểu tượng về Chúa cổ xưa nhất lịch sử.

Người phụ nữ môi Botox quay lại và quắc mắt nhìn ông. “Một con cá định ăn Chúa à?”

“Rõ ràng là vậy. Đó là một phiên bản mang tính bông đùa loài cá của Darwin - tiến hóa ăn tôn giáo.” Langdon hờ hững nhún vai với nhóm người. “Như tôi nói, khá tài tình.”

Lúc Langdon rời đi, ông vẫn nghe thấy đám đông rì rầm phía sau và Winston bật lên tiếng cười. “Rất thú vị, thưa Giáo sư! Edmond sẽ rất biết ơn bài giảng ngẫu hứng của ngài. Không có nhiều người giải mã được tác phẩm đó đâu.”

“Ôi dào,” Langdon nói, “thực tế thì đó là công việc của tôi mà.”

“Vâng, và giờ tôi có thể hiểu tại sao ngài Kirsch lại đề nghị tôi xem ngài như một vị khách siêu đặc biệt. Thực tế, ông ấy dặn tôi chỉ cho ngài xem thứ gì đó mà không vị khách nào khác được trải nghiệm tôi nay.”

“Ồ? Đó là thứ gì thế?”

“Bên phải các cửa sổ chính, ngài có thấy một hành lang có rào cách ly không?”

Langdon ngó sang bên phải mình. “Tôi thấy rồi.”

“Tốt rồi. Mời theo chỉ dẫn của tôi.”

Langdon ngập ngừng làm theo những hướng dẫn từng bước của Winston. Ông bước tới lối vào hành lang và sau khi kiểm tra kỹ rằng không có ai theo dõi, ông thận trọng nép vào phía sau những cây cột thẳng đứng và lẩn nhanh theo hành lang khuất bóng hẳn.

Lúc này, đã bỏ lại đám đông ở tiền sảnh phía sau, Langdon đi

khoảng chín mét tới một cánh cửa kim loại có một bàn phím bấm số.

“Hãy nhập sáu chữ số này,” Winston nói và thông báo cho Langdon dãy số.

Langdon nhập mã, cánh cửa có tiếng lách cách.

“Tốt rồi, thưa Giáo sư, xin mời vào.”

Langdon đứng một lúc, không dám chắc chuyện gì sắp tới. Sau khi trấn tĩnh lại, ông đẩy cửa mở ra. Không gian phía sau gần như tối om.

“Tôi sẽ bật đèn cho ngài,” Winston nói. “Xin hãy bước vào và đóng cửa lại.”

Langdon nhích vào bên trong, căng mắt ra nhìn trong bóng tối. Ông đóng cánh cửa lại phía sau mình, tiếng khóa lạch xạch vang lên.

Dần dần, thứ ánh sáng dịu dịu bắt đầu sáng lên quanh rìa căn phòng, để lộ ra một không gian như hang núi khó hình dung nổi – một gian phòng rộng hơ rộng hoác - như một khoang chứa máy bay dành cho cả một phi đội phản lực cỡ lớn.

“Chính xác là ba nghìn một trăm năm mươi tám mét vuông,” Winston nói.

Gian phòng này hoàn toàn nuốt chửng khu tiền sảnh.

Khi các ngọn đèn tiếp tục sáng dần lên thêm, Langdon nhìn thấy một nhóm những hình thù rất lớn nằm trên sàn - bảy hoặc tám bóng đen tối thui - như những con khủng long đang gặm cỏ trong đêm.

“Tôi đang thấy cái thứ quái quỷ gì thế này?” Langdon hỏi.

“Nó có tên gọi là *Vật chất thời gian*.” Giọng nói vui vẻ của Winston vang lên trong tai nghe của Langdon. “Đây là tác phẩm nghệ thuật nặng nhất của bảo tàng. Gần chín trăm tấn.”

Langdon vẫn đang cố xác định phương hướng. “Và tại sao riêng tôi lại ở đây?”

“Như tôi đã nói, ngài Kirsch dẫn tôi chỉ cho ngài xem những thứ đáng kinh ngạc này.”

Các bóng đèn dần sáng rõ, nhấn chìm không gian rộng lớn trong thứ ánh sáng dịu dịu và Langdon chỉ có thể trân trối nhìn khung cảnh trước mắt mình đầy sửng sờ.

Mình vừa bước vào một vũ trụ song song.

CHƯƠNG 7

Đô đốc Luis Ávila đến khu vực kiểm tra an ninh của bảo tàng và liếc nhìn đồng hồ để bảo đảm rằng mình vẫn đúng lịch trình.

Hoàn hảo.

Ông ta chìa Giấy Căn cước Quốc gia của mình cho các nhân viên rà quét theo danh sách khách mời. Trong thoáng chốc, mạch đập của Ávila rộn lên khi không tìm thấy tên của ông ta trong danh sách. Cuối cùng, họ cũng tìm thấy ở cuối cùng - một trường hợp bổ sung phút cuối - và Ávila được phép vào.

Đúng y như Nhiếp chính vương đã hứa với mình. Bằng cách nào ông ấy làm được việc này, Ávila không biết được. Nghe nói danh sách khách mời tối nay rất sát sao.

Ông ta tiếp tục đi tới chỗ máy dò kim loại, nơi ông ta móc điện thoại di động và đặt lên khay. Sau đó, với sự cẩn trọng cực kỳ, ông ta lấy một chuỗi tràng hạt bằng kim loại nặng khác thường từ trong túi áo khoác của mình ra và đặt lên trên chiếc điện thoại.

Nhẹ nhàng thôi, ông ta tự nhủ. Rất nhẹ thôi.

Người cảnh vệ rà quét ông ta bằng thiết bị dò kim loại và mang cái khay đồ cá nhân sang mé bên kia.

“Que rosario tan bonito,” người cảnh vệ nói, trầm trồ trước chuỗi hạt kim loại, gồm một sợi xích hạt chắc chắn và một cây thập giá tròn cạnh rất dày dặn.

“Gracias,” Ávila trả lời. Đích thân ta chế tạo nó đây.

Ávila đi qua máy dò không gặp sự cố gì. Sang phía bên kia, ông ta lấy lại điện thoại và chuỗi hạt, nhẹ nhàng cất lại vào túi trước khi tiến tới khu vực kiểm tra an ninh thứ hai, nơi ông ta

được trao cho một chiếc tai nghe âm thanh khác thường.

Ta không cần tour tham quan bằng âm thanh, ông ta nghĩ. Ta có việc phải làm.

Lúc băng qua tiền sảnh, ông ta kín đáo vứt chiếc tai nghe vào một cái thùng rác.

Tim ông ta đập thình thịch lúc ông ta nhìn khắp tòa nhà, tìm một chỗ riêng tư để liên hệ với Nhiếp chính vương và cho ông ấy biết ông ta đã vào bên trong an toàn.

Vì Chúa, đất nước và Đức vua, ông ta nghĩ. Nhưng chủ yếu vì Chúa.

Thời điểm đó, ở khu vực hẻo lánh xa xôi nhất của vùng sa mạc dài ánh trắng bên ngoài Dubai, vị *allamah* khả kính bảy mươi tám tuổi, Syed al-Fadl đang vô cùng đau đớn khi bò qua lớp cát sâu. Ông không thể đi xa hơn được nữa.

Da al-Fadl phồng rộp và bỏng rát, cổ họng ông đau đến mức ông gần như không thể hít nổi một hơi. Những trận gió đầy cát đã khiến ông mù lòa từ nhiều giờ trước và ông vẫn bò tiếp. Đã có lúc, ông nghĩ mình nghe thấy tiếng rền rĩ xa xa của những chiếc xe mui trần bánh to, nhưng có lẽ đó chỉ là tiếng gió hú. Niềm tin của al-Fadl rằng Thượng đế sẽ cứu ông đã qua đi từ lâu. Đám kèn kèn không còn lượn vòng tròn nữa, chúng đang đi theo sau ông.

Cái gã Tây Ban Nha cao lớn chặn cướp chiếc xe của al-Fadl đêm qua chẳng hé răng lấy một lời khi hấn lái xe của vị *allamah* vào sâu trong sa mạc mênh mông này. Sau một tiếng chạy xe, gã Tây Ban Nha ấy dừng lại và ra lệnh cho al-Fadl ra khỏi xe, rồi bỏ mặc ông trong bóng tối mà không hề có thức ăn hay nước

uống.

Kẻ bắt cóc al-Fadl không hề đưa ra dấu hiệu nhận diện hay lời giải thích nào cho hành động của hắn. Mạnh mẽ khả dĩ duy nhất al-Fadl thoáng thấy là một cái vết rất lạ trên bàn tay phải của hắn - một biểu tượng ông không nhận ra được.□

Trong nhiều giờ, al-Fadl lê bước qua cát và kêu cứu một cách vô vọng. Giờ đây, khi vị tu sĩ bị mất nước nghiêm trọng, gục ngã trong thứ cát ngọt ngào và cảm thấy tim mình kiệt quệ, ông vẫn tự vấn cái câu hỏi mà ông đã đặt ra suốt nhiều giờ.

Kẻ nào lại có thể muốn mình chết chứ?

Đầy kinh hoàng, ông nhận ra một câu trả lời hợp lý duy nhất.

CHƯƠNG 8

Ánh mắt Robert Langdon bị cuốn từ khối hình đồ sộ này sang khối tiếp theo. Mỗi khối đều là một tấm thép sừng sững được cuộn lại rất khéo và rồi đặt đứng chênh vênh bằng rìa cạnh của nó, tự giữ thăng bằng để tạo thành một bức tường không hề có sự chống đỡ. Những bức tường uốn cong này cao tới ngót nghét bốn mét rưỡi và được uốn vặn thành những hình thù khác nhau - một dải ruy băng lượn sóng, một vòng tròn mở, một cuộn thép để lỏng.

“Vật chất thời gian,” Winston nhắc lại. “Và nghệ sĩ là Richard Serra. Cách ông ấy sử dụng những bức tường không hề được chống đỡ bằng thứ phương tiện nặng nề như vậy tạo ảo giác về sự thiếu vững chãi. Nhưng thực tế, những thứ này rất vững. Ngài thử hình dung một tờ tiền đô la mà ngài cuộn tròn quanh một chiếc bút chì, khi ngài tháo bút chì ra, đồng tiền được cuộn lại của ngài có thể đứng khá ổn trên rìa cạnh của nó, được chống đỡ bằng chính dạng hình học của nó.”

Langdon dừng bước và trân trân nhìn cái vòng tròn khổng lồ bên cạnh mình. Kim loại đã bị ô xy hóa, tạo cho nó thứ màu đồng cháy và một lượng hữu cơ thô. Tác phẩm này toát lên cả sức mạnh rất lớn lẫn cảm giác thăng bằng rất tinh tế.

“Thưa Giáo sư, ngài có nhận thấy hình thù đầu tiên này lại không hoàn toàn kín không?”

Langdon tiếp tục đi quanh hình tròn và thấy rằng hai đầu của bức tường không gặp nhau, như thể một đứa trẻ đã cố vẽ một vòng tròn nhưng thiếu nét vậy.

“Cách kết nối được làm lệch tạo ra một lối đi thu hút du

khách tiến vào bên trong để khám phá không gian âm tính.”

Trừ phi vị khách đó tình cờ lại sợ cảm giác bị nhốt kín, Langdon nghĩ, chân bước nhanh hơn.

“Tương tự,” Winston nói, “trước mặt ngài, ngài thấy ba dải ruy băng thép uốn khúc, chạy theo một đội hình song song tương đối, đủ gần nhau để hình thành hai đường hầm lượn sóng dài hơn ba mươi mét. Nó được gọi là Con rắn, và các vị khách trẻ của chúng tôi rất thích chạy qua đó. Thực tế, hai vị khách đứng ở hai đầu đối diện có thể khẽ thì thầm và vẫn nghe rõ được tiếng nhau, như thể họ đang đối diện nhau vậy.”

“Ấn tượng đây, anh Winston, nhưng anh làm ơn giải thích xem tại sao Edmond lại đề nghị anh cho tôi xem gian triển lãm này đi.” Cậu ta biết mình đâu có thích thứ này.

Winston trả lời. “Tác phẩm cụ thể mà ông ấy đề nghị tôi chỉ cho ngài xem có tên là Đường xoắn ốc và nó ngay phía trước ở góc bên phải. Ngài thấy nó không?”

Langdon nheo mắt nhìn về phía xa. Cái thứ trông như cách xa đến nửa dặm kia ấy hả? “Vâng, tôi thấy rồi.”

“Tuyệt lắm, chúng ta đi tới đó chứ?”

Langdon đưa ánh mắt thăm dò một lượt không gian mênh mông rồi tiến tới đường xoắn ốc ở phía xa trong khi Winston tiếp tục nói.

“Thưa Giáo sư, tôi nghe nói Edmond Kirsch là người rất ngưỡng mộ công việc của ngài - đặc biệt là những tư tưởng của ngài về sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các truyền thống tôn giáo xuyên suốt lịch sử và những tiến hóa của các truyền thống ấy như phản ánh trong nghệ thuật. Bằng nhiều cách thức, lĩnh vực lý thuyết trò chơi và tin học dự báo của Edmond khá tương đồng - phân tích sự lớn mạnh của các hệ thống khác nhau và dự

đoán xem chúng sẽ phát triển như thế nào theo thời gian.”

“Chắc, rõ ràng cậu ấy rất thạo rồi. Nói cho cùng thì người ta gọi cậu ấy là Nostradamus* thời hiện đại cơ mà.”

“Vâng. Mặc dù cách so sánh ấy hơi xúc phạm, nếu ngài có hỏi tôi.”

“Sao anh phải nói như vậy chứ?” Langdon vặn lại. “Nostradamus là nhà tiên tri nổi tiếng nhất mọi thời đại đấy.”

“Tôi không có ý phản đối, thưa Giáo sư, nhưng Nostradamus viết gần một nghìn bài thơ tứ tuyệt lời lẽ dễ dãi mà, hơn bốn thế kỷ qua, được hưởng lợi từ những cách hiểu đầy sáng tạo của những kẻ mê tín luôn tìm cách nghĩ ra ý nghĩa ở những chỗ chẳng có nghĩa gì cả tất cả mọi chuyện từ Thế chiến Thứ hai đến cái chết của Công nương Diana hay vụ tấn công Trung tâm Thương mại Thế giới. Quá ư ngớ ngẩn. Ngược lại, Edmond Kirsch công bố một số lượng rất hạn chế những dự đoán rất cụ thể nhưng đều trở thành sự thật trong một thời gian rất ngắn ngủi - tin học đám mây, xe hơi không người lái, con chip xử lý vận hành chỉ cần năm nguyên tử. Ngài Kirsch không phải Nostradamus.”

Mình sai rồi, Langdon nghĩ. Người ta nói Edmond Kirsch tạo ra lòng trung thành rất ghê gớm trong những người làm việc cùng cậu ấy và rõ ràng Winston là một trong những đệ tử nhiệt thành của Kirsch.

“Vậy ngài có thích chuyến tham quan của tôi không?” Winston hỏi, đổi chủ đề khác.

“Rất thích. Edmond thật đáng nổi danh vì đã tạo ra công nghệ hướng dẫn tham quan từ xa quá hoàn hảo này.”

“Vâng, hệ thống này là giấc mơ của Edmond suốt nhiều năm và ông ấy đã dành ra một số lượng thời gian và tiền bạc không

thể tính được để bí mật phát triển hệ thống ấy.”

“Thật sao? Công nghệ này xem ra cũng không phức tạp lắm. Tôi phải thừa nhận rằng lúc đầu tôi có phần hoài nghi, nhưng anh vừa thuyết phục được tôi - quả là một cuộc trò chuyện thú vị.”

“Ngài nói vậy thật là rộng bụng, mặc dù tôi hy vọng lúc này tôi không làm hỏng mọi chuyện bằng việc thừa nhận sự thật. Tôi e là tôi đã không hoàn toàn thành thực với ngài.”

“Sao cơ?”

“Trước hết, tên thật của tôi không phải là Winston. Mà là Art.”

Langdon bật cười. “Một hướng dẫn viên bảo tàng tên là Art à? Chà chà, tôi không trách anh dùng một cái tên giả đâu. Rất hân hạnh được biết anh, Art.”

“Hơn nữa, khi ngài hỏi tôi tại sao tôi lại không đích thân bách bộ cùng ngài, tôi đã cho ngài câu trả lời chính xác về việc ngài Kirsch muốn duy trì các nhóm nhỏ. Nhưng câu trả lời đó chưa hoàn chỉnh. Còn một lý do nữa khiến chúng ta nói chuyện qua tai nghe chứ không phải trực diện.” Anh ta ngừng lại. “Thực tế, tôi không có khả năng di chuyển về mặt vật lý.”

“Ồ... tôi xin lỗi.” Langdon hình dung ra Art đang ngồi trên một chiếc xe lăn trong một tổng đài điện thoại và cảm thấy tiếc là Art sẽ nhận thức được việc phải giải thích tình trạng của bản thân.

“Không cần phải cảm thấy thương hại cho tôi đâu. Tôi quả quyết với ngài rằng chân cẳng trông sẽ rất kỳ lạ với tôi đấy. Tôi không hoàn toàn trông như ngài hình dung đâu.”

Bước chân Langdon chậm lại. “Ý anh là sao?”

“Cái tên ‘Art’ không hẳn là một cái tên vì nó là một cụm viết

tất. ‘Art’ là rút gọn của từ ‘artificial’ (nhân tạo) mặc dù ngài Kirsch thích từ ‘synthetic’ hơn.” Giọng nói dừng lại một lúc. “Sự thật của vấn đề, thưa Giáo sư, là buổi tối nay ngài đang tương tác với một hướng dẫn viên nhân tạo. Một dạng máy tính.”

Langdon nhìn quanh, vẻ ngờ vực. “Đây có phải là một trò đùa vui không?”

“Không hề, thưa Giáo sư. Tôi rất nghiêm túc. Edmond Kirsch đã mất một thập kỷ và gần một tỷ đô la cho lĩnh vực trí thông minh nhân tạo, và tối nay ngài là một trong những người đầu tiên trải nghiệm kết quả sức lao động của ông ấy. Toàn bộ chuyến tham quan của ngài được thực hiện bởi một hướng dẫn viên nhân tạo. Tôi không phải con người.”

Langdon không chấp nhận nổi chuyện này dù chỉ một giây. Cách diễn đạt và ngữ pháp của người kia rất hoàn hảo và ngoại trừ tiếng cười hơi vụng về, anh ta là một diễn giả lịch thiệp như bất kỳ ai Langdon từng gặp. Hơn nữa, cuộc trò chuyện vui vẻ của họ tối nay bao quát rất nhiều chủ đề và đủ sắc thái.

Mình đang bị theo dõi, giờ Langdon nhận ra như vậy, đưa mắt rà khắp các bức tường để dò các máy quay video giấu kín. Ông nghi ngờ mình đã vô thức tham gia vào một tác phẩm lạ lẫm của “nghệ thuật trải nghiệm” - một kịch bản được dàn dựng rất khéo từ những điều vô lý. Họ biến mình thành một con chuột trong mê cung.

“Tôi không thấy dễ chịu lắm với chuyện này,” Langdon tuyên bố, giọng ông vang rền khắp gian trưng bày vắng vẻ.

“Tôi rất xin lỗi,” Winston nói. “Điều đó hoàn toàn hiểu được. Tôi phỏng chừng rằng có thể ngài thấy khó tiếp nhận được tin này. Tôi hình dung được đó là lý do tại sao Edmond lại đề nghị tôi đưa ngài vào đây trong một không gian riêng tư, tránh khỏi

mọi người khác. Thông tin này không được tiết lộ cho những vị khách khác của ông ấy.”

Mắt Langdon nhìn thật kỹ không gian lơ mờ để xem liệu còn ai khác ở đó không.

“Đương nhiên như ngài biết,” giọng nói tiếp tục, nghe không hề bối rối trước sự khó chịu của Langdon, “bộ não người là một hệ thống nhị phân - các khớp thần kinh hoặc kích thích hoặc không - chúng bật hoặc tắt, giống như bộ chuyển mạch của máy tính. Bộ não có hơn một trăm nghìn tỉ bộ chuyển mạch, có nghĩa là làm ra một bộ não không hẳn là vấn đề công nghệ mà là vấn đề về quy mô.”

Langdon chẳng nghe thấy. Ông lại bước đi, tập trung chú ý đến một tấm biển “Exit” (Lối thoát) có mũi tên chỉ về đầu kia của phòng trưng bày.

“Thưa Giáo sư, tôi nhận ra chất người trong giọng nói của tôi khó nhận ra là do máy móc tạo ra, nhưng thực tế lời nói là bộ phận quá dễ. Thậm chí một thiết bị sách điện tử chín mươi chín đô la cũng làm được công việc khá ổn là bắt chước giọng nói người. Edmond đã phát minh ra cả tỷ.”

Langdon dừng bước. “Nếu anh là máy tính, hãy nói với tôi chuyện này. Chỉ số trung bình Công nghiệp Dow Jones ở mức nào lúc đóng cửa ngày 24 tháng 8 năm 1974?”

“Đó là ngày thứ Bảy,” giọng nói trả lời tức thì. “Cho nên thị trường không mở cửa.”

Langdon cảm thấy ớn lạnh. Ông đã chọn một mốc thời gian đánh lừa. Một trong những hiệu ứng phụ từ trí nhớ rành rẽ của ông là việc những ngày tháng cứ khắc ghi mãi mãi trong tâm trí ông. Ngày thứ Bảy đó là sinh nhật người bạn thân nhất của ông, và Langdon vẫn nhớ bữa tiệc bên bể bơi buổi chiều đó. Helena

Wooley mặc một bộ áo tắm màu xanh dương.

“Tuy nhiên,” giọng nói bổ sung ngay, “vào ngày hôm trước, thứ Sáu, 23 tháng 8, chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones đóng cửa ở 686,80, giảm 17,83 điểm vì mất 2,53 phần trăm.”

Langdon nhất thời không nói lên lời.

“Tôi rất vui được chờ đợi,” giọng nói vang lên, “nếu như ngài muốn kiểm tra dữ liệu trên điện thoại thông minh của mình. Mặc dù tôi không có lựa chọn nào ngoài việc mĩa mai sự việc đó.”

“Nhưng... tôi không...”

“Thử thách với trí thông minh nhân tạo,” giọng nói tiếp tục, sắc thái Anh nhẹ lúc này dường như là lạ hơn lúc trước, “không phải là truy cập dữ liệu mau lẹ, vốn thật sự khá đơn giản, mà là khả năng nhận thức được dữ liệu được kết nối và đan kết như thế nào - điều tôi tin ngài rất xuất chúng, phải không nhỉ? Mỗi quan hệ qua lại của các ý tưởng ư? Đây là một trong những lý do ngài Kirsch muốn kiểm tra năng lực của tôi với riêng ngài.”

“Một bài kiểm tra à?” Langdon hỏi. “Với... tôi sao?”

“Không hẳn.” Lại tiếng cười vụng về vang lên. “Một bài kiểm tra với tôi. Để xem liệu tôi có thể thuyết phục được ngài tôi là con người không.”

“Một phép thử Turing.”

“Chính xác.”

Phép thử Turing, Langdon nhớ ra, là một thử thách được chuyên gia giải mã Alan Turing* đề xuất nhằm đánh giá khả năng của một cỗ máy có thể ứng xử theo cách thức không khác biệt với ứng xử của một con người, về cơ bản, một người đánh giá nghe một cuộc đối thoại giữa một cỗ máy và một con người, và nếu người đánh giá không thể phân biệt được bên nào là con

người thì phép thử Turing được xem là thành công. Thử thách chuẩn của Turing đã thành công năm 2014 tại Hiệp hội Hoàng gia ở London. Kể từ đó công nghệ trí thông minh nhân tạo đã tiến bộ với một tốc độ chóng mặt.

“Cho đến giờ trong buổi tối nay,” giọng nói tiếp tục, “không một vị khách nào của chúng tôi nghi ngờ gì cả. Tất cả đều có một quãng thời gian tuyệt vời.”

“Khoan đã, tất cả mọi người ở đây tối nay đều đang nói chuyện với máy tính à?!”

“Về mặt kỹ thuật, tất cả đều đang nói chuyện với tôi. Tôi có thể phân thân rất dễ dàng. Ngài đang nghe giọng nói mặc định của tôi - giọng nói mà Edmond ưa thích - nhưng những người khác thì đang nghe các giọng hoặc ngôn ngữ khác. Dựa trên tiểu sử của ngài là một nam giới học thuật người Mỹ, tôi chọn chất giọng Anh quốc nam mặc định của mình cho ngài. Tôi đoán rằng như thế sẽ tạo ra sự tự tin lớn hơn là một giọng nữ trẻ kéo dài kiểu miền nam chẳng hạn.”

Có phải cái thứ này vừa nói mình là một kẻ sô vanh không nhỉ?

Langdon nhớ ra một đoạn ghi âm rất thịnh hành từng được lưu hành trên mạng vài năm trước: Ông trưởng ban Michael Scherer của tạp chí Time được một người máy tiếp thị qua điện thoại gọi điện và người máy giống người đến mức Scherer đã đăng tải đoạn ghi âm cuộc gọi lên mạng để tất cả mọi người cùng nghe.

Chuyện đó nhiều năm trước rồi, Langdon nhận ra vậy.

Langdon biết rằng Kirsch đeo đuổi trí thông minh nhân tạo đã nhiều năm, thỉnh thoảng lại xuất hiện trên bìa các tạp chí ca ngợi những đột phá khác nhau. Rõ ràng, hậu duệ “Winston” của Kirsch chính là đại diện cho trình độ tân tiến hiện tại của

cậu ấy.

“Tôi nhận ra toàn bộ việc này diễn ra rất mau chóng,” giọng nói tiếp tục, “nhưng ngài Kirsch có yêu cầu rằng tôi cho ngài xem đường xoắn ốc này ở đúng chỗ lúc này ngài đang đứng. Ông ấy đề nghị rằng ngài hãy vui lòng bước vào trong đường xoắn ốc và tiếp tục đi hết đến phần trung tâm.”

Langdon ngó vào cái lối đi uốn cong chật hẹp và cảm thấy các cơ của mình cứng lại. Có khi đây là ý tưởng của Edmond về một trò tình nghịch thời đại học chẳng? “Anh có thể nói cho tôi biết trong đây có gì không? Tôi vốn không phải người chuộng những không gian chật hẹp lắm.”

“Rất thú vị, tôi không biết chi tiết đó về ngài.”

“Tâm lý sợ không gian tù túng không phải là chuyện tôi đưa vào lý lịch trên mạng của mình.” Langdon sức tỉnh, vẫn không thể hình dung được mình đang nói chuyện với một cỗ máy.

“Ngài không cần thiết phải sợ. Không gian ở trung tâm đường xoắn ốc khá rộng rãi và ngài Kirsch đặc biệt có yêu cầu rằng ngài hãy xem xét phần trung tâm. Tuy nhiên, trước khi ngài bước vào, Edmond có đề nghị rằng ngài hãy gỡ tai nghe và đặt lên sàn ở phía ngoài đây.”

Langdon ngập ngừng nhìn khối cấu trúc lù lù.

“Anh sẽ không đi cùng với tôi à?”

“Hẳn nhiên là không rồi.”

“Anh biết đấy, toàn bộ việc này rất lạ lùng, và tôi không hoàn toàn...”

“Thưa Giáo sư, nghĩ đến chuyện Edmond đưa ngài đi cả chặng đường tới sự kiện này thì dường như ngài đi bộ một quãng ngắn vào trong tác phẩm nghệ thuật này là một đề nghị rất nhỏ nhoi. Trẻ con vẫn làm việc đó hằng ngày và sống khỏe

mà.”

Langdon chưa bao giờ bị một cỗ máy trách cứ cả, nếu thực tế thứ này đúng là như vậy, những lời nhận xét gay gắt có tác dụng như mong muốn liền. Ông gỡ tai nghe và thận trọng đặt lên sàn, giờ quay mặt đối diện với lối vào đường xoắn ốc. Những vách tường cao hình thành một đường hầm rất hẹp uốn cong hút tầm nhìn, biến mất trong bóng tối.

“Chẳng vấn đề gì cả,” ông tự nói với mình

Langdon hít một hơi thật sâu và sải bước vào trong.

Lối đi uốn cong mãi, xa hơn ông hình dung, ngoằn ngoèo sâu hơn và chẳng mấy chốc Langdon không còn biết mình đã xoay vòng bao nhiêu lần rồi. Với mỗi vòng xoay thuận chiều kim đồng hồ, lối đi lại trở nên hẹp hơn, và đôi vai rộng của Langdon lúc này gần như cọ sát vào vách. Thở đi, Robert. Các tấm kim loại đặt xiên có cảm giác như chúng có thể đổ sập vào trong bất kỳ lúc nào và đè bẹp ông bên dưới hàng tấn thép.

Tại sao mình lại làm chuyện này nhỉ?

Ngay trước lúc Langdon định quay lại và đi ngược ra thì lối đi đột ngột kết thúc, để ông xuất hiện trong một không gian mở rộng rãi. Đúng như đã hứa, một căn phòng lớn hơn ông mong đợi. Langdon bước nhanh khỏi đường hầm ra khoảng trống, thở hắt ra trong lúc xem xét mặt sàn trơn tru và những bức tường kim loại cao, lại cảm thấy bản khoăn không biết đây có phải là một màn chơi xảo tinh vi của đám sinh viên đại học không.

Một cánh cửa lạch xạch đâu đó bên ngoài, và những tiếng chân bước nhanh nhẹn vang lên phía ngoài những bức tường cao. Có ai đó vừa bước vào phòng trưng bày, đi qua cánh cửa gần đó mà Langdon đã thấy. Tiếng bước chân tiến lại đường

xoắn ốc và sau đó bắt đầu đi vòng sang phía Langdon, càng lúc càng rõ hơn sau mỗi khúc ngoặt. Có ai đó đang bước vào cái đường ống kia.

Langdon tựa lưng và đối diện lỗi ra trong khi tiếng bước chân tiếp tục đi lượn vòng, tiến lại gần hơn. Tiếng lách cách ngắt âm rõ hơn cho tới khi một người đàn ông đột ngột xuất hiện từ trong đường hầm. Anh ta thấp lùn và mảnh dẻ với làn da xanh xao, đôi mắt rực sáng và một mớ tóc đen buông tự nhiên.

Langdon trân trân nhìn người đàn ông một lúc lâu và cuối cùng mới cho phép mình nở nụ cười ngoác đến mang tai. “Edmond Kirsch vĩ đại lúc nào cũng có màn xuất hiện long trọng.”

“Có mỗi cơ hội duy nhất để gây ấn tượng lần đầu thôi mà thầy,” Kirsch niềm nở đáp lời. “Em rất nhớ thầy, thầy Robert. Cảm ơn thầy đã đến.”

Hai người đàn ông ôm chầm lấy nhau. Khi Langdon vỗ vỗ lên lưng người bạn cũ, ông cảm thấy Kirsch gầy hơn hẳn.

“Em giảm cân đấy,” Langdon nói.

“Em ăn chay mà,” Kirsch đáp. “Còn dễ dàng hơn là phép tinh lược.”

Langdon bật cười. “Chà, thật vui được gặp em. Và, lúc nào cũng vậy, em khiến tôi cảm thấy mình ăn mặc quá diện.”

“Ai cơ, em à?” Kirsch liếc nhìn xuống chiếc quần bò đen lảng nhảng cùng áo phông cổ chữ V trắng và chiếc áo khoác ngắn tay chun của mình. “Thế này là sang rồi.”

“Dép xỏ ngón màu trắng là sang à?”

“Dép xỏ ngón ạ?! Đôi này là hàng Ferragamo Guineas đấy.”

“Và tôi đoán chúng còn đắt hơn toàn bộ phục trang của tôi ấy chứ.”

Edmond bước lại và kiểm tra nhãn hiệu trên chiếc áo khoác cổ điển của Langdon.

“Thật ra,” anh nói, mỉm cười âm áp, “đây là chiếc áo đuôi tôm rất đẹp. Vừa vặn lắm.”

“Tôi phải nói với em, Edmond ạ, anh bạn nhân tạo Winston của em... rất đáng ngại.”

Kirsch cười toét. “Phi thường phải không ạ? Thầy không thể tin nổi những gì em đã hoàn thành trong lĩnh vực trí thông minh nhân tạo trong năm nay đâu - những bước nhảy vọt ngoạn mục. Em đã phát triển một số công nghệ độc quyền mới giúp máy móc giải quyết vấn đề và tự kiểm soát theo những cách thức hoàn toàn mới. Winston là một dự án đang triển khai, nhưng nó tiến bộ hằng ngày.”

Langdon nhận thấy những nếp nhăn hằn sâu xuất hiện quanh đôi mắt trẻ con của Edmond sau một năm qua. Anh chàng này trông rất mệt mỏi. “Edmond, em có ngại nói cho tôi biết tại sao em lại đưa tôi đến đây không?”

“Tới Bilbao ạ? Hay là vào đường xoắn ốc Richard Serra?”

“Chúng ta bắt đầu từ đường xoắn ốc đi,” Langdon nói. “Em biết tôi sợ không gian tù túng mà.”

“Chính xác. Tối nay là nhằm đẩy mọi người ra khỏi vùng dễ chịu của họ,” anh nói kèm nụ cười đầy tự mãn.

“Vẫn luôn là đặc trưng của em.”

“Hơn nữa,” Kirsch nói thêm, “em cần nói với thầy và em không muốn bị trông thấy trước buổi diễn.”

“Bởi lẽ các ngôi sao nhạc rock không bao giờ trà trộn với khách mời trước buổi hòa nhạc à?”

“Chính xác!” Kirsch đáp lại vẻ bông lơn. “Các ngôi sao nhạc rock xuất hiện một cách kỳ diệu trên sân khấu trong màn khói

mù mịt.”

Phía trên đầu, các bóng đèn đột ngột dịu xuống rồi bật lên. Kirsch kéo ống tay áo và nhìn đồng hồ. Rồi anh liếc Langdon, vẻ mặt đột nhiên trở nên nghiêm trọng. “Thầy Robert, chúng ta không có nhiều thời gian. Tối nay là một thời điểm khác thường với em. Thực tế, nó sẽ là một thời điểm quan trọng cho toàn thể nhân loại.”

Langdon bỗng cảm thấy phải đề phòng.

“Gần đây, em có một phát hiện khoa học,” Edmond nói. “Đó là một đột phá sẽ có ý nghĩa ảnh hưởng rất sâu rộng. Gần như không ai trên thế giới này biết về nó, và tối nay - không lâu nữa - em sẽ trực tiếp phát biểu với cả thế giới và công bố những gì em đã tìm ra.”

“Tôi không biết chắc phải nói gì,” Langdon đáp. “Việc này nghe chần động quá nhỉ.”

Edmond hạ giọng, và tiếng anh trở nên căng thẳng khác thường. “Trước khi em công khai thông tin này, thầy Robert, em cần lời khuyên của thầy”. Anh ngừng lại. “Em sợ rằng mạng sống của em có thể tùy thuộc vào điều đó.”

CHƯƠNG 9

Sự im lặng bao trùm lấy hai người đàn ông bên trong đường hầm xoắn ốc.

Em cần lời khuyên của thầy... Em sợ rằng mạng sống của em có thể tùy thuộc vào điều đó.

Những lời nói của Edmond vẫn còn đè nặng trong không khí và Langdon nhìn thấy vẻ bất an trong mắt anh. “Edmond? Có chuyện gì vậy? Em ổn chứ?”

Những bóng đèn trên đầu diu đi rồi sáng lại lần nữa, nhưng Edmond chẳng bận tâm.

“Với em là cả một năm đặc biệt,” anh nói, giọng như thì thầm. “Em đã làm việc một mình với một dự án lớn, một dự án dẫn tới một phát hiện mang tính đột phá.”

“Nghe tuyệt quá.”

Kirsch gật đầu. “Đúng là vậy và ngôn từ không thể mô tả hết em đã phấn khích như thế nào khi chia sẻ điều đó với thế giới tối nay. Nó sẽ báo hiệu cho một sự thay đổi lớn. Em không hề ngoa ngôn khi nói với thầy rằng phát hiện của em sẽ có những tác động ở tầm vóc cuộc cách mạng Copernicus.”

Nhất thời, Langdon nghĩ vị chủ nhà của mình đang đùa, nhưng vẻ mặt của Edmond vẫn cực kỳ nghiêm túc.

Copernicus ư? Khiêm nhường chưa bao giờ là một trong những điểm mạnh của Edmond, nhưng lời khẳng định này nghe quá ư vô lý. Nicolaus Copernicus là cha đẻ của mô hình nhật tâm - với niềm tin rằng các hành tinh quay xung quanh mặt trời - đã khởi phát một cuộc cách mạng khoa học vào những năm 1500 phá hủy hoàn toàn giáo điều từ lâu của Giáo

hội rằng con người chiếm vị trí trung tâm trong vũ trụ của Chúa. Phát hiện của ông đã bị Giáo hội kết án suốt ba thế kỷ, nhưng sức tàn phá thì đã diễn ra và thế giới không bao giờ như cũ được nữa.

“Em có thể thấy là thầy hoài nghi,” Edmond nói. “Liệu có tốt hơn nếu em nói về Darwin không nhỉ?”

Langdon mỉm cười. “Cũng thế thôi.”

“Vâng, vậy thì cho phép em hỏi thầy câu này: Hai câu hỏi cơ bản nhất mà loài người đặt ra trong suốt lịch sử của chúng ta là gì?”

Langdon ngẫm nghĩ. “Chà, hẳn các câu hỏi đó là: ‘Tất cả bắt đầu như thế nào? Chúng ta đến từ đâu?’ nhỉ.”

“Chính xác. Và câu hỏi thứ hai đơn giản là phải tùy thuộc vào câu đó. Không phải là ‘chúng ta đến từ đâu’... mà là...”

“‘Chúng ta đang đi về đâu?’”

“Vâng! Hai bí mật này nằm ở cốt lõi sự trải nghiệm của con người. Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta đang đi về đâu? Quá trình sáng tạo ra loài người và số phận của con người. Đó là những bí ẩn chung.” Ánh mắt Edmond đánh lại và anh nhìn xoáy vào Langdon đầy trông đợi. “Thầy Robert, phát hiện mà em có được... nó trả lời rất rõ cho cả hai câu hỏi này đấy.”

Langdon nghe trọn từng lời của Edmond. “Tôi... không dám nói gì cả.”

“Không cần nói gì cả. Em hy vọng thầy và em có thời gian để thảo luận kỹ việc này sau buổi thuyết trình tối nay, nhưng lúc này, em cần nói với thầy về mặt tối của toàn bộ chuyện này - hậu quả tiềm tàng do phát hiện này.

“Em nghĩ sẽ có những tác động ngược à?”

“Chắc chắn vậy. Bằng việc trả lời các câu hỏi ấy, em đã đặt

chính mình vào cuộc xung đột trực tiếp với hàng thế kỷ những giáo điều tinh thần đã được xác lập. Những vấn đề về quá trình tạo ra nhân loại và số phận con người theo truyền thống thuộc lãnh địa của tôn giáo. Em là kẻ xâm phạm vào lĩnh vực của người khác, và các tôn giáo trên thế giới đều sẽ không thích những gì em sắp công bố.”

“Thú vị đây,” Langdon trả lời. “Và có phải đây là lý do em dành ra hai tiếng chat vắn tôi về tôn giáo trong bữa trưa ở Boston năm ngoái không?”

“Chính thế. Có thể thầy còn nhớ lời cam đoan của cá nhân em với thầy - rằng trong cuộc đời chúng ta, những truyền thuyết tôn giáo đều sẽ bị bác bỏ bởi những đột phá khoa học.”

Langdon gật đầu. *Khó mà quên được.* Sự táo bạo trong tuyên bố của Kirsch còn rành rẽ từng lời trong trí nhớ rất rõ ràng của Langdon.

“Tôi nhớ. Và tôi phản bác rằng tôn giáo đã tồn tại trước những tiến bộ của khoa học suốt hàng nghìn năm và rằng nó vẫn là một mục đích quan trọng trong xã hội và tôn giáo có thể sẽ tiến hóa, nó sẽ chẳng bao giờ mai một.”

“Chính xác. Em cũng nói với thầy rằng em đã tìm được mục đích của đời mình - dùng chân lý khoa học để loại bỏ những truyền thuyết tôn giáo.”

“Phải, rất mạnh mẽ.”

“Và thầy còn thách thức em, thầy Robert ạ. Thầy cho rằng bất cứ khi nào em tìm ra một ‘chân lý khoa học’ trái ngược hoặc hủy hoại các giáo lý của tôn giáo, em nên thảo luận với một học giả tôn giáo với hy vọng em có thể nhận ra rằng thường thì khoa học và tôn giáo đều cố gắng kể câu chuyện giống nhau bằng hai ngôn ngữ khác nhau.”

“Tôi còn nhớ rõ. Các nhà khoa học và các nhà thần học thường sử dụng vốn từ khác nhau để mô tả những bí ẩn giống hệt nhau của vũ trụ. Những mâu thuẫn thường liên quan đến vấn đề ngữ nghĩa chứ không phải thực chất.”

“Chà, em đã theo lời khuyên của thầy,” Kirsch nói. “Và em đã hỏi ý kiến các thủ lĩnh tinh thần về phát hiện mới nhất của mình rồi.”

“Ồ?”

“Thầy có quen với Nghị viện các Tôn giáo thế giới không?”

“Dĩ nhiên rồi.” Langdon là người rất ngưỡng mộ những nỗ lực của nhóm ấy nhằm thúc đẩy đối thoại giữa các tín điều.

“Tình cờ,” Kirsch nói, “nghị viện lại nhóm họp ở ngoại ô Barcelona đúng năm nay, cách nhà em khoảng một tiếng, tại Tu viện Montserrat.”

Một địa điểm rất ngoạn mục, Langdon nghĩ. Ông đã từng lên thăm thánh đường trên đỉnh núi ấy nhiều năm về trước.

“Khi em nghe tin sự kiện đó diễn ra đúng vào cái tuần em lên kế hoạch thực hiện công bố khoa học lớn này, em không biết nữa, em...”

“Bản khoản rằng liệu đó có phải là một dấu hiệu từ Chúa trời không à?”

Kirsch bật cười. “Đại để như vậy. Cho nên em gọi cho họ.”

Langdon thấy ấn tượng. “Em đã trình bày với toàn thể nghị viện?”

“Không! Quá nguy hiểm. Em không muốn thông tin này lộ ra trước khi em có thể đích thân công bố nó, vì vậy em hẹn một cuộc gặp với ba người trong số đó - đại diện của Thiên Chúa giáo, Hồi giáo và Do Thái giáo. Bốn người đã gặp riêng trong một thư viện.”

“Tôi ngạc nhiên là họ để em vào bên trong thư viện đấy.” Langdon nói về ngạc nhiên. “Tôi nghe nói đó là đất thánh.”

“Em bảo họ em cần một nơi gặp gỡ bảo đảm, không điện thoại, không máy quay, không kẻ xâm nhập. Họ đưa em vào thư viện đó. Trước khi em nói với họ bất kỳ chuyện gì, em đề nghị họ đồng ý thề giữ im lặng. Họ làm theo. Cho đến giờ, họ là những người duy nhất trên Trái Đất biết gì đó về phát hiện của em.”

“Tuyệt quá. Và họ phản ứng thế nào khi em nói với họ?”

Kirsch trông rất bẽn lễn. “Có lẽ em xử lý không được hoàn hảo cho lắm. Thầy biết em mà, thầy Robert, khi những đam mê của em bùng cháy thì nghi thức ngoại giao không phải là sở trường của em.”

“Phải, tôi từng đọc rằng em có thể cần được huấn luyện một chút về sự nhạy cảm,” Langdon cười nói. *Giống như Steve Jobs và nhiều thiên tài nhìn xa trông rộng khác.*

“Cho nên đúng với bản chất trực tính của mình, em bắt đầu cuộc nói chuyện bằng việc nói luôn sự thật với họ - rằng em luôn coi tôn giáo là một hình thức lừa dối đại chúng và rằng là một nhà khoa học, em thấy khó chấp nhận được chuyện hàng tỉ con người thông minh lại phải dựa vào những tín điều tương ứng của họ để được an ủi và dẫn dắt. Khi họ hỏi em tại sao em lại hỏi ý kiến những người mà rõ ràng em chẳng mấy tôn trọng, em bảo họ em đến đó để đo đếm phản ứng của họ trước phát hiện của mình để em có thể cảm nhận chút ít xem nó sẽ được những kẻ sùng đạo của thế giới tiếp nhận thế nào một khi em công khai.”

“Hãy luôn lịch thiệp,” Langdon nhú mày nói. “Em cần biết rằng nhiều khi thành thực không phải là cách tốt nhất chứ?”

Kirsch thô bạo phẩy tay. “Những suy nghĩ của em về tôn giáo đã được công khai rất rộng rồi còn đâu. Em nghĩ họ đánh giá cao sự minh bạch. Tuy nhiên, sau đó, em trình bày công trình của mình cho họ, giải thích chi tiết những gì em đã phát hiện và cách nó làm thay đổi mọi thứ. Em thậm chí còn lấy điện thoại của mình và cho họ xem một đoạn video mà em phải thừa nhận là khá đáng chú ý. Họ đều không nói lên lời.”

“Chắc chắn họ phải nói gì đó,” Langdon gợi ý, thậm chí càng thấy tò mò muốn biết những gì Kirsch đã phát hiện ra.

“Em rất hy vọng có một cuộc trò chuyện, nhưng vị thầy tu Thiên Chúa giáo đã chặn lời hai người kia trước khi họ kịp nói. Ông ấy nài nỉ em cân nhắc lại việc công khai thông tin. Em bảo ông ấy rằng em sẽ suy nghĩ việc đó trong tháng tới.”

“Nhưng em sẽ công khai tối nay mà.”

“Em biết. Em nói với họ tuyên bố của em vẫn còn vài tuần nữa để họ không hoảng loạn hoặc tìm cách can thiệp.”

“Và khi họ biết về buổi thuyết trình tối nay thì sao?” Langdon hỏi.

“Họ sẽ không ngạc nhiên đâu. Đặc biệt một người trong số họ.” Kirsch nhìn thẳng vào mắt Langdon. “Vị thầy tu triệu tập cuộc gặp của chúng em là Giám mục Antonio Valdespino. Thầy biết ông ấy chứ?”

Langdon thấy căng thẳng. “Từ Madrid phải không?”

Kirsch gật đầu. “Thế thì đúng rồi.”

Có lẽ không phải là cử tọa lý tưởng cho chủ thuyết vô thần quyết liệt của Edmond, Langdon nghĩ. Valdespino là một nhân vật quyền uy trong Giáo hội Công giáo Tây Ban Nha, nổi tiếng với những quan điểm cực kỳ bảo thủ và rất có ảnh hưởng đến Đức vua Tây Ban Nha.

“Ông ấy là chủ nhà nghị viện năm nay,” Kirsch nói, “và vì thế là người em đàm phán để sắp xếp cuộc gặp. Ông ấy đề xuất đích thân đến và em đề nghị ông ấy mời thêm đại diện Hồi giáo và Do Thái giáo.”

Những bóng đèn trên đầu lại mờ đi.

Kirsch thở dài nặng nề, hạ thấp giọng hơn nữa. “Thầy Robert, lý do em muốn nói chuyện với thầy trước buổi thuyết trình của em là vì em cần lời khuyên của thầy. Em cần biết liệu có phải thầy tin rằng Giám mục Valdespino rất nguy hiểm không.”

“Nguy hiểm?” Langdon nói. “Theo cách nào chứ?”

“Những gì em cho ông ấy xem đe dọa thế giới của ông ấy và em muốn biết liệu thầy có nghĩ em đang rơi vào mối đe dọa nào đó từ phía ông ấy không.”

Langdon lập tức lắc đầu. “Không, không thể. Tôi không chắc em đã nói gì với ông ấy, nhưng Valdespino là trụ cột của Công giáo Tây Ban Nha và các mối quan hệ của ông ấy với hoàng gia Tây Ban Nha khiến ông ấy cực kỳ có ảnh hưởng... nhưng ông ấy là một tu sĩ, không phải một sát thủ. Ông ấy sử dụng quyền lực chính trị. Ông ấy có thể lên lớp trách cứ em, nhưng tôi thấy rất khó tin được rằng em gặp mối đe dọa nào đó từ ông ấy.”

Nhìn Kirsch không hề thấy được thuyết phục. “Thầy nên nhìn thấy cái cách ông ta nhìn em lúc em rời Montserrat.”

“Em ngồi trong thư viện bất khả xâm phạm của tu viện đó và nói với một giám mục rằng toàn bộ hệ thống tín điều của ông ấy là lừa đảo!” Langdon kêu lên. “Vậy em mong ông ấy mời em trà và bánh ngọt chắc?”

“Không,” Edmond thừa nhận, “nhưng em cũng không mong ông ấy gửi cho em một bức thư với giọng điệu đe dọa sau cuộc

gặp gỡ.”

“Giám mục Valdespino đã gọi cho em à?”

Kirsch thò tay vào áo khoác da và móc ra một chiếc điện thoại thông minh to khác thường. Nó có phần vỏ bằng ngọc lam rất sáng trang trí hoa văn lục giác lặp đi lặp lại, mà Langdon nhận ra là một hoa văn gạch men nổi tiếng do kiến trúc sư Công giáo theo chủ nghĩa tân thời Antoni Gaudí thiết kế.

“Thầy nghe đi,” Kirsch nói, ấn một vài nút và giơ chiếc điện thoại lên. Một giọng nói già cả lạo xạo phát ra từ loa, giọng điệu gay gắt và nghiêm trọng:

Anh Kirsch, tôi là Giám mục Antonio Valdespino. Anh biết rồi đấy, tôi thấy cuộc gặp của chúng ta sáng nay rất đáng ngại - hai đồng đạo của tôi cũng vậy. Tôi mong anh gọi cho tôi ngay để chúng ta thảo luận thêm việc này và tôi có thể cảnh báo anh lần nữa về những nguy hiểm của việc công khai thông tin này. Nếu anh không gọi, xin báo rằng các đồng đạo của tôi và tôi sẽ tính đến việc ra tuyên bố trước về những phát hiện của anh, trình bày lại và cố gắng đảo ngược sự tổn hại vô kể mà anh sắp gây ra cho thế giới... sự tổn hại mà rõ ràng anh không nhìn thấy trước. Tôi đợi cuộc gọi của anh, và tôi đặc biệt lưu ý anh chớ thử thách sự kiên quyết của tôi.

Lời nhắn kết thúc.

Langdon phải thừa nhận ông thấy giật mình trước giọng điệu hung hăng của Valdespino, nhưng bức thư thoại không khiến ông thấy sợ hãi nhiều bằng việc nó càng làm ông thêm tò mò về tuyên bố sắp tới của Edmond. “Thế em đã đáp lại ra sao?”

“Em không hồi đáp,” Edmond nói, nhét chiếc điện thoại trở lại túi mình. “Em xem đó là một lời đe dọa vớ vẩn. Em biết chắc họ muốn chôn giấu thông tin này, chứ không phải công bố nó đâu. Hơn nữa, em biết việc lên lịch bất ngờ cho buổi thuyết

trình tối nay sẽ khiến họ ngạc nhiên, cho nên em không quá lo ngại về việc họ ra tay hành động trước.” Anh ngừng lại, nhìn Langdon. “Còn bây giờ... em không biết nữa, có gì đó trong giọng nói của ông ta... nó chỉ vừa mới nảy ra trong đầu em.”

“Em lo là mình gặp nguy hiểm ở đây à? Trong tối nay?”

“Không, không, danh sách khách mời được kiểm soát chặt và an ninh của tòa nhà này rất tốt. Em thấy lo ngại hơn về những gì xảy ra một khi em công bố.” Edmond dường như đột nhiên thấy hối tiếc vì đã đề cập đến điều đó. “Thật ngớ ngẩn. Tâm trạng lo lắng trước giờ diễn thôi mà. Em chỉ muốn biết linh tính của thầy.”

Langdon quan sát người bạn của mình với vẻ lo lắng càng lúc càng tăng. Edmond trông xanh xao và bồn loạn khác thường.

“Linh tính của tôi bảo tôi rằng Valdespino sẽ không bao giờ gây nguy hiểm cho em, cho dù em có làm ông ấy giận dữ đến đâu đi chăng nữa.”

Những ngọn đèn lại mờ đi, lần này khá lâu.

“Tốt rồi, cảm ơn thầy.” Kirsch kiểm tra đồng hồ. “Em cần phải đi, nhưng thầy và em có thể gặp lại sau được không? Có một số khía cạnh của phát hiện này mà em muốn thảo luận thêm với thầy.”

“Dĩ nhiên rồi.”

“Tuyệt vời. Mọi chuyện sẽ rồi tinh sau buổi thuyết trình, cho nên thầy và em sẽ cần một chỗ nào đó riêng tư tránh khỏi sự lộn xộn để trò chuyện đây.” Edmond rút ra một tấm danh thiếp và bắt đầu viết vào phía sau. “Sau buổi thuyết trình, hãy gọi một chiếc taxi và đưa danh thiếp này cho lái xe. Bất kỳ lái xe người địa phương nào cũng sẽ hiểu phải đưa thầy tới đâu.” Anh trao tấm danh thiếp cho Langdon.

Langdon cứ ngỡ sẽ thấy địa chỉ một khách sạn hay nhà hàng địa phương ở mặt sau. Thế nhưng ông lại chỉ thấy thứ trông như một mật mã hơn.

BIO-EC346

“Tôi xin lỗi, đưa cái này cho người lái taxi à?”

“Vâng, họ sẽ biết đi đâu. Em sẽ dặn an ninh ở đó đợi thầy và em sẽ tới đó nhanh nhất có thể.”

An ninh ư? Langdon cau mày, bản khoản không rõ BIO-EC346 có phải là bí danh của một câu lạc bộ khoa học bí mật nào đó không.

“Đây là một mật mã hết sức đơn giản, bạn ạ.” Anh nháy mắt. “Thầy cũng như tất cả mọi người đều có thể đoán ra. Và, nhân tiện, chỉ là thầy sẽ luôn được chú ý nên thầy sẽ đóng một vai trò trong công bố của em tối nay đây.”

Langdon ngạc nhiên. “Vai trò gì vậy?”

“Đừng lo. Thầy sẽ không phải làm gì cả.”

Nói xong, Edmond Kirsch băng qua phòng về phía lối ra của đường hầm xoắn ốc. “Em phải tới chỗ hậu trường... nhưng Winston sẽ hướng dẫn thầy.” Anh ngừng lại chỗ ngưỡng cửa và quay người lại. “Em sẽ gặp thầy sau sự kiện. Và hy vọng thầy nói đúng về Valdespino.”

“Edmond, thư giãn đi. Hãy tập trung vào bài thuyết trình của em. Em không hề gặp bất cứ đe dọa nào từ các giáo sĩ đâu,” Langdon trấn an anh.

Kirsch trông không có vẻ bị thuyết phục. “Có thể thầy sẽ thấy rất khác, thầy Robert, khi thầy nghe những gì em sắp nói.”

CHƯƠNG 10

Trụ sở của Tổng giáo phận Công giáo La Mã Madrid - Catedral de la Almudena - là một nhà thờ chính tòa tân cổ điển đồ sộ tọa lạc kề bên Hoàng cung Madrid. Được xây trên vị trí của một thánh đường Hồi giáo cổ, Nhà thờ chính tòa Almudena có tên gọi xuất phát từ từ Arab *al-mudayna*, nghĩa là “tòa thành”.

Theo truyền thuyết, khi Alfonso Đệ lục giành lại Madrid từ người Hồi giáo vào năm 1083, ông quyết tâm xác định lại vị trí một thánh tượng quý giá đã bị thất lạc của Đức mẹ Đồng trinh Mary do bị chôn lấp trong những bức tường của tòa thành để bảo đảm được giữ an toàn. Không thể xác định được vị trí của Đức mẹ Đồng trinh đã bị giấu kín, Alfonso chuyên chú khẩn nguyện cho tới khi một phần tường thành bị nổ tung, sụp xuống và làm lộ ra bức tượng bên trong, vẫn được thắp sáng nhờ những ngọn nến đang cháy được chôn lấp cùng thánh tượng từ hàng thế kỷ trước.

Ngày nay, Đức mẹ Đồng trinh Almudena là vị thánh bảo trợ của Madrid, và những người hành hương cùng khách du lịch đổ về Nhà thờ chính tòa Almudena để cầu nguyện trước thánh tượng của bà. Vị trí đầy ấn tượng của nhà thờ - cùng chung cung điện chính với Hoàng cung - làm tăng thêm nét hấp dẫn với những người đi lễ nhà thờ: cơ hội được nhìn thấy hoàng gia ra vào cung điện.

Tối nay ở sâu bên trong nhà thờ, một thầy dòng trẻ đang hốt hoảng chạy băng qua hành lang.

Giám mục Valdespino ở đâu rồi nhỉ?!

Buổi lễ sắp bắt đầu đến nơi rồi!

Suốt nhiều thập kỷ, Giám mục Antonio Valdespino là tu sĩ trưởng và người cai quản nhà thờ chính tòa này. Là một người bạn lâu năm và cố vấn tinh thần của Đức vua, Valdespino là một người nệ cổ thẳng thắn và nhiệt thành, gần như không khoan nhượng việc hiện đại hóa. Thật đáng kinh ngạc là vị giám mục tám mươi ba tuổi vẫn đeo cùm chân suốt Tuần Thánh* và cùng những người sùng đạo rước thánh tượng khắp các đường phố của thành phố.

Cha Valdespino, trong số tất cả mọi người, không bao giờ trễ giờ làm lễ cả.

Thầy dòng ở cùng giám mục mới hai mươi phút trước trong phòng áo lễ, giúp ông mặc áo choàng như thường lệ. Họ vừa xong việc thì giám mục nhận được một tin nhắn và, không nói một lời, vội vã ra ngoài.

Ông ấy đi đâu rồi?

Đã tìm khắp cả thánh điện, phòng áo lễ và thậm chí cả phòng vệ sinh riêng của giám mục, thầy dòng lúc này đang chạy vội dọc hành lang tới khu hành chính của nhà thờ để kiểm tra văn phòng của giám mục.

Thầy nghe thấy tiếng đàn ông ồ ồ khởi động phía xa.

Thánh ca rước đạo bắt đầu rồi!

Thầy dòng dừng vội bên ngoài văn phòng riêng của giám mục, giật mình khi thấy một vệt sáng bên dưới cánh cửa khép chặt.

Ngài ở đây?!

Thầy dòng khê gõ cửa. “¿Excelencia Reverendísima?”

Không có tiếng trả lời.

Gõ mạnh hơn, thầy gọi lớn. “¿¿Su Excelencia?!?”

Vẫn chẳng thấy gì.

Lo lắng về sức khỏe của vị giám mục, thầy dòng xoay nắm tay cửa và đẩy cửa mở ra.

¡Cielos! Thầy dòng há hốc miệng khi nhìn vào cái không gian riêng tư ấy.

Giám mục Valdespino ngồi bên chiếc bàn gỗ gụ, đắm đắm nhìn vào chiếc máy tính cá nhân đang chạy. Chiếc mũ thánh của ông vẫn nguyên trên đầu, chiếc áo lễ của ông cuộn dưới mình, còn cây gậy phép thì dựa vội vào tường.

Thầy dòng hăng giọng. “*La Santa misa está...*”

“*Preparada,*” giám mục ngắt lời, mắt vẫn không rời khỏi màn hình. “*Padre Derida me sustituye.*”

Thầy dòng ngơ ngác nhìn sững. Cha Derida sẽ thay thế ư? Một tu sĩ cấp thấp chủ trì lễ thánh tối thứ Bảy là một điều hết sức khác thường.

“¡Vete ya!” Valdespino gắt mà không hề nhìn lên. “*Y cierra la puerta.*”

Sợ hãi, thầy dòng làm đúng theo lời, lập tức đi ra và khép cửa lại.

Vội vã chạy trở lại phía âm thanh tiếng đàn ống, thầy dòng thắc mắc không rõ giám mục đang xem thứ gì trên máy tính đến mức thu hút hết cả tâm trí của ông ấy khỏi những nghĩa vụ đối với Chúa.

Thời điểm đó, Đô đốc Ávila đang len lỏi qua đám đông mỗi lúc một tăng dần số lượng trong tiền sảnh Bảo tàng Guggenheim, bối rối nhìn những vị khách đang trò chuyện với những cái tai nghe bóng bẩy của họ. Rõ ràng, chuyến tham quan bảo tàng có hướng dẫn bằng âm thanh là một cuộc trò chuyện hai chiều.

Ông ta cảm thấy mừng vì đã vượt bỏ thiết bị đó.

Không được phân tâm tôi nay.

Ông ta kiểm tra đồng hồ và nhìn các thang máy. Chúng đều chật cứng những vị khách đang đổ tới sự kiện chính trên gác, vì thế Ávila chọn cầu thang bộ. Lúc leo lên, ông ta cảm nhận được cơn run rẩy hoài nghi giống hệt như đã cảm thấy đêm qua. *Ta thật sự trở thành một kẻ có khả năng giết người rồi sao?* Những kẻ vô thần cướp đi sinh mạng vợ và con trai ông ta đã làm thay đổi con người ông ta. *Hành động của ta được người có thẩm quyền cao hơn chấp thuận, ông ta tự nhủ. Những gì ta làm có sự đúng đắn.*

Khi Ávila đến chiếu nghỉ đầu tiên, ánh mắt ông ta hút về phía một người phụ nữ có mặt trên một lối đi treo gần đó. Nhân vật nổi tiếng mới nhất của Tây Ban Nha, ông ta nghĩ thầm, mắt nhìn người đẹp nổi tiếng.

Nàng mặc một bộ váy trắng ôm khít lấy cơ thể, có một đường chéo màu đen chạy cắt qua người rất nhã nhặn. Thân hình mảnh mai, mái tóc đen dày và dáng đi uyển chuyển của nàng rất dễ làm người khác ngưỡng mộ, và Ávila nhận ra mình không phải người duy nhất hướng ánh mắt về phía nàng.

Ngoài những ánh mắt tán thưởng của các quan khách khác, người phụ nữ trong bộ đồ trắng còn thu hút trọn sự chú ý của hai nhân viên an ninh ăn mặc bóng bẩy bám theo nàng rất sát sao. Hai người này di chuyển với vẻ tự tin cẩn trọng của loài báo đen, trên người khoác áo ngắn tay màu xanh dương có thêu phù hiệu và hai chữ cái GR rất lớn.

Ávila không ngạc nhiên trước sự hiện diện của họ, nhưng ánh mắt của họ khiến mạch ông ta đập nhanh hơn. Từng là thành viên cũ trong lực lượng vũ trang Tây Ban Nha, ông ta biết rất rõ GR có ý nghĩa như thế nào. Hai vệ sĩ này đều có vũ trang và được đào tạo kỹ như bất kỳ vệ sĩ nào trên Trái Đất này.

Nếu bọn họ có mặt thì ta phải hết sức cẩn trọng, Ávila tự nhủ.

“Này!” một giọng đàn ông vang lên, ngay sau lưng ông ta.

Ávila xoay người lại.

Một gã to béo trong bộ tuxedo và chiếc mũ cao bồi màu đen đang ngoác miệng cười với ông ta.

“Trang phục tuyệt đấy!” gã kia nói, tay chỉ bộ quân phục của Ávila. “Sao lại có người kiểm đầu được thứ như thế nhỉ?”

Ávila trừng mắt nhìn, hai nắm tay đang siết chặt nơi lỏng ra. *Trải qua cả một đời phục vụ và hy sinh đấy*, ông ta nghĩ. “No hablo inglés,” Ávila nhún vai trả lời, và tiếp tục bước lên cầu thang.

Trên tầng hai, Ávila thấy một hành lang dài và cứ theo biển chỉ dẫn tới một phòng vệ sinh ở khuất nẻo phía cuối dãy. Ông ta định bước vào thì đèn trong khắp bảo tàng dịu đi rồi sáng lại - cách gây chú ý nhẹ nhàng lần thứ nhất để giục quan khách bắt đầu lên gác dự buổi thuyết trình.

Ávila bước vào phòng vệ sinh vắng vẻ, chọn buồng cuối cùng và khóa chặt phía trong. Giờ chỉ còn một mình, ông ta cảm nhận được những con quỷ dữ quen thuộc đang tìm cách trỗi dậy trong mình, hăm he kéo tuột ông ta xuống vực thẳm.

Năm năm và những ký ức vẫn ám ảnh ta.

Ávila giận dữ xua những cảm giác hãi hùng ra khỏi tâm trí và lấy chuỗi hạt từ trong áo ra. Rất nhẹ nhàng, ông ta gài chuỗi hạt lên móc treo mũ trên cánh cửa. Lúc chuỗi hạt và cây thánh giá bình thản đứng đưa trước mặt, ông ta cảm thấy rất ngưỡng mộ tác phẩm làm bằng tay của mình. Người mộ đạo có thể sẽ kinh hãi khi biết rằng một kẻ nào đó lại có thể làm ô uế chuỗi hạt bằng việc tạo ra món đồ như thế này. Thế nhưng, Ávila đã được Nhiếp chính vương trấn an rằng theo những quy luật của sự tuyệt đối thì cùng tắc biến, cái khó tất lộ cái khôn.

Khi nguyên nhân là điều thiêng liêng này, Nhiếp chính vương đã hứa, thì sự tha thứ của Chúa đã được bảo đảm.

Cùng với sự bảo vệ đôi với linh hồn, thân thể Ávila cũng đã được bảo đảm giải thoát khỏi những điều xấu xa. Ông ta liếc nhìn hình xăm trên bàn tay mình. □

Giống như dấu hiệu *crismón** cổ xưa của Đức Chúa, cái hình này là một biểu tượng hình thành hoàn toàn từ các chữ cái. Ávila đã xăm nó ở đó ba ngày trước bằng mực muối sắt* và một cây kim, chính xác như được hướng dẫn và chỗ đó vẫn còn đau đớn và đỏ rực. Nếu ông ta bị bắt, Nhiếp chính vương đã trấn an, tất cả những gì ông phải làm là đưa bàn tay của mình cho những người bắt giữ nhìn thấy và chỉ trong vài tiếng, ông sẽ được thả ra.

Chúng ta chiếm ngự cấp cao nhất trong chính phủ, Nhiếp chính vương đã nói vậy.

Ávila đã chứng kiến ảnh hưởng đáng nể của họ và có cảm giác nó như một bức màn bảo vệ xung quanh ông ta. Vẫn còn tồn tại những người trân trọng những cách thức cổ xưa. Một ngày nào đó, Ávila hy vọng được tham gia vào hàng ngũ tinh hoa này, nhưng lúc này, ông ta cảm thấy vinh dự được thực hiện bất kỳ vai trò nào.

Trong không gian vắng vẻ của phòng vệ sinh, Ávila móc điện thoại của mình ra và bấm dãy số an toàn đã được cung cấp.

Giọng nói trên máy trả lời ngay hồi chuông thứ nhất. “¿Sí?”

“Estoy en posición,” Ávila đáp, chờ đợi những chỉ dẫn cuối cùng.

“Bien,” Nhiếp chính vương nói. “Tendrás una sola oportunidad. Aprovecharla será crucial.” Anh sẽ chỉ có một cơ hội thôi. Điều cốt yếu là nắm lấy nó.

CHƯƠNG 11

Ba mươi cây số về phía bờ biển tính từ những tòa nhà chọc trời lấp lánh, những hòn đảo nhân tạo, cùng tòa biệt thự của Dubai là thành phố Sharjah - thủ phủ văn hóa Hồi giáo siêu bảo thủ của Các tiểu vương quốc Arab thống nhất.

Với hơn sáu trăm thánh đường và những trường đại học tốt nhất của khu vực, Sharjah chẳng khác gì tòa bảo tháp của tinh thần và học thuật - một vị thế được hỗ trợ thêm nhờ trữ lượng dầu mỏ rất lớn cùng một nhà lãnh đạo đặt giáo dục người dân lên trên hết.

Tối nay, gia đình vị *allamah* khải kính của Sharjah, ngài Syed al-Fadl, tập hợp để tiến hành lễ chay vọng. Thay vì đọc kinh *tahaj-jud* truyền thống, kinh cầu nguyện dành cho lễ chay vọng buổi tối, họ lại cầu nguyện cho người cha, người bác và người chồng đã biến mất một cách bí ẩn không một chút dấu vết sớm trở về.

Báo chí địa phương vừa mới thông báo rằng một đồng đạo của ngài Syed cho biết ngài *allamah* vốn thường rất bình tĩnh dường như “khích động một cách lạ thường” khi trở về từ Nghị viện các tôn giáo thế giới hai ngày trước. Thêm nữa, vị đồng đạo này nói ông nghe loáng thoáng Syed có một cuộc tranh luận trên điện thoại khá căng thẳng không lâu sau khi ngài trở về. Cuộc tranh luận bằng tiếng Anh, do đó ông không hiểu được, nhưng vị đồng đạo thề rằng ông đã nghe thấy Syed liên tục nhắc đến một cái tên duy nhất.

Edmond Kirsch.

Ý nghĩ của Langdon quay cuồng khi ông ra khỏi cấu trúc đường xoắn ốc. Cuộc trò chuyện của ông với Kirsch vừa thú vị vừa đáng lo ngại. Cho dù những tuyên bố của Kirsch có phóng đại hay không thì nhà khoa học máy tính này rõ ràng cũng đã phát hiện ra gì đó mà anh ấy tin rằng sẽ gây ra một sự thay đổi lớn trên thế giới.

Một phát hiện quan trọng chẳng kém những phát minh của Copernicus ư?

Cuối cùng, khi Langdon ra khỏi cái cấu trúc xoắn ốc, ông cảm thấy hơi chóng mặt. Ông nhặt lấy cái tai nghe đã bỏ lại trên sàn lúc trước.

“Winston?” ông nói, bật thiết bị lên. “Alo?”

Một tiếng cạch khẽ và chất giọng Anh vì tính hóa xuất hiện trở lại.

“Xin chào Giáo sư. Vâng, tôi đây ạ. Ngài Kirsch đã đề nghị tôi đưa ngài lên thang máy phục vụ bởi vì thời gian quá ít không kịp trở lại tiền sảnh. Ông ấy cũng nghĩ ngài sẽ đánh giá cao loại thang máy phục vụ cỡ lớn.”

“Cậu ấy tốt bụng quá. Cậu ấy biết tôi sợ không gian chật hẹp.”

“Giờ thì tôi cũng đã biết. Và tôi sẽ không quên.”

Winston hướng dẫn Langdon đi qua cửa hông vào một hành lang xi măng và buông thang máy. Đúng như đã hứa, khoang thang máy rất rộng rãi, rõ ràng được thiết kế để vận chuyển những tác phẩm nghệ thuật quá khổ.

“Nút trên cùng,” Winston nói lúc Langdon bước vào. “Tầng

ba.”

Khi họ đến đích, Langdon bước ra.

“Rẽ phải Ạ,” giọng nói vui vẻ của Winston vang lên trong đầu Langdon. “Chúng ta sẽ đi qua phòng trưng bày bên trái ngài. Đó là lối trực tiếp nhất dẫn tới thính phòng.”

Langdon theo chỉ dẫn của Winston băng qua một phòng trưng bày rộng rãi bày biện rất nhiều sắp đặt nghệ thuật kỳ quái: một khẩu đại bác bằng thép rõ ràng đã bắn những khối sáp đỏ tròn tròn nhớp nháp lên một bức tường trắng; một chiếc ca nô quần bằng dây thép bùng bùng nhưng chắc chắn không nổi được; toàn bộ một thành phố thu nhỏ làm bằng những khối kim loại bóng láng.

Khi họ đi qua phòng trưng bày về phía lối ra, Langdon nhận thấy mình đang ngơ ngác trần trối nhìn một tác phẩm đồ sộ choán hết cả không gian.

Chính thức đây, ông quả quyết, mình đã tìm được tác phẩm lạ lùng nhất trong bảo tàng này.

Choán hết bề rộng của toàn bộ căn phòng, rất nhiều tượng chó sói bằng gỗ được tạo dáng rất năng động, phóng nước đại thành một hàng dài băng ngang phòng trưng bày nơi chúng nhảy vọt lên không trung và va mạnh người vào một bức tường kính trong suốt, hình thành một đồng xác chó sói cao ngều.

“Tác phẩm ấy có tên Tiến tới,” Winston hồn nhiên giới thiệu. “Chín mươi chín con sói mù quáng phóng mình vào một bức tường nhằm tạo hình tượng về tâm lý bầy đàn, tình trạng thiếu can đảm để thể hiện khác biệt với chuẩn mực.”

Cái nghịch lý của sự biểu trưng này gây ấn tượng mạnh cho Langdon. Mình ngờ rằng Edmond sẽ thể hiện sự khác biệt rất mạnh so với chuẩn mực trong buổi tối hôm nay.

“Bây giờ, nếu ngài tiếp tục đi thẳng tới trước,” Winston nói, “ngài sẽ thấy lỗi ra bên trái của tác phẩm hình viên kim cương nhiều màu sắc kia. Nghệ sĩ này là một trong những người Edmond rất yêu thích.”

Langdon nhận thấy bức tranh màu sắc tươi tắn trước mặt và lập tức nhận ra những nét nguệch ngoạc đã thành thương hiệu, các màu cơ bản và cái con mắt lơ lửng đầy tính chất bông lơn.

Joan Miró*, Langdon nghĩ, luôn cảm thấy thích thú với tác phẩm vui đùa của nghệ sĩ nổi tiếng người Barcelona, vốn có cảm giác như một sự pha trộn giữa một cuốn sách màu sắc dành cho trẻ em và một ô cửa sổ kính màu theo trường phái siêu thực.□

Tuy nhiên, khi Langdon đến ngang tầm với tác phẩm, ông dừng sững lại, giật mình khi thấy rằng bề mặt của nó hoàn toàn trơn láng, không hề nhìn thấy một nét bút nào. “Là một bản sao à?”

“Không, đó là bản gốc,” Winston trả lời.

Langdon nhìn gần hơn. Rõ ràng tác phẩm được in bằng một máy in khổ lớn. “Winston, đây là một bản in. Nó thậm chí còn không hề có toan.”

“Tôi không sáng tác trên chất liệu toan,” Winston trả lời. “Tôi sáng tạo nghệ thuật về mặt hình ảnh và sau đó Edmond in ra cho tôi.”

“Khoan đã,” Langdon nói vẻ không tin. “Thứ này của anh à?”

“Vâng, tôi cố gắng bắt chước phong cách của Joan Miró.”

“Tôi có thể nhận thấy điều đó,” Langdon nói. “Anh thậm chí còn ký tên... Miró.”

“Không hề,” Winston nói. “Xin hãy nhìn lại xem. Tôi ký là Miro... không có dấu. Trong tiếng Tây Ban Nha, từ *miro* có

nghĩa là ‘Tôi nhìn’.”

Thông minh lắm, Langdon phải thừa nhận như vậy, ngắm nghĩa con mắt theo phong cách Miró đang nhìn người xem từ chính giữa tác phẩm của Winston.

“Edmond đề nghị tôi tạo ra một bức chân dung tự họa, và đây là những gì tôi sáng tác.”

Đây là chân dung tự họa của anh bạn sao? Langdon lại liếc nhìn tập hợp những nét nguệch ngoạc không đều nhau. *Hẳn anh bạn phải là một chiếc máy tính trông rất kỳ lạ.*

Gần đây, Langdon đã đọc về hứng thú ngày càng tăng của Edmond đối với việc dạy cho máy tính cách sáng tạo nghệ thuật thuật toán - tức là nghệ thuật được tạo ra bởi những chương trình máy tính cực kỳ phức tạp. Điều đó đặt ra một câu hỏi nhức nhối: khi một máy tính sáng tạo nghệ thuật thì nghệ sĩ là ai - máy tính hay người lập trình? Tại Học viện Công nghệ Massachusetts, một triển lãm gần đây về nghệ thuật thuật toán cực kỳ hoàn hảo đã đặt ra một vấn đề rất khó giải cho ngành nhân văn của Đại học Harvard: *Có phải nghệ thuật là những gì khiến chúng ta thành con người?*

“Tôi cũng soạn cả nhạc,” Winston lên tiếng. “Sau này ngài nên yêu cầu Edmond bắt một vài bản cho ngài, ngài sẽ tò mò đấy. Còn lúc này, ngài cần khăn trương lên. Buổi thuyết trình sắp bắt đầu rồi.”

Langdon rời phòng trưng bày và nhận ra mình đang ở trên một lối đi rất cao nhìn xuống tiền sảnh chính. Ở mé đôi diện của không gian nhiều hang hốc này, các hướng dẫn viên đang thúc giục một vài vị khách đi lung tung cuối cùng ra khỏi thang máy, dồn họ theo hướng Langdon về phía một ô cửa phía trước.

“Chương trình tối nay được sắp đặt mở màn chỉ sau vài phút

nữa,” Winston nói. “Ngài có thấy lối vào không gian thuyết trình không?”

“Tôi thấy rồi. Ngay trước mặt.”

“Tốt lắm. Một điểm cuối cùng. Khi ngài đi vào, ngài sẽ thấy mấy cái thùng thu thập tai nghe. Edmond đề nghị ngài không trả lại cái của ngài, mà cứ giữ lấy. Như thế này, sau chương trình, tôi có thể hướng dẫn ngài ra khỏi bảo tàng qua một cửa hậu, nơi ngài tránh được đám đông và chắc chắn tìm được một chiếc taxi.”

Langdon hình dung ra chuỗi những chữ cái và con số lạ lùng mà Edmond đã viết vội trên tấm danh thiếp, dặn ông đưa nó cho người lái taxi. “Winston, tất cả những gì Edmond viết ra là ‘BIO-EC346’. Cậu ấy gọi đó là một mật mã cực kỳ đơn giản.”

“Ông ấy nói sự thật đấy,” Winston trả lời rất nhanh. “Bây giờ, thưa Giáo sư, chương trình sắp bắt đầu rồi. Tôi hy vọng ngài thấy thích màn thuyết trình của ngài Kirsch và tôi mong được hỗ trợ ngài sau đó.”

Với một tiếng cách đột ngột, giọng Winston biến mất.

Langdon lại gần mấy cánh cửa vào, gỡ tai nghe của mình và đút cái thiết bị nhỏ xíu ấy vào túi áo khoác. Xong xuôi, ông vội vã bước qua cửa cùng một vài vị khách cuối cùng đúng lúc cánh cửa khép lại sau lưng ông.

Một lần nữa, ông thấy mình trong một không gian bất ngờ.

Chúng ta đứng nghe thuyết trình à?

Langdon cứ định nhìn đám đông tụ tập trong một thính phòng ngồi thoải mái để nghe công bố của Edmond, nhưng thay vào đó, hàng trăm khách khứa đứng túm tụm trong một không gian trưng bày quét sơn trắng chật chội. Gian phòng không hề có tác phẩm nghệ thuật hay chỗ ngồi nào - chỉ có một cái bục ở

bức tường phía xa, hai bên là màn hình LCD rất lớn có dòng chữ:

Chương trình trực tiếp sắp bắt đầu sau 2 phút 07 giây

Langdon bỗng cảm thấy phải dè chừng và mắt ông tiếp tục lướt xuống phía dưới màn hình LCD để đọc dòng chữ thứ hai, mà ông phải đọc tới lần thứ hai:

Số người tham dự từ xa hiện tại: 1.953.694

Hai triệu người ư?

Kirsch đã nói với Langdon anh sẽ phát trực tiếp thông báo của mình, nhưng con số này dường như là không tưởng, và mỗi khắc trôi qua, đồng hồ hiển thị lại tăng lên nhanh hơn.

Một nụ cười hiện trên gương mặt Langdon. Chàng sinh viên cũ của ông chắc chắn đã rất thành công. Câu hỏi lúc này là: Edmond sắp nói chuyện quý quái gì?

CHƯƠNG 13

Trong một sa mạc đầm ánh trắng ngay phía đông Dubai, một chiếc xe địa hình mui trần Sand Viper 1100 ngoặt gấp sang trái và phanh kít lại, thổi cả một màn cát cuộn lên ngay phía trước những ngọn đèn pha sáng quắc.

Người thiếu niên ngồi phía sau vô lăng giật kính của mình ra và nhìn chăm chăm thứ cậu vừa suýt chệt qua. Sợ hãi, cậu leo ra khỏi xe và đến gần cái hình thù đen thẫm trong cát.

Chắc chắn, đó chính là thứ có vẻ là vậy.

Trong ánh sáng đèn pha của cậu, nằm úp mặt xuống cát là một thân người bất động.

“Marhaba?” cậu bé gọi to. “Xin chào?”

Không có phản ứng.

Cậu bé dám khẳng định đó là một con người nhờ trang phục của người đó - một chiếc mũ *chechia** truyền thống cùng chiếc áo dài *thawb** rộng rãi - và người này trông béo tốt và thấp lùn. Những dấu chân của ông ấy đã bị thổi bay từ lâu, cũng như không thấy vết bánh xe nào hay dấu hiệu gì để biết xem làm cách nào ông ấy có thể lần mò xa đến thế này trong hoang mạc trơ trụi.

“Marhaba?” cậu bé nhắc lại.

Không thấy gì.

Ngập ngừng không biết phải làm gì khác, cậu bé thò chân ra và khẽ hẩy nhẹ vào sườn người đàn ông. Mặc dù cơ thể ông tròn ửng, nhưng da thịt ông có cảm giác căng cứng, đã bị gió và mặt trời hong khô.

Chết hoàn toàn.

Cậu bé cúi xuống, nắm lấy vai người đàn ông và lật ông nằm ngửa lên. Đôi mắt vô hồn của người kia trừng trừng nhìn lên trời. Gương mặt và bộ râu của ông phủ đầy cát, nhưng cho dù bẩn thỉu, trông ông vẫn có gì đó thân thiện, thậm chí còn quen thuộc, như một người ông hay một người bác dễ gần.

Tiếng gầm rú của nửa tá xe máy bốn bánh và xe địa hình vang lên gần đó khi những người bạn của cậu bé lượn vòng trở lại để biết chắc cậu vẫn ổn. Những chiếc xe của họ rồ vọt lên gờ cát và lướt xuống sườn trắng cát.

Tất cả mọi người quây lại, tháo kính và mũ bảo hiểm và bu quanh vụ phát hiện rùng rợn một xác chết đã khô nẻ. Một cậu bé bắt đầu nói đầy vẻ kích động, vì đã nhận ra người chết chính là ngài *allamah* nổi tiếng Syed al-Fadl - một học giả và thủ lĩnh tôn giáo - người thỉnh thoảng vẫn đến nói chuyện ở trường đại học.

“*Matha Alayna'an nafal?*” cậu hỏi to. Chúng ta nên làm gì đây?

Các cậu bé đứng thành vòng tròn, trân trối im lặng nhìn xác chết. Rồi bọn họ hành động như những thanh thiếu niên khác trên khắp thế giới. Họ móc điện thoại ra và bắt đầu chụp ảnh để gửi cho bạn bè của mình.

CHƯƠNG 14

Đứng chen vai thích cánh với các vị khách chen chúc quanh bục, Robert Langdon sửng sờ nhìn khi con số trên màn hình LCD liên tục tăng cao hơn.

Số người tham dự từ xa hiện tại: 2.527.664

Những tiếng rì rào trong không gian chật chội đã tăng lên đến cấp độ gào thét kinh khủng, tiếng nói của hàng trăm vị khách ong ong với tâm trạng đề phòng, nhiều người đang thực hiện các cuộc gọi phút cuối hoặc gửi tweet về vị trí hiện tại của mình.

Một kỹ thuật viên bước lên bục và gõ gõ microphone. “Thưa quý ông quý bà, chúng tôi đã đề nghị trước rằng các vị làm ơn tắt thiết bị di động của mình. Lúc này, chúng tôi sẽ khóa toàn bộ Wi-Fi và các kênh liên lạc di động trong suốt thời gian diễn ra sự kiện này.”

Nhiều vị khách vẫn đang gọi điện và kết nối của họ đột ngột ngắt. Hầu hết trông họ đều hết sức sửng sờ, như thể họ vừa chứng kiến một phép màu nào đó từ công nghệ của Kirsch có khả năng cắt mọi kết nối với thế giới bên ngoài một cách mau nhiệm.

Chỉ cần năm trăm đô la tại một cửa hàng điện tử, Langdon biết vì ông là một trong một vài giáo sư Harvard hiện sử dụng công nghệ gây nhiễu sim di động để biến giảng đường của mình thành “khu vực chết” và buộc sinh viên phải ngắt thiết bị của mình trong lớp học.

Lúc này một người quay phim bước vào vị trí cùng một chiếc

máy quay lớn trên vai, hướng thẳng lên bục. Đèn trong phòng mờ đi.

Màn hình LCD hiện chữ:

Chương trình trực tiếp sẽ bắt đầu sau 38 giây

Số người tham dự từ xa hiện tại: 2.857.914

Langdon kinh ngạc nhìn đồng hồ đếm số người tham dự. Dường như nó đang tăng nhanh hơn cả số dư nợ quốc gia của Hoa Kỳ và ông cảm thấy gần như không thể tin được rằng có tới gần ba triệu người đang ngồi ở nhà ngay lúc này để xem truyền trực tiếp về những gì sắp diễn ra trong căn phòng này.

“Ba mươi giây,” kỹ thuật viên khế công bố qua microphone.

Một cánh cửa hẹp mở ra chỗ bức tường phía sau bục và đám đông lập tức nín lặng, tất cả đều đầy vẻ trông đợi Edmond Kirsch vĩ đại.

Nhưng Edmond không hề xuất hiện.

Cánh cửa vẫn mở nguyên trong gần mười giây.

Thế rồi một phụ nữ duyên dáng xuất hiện và tiến về phía bục. Sắc đẹp của nàng thật nổi bật - cao ráo, thướt tha với mái tóc đen dài - nàng mặc một bộ váy trắng ôm khít thân hình, có một đường chéo màu đen. Dường như nàng di chuyển mà chẳng tốn chút sức lực nào. Bước lên sân khấu trung tâm, nàng chỉnh microphone, hít một hơi thật sâu và mỉm cười với những người tham dự trong lúc kiên nhẫn chờ đồng hồ nhích dần.

Chương trình trực tiếp sẽ bắt đầu sau 10 giây.

Người phụ nữ nhắm mắt lại một lát, như thể để lấy tinh thần và sau đó mở mắt ra, đầy tự tin.

Người quay phim giơ cao năm ngón tay.

Bốn, ba, hai...

Căn phòng chìm vào im lặng hoàn toàn khi người phụ nữ ngược mắt về phía máy quay. Màn hình LCD mờ đóng thành hình ảnh gương mặt nàng lúc này. Nàng nhìn như đóng đinh vào cử tọa với đôi mắt đen linh lợi trong lúc đưa tay rất tự nhiên vuốt một lọn tóc trên gò má đánh màu ô liu.

“Chúc tất cả mọi người một buổi tối tốt lành,” nàng lên tiếng, giọng nói toát lên sự học thức và vẻ lịch lãm, với chất giọng Tây Ban Nha nhẹ. “Tên tôi là Ambra Vidal.”

Cả căn phòng bùng lên tiếng vỗ tay to khác thường, cho thấy rõ ràng rất nhiều người biết nàng là ai.

“¡Felicidades!” ai đó hét vang. *Xin chúc mừng!*

Người phụ nữ đỏ mặt và Langdon cảm thấy mình đang thiếu một thông tin gì đó.

“Thưa quý ông quý bà,” nàng nói, nhanh chóng nhấn mạnh “trong năm năm qua, tôi chính là giám đốc của Bảo tàng Guggenheim Bilbao này, và tôi có mặt ở đây tối nay để chào đón quý vị tới với một buổi tối vô cùng đặc biệt do một người thực sự xuất chúng chủ trì.”

Đám đông nhiệt thành vỗ tay, Langdon cũng hòa theo họ.

“Edmond Kirsch không chỉ là người bảo trợ hào phóng cho bảo tàng này, anh ấy còn trở thành một người bạn đáng tin cậy. Thật là một đặc quyền và một vinh dự riêng cho tôi khi có thể hợp tác chặt chẽ với anh ấy trong mấy tháng qua để lên kế hoạch cho những sự kiện của tối nay. Tôi vừa kiểm tra và truyền thông xã hội đang xôn xao trên khắp thế giới! Rõ ràng như nhiều người trong số quý vị lúc này đã nghe nói, Edmond Kirsch có kế hoạch đưa ra một công bố khoa học lớn vào tối nay - một phát hiện mà anh ấy tin sẽ được ghi nhớ mãi mãi như là

sự đóng góp vĩ đại nhất của anh ấy cho thế giới.”

Tiếng rì rào đầy phấn khích khắp phòng.

Người phụ nữ tóc đen mỉm cười vui vẻ. “Dĩ nhiên, tôi đã năn nỉ Edmond nói cho tôi những điều anh ấy phát hiện được, nhưng anh ấy từ chối cung cấp dù chỉ một chút manh mối.”

Một tràng cười vang lên kèm theo tiếng vỗ tay.

“Sự kiện đặc biệt tối nay,” nàng tiếp tục, “sẽ được trình bày bằng tiếng Anh - ngôn ngữ mẹ đẻ của Kirsch - mặc dù với những quý vị đang theo dõi qua hình ảnh, chúng tôi có cung cấp phiên dịch theo thời gian thực bằng hơn hai mươi ngôn ngữ.”

Màn hình LCD đổi và Ambra nói thêm. “Và nếu bất kỳ ai từng nghi ngại sự tự tin của Edmond, thì đây là thông cáo báo chí đã được tự động hóa vừa công bố mười lăm phút trước cho truyền thông xã hội trên toàn cầu.”

Langdon nhìn màn hình LCD.

Tối nay: Trực tiếp. 20:00 giờ CEST

Nhà vị lai chủ nghĩa Edmond Kirsch công bố phát hiện sẽ thay đổi diện mạo khoa học mãi mãi.

Vậy ra đó là cách cậu có tới ba triệu người xem chỉ trong vài phút, Langdon trầm ngâm.

Và ông hướng sự chú ý của mình trở lại bức phát biểu, Langdon nhận ra hai người mà lúc trước ông không để ý - hai nhân viên an ninh mặt lạnh tanh đứng hết sức chăm chú ở hai bên, mắt nhìn khắp đám đông. Langdon rất ngạc nhiên khi nhìn thấy những chữ cái viết lồng vào nhau trên chiếc áo cộc tay màu xanh dương của họ.

Guardia Real à?! Cận vệ Hoàng gia của nhà vua làm gì ở đây tối

nay vậy?

Có vẻ không chắc lắm là có thành viên nào đó của hoàng gia tham dự. Là những tín đồ Công giáo trung thành, hoàng gia gần như chắc chắn rất tránh sự liên hệ công khai với một kẻ vô thần như Edmond Kirsch.

Đức vua Tây Ban Nha, một vị vua nghị viện, nắm quyền lực chính thức rất hạn chế, nhưng ông lại có ảnh hưởng rất lớn đối với trái tim và khối óc thần dân của mình. Với hàng triệu người Tây Ban Nha, hoàng gia vẫn là một biểu tượng của truyền thống Công giáo về *los reyes católicos** và thời kỳ hoàng kim của Tây Ban Nha. Hoàng cung Madrid vẫn tỏa sáng như một kim chỉ nam tinh thần và tượng đài trước một lịch sử lâu dài về niềm tin tôn giáo vững vàng.

Langdon đã nghe nói ở Tây Ban Nha: “Nghị viện cai quản, nhưng nhà vua trị vì.” Trong nhiều thế kỷ, những người chủ trì các quan hệ đối ngoại của Tây Ban Nha đều là những tín đồ Công giáo bảo thủ, vô cùng sùng đạo. Đức kim thượng hiện nay cũng không ngoại lệ, Langdon thầm nghĩ, và đã từng đọc về những niềm tin tôn giáo sâu sắc cùng các giá trị bảo thủ của vị này.

Những tháng gần đây, có tin rằng đức vua già yếu nằm liệt giường và đang hấp hối và đất nước của ngài giờ đang chuẩn bị cho lễ chuyển giao quyền lực cuối cùng cho hoàng tử duy nhất của ngài, Julián. Theo báo chí, Hoàng tử Julián là một nhân vật ít ai biết hành tung, sống thầm lặng quá lâu dưới cái bóng của cha mình và giờ đất nước đang băn khoăn liệu ông ấy sẽ là một đáng trị vì như thế nào.

Lẽ nào Hoàng tử Julián cử các đặc vụ Cận vệ tới theo dõi sự kiện của Edmond?

Langdon chợt nhớ lại bức thư với giọng hăm dọa của

Edmond nhận từ Giám mục Valdespino. Bất chấp những lo lắng của mình, Langdon vẫn cảm thấy bầu không khí trong phòng này rất hòa nhã, nhiệt thành và an toàn. Ông nhớ Edmond nói với ông rằng an ninh buổi tối nay cực kỳ chặt chẽ - cho nên có lẽ Cận vệ Hoàng gia Tây Ban Nha là lớp bảo vệ bổ sung để bảo đảm rằng buổi tối diễn ra suôn sẻ.

“Với những quý vị đã quen với niềm đam mê của Edmond Kirsch dành cho yếu tố kịch tính,” Ambra Vidal tiếp tục, “quý vị biết anh ấy không bao giờ lại lên kế hoạch bắt chúng ta đứng trong gian phòng khô khan này quá lâu.”

Nàng ra hiệu về phía một dãy cửa hai cánh đóng chặt ở phía kia căn phòng.

“Qua những cánh cửa kia, Edmond Kirsch đã kiến tạo một ‘không gian trải nghiệm’ trong đó để trình bày bài thuyết trình đa phương tiện sôi nổi của anh ấy tối nay. Nó được tự động hóa hoàn toàn nhờ máy tính và sẽ được phát trực tiếp trên khắp thế giới.” Nàng dừng lại kiểm tra chiếc đồng hồ vàng của mình. “Sự kiện tối nay được sắp xếp giờ giấc rất cẩn thận và Edmond đã đề nghị rằng tôi đưa tất cả quý vị vào trong để chúng ta có thể bắt đầu vào đúng tám giờ mười lăm, tức là chỉ còn vài phút nữa thôi.” Nàng chỉ về phía những khuôn cửa hai cánh. “Cho nên nếu quý vị muốn, thưa các quý ông quý bà, xin hãy di chuyển vào trong và chúng ta sẽ xem những gì Edmond Kirsch đã dự tính cho chúng ta.”

Đúng theo hiệu lệnh, các khuôn cửa hai cánh bật mở.

Langdon chăm chú nhìn qua đó, hy vọng thấy được một phòng trưng bày khác. Nhưng ông thấy giật mình trước những gì nằm phía sau. Qua những khuôn cửa, xuất hiện một đường hầm tối om sâu hút.

Đô đốc Ávila chậm lại sau trong khi hàng đoàn khách khứa

bắt đầu hào hứng chen nhau đi về phía hành lang ánh sáng mờ. Lúc nhìn vào đường hầm, ông ta rất hài lòng khi thấy không gian phía sau tối om.

Bóng tối sẽ khiến cho nhiệm vụ của ông ta dễ dàng hơn rất nhiều.

Chạm tay vào chuỗi tràng hạt trong túi mình, ông ta tập trung suy nghĩ, rà lại những chi tiết ông ta vừa được cung cấp liên quan đến nhiệm vụ của mình.

Vấn đề thời gian sẽ rất quan trọng.

CHƯƠNG 15

Được tạo hình bằng vải đen căng ngang các vòm đỡ, đường hầm rộng khoảng sáu mét và hơi dốc dần lên về phía trái. Sàn hầm được phủ bằng thứ thảm nhung lông màu đen và hai đường sọc sáng chạy dọc theo chân tường là thứ ánh sáng duy nhất.

“Xin chú ý giày dép,” một hướng dẫn viên khẽ nói với những người mới đến. “Tất cả mọi người làm ơn tháo bỏ giày và mang theo mình.”

Langdon bước ra khỏi đôi giày lễ phục bằng da sơn và hai bàn chân đi tất của ông lún sâu vào lớp thảm vô cùng mềm. Ông cảm thấy cơ thể mình thư giãn một cách rất bản năng. Quanh mình, ông nghe thấy những tiếng thở phào tán thưởng.

Lúc đi bộ sâu hơn dọc theo lối đi, cuối cùng Langdon cũng nhìn thấy phía cuối - một màn chắn màu đen nơi quan khách được đón tiếp bởi những hướng dẫn viên trao cho từng người thứ gì đó có vẻ là một chiếc khăn tắm dày sụ trước khi giục họ đi qua màn chắn.

Bên trong đường hầm, tiếng rù rì đề phòng lúc trước giờ tan biến thành không khí im lặng vẻ do dự. Khi Langdon đến màn chắn, một hướng dẫn viên trao cho ông một tấm vải gấp gọn. Ông nhận ra nó không phải khăn tắm mà đúng hơn là một chiếc chăn nhung lông nhỏ với một chiếc gối khâu dính vào một đầu. Langdon cảm ơn người hướng dẫn và bước qua màn vào không gian phía sau.

Lần thứ hai trong buổi tối hôm nay, ông buộc phải dừng lại trên đường đi. Mặc dù Langdon không thể nói rõ được những gì ông hình dung mình sẽ nhìn thấy phía sau bức màn, nhưng

chắc chắn nó hoàn toàn không là bất kỳ thứ gì gần với quang cảnh trước mắt ông lúc này.

Chúng ta đang ở... ngoài trời à?

Langdon đang đứng bên rìa một cánh đồng rộng mênh mông. Trên đầu ông mở ra một bầu trời sao lấp lánh, và phía xa, một vầng trăng lưỡi liềm mong manh vừa mới nhô lên phía sau một cây thích lẻ loi. Tiếng dế kêu ri ri và một làn gió ẩm áp mơn trớn khuôn mặt ông, không khí thoảng qua đầm mùi hương nồng nồng của cỏ mới xén tĩa ngay dưới đôi chân đi tất của ông.

“Thưa ngài?” một hướng dẫn viên khề thì thào, nắm lấy cánh tay ông và hướng dẫn ông đi vào cánh đồng. “Xin hãy tìm một chỗ ở đây ngay trên cỏ. Trải chăn của ngài ra và hãy tận hưởng.”

Langdon đi bộ vào cánh đồng cùng với những vị khách cũng đầy sửng sốt không kém khác, hầu hết bọn họ lúc này đều chọn những vị trí trên bãi cỏ rộng rãi để trải chăn của mình ra. Diện tích của khu vực bãi cỏ được xén tĩa cẩn thận này bằng với một sân chơi hockey và được xác định ranh giới xung quanh bằng cây cối, cỏ đuôi trâu và cỏ nền xào xạc trong gió nhẹ.

Langdon phải mất một lúc mới nhận ra đây là một ảo giác - một tác phẩm nghệ thuật xuất chúng.

Mình đang ở trong một nhà mô hình vũ trụ rất công phu, ông nghĩ thầm, vô cùng kinh ngạc trước sự chú ý hoàn hảo đến từng chi tiết.

Bầu trời đầy sao phía trên là một màn chiếu, được hoàn chỉnh với một vầng trăng, những đám mây lướt nhanh và những dãy đồi nhấp nhô phía xa. Cây cỏ rì rào thực sự có hiện diện - hoặc là hàng làm giả siêu hạng hoặc chỉ là một khoảnh nhỏ cây cối thật trồng trong những chiếc chậu được giấu kín.

Vành đai cây cỏ mờ mịt này ngụy trang rất khéo cho phần rìa cứng của gian phòng rất rộng, tạo nên ấn tượng về một môi trường tự nhiên.

Langdon cúi khom xuống và cảm nhận lớp cỏ rất mềm và giống như thật, nhưng hoàn toàn khô khốc. Ông đã đọc về thứ thảm cỏ nhân tạo mới có thể đánh lừa ngay cả những vận động viên chuyên nghiệp và Kirsch còn tiến xa thêm một bước, tạo ra một mặt đất hơi nhấp nhô, với những chỗ trũng và mô đất nhỏ giống như ở trong một đồng cỏ thật.

Langdon nhớ lại lần đầu tiên ông bị đánh lừa bởi các giác quan của mình. Lúc ấy, ông là một đứa trẻ ngồi trên một con thuyền nhỏ trôi nổi qua một hải cảng sáng trắng nơi có một chiếc tàu cướp biển đang tham gia một trận đấu pháo đỉnh tai nhức óc. Trí óc non trẻ của Langdon không thể nào chấp nhận được rằng hóa ra mình chẳng hề ở trong hải cảng nào cả, nhưng thực tế cậu đang ở trong một nhà hát ngầm dưới lòng đất được xả ngập nước nhằm tạo ra ảo giác này phục vụ cho chương trình Cướp biển Caribbean kinh điển của Disney World.

Tối nay, hiệu ứng này thật đến kinh ngạc, và khi những vị khách quanh ông hiểu ra, Langdon nhận thấy vẻ kinh ngạc và thích thú phản ánh những cảm xúc của chính ông. Ông phải dành tặng Edmond lời khen ngợi - không phải vì tạo ra ảo giác hết sức đáng kinh ngạc này, mà vì đã thuyết phục được hàng trăm người trưởng thành tháo bỏ những đôi giày sang trọng của họ, nằm xuống bãi cỏ và chăm chú nhìn lên bầu trời.

Chúng ta thường làm việc này lúc còn nhỏ, nhưng đâu đó trên đường đời, chúng ta ngừng lại.

Langdon ngả người và tựa đầu lên gối, để cho cơ thể mình tan chảy vào lớp cỏ mềm.

Trên đầu, những vì sao nhấp nháy, và trong nhất thời,

Langdon lại là một cậu thiếu niên, nằm trên sân golf Bald Peak cỏ tốt um lúc nửa đêm cùng với người bạn thân nhất của mình, suy ngẫm về những bí ẩn của cuộc sống. Nếu có chút may mắn, Langdon suy tưởng, Edmond Kirsch có thể giải quyết được một vài bí ẩn này cho chúng ta tối nay.

Phía sau sân khấu, Đô đốc Luis Ávila khảo sát căn phòng lần cuối cùng và lặng lẽ lui về phía sau, bí mật lách qua chính bức màn lúc này ông ta vừa đi vào. Còn một mình trong đường hầm, ông ta đưa bàn tay lần dọc theo bức vách vải cho tới khi xác định được một đường khâu. Khẽ kháng hết mức, ông ta xé toạc đường khóa kéo của hãng Velcro, bước qua bức vách và khép lớp vải lại phía sau mình.

Mọi ảo giác đều tan biến.

Ávila không còn đứng trên một đồng cỏ nữa.

Ông ta đang đứng trong một không gian hình chữ nhật rất rộng bị một khối bong bóng hình ô van nằm chình ình choán hết. Một căn phòng trong một căn phòng khác. Cái kiến trúc trước mặt ông ta - một dạng nhà hát vòm - được bao quanh bởi một bộ khung giàn giáo cao nghêu chống đỡ cho cả một mạng lưới dây cáp, bóng đèn và loa âm thanh. Hướng vào phía trong là một dãy máy chiếu video lơ lửng đang cùng tỏa sáng, rọi những luồng ánh sáng rất rộng lên bề mặt mờ mờ của mái vòm và tạo ra cái ảo giác bên trong một bầu trời sáng sao cùng những dãy đồi nhấp nhô.

Ávila rất thán phục mọo dựng kịch này của Kirsch, mặc dù gã vị lai chủ nghĩa ấy chẳng bao giờ hình dung được rằng buổi tối của gã chẳng mấy chốc sẽ kịch tính như thế nào.

Hãy nhớ những gì đang bị đe dọa. Anh là một chiến binh trong

một cuộc chiến thần thánh. Một phần của một cuộc chiến toàn diện hơn.

Ávila đã tập dượt nhiệm vụ này trong đầu mình rất nhiều lần. Ông ta thò tay vào túi và móc ra chuỗi tràng hạt quá khổ. Đúng lúc đó, từ một dãy loa phía trên đầu bên trong mái vòm, một giọng đàn ông ồ ồ vọng xuống như giọng nói của Chúa vậy.

“Chúc các bạn một buổi tối tốt lành. Tên tôi là Edmond Kirsch.”

CHƯƠNG 16

Tại Budapest, Giáo trưởng Köves bồn chồn đi tới đi lui trong ánh sáng mờ mờ tại phòng làm việc házikó của ông. Cầm chặt chiếc điều khiển ti vi, ông sốt ruột chuyển qua các kênh trong lúc đợi thêm tin tức từ Giám mục Valdespino.

Trên truyền hình, vài kênh thời sự đã ngắt chương trình thường lệ của họ suốt mười phút vừa qua để tiếp sóng trực tiếp phát đi từ Guggenheim. Các bình luận viên đang thảo luận về những thành tựu của Kirsch và phỏng đoán về tuyên bố bí ẩn sắp tới của anh ta. Köves phát run trước mức độ quan tâm đang tăng vọt.

Ta cũng đã xem tuyên bố này rồi.

Ba ngày trước, trên núi Montserrat, Edmond Kirsch đã trình chiếu trước một phiên bản được xem là “phác thảo” cho Köves, al-Fadl và Valdespino. Lúc này, Köves ngờ rằng, cả thế giới sắp được xem đúng cái chương trình đó.

Tối nay, mọi thứ sẽ thay đổi, ông buồn rầu nghĩ.

Điện thoại reo vang và kéo Köves ra khỏi mạch suy tưởng. Ông vô lấy máy.

Valdespino lên tiếng mà không cần mở đầu. “Ông Yehuda, tôi e rằng tôi có một vài tin xấu.” Bằng giọng rầu rĩ, ông thông báo bản tin quái lạ lúc này đang phát đi từ Các tiểu vương quốc Arab thống nhất.

Köves hãi hùng bưng lấy miệng. “Allamah al-Fadl... tự sát ư?”

“Đó là điều cơ quan chức năng đang phỏng đoán. Người ta tìm thấy ông ấy cách đây không lâu, ở sâu trong sa mạc... cứ

như thế ông ấy đã đi bộ vào đó để chết vậy.” Valdespino ngừng lại. “Tất cả những gì tôi có thể đoán là sự căng thẳng trong mấy ngày qua quá lớn với ông ấy.”

Köves ngẫm nghĩ về khả năng này, cảm thấy trào lên nỗi đau đớn và hoang mang. Ông cũng đang vật lộn với những hàm ý từ phát hiện của Kirsch, nhưng cái ý nghĩ rằng Allamah al-Fadl đã tự sát trong nỗi tuyệt vọng dường như hoàn toàn không thể có.

“Ở đây có gì đó không ổn,” Köves tuyên bố. “Tôi không tin ông ấy lại làm một việc như thế.”

Valdespino im lặng một lúc lâu. “Tôi mừng là ngài nói vậy,” cuối cùng ông tán thành. “Tôi phải thừa nhận tôi cũng thấy khó chấp nhận được rằng đây là một vụ tự sát.”

“Vậy thì... kẻ nào phải chịu trách nhiệm đây?”

“Bất cứ kẻ nào muốn phát hiện của Edmond Kirsch vẫn chỉ là một bí mật, vị giám mục trả lời rất nhanh. “Là ai đó tin, như chúng ta, rằng tuyên bố của anh ta vẫn còn phải vài tuần nữa.”

“Nhưng Kirsch nói không còn ai khác biết về phát hiện này mà!” Köves thắc mắc. “Chỉ có ngài, Allamah al-Fadl và tôi thôi.”

“Có thể Kirsch cũng nói dối về chuyện đó. Nhưng cho dù ba chúng ta là những người duy nhất anh ta nói chuyện, xin đừng quên ông bạn Syed al-Fadl sốt sắng muốn công khai chuyện này như thế nào. Có thể là ngài *allamah* đã chia sẻ thông tin về phát hiện của Kirsch với một đồng đạo ở Các tiểu vương quốc. Và có thể vị đồng đạo đó tin, như tôi đây, rằng phát hiện của Kirsch sẽ có những ảnh hưởng nguy hiểm.”

“Ý là sao chứ?” ngài Giáo trưởng giận dữ hỏi. “Rằng một cộng sự của al-Fadl đã giết ông ấy để giữ kín việc này ư? Thật vô vẩn!”

“Ngài Giáo trưởng,” vị giám mục bình tĩnh đáp, “tôi chắc

chấn không biết chuyện gì đã xảy ra. Tôi chỉ đang cố hình dung ra câu trả lời, giống như ngài thôi.”

Köves thở hắt ra. “Tôi xin lỗi. Tôi vẫn đang cố tiếp nhận tin về cái chết của Syed.”

“Tôi cũng vậy. Và nếu Syed bị giết vì những gì ông ấy biết thì khi đó chính bản thân chúng ta cũng cần cẩn thận. Rất có thể ngài và tôi cũng là mục tiêu.”

Köves ngẫm nghĩ về chuyện này. “Một khi tin được công khai, chúng ta chẳng còn liên quan gì.”

“Phải, nhưng nó vẫn chưa được công bố.”

“Thưa Ngài, việc công bố chỉ còn vài phút nữa thôi. Mọi đài truyền hình đều đang bắt sóng rồi.”

“Phải,” Valdespino hắt ra tiếng thở dài mỗi một. “Dường như tôi phải chấp nhận rằng những lời nguyện cầu của tôi đã không được hồi đáp.”

Köves thắc mắc liệu có đúng vị giám mục thật sự đã cầu nguyện Chúa can thiệp và thay đổi suy nghĩ của Kirsch hay không.

“Ngay cả khi chuyện này được công bố,” Valdespino nói, “chúng ta cũng không an toàn. Tôi ngờ rằng Kirsch sẽ rất khoái trá khi nói với thế giới rằng anh ta đã tham vấn các lãnh đạo tôn giáo ba ngày trước. Lúc này, tôi đang tự hỏi liệu có phải động cơ thật sự của anh ta khi kêu gọi cuộc gặp mặt chính là sự trong sáng về đạo đức không. Và nếu anh ta nhắc đến tên chúng ta, chắc, ngài và tôi sẽ trở thành trọng tâm chú ý và thậm chí là phải chịu sự chỉ trích từ tín đồ của chính chúng ta, những người có thể tin rằng lẽ ra chúng ta nên hành động. Tôi xin lỗi, tôi chỉ...” Vị giám mục ngập ngừng như thể ông còn có gì đó muốn nói.

“Sao cơ?” Köves thúc giục.

“Chúng ta có thể thảo luận chuyện này sau. Tôi sẽ điện lại cho ngài sau khi chúng ta chứng kiến Kirsch xử lý màn thuyết trình của anh ta thế nào. Cho tới khi đó, xin hãy ở trong nhà. Khóa chặt cửa lại. Đừng nói chuyện với ai cả. Và giữ an toàn.”

“Ngài đang lo cho tôi đấy, Antonio.”

“Tôi không có ý vậy,” Valdespino đáp. “Tất cả những gì chúng ta có thể làm là đợi và xem xem thế giới phản ứng ra sao. Giờ việc này trong tầm tay của Chúa.”

CHƯƠNG 17

Đồng cỏ hiu hiu gió bên trong Bảo tàng Guggenheim trở nên im ắng sau khi giọng Edmond Kirsch rền vang, vọng xuống từ trên trời. Hàng trăm khách khứa ngả người trên những tấm chăn, chăm chú nhìn lên bầu trời sao lấp lánh. Robert Langdon nằm gần trung tâm cánh đồng, càng lúc càng thấy đề phòng.

“Tối nay, chúng ta hãy lại làm trẻ con,” giọng Kirsch tiếp tục. “Chúng ta hãy nằm dài dưới những vì sao, để đầu óc mình rộng mở với mọi khả năng.”

Langdon có thể cảm nhận được sự phấn khích lan khắp đám đông.

“Tối nay chúng ta hãy như những nhà thám hiểm thời xưa,” Kirsch tuyên bố, “những người bỏ lại mọi thứ phía sau và vượt đại dương bao la... những người lần đầu tiên nhìn thấy một miền đất chưa từng thấy trước đó... những người khuyu gối khi thảng thốt nhận ra rằng thế giới rộng lớn hơn rất nhiều so với những triết lý của họ từng hình dung. Những niềm tin lâu đời của bản thân về thế giới của họ tiêu tan trước phát hiện mới. Đây chính là quan niệm của chúng ta tối nay.”

Ấn tượng đấy, Langdon nghĩ, cảm thấy tò mò không rõ màn dẫn dắt của Edmond được ghi âm trước hay đích thân Kirsch ở đâu đó trong hậu trường đọc một kịch bản.

“Thưa các bạn của tôi,” giọng Edmond vang vang phía trên họ, “tất cả chúng ta tập hợp tối nay để nghe tin tức về một phát hiện quan trọng. Tôi xin các bạn hãy rộng lượng cho phép tôi sắp xếp sân khấu. Tối nay, như với tất cả những thay đổi trong triết lý của nhân loại, điều quan trọng là chúng ta hiểu được bối

cảnh lịch sử trong đó một thời khắc như thế này được tạo ra.”

Có tiếng sấm ì ầm xa xa, đúng theo ám hiệu. Langdon cảm nhận rõ tiếng trầm sâu từ các loa âm thanh đang ì ùng trong gan ruột mình.

“Để giúp chúng ta làm quen với thời tiết tối nay,” Edmond nói tiếp, “chúng ta rất may mắn có một học giả lừng danh bên chúng ta - một huyền thoại của thế giới về biểu tượng, mật mã, lịch sử, tôn giáo và nghệ thuật. Ông ấy cũng là một người bạn thân thiết. Thưa quý ông quý bà, xin hãy chào đón giáo sư Robert Langdon từ Đại học Harvard.”

Langdon chống khuỷu tay bật dậy trong khi đám đông nhiệt thành vỗ tay và các vì sao trên đầu biến thành một cảnh quay góc rộng một khán phòng rộng rãi chật ních người. Trên sân khấu, Langdon đi đi lại lại trong chiếc áo khoác Harris Tweed của mình trước những cử tọa đang rất chăm chú.

Vậy ra đây là vai diễn Edmond đã đề cập, ông nghĩ, bút rút ngả người trên cổ.

“Người cổ xưa,” Langdon giảng giải trên màn hình, “có mối quan hệ kỳ lạ với vũ trụ của họ, đặc biệt là với những hiện tượng họ không hiểu được về mặt lý trí. Để giải quyết những bí ẩn này, họ tạo ra một hệ thống nam thần và nữ thần rất đông đảo để giải thích cho bất kỳ điều gì vượt quá hiểu biết của họ - sấm sét, thủy triều, động đất, núi lửa, sự căn cỗi, dịch bệnh, thậm chí cả tình yêu.

Đúng là siêu thực, Langdon nghĩ thầm, nằm ngửa và chăm chú nhìn chính mình.

“Với người Hy Lạp cổ, quá trình dâng lên hay rút xuống của đại dương là do tâm trạng thay đổi của thần Poseidon.” Trên trần nhà, hình ảnh Langdon tan biến, nhưng giọng ông vẫn tiếp

tục dẫn dắt.

Những hình ảnh đại dương nổi sóng xuất hiện, làm rung chuyển toàn bộ căn phòng. Langdon ngạc nhiên theo dõi trong khi những con sóng cuộn cuộn biến hóa muôn hình vạn trạng trên một lãnh nguyên tuyết phủ gió thét gào. Từ đâu đó, một cơn gió lạnh thổi ngang đồng cỏ.

“Quá trình thay đổi theo mùa sang đông,” giọng ngoài hình của Langdon vẫn tiếp tục, “là do hành tinh này thấy buồn trước việc hằng năm nàng Persephone bị bắt cóc xuống âm phủ.”

Lúc này không khí lại ấm lên, và từ một khung cảnh đóng băng, một ngọn núi trồi lên, càng lúc càng cao, đỉnh núi phun trào những tia lửa, khói và nham thạch.

“Với người La Mã,” Langdon diễn giải, “núi lửa được cho là nhà của Vulcan - người thợ rèn của các vị thần - người làm việc trong một lò rèn khổng lồ bên dưới ngọn núi, khiến cho những ngọn lửa phun ra khỏi ống khói của mình.”

Langdon ngửi thấy có lưu huỳnh bay qua và rất ngạc nhiên trước cái cách Edmond đã khéo léo biến đổi bài giảng của Langdon thành một trải nghiệm đa giác quan.

Tiếng ùng ục của núi lửa đột ngột ngừng bật. Trong không gian im lặng, những chú dế bắt đầu rả rích trở lại và một làn gió ấm áp弥漫 hương cỏ thổi qua đồng cỏ.

“Người cổ đại đã phát minh ra vô số thần linh,” tiếng Langdon phân tích, “để giải thích không chỉ những bí mật trên hành tinh của họ, mà còn cả những bí mật trên cơ thể của chính họ.”

Trên đầu, những chòm sao nhấp nháy lại xuất hiện, giờ có thêm các đường vẽ thành rất nhiều vị thần mà chúng đại diện.

“Sự căn cỗi xảy ra là do con người đã làm nữ thần Juno phật

ý. Còn tình yêu là kết quả của việc bị thần Eros lấy làm mục tiêu. Bệnh tật được giải thích là hình phạt của thần Apollo.”

Những chòm sao mới lúc này sáng lên cùng với hình ảnh các vị thần mới.

“Nếu quý vị đọc sách của tôi,” vẫn tiếng Langdon nói, “quý vị sẽ nghe thấy tôi dùng thuật ngữ ‘Thần Khoảng trống’. Nói thế tức là, khi người cổ đại gặp phải những khoảng trống hiểu biết về thế giới quanh mình, họ lấp đầy những khoảng trống ấy bằng thần linh.”

Lúc này bầu trời phủ kín những tranh và tượng mô tả hàng chục vị thần cổ đại.

“Vô số các vị thần lấp đầy vô số khoảng trống,” Langdon nói. “Và, qua nhiều thế kỷ, kiến thức khoa học tăng lên.” Rất nhiều biểu tượng kỹ thuật và toán học ngập tràn bầu trời trên đầu. “Khi những khoảng trống hiểu biết của chúng ta về thế giới tự nhiên dần biến mất, thần điện của chúng ta bắt đầu thu hẹp lại.”

Trên trần nhà, hình ảnh thần Poseidon xuất hiện phía trước.

“Chẳng hạn, khi chúng ta biết rằng thủy triều là do chu kỳ của mặt trăng, thì thần Poseidon không còn cần thiết nữa, và chúng ta rũ bỏ ông ấy như một thần thoại ngớ ngẩn của một thời chưa được khai sáng.”

Hình ảnh thần Poseidon tan biến như một làn khói.

“Như quý vị đã biết, số phận tương tự cũng xảy ra với tất cả các vị thần - mai một, lần lượt từng vị, khi họ vượt qua được sự thích hợp của chính họ với khả năng hiểu biết ngày càng tiến triển của chúng ta.”

Trên đầu, hình ảnh các vị thần bắt đầu nhấp nháy tắt, lần lượt từng vị - các thần sấm sét, động đất, dịch bệnh, và vân vân.

Khi số lượng hình ảnh đã giảm bớt, Langdon nói thêm:

“Nhưng xin chờ làm lần về chuyện đó. Những vị thần này không ‘nhẹ nhàng chìm vào bóng đêm’; phải là cả một quá trình xáo trộn để một nền văn hóa từ bỏ được các vị thần của mình. Niềm tin tinh thần được khắc ghi sâu đậm trong tâm trí chúng ta từ thời thơ ấu bởi những người chúng ta yêu mến và tin tưởng nhất - cha mẹ chúng ta, các thầy cô giáo của ta, những nhà lãnh đạo tôn giáo của ta. Do đó, bất kỳ sự thay đổi tôn giáo nào cũng diễn ra qua nhiều thế hệ và không phải không kèm theo cảm giác lo sợ ghê gớm và thường đẫm máu nữa.”

Tiếng gươm va chạm lách cách và tiếng hò hét lúc này kèm theo với sự biến mất dần của các vị thần, hình ảnh của họ lần lượt nhấp nháy tắt. Cuối cùng, hình ảnh một vị thần duy nhất còn sót lại - một gương mặt nhăn nhoe đầy hình tượng với một hàm râu trắng mềm mại.

“Thần Zeus...” Langdon nói, giọng đầy mạnh mẽ. “Vị thần của các vị thần. Vị thần đáng sợ và được tôn kính nhất trong tất cả các vị thần. Zeus, hơn hẳn bất kỳ thần nào khác, đã chống chọi lại với khả năng tiêu tan của chính mình, phát động một trận đánh dữ dội chống lại sự chấm dứt hào quang của chính mình, đúng hệt như những vị thần cổ xưa mà Zeus đã thay thế.”

Trên trần nhà, hình ảnh vụt qua của kỳ quan Stonehenge, các thẻ chữ hình nêm của người Sumer và các Đại Kim tự tháp của Ai Cập. Sau đó, hình ảnh bán thân của Zeus trở lại.

“Những tín đồ của Zeus chống lại việc từ bỏ vị thần của họ quyết liệt đến mức tín điều có sức chinh phạt của Thiên Chúa giáo cũng không còn lựa chọn nào khác ngoài việc chấp nhận gương mặt Zeus như là gương mặt vị Chúa mới của mình.”

Trên trần, hình ảnh bán thân có hàm râu của Zeus tan biến

thành một bức bích họa một gương mặt có râu giống hệt - mặt của Đức Chúa Thiên Chúa giáo như mô tả trong tác phẩm *Sáng tạo Adam* của Michelangelo trên trần Nhà nguyện Sistine.

“Ngày nay, chúng ta không còn tin vào những câu chuyện như thế về Zeus - một cậu bé được dê nuôi dưỡng và được ban sức mạnh bởi những sinh vật một mắt gọi là Cyclope. Với chúng ta nhờ suy nghĩ hiện đại, những câu chuyện này đều được phân loại là thần thoại - những câu chuyện không có thật kỳ quặc đem lại cho chúng ta một cái nhìn thoáng qua mang tính giải trí về quá khứ mê tín của ta.”

Lúc này, trần nhà hiện lên bức ảnh một giá sách trong thư viện phủ bụi, nơi những bộ sách bọc da về thần thoại cổ nằm mòn mỏi trong bóng tối bên cạnh những cuốn sách về thờ cúng tự nhiên, các thần Baal, Inana, Osiris và vô số những lý thuyết cổ xưa.

“Giờ mọi thứ đều khác!” giọng nói trầm trầm của Langdon vang lên. “Chúng ta là những người Hiện đại.”

Trên trời, những hình ảnh mới xuất hiện - những bức ảnh sinh động và nhanh về thám hiểm không gian... những con chip máy tính... một phòng thí nghiệm y học... một máy gia tốc phân tử... những chiếc phản lực bay vút lên.

“Chúng ta là những người có kỹ năng về công nghệ và tiến hóa về tri thức. Chúng ta không tin vào những người thợ rèn khổng lồ làm việc dưới núi lửa hoặc vào những vị thần điều khiển thủy triều hay bốn mùa. Chúng ta không hề giống với tổ tiên cổ xưa của chúng ta.”

Hay chúng ta vẫn giống? Langdon thì thầm trong lòng, miệng nhắm theo chương trình phát lại.

“Hay chúng ta vẫn giống?” tiếng Langdon nói trên đầu.

“Chúng ta tự xem mình là những cá nhân có lý trí hiện đại, nhưng tôn giáo thịnh hành nhất của loài người chúng ta lại có vô số những khẳng định kỳ ảo - loài người trỗi dậy một cách khó giải thích từ chết chóc, những ca sinh nở mà vẫn còn trinh tiết như có phép màu, các vị thần báo thù giáng xuống bệnh tật và lũ lụt, những lời hứa hẹn bí ẩn về một kiếp sau trên thiên đàng hay dưới địa ngục dữ dội.”

Trong khi Langdon nói, trần nhà xuất hiện những hình ảnh Thiên Chúa giáo nổi tiếng về Chúa hồi sinh, đức mẹ Mary Đồng trinh, con thuyền của Noah, hiện tượng nứt Hồng Hải, thiên đường và địa ngục.

“Vì thế xin quý vị một lúc,” Langdon nói, “chúng ta hãy tưởng tượng phản ứng của các nhà sử học và nhân loại học tương lai của loài người, về viễn cảnh, liệu họ có nhìn lại các tín điều tôn giáo của chúng ta và phân loại thành thần thoại ở một thời chưa được khai sáng không? Liệu họ có nhìn các vị thần của chúng ta như chúng ta nhìn thần Zeus không? Liệu họ có sưu tầm những cuốn kinh thánh thiêng của chúng ta và vứt bỏ lên cái giá sách phủ bụi ấy của lịch sử không?”

Câu hỏi lơ lửng trong bóng tối một lúc lâu.

Và rồi, giọng Edmond Kirsch đột ngột phá tan sự im lặng.

“Vâng, thưa Giáo sư,” tiếng nhà vị lai chủ nghĩa rồn rảng từ trên cao. “Tôi tin tất cả những điều đó sẽ xảy ra. Tôi tin các thể hệ tương lai sẽ tự hỏi làm cách nào những giống loài tiên bộ về công nghệ như chúng ta đây lại có thể tin vào hầu hết những gì các tôn giáo hiện đại của chúng ta dạy cho chúng ta.”

Giọng Kirsch càng lớn hơn khi một chuỗi hình ảnh mới lóe lên trên trần - Adam và Eve, một phụ nữ quấn kín trong tấm áo choàng Hồi giáo, màn đi trên lửa của đạo Hindu.

“Tôi tin các thế hệ tương lai sẽ nhìn vào những truyền thống hiện tại của chúng ta,” Kirsch tuyên bố “và kết luận rằng chúng ta sống trong một thời đại mông muội. Bằng chứng là, họ sẽ nhắm vào những tín điều mà chúng ta sáng tạo ra trong khu vườn thần tiên, hoặc rằng Đấng Sáng tạo quyền năng vô tận của chúng ta đòi hỏi rằng phụ nữ thì phải che kín đầu, hoặc rằng chúng ta liều lĩnh thiêu đốt cả cơ thể của mình để tôn vinh các vị thần thánh.”

Thêm những hình ảnh xuất hiện - một chuỗi nhiều bức ảnh di chuyển nhanh mô tả các nghi lễ tôn giáo khắp nơi trên thế giới - từ các lễ trừ tà và lễ rửa tội đến xiên mình và hiến sinh động vật. Màn trình chiếu kết thúc bằng một đoạn video nhìn thót tim trong đó một tu sĩ Ấn Độ đang dùng đĩa một đứa bé sơ sinh nhỏ xíu phía ngoài mép một ngọn tháp cao tới mười lăm mét. Đột nhiên, tu sĩ buông tay và đứa trẻ rơi từ độ cao mười lăm mét thẳng xuống một tấm chắn được kéo căng, do những dân làng đầy phấn khích cầm giữ như một tấm lưới cứu hỏa.

Lễ thả rơi Đền *Grishneshwar*, Langdon nghĩ, nhớ ra nghi lễ này được một số người tin rằng đem lại cho đứa trẻ ân huệ của Chúa.

Thật may, đoạn video đáng sợ đó kết thúc.

Trong bóng tối mịt mù lúc này, giọng Kirsch vang vang trên đầu. “Làm sao có chuyện tư duy con người hiện đại có khả năng phân tích lô-gic chính xác, nhưng đồng thời lại cho phép chúng ta chấp nhận những tín điều tôn giáo lẽ ra cần bóp nát bằng sự cân nhắc sáng suốt dù nhỏ nhất?”

Phía trên đầu, bầu trời sao rực rỡ lại xuất hiện.

“Hóa ra là,” Edmond kết luận, “câu trả lời rất đơn giản.”

Những vì sao trên trời đột nhiên sáng hơn và lớn hơn.

Những sợi kết nối xuất hiện, chạy giữa các vì sao tạo thành một mạng lưới dường như vô tận gồm những nút kết nối qua lại với nhau.

Các *neuron*, Langdon nhận ra ngay khi Edmond bắt đầu nói.

“Bộ não con người,” Edmond công bố. “Tại sao nó lại tin những gì nó tin?”

Trên đầu, một vài nút sáng lên, truyền những xung điện qua các sợi tới những neuron khác.

“Giống như một máy tính hữu cơ,” Edmond tiếp tục, “bộ não của quý vị có một hệ điều hành - một chuỗi các quy tắc tổ chức và định nghĩa tất cả thông tin đầu vào lộn xộn mà chúng ta tiếp nhận cả ngày dài - ngôn ngữ, một giai điệu lời cuốn, một tiếng còi, hương vị sô-cô-la. Như quý vị có thể hình dung ra, dòng chảy thông tin đầu vào cực kỳ đa dạng và liên tục và bộ não của quý vị phải diễn giải cho đúng. Thực tế, đây chính là sự lập trình tuyệt vời, hệ điều hành của não bộ giúp quý vị định nghĩa nhận thức của quý vị về hiện thực. Rất tiếc, chúng ta lại bị chơi khăm, bởi lẽ cái kẻ viết chương trình cho bộ não người hẳn có khiếu hài hước méo mó. Nói cách khác, không phải lỗi của chúng ta khi chúng ta tin những điều điên khùng mà chúng ta vẫn tin.”

Các khớp thần kinh phía trên kêu xèo xèo và những hình ảnh tương tự ‘sủi bọt’ lên từ bên trong bộ não: những sơ đồ thiên văn; Chúa Jesus đi trên mặt nước; nhà sáng lập khoa học học L. Ron Hubbard; vị thần Osiris của Ai Cập; thần voi bốn tay Ganesha của Hindu giáo; và một bức tượng cẩm thạch Đức mẹ Mary Đồng trinh khóc ròng.

“Và là một người lập trình, tôi phải tự hỏi mình: hệ điều hành kỳ quái nào sẽ tạo ra kết quả phi lô-gic như vậy? Nếu chúng ta có thể nhìn vào trí óc con người và đọc được hệ điều

hành của nó, chúng ta sẽ thấy thứ gì đó như thế này.”

Tám từ xuất hiện to tướng phía trên.

XEM THƯỜNG HỖN LOẠN.

TẠO RA TRẬT TỰ.

“Đây chính là chương trình căn cốt của não bộ chúng ta,” Edmond nói. “Và vì thế, đây cũng chính là cách con người có khuynh hướng ngã theo. Đối chọi với hỗn loạn. Và ủng hộ trật tự.”

Căn phòng đột nhiên rung lên bởi tạp âm của các nốt nhạc đàn dương cầm rất nghịch tai, như thể một đứa trẻ đang nện bàn phím vậy. Langdon và những người quanh ông đều vô tình thấy căng lên.

Tiếng Edmond át cả âm thanh ồn ào. “Âm thanh ai đó nện tùy hứng trên một cây đàn dương cầm thật khó nghe! Thế nhưng, nếu chúng ta biết chính những nốt nhạc ấy và sắp xếp chúng theo một trật tự tốt hơn...”

Tiếng âm ĩ hỗn loạn đột ngột ngừng bật, được thay thế bằng giai điệu êm dịu *Clair de lune* của Debussy.

Langdon cảm thấy các cơ của mình giãn ra và không khí căng thẳng trong phòng dường như tan biến.

“Bộ não của chúng ta vui mừng,” Edmond nói. “Vẫn những nốt nhạc ấy. Vẫn nhạc cụ ấy. Nhưng Debussy tạo ra trật tự. Và cũng chính điều này hãnh diện tạo ra cái trật tự kích thích con người lắp ráp trò chơi ghép mảnh hoặc sắp xếp ngăn nắp các bức tranh trên tường. Thiên hướng tổ chức của chúng ta được viết vào DNA của chúng ta, và vì thế chúng ta không lấy gì làm lạ rằng phát minh vĩ đại nhất mà trí óc con người tạo ra chính là máy tính - một cỗ máy được thiết kế đặc biệt giúp chúng ta

tạo ra trật tự từ hỗn loạn. Thực tế, từ trong tiếng Tây Ban Nha để chỉ máy tính là *ordenador* - rất đúng nghĩa đen, ‘thứ tạo ra trật tự’.”

Hình ảnh một siêu máy tính đồ sộ xuất hiện, với một thanh niên ngồi ở thiết bị đầu cuối của nó.

“Hãy hình dung quý vị có một máy tính mạnh truy cập được tất cả thông tin trên thế giới. Quý vị được phép hỏi máy tính này bất kỳ câu gì quý vị thích. Xác suất cho thấy cuối cùng quý vị đều hỏi hai câu cơ bản vẫn hấp dẫn con người kể từ lần đầu tiên chúng ta biết tự nhận thức.”

Chàng thanh niên gõ vào thiết bị đầu cuối và dòng chữ xuất hiện.

Chúng ta đến từ đâu?

Chúng ta đang đi về đâu?

“Nói cách khác,” Edmond nói, “quý vị sẽ hỏi về *nguồn cội* và *số phận* của chúng ta. Và khi quý vị đặt ra những câu hỏi này, đây sẽ là phản hồi của máy tính.”

Thiết bị đầu cuối hiện lên:

DỮ LIỆU KHÔNG ĐẦY ĐỦ ĐỂ CÓ PHẢN HỒI CHÍNH XÁC.

“Không hữu ích cho lắm”, Kirsch nói, “nhưng ít nhất nó rất trung thực.”

Giờ hình ảnh bộ não người xuất hiện.

“Tuy nhiên, nếu quý vị hỏi chiếc máy tính sinh học nhỏ bé này - Chúng ta đến từ đâu? - sẽ có chuyện khác xảy ra.”

Từ bộ não chảy ra một dòng những hình ảnh tôn giáo - Chúa chìa tay truyền sự sống cho Adam, Prometheus nặn một con người nguyên thủy từ bùn, thần Brahma tạo ra con người từ các

bộ phận khác nhau của cơ thể chính mình, một vị thần châu Phi tách những đám mây và đưa hai người hạ xuống mặt đất, một vị thần Na Uy tạo ra một người đàn ông và một người đàn bà từ cây gỗ trôi dạt.

“Và giờ quý vị hỏi,” Edmond nói, “Chúng ta đang đi về đâu?”

Thêm nhiều hình ảnh tiết ra từ bộ não - những thiên đường tinh khôi, những địa ngục dữ dội, chữ tượng hình chỉ Cuốn sách Người chết của Ai Cập, những hình khắc trên đá mô tả cảnh xuất hồn, cách thể hiện của người Hy Lạp về Cánh đồng Elysian*, những mô tả khó hiểu về Gilgul neshamot*, những đồ hình đầu thai của Phật giáo và Hindu giáo, các vòng tròn của thuyết thần trí về Hạ địa*.

“Với bộ óc con người,” Edmond giải thích, “bất kỳ câu trả lời nào cũng tốt hơn là không có câu trả lời. Chúng ta cảm thấy rất khó chịu khi đối diện với ‘dữ liệu không đầy đủ’ và vì thế bộ não của chúng ta sáng tạo ra dữ liệu - cung cấp cho chúng ta, ít nhất là vậy, ảo giác về trật tự - tạo ra vô vàn triết lý, thần thoại và tôn giáo để trấn an chúng ta rằng thực tế có một trật tự và cấu trúc cho thế giới vô hình.”

Trong khi các hình ảnh tôn giáo tiếp tục tuôn trào, Edmond nói với xúc cảm mãnh liệt càng lúc càng tăng.

“Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta đi về đâu? Những câu hỏi cơ bản này về sự tồn tại của con người luôn ám ảnh tôi, và trong nhiều năm tôi đã mơ ước tìm ra câu trả lời.” Edmond ngừng lại, giọng anh trở nên u sầu. “Bi thảm thay, vì giáo điều tôn giáo, hàng triệu người tin rằng họ đã biết câu trả lời cho những câu hỏi lớn lao này. Và vì không phải mọi tôn giáo đều đưa ra những câu trả lời giống nhau, cho nên các nền văn hóa đều đi đến chỗ tranh giành xem câu trả lời của ai mới là đúng và phiên bản câu chuyện về Chúa nào mới là Câu chuyện Đích thực Duy

nhất.”

Màn hình trên đầu các vị khách bùng lên hình ảnh súng đại bác và những quả đạn cối nổ tung - một chuỗi những hình ảnh bạo lực mô tả các cuộc chiến tranh tôn giáo, tiếp theo là hình ảnh những người tị nạn khóc lóc, những gia đình mất chỗ ở và những xác chết dân thường.

“Kể từ buổi đầu lịch sử tôn giáo, giống loài chúng ta đã vướng vào làn đạn chằng chéo không bao giờ kết thúc - những người vô thần, người Thiên Chúa giáo, người Hồi giáo, người Do Thái, người Hindu, những tín đồ trung thành của mọi tôn giáo - và điều duy nhất gắn kết tất cả chúng ta là khát vọng sâu thẳm của chúng ta về hòa bình.”

Những hình ảnh dữ dội của chiến tranh biến mất và bị thay thế bằng bầu trời tĩnh lặng với những vì sao nhấp nháy.

“Hãy tưởng tượng điều đó sẽ xảy ra nếu chúng ta biết được câu trả lời cho những câu hỏi lớn của cuộc sống một cách mâu thuẫn... nếu tất cả chúng ta đều đột nhiên nhìn thấy bằng chứng không thể nhầm lẫn và chúng ta nhận ra mình không có lựa chọn nào khác ngoài việc mở rộng vòng tay và chấp nhận nó... cùng nhau, như một giống loài.”

Hình ảnh một thầy tu xuất hiện trên màn hình, hai mắt nhắm lại cầu nguyện.

“Thấm vắn tinh thần luôn là lãnh địa của tôn giáo, khuyến khích chúng ta có niềm tin mù quáng vào những điều răn dạy của tôn giáo, thậm chí khi chúng chẳng hề đem lại ý nghĩa logic.”

Lúc này, một chuỗi hình ảnh mô tả những tín đồ cuồng nhiệt xuất hiện, tất cả đều nhắm mắt, đang hát, cúi đầu, ca tụng cầu nguyện.

“Nhưng tín điều,” Edmond tuyên bố, “theo đúng định nghĩa của nó, đòi hỏi đặt niềm tin của quý vị vào thứ gì đó không thể nhìn thấy và không thể định nghĩa, chấp nhận như là sự thật mà bằng chứng thực nghiệm về nó không hề tồn tại. Và vì thế; rất dễ hiểu tất cả chúng ta đều đi đến chỗ đặt lòng tin của mình vào những thứ khác nhau bởi vì không hề có chân lý chung.” Anh ngừng lại. “Tuy nhiên...”

Những hình ảnh trên trần nhà tan thành một bức ảnh duy nhất, một nữ sinh viên, mắt mở to chăm chú, đắm đắm nhìn xuống một cái kính hiển vi.

“Khoa học là phản đề của tín điều,” Kirsch tiếp tục. “Khoa học, theo định nghĩa, là cố gắng tìm ra bằng chứng vật chất cho những gì chưa được biết hoặc chưa được định nghĩa, và để bác bỏ sự mê tín và nhận thức sai lệch để tôn vinh những sự thật đáng kể. Khi khoa học đưa ra một câu trả lời, câu trả lời đó có giá trị chung. Con người không lao vào chiến tranh vì điều đó, họ tập hợp xung quanh nó.”

Lúc này màn hình chiếu một đoạn phim lịch sử từ các phòng thí nghiệm ở NASA, CERN, và nơi khác - nơi các nhà khoa học thuộc mọi sắc tộc nhảy nhót trong niềm vui chung và ôm chầm lấy nhau khi một thông tin mới được hé lộ.

“Thưa các bạn của tôi,” giờ Edmond thì thầm, “tôi đã có nhiều dự đoán trong đời mình. Và tối nay tôi sẽ đưa ra một dự đoán nữa.” Anh hít một hơi dài chậm rãi. “Kỷ nguyên của tôn giáo đang dần chấm hết,” anh nói, “và kỷ nguyên của khoa học đang tới.”

Sự im lặng bao trùm khắp căn phòng.

“Và tối nay, nhân loại sắp có bước nhảy vọt theo hướng đó.”

Những lời ấy khiến Langdon cảm thấy rùng mình bất ngờ.

Cho dù phát hiện bí mật này có là gì thì rõ ràng Edmond cũng đang dàn dựng sân khấu cho một sự đối đầu lớn giữa anh và các tôn giáo của thế giới.

ConspiracyNet.com

BẢN TIN CẬP NHẬT EDMOND KIRSCH MỘT TƯƠNG LAI KHÔNG CẦN TÔN GIÁO?

Trong một chương trình phát trực tiếp hiện đang đạt con số chưa có tiền lệ là ba triệu người xem trực tuyến, nhà vị lai chủ nghĩa Edmond Kirsch có vẻ sẵn sàng công bố một phát kiến khoa học mà ông ấy cho biết sẽ trả lời hai câu hỏi dai dẳng nhất của loài người. Sau phần giới thiệu rất hấp dẫn của giáo sư Đại học Harvard Robert Langdon đã được ghi hình trước, Edmond Kirsch có phần chỉ trích rất thẳng thắn đối với niềm tin tôn giáo, trong đó ông ấy vừa đưa ra một dự đoán táo bạo, “Kỷ nguyên của tôn giáo đang tiến dần đến kết thúc.”

Cho đến lúc này tối nay, nhà vô thần nổi tiếng có phần thận trọng và biết tôn trọng hơn thường lệ một chút. Để xem tập hợp những lời chỉ trích phản tôn giáo trước đây của Kirsch, xin bấm vào đây.

CHƯƠNG 19

Ngay bên ngoài bức tường vải của sân khấu mái vòm, Đô đốc Ávila di chuyển vào vị trí, ẩn kín nhờ cả mê cung giàn giáo. Do ở vị trí thấp, ông ta giấu được cái bóng của mình và lúc này ông ta ngồi thu mình chỉ cách lớp ngoài cùng của bức vách gần phía trước thính phòng có vài phân.

Im lặng, ông ta thò tay vào túi và lấy chuỗi tràng hạt.

Thời gian là rất quan trọng.

Nhích bàn tay dọc theo chuỗi hạt, ông ta tìm được cây thánh giá kim loại nặng trĩu, cảm thấy ngạc nhiên vì đảm bảo vệ dùng thiết bị dò tìm kim loại ở dưới nhà lại để lọt món đồ này qua mặt họ mà không hề liếc mắt đến lần thứ hai.

Dùng một lưỡi dao cạo giấu trong phần thân cây thánh giá, Đô đốc Ávila rạch một đường chạy dọc dài khoảng mười lăm centimet trên bức vách bằng vải. Rất nhẹ nhàng, ông ta tách thành một lối mở và nhìn qua đó vào một thế giới khác - một cánh đồng cây cối nơi hàng trăm vị khách đang ngả người trên những tấm chăn và đắm đắm nhìn lên những vì sao.

Họ không thể hình dung được chuyện gì sắp tới.

Ávila mừng khi thấy hai đặc vụ Cận vệ Hoàng gia chọn vị trí ở phía đối diện của cánh đồng, gần góc phía trước bên phải của thính phòng. Họ đứng nghiêm đến cứng đờ, kín đáo khuất trong mấy bóng cây. Trong thứ ánh sáng lờ mờ, họ sẽ không thể nhìn thấy Ávila cho tới khi đã quá muộn.

Gần đám cận vệ, người duy nhất nửa đứng là giám đốc bảo tàng Ambra Vidal, dường như đang rất bất an khi nàng xem bài thuyết trình của Kirsch.

Hài lòng với vị trí của mình, Ávila khép vết rạch lại và tập trung sự chú ý vào cây thánh giá. Giống như hầu hết những cây thập giá, nó có hai đoạn ngắn tạo thành thanh ngang. Tuy nhiên, trên cây thập giá này, hai đoạn ấy được gắn vào thân dọc bằng nam châm và có thể tháo rời được.

Ávila nắm lấy một đoạn ngang của cây thánh giá và dùng lực bẻ mạnh. Đoạn ngang đó rơi vào tay ông ta và một vật nhỏ xíu rơi ra. Ávila làm tương tự với đoạn bên kia, khiến cho cây thánh giá không còn thanh ngang - giờ nó chỉ là một khối kim loại chữ nhật trên một sợi xích nặng trĩu.

Ông ta nhét chuỗi hạt trở lại túi cho an toàn. *Chốc nữa ta sẽ cần thứ này.* Giờ ông ta tập trung vào hai vật nhỏ được giấu bên trong thanh ngang của cây thập giá.

Hai viên đạn bắn ở tầm gần.

Ávila thò tay ra sau lưng, móc vào dưới thắt lưng, lôi từ eo lưng mình ra thứ đã được ông ta giấu kín bên dưới chiếc áo vest tông.

Vài năm đã trôi qua kể từ khi cậu bé người Mỹ có tên Cody Wilson thiết kế ra *The Liberator* - khẩu súng nhựa polymer in 3-D đầu tiên - và công nghệ đã được cải tiến rất nhiều. Những khẩu súng nhựa polymer và gôm mới vẫn không có nhiều sức mạnh, nhưng bù lại những gì còn khiếm khuyết, chúng lại vẫn được sản xuất nhiều hơn bởi khả năng vô hình trước các máy dò kim loại.

Tất cả những gì ta cần làm là đến gần.

Nếu mọi việc diễn ra suôn sẻ như kế hoạch, vị trí hiện tại của ông ta rất hoàn hảo.

Nhiếp chính vương bằng cách nào đó đã có được thông tin nội bộ về sơ đồ chính xác của các sự kiện tối nay... và ông ấy đã

nói rất rõ cách thực hiện nhiệm vụ của Ávila. Kết quả sẽ rất dữ dội, nhưng lúc này chứng kiến khúc dạo đầu vô pháp vô thiên của Edmond Kirsch, Ávila cảm thấy tự tin rằng những tội lỗi của mình ở đây tối nay sẽ được tha thứ.

Kẻ thù của chúng ta đang phát động chiến tranh, Nhiếp chính vương đã nói với ông ta. Chúng ta hoặc phải giết hoặc bị giết.

Đứng dựa vào bức tường phía xa trong góc trước bên phải của thánh phòng, Ambra Vidal hy vọng trông nàng không bồn chồn như nàng cảm thấy vậy.

Edmond nói với mình đây là một chương trình khoa học.

Nhà vị lai chủ nghĩa người Mỹ chưa bao giờ e ngại về thái độ bài tôn giáo của mình, nhưng Ambra cũng chưa bao giờ hình dung buổi thuyết trình tối nay lại thể hiện sự đối nghịch như vậy.

Edmond từ chối không cho mình xem trước.

Chắc chắn sẽ có sự bất đồng với các thành viên ban quản trị bảo tàng, nhưng những lo lắng của Ambra ngay lúc này mang tính cá nhân nhiều hơn.

Vài tuần trước, Ambra đã tâm sự với một người rất có ảnh hưởng về việc nàng tham gia vào sự kiện tối nay. Người ấy đã quyết liệt đề nghị nàng không tham gia. Anh ấy còn cảnh báo về những nguy hiểm của việc mù quáng chủ trì một buổi thuyết trình mà không hề biết gì về nội dung của nó - đặc biệt khi nó do nhân vật đả phá tín ngưỡng khét tiếng Edmond Kirsch dàn dựng.

Thực tế anh ấy ra lệnh cho mình hủy bỏ, nàng nhớ lại. Nhưng ngữ điệu tự cho mình là đúng của anh ấy khiến mình quá bực, chẳng

còn nghe gì nữa.

Lúc này, khi Ambra đứng một mình dưới bầu trời đầy sao, nàng tự hỏi liệu người ấy có đang ngồi đâu đó, tay ôm đầu, xem truyền trực tiếp chương trình này không.

Dĩ nhiên anh ấy đang xem, nàng nghĩ. Câu hỏi thật sự là: Liệu anh ấy có ra đòn bất ngờ hay không?

Bên trong Nhà thờ lớn Almudena, Giám mục Valdespino ngồi cứng đờ bên bàn, mắt dính lấy chiếc máy tính của mình. Ông biết chắc rằng tất cả mọi người ở Hoàng cung gần đó cũng đang xem chương trình này, đặc biệt là Hoàng tử Julián - người đầu tiên trong thứ tự lên ngôi vua Tây Ban Nha.

Hắn hoàng tử sẵn sàng nổi trận lôi đình.

Tối nay, một trong những bảo tàng được tôn trọng nhất Tây Ban Nha lại hợp tác với một kẻ vô thần khét tiếng người Mỹ để phát đi thứ mà các học giả tôn giáo gọi là “làm trò báng bổ, bài Thiên Chúa giáo để thu hút công chúng”. Càng đổ thêm dầu vào ngọn lửa gây tranh cãi, khi giám đốc của bảo tàng chủ trì sự kiện tối nay lại còn là một trong những nhân vật có tiếng tăm nổi bật nhất và mới nhất của Tây Ban Nha - nàng Ambra Vidal kiều diễm - một người phụ nữ suốt hai tháng qua chiếm trọn các tiêu đề báo chí Tây Ban Nha và giành được sự quý mến của cả một quốc gia chỉ sau một đêm. Thật khó tin, nàng Vidal lại chọn mạo hiểm mọi thứ khi chủ trì màn công kích Chúa tối nay.

Hoàng tử Julián sẽ chẳng còn lựa chọn nào khác là phê phán.

Vai trò sắp tới của ông ấy với tư cách bề tôi Công giáo cho vua Tây Ban Nha sẽ chỉ là một phần nhỏ trong thử thách mà ông ấy

phải đương đầu khi xử lý sự kiện tối nay. Mối lo lớn hơn rất nhiều là chỉ mới tháng trước, Hoàng tử Julián đã đưa ra một tuyên bố vui mừng khiến Ambra Vidal được cả nước chú ý.

Ngài đã công bố việc họ đính hôn.

Robert Langdon cảm thấy rất lo lắng về hướng đi của sự kiện tối nay. Bài thuyết trình của Edmond đang tiến gần đến chỗ trở thành một sự lên án công khai đối với đức tin nói chung. Langdon thắc mắc liệu có phải thế nào đó mà Edmond quên mất rằng anh đang nói không chỉ với một nhóm những nhà khoa học theo thuyết bất khả tri trong căn phòng này, mà là với hàng triệu người trên khắp hành tinh đang theo dõi trực tuyến hay không.

Rõ ràng, bài thuyết trình của cậu ấy được vạch ra nhằm gây tranh cãi.

Langdon thấy lo lắng về sự hiện diện của chính mình trong chương trình, và mặc dù chắc chắn Edmond không có ý lấy đoạn video làm một bằng chứng nhưng trong quá khứ Langdon từng vô tình là một điểm nóng gây tranh cãi tôn giáo... và ông không hề muốn lặp lại trải nghiệm ấy.

Thế nhưng, Kirsch đã mở một cuộc tấn công bằng âm thanh-hình ảnh có dự tính trước nhằm vào tôn giáo và lúc này Langdon bắt đầu suy nghĩ lại việc ông đã bàn luận qua loa đại khái về bức thư thoại Edmond nhận được từ Giám mục Valdespino.

Giọng Edmond lại vang khắp căn phòng, những hình ảnh trên đầu tan thành một chùm biểu tượng tôn giáo từ khắp nơi trên thế giới. “Tôi phải thừa nhận,” giọng Edmond vang lên, “tôi có những e dè về tuyên bố tối nay, và đặc biệt, về chuyện nó sẽ có ảnh hưởng như thế nào đến những người có đức tin.” Anh ngừng lại. “Và vì thế, ba ngày trước, tôi đã làm một việc có

phần không đúng với tính cách của mình. Trong một nỗ lực nhằm thể hiện sự tôn trọng đối với các quan điểm tôn giáo và để xem phát hiện của tôi có thể được mọi người thuộc các tín ngưỡng khác nhau đón nhận thế nào, tôi đã âm thầm tham vấn ba thủ lĩnh tôn giáo nổi bật - các học giả Hồi giáo, Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo - và tôi chia sẻ với họ phát hiện của mình.”

Những tiếng rì rào ra hiệu giữ im lặng lan khắp phòng.

“Như tôi đoán đợi, cả ba người đều phản ứng bằng sự ngạc nhiên, lo lắng, và vâng, thậm chí là giận dữ tột độ trước những gì tôi hé lộ với họ. Và dù phản ứng của họ tiêu cực, tôi muốn cảm ơn họ vì đã đón tiếp tôi rất ân cần. Tôi sẽ giữ phép lịch sự với họ bằng việc không tiết lộ tên tuổi họ, nhưng tôi muốn nói trực tiếp với họ tối nay và cảm ơn họ vì đã không tìm cách can thiệp vào bài thuyết trình này.”

Anh ngừng lại. “Có Chúa biết, họ đã có thể làm như vậy.”

Langdon lắng nghe, kinh ngạc thấy Edmond đang đi trên một sợi dây mảnh nhưng che giấu kín các bộ đỡ của mình khéo léo làm sao. Quyết định của Edmond gặp các thủ lĩnh tôn giáo cho thấy tư duy cởi mở, sự tin tưởng và không thiên vị vốn không phải được biết đến nhiều ở nhân vật vị lai chủ nghĩa này. Cuộc gặp tại Montserrat, lúc này Langdon thấy nghi ngờ, một phần là vì nhiệm vụ nghiên cứu và một phần là để diễn tập về quan hệ công chúng.

Một miễn tử bài rất thông minh, ông nghĩ.

“Trong lịch sử,” Edmond tiếp tục, “nhiệt tình tôn giáo luôn trấn áp tiến bộ khoa học và vì thế tối nay tôi cầu khẩn các thủ lĩnh tôn giáo trên toàn thế giới hãy phản ứng bằng sự kiềm chế và thấu hiểu về những gì tôi sắp nói. Chúng ta hãy *đừng* lặp lại tình trạng bạo lực đẫm máu của lịch sử. Chúng ta hãy *đừng* phạm những sai lầm của quá khứ.”

Những hình ảnh trên trần nhà tan thành hình vẽ một thành phố cổ có tường bao - một đại đô thị hình tròn hoàn hảo tọa lạc trên bờ một con sông chảy qua sa mạc.

Langdon ngay lập tức nhận ra đó là Baghdad cổ, kết cấu hình tròn phi thường của nó được củng cố bằng ba bức tường đồng tâm trên có các trụ bình phong và lỗ châu mai.

“Vào thế kỷ thứ VIII,” Edmond nói, “thành phố Baghdad vươn lên vị thế nổi trội như là trung tâm học thuật lớn nhất trên Trái Đất, chào đón mọi tôn giáo, triết thuyết và môn khoa học đến với các đại học và thư viện của mình. Suốt năm trăm năm, kết quả đổi mới khoa học tuôn chảy từ thành phố này là điều chưa bao giờ thế giới từng được chứng kiến và ảnh hưởng của nó đến nay vẫn còn trong văn hóa hiện đại.”

Phía trên, bầu trời sao xuất hiện trở lại, lần này nhiều ngôi sao mang theo tên gọi bên cạnh: Vega, Betelgeuse, Rigel, Algebar, Deneb, Acrab, Kitalpha.

“Tên của chúng đều bắt nguồn từ tiếng Arab,” Edmond nói. “Cho đến giờ, hơn hai phần ba các vì sao trên trời đều mang tên từ ngôn ngữ đó bởi vì chúng được phát hiện bởi các nhà thiên văn học thuộc thế giới Arab.”

Bầu trời nhanh chóng tràn ngập nhiều ngôi sao có tên tiếng Arab đến mức khoảng trời gần như bị nhòa đi. Những cái tên lại tan đi, chỉ để lại bầu trời mênh mông.

“Và, dĩ nhiên, nếu chúng ta muốn đếm các vì sao...”

Các chữ số La Mã bắt đầu xuất hiện lần lượt bên cạnh những ngôi sao sáng nhất.

I, II, III, IV, V...

Những con số đột ngột dừng lại và biến mất.

“Chúng ta không dùng số La Mã.” Edmond nói. “Chúng ta dùng chữ số Arab.”

Lúc này các chữ số lại bắt đầu nhưng sử dụng hệ số Arab.

1, 2, 3, 4, 5...

“Quý vị cũng có thể nhận ra *những* phát minh này của người Hồi giáo.” Edmond nói. “Và tất cả chúng ta vẫn đều đang sử dụng tên gọi Arab của chúng.”

Từ ‘đại số’ (algebra) nổi lên giữa bầu trời, xung quanh là một loạt phương trình đa biến số. Tiếp đến là từ ‘thuật toán’ (algorithm) với vô số công thức. Rồi đến ‘góc phương vị’ (azimuth) với một biểu đồ mô tả các góc trên đường chân trời của Trái Đất. Dòng chữ cứ tăng lên... THIÊN ĐỂ (nadir), THIÊN ĐỈNH (zenith), GIẢ KIM (alchemy), HÓA HỌC (chemistry), MẬT MÃ, TIÊN DƯỢC (elixir), ALCOHOL, ALKALINE, SỐ KHÔNG (zero)...

Khi những từ Arab quen thuộc chạy qua, Langdon thầm nghĩ thật buồn là rất nhiều người Mỹ hình dung Baghdad chỉ như một trong nhiều thành phố Trung Đông bụi bặm, bị chiến tranh tàn phá trong các bản tin thời sự, mà chẳng hề biết nó từng là trung tâm sự tiến bộ khoa học của nhân loại.

“Cuối thế kỷ XI,” Edmond nói, “phát hiện và khám phá tri thức vĩ đại nhất trên Trái Đất đều diễn ra tại và quanh Baghdad. Sau đó, gần như chỉ cần qua một đêm, điều đó thay đổi. Một học giả kiệt xuất có tên Hamid al-Ghazali - giờ được xem như một trong những tín đồ Hồi giáo có ảnh hưởng nhất trong lịch sử - đã viết ra một loạt tài liệu rất thuyết phục chất vấn tính lô-gic của Plato và Aristotle đồng thời tuyên bố toán học là ‘thứ triết học của quỷ dữ’. Việc này mở đầu cho một hợp lưu những sự kiện làm xói mòn tư duy khoa học. Nghiên cứu thần học trở

thành bắt buộc và cuối cùng toàn bộ phong trào khoa học Hồi giáo sụp đổ.”

Những từ ngữ khoa học phía trên tan biến và được thay thế bằng hình ảnh các văn bản tôn giáo Hồi giáo.

“Mặc khải thay thế cho nghiên cứu. Và cho tới hôm nay, thế giới khoa học Hồi giáo vẫn đang cố gắng hồi phục,” Edmond ngừng lại. “Dĩ nhiên, thế giới khoa học Thiên Chúa giáo cũng không khá hơn.”

Những bức tranh của các nhà thiên văn học Copernicus, Galileo và Bruno xuất hiện trên trần.

“Việc Nhà thờ giết người, bỏ tù và lên án một cách có hệ thống một số bộ óc khoa học xuất sắc nhất trong lịch sử đã làm chậm sự tiến bộ của nhân loại ít nhất một thế kỷ. Rất may, hôm nay, với hiểu biết tốt hơn của chúng ta về những lợi ích của khoa học, Nhà thờ đã kiềm chế bớt sự công kích của mình...” Edmond thở dài. “Liệu có phải vậy không?”

Một biểu trưng quả cầu với cây thánh giá mang hình Chúa bị đóng đinh và một con rắn xuất hiện kèm dòng chữ:

Tuyên ngôn Madrid về Khoa học và Đời sống

“Ngay ở đây tại Tây Ban Nha, Liên hiệp các Hội Y học Công giáo Thế giới gần đây đã tuyên chiến về công nghệ di truyền, tuyên bố rằng ‘khoa học thiếu linh hồn’ và do đó cần được Nhà thờ kiềm chế.”

Biểu trưng quả cầu lúc này biến đổi thành một vòng tròn khác - một bản thiết kế dưới dạng giản đồ của một máy gia tốc hạt rất lớn.

“Và đây là Máy Siêu gia tốc Siêu dẫn ở Texas - được đề cử là cỗ máy gia tốc phân tử lớn nhất thế giới - có khả năng khám

phá được thời khắc Sáng tạo. Buồn cười là, cỗ máy này lại được đặt ngay tâm Vành đai Kinh thánh* của Mỹ.”

Hình ảnh tan ra thành một kết cấu xi măng đồ sộ hình chiếc nhẫn trải dài trên hoang mạc Texas. Cơ sở này mới chỉ hoàn thành một nửa, phủ đầy bụi rác, rõ ràng là bị bỏ dở chừng trong quá trình xây dựng.

“Máy siêu gia tốc của Mỹ có thể thúc đẩy rất mạnh hiểu biết của nhân loại về vũ trụ, nhưng dự án bị hủy bỏ do đội chi phí và sức ép chính trị từ một số nguồn rất đáng chú ý.”

Một đoạn clip thời sự cho thấy một nhà truyền giáo qua truyền hình còn trẻ đang vung vẩy cuốn sách bán chạy *Hạt của Chúa** và giậm dữ hô to, “Chúng ta cần tìm kiếm Chúa ngay trong lòng mình! Không phải trong các nguyên tử! Tiêu tốn hàng tỉ đồng vào cái thí nghiệm ngu xuẩn này là một sự lãng phí cho bang Texas và sự sỉ nhục Đức Chúa!”

Tiếng Edmond trở lại. “Những xung đột tôi vừa mô tả - trong đó sự mê tín dị đoan về tôn giáo ngự tạo lý do – chỉ là những va chạm lẻ tẻ trong một cuộc chiến đang diễn ra.”

Trên nhà đột nhiên sáng bừng với một loạt hình ảnh bạo lực trong xã hội hiện đại - những hàng rào cô lập bên ngoài các phòng thí nghiệm nghiên cứu di truyền, một tu sĩ tự thiêu bên ngoài một hội thảo về Siêu nhân học, các nhà truyền giáo vung nắm tay và giơ cao cuốn *Sáng thế ký*, một con cá Jesus* đang ăn một con cá Darwin, những tuyên bố tôn giáo giậm dữ lên án việc nghiên cứu tế bào gốc, các quyền của người đồng tính và nạo phá thai, cùng với những tuyên bố giậm dữ không kém đáp trả.

Langdon nằm trong bóng tối, ông cảm nhận được tim mình đập thành thịch. Nhất thời, ông nghĩ lớp cở dưới lưng mình đang rung rinh, như thể một đoàn tàu điện ngầm đang tiến lại gần. Sau đó, khi những rung chấn càng mạnh hơn, ông nhận ra

thực tế mặt đất đang rung động. Những rung chấn sâu, rõ dần rùng rùng trào lên qua lớp cỏ dưới lưng ông và toàn bộ mái vòm rung lên vì một tiếng gầm lớn.

Giờ Langdon nhận ra, tiếng gầm đó chính là tiếng dòng thác dưới sông ầm ầm đổ về, được phát qua những chiếc loa âm thanh tần số thấp ngay bên dưới cỏ. Ông cảm nhận được một màn sương ẩm ướt, lạnh lạnh cuộn xoáy ngang qua mặt và cơ thể mình, như thể ông đang nằm ngay giữa một dòng sông đang nổi cơn thịnh nộ.

“Quý vị nghe thấy âm thanh đó chứ?” Edmond nói át cả tiếng thác nước gầm rít. “Đó là sự trào dâng không thể ngăn cản được của Dòng sông Tri thức Khoa học!”

Lúc này, dòng nước gầm thét to hơn nữa và hơi ẩm cảm nhận được ướt nhòa trên má Langdon.

“Kể từ lần đầu tiên con người phát hiện ra lửa,” Edmond gào to, “dòng sông này đã giành được sức mạnh. Mọi phát hiện đều trở thành công cụ để chúng ta tạo ra những phát hiện mới, mỗi lần là thêm một giọt nước cho dòng sông này. Ngày hôm nay, chúng ta cưỡi lên đỉnh một ngọn sóng thần, một trận đại hồng thủy ào ạt xô tới với sức mạnh không thể ngăn cản!”

Cả căn phòng rung lên dữ dội hơn.

“Chúng ta đến từ đâu!” Edmond hét to. “Chúng ta đi về đâu! Chúng ta luôn hướng đến việc tìm kiếm câu trả lời! Phương pháp tìm kiếm của chúng ta đã tiến bộ rất nhiều trong cả thiên niên kỷ!”

Giờ hơi ẩm và gió lùa qua căn phòng và tiếng ầm ầm của dòng sông đạt đến cao độ gần như đỉnh tai nhức óc.

“Hãy xem xét điều này!” Edmond tuyên bố. “Nhân loại mất một triệu năm để tiến bước từ việc phát hiện ra lửa đến chỗ

sáng chế ra bàn xoay. Rồi chỉ mất vài nghìn năm để sáng chế ra máy in. Rồi lại chỉ mất vài trăm năm để tạo ra kính viễn vọng. Trong những thế kỷ sau đó, với khoảng cách rút ngắn hơn bao giờ hết, chúng ta nhảy vọt từ máy hơi nước đến ô tô chạy bằng xăng, đến tàu vũ trụ con thoi! Và sau đó, chỉ mất có hai thập kỷ để chúng ta bắt đầu điều chỉnh DNA của chính mình!”

Kirsch hét to, “Giờ chúng ta đo tiến bộ khoa học theo tháng, phát triển với tốc độ không sao tin nổi. Sẽ không mất nhiều thời gian cho đến lúc siêu máy tính nhanh nhất hiện nay trông sẽ như một cái bàn tính, những phương pháp phẫu thuật tiên tiến nhất hiện nay dường như sẽ trở thành thô lậu, và những nguồn năng lượng hiện nay dường như sẽ rất kỳ quái với chúng ta chẳng khác gì dùng nến để chiếu sáng một căn phòng vậy!”

Giọng Edmond cùng tiếng gào thét của dòng nước trào dâng tiếp tục trong bóng tối ồn ào.

“Người Hy Lạp cổ đại hẳn đã phải nhìn lại hàng thế kỷ để nghiên cứu văn hóa cổ, nhưng chúng ta chỉ cần nhìn lại một thế hệ duy nhất cũng thấy ngay những người sống mà không hề có những công nghệ chúng ta mặc nhiên có ngày nay. Tiến trình thời gian phát triển của con người đang thu hẹp lại, khoảng cách phân tách ‘cổ xưa’ và ‘hiện đại’ cũng đang co lại về mức chẳng còn gì nữa. Và vì lý do này, tôi thề với quý vị rằng mấy năm tới trong bước phát triển của loài người sẽ rất sốc, đột phá và hoàn toàn không thể hình dung nổi!”

Không hề báo trước, tiếng âm âm của dòng sông vụt tắt.

Bầu trời sao trở lại. Cùng với đó là làn gió ẩm áp và tiếng dế nỉ non.

Khách khứa trong phòng dường như đều cùng thở hắt ra một lúc.

Trong không khí im lặng đột ngột, giọng Edmond trở lại là tiếng thì thầm.

“Thưa các bạn của tôi,” anh nói khẽ. “Tôi biết quý vị ở đây bởi tôi đã hứa với quý vị một phát hiện và tôi cảm ơn quý vị đã cho phép tôi thoả mái với phần dạo đầu. Giờ chúng ta hãy vứt bỏ những gông cùm tư duy quá khứ của mình. Giờ là lúc chúng ta chia sẻ câu chuyện phát hiện ly kỳ.”

Cùng với những lời này, một màn sương thấp lan ra từ mọi phía, và bầu trời phía trên bắt đầu sáng lên thứ ánh sáng trước bình minh, lơ mờ soi tỏ cử tọa bên dưới.

Đột nhiên, một ngọn đèn rọi vụt sáng và lia mạnh về phía sau sảnh. Chỉ một lúc sau, gần như tất cả khách khứa đều ngồi dậy, ngẩng cổ nhìn ra phía sau qua màn sương với vẻ trông chờ sẽ nhìn thấy vị chủ nhà xuất hiện bằng xương bằng thịt. Tuy nhiên, sau vài giây, ngọn đèn rọi lia trở lại phía trước căn phòng.

Cử tọa lại ngoảnh nhìn theo nó.

Ở đó, tại phía trước căn phòng, Edmond Kirsch đứng mỉm cười trong quầng sáng đèn. Hai tay anh tự tin đặt hai bên một cái bục mà mới vài giây trước còn không hề có ở đó. “Chúc các bạn một buổi tối tốt lành,” vị chủ nhà xuất chúng nhã nhặn chào trong khi màn sương bắt đầu bốc lên.

Chỉ vài giây, mọi người đã đứng lên, cuồng nhiệt hoan hô vị chủ nhà của mình. Langdon cũng làm theo họ, không thể kìm được nụ cười.

Quả nhiên Edmond xuất hiện trong màn khói mờ.

Cho đến giờ, bài thuyết trình tối nay, dù đối nghịch với đức tin tôn giáo, vẫn là một thành công - táo bạo và không nao núng - như chính con người anh. Giờ Langdon hiểu tại sao số người

có tư duy phóng khoáng ngày càng đông của thế giới lại thần tượng Edmond như vậy.

Nếu không có gì thay đổi, cậu ta sẽ trình bày tư duy của mình theo một cách ít người dám như vậy.

Khi gương mặt Edmond xuất hiện trên màn hình phía trên đầu, Langdon nhận thấy anh trông bớt xanh xao hơn trước rất nhiều, rõ ràng là đã được trang điểm rất chuyên nghiệp. Dù vậy, Langdon vẫn có thể nói rằng người bạn của mình đã kiệt sức.

Tiếng hoan hô tiếp tục to đến mức Langdon gần như không cảm nhận được tiếng rung trong túi áo ngực mình. Theo bản năng, ông thò tay cầm lấy điện thoại của mình nhưng đột nhiên nhận ra nó đã tắt. Thật lạ lùng, tiếng rung phát ra từ một thiết bị khác trong túi ông - cái tai nghe truyền dẫn xương - thứ dường như lúc này Winston đang nói rất to qua đó.

Thật chẳng đúng lúc tí nào.

Langdon kéo thiết bị ra khỏi túi áo mình và đeo nó lên đầu. Ngay khi thiết bị chạm vào xương hàm ông, giọng nói của Winston vang lên trong đầu Langdon.

“... sư Langdon? Ngài có đó không? Điện thoại bị tắt. Ngài là kênh liên hệ duy nhất của tôi. Giáo sư Langdon?!”

“Có... Winston à? Tôi đây,” Langdon trả lời át tiếng hoan hô quanh mình.

“Ơn chúa...” Winston nói. “Xin nghe kỹ đây. Chúng ta có thể gặp chuyện rất nghiêm trọng.”

Là một người đã trải qua vô vàn khoảnh khắc chiến thắng trên đấu trường thế giới, Edmond Kirsch thường xuyên được khích lệ bởi thành tích, nhưng anh hiếm khi cảm thấy hoàn toàn hài lòng. Tuy nhiên, trong thời khắc này, đứng bên cái bục nhận lấy sự tung hô cuồng nhiệt, Edmond cho phép mình tận hưởng cảm giác sung sướng mê ly vì biết mình sắp thay đổi cả thế giới.

Xin mời ngồi xuống, các bạn của tôi, anh định bảo họ. Điều tuyệt vời nhất vẫn chưa xuất hiện đâu.

Khi màn sương tan đi, Edmond cố kìm không nhìn lên trời, nơi anh biết có hình cận cảnh khuôn mặt của chính mình đang được chiếu lên trần nhà và cũng là cho hàng triệu người trên khắp thế giới thấy.

Đây là một thời khắc toàn cầu, anh hãnh diện nghĩ. Nó vượt mọi biên giới, đẳng cấp và tín ngưỡng.

Edmond liếc sang trái để gạt đầu tỏ ý biết ơn với Ambra Vidal, người đang quan sát từ trong góc và đã làm việc không mệt mỏi cùng anh để dàn dựng cảnh tượng này. Tuy nhiên, trước sự ngạc nhiên của anh, Ambra không hề nhìn anh. Thay vào đó, nàng đang trân trối nhìn đám đông, nét mặt nàng như một tấm mặt nạ đầy lo lắng.

Có gì đó không ổn, Ambra nghĩ khi quan sát từ bên cánh gà.

Ở trung tâm gian phòng, một người cao ráo ăn mặc lịch sự đang len lỏi qua đám đông, vẫy vẫy cánh tay và tiến thẳng về phía Ambra.

Đó là Robert Langdon, nàng nhận ra vị giáo sư người Mỹ qua đoạn video của Kirsch.

Langdon đang tiến đến rất nhanh và cả hai đặc vụ Cận vệ của Ambra lập tức rời khỏi tường, tiến vào vị trí để chặn ông lại.

Ông ta muốn gì nhỉ? Ambra cảnh giác trước biểu hiện của Langdon.

Nàng xoay về phía Edmond chỗ cái bục, tự hỏi không biết anh có nhận thấy sự xáo trộn này không, nhưng Edmond Kirsch lại không hề nhìn quan khách. Rất kỳ lạ, anh lại đang nhìn thẳng về phía nàng.

Edmond! Có gì đó không ổn!

Đúng khoảnh khắc đó, một tiếng rít chói tai vang vọng bên trong mái vòm, và đầu Edmond bật ngửa ra sau. Ambra kinh hãi nhìn trong khi một cái lỗ đỏ lòe loang ra trên trán Edmond. Hai mắt anh hơi đảo về phía sau, nhưng hai tay anh vẫn bám cứng lấy cái bục trong khi cả cơ thể anh cứng đờ. Anh loạn choạng một lúc, gương mặt anh đầy hoang mang, và rồi, như một cái cây đổ gục, thân mình anh lạng sang một bên và đổ ụp xuống sàn, phần đầu lùa máu nện mạnh xuống lớp cỏ nhân tạo khi anh chạm đất.

Ambra thậm chí còn chưa kịp hiểu những gì mình vừa chứng kiến thì nàng đã cảm thấy bị đè nghiêng xuống đất bởi một trong hai đặc vụ Cận vệ.

Thời gian đứng im.

Sau đó... hỗn loạn.

Khi ánh sáng màn hình vẫn đang chiếu hình ảnh xác Edmond đầy máu me, cả một làn sóng khách khứa chen nhau chạy về

phía sau sảnh, cố gắng thoát ra trước khi có thêm tiếng súng nào nữa.

Trong khi khung cảnh hỗn loạn diễn ra xung quanh mình, Robert Langdon cảm thấy như đóng đinh tại chỗ, đờ đẫn vì sốc. Cách đó không xa, bạn ông nằm nghiêng bất động, vẫn nhìn về phía cửa tọa, lỗ đạn trên trán anh phun đỏ lòm. Tàn nhẫn thay, gương mặt vô hồn của Edmond lại đang được chiếu sáng bởi luồng đèn rọi sáng quắc trên máy quay truyền hình, được bố trí trên một chiếc giá ba chân không có ai để ý đến, nhưng rõ ràng vẫn đang phát trực tiếp lên trên mái vòm và cả ra toàn thế giới.

Như thể đang đi qua một giấc mơ, Langdon thấy mình chạy bay về phía máy quay truyền hình và bẻ ngược nó lên trời, xoay ống kính khỏi phía Edmond. Sau đó, ông quay người và len lỏi qua đám đông khách khứa đang tháo chạy để hướng về phía bục và người bạn gục ngã của mình, để biết chắc rằng Edmond đã mất.

Chúa ơi... tôi đã cố gắng báo với cậu, Edmond, nhưng cảnh báo của Winston đến trễ quá.

Cách không xa xác Edmond, trên sàn phòng, Langdon nhìn thấy một đặc vụ Cận vệ khom người che chắn cho Ambra Vidal. Langdon vội vã tiến thẳng về phía nàng, nhưng đặc vụ kia phản ứng theo bản năng - tung người lên và hướng ra ngoài, nhảy ba bước dài và lao cả thân hình mình vào Langdon.

Bả vai người cận vệ táng thẳng vào xương ức Langdon, đẩy hết không khí ra khỏi phổi ông và tạo ra một cơn đau bất ngờ xuyên khắp người ông trong khi ông ngã bổ chửng về phía sau, đập mạnh xuống nền cỏ nhân tạo. Ông còn chưa kịp hít một hơi thì hai bàn tay chắc nịch đã siết cứng lấy bụng ông, vặn cánh tay trái của ông ra phía sau lưng và một bàn tay cứng như sắt ép chặt lên ông khiến Langdon hoàn toàn bất động vì má trái bị đè

nghiền xuống cỏ. “Anh đã biết trước việc này xảy ra,” người cận vệ quát to. “Anh có liên quan gì đây!”

Cách đó hai mươi thước, đặc vụ Cận vệ Hoàng gia Rafa Díaz cố gắng vượt qua từng toán khách khứa đang tháo chạy để đến được vị trí chỗ bức tường bên nơi anh nhìn thấy chớp đạn nổ.

Ambra Vidal an toàn, anh trấn an mình, vì đã nhìn thấy đồng nghiệp của mình kéo nàng xuống sàn và lấy thân mình che chắn cho nàng. Thêm nữa, Díaz cảm thấy rất chắc chắn chẳng thể làm được gì cho nạn nhân. *Edmond Kirsch đã chết trước cả khi chạm xuống đất.*

Rất kỳ lạ, Díaz nhận thấy, một vị khách có vẻ đã được cảnh báo trước về vụ tấn công, nên xông về phía bức diễn thuyết chỉ một khắc trước khi có tiếng súng.

Dù lý do là gì, Díaz đều biết rằng phải đợi.

Thời điểm đó, anh chỉ có một nhiệm vụ.

Tóm cho được kẻ nổ súng.

Khi Díaz đến được chỗ có chớp sáng làm lộ vị trí, anh thấy một vết rạch trên bức vách vải và thọc tay mình qua lỗ hổng, xé mạnh xuống đến tận sàn và trèo ra khỏi mái vòm bước vào một mê cung.

Bên trái anh, đặc vụ thoáng thấy một cái bóng - một gã đàn ông cao lớn mặc bộ quân phục màu trắng - đang chạy vội về phía lối thoát hiểm ở đầu bên kia của không gian rộng lớn này. Chỉ một thoáng sau, cái bóng đang bỏ chạy đó đã chui tọt qua cửa và biến mất.

Díaz vội đuổi theo, luôn lách qua những thiết bị điện tử bên ngoài mái vòm và cuối cùng cũng tung mình qua cửa để vào

buồng cầu thang bằng xi măng. Anh nhìn qua lan can và thấy kẻ bỏ chạy cách hai tầng phía dưới, đang chạy xoáy vòng xuống với tốc độ rất nhanh. Díaz đuổi theo sau hắn, nhảy qua năm bậc thang một lúc. Đầu đó phía dưới, cửa thoát hiểm bật mở rất to và sau đó đóng sầm lại.

Hắn vừa ra khỏi tòa nhà.

Khi Díaz đến tầng trệt, anh chạy nhanh tới lối ra - một khung cửa hai cánh có tay đẩy nằm ngang - và tung toàn bộ trọng lượng của mình vào đó. Nhưng thay vì mở bung ra như những cánh cửa trên gác, cánh cửa này lại chỉ nhích chút ít rồi chững lại. Người Díaz lao rầm vào vách sắt và anh rơi sụm xuống, một cơn đau buốt xé khắp vai anh.

Anh run rẩy gượng đứng lên và thử lại cánh cửa.

Nó chỉ mở ra vừa đủ để anh thoáng nhìn ra vắn đề.

Lạ thay, phần tay nắm cửa bên ngoài đã được buộc chặt bằng một vòng dây - một chuỗi hạt quần quanh tay nắm từ phía ngoài.

Díaz càng thêm bối rối khi anh nhận ra mẫu mã chuỗi hạt khá quen thuộc với anh, cũng như với bất kỳ tín đồ Công giáo Tây Ban Nha mộ đạo nào.

Đó là một chuỗi tràng hạt.

Vận hết sức lực, Díaz xô cơ thể đang đau nhức của mình vào cánh cửa lần nữa, nhưng chuỗi hạt vẫn không chịu đứt. Anh trân trân nhìn lại qua cái khe hẹp, cảm thấy lúng túng cả bởi sự hiện diện của một chuỗi tràng hạt cả bởi việc anh không tài nào bứt đứt được nó.

“¿Hola?” anh gọi to qua cửa. “¿Hay alguien?!”

Im lặng.

Qua khe cửa, Díaz có thể nhận ra một bức tường bê tông cao

và một lối đi dùng khi làm lễ khá vắng vẻ. Quá ít cơ hội có ai đó sẽ đi ngang qua để tháo vòng dây. Không nhìn thấy lựa chọn nào khác, anh nắm lấy khẩu súng ngắn trong bao súng bên dưới áo. Anh lên cò súng và đẩy nòng qua khe cửa. Anh áp nòng súng vào sợi dây tràng hạt.

Mình sắp nã một viên đạn vào một chuỗi tràng hạt thiêng liêng ư? *Qué Dios me perdone?*

Những mảnh còn lại của cây thập giá mang hình Chúa chịu nạn nhẩy nhót trước mắt Díaz.

Anh bóp cò.

Phát súng vang rền trong buồng cầu thang xi măng, và cánh cửa mở tung. Chuỗi tràng hạt văng tung tóe, Díaz loạng choạng lao tới, xông vào một lối hẹp trong khi những hạt cườm nảy khắp vỉa hè xung quanh anh.

Kẻ ám sát trong bộ đồ trắng đã mất hút.

Cách đó một trăm mét, Đô đốc Luis Ávila ngồi im lặng trên ghế sau chiếc Renault màu đen lúc này tăng tốc rời khỏi bảo tàng.

Độ bền căng của chất sợi Vectran mà Ávila dùng để khâu các hạt cườm đã phát huy tác dụng, làm chậm bước những kẻ đuổi theo vừa đủ lâu.

Và giờ ta thoát.

Khi chiếc xe của Ávila tăng tốc về phía tây bắc dọc theo con sông Nervión uốn khúc và biến mất trong dòng xe vun vút trên Đại lộ Abandoibarra, cuối cùng Đô đốc Ávila mới cho phép mình thở phào.

Nhiệm vụ của ông ta tối nay quá ư thuận lợi.

Ông ta bắt đầu nghe thấy trong đầu mình những đoạn nhạc

vui tươi của bài thánh ca Oriamendi - ca từ xưa cũ của bài hát từng được cất lên trong trận đánh đẫm máu ngay tại Bilbao này. ¡Por Dios, por la Patria y el Rey! Ávila thầm hát trong đầu. Vì Thiên Chúa, vì Tổ quốc, và Đức vua!

Tiếng hét xung trận đã bị lãng quên từ lâu... nhưng cuộc chiến thì chỉ mới bắt đầu.

Hoàng cung ở Madrid là hoàng cung lớn nhất châu Âu đồng thời trong những quần thể kiến trúc ấn tượng nhất theo phong cách Cổ điển và Baroque. Được xây dựng tại vị trí vốn là một tòa lâu đài của người Moor* vào thế kỷ thứ IX, phần mặt tiền gồm ba tầng có nhiều cột trụ của cung điện chạy dài suốt toàn bộ chiều rộng hơn một trăm năm mươi mét của Quảng trường Armería nơi cung điện tọa lạc. Bên trong là cả một mê cung dị thường với ba nghìn bốn trăm mười tám phòng choán hết gần một trăm bốn mươi nghìn mét vuông mặt sàn. Các phòng khách, phòng ngủ và hành lang được trang trí bằng một bộ sưu tập các tác phẩm nghệ thuật tôn giáo vô giá, trong đó có những kiệt tác của Velázquez, Goya và Rubens.

Suốt nhiều thế hệ, cung điện là tư dinh của các vị vua và nữ hoàng Tây Ban Nha. Còn giờ đây, cơ bản nó được dùng cho các chức năng nhà nước và hoàng gia sinh sống tại Cung điện Zarzuela khiêm nhường và tách biệt hơn ở bên ngoài thành phố.

Tuy nhiên, những tháng gần đây, cung điện chính thức của Madrid lại trở thành nơi thường trú của Thái tử Julián - vị vua tương lai bốn mươi hai tuổi của Tây Ban Nha - người chuyển đến cung điện theo yêu cầu từ những người chịu trách nhiệm rèn luyện chàng, muốn Julián “xuất hiện nhiều hơn trước quốc dân” trong giai đoạn trước lễ đăng quang của mình.

Cha của Thái tử Julián, đương kim hoàng thượng, đã nằm liệt giường nhiều tháng do bệnh tật giai đoạn cuối. Khi thần trí của đức vua như ngọn đèn sắp cạn dầu xấu đi, hoàng cung bắt đầu quá trình chuyển giao quyền lực rất chậm chạp, chuẩn bị

cho thái tử lên ngôi khi cha chàng từ trần. Trước việc thay đổi người lãnh đạo sắp diễn ra, người dân Tây Ban Nha đều hướng về Thái tử Julián, với một câu hỏi duy nhất trong đầu:

Ngài sẽ là bậc trị vì như thế nào đây?

Thái tử Julián vốn luôn là một đứa con thận trọng và kín đáo, gánh vác trọng trách vương quyền rồi sẽ dành cho mình kể từ khi còn là một cậu bé. Mẹ của Julián mất do những biến chứng tiền kỳ trong khi đang mang thai đứa con thứ hai, và đức vua, trước sự ngạc nhiên của nhiều người, đã chọn sẽ không bao giờ tái hôn, khiến cho Julián trở thành người kế vị duy nhất ngai vàng Tây Ban Nha.

Người thừa kế không có ai thay thế, mấy tờ báo khổ nhỏ của Anh lạnh lùng gọi thái tử như vậy.

Vì Julián lớn lên dưới sự bảo bọc của người cha cực kỳ bảo thủ của mình nên hầu hết những người Tây Ban Nha theo chủ nghĩa truyền thống đều tin chàng sẽ tiếp tục truyền thống khắc khổ của cha mình là giữ gìn phẩm giá của hoàng gia Tây Ban Nha thông qua việc duy trì những chuẩn tắc, nghi thức đã được xác lập và trên hết là duy trì sự kính ngưỡng đối với lịch sử Công giáo phong phú của Tây Ban Nha.

Trong nhiều thế kỷ di sản của các vị vua Công giáo chính là cốt lõi đạo đức của Tây Ban Nha. Nhưng những năm gần đây, cội rễ đức tin của đất nước dường như đang mai một, và Tây Ban Nha bị vướng vào một cuộc thi kéo co quyết liệt giữa những người thủ cựu và những người tân tiến.

Giờ đây, ngày càng có nhiều người theo chủ nghĩa tự do đang tràn ngập trên các blog và truyền thông xã hội những đồn đoán cho rằng một khi Julián có thể thoát ra khỏi cái bóng của cha mình, chàng sẽ để lộ bản ngã thật sự của mình - một nhà lãnh đạo thế tục, tiến bộ và táo bạo sẵn sàng theo gương rất nhiều

quốc gia châu Âu và bãi bỏ hoàn toàn chế độ quân chủ.

Cha của Julián luôn thể hiện vai trò tích cực của một vị vua, khiến cho Julián không còn nhiều dư địa để tham gia vào chính trị. Đức vua đã công khai tuyên bố rằng ngài tin Julián nên tận hưởng tuổi trẻ của mình và phải cho đến tận khi hoàng tử lập thất và ổn định thì việc chàng tham gia vào các vấn đề quốc gia đại sự mới có ý nghĩa. Và vì thế bốn mươi năm đầu đời của Julián - vẫn được báo chí Tây Ban Nha ghi chép lại không ngừng - là cuộc sống ở các trường tư thục, cưỡi ngựa, cưỡi băng khánh thành, gây quỹ, và du lịch khắp thế giới. Cho dù mới chỉ tạo được một chút đáng chú ý trong cuộc sống của mình, nhưng rõ ràng Hoàng tử Julián vẫn là anh chàng độc thân phù hợp nhất để lấy làm chồng của Tây Ban Nha.

Trong nhiều năm, vị hoàng tử điển trai bốn mươi hai tuổi đã công khai hẹn hò với khá nhiều phụ nữ phù hợp để kết hôn. Dù chàng nổi tiếng là một người cực kỳ lãng mạn nhưng chưa có ai từng chiếm được trái tim chàng hoàn toàn. Ấy thế mà, những tháng gần đây, Julián từng vài lần bị phát hiện cùng với một phụ nữ xinh đẹp trông hết một người mẫu thời trang đã giải nghệ nhưng thực tế lại là vị giám đốc rất được kính nể của Bảo tàng Guggenheim ở Bilbao.

Truyền thông lập tức ca tụng Ambra Vidal là “nhân vật phù hợp hoàn hảo cho một vị vua hiện đại”. Nàng có học, thành đạt và điều quan trọng nhất là không phải xuất thân từ một gia đình quý phái nào đó của Tây Ban Nha. Ambra Vidal là của đại chúng.

Vị hoàng tử rõ ràng đồng ý với đánh giá của họ, và chỉ sau một thời gian tìm hiểu rất ngắn, Julián đã cầu hôn với nàng - bằng một cách rất lãng mạn và rất bất ngờ - và Ambra Vidal đã chấp thuận.

Những tuần sau đó, báo chí đưa tin hằng ngày về Ambra Vidal lưu ý rằng hóa ra nàng đâu chỉ có một khuôn mặt khả ái không thôi. Nàng nhanh chóng cho thấy bản thân mình là một người phụ nữ vô cùng độc lập, mặc dù đang là đương kim hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha, đã dứt khoát từ chối để Cận vệ Hoàng gia can thiệp vào lịch trình thường nhật của mình hoặc để các đặc vụ của họ bảo vệ nàng ở bất kỳ dịp gì ngoài một sự kiện công khai lớn.

Khi chỉ huy Cận vệ Hoàng gia dè dặt gợi ý nàng Ambra phóng khoáng cần ăn mặc phục trang thận trọng hơn và bớt bó sát thân hình hơn, Ambra đã công khai đùa bỡn việc đó, nói rằng nàng đã bị chỉ huy *Tử quân* áo Hoàng gia* trách cứ.

Các tạp chí tự do đăng gương mặt nàng tràn ngập trên trang bìa của họ. “Ambra! Tương lai xinh đẹp của Tây Ban Nha!” Khi nàng từ chối một cuộc phỏng vấn, họ ca ngợi nàng là “độc lập”, khi nàng chấp nhận phỏng vấn, họ tôn vinh nàng là “dễ gần”.

Các tạp chí bảo thủ trả miếng bằng cách chế nhạo tân hoàng hậu tương lai xác xược là một kẻ cơ hội chủ nghĩa thèm khát quyền lực sẽ trở thành một thứ ảnh hưởng nguy hiểm cho đức vua tương lai. Để có bằng chứng, họ dẫn lại thái độ nàng coi nhẹ thấy rõ uy tín của hoàng tử.

Lo ngại đầu tiên của họ tập trung vào thói quen của Ambra gọi Hoàng tử Julián vồn vện bằng tên cúng cơm, phớt lờ tập quán truyền thống nhắc đến chàng là Don Julián hoặc *su alteza*.

Tuy nhiên, lo ngại thứ hai của họ xem ra còn nghiêm trọng hơn nhiều. Suốt vài tuần qua, lịch trình công việc của Ambra khiến nàng gần như hoàn toàn không thể ở bên thái tử, thế nhưng người ta lại liên tục nhìn thấy nàng ở Bilbao, ăn trưa gần bảo tàng với nhân vật vô thần khét tiếng - chuyên gia công nghệ người Mỹ Edmond Kirsch.

Mặc dù Ambra khẳng khẳng nói rằng những bữa ăn trưa ấy đơn giản là để sắp xếp các cuộc gặp với một trong những nhà tài trợ chính của bảo tàng nhưng các nguồn tin trong cung cho rằng Julián bắt đầu thấy sôi máu.

Mà chẳng ai trách cứ được chàng.

Bản chất của vấn đề là vị hôn thê kiều diễm của Julián - chỉ vài tuần sau lễ đính hôn của họ - lại đang lựa chọn dành thời gian của nàng với một người đàn ông khác.

Mặt Langdon vẫn bị ép chặt xuống cổ. Sức nặng của anh chàng đặc vụ trên người ông thật ghê gớm.

Rất lạ là ông chẳng cảm thấy gì cả.

Cảm xúc của Langdon tản mát và tê liệt - những tầng cảm xúc buồn rầu, sợ hãi và giận dữ bện xoắn vào nhau. Một trong những bộ óc xuất chúng nhất của thế giới - một người bạn thân thiết - vừa bị giết hại công khai bằng cách thức tàn bạo nhất. Cậu ấy bị giết chỉ một lúc trước khi kịp tiết lộ phát hiện lớn lao nhất đời mình.

Giờ Langdon nhận ra sự mất mát bi thảm về sinh mạng con người còn đi kèm với một mất mát thứ hai - mất mát khoa học.

Giờ thế giới có thể không bao giờ biết về những gì Edmond đã tìm được.

Langdon bỗng thấy nổi giận, tiếp theo là quyết tâm sắt đá.

Tôi sẽ làm mọi việc có thể để tìm ra kẻ nào chịu trách nhiệm về việc này. Tôi sẽ phát huy di sản của cậu, Edmond. Tôi sẽ tìm cách chia sẻ phát hiện của cậu với thế giới.

“Ông đã biết,” giọng người cận vệ rít lên, sát bên tai ông. “Ông định tiến tới bực như thể ông biết có chuyện sắp xảy ra.”

“Tôi... đã... được cảnh báo,” Langdon cố xoay sở, gần như không thở nổi.

“Kẻ nào cảnh báo?!”

Langdon cảm thấy cái tai nghe biến năng của mình bị vặn và lệch đi trên má. “Cái tai nghe trên mặt tôi... đó là một hướng dẫn viên tự động. Máy tính của Edmond Kirsch đã cảnh báo tôi. Nó phát hiện ra có điểm bất thường trong danh sách khách mời

- một đô đốc về hưu thuộc hải quân Tây Ban Nha.”

Lúc này, đầu người cận vệ gần tai Langdon nên ông có thể nghe rõ tai nghe bộ đàm của người ấy sột soạt hoạt động. Giọng nói trong bộ đàm hỗn hển và gấp gáp và dù tiếng Tây Ban Nha của Langdon lơ mờ nhưng ông vẫn nghe được đủ để giải mã cái tin không hay.

... *el asesino ha huido*...

Tên sát nhân đã trốn thoát.

... *salida bloqueada*...

Một lối ra đã bị bít lại.

... *uniforme militar blanco*...

Khi mấy từ “quân phục” được nói ra, người cận vệ đè trên Langdon giảm bớt sức ép.

“¿Uniforme naval?” người đó hỏi lại đồng đội.

“Blanco... ¿Como de almirante?”

Câu trả lời rất xác quyết.

Quân phục hải quân, Langdon nhận ra. Winston nói đúng.

Người cận vệ buông Langdon và rời khỏi ông. “Lật người lại đi.”

Langdon đau đớn vặn ngửa người và chống khuỷu tay ngồi dậy. Đầu ông quay mòng mòng còn ngực cảm thấy rất khó chịu.

“Chớ cử động,” người cận vệ nói.

Langdon không có ý định cử động, viên sĩ quan đứng phía trên nặng ngót nghét cả tạ toàn cơ bắp rắn chắc và đã thể hiện rằng anh ta hết sức nghiêm túc trong công việc của mình.

“¡Inmediatamente!, người cận vệ hét vào bộ đàm, tiếp đến là yêu cầu giới chức địa phương khẩn trương hỗ trợ và lập rào chắn quanh bảo tàng.

... policía local... bloqueos de carretera...

Từ vị trí của mình trên sàn, Langdon nhìn thấy Ambra Vidal, vẫn đứng ở khu vực gần bức tường bên. Nàng gượng đứng lên, nhưng loạng choạng, và sụp phũ phịch xuống.

Ai đó giúp cô ấy đi!

Nhưng người cận vệ lúc này đang hét vọng sang bên kia nhà vòm, có vẻ như không nhắm cụ thể vào ai cả. “¡Luces! ¡Y cobertura de móvil!” Tôi cần ánh sáng và dịch vụ điện thoại!

Langdon đưa tay lên và nắn thẳng cái tai nghe biến năng trên mặt mình.

“Winston, anh còn đó chứ?”

Người cận vệ ngoảnh lại, nhìn Langdon đầy lạ lẫm.

“Tôi đây.” Giọng Winston vẫn bình thường.

“Winston, Edmond bị bắt. Chúng tôi cần bật đèn sáng trở lại ngay. Chúng tôi cần phục hồi dịch vụ di động. Anh có kiểm soát được việc đó không? Hay liên hệ được với người có thể xử lý được không?”

Vài giây sau, đèn trong nhà vòm đột ngột sáng lên, xóa nhòa ảo ảnh đồng cỏ dải ánh trắng đầy huyền diệu và chiếu sáng một khoảng trống trải cỏ nhân tạo giờ vắng hoe và ngổn ngang những chiếc chăn bị bỏ lại.

Người cận vệ dường như giật mình trước quyền lực thấy rõ của Langdon. Một lúc sau, anh ta đưa tay và kéo Langdon đứng lên. Hai người đàn ông đối diện nhau trong ánh đèn sáng rõ.

Anh chàng đặc vụ cao, ngang ngửa Langdon, với mái đầu cắt gọn và thân hình cơ bắp bó chặt trong chiếc áo cộc màu xanh dương. Gương mặt anh ta xanh xao với những đường nét vừa phải làm tôn đôi mắt sắc bén lúc ấy đang tập trung vào Langdon như hai luồng la-de.

“Ông có trong video tối nay. Ông là Robert Langdon.”

“Phải. Edmond Kirsch là sinh viên và cũng là bạn của tôi.”

“Tôi là Đặc vụ Fonseca thuộc đội Cận vệ Hoàng gia,” anh ta nói bằng thứ tiếng Anh hoàn hảo. “Cho tôi biết làm sao ông biết về bộ quân phục hải quân.”

Langdon xoay về phía xác Edmond, nằm bất động trên thảm cỏ bên cạnh bức diễn thuyết. Ambra Vidal quỳ bên cạnh cái xác cùng với hai nhân viên an ninh của bảo tàng và một nhân viên y tế người đã ngừng việc cố gắng cứu sống anh ấy. Ambra nhẹ nhàng dùng một tấm chăn phủ lên cái xác.

Rõ ràng, Edmond đã ra đi.

Langdon cảm thấy buồn nôn, không tài nào rời mắt khỏi người bạn bị sát hại của mình.

“Chúng ta không giúp được ông ấy nữa,” người cận vệ nói. “Hãy nói tôi xem làm thế nào ông lại biết.”

Langdon đưa mắt trở lại người cận vệ, giọng nói của anh ta không hề có chỗ nào để gây hiểu nhầm cả. Đó là một mệnh lệnh.

Langdon nhanh chóng nhắc lại những gì Winston đã nói với ông - rằng chương trình hướng dẫn viên đã phát hiện một cái tai nghe của khách bị vứt bỏ và khi một nhân viên hướng dẫn tìm thấy cái tai nghe trong chỗ vứt rác, họ đã kiểm tra xem vị khách nào được giao cái tai nghe đó, và phát hoảng khi thấy rằng ông ta được ghi tên vào danh sách khách mời ở phút chót.

“Không thể được.” Người cận vệ nheo mắt. “Danh sách khách mời được khóa sổ hôm qua. Tất cả mọi người đều phải trải qua quá trình kiểm tra thông tin cơ bản.”

“Người này thì không,” giọng Winston rành rọt trong tai nghe của Langdon. “Tôi thấy lo lắng và rà lại tên khách rồi phát

hiện ra ông ta là một cựu đô đốc hải quân Tây Ban Nha, bị sa thải vì nghiện rượu và căng thẳng hậu sang chấn trong một vụ tấn công khủng bố ở Seville năm năm trước.”

Langdon nói lại thông tin đó cho người cận vệ nghe.

“Vụ đánh bom nhà thờ lớn ư?” Người cận vệ trông đầy vẻ nghi ngờ.

“Hơn nữa,” Winston nói với Langdon, “tôi phát hiện ra viên sĩ quan chẳng có bất kỳ liên hệ gì với ngài Kirsch, điều đó khiến tôi băn khoăn, và vì thế tôi đã liên hệ với an ninh bảo tàng để bật tín hiệu báo động, nhưng không có thông tin thuyết phục hơn nên họ cho rằng chúng ta không nên làm hỏng sự kiện của Edmond - đặc biệt là trong lúc nó đang được truyền hình trực tiếp ra thế giới. Biết rằng Edmond đã mất rất nhiều công sức cho chương trình tối nay, nên lập luận của họ thuyết phục được tôi, và vì thế tôi lập tức liên hệ với ngài, Robert, với hy vọng ngài có thể phát hiện người này để tôi có thể bí mật hướng dẫn một nhóm an ninh tới chỗ hắn. Lẽ ra tôi nên có hành động mạnh mẽ hơn. Tôi đã phụ Edmond rồi.”

Langdon cảm thấy có gì đó xót xa khi cỗ máy của Edmond dường như đang thấy có lỗi. Ông liếc nhìn lại phía xác Edmond đã được phủ kín và thấy Ambra Vidal đang lại gần.

Fonseca không để ý đến nàng, vẫn hết sức chú ý đến Langdon.

“Cái máy tính,” anh ta hỏi, “đã cho ông biết tên của gã sĩ quan hải quân tình nghi à?”

Langdon gật đầu. “Tên hắn là Đô đốc Luis Ávila.”

Khi ông nói ra cái tên, Ambra dừng sửng lại và trân trân nhìn Langdon, vẻ kinh hãi bất ngờ hiện rõ trên mặt nàng.

Fonseca nhận ra phản ứng ấy và lập tức tiến về phía nàng.

“Cô Vidal? Cô thấy cái tên đó quen chẳng?”

Ambra dường như không trả lời nổi. Nàng hạ ánh mắt và đăm đăm nhìn xuống sàn như thể nàng vừa nhìn thấy một bóng ma vậy.

“Cô Vidal,” Fonseca nhắc lại. “Đô đốc Luis Ávila... cô biết cái tên này phải không?”

Vẻ chấn động của Ambra cho thấy rành rành rằng thực tế nàng biết kẻ sát nhân. Sau một lúc sửng sờ, nàng chớp mắt hai lần và đôi mắt đen của nàng bắt đầu linh hoạt trở lại, như thể nàng đang tỉnh lại sau cuộc lên đồng. “Không... tôi không biết cái tên đó,” nàng thì thào, liếc nhìn Langdon sau đó nhìn lại nhân viên an ninh của mình. “Tôi chỉ... thấy sốc khi nghe được là kẻ giết người lại là một sĩ quan của hải quân Tây Ban Nha thôi.”

Cô ta nói dối, Langdon cảm nhận được, lúng túng không rõ vì sao nàng lại tìm cách che giấu phản ứng của mình. Mình nhìn thấy điều đó. Cô ta nhận ra tên của tay đó.

“Ai chịu trách nhiệm về danh sách khách mời?!” Fonseca gắng hỏi, bước thêm một bước về phía Ambra. “Ai đã thêm tên của người đó?”

Giờ đôi môi Ambra run run. “Tôi... tôi không rõ.”

Những câu hỏi của người cận vệ bị xen ngang bởi tạp âm đột ngột của điện thoại di động cùng đổ chuông và kêu inh ỏi khắp trong nhà vòm. Rõ ràng Winston đã tìm ra cách phục hồi sóng di động và một trong những chiếc điện thoại lúc này đang kêu lại nằm trong túi áo Fonseca.

Anh chàng đặc vụ Cận vệ thò tay lấy điện thoại của mình, nhìn thông tin người gọi và hít một hơi thở sâu rồi mới trả lời. “*Ambra Vidal está a salvo,*” anh ta nói.

Ambra Vidal an toàn. Langdon đưa ánh mắt về phía người phụ nữ rầu rĩ. Nàng cũng đang nhìn ông. Khi ánh mắt họ gặp nhau, họ cùng trân trân nhìn nhau một lúc lâu.

Sau đó, Langdon nghe thấy giọng Winston vang lên trong tai nghe của mình.

“Giáo sư,” Winston thì thào. “Ambra Vidal biết rất rõ bằng cách nào Luis Ávila có tên trong danh sách khách mời. Chính cô ta đã thêm tên hắn vào.”

Langdon cần một lúc mới lĩnh hội được thông tin ấy.

Chính Ambra Vidal đưa tên kẻ giết người vào danh sách khách mời ư?

Và bây giờ cô ta đang nói dối chuyện đó?!

Langdon chưa kịp xử lý được trọn vẹn thông tin này thì Fonseca đã chìa điện thoại di động của mình cho Ambra. Anh chàng đặc vụ nói: “*Don Julián quiere hablar con usted.*”

Ambra gần như giãy nảy trước cái điện thoại. “Bảo anh ấy tôi không sao,” nàng trả lời. “Tôi sẽ gọi anh ấy sau một lúc nữa.”

Vẻ mặt của người cận vệ dường như hoàn toàn không tin nổi. Anh ta bịt chặt chiếc điện thoại và thì thào với Ambra, “*Su alteza Don Julián, el príncipe, ha pedido...*”

“Tôi chẳng quan tâm anh ấy là hoàng tử,” nàng vặc lại. “Nếu anh ấy sắp là chồng tôi thì anh ấy sẽ phải học cách để tôi yên khi tôi cần. Tôi vừa chứng kiến một vụ giết người, và tôi cần một phút cho riêng mình! Bảo anh ấy tôi sẽ gọi lại cho anh ấy ngay.”

Fonseca trân trối nhìn người phụ nữ, mắt anh ta ánh lên thứ cảm xúc gần như khinh thường. Sau đó, anh ta quay người và bỏ đi để tiếp tục cuộc nói chuyện riêng.

Còn với Langdon, cuộc trao đổi kỳ lạ ấy đã giải quyết được một bí mật nhỏ. Ambra Vidal đã đính hôn với Hoàng tử Julián của

Tây Ban Nha ư? Cái tin này lý giải cho cách đối xử trịnh trọng mà nàng nhận được và cả sự hiện diện của Cận vệ Hoàng gia, mặc dù chắc chắn nó không giải thích được việc nàng từ chối nhận cuộc gọi của hôn phu. Hoàng tử hẳn lo lắng tới chết nếu anh ta nhìn thấy cảnh này trên truyền hình.

Gần như ngay lập tức, Langdon thấy sửng sốt với điều tiết lộ thứ hai còn bí mật hơn nhiều.

Ôi lạy Chúa... Ambra Vidal có liên hệ với Hoàng cung Madrid.

Sự trùng hợp bất ngờ khiến người ông lạnh toát khi nhớ lại bức thư thoại đầy hăm dọa của Edmond nhận từ Giám mục Valdespino.

CHƯƠNG 24

Cách Hoàng cung Madrid hai trăm thước, bên trong Nhà thờ chính tòa Almudena, Giám mục Valdespino nhất thời nín thở. Ông vẫn mặc nguyên chiếc áo choàng lễ của mình và ngồi bên chiếc máy tính trong văn phòng, bất động trước những hình ảnh truyền đi từ Bilbao.

Đây sẽ là một bản tin thời sự nghiêm trọng.

Từ tất cả những gì ông nhìn thấy, truyền thông toàn cầu đang sôi sùng sục. Các cơ quan thời sự hàng đầu đều đang liên hệ với các cơ quan chức năng về khoa học và tôn giáo để suy đoán về bài thuyết trình của Kirsch, trong khi tất cả những người khác đưa ra những giả thuyết liên quan đến kẻ giết Edmond Kirsch cùng lý do. Truyền thông dường như đồng tình rằng, theo tất cả những biểu hiện bề ngoài, có kẻ nào đó ngoài kia rất quyết liệt bảo đảm rằng phát hiện của Kirsch sẽ không bao giờ được tiết lộ.

Sau một lúc ngẫm nghĩ rất lâu, Valdespino lấy điện thoại di động ra và thực hiện một cuộc gọi.

Giáo trưởng Köves trả lời ngay hồi chuông thứ nhất.

“Kính khủng!” Giọng vị giáo trưởng gần như một tiếng hét. “Tôi vẫn đang xem truyền hình! Chúng ta cần tới gặp giới chức ngay bây giờ và bảo cho họ những gì chúng ta biết!”

“Giáo trưởng!” Valdespino đáp, giọng đầy thận trọng. “Tôi đồng ý đây là một biến động kinh hoàng. Nhưng trước khi chúng ta hành động, chúng ta cần suy nghĩ đã.”

“Chẳng có gì phải nghĩ ngợi cả!” Köves bật lại. “Rành rành ra đây, kẻ nào đó sẽ không ngần ngại trước bất kỳ điều gì để chôn

vui phát hiện của Kirsch và đó là những tên đồ tể! Tôi tin chắc chúng đã giết Syed. Chắc chắn chúng biết chúng ta là ai và tiếp theo sẽ mò tới tìm *chúng ta*. Ngài và tôi có nghĩa vụ đạo đức phải tới gặp giới chức và nói cho họ những gì Kirsch đã nói với chúng ta.”

“Nghĩa vụ đạo đức ư?” Valdespino vặn lại. “Nghe giống như ngài muốn công khai thông tin để không ai còn động cơ bắt ngài và tôi im lặng nữa nhỉ.”

“Chắc chắn rồi, sự an toàn của chúng ta đáng lưu tâm đây,” vị giáo trưởng lập luận, “nhưng chúng ta cũng có nghĩa vụ đạo đức với cả thế giới. Tôi nhận thấy phát hiện này sẽ đặt nghi vấn về một số niềm tin tôn giáo cơ bản, nhưng nếu có điều gì đó tôi học được trong cả cuộc đời mình thì đó là đức tin luôn tồn tại, ngay cả khi gặp khó khăn ghê gớm. Tôi tin đức tin sẽ tồn tại cả lần này nữa, kể cả nếu chúng ta tiết lộ những phát hiện của Kirsch.”

“Tôi nghe ngài đây, bạn của tôi ạ,” cuối cùng giám mục lên tiếng, vẫn giọng đều đều hết mức. “Tôi nghe thấy sự quyết tâm trong giọng nói của ngài, và tôi kính trọng suy nghĩ của ngài. Tôi muốn ngài biết rằng tôi rất cởi mở với việc tranh luận và thậm chí cả việc suy nghĩ của tôi cũng đang dao động. Thế nhưng, tôi cầu xin ngài, nếu chúng ta định tiết lộ phát hiện này cho cả thế giới, chúng ta hãy làm việc đó *cùng nhau*. Giữa thanh thiên bạch nhật. Với sự vinh quang. Không phải trong sự tuyệt vọng vì xảy ra vụ ám sát hãi hùng này. Chúng ta hãy lên kế hoạch, tập dượt và định hướng tin tức một cách thỏa đáng.”

Köves không nói gì, nhưng Valdespino có thể nghe thấy tiếng ông già đang thở.

“Giáo trưởng,” giám mục nói tiếp, “lúc này, vấn đề bức thiết nhất là sự an toàn của cá nhân chúng ta. Chúng ta đang đương

đầu với đám sát nhân, và nếu ngài cứ để cho mình lộ lộ ra - chẳng hạn, bằng việc tới gặp giới chức hoặc tới một đài truyền hình - thì mọi việc có thể kết thúc rất nghiệt ngã đấy. Tôi đặc biệt lo cho ngài, ở đây tôi được bảo vệ trong cung điện, nhưng còn ngài... ngài lẻ loi ở Budapest! Rõ ràng, phát hiện của Kirsch là vấn đề sinh tử. Xin hãy để tôi sắp xếp việc bảo vệ ngài, Yehuda.”

Köves im lặng một lúc. “Từ Madrid ư? Làm sao ngài có thể...”

“Tôi có lực lượng an ninh của hoàng gia để tùy ý sử dụng. Cứ ở yên trong nhà đóng chặt cửa lại. Tôi sẽ đề nghị hai đặc vụ Cận vệ Hoàng gia tới đón ngài và đưa ngài tới Madrid, nơi chúng tôi có thể bảo đảm ngài được an toàn trong cung điện rồi ngài và tôi có thể ngồi trực diện để thảo luận cách tốt nhất để đi bước tiếp theo.”

“Nếu tôi tới Madrid,” vị giáo trưởng ngập ngừng nói, “sẽ sao nếu ngài và tôi không nhất trí với nhau về cách tiếp theo?”

“Chúng ta sẽ đồng ý thôi,” giám mục trấn an ông. “Tôi biết tôi cổ hủ, nhưng tôi cũng là một người có đầu óc thực tế, giống ngài thôi. Chúng ta sẽ cùng tìm ra hướng hành động tốt nhất. Tôi có niềm tin như thế.”

“Nhưng nếu niềm tin của ngài không đúng chỗ thì sao?” Köves nhấn mạnh.

Valdespino cảm thấy bụng thắt lại, nhưng ông ngừng một lúc, thở ra và trả lời thật bình thản. “Yehuda, nếu cuối cùng ngài và tôi không tìm ra cách để cùng tiến tới thì khi đó chúng ta sẽ chia tay như những người bạn, và mỗi chúng ta sẽ làm những gì chúng ta thấy là tốt nhất. Tôi thề với ngài như vậy.”

“Cảm ơn ngài,” Köves đáp. “Theo lời ngài, tôi sẽ tới Madrid.”

“Tốt lắm. Trong khi đó, hãy khóa cửa lại và đừng nói với ai

cả. Chuẩn bị hành lý, và tôi sẽ gọi lại ngài kèm các chi tiết khi tôi có.” Valdespino ngừng lại. “Và hãy tin nhé. Tôi sẽ sớm gặp ngài thôi.”

Valdespino tắt máy, một cảm giác khiếp hãi trong tim ông. Ông ngờ rằng việc tiếp tục kiểm soát Köves sẽ cần nhiều hơn là một lời biện hộ về điều hợp lẽ và khôn ngoan.

Köves đang hoảng loạn... giống Syed.

Cả hai người đều không nhìn thấy bức tranh lớn hơn.

Valdespino đóng máy tính lại, kẹp dưới cánh tay và lần mò qua thánh đường tối om. Vẫn mặc nguyên áo choàng lễ, ông ra khỏi nhà thờ, bước vào trời khuya mát lạnh và tiến qua quảng trường đi về phía mặt tiền màu trắng bóng của Hoàng cung.

Phía trên lối vào chính, Valdespino nhìn rõ quốc huy của Tây Ban Nha - một chiếc khiên hai bên là các Cột trụ Hercules và câu khẩu hiệu cổ *plus ultra*, nghĩa là “xa hơn nữa”. Một số người tin rằng cụm từ này nhắc đến cuộc trường chinh dài hàng thế kỷ của Tây Ban Nha nhằm mở rộng đế chế trong thời đại hoàng kim của mình. Những người khác lại tin nó phản ánh niềm tin lâu đời của đất nước này rằng có tồn tại một cuộc sống chốn thiên đường vượt khỏi cuộc sống này.

Dù cách nào thì Valdespino đều cảm thấy mỗi ngày câu khẩu hiệu đó lại giảm bớt ý nghĩa. Lúc nhìn lá cờ Tây Ban Nha tung bay phía trên cung điện, ông thở dài buồn bã, ý nghĩ của ông trở lại với đức vua ốm yếu của mình.

Thần sẽ rất nhớ Người khi Người ra đi.

Thần nợ Người rất nhiều.

Đã nhiều tháng nay, vị giám mục hằng ngày đều tới thăm người bạn mến yêu của mình, người đang nằm liệt giường trong Cung điện Zarzuela ở ngoại ô thành phố. Vài ngày trước,

nhà vua cho triệu Valdespino tới bên giường, ánh mắt đầy vẻ lo lắng.

“Antonio,” nhà vua thì thào, “ta sợ việc đính hôn của con trai ta là... vội vàng.”

Điên hùng mới là lời mô tả chính xác hơn, Valdespino nghĩ.

Hai tháng trước, khi hoàng tử tâm sự với Valdespino rằng chàng có ý định xin kết hôn với Ambra Vidal sau khi biết nàng chỉ một thời gian ngắn, vị giám mục vô cùng sửng sốt đã nài nỉ Julián cẩn thận trọng hơn. Hoàng tử lập luận rằng chàng đang yêu và phụ hoàng của mình xứng đáng được thấy con trai duy nhất của mình lập thất. Hơn nữa, chàng nói, nếu chàng và Ambra định thành gia thất thì tuổi tác của nàng sẽ buộc họ không thể chờ đợi quá lâu.

Valdespino bình tĩnh mỉm cười với nhà vua. “Phải, thần đồng ý. Việc Don Julián cầu hôn khiến tất cả chúng ta đều ngạc nhiên. Nhưng cậu ấy chỉ muốn làm cho bộ hạ hạnh phúc mà thôi.”

“Nghĩa vụ của nó là với Tổ quốc của mình,” đức vua nói đầy cương quyết, “không phải với cha nó. Và mặc dù Vidal rất đáng yêu nhưng chúng ta không hề biết con bé, nó là một người ngoài. Ta nghi ngờ động cơ của nó khi chấp nhận lời cầu hôn của Don Julián. Việc đó quá ư hấp tấp và một phụ nữ đoan chính lẽ ra nên từ chối nó.”

“Bộ hạ nói phải,” Valdespino đáp, mặc dù để biện minh cho Ambra thì Don Julián đâu có cho nàng nhiều lựa chọn.

Nhà vua nhẹ nhàng vươn tay ra và nắm lấy bàn tay xương xẩu của giám mục. “Bạn của ta, ta không biết thời gian đã trôi đi đâu. Ngài và ta đều đã già rồi. Ta muốn cảm ơn ngài. Ngài đã tham vấn cho ta rất trí tuệ suốt nhiều năm, cả khi vợ ta qua đời,

cả những thay đổi ở đất nước chúng ta và ta được hưởng lợi rất nhiều từ sức mạnh niềm tin của ngài.”

“Tình bạn của chúng ta là một vinh hạnh, thần sẽ trân trọng mãi mãi.”

Nhà vua mỉm cười yếu ớt. “Antonio, ta biết ngài đã hy sinh nhiều để ở lại với ta. Đáng ra là Rome.”

Valdespino nhún vai. “Trở thành một vị hồng y cũng chẳng đưa thần lại gần Chúa hơn. Vị trí của thần luôn là ở đây bên bệ hạ.”

“Lòng trung thành của ngài quả là một hồng ân.”

“Và thần sẽ không bao giờ quên tình thương mến bệ hạ dành cho thần nhiều năm về trước.”

Nhà vua nhắm mắt lại, nắm chặt lấy tay giám mục. “Antonio... ta lo lắng. Con trai ta chẳng mấy nữa sẽ phải chèo lái một con tàu lớn, một con tàu nó chưa sẵn sàng điều khiển. Hãy chỉ dẫn cho nó. Hãy là ngôi sao dẫn đường cho nó. Hãy đặt bàn tay vững vàng của ngài lên trên bàn tay cầm lái của nó, đặc biệt những khi biển sóng gió. Hơn hết, khi nó đi sai đường, ta cầu xin ngài hãy giúp nó tìm đường trở về... trở lại với tất cả những gì thuần khiết.”

“Amen,” giám mục thì thầm. “Thần xin hứa với bệ hạ.”

Giờ đây, trong không khí ban đêm mát mẻ, khi Valdespino băng qua quảng trường, ông ngược mắt nhìn lên trời. Bệ hạ, xin hãy biết rằng thần đang làm tất cả những gì có thể để thực hiện những nguyện ước cuối cùng của ngài.

Valdespino thấy an ủi khi biết rằng đức vua giờ đã quá yếu không thể xem truyền hình được. Nếu Người xem chương trình tối nay từ Bilbao, Người sẽ ngất tại chỗ khi chứng kiến những gì đất nước yêu quý của Người gặp phải.

Bên phải Valdespino, phía ngoài những cánh cổng sắt, suốt dọc Phố Bailén, những chiếc xe của truyền thông đã tụ tập và đang thiết lập các tháp vệ tinh của họ.

Lũ kèn kèn, Valdespino nghĩ, không khí buổi tối quân lầy áo choàng của ông.

CHƯƠNG 25

Sẽ có thời gian để khóc thương mà, Langdon nhủ mình, cố chống lại cảm xúc căng thẳng. Giờ là lúc hành động.

Langdon đã đề nghị Winston tìm kiếm thông tin của bảo tàng xem có bất kỳ thông tin nào khả dĩ hữu dụng để hiểu về kẻ nổ súng không. Sau đó, ông âm thầm dặn thêm rằng Winston cần tìm kiếm bất kỳ liên hệ nào giữa Giám mục Valdespino và Ávila.

Lúc này Đặc vụ Fonseca quay trở lại, vẫn nói chuyện điện thoại. “Sí... sí,” anh ta nói. “Claro. *Immediately*.” Fonseca kết thúc cuộc gọi và hướng sự chú ý trở lại Ambra, lúc này đứng gần đó, trông vẫn còn choáng váng.

“Cô Vidal, chúng ta đi thôi,” Fonseca tuyên bố, giọng sắc lạnh. “Don Julián yêu cầu chúng tôi đưa cô tới chỗ an toàn bên trong Hoàng cung ngay lập tức.”

Cơ thể Ambra căng lên thấy rõ. “Tôi sẽ không bỏ mặc Edmond như thế kia!” Nàng ra hiệu về phía cái xác rũ rượi bên dưới tấm chăn.

“Giới chức địa phương sẽ tiếp quản vụ này,” Fonseca đáp. “Và pháp y đang trên đường đến đây. Ngài Kirsch sẽ được tôn trọng và chăm lo hết mức. Còn giờ thì chúng ta cần đi thôi. Chúng tôi sợ cô đang gặp nguy hiểm.”

“Tôi rất chắc chắn rằng tôi chẳng hề gặp nguy hiểm gì cả!” Ambra nói, bước về phía anh ta. “Một kẻ ám sát vừa có cơ hội hoàn hảo để bắn tôi nhưng đã không làm vậy. Rõ ràng, hắn nhắm vào Edmond!”

“Cô Vidal!” Những mạch máu ở cổ Fonseca giật giật. “Hoàng tử muốn cô về Madrid. Ngài rất lo lắng cho sự an toàn của cô.”

“Không,” nàng đáp trả. “Anh ấy chỉ lo lắng về hậu quả chính trị thôi.”

Fonseca từ từ thở ra một hơi dài và dịu giọng. “Thưa cô Vidal, chuyện xảy ra tối nay là một đòn tể hại với Tây Ban Nha. Nó cũng là một đòn tể hại với hoàng tử. Sự kiện mà cô đứng ra chủ trì tối nay là một quyết định không may mắn.”

Giọng Winston đột ngột vang lên trong đầu Langdon. “Giáo sư? Nhóm an ninh của bảo tàng đang phân tích các dữ liệu máy quay bên ngoài tòa nhà. Có vẻ như họ đã tìm được gì đó.”

Langdon lắng nghe và sau đó vẫy tay với Fonseca, cắt ngang lời trách móc của anh chàng đặc vụ đối với Ambra. “Này anh, máy tính nói một máy quay trên nóc bảo tàng chụp được một phần hình ảnh nóc của chiếc xe hơi bỏ chạy.”

“Ồ?” Fonseca trông đầy vẻ ngạc nhiên thấy rõ.

Langdon nhắc lại thông tin trong khi Winston cung cấp cho ông. “Một chiếc xe mui kín màu đen rời khỏi hẻm dùng cho công tác hậu cần... biển đăng ký không nhìn rõ từ góc cao đó... có một miếng dán lạ trên kính chắn gió.”

“Miếng dán gì?” Fonseca hỏi. “Chúng ta có thể báo cho giới chức địa phương để truy tìm.”

“Miếng dán,” Winston trả lời trong đầu Langdon, “tôi không nhận ra, nhưng tôi so sánh hình dạng của nó với tất cả những biểu tượng đã biết trên thế giới và tôi nhận được một mẫu trùng khớp duy nhất.”

Langdon ngạc nhiên trước việc Winston có thể nhanh chóng xử lý tất cả việc này như vậy. “Mẫu trùng khớp tôi nhận được”, Winston nói, “là một biểu tượng giả kim cổ - hỗn hống*.”

Sao cơ? Langdon cứ đinh ninh là biểu trưng của một nhà chứa xe hay một tổ chức chính trị. “Cái miếng dán xe hơi là

biểu tượng của... hỗn hồng à?”

Fonseca trở mắt nhìn, rõ ràng không hiểu gì.

“Chắc có gì đó nhầm lẫn, Winston,” Langdon nói. “Tại sao lại có người khoe cái biểu tượng một quá trình giả kim chứ?”

“Tôi không biết,” Winston đáp. “Đây là mẫu trùng khớp duy nhất tôi có, và tôi thấy trùng khớp đến chín mươi chín phần trăm.”

Trí nhớ hình ảnh thị giác của Langdon nhanh chóng vẽ ra cái biểu tượng giả kim của hỗn hồng. 

“Winston, hãy mô tả chính xác những gì anh nhìn thấy trên cửa sổ xe hơi.”

Máy tính trả lời ngay lập tức. “Cái biểu tượng gồm một đường thẳng đứng có ba vạch ngang. Trên đỉnh của đường thẳng đứng là một cánh cung ngửa lên trời.

Chính xác rồi. Langdon cau mày. “Cái cánh cung trên cùng... nó có mũ không?”

“Có. Trên đỉnh mỗi cánh đều có một nét ngang ngắn.”

Vậy thì đúng là hỗn hồng rồi.

Langdon bối rối mất một lúc. “Winston, anh gửi cho chúng tôi tám ảnh từ dữ liệu an ninh được không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Gửi vào điện thoại của tôi,” Fonseca yêu cầu.

Langdon đọc lại số điện thoại di động của anh chàng đặc vụ cho Winston, và một lúc sau, máy của Fonseca kêu. Tất cả cùng xúm quanh anh chàng đặc vụ và nhìn tám hình đen trắng nhòe nhoẹt. Đó là hình chụp từ trên cao một chiếc xe mui kín màu đen trong một con hẻm vắng vẻ.

Chắc chắn ở góc bên trái phía dưới kính chắn gió, Langdon nhìn thấy một miếng dán có cái biểu tượng đúng như Winston

mô tả.

Hỗn hồng. Thật kỳ quặc.

Bối rối, Langdon với tay và dùng đầu ngón tay phóng to tấm hình trên màn hình của Fonseca. Ông ngó vào xem xét cái hình ảnh chi tiết hơn. □

Lập tức Langdon nhìn ra vấn đề. “Không phải hỗn hồng,” ông tuyên bố.

Mặc dù hình ảnh rất gần với những gì Winston đã mô tả nhưng nó không hoàn toàn chính xác. Và trong ngành biểu tượng học, sự khác nhau giữa ‘gần’ và ‘chính xác’ có thể là sự khác nhau giữa chữ thập ngoặc của Đức Quốc xã và một biểu tượng Phật giáo chỉ sự an khang.

Đây là lý do đầu óc con người vẫn tốt hơn máy tính.

“Nó không phải là một miếng dán,” Langdon tuyên bố. “Nó là hai miếng dán chồng lên nhau một chút. Miếng dán bên dưới là một thánh giá khổ hình đặc biệt gọi là thập ác*. Hiện giờ nó rất phổ biến.”

Với việc bầu ra vị giáo hoàng phóng khoáng nhất trong lịch sử Vatican, hàng nghìn người trên khắp địa cầu đang thể hiện sự ủng hộ của họ đối với những chính sách của ngài bằng việc trưng cây thập ác, ngay cả ở thành phố Cambridge, Massachusetts, quê hương của Langdon.

“Cái biểu tượng hình chữ U trên cùng,” Langdon nói, “là một miếng dán riêng hoàn toàn.”

“Giờ thì tôi thấy ngài nói đúng,” Winston nói. “Tôi sẽ tìm số điện thoại của công ty này.”

Một lần nữa Langdon thấy kinh ngạc trước tốc độ của Winston. Nó đã xác định được biểu trưng của công ty?

“Tuyệt lắm,” Langdon nói. “Nếu chúng ta gọi cho họ, họ có

thể truy vết chiếc xe.”

Fonseca trông đầy vẻ ngờ ngác. “Truy vết chiếc xe! Bằng cách nào chứ?”

“Chiếc xe bỏ chạy này là xe thuê,” Langdon nói, chỉ vào hình chữ U cách điệu trên kính chắn gió. “Là một chiếc Uber.”

Qua vẻ trở mắt ngạc nhiên trên mặt Fonseca, Langdon không dám nói anh chàng đặc vụ kinh ngạc trước điều gì hơn: việc giải mã nhanh chóng miếng dán trên kính chắn gió hay việc lựa chọn xe để bỏ trốn rất kỳ cục của Đô đốc Ávila.

Hắn thuê một chiếc Uber, Langdon nghĩ, cảm thấy bản khoản không biết động thái này là thông minh hay thiên cận đến khó tin.

Dịch vụ “lái xe theo yêu cầu” có mặt khắp nơi của Uber đã khiến cả thế giới chấn động mấy năm qua. Qua điện thoại thông minh bất kỳ ai cần một chuyến xe đều có thể lập tức kết nối với một đội quân ngày càng đông đảo các tài xế Uber kiếm thêm tiền bằng việc cho thuê xe riêng của họ như là những chiếc taxi ngẫu hứng. Mới được hợp pháp hóa tại Tây Ban Nha gần đây, Uber yêu cầu các tài xế Tây Ban Nha trưng biểu tượng chữ U của Uber trên kính chắn gió. Rõ ràng, tài xế chiếc xe Uber bỏ trốn này còn là người ái mộ tôn giáo hoàng nữa.

“Đặc vụ Fonseca,” Langdon nói. “Winston nói cậu ấy đã mạn phép gửi hình ảnh chiếc xe bỏ trốn tới giới chức địa phương để tiến hành phong tỏa đường.”

Miệng Fonseca há hốc, và Langdon cảm thấy anh chàng đặc vụ được đào tạo kỹ càng này không quen lắm với việc cố chạy theo sự việc. Fonseca có vẻ không biết nên cảm ơn Winston hay bảo cái phần mềm máy tính ấy là nó đang làm phiền công việc của anh ta.

“Và giờ cậu ấy đang gọi tới số khẩn cấp của Uber.”

“Không!” Fonseca ra lệnh. “Cho tôi số đó. Tôi sẽ đích thân

gọi. Uber chắc chắn sẽ hỗ trợ một thành viên cao cấp của Cận vệ Hoàng gia hơn là một máy tính.”

Langdon phải thừa nhận Fonseca có thể nói đúng. Bên cạnh đó, có vẻ sẽ tốt hơn nhiều nếu lực lượng Cận vệ tham gia hỗ trợ truy lùng thủ phạm thay vì phí phạm các kỹ năng của họ cho việc chở Ambra tới Madrid.

Sau khi có số từ Winston, Fonseca bấm máy và Langdon cảm thấy càng lúc càng tự tin rằng họ có thể tóm được kẻ ám sát chỉ sau vài phút nữa. Định vị phương tiện là cốt lõi công việc kinh doanh của Uber, bất kỳ khách hàng nào có một chiếc điện thoại thông minh đều có thể thoải mái truy cập vị trí chính xác của mọi lái xe Uber trên Trái Đất. Tất cả những gì Fonseca cần làm là yêu cầu công ty định vị người lái xe vừa đón một vị khách đăng sau Bảo tàng Guggenheim.

“¡Hostia!” Fonseca lầu bầu. “Automatizada.” Anh ta bấm mạnh dây số trên bàn phím và chờ đợi, hiển nhiên vừa tiếp cận được một danh sách tự động toàn các lựa chọn danh mục. “Này Giáo sư, khi nào tôi gọi được cho Uber và ra lệnh truy vết chiếc xe, tôi sẽ bàn giao vụ này cho giới chức địa phương để Đặc vụ Díaz cùng tôi có thể chở ông và cô Vidal tới Madrid.”

“Tôi ư?” Langdon giật mình trả lời. “Không, tôi không thể đi cùng các vị được.”

“Ông có thể và sẽ đi cùng,” Fonseca tuyên bố. “Và món đồ chơi máy tính của ông nữa,” anh ta nói thêm, chỉ vào chiếc tai nghe của Langdon.

“Tôi xin lỗi,” Langdon nghiêm giọng đáp lại. “Không có chuyện tôi theo các vị về Madrid.”

“Vớ vẩn!” Fonseca trả lời. “Tôi nghĩ ông là một giáo sư ở Harvard nhỉ?”

Langdon nhìn anh ta ngơ ngác. “Phải.”

“Tốt lắm,” Fonseca gật. “Vậy thì tôi cho rằng ông thừa khôn ngoan để nhận ra mình không có lựa chọn đâu.”

Nói xong, anh chàng đặc vụ quay đi, trở lại với cuộc gọi của mình.

Langdon nhìn anh ta bỏ đi. *Chuyện quái gì vậy?*

“Thưa Giáo sư?” Ambra bước lại sát Langdon và thì thào phía sau ông. “Tôi cần anh nghe tôi. Chuyện rất quan trọng.”

Langdon quay lại, giật mình khi thấy vẻ mặt Ambra toát lên sự sợ hãi ghê gớm. Cơn chấn động thầm kín của nàng có vẻ đã nguôi, còn giọng nàng đầy gấp gáp và rành rọt.

“Giáo sư,” nàng nói, “Edmond đã dành cho anh sự kính trọng rất lớn khi để anh có vị trí trong bài thuyết trình của anh ấy. Vì lý do này, tôi sẽ tin anh. Tôi cần nói cho anh biết một chuyện.”

Langdon nhìn nàng, do dự.

“Vụ sát hại Edmond chính là lỗi của tôi,” nàng thì thào, đôi mắt nâu thâm của nàng ầng àng nước.

“Sao cơ?”

Ambra bồn chồn liếc nhìn Fonseca, lúc này đã khuất tầm nghe lọt tai.

“Danh sách khách mời,” nàng nói, nhìn lại Langdon. “Việc bổ sung vào phút chót. Cái tên đã được thêm vào?”

“Vâng, Luis Ávila.”

“Tôi là người đã thêm cái tên đó,” nàng thú nhận, giọng nàng như vỡ vụn. “Chính là tôi!”

Winston đã đúng..., Langdon sửng sờ nghĩ.

“Tôi chính là lý do Edmond bị giết,” nàng nói, giờ chỉ chực khóc. “Tôi đã để kẻ giết anh ấy lọt vào tòa nhà này.”

“Khoan đã,” Langdon nói, đặt một tay lên bờ vai run run của nàng. “Xin cứ nói với tôi. Tại sao cô lại thêm tên hắn?”

Ambra lại đưa ánh mắt lo lắng về phía Fonseca, lúc này vẫn đang nói chuyện điện thoại cách đó hai mươi thước.

“Giáo sư, tôi nhận được một đề nghị vào phút chót từ một người tôi rất tin tưởng. Người đó đề nghị tôi thêm tên Đô đốc Ávila vào danh sách khách mời như một ân huệ riêng. Lời đề nghị đưa ra chỉ vài phút trước khi mở cửa, và tôi rất bận, cho nên tôi thêm cái tên đó mà không nghĩ ngợi gì. Ý tôi là, ông ta là một đô đốc hải quân nữa! Làm sao tôi biết được chứ?” Nàng lại nhìn xác Edmond và đưa bàn tay thon thả bưng miệng. “Và giờ đây...”

“Ambra,” Langdon thì thào. “Ai là người đề nghị cô thêm tên Ávila?”

Ambra nuốt một cách khó nhọc.

“Chính là hôn phu của tôi... thái tử Tây Ban Nha. Don Julián.”

Langdon trần trối nhìn nàng không tin nổi, cố gắng lĩnh hội những lời nàng nói. Nữ giám đốc Guggenheim vừa nói rằng chính thái tử Tây Ban Nha đã giúp dàn dựng vụ ám sát Edmond Kirsch. Không thể nào.

“Tôi tin chắc hoàng cung không bao giờ ngờ được tôi sẽ biết được danh tính kẻ giết người,” nàng nói. “Nhưng giờ thì tôi biết... tôi sợ mình gặp nguy hiểm.”

Langdon đặt một tay lên vai nàng.

“Ở đây cô tuyệt đối an toàn.”

“Không,” nàng thì thào, “có nhiều chuyện đang diễn ra ở đây mà anh không hiểu. Anh và tôi cần thoát ra. Ngay bây giờ!”

“Chúng ta không thể chạy được,” Langdon phản đối. “Chúng

ta sẽ không bao giờ...”

“Xin hãy nghe tôi,” nàng gấp gáp. “Tôi biết cách giúp Edmond.”

“Sao cơ?” Langdon cảm thấy nàng vẫn còn sốc. “Không thể giúp gì Edmond nữa.”

“Có, vẫn có thể” nàng khẳng khẳng, giọng rất tỉnh táo. “Nhưng trước tiên, chúng ta cần vào được nhà anh ấy ở Barcelona.”

“Cô nói gì cơ?”

“Xin hãy cứ nghe tôi thật cẩn thận. Tôi biết những gì Edmond muốn chúng ta làm.”

Trong mười lăm giây tiếp theo, Ambra Vidal kín đáo nói hết với Langdon. Trong khi nàng nói, Langdon cảm thấy nhịp tim mình tăng vọt. Chúa ơi, ông nghĩ. Cô ấy đúng. Việc này thay đổi mọi thứ.

Khi nói xong, Ambra ngược nhìn ông đầy ướm ngạnh.

“Giờ anh đã thấy tại sao chúng ta cần đi chưa?”

Langdon gật đầu không chút do dự.

“Winston,” ông nói qua tai nghe của mình. “Anh có nghe thấy những gì cô Ambra vừa nói với tôi không?”

“Tôi nghe rõ, thưa Giáo sư.”

“Anh đã hiểu việc này chưa?”

“Chưa.”

Langdon cân nhắc những lời tiếp theo của mình rất cẩn thận. “Winston, tôi không rõ máy tính có thấy cần phải trung thành với người sáng tạo ra mình không, nhưng nếu anh có thì đây là thời khắc của anh. Chúng tôi thật sự cần sự giúp đỡ của anh.”

CHƯƠNG 27

Lúc Langdon tiến về phía cái bọc, ông để mắt tới Fonseca, vẫn đang mải mê với cuộc điện thoại tới Uber. Ông nhìn theo Ambra thơ thẩn đi tới giữa nhà vòm, cũng đang nói chuyện điện thoại - hoặc ít nhất là vờ như nói chuyện - đúng như Langdon đã gợi ý.

Cứ bảo Fonseca cô quyết định gọi cho Hoàng tử Julián.

Khi Langdon đến được cái bọc, ông ngập ngừng đưa mắt tới chỗ hình thù rũ rượi trên sàn. Edmond. Rất nhẹ nhàng, Langdon kéo tấm chăn mà Ambra đã phủ lên anh. Đôi mắt từng sáng ngời của Edmond lúc này chỉ còn là hai khe hẹp vô hồn bên dưới một cái lỗ đỏ lòm trên trán anh. Langdon rùng mình trước hình ảnh hãi hùng đó, tim ông đập rộn lên vì cảm giác mất mát và giận dữ.

Nhất thời, Langdon vẫn nhìn thấy chàng sinh viên trẻ trung với mái tóc bết lại bước vào lớp học của ông tràn trề hy vọng, tài năng... và đã tiến tới để hoàn thành được rất nhiều việc trong một quãng thời gian ngắn ngủi. Thật kinh khủng, tối nay, kẻ nào đó đã sát hại con người tài năng phi thường này, gần như chắc chắn nhằm cố chôn vùi phát hiện của anh mãi mãi.

Và trừ phi mình có hành động quyết liệt, Langdon biết vậy, nếu không chiến tích vĩ đại nhất của chàng sinh viên của mình sẽ không bao giờ được biết đến.

Lựa vị trí để cái bọc phần nào che mắt đường nhìn của Fonseca, Langdon quỳ xuống bên cạnh xác Edmond, vuốt mắt anh lại, gập hai tay anh khoanh lại với nhau và giả bộ đang ở tư thế thành kính cầu nguyện.

Sự phi lý của cái việc cầu nguyện cho một người vô thần suýt khiến Langdon mỉm cười. Edmond, tôi biết rằng cậu không đời nào muốn bất kỳ ai cầu nguyện cho mình. Đừng lo nhé, bạn của tôi, thật ra tôi không ở đây để cầu nguyện.

Lúc quỳ bên Edmond, Langdon thấy một nỗi sợ hãi càng lúc càng lớn. Tôi quả quyết với cậu giám mục không làm hại gì. Nếu Valdespino có can dự vào vụ này... Langdon xua ý nghĩ đó ra khỏi tâm trí mình.

Khi cảm thấy chắc chắn rằng Fonseca đã nhìn thấy mình đang cầu nguyện, Langdon kín đáo cúi xuống và luồn tay vào chiếc áo khoác da của Edmond, móc lấy chiếc điện thoại ngọc lam quá khổ của anh.

Ông liếc nhanh lại phía Fonseca, vẫn đang nói chuyện điện thoại và giờ có vẻ bớt để ý đến Langdon hơn là đến Ambra, người tỏ ra đang mải mê với cuộc trò chuyện điện thoại của riêng mình và đang tha thần càng lúc càng xa khỏi Fonseca.

Langdon đưa ánh mắt trở lại chiếc điện thoại của Edmond và hít một hơi trấn tĩnh.

Thêm một việc phải làm.

Rất nhẹ nhàng, ông cúi xuống và nâng tay phải Edmond lên. Tay đã lạnh ngắt. Đưa chiếc điện thoại vào mấy đầu ngón tay của anh, Langdon cẩn thận áp ngón trỏ của Edmond vào vị trí nhận diện vân tay.

Chiếc điện thoại kêu khê và mở khóa.

Langdon nhanh chóng lướt tới danh mục cài đặt và vô hiệu hóa tính năng bảo vệ bằng mật khẩu. Mở khóa vĩnh viễn. Sau đó, ông nhét chiếc điện thoại vào túi áo mình và dùng tấm chăn phủ lại lên xác Edmond.

Có tiếng còi rít lên xa xa lúc Ambra đứng một mình giữa thính phòng vắng vẻ và áp điện thoại di động vào tai, vờ như đang tập trung vào nói chuyện, nhưng vẫn luôn biết rõ ánh mắt Fonseca dõi theo mình.

Nhanh lên, Robert.

Một phút trước, vị giáo sư người Mỹ bắt tay vào hành động sau khi Ambra cho ông biết về một cuộc trò chuyện gần đây giữa nàng với Edmond Kirsch. Ambra nói với Langdon rằng hai đêm trước, chính trong căn phòng này, nàng và Edmond đang làm việc tới khuya về các chi tiết cuối cùng của buổi thuyết trình thì Edmond xin giải lao để ăn chay nhẹ lần thứ ba trong buổi tối hôm đó. Ambra nhận thấy anh trông rất kiệt sức.

“Edmond,” nàng nói, “tôi phải nói rằng tôi không chắc chế độ ăn chay tịnh thể này là tốt cho anh. Trông anh xanh xao, và gầy lắm.”

“Gầy lắm à?” Anh cười. “Hãy nhìn người đang nói xem.”

“Tôi không gầy đâu!”

“Ngáp nghé.” Anh nháy mắt tinh nghịch trước vẻ mặt phần nộ của nàng. “Vì tôi xanh xao nên cho tôi nghỉ một chút. Tôi là dân nghiền máy tính ngồi cả ngày trước quầy sáng màn hình LCD.”

“Chà, hai ngày nữa anh sẽ diễn thuyết với cả thế giới và trông nhuận sắc một chút sẽ rất có lợi cho anh. Hoặc là ngày mai ra ngoài hoặc sáng chế ra một cái màn hình máy tính có thể thêm màu da đậm đà cho anh đi.”

“Không phải là một ý tầm thường,” anh nói, trông đầy vẻ ấn tượng. “Cô nên đăng ký bằng sáng chế cho việc đó.” Anh cười to và sau đó hướng sự chú ý trở lại vấn đề đang bàn. “VẬY là cô rõ về thứ tự các sự kiện tối thứ Bảy rồi chứ?”

Ambra gật đầu, nhìn lướt kịch bản. “Tôi chào đón mọi người trong phòng chờ và sau đó tất cả chúng ta di chuyển vào khán phòng này để xem đoạn video giới thiệu của anh, sau đó thì anh xuất hiện một cách kỳ ảo trên bục đằng kia.” Nàng chỉ về phía trước phòng. “Rồi sau đó, ở tại bục đó, anh thực hiện phần tuyên bố của mình.”

“Quá tuyệt,” Edmond nói, “chỉ thêm một bổ sung nhỏ.” Anh cười toe toét. “Khi tôi nói ở bục, sẽ có thêm một *quãng nghỉ*... cơ hội để tôi đích thân chào đón khách khứa của mình, để tất cả mọi người đuổi chân tay, và chuẩn bị cho họ thêm một chút trước khi tôi bắt đầu phần thứ hai của buổi tối - một bài trình bày đa phương tiện để giải thích phát hiện của tôi.”

“Như vậy là phần tuyên bố được ghi âm trước à? Giống như đoạn giới thiệu à?”

“Phải, tôi chỉ vừa mới hoàn thành vài ngày trước. Chúng ta thuộc nền văn hóa thị giác - các bài trình bày đa phương tiện luôn hấp dẫn hơn là một nhà khoa học nào đó huyền thuyên trên một cái bục.”

“Chính xác thì anh đâu phải ‘một nhà khoa học nào đó’,” Ambra nói “nhưng tôi đồng ý. Tôi rất nóng lòng được xem đây.”

Vì mục đích an ninh, Ambra biết vậy, bài thuyết trình của Edmond được lưu trên các máy chủ rất đáng tin cậy của riêng anh ấy đặt ở bên ngoài. Tất cả mọi thứ sẽ được truyền trực tiếp vào hệ thống máy chiếu của bảo tàng từ một vị trí ở xa.

“Khi chúng ta sẵn sàng cho phần thứ hai,” nàng hỏi, “ai sẽ mở đầu phần thuyết trình, anh hay tôi?”

“Tôi sẽ đích thân làm,” anh nói, móc điện thoại của mình ra. “Bằng thứ này.” Anh giơ chiếc điện thoại thông minh quá khổ

có lớp vỏ Gaudí màu ngọc lam của mình lên. “Nó là một phần của chương trình. Đơn giản là tôi sẽ gọi tới máy chủ từ xa của mình bằng một kết nối đã mã hóa...”

Edmond ấn vài phím và loa điện thoại reo một lần rồi kết nối. Một giọng nữ vi tính hóa trả lời. “CHÚC BUỔI TỐI TỐT LÀNH, EDMOND. TÔI ĐANG ĐỢI MẬT KHẨU CỦA NGÀI.”

Edmond mỉm cười. “Còn sau đó, khi cả thế giới đang theo dõi, tôi chỉ việc nhập mật khẩu của mình vào điện thoại và phát hiện của tôi được truyền trực tiếp tới nhà hát của chúng ta ở đây và đồng thời ra toàn thế giới.”

“Nghe rất kịch tính,” Ambra nói, đầy ấn tượng. “Dĩ nhiên trừ phi anh quên mất mật khẩu của mình.”

“Như thế sẽ thật rầy rà, phải đấy.”

“Tôi tin anh đã viết nó ra rồi chứ?” Nàng nói vẻ châm biếm.

“Báng bổ,” Edmond cười nói. “Các nhà khoa học máy tính không bao giờ viết mật khẩu ra cả. Nhưng đừng lo. Mật khẩu của tôi chỉ dài có bốn mươi bảy mẫu tự thôi. Tôi dám chắc mình sẽ không quên được.”

Ambra trợn tròn mắt.

“Bốn mươi bảy?! Edmond, thậm chí anh còn không nhớ được PIN bốn con số cho thẻ an ninh bảo tàng của mình! Làm sao anh nhớ được bốn mươi bảy mẫu tự ngẫu nhiên chứ?”

Anh lại cười trước vẻ thảng thốt của nàng. “Tôi đâu có phải làm thế, chúng đâu có ngẫu nhiên.” Anh hạ giọng. “Thực ra thì mật khẩu của tôi là câu thơ mà tôi yêu thích.”

Ambra cảm thấy bối rối. “Anh dùng một câu thơ làm mật khẩu à?”

“Sao lại không chứ? Câu thơ yêu thích của tôi có đúng bốn mươi bảy mẫu tự.”

“Chắc, nghe không được an ninh cho lắm.”

“Không ư? Cô nghĩ cô có thể đoán được câu thơ yêu thích của tôi sao?”

“Tôi thậm chí còn không biết anh thích thơ.”

“Chính xác. Ngay cả ai đó biết rằng mật khẩu của tôi là một câu thơ và thậm chí nếu ai đó đoán được chính xác câu thơ trong số cả triệu khả năng thì họ vẫn cần đoán được số điện thoại rất dài mà tôi dùng để gọi vào máy chủ an ninh của mình.”

“Cái số điện thoại anh vừa bấm số nhanh từ điện thoại của mình hả?”

“Phải, một chiếc điện thoại có PIN truy cập riêng và chưa bao giờ rời khỏi túi ngực của tôi.”

Ambra giơ cao hai tay, mỉm cười vẻ bông đùa. “Được thôi, anh là chủ mà,” nàng nói. “Nhân tiện, ai là nhà thơ anh yêu thích thế?”

“Dễ đoán thôi,” anh nói, ngoắc ngoắc ngón tay. “Cô sẽ phải đợi cho tới thứ Bảy. Câu thơ tôi chọn rất hoàn hảo.” Anh cười toe toét. “Nó nói về tương lai - một lời tiên tri - và tôi rất vui nói rằng nó đang trở thành hiện thực.”

Giờ đây, khi ý nghĩ của nàng trở lại với hiện tại, Ambra liếc về phía xác Edmond và chợt thẳng thốt nhận ra nàng không còn thấy Langdon nữa.

Anh ấy đâu rồi?!

Đáng ngại hơn, giờ nàng nhận ra viên sĩ quan Cận vệ thứ hai - Đặc vụ Díaz - đang trèo trở vào nhà vòm qua vết rạch trên bức vách vôi. Díaz đưa mắt nhìn nhà vòm và sau đó bắt đầu tiến thẳng về phía Ambra.

Anh ta sẽ không chờ nào để mình ra khỏi đây!

Đột nhiên, Langdon ở ngay bên cạnh nàng. Ông nhẹ đặt tay mình lên eo lưng nàng và bắt đầu dẫn nàng đi, hai người di chuyển nhanh về phía đầu kia nhà vòm - lối đi mà tất cả mọi người đã vào qua đó.

“Cô Vidal!” Díaz gọi to. “Hai người đang đi đâu đây?!”

“Chúng tôi sẽ quay lại ngay,” Langdon hô, thúc nàng bằng qua không gian vắng vẻ, di chuyển theo một đường trực diện về phía sau căn phòng và lối ra.

“Ông Langdon!” Đó là giọng Đặc vụ Fonseca, hét to phía sau họ. “Ông bị cấm rời khỏi căn phòng này!”

Ambra cảm thấy tay Langdon đẩy vào lưng nàng gấp gấp hơn.

“Winston,” Langdon thì thào vào tai nghe. “Ngay bây giờ!”

Một lúc sau, toàn bộ nhà vòm tối đen.

Đặc vụ Fonseca và cộng sự Díaz của mình băng qua nhà vòm tối om, soi đường bằng đèn pin trên điện thoại di động của họ và lao vào đường hầm nơi Langdon và Ambra vừa biến mất.

Đi được nửa hầm, Fonseca thấy điện thoại của Ambra nằm trên sàn nhà trải thảm. Cảnh tượng khiến anh ta sửng sờ.

Ambra bỏ lại điện thoại của mình sao?

Cận vệ Hoàng gia, với sự cho phép của Ambra, sử dụng một ứng dụng truy vết rất đơn giản để theo dõi vị trí của nàng mọi lúc. Chỉ có thể có một cách giải thích cho việc nàng bỏ lại điện thoại: nàng muốn thoát khỏi sự bảo vệ của họ.

Ý nghĩ này khiến Fonseca cực kỳ bồn chồn, mặc dù không bồn chồn bằng viễn cảnh phải thông báo với sếp của mình rằng hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha hiện đang mất tích. Chỉ huy lực lượng Cận vệ luôn bị ám ảnh và rất khó tính trong chuyện bảo vệ những mối quan tâm của hoàng tử. Tối nay, chỉ huy đích thân giao nhiệm vụ cho Fonseca với những chỉ dẫn đơn giản nhất: “Bảo vệ Ambra Vidal an toàn và không gặp rắc rối gì mọi lúc.”

Mình không thể bảo đảm an toàn cho cô ta nếu mình không biết cô ta ở đâu!

Hai đặc vụ vội vã chạy tới cuối đường hầm và đến được phòng chờ tối om, lúc này trông như một hội nghị của những bóng ma - một đám những gương mặt tái nhợt bằng hoàng được chiếu sáng nhờ những cái màn hình điện thoại di động của họ trong khi họ liên lạc với thế giới bên ngoài, kể lại những gì họ vừa chứng kiến.

“Bật đèn lên!” vài người đang la lối.

Điện thoại của Fonseca reo và anh ta bắt máy.

“Đặc vụ Fonseca, đây là an ninh bảo tàng,” một giọng nữ trẻ trung nói bằng thứ tiếng Tây Ban Nha gọn lỏn. “Chúng tôi biết anh vừa bị tắt đèn trên đó. Có vẻ như do lỗi máy tính. Chúng tôi sẽ phục hồi điện ngay thôi.”

“Tín hiệu an ninh nội bộ vẫn còn chứ?” Fonseca hỏi, biết rằng các máy quay đều được trang bị tính năng quan sát ban đêm.

“Đúng vậy.”

Fonseca nhìn lướt khắp căn phòng tối om. “Ambra Vidal vừa bước vào phòng chờ bên ngoài thính phòng chính. Cô có thấy cô ấy ở đâu không?”

“Xin đợi một lát.”

Fonseca chờ đợi, tim đập rộn lên vì cảm giác thất vọng. Anh ta vừa nhận tin báo Uber gặp khó khăn trong việc truy vết chiếc xe bỏ trốn của kẻ nổ súng.

Còn chuyện gì khác không ổn tối nay không?

Thật oan nghiệt, tối nay lại là lần đầu tiên anh ta thực hiện nhiệm vụ liên quan đến Ambra Vidal. Bình thường, là một sĩ quan cao cấp, Fonseca được phân công riêng cho Hoàng tử Julián. Thế nhưng sáng nay, sếp của anh ta kéo anh ta ra và thông báo: “Tối nay, cô Vidal sẽ chủ trì một sự kiện không như mong muốn của Hoàng tử Julián. Cậu sẽ tháp tùng cô ấy và bảo đảm cô ấy được an toàn.”

Fonseca chưa bao giờ hình dung rằng sự kiện Ambra chủ trì hóa ra lại là một cuộc tấn công tổng lực nhằm vào tôn giáo, dẫn tới một vụ ám sát công khai. Anh ta vẫn đang cố gắng hiểu việc Ambra giận dữ từ chối nhận cuộc gọi đầy quan tâm của Hoàng

tử Julián.

Tất cả dường như rất khó hiểu, và cách hành xử kỳ lạ của cô ấy càng lúc càng tăng. Theo tất cả những biểu hiện bên ngoài, Ambra Vidal đang cố tìm cách cắt đuôi kíp an ninh của mình để có thể chạy trốn cùng một vị giáo sư người Mỹ.

Nếu Hoàng tử Julián nghe được chuyện này...

“Đặc vụ Fonseca?” Giọng nữ nhân viên an ninh trở lại. “Chúng tôi có thể nhìn thấy cô Vidal cùng với một người đàn ông rời khỏi phòng chờ. Họ di chuyển theo lối đi hẹp và vừa vào phòng trưng bày đang có triển lãm Cells của Louise Bourgeois. Ngoài cửa, rẽ phải, phòng trưng bày thứ hai bên phải.”

“Cảm ơn cô! Cứ theo dấu họ nhé!”

Fonseca và Díaz chạy qua phòng chờ và thoát ra lối đi hẹp. Tít bên dưới, họ nhìn thấy từng đám khách khứa đang di chuyển nhanh qua sảnh về phía các lối thoát hiểm.

Bên phải, đúng như bộ phận an ninh chỉ dẫn, Fonseca nhìn thấy lối vào một phòng trưng bày lớn. Tám biển buổi triển lãm ghi: CELLS.

Phòng trưng bày rất rộng và chứa một bộ sưu tập những khối quây kín trông như những cái lồng rất lạ lùng. Mỗi lồng lại chứa một bức tượng điêu khắc màu trắng không rõ hình thù.

“Cô Vidal!” Fonseca gọi to. “Ông Langdon!”

Không nhận được lời đáp, hai đặc vụ bắt đầu tìm kiếm.

Cách vài căn phòng phía sau những đặc vụ của lực lượng Cận vệ, ngay bên ngoài thính phòng mái vòm, Langdon và Ambra đang cẩn thận leo qua cả một mê cung giàn giáo, im lặng di chuyển về phía tám biển ghi “Exit” (Lối thoát) sáng mờ mờ phía

xa.

Hành động phút chót của họ quả là như mơ - Langdon và Winston phối hợp trong một màn đánh lừa rất nhanh.

Theo ám hiệu của Langdon, Winston tắt hết đèn đóm và khiến cả nhà vòm chìm trong bóng tối. Langdon đã ghi nhớ khoảng cách giữa vị trí của họ và lối hầm đi ra, nên ước tính của ông gần như hoàn hảo. Đến cửa hầm, Ambra ném mạnh điện thoại của cô vào lối đi tối om. Sau đó, thay vì vào đường hầm, họ quay lại, vẫn ở trong nhà vòm và quay ngược trở lại men theo vách bên trong, dùng tay lần tìm dọc theo lớp vải cho tới khi họ tìm thấy vết rạch mà anh chàng đặc vụ Cận vệ đã chui ra để đuổi theo kẻ giết Edmond. Sau khi trèo qua lỗ hổng trên bức vách vải, hai người lần ra bức tường bên ngoài của căn phòng và di chuyển về phía một tấm biển sáng đèn cho biết đó là buồng cầu thang thoát hiểm.

Langdon ngạc nhiên nhớ lại việc Winston đi đến quyết định giúp đỡ họ mới nhanh chóng làm sao. “Nếu công bố của Edmond có thể kích hoạt nhờ một mật khẩu,” Winston nói, “thì chúng ta phải tìm ra và sử dụng nó ngay. Huấn thị ban đầu của tôi là hỗ trợ Edmond bằng mọi cách có thể để làm cho công bố tối nay của ông ấy thành công. Rõ ràng, tôi đã phụ ông ấy trong việc này và tôi sẽ làm bất kỳ việc gì để giúp sửa chữa thất bại đó.”

Langdon định cảm ơn máy tính, nhưng Winston đã nói tiếp mà không cần lấy hơi. Ngôn từ tuôn ra từ Winston với tốc độ nhanh phi thường, như một cuốn sách thoại đang đọc với tốc độ được tăng lên.

“Nếu tôi có thể truy cập vào bài thuyết trình của Edmond,” Winston nói, “tôi sẽ làm ngay lập tức, nhưng như ngài đã nghe rồi, nó được lưu trong một máy chủ an ninh ở bên ngoài. Có vẻ

như tất cả những gì chúng ta cần để công bố phát hiện của ông ấy cho thế giới là cái điện thoại thừa riêng và mật khẩu của ông ấy. Tôi đã tìm kiếm toàn bộ các tài liệu đã được xuất bản để tìm một câu thơ bốn mươi bảy mẫu tự, và rất tiếc là số lượng khả năng lên tới vài trăm nghìn, nếu không nói còn hơn nữa, tùy thuộc vào cách ngắt nghỉ các đoạn thơ. Hơn nữa, vì các giao diện của Edmond nói chung đều chặn người dùng sau một vài lần thử mật khẩu không đúng, nên không thể dùng giải pháp bạo lực phá*. Việc này khiến chúng ta chỉ còn một lựa chọn: chúng ta phải tìm mật khẩu của ông ấy bằng một cách khác. Tôi tán thành với cô Vidal rằng hai người phải ngay lập tức lọt vào nhà Edmond ở Barcelona. Về lý thì nếu ông ấy có một câu thơ yêu thích ông ấy sẽ có một cuốn sách với bài thơ đó, và thậm chí có khi còn làm nổi bật câu thơ yêu thích của mình bằng cách nào đó. Do đó, tôi tính toán có khả năng rất cao là Edmond muốn các vị tới Barcelona, tìm mật khẩu của mình và sử dụng nó để thực hiện công bố của ông ấy như kế hoạch. Thêm nữa, giờ tôi xác định rằng cuộc gọi điện thoại vào phút chót đề nghị cho Đô đốc Ávila vào danh sách khách mời thực tế xuất phát từ Hoàng cung ở Madrid, như cô Vidal kể. Vì lý do này, tôi quyết định chúng ta không thể tin các đặc vụ Cận vệ Hoàng gia và tôi sẽ nghĩ ra cách đánh lạc hướng họ và giúp các vị trốn thoát.”

Thật phi thường, có vẻ như Winston đã tìm được cách làm việc đó.

Lúc này, Langdon và Ambra đã tới được lối thoát khẩn cấp, nơi Langdon khẽ khàng mở cửa, đẩy Ambra đi qua và khép cửa lại sau lưng.

“Tốt lắm,” giọng Winston lại vang lên trong đầu Langdon. “Các vị đang ở trong buồng cầu thang.”

“Còn các đặc vụ Cận vệ?” Langdon hỏi.

“Cách xa lắm,” Winston đáp. “Hiện tôi đang ở trên mạng điện thoại cùng họ, giả vờ là một nhân viên an ninh của bảo tàng và hướng dẫn họ đi tới một phòng trưng bày ở tận đầu kia của tòa nhà.”

Siêu hạng, Langdon nghĩ, gật đầu trấn an Ambra. “Mọi việc đều ổn.”

“Hãy theo cầu thang xuống tầng trệt,” Winston nói, “và ra khỏi bảo tàng. Xin lưu ý, một khi các vị ra khỏi tòa nhà, tai nghe bảo tàng của ngài sẽ không kết nối với tôi nữa.”

Chết tiệt. Langdon còn chưa nghĩ ra chuyện đó. “Winston,” ông vội nói, “anh có biết rằng Edmond đã chia sẻ phát hiện của mình với một số lãnh đạo tôn giáo vào tuần trước không?”

“Chuyện đó không chắc lắm,” Winston đáp, “mặc dù phần giới thiệu của ông ấy tối nay chắc chắn ám chỉ rằng công việc của ông ấy có những hàm ẩn tôn giáo rất sâu sắc, vì thế có lẽ ông ấy muốn thảo luận những phát hiện của mình với những nhà lãnh đạo trong lĩnh vực đó?”

“Phải, tôi nghĩ vậy. Tuy nhiên, một người trong số họ là Giám mục Valdespino từ Madrid.”

“Hay đấy. Tôi thấy rất nhiều tài liệu tham khảo trên mạng có nói rằng ông ấy là cố vấn rất thân cận của vua Tây Ban Nha.”

“Phải, và còn một chuyện nữa,” Langdon nói. “Anh có biết rằng Edmond đã nhận được một thư thoại hăm dọa từ Valdespino sau cuộc gặp của họ không?”

“Tôi không biết. Chắc việc đó thực hiện trên đường dây riêng.”

“Edmond đã bật cho tôi nghe. Valdespino yêu cầu cậu ấy hủy buổi thuyết trình của mình và cũng cảnh báo rằng các giáo sĩ mà Edmond đã tham vấn đều đang cân nhắc về một công bố đi

trước nhằm phá cậu ấy bằng cách nào đó trước khi cậu ấy công khai.” Langdon xuống cầu thang, để Ambra đi nhanh phía trước. Ông hạ giọng. “Anh có tìm thấy liên hệ nào giữa Valdespino và Đô đốc Ávila không?”

Winston ngừng vài giây. “Tôi không thấy có liên hệ trực tiếp nào, nhưng như thế không có nghĩa là không có. Nó chỉ có nghĩa là không có bằng chứng thôi.”

Họ đã xuống đến tầng trệt.

“Giáo sư, nếu tôi có thể...” Winston nói. “Từ các sự kiện tối nay, lô-gic cho thấy có những thế lực rất lớn định bưng bít phát hiện của Edmond. Xin nhớ rằng bài thuyết trình của ông ấy có nêu tên ngài là người có hiểu biết sâu giúp truyền cảm hứng cho đột phá của ông ấy, cho nên những kẻ thù của ông ấy có thể coi ngài là một đối tượng nguy hiểm chưa giải quyết được.”

Langdon chưa bao giờ nghĩ đến khả năng này và cảm thấy một mối nguy hiểm đột ngột khi ông xuống đến mặt đất. Ambra đã ở đó, gắng sức mở cánh cửa kim loại.

“Khi các vị thoát ra,” Winston nói, “các vị sẽ thấy mình ở trong một ngõ nhỏ. Di chuyển sang mé trái vòng qua tòa nhà và đi thẳng xuống phía sông. Từ đó, tôi sẽ sắp xếp phương tiện đi lại cho các vị tới địa điểm chúng ta đã thảo luận.”

BIO-EC346, Langdon nghĩ và giục Winston đưa họ tới đó. Nơi Edmond và mình dự định gặp nhau sau sự kiện. Cuối cùng, Langdon cũng đã giải mã được mật mã, nhận ra rằng BIO-EC346 hoàn toàn không phải một câu lạc bộ khoa học bí mật nào đó. Nó là cái gì đó trần tục hơn nhiều. Tuy nhiên, ông hy vọng nó sẽ là chìa khóa cho họ thoát khỏi Bilbao.

Nếu bọn ta có thể đến được đó mà không bị phát hiện..., ông nghĩ thầm, biết rằng sớm muộn gì khắp nơi cũng sẽ bị chặn đường.

Bọn ta cần di chuyển nhanh.

Khi Langdon và Ambra bước qua ngưỡng cửa để hòa vào trời khuya lành lạnh, Langdon giật mình khi thấy thứ trông giống như những hạt tròng hạt vương khắp mặt đất. Ông không có thời gian thắc mắc tại sao. Winston vẫn đang nói.

“Một khi các vị tới bờ sông,” giọng máy tính nói như ra lệnh, “đi thẳng tới cầu đi bộ bên dưới Cầu La Salve Bridge và đợi cho tới khi...”

Tai nghe của Langdon đột ngột toàn tín hiệu nhiễu định tai.

“Winston?” Langdon hét to. “Đợi cho tới khi... sao cơ?!”

Nhưng tiếng Winston đã tắt và cánh cửa kim loại vừa đóng sập sau lưng họ.

Nhiều dặm về phía nam, ở ngoại ô Bilbao, một chiếc xe Uber mui kín vun vút chạy về phía nam trên Cao tốc AP-68 tới Madrid. Ở băng ghế sau, Đô đốc Ávila cởi bỏ chiếc áo khoác trắng cùng mũ hải quân của mình, tận hưởng cảm giác tự do trong khi ngả người ra sau và ngẫm nghĩ về việc trốn thoát quá đơn giản của mình.

Đúng như Nhiếp chính vương đã hứa.

Gần như ngay lập tức sau khi bước lên chiếc xe Uber, Ávila rút khẩu súng của mình và giáng vào đầu người lái xe đang run cầm cập. Theo lệnh Ávila, người lái xe ném điện thoại thông minh của mình ra ngoài, cắt đứt mọi liên hệ duy nhất từ phương tiện của anh ta với trụ sở chính của công ty.

Sau đó, Ávila lục ví người đàn ông, ghi nhớ địa chỉ nhà và tên vợ con anh ta. *Làm như tôi bảo*, Ávila bảo anh ta, *nếu không gia đình anh sẽ chết*. Các khớp xương của người đàn ông trắng nhợt trên vô lăng và Ávila biết mình đã có được một tài xế tận tụy cho buổi tối nay.

Giờ ta vô hình, Ávila nghĩ khi những chiếc xe cảnh sát lao vun vút qua theo hướng ngược lại, còi kêu inh ỏi.

Khi chiếc xe tăng tốc về phía nam, Ávila ngồi ổn định để có một chuyến đi dài, thưởng thức ánh hồi quang của phi vụ đầy kịch tính của mình. *Ta phục vụ đại nghiệp thật ổn*, ông ta nghĩ. Rồi ông ta liếc nhìn cái hình xăm trên bàn tay mình, nhận ra rằng khả năng bảo vệ của nó không còn cần thiết. *Ít nhất lúc này.*

Cảm thấy tự tin rằng người lái xe Uber đang hoảng sợ của

mình sẽ tuân lệnh, Ávila hạ khẩu súng xuống. Khi chiếc xe phóng về phía Madrid, ông ta lại liếc mắt nhìn hai cái miếng dán trên kính chắn gió của chiếc xe.

Khả năng là bao nhiêu nhỉ? Ông ta nghĩ.

Miếng dán đầu tiên dễ đoán - biểu trưng của Uber. Tuy nhiên, miếng dán thứ hai chỉ có thể là một dấu hiệu từ trên cao.

Thập ác. Bây giờ, cái biểu tượng ấy đâu chả có - tín đồ Công giáo khắp châu Âu thể hiện sự đoàn kết với tân giáo hoàng, ca ngợi chủ trương tự do và hiện đại hóa Giáo hội của ngài.

Thật mỉa mai, Ávila nhận ra rằng người lái xe là người hâm mộ vị giáo hoàng tự do và việc nhận ra ấy khiến cho hành động gí súng vào anh ta trở thành một trải nghiệm gần như khoan khoái. Ávila thấy ghê tởm trước việc đám đông lưỡi nhác tôn thờ tân giáo hoàng, người đang cho phép các tín đồ của Đức Chúa được tùy chọn từ một bàn ăn tự phục vụ gồm đủ các loại luật lệ của Chúa, quyết định xem quy tắc nào chấp nhận được với họ và quy tắc nào không. Gần như chỉ qua một đêm, ngay trong Vatican, những vấn đề như kiểm soát sinh, kết hôn đồng giới, nữ tu sĩ và nhiều vấn đề tự do khác đều được đặt lên bàn thảo luận. Truyền thống hai nghìn năm dường như sắp tan biến chỉ trong chớp mắt.

Rất may, vẫn có những người đấu tranh vì truyền thống.

Ávila nghe thấy những giai điệu của bài tụng ca Oriamendi* vang lên trong đầu.

Và ta vinh dự phục vụ họ.

CHƯƠNG 30

Lực lượng an ninh tinh nhuệ và lâu đời nhất Tây Ban Nha - Cận vệ Hoàng gia - có một truyền thống oanh liệt từ thời trung đại. Các đặc vụ Cận vệ coi nhiệm vụ được thề trước Chúa của họ là bảo đảm an toàn cho hoàng gia, bảo vệ tài sản hoàng gia và danh dự của hoàng gia.

Tư lệnh Diego Garza - người cai quản gần hai nghìn quân Cận vệ - là một ông già đã ngoài sáu mươi tuổi hom hem và còi cọc với đôi mắt nhỏ, nước da ngăm đen, cùng mái tóc đen mỏng tèo bóng mượt vuốt ngược ra sau trên lớp da chỏm đầu lốm đốm. Những đường nét trông như thú gặm nhấm và vóc dáng nhỏ thó của ông ấy khiến Garza gần như vô hình trong một đám đông, rất hữu ích để ngụy trang sức ảnh hưởng cực lớn của ông ấy bên trong những bức tường cung điện.

Từ rất lâu, Garza đã học được rằng quyền lực thực sự bắt nguồn không phải từ sức mạnh thể chất mà từ ảnh hưởng chính trị. Quyền chỉ huy binh sĩ Cận vệ Hoàng gia chắc chắn mang lại cho ông quyền lực, nhưng chính sự hiểu biết chính trị mang tính tiên liệu của ông mới xác lập vị thế cho Garza như là một nhân vật được hoàng gia kỳ vọng có thể giải quyết nhiều vấn đề, cả cá nhân lẫn công việc.

Là một người đáng tin cậy để nắm giữ những bí mật, Garza chưa một lần làm lộ bí mật nào. Tiếng tăm của ông về sự cẩn trọng trước sau như một, cùng với khả năng phi thường trong giải quyết những vấn đề tinh tế, khiến ông trở thành người không thể thiếu với đức vua. Tuy nhiên, lúc này, Garza và những người khác trong cung đang đối mặt với một tương lai bất định khi mà vị vua già cả của Tây Ban Nha sống lay lắt

những ngày cuối đời của ngài tại Cung điện Zarzuela.

Suốt hơn bốn thập kỷ, đức vua cai trị một đất nước hỗn loạn khi thiết lập chế độ quân chủ đại nghị sau ba mươi sáu năm độc tài đầm máu dưới quyền vị tướng cực kỳ bảo thủ Francisco Franco. Kể từ khi Franco qua đời năm 1975, đức vua đã nỗ lực phối hợp cùng chính phủ củng cố tiến trình dân chủ của Tây Ban Nha, đưa đất nước chậm chạp nhích dần trở lại với cánh tả.

Với người trẻ, những thay đổi này quá ư chậm chạp.

Với những người theo chủ nghĩa truyền thống đang già đi, những thay đổi ấy lại quá hồ đồ.

Nhiều thành viên của giới quyền uy Tây Ban Nha vẫn quyết liệt bảo vệ chủ thuyết bảo thủ của Franco, đặc biệt là quan điểm của ông ta về Công giáo như một “tôn giáo nhà nước” và là xương sống đạo đức của quốc gia. Tuy nhiên, có một số lượng gia tăng nhanh chóng những người trẻ của Tây Ban Nha hoàn toàn đối lập với quan điểm này - thẳng thừng lên án thói đạo đức giả của tôn giáo có tổ chức và vận động cho việc tách bạch hơn nữa giữa nhà thờ và nhà nước.

Giờ đây, với một vị hoàng tử trung niên sắp bước lên ngai vàng, chẳng có ai dám chắc tân quốc vương sẽ ngã theo hướng nào. Trong nhiều thập kỷ, Hoàng tử Julián đã làm được công việc đáng nể là thực hiện những nghĩa vụ mang tính nghi thức của mình, phục tùng vua cha về những vấn đề chính trị và chưa từng một lần vô tình để ‘lộ bài’ những tín điều riêng của bản thân. Trong khi phần lớn các học giả nghi ngờ chàng sẽ còn tự do hơn cả cha mình nhưng thật sự chẳng có cách nào để đoán chắc cả.

Tuy nhiên, tối nay, bức màn đỏ sẽ được vén lên.

Trước những sự kiện chấn động ở Bilbao, và việc đức vua

không có khả năng nói chuyện trước công chúng do sức khỏe của ngài, hoàng tử sẽ không còn lựa chọn nào khác là xem xét cẩn thận những sự kiện phiền phức lúc tối.

Một vài quan chức chính phủ cao cấp, trong đó có Thủ tướng, đã lên án kẻ sát nhân, và khôn khéo không vội bình luận gì thêm cho tới khi Hoàng cung đưa ra một tuyên bố - nhờ đó 'ký thác' toàn bộ mớ bong bóng ấy sang cho Hoàng tử Julián. Garza không lấy làm ngạc nhiên, sự liên quan của hoàng hậu tương lai, Ambra Vidal, đã làm cho vụ việc này trở thành một trái bom chính trị mà chẳng ai muốn mớ tới.

Hoàng tử Julián sẽ được thử thách tối nay, Garza nghĩ, vội vã bước lên cầu thang lớn đi về phía khu căn hộ hoàng gia của cung điện. Ông ấy cần được hướng dẫn, và khi phụ hoàng của ông ấy không còn khả năng thì sự hướng dẫn đó phải từ ta mà ra thôi.

Garza sỏi bước hết chiều dài tiền sảnh khu nhà ở và cuối cùng đến trước cửa phòng hoàng tử. Ông hít một hơi thật sâu và gõ cửa.

Quái lạ, ông nghĩ thầm, không nhận được tiếng trả lời. Ta biết ông ấy ở bên trong. Theo Đặc vụ Fonseca ở Bilbao, Hoàng tử Julián vừa gọi từ khu nhà và đang cố gắng liên lạc được với Ambra Vidal để biết chắc nàng an toàn, điều mà, ơn Chúa, đúng là vậy.

Garza lại gõ cửa, cảm thấy thêm lo lắng khi vẫn không nhận được hồi đáp.

Ông hấp tấp mở khóa cửa. "Don Julián?" ông gọi khi bước vào bên trong.

Căn phòng tối om ngoại trừ ánh sáng chập chờn của chiếc máy thu hình trong phòng khách. "Xin chào?"

Garza vội vàng đi vào trong và thấy Hoàng tử Julián đang

đứng một mình trong bóng tối, một cái bóng bất động đối diện ô cửa sổ nhô ra ngoài. Chàng vẫn phục sức tươm tất trong bộ âu phục may đo mà chàng mặc để dự các cuộc họp mặt tối nay, thậm chí còn chưa nới bớt cà vạt.

Im lặng quan sát, Garza cảm thấy bất an trước trạng thái xuất thần của hoàng tử. Cuộc khủng hoảng này có vẻ khiến ông ấy choáng váng.

Garza hắng giọng, báo hiệu sự hiện diện của mình.

Cuối cùng hoàng tử cũng lên tiếng, chàng nói mà không hề rời mắt khỏi cửa sổ. “Khi ta gọi cho Ambra,” chàng nói, “cô ấy không chịu nói chuyện với ta.” Ngữ điệu của Julián nghe bồi rối nhiều hơn là tổn thương.

Garza không dám chắc phải trả lời sao. Căn cứ theo những sự kiện lúc tối, dường như khó hiểu là những suy nghĩ của Julián lại dành cho mối quan hệ của chàng với Ambra - một sự ước hẹn không dễ dàng ngay từ những bước mở đầu không lấy gì làm suôn sẻ.

“Thần thiết nghĩ cô Vidal vẫn còn sốc,” Garza khẽ nêu ý kiến. “Đặc vụ Fonseca sẽ đưa cô ấy tới chỗ ngài trong tối nay. Khi đó ngài có thể nói chuyện. Và cho phép thần nói thêm rằng thần đã nhẹ lòng khi biết rằng cô ấy an toàn.”

Hoàng tử Julián lơ đãng gật đầu.

“Kẻ nổ súng đang bị truy lùng,” Garza nói, cố thay đổi chủ đề. “Fonseca quả quyết với thần họ sẽ sớm tóm được kẻ khủng bố thôi.” Ông cố ý dùng cụm từ “kẻ khủng bố” với hy vọng kéo vị hoàng tử ra khỏi trạng thái mụ mẫm.

Nhưng hoàng tử chỉ gật đầu lơ đãng lần nữa.

“Ngài thủ tướng đã lên án vụ ám sát,” Garza nói tiếp, “nhưng chính phủ rất hy vọng rằng ngài sẽ đưa ra bình luận thêm... khi

mà cô Ambra có liên quan đến vụ việc.” Garza ngừng lời. “Thần nhận thấy tình hình rất rắc rối, nếu xét đến chuyện đính ước của ngài, nhưng thần gợi ý ngài chỉ cần nói rằng một trong những điều ngài ngưỡng mộ nhất ở vị hôn thê của mình chính là tính độc lập của cô ấy, và dù ngài biết rằng cô ấy không hề chung quan điểm chính trị với Edmond Kirsch, nhưng ngài vẫn tán thưởng lập trường của cô ấy vì những cam kết của cô ấy trong vai trò giám đốc bảo tàng. Thần rất vinh hạnh được viết vài điều ra cho ngài, nếu ngài muốn? Chúng ta cần có một tuyên bố đúng lúc cho chương trình thời sự buổi sáng.”

Ánh mắt Julián vẫn không hề rời cửa sổ. “Ta muốn có cả ý kiến của Giám mục Valdespino về bất kỳ tuyên bố nào chúng ta đưa ra.”

Garza nghiêng chặt hàm răng và cố nuốt sự bất bình của mình xuống. Tây Ban Nha thời hậu Franco là một *nhà nước phi giáo phái*, nghĩa là nó không còn có một tôn giáo nhà nước nữa và Nhà thờ không có nhiệm vụ có bất kỳ can dự gì vào các vấn đề chính trị. Thế nhưng, tình bạn gần gũi giữa Valdespino với đức vua luôn giúp cho giám mục có tầm ảnh hưởng khác thường trong các vấn đề thường nhật của hoàng gia. Rủi thay, quan điểm chính trị cứng rắn và nhiệt huyết tôn giáo của Valdespino không còn nhiều chỗ cho chuyện ngoại giao và tài ứng biến cần thiết để xử lý cuộc khủng hoảng tối nay.

Chúng ta cần tỏ thái độ tình cảm và sự khôn khéo chứ không phải giáo điều và pháo hoa!

Từ lâu Garza đã biết được rằng vẻ bề ngoài đoan chính của Valdespino che giấu một sự thật rất đơn giản: Giám mục Valdespino luôn phục vụ những nhu cầu của bản thân trước những nhu cầu của Chúa. Mãi cho tới gần đây, đó là chuyện Garza có thể bỏ qua, nhưng giờ đây, với cán cân quyền lực đang

thay đổi trong hoàng cung, cảnh tượng lão giám mục lên tới bên Julián là nguyên nhân của một mối lo ngại đáng kể.

Valdespino quá gần gũi hoàng tử.

Garza biết rằng Julián vẫn luôn coi lão giám mục là “người trong nhà” - như một ông chú đáng tin cậy hơn là một chức sắc tôn giáo. Là bạn tâm tình gần gũi nhất của đức vua, Valdespino được giao nhiệm vụ trông nom việc phát triển đạo đức của chàng trai Julián, và ông ta đã làm việc đó bằng sự tận tụy và nhiệt thành - xem xét kỹ càng tất cả các thầy giáo của Julián, dẫn dắt hoàng tử đến với những học thuyết đức tin, và thậm chí còn khuyên giải ông ấy về những vấn đề tình cảm. Giờ đây nhiều năm sau, ngay cả khi Julián và Valdespino không gặp gỡ trực diện, mối quan hệ của họ vẫn rất khăng khít.

“Don Julián” Garza nói bằng giọng bình thản, “thần cảm thấy rất rõ rằng tình hình tối nay là chuyện mà ngài và thần nên xử lý riêng.”

“Vậy à?” giọng một người đàn ông vang lên trong bóng tối phía sau ông.

Garza xoay người lại, sửng sờ nhìn một bóng ma mặc áo choàng ngồi trong bóng tối.

Valdespino.

“Ta phải nói rằng, thưa ngài Tư lệnh,” Valdespino rít lên, “ta cứ ngỡ rằng tất cả các người sẽ nhận ra các người cần đến ta tối nay như thế nào cơ đấy.”

“Đây là một tình thế chính trị,” Garza tuyên bố chắc nịch, “không phải chuyện tôn giáo.”

Valdespino giễu cợt. “Việc ông có thể đưa ra tuyên bố như vậy cho ta thấy rằng ta đã đánh giá quá cao sự nhạy bén chính trị của ông. Nếu ông muốn nghe ý kiến của ta, thì chỉ có một

phản ứng thích hợp duy nhất cho cuộc khủng hoảng này. Chúng ta phải lập tức xác quyết với cả đất nước rằng Hoàng tử Julián là một người rất trọng tôn giáo, và rằng đức vua tương lai của Tây Ban Nha là một tín đồ Công giáo mộ đạo.”

“Tôi đồng ý... và chúng ta sẽ nhắc đến tín điều của Don Julián vào bất kỳ tuyên bố nào đức ngài đưa ra.”

“Và khi Hoàng tử Julián xuất hiện trước báo giới, đức ngài sẽ cần có ta ở bên cạnh, tay đặt lên vai ngài - một biểu tượng có sức thuyết phục cho thấy sự gắn kết mạnh mẽ của ngài với Nhà thờ. Hình ảnh duy nhất đó sẽ làm được nhiều để trấn an cả nước hơn là bất kỳ lời nào ông viết ra.”

Garza nổi xung.

“Thế giới vừa chứng kiến một vụ ám sát tàn bạo ngay trên đất Tây Ban Nha,” Valdespino tuyên bố. “Ở những thời khắc bạo lực, chẳng có gì vĩ về được bằng bàn tay của Chúa.”

CHƯƠNG 31

Cầu treo Széchenyi - một trong tám cây cầu ở Budapest - vươn dài hơn ba trăm mét ngang qua dòng sông Danube. Là một biểu tượng của sự kết nối giữa Đông và Tây, cây cầu được coi là một trong những cầu đẹp nhất thế giới.

Ta đang làm gì vậy? Giáo trưởng Köves tự hỏi, nhìn qua lan can xuống vùng nước tối đen cuộn xoáy phía dưới. Ngài Giám mục khuyên ta ở trong nhà kia mà.

Köves biết mình không nên mạo hiểm ra ngoài, thế nhưng bất cứ khi nào ông cảm thấy bất an, có gì đó ở cây cầu cứ luôn thôi thúc ông. Đã nhiều năm, ông đi bộ tới đây vào buổi tối để suy ngẫm trong khi ngắm nhìn cảnh tượng không chịu ảnh hưởng của thời gian, về phía đông, tại Pest, phần mặt tiền sáng trưng của Cung điện Gresham kiêu hãnh đứng đua tranh với những tháp chuông của Vương cung thánh đường Szent István. Về phía tây, ở Buda, tít cao trên đỉnh Đồi Castle, sừng sững những bức tường kiên cố của Lâu đài Buda. Và phía bắc, trên bờ sông Danube, những ngọn tháp duyên dáng của tòa nhà quốc hội, công trình lớn nhất ở Hungary, trải dài.

Thế nhưng, Köves ngờ rằng không phải khung cảnh này đã liên tục đưa ông tới Cầu Chain. Phải là gì đó hoàn toàn khác.

Những cái khóa.

Suốt dọc lan can cầu và những sợi cáp treo là hàng trăm ổ khóa - mỗi cái lại mang một cặp chữ cái khác nhau, cái nào cũng khóa chặt vĩnh viễn vào cây cầu.

Truyền thống là hai người yêu nhau sẽ cùng đi lên cầu này, khắc tên chữ cái đầu của mình lên một cái khóa, khóa chặt nó

vào cây cầu và sau đó ném chìa khóa xuống nước sâu, nơi chìa bị mất vĩnh viễn - một biểu tượng cho sự gắn kết mãi mãi của họ.

Lời hứa hẹn đơn giản nhất, Köves nghĩ thầm, chạm tay vào một ổ khóa lưng lẳng. Linh hồn tôi khóa chặt với linh hồn em, mãi mãi.

Bất cứ khi nào Köves cần được nhắc nhở rằng tình yêu vô hạn có tồn tại trên thế giới, ông lại tới nhìn những ổ khóa này. Tối nay, ông có cảm giác giống như những tối ấy. Ông trân trân nhìn xuống dòng nước cuộn xoáy, ông cảm thấy như thể thế giới đột nhiên chuyển động quá nhanh với mình. Có lẽ ta không còn thuộc về nơi này nữa.

Những gì từng là những thời khắc một mình suy tưởng yên bình của cuộc sống - vài phút một mình trên xe buýt, hay đi bộ đi làm, hoặc đợi một cuộc hẹn - giờ đây tạo ra cảm giác không chịu nổi và mọi người đều hồi hả vô lấy điện thoại, tai nghe và những trò chơi của họ, không tài nào cưỡng lại được sự lôi kéo gây nghiện của công nghệ. Những phép màu của quá khứ đang nhạt nhòa, bị đánh bại bởi sự thèm khát bất tận đối với những gì mới mẻ.

Lúc này, khi Yehuda Köves đắm đắm nhìn xuống nước, ông càng lúc càng cảm thấy mệt mỏi. Thị lực của ông dường như nhòe đi, và ông bắt đầu thấy những hình thù vô định dạng kỳ quái chuyển động bên dưới mặt nước. Đột nhiên, dòng sông trông như một cái nồi sủi lên toàn những sinh vật từ đáy sâu trỗi dậy.

“A víz él,” một giọng nói vang lên sau lưng ông. “Nước còn sống.”

Giáo trưởng quay lại và nhìn thấy một cậu bé có mái tóc quăn và đôi mắt đầy hy vọng. Cậu bé khiến Yehuda nhớ lại chính

mình những ngày tháng còn trẻ.

“Sao cơ?” giáo trưởng hỏi lại.

Cậu bé mở miệng nói, nhưng thay vì thốt ra tiếng, một âm thanh vo vo điện tử thoát ra từ cổ họng cậu ta và một luồng sáng trắng chói lòa lóe lên trong mắt cậu.

Giáo trưởng Köves choàng tỉnh, thở hỗn hển, vẫn ngồi ngay đó trên ghế của mình.

“Oy gevalt!”

Điện thoại trên bàn ông đang kêu inh ỏi và vị giáo trưởng già quay người, hốt hoảng nhìn khắp phòng làm việc của mình. Thật may, ông chỉ có một mình. Ông cảm nhận rõ tim mình đập thình thịch.

Quả là một giấc mơ kỳ lạ, ông nghĩ, gượng lấy lại nhịp thở.

Điện thoại vẫn reo, và Köves biết rằng vào giờ này, đó phải là Giám mục Valdespino, gọi đến để cung cấp cho ông tin cập nhật về chuyện đi lại của ông tới Madrid.

“Giám mục Valdespino,” giáo trưởng trả lời máy, vẫn còn cảm thấy mất phương hướng. “Tình hình sao rồi?”

“Giáo trưởng Yehuda Köves phải không?” một giọng nói lạ hoắc vang lên. “Ngài không biết tôi, và tôi không muốn dọa dẫm ngài, nhưng tôi cần ngài lắng nghe tôi cho kỹ.”

Köves đột nhiên tỉnh hẳn.

Giọng nói của phụ nữ nhưng có phần bị giấu giếm, nghe méo hằn. Người gọi nói thứ tiếng Anh hấp tấp đá nhẹ ngữ điệu Tây Ban Nha.

“Tôi lọc âm giọng mình để bảo đảm bí mật. Tôi xin lỗi vì việc đó, nhưng chỉ lát nữa, ngài sẽ hiểu tại sao.”

“Ai thế nhỉ?!” Köves gặng hỏi.

“Tôi là một người giám sát - người không đánh giá cao những

ai tìm cách che giấu sự thật trước công chúng.”

“Tôi... không hiểu.”

“Giáo trưởng Köves, tôi biết ngài đã tham dự một cuộc gặp kín với Edmond Kirsch, Giám mục Valdespino và Allamah Syed al-Fadl ba ngày trước tại tu viện Montserrat.”

Làm sao cô ta biết chuyện này?!

“Thêm nữa, tôi biết Edmond Kirsch cho ba người các ngài biết thông tin về phát hiện khoa học gần đây của anh ấy... và giờ đây ngài đang dính đến một âm mưu nhằm che giấu nó.”

“Sao cơ?!”

“Nếu ngài không nghe tôi cho kỹ, thì tôi đoán chừng sáng ra ngài sẽ chết, bị loại bỏ bởi cánh tay vươn dài của Giám mục Valdespino.” Người gọi ngừng lại. “Giống như Edmond Kirsch và Syed al-Fadl bạn ngài.”

Cầu La Salve ở Bilbao bắc qua Sông Nervión ngay khu vực cận kề Bảo tàng Guggenheim, gần đến mức hai công trình thường có vẻ như hòa làm một. Rất dễ nhận lầm trụ đỡ trung tâm độc đáo - một kết cấu cao vút màu đỏ tươi có hình dáng như một chữ H khổng lồ - cây cầu có tên gọi “La Salve” từ những câu chuyện dân gian về những thủy thủ từ biển cả trở về theo dòng sông này và độc kinh tử lòng biết ơn vì đã được về nhà an toàn.

Sau khi thoát ra từ phía sau tòa nhà, Langdon và Ambra nhanh chóng vượt khoảng cách ngắn giữa bảo tàng với bờ sông và giờ đang đợi, như Winston đã dặn dò, trên một lối đi trong bóng tối ngay bên dưới cây cầu.

Đợi gì nữa? Langdon thắc mắc, đầy do dự.

Trong lúc họ vẫn vờ trong bóng tối, ông nhận thấy thân hình mảnh mai của Ambra đang run rẩy dưới chiếc váy dạ hội rất đẹp của nàng. Ông cởi chiếc áo khoác đuôi tôm của mình và choàng lên vai nàng, vuốt cho phần vai xuôi xuống cánh tay nàng.

Rất bất ngờ, nàng đột ngột quay ngoắt sang và nhìn thẳng vào ông.

Nhất thời, Langdon sợ rằng mình vừa vượt quá giới hạn, nhưng nét mặt của Ambra không phải là sự khó chịu mà đúng hơn là nét mặt đầy biết ơn.

“Cảm ơn anh,” nàng thì thào, nhìn xoáy vào ông. “Cảm ơn anh đã giúp tôi.”

Mắt vẫn nhìn thẳng vào mắt ông, Ambra Vidal chìa tay, cầm lấy hai bàn tay Langdon và siết chặt trong tay nàng, như thể

nàng đang cố hấp thụ lấy hơi ấm hay sự dễ chịu mà ông mang lại.

Sau đó, cũng rất nhanh, nàng buông tay.

“Tôi xin lỗi,” nàng thì thào. “*Conducta impropia*,” mẹ tôi hay nói vậy.

Langdon cười trấn an nàng. “Tình tiết giảm khinh, mẹ tôi hay nói vậy.”

Nàng gượng cười, nhưng nụ cười không được lâu. “Tôi ốm mất rồi,” nàng nói, mắt nhìn đi chỗ khác. “Tối nay, những chuyện xảy ra với Edmond...”

“Thật kinh khủng... đáng sợ.” Langdon nói, biết rằng ông vẫn còn vô cùng sốc nên không thể diễn đạt đầy đủ được những cảm xúc của mình.

Ambra trân trân nhìn mặt nước. “Và cứ nghĩ rằng hôn phu của tôi, Don Julián, có liên can...”

Langdon nghe thấy cảm giác phản bội trong giọng nàng nhưng cảm thấy không biết chắc phải trả lời sao. “Tôi hiểu cảm giác đó thế nào,” ông nói, nhẹ nhàng tiếp cận vấn đề tế nhị này, “nhưng chúng ta thật sự không biết chắc. Có thể Hoàng tử Julián không hề biết trước về vụ giết người tối nay. Kẻ ám sát có thể hành động đơn độc, hoặc làm việc cho ai đó chứ không phải hoàng tử. Sẽ rất phi lý ở chỗ đức vua tương lai của Tây Ban Nha lại dàn dựng việc công khai ám sát một dân thường - đặc biệt việc đó lại có thể truy vết ngay tới ngài ấy.”

“Nó chỉ có thể truy vết ra bởi Winston phát hiện được Ávila là trường hợp bổ sung muộn vào danh sách khách mời. Có lẽ Julián nghĩ không ai phát hiện được ai mới là người kéo cò.”

Langdon phải thừa nhận nàng có lý.

“Tôi chưa bao giờ thảo luận về buổi thuyết trình của Edmond

với Julián,” Ambra nói, quay lại phía ông. “Anh ấy nài nỉ tôi đừng tham dự và vì thế tôi đã cố trấn an anh ấy rằng việc can dự của tôi chỉ ở mức tối thiểu, rằng không là gì khác hơn là một màn trình chiếu video. Tôi nghĩ thậm chí tôi còn nói với Julián rằng Edmond sẽ công bố phát hiện của anh ấy từ một chiếc điện thoại thông minh.” Nàng ngừng lại. “Điều đó có nghĩa là, nếu họ thấy rằng chúng ta đã lấy được cái điện thoại của Edmond thì họ sẽ nhận ra phát hiện của anh ấy vẫn có thể được phát đi. Và tôi thật sự không biết Julián sẽ tiếp tục can thiệp đến mức nào.”

Langdon ngẩng nhìn người phụ nữ xinh đẹp một lúc lâu. “Cô không hề tin hôn phu của mình phải không?”

Ambra hít một hơi thật sâu. “Sự thật là tôi không biết rõ anh ấy như anh tưởng đâu.”

“Vậy thì tại sao cô lại đồng ý cưới ông ấy?”

“Đơn giản thôi, Julián đặt tôi vào vị thế mà tôi không còn lựa chọn nào cả.”

Langdon chưa kịp đáp lời thì có tiếng ì ầm khe khẽ bắt đầu làm nền xi măng dưới chân họ rung lên, vang vọng khắp không gian rộng như trong lòng hang bên dưới cây cầu. Âm thanh này càng lúc càng to hơn. Có vẻ như nó đến từ phía sông, bên phải họ.

Langdon ngoái nhìn và thấy một hình thù đen đúa đang vun vút lao về phía họ - một chiếc xuồng máy đang đến gần nhưng không bật đèn pha. Khi đến gần phía bờ sông đúc xi măng rất cao, chiếc xuồng chậm lại và bắt đầu lướt vào ngay bên cạnh họ.

Langdon đăm đăm nhìn chiếc xuồng và lắc đầu. Cho tới lúc này ông vẫn không biết chắc phải đặt niềm tin đến chừng nào vào người hướng dẫn trên máy tính của Edmond, nhưng giờ

đây, nhìn một chiếc taxi dưới nước màu vàng đang tiếp cận bờ sông, ông nhận ra rằng Winston là đồng minh tốt nhất mà họ có thể có được.

Người chủ thuyền đầu bù tóc rối vẫy tay gọi họ lên xuồng. “Ông người Anh của các vị, ông ấy gọi tôi,” người kia nói. “Ông ấy bảo khách hàng VIP trả gấp ba cho... nói thế nào nhỉ... *velocidad y discreción*? Tôi làm được... các vị thấy chưa? Không đèn đóm gì nhé!”

“Vâng, cảm ơn anh,” Langdon đáp. Cừ lắm, Winston. Tốc độ và cẩn trọng.

Người chủ xuồng chìa tay và giúp Ambra lên xuồng, và khi nàng khuất vào trong buồng lái kín đáo cho ấm, anh ta cười ngoác với Langdon. “Đây là VIP của tôi phải không? Hoa hậu Ambra Vidal?”

“*Velocidad y discreción*,” Langdon nhắc anh ta.

“¡Sí, sí! Được thôi!” Người đàn ông chạy vội tới chỗ bánh lái và rô máy. Chỉ một lát sau, chiếc xuồng đã lướt băng băng về phía Tây trong bóng đêm men theo Sông Nervión.

Mé bên cảng, Langdon nhìn thấy cái bóng đen sì đồ sộ của Guggenheim, được chiếu sáng một cách kỳ quái bởi những chiếc đèn nhấp nháy của xe cảnh sát. Phía trên đầu, một chiếc trực thăng thời sự lao vút qua bầu trời về phía bảo tàng.

Cái đầu tiên trong cả một đám, Langdon ngờ là vậy.

Langdon rút tấm card khó hiểu của Edmond từ trong túi quần ra. BIO-EC346. Edmond đã dặn ông đưa nó cho một lái xe taxi, mặc dù có lẽ Edmond cũng không hề hình dung được phương tiện lại là một chiếc taxi nước.

“Người bạn Anh quốc của chúng tôi...” Langdon hét to với người lái, át tiếng động cơ rền vang. “Tôi chắc anh ấy đã dặn

anh phải đi đâu rồi chứ?”

“Vâng, vâng! Tôi đã báo trước với ông ấy rằng đi bằng xuồng thì tôi chỉ có thể đưa các vị *gần* tới đó thôi, nhưng ông ấy nói không sao, các vị đi bộ ba trăm mét, được chứ?”

“Thế cũng được. Từ đây tới đó bao xa?”

Người đàn ông chỉ về phía một xa lộ chạy dọc theo sông phía bên phải. “Biển chỉ đường báo 7 km, nhưng đi xuống thì thêm một quãng nữa.”

Langdon đưa mắt nhìn tấm biển chỉ đường trên cao tốc được chiếu sáng rõ.

AEROPUER TO BILBAO (Bio) 7 KM

Ông cười buồn khi nghe giọng nói của Edmond vang lên trong đầu. Đây là một *mật mã* hết sức đơn giản, thầy Robert ạ. Edmond đã đúng và cuối cùng, tối nay khi Langdon đoán ra được ông thấy ngượng là mình lại mất thời gian lâu vậy.

BIO thực tế đúng là một *mật mã* - mặc dù không khó giải mã hơn những mã tương tự trên khắp thế giới: BOS, LAX, JFK.

BIO là *mã sân bay địa phương*.

Phần còn lại trong *mật mã* của Edmond lập tức trở nên rõ ràng.

EC346.

Langdon chưa bao giờ nhìn thấy máy bay riêng của Edmond nhưng ông biết chiếc máy bay ấy có tồn tại và ông chắc rằng mã quốc gia cho số đuôi của một chiếc phản lực Tây Ban Nha sẽ không bắt đầu bằng chữ cái E để chỉ España.

EC346 là một chiếc phản lực cá nhân.

Rõ ràng, nếu một người lái taxi đưa ông tới Sân bay Bilbao, Langdon có thể trình tấm card của Edmond cho bộ phận an

ninh và được đưa thẳng tới máy bay riêng của Edmond.

Mình hy vọng Winston đã liên hệ được với phi công để báo trước với họ mình đang đến, Langdon nghĩ thầm, nhìn lại phía bảo tàng, giờ càng lúc càng nhỏ lại sau lưng họ.

Langdon đã nghĩ đến chuyện vào trong buồng lái cùng với Ambra, nhưng không khí trong lành thật dễ chịu, nên ông quyết định để nàng có vài phút trấn tĩnh lại.

Mình cũng có thể có chút thời gian, ông nghĩ và di chuyển về phía mũi xuống.

Phía trước chiếc xuống, với gió lùa qua tóc, Langdon cởi cà vạt và đút vào túi. Sau đó, ông cởi nút trên cùng chiếc áo sơ mi của mình và hít thở thật sâu, để không khí ban đêm tràn căng hai lá phổi.

Edmond, ông nghĩ. Cậu đã làm gì vậy?

Tư lệnh Diego Garza nổi đóa lúc đi tới đi lui trong bóng tối căn hộ của Hoàng tử Julián và cam chịu bài thuyết giảng tự cao tự đại của vị giám mục.

Ông đang vượt sang chỗ không thuộc về ông, Garza muốn hét vào mặt Valdespino. Đây không phải là lãnh địa của ông.

Lại một lần nữa, giám mục Valdespino can dự vào chính trị hoàng cung. Hiện ra như một hồn ma trong bóng tối căn hộ của Julián, Valdespino diện trọn bộ lễ phục giáo hội và lúc này đang say sưa lên lớp cho Julián về tầm quan trọng của truyền thống Tây Ban Nha, lòng mộ đạo nhiệt thành của các vị vua và hoàng hậu trước đây, cùng ảnh hưởng đầy vồ về của Giáo hội những lúc khủng hoảng.

Đây không phải lúc, Garza sôi máu.

Tối nay, Hoàng tử Julián cần thể hiện một màn trình diễn về quan hệ công chúng tinh tế, và điều Garza cần nhất là kéo chàng thoát khỏi những mưu toan của Valdespino nhằm áp đặt một chương trình nghị sự nặng tính tôn giáo.

Tiếng rì rì từ điện thoại của Garza vừa hay cắt đứt màn độc bạch của vị giám mục.

“Sí, dime,” Garza trả lời rất to, đứng luôn vào giữa hoàng tử và vị giám mục. “¿Qué tal va?”

“Thưa sếp, tôi là Đặc vụ Fonseca tại Bilbao,” người gọi nói liền thoảng bằng tiếng Tây Ban Nha. “Tôi e rằng chúng ta không thể bắt được kẻ nổ súng. Công ty xe mà chúng tôi nghĩ có thể truy dấu hắn đã mất liên lạc. Kẻ nổ súng có vẻ đã tiên liệu được hành động của chúng ta.”

Garza nuốt cơn giận của mình và bình tĩnh thở ra, cố gắng bảo đảm rằng giọng nói của mình không tiết lộ điều gì về tâm trạng thật.

“Tôi hiểu,” ông trả lời bình thản. “Lúc này, mối quan tâm duy nhất của cậu là cô Vidal. Hoàng tử đang đợi gặp cô ấy, và tôi vừa cam đoan với ngài rằng cậu sẽ sớm đưa được cô ấy về đây.”

Đường dây im lặng một lúc lâu. Quá lâu.

“Tư lệnh?” Fonseca hỏi, nghe rất ngập ngừng. “Tôi xin lỗi, thưa ngài, nhưng tôi có tin xấu về việc đó. Có vẻ như cô Vidal và tay giáo sư người Mỹ đã rời tòa nhà,” anh ta ngừng lại “mà không có chúng tôi.”

Garza suýt đánh rơi điện thoại. “Sao cơ, cậu... nhắc lại được chứ?”

“Vâng, thưa ngài. Cô Vidal và Robert Langdon đã trốn khỏi tòa nhà. Cô Vidal cố tình bỏ lại điện thoại để chúng tôi không thể truy theo. Chúng tôi không rõ họ đã đi đâu.”

Garza nhận thấy quai hàm của mình trĩu xuống, và lúc này hoàng tử đang chăm chăm nhìn ông với vẻ quan tâm thấy rõ. Valdespino cũng đang nghiêng tai nghe ngóng, đôi lông mày của ông ta nhướn cong về quan tâm không lẫn vào đâu được.

“A ha... tin tuyệt vời đấy!” Garza đột nhiên buột miệng, gạt đầu đầy chắc chắn. “Làm tốt lắm. Chúng tôi sẽ gặp tất cả các cậu tại đây vào tối muộn hôm nay. Chỉ cần xác nhận các giao thức thông tin liên lạc và an ninh thôi. Khoan một chút nhé.”

Garza bịt điện thoại và mỉm cười với hoàng tử.

“Tất cả đều ổn. Thần xin được sang phòng khác để sàng lọc các chi tiết và cũng để các ngài nói chuyện riêng tư một chút.”

Garza miễn cưỡng để hoàng tử lại một mình lại với Valdespino, nhưng đây không phải một cuộc gọi ông có thể tiếp

nhận trước mặt bất kỳ ai trong số họ, vì thế ông đi sang một phòng ngủ dành cho khách, bước vào trong và khép cửa lại.

“¿Qué diablos ha pasado?” ông rít lên trong điện thoại. *Xảy ra chuyện chết tiệt gì thế?*

Fonseca thuật lại câu chuyện nghe hết sức kỳ quái.

“Đèn đóm tắt hết à?” Garza vặn lại. “Một cái *máy tính* giả làm nhân viên an ninh và cung cấp cho các anh thông tin sai à? Tôi cần xử lý chuyện đó như thế nào đây?”

“Tôi biết là rất khó hình dung, thưa sếp, nhưng chính xác đó là những gì đã xảy ra. Những gì chúng tôi đang cố tìm hiểu là tại sao cái *máy tính* lại có sự thay đổi đột ngột.”

“Thay đổi ư?! Nó là một cái *máy tính* chết tiệt!”

“Ý tôi là cái *máy tính* trước đó rất hữu ích - nhận diện ra tên của kẻ nổ súng, cố gắng ngăn cản vụ ám sát và còn phát hiện ra phương tiện bỏ trốn là một chiếc xe Uber. Sau đó, rất đột ngột, dường như nó hoạt động *chống* lại chúng tôi. Tất cả những gì chúng tôi có thể hiểu được là chắc chắn Robert Langdon nói gì đó với nó, bởi vì sau cuộc trò chuyện của nó với ông ấy, mọi thứ thay đổi.”

Giờ ta đang chiến đấu với một cái *máy tính* ư? Garza quyết định mình đã quá lạc hậu với cái thế giới hiện đại này.

“Tôi tin chắc mình không cần phải nói với cậu, Đặc vụ Fonseca, rằng hoàng tử sẽ khó xử như thế nào cả về mặt cá nhân lẫn chính trị nếu như người ta biết rằng hôn thê của ngài bỏ trốn cùng một gã người Mỹ, và rằng Cận vệ Hoàng gia của hoàng tử đã bị một cái *máy tính* đánh lừa.”

“Chúng tôi đều nhận thức rất rõ chuyện đó.”

“Các cậu có ý kiến gì về chuyện đã khiến hai người bọn họ bỏ trốn không? Có vẻ như chuyện đó hoàn toàn thiếu cơ sở và

khinh suất.”

“Giáo sư Langdon tỏ ý kháng cự khi tôi bảo ông ta theo chúng tôi về Madrid tối nay. Ông ta nói thẳng rằng mình không muốn đi.”

Và vì thế ông ta trốn khỏi hiện trường giết người ư? Garza cảm thấy có gì đó khác đang diễn ra, nhưng ông không hình dung được là gì.

“Nghe kỹ tôi nói đây. Điều cực kỳ quan trọng là các cậu xác định được vị trí Ambra Vidal và đưa cô ấy trở lại cung điện trước khi bất kỳ thông tin nào về vụ này lọt ra.”

“Tôi hiểu, thưa sếp, nhưng Díaz và tôi là hai đặc vụ duy nhất ở hiện trường. Chúng tôi không thể một mình lục soát hết Bilbao được. Chúng tôi cần báo cho cơ quan chức năng địa phương biết, rồi tiếp cận hệ thống máy quay giao thông, hỗ trợ hàng không, mọi thứ có thể...”

“Tuyệt đối không được!” Garza đáp. “Chúng ta không thể chịu nổi sự mất mặt đâu. Hãy làm công việc của các cậu. Tự mình tìm ra họ, và đưa cô Vidal trở lại với sự giám sát của chúng ta nhanh nhất có thể.”

“Vâng, thưa ngài.”

Garza tắt máy, lòng đầy hoài nghi.

Lúc ông bước ra khỏi phòng ngủ, một phụ nữ trẻ trắng trẻo vội vã băng qua hành lang tiến về phía ông. Cô đeo cặp kính tròn như hai cái đĩa chai và bộ quần áo vest màu be thường thấy của mình, tay giữ chắc một chiếc máy tính bảng vẻ đầy lo lắng.

Lạy Chúa lòng lành, Garza nghĩ bụng. Không phải lúc này nhé.

Mónica Martín là “điều phối viên quan hệ công chúng” trẻ nhất từ trước đến nay và cũng mới nhất của hoàng cung - một vị trí bao gồm các nhiệm vụ của liên lạc viên truyền thông,

chiến lược gia quan hệ công chúng và giám đốc truyền thông - mà dường như Martín thực hiện với tâm thế luôn luôn sẵn sàng.

Ở độ tuổi mới chỉ hai mươi sáu, Martín đã có một bằng truyền thông tại Đại học Complutense ở Madrid, đã có hai năm nghiên cứu sau đại học tại một trong những trường về máy tính hàng đầu thế giới - Đại học Thanh Hoa ở Bắc Kinh - và sau đó nhận một công việc quan hệ công chúng rất năng động tại Grupo Planeta và rồi là một vị trí “truyền thông” hàng đầu tại kênh truyền hình Tây Ban Nha Antena 3.

Năm ngoái, trong một nỗ lực mạnh mẽ nhằm kết nối qua các phương tiện truyền thông số với những người trẻ của Tây Ban Nha, và bắt kịp với ảnh hưởng nở rộ của Twitter, Facebook, blog cùng các phương tiện truyền thông trực tuyến, hoàng cung đã sa thải một chuyên gia quan hệ công chúng lão luyện có hàng chục năm kinh nghiệm về báo in và truyền thông và thay thế ông ấy bằng cô nàng thế hệ X thành thạo công nghệ này.

Martín nợ Hoàng tử Julián mọi thứ, Garza biết vậy.

Việc tuyển mộ người phụ nữ trẻ này vào đội ngũ nhân sự hoàng cung là một trong vài đóng góp của Hoàng tử Julián cho các hoạt động của hoàng cung - một ví dụ hiếm hoi khi chàng thể hiện uy thế của mình với vua cha. Martín được coi là một trong những nhân vật giỏi nhất trong nghề, nhưng Garza nhận thấy năng lượng thần kinh và hoang tưởng của cô ấy thật sự gây mệt mỏi.

“Thuyết âm mưu,” Martín thông báo với ông, hươ hươ chiếc máy tính bảng lúc đến nơi. “Đang bùng nổ khắp nơi.”

Garza trân trân nhìn điều phối viên quan hệ công chúng của mình vẻ không tin nổi. *Trông tôi giống như là quan tâm lắm sao?* Tối nay, ông có những việc quan trọng phải lo hơn là chuyện

lan truyền tin đồn đoán bí ẩn. “Cô làm ơn cho tôi biết cô đang làm gì với việc tản bộ trong khu tư thất của hoàng gia vậy!”

“Phòng điều khiển vừa kiểm tra khả năng kết nối tới hệ thống GPS của ngài.” Cô chỉ vào chiếc điện thoại chỗ thắt lưng Garza.

Garza nhắm mắt và thở hắt ra, cố nuốt cơn bức tức của mình. Ngoài một điều phối viên quan hệ công chúng mới toe, gần đây hoàng cung còn triển khai một “bộ phận an ninh điện tử” mới, hỗ trợ nhóm của Garza bằng các dịch vụ GPS, giám sát kỹ thuật số, nắm hồ sơ và khai thác dữ liệu trước. Mỗi ngày, nhân viên của Garza lại càng đa dạng và trẻ trung thêm.

Phòng điều khiển của chúng ta trông như một trung tâm máy tính trong khuôn viên trường đại học vậy.

Rõ ràng, thứ công nghệ mới được triển khai dùng để truy vết các đặc vụ cận vệ cũng truy vết chính bản thân Garza. Có cảm giác thật mất tự tin khi nghĩ rằng một nhóm trẻ ranh ở tầng hầm lại biết vị trí của ông bất kỳ lúc nào.

“Tôi tới gặp riêng ngài,” Martín nói, chìa cái máy tính bảng của cô ra, “vì tôi biết ngài muốn xem thứ này.”

Garza giật lấy thiết bị từ tay cô và nhìn màn hình, thấy một tấm ảnh lưu sẵn và tiểu sử một người Tây Ban Nha có hàm râu bạc được nhận diện là kẻ nổ súng ở Bilbao - đô đốc hải quân hoàng gia Luis Ávila.

“Người ta đang bàn tán rất nhiều và rất tai hại,” Martín nói, “và kha khá trong số đó nói về chuyện Ávila từng là cựu nhân viên của hoàng gia.”

“Ávila làm việc cho hải quân!” Garza lắp bắp.

“Vâng, nhưng về mặt kỹ thuật, đức vua mới là tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang...”

“Ngừng lại ngay,” Garza ra lệnh, giúi chiếc máy tính bảng trả cô gái. “Cho rằng đức vua có dính líu thế nào đó đến một hành vi khủng bố là sự suy luận ngu xuẩn của lũ gàn dở thích thuyết âm mưu, và hoàn toàn không liên quan gì đến tình huống của chúng ta tối nay. Hãy cứ trông vào phúc lành của chúng ta và trở lại làm việc thôi. Sau rốt, tên điên này có thể đã giết đương kim hoàng hậu nhưng rồi lại chọn giết một kẻ vô thần người Mỹ. Tóm lại, không phải là một kết quả tồi!”

Người phụ nữ trẻ vẫn không nao núng. “Vẫn còn chuyện khác, thưa ngài, có liên quan đến hoàng gia. Tôi không muốn ngài bị tấn công bất ngờ.”

Trong khi Martín nói, ngón tay cô lướt qua máy tính bảng, chuyển tới một trang khác. “Đây là một bức ảnh xuất hiện trên mạng đã vài ngày, nhưng không ai chú ý đến. Hiện giờ, khi mọi chuyện về Edmond Kirsch đang lan truyền, bức ảnh này bắt đầu xuất hiện trên thời sự.” Cô trao máy tính bảng cho Garza.

Garza nhìn dòng tiêu đề: “Có phải đây là bức ảnh cuối cùng chụp nhà vị lai chủ nghĩa Edmond Kirsch?”

Một bức ảnh khá nhòe cho thấy Kirsch mặc bộ đồ sẫm màu, đứng trên một dốc đá bên cạnh một vách đá cheo leo.

“Bức ảnh được chụp ba ngày trước,” Martín nói, “lúc Kirsch đang ghé thăm Tu viện Montserrat. Một công nhân có mặt tại hiện trường nhận ra Kirsch và đã chụp một bức ảnh. Sau vụ sát hại Kirsch tối nay, người công nhân đã đăng lại nó như một tấm ảnh cuối cùng chụp về nhân vật này.”

“Và thứ này liên quan tới chúng ta như thế nào?” Garza hỏi vẻ châm chọc.

“Xin hãy lướt xuống ảnh tiếp theo.”

Garza lướt xuống. Ngay khi nhìn thấy hình ảnh thứ hai, ông

phải đưa tay ra và bám vào tường cho vững. “Chuyện này... chuyện này không thể là sự thật.”

Trong tấm hình góc rộng của cùng cảnh chụp, có thể nhìn thấy Edmond Kirsch đang đứng bên cạnh một người cao lớn mặc bộ áo choàng thầy tu màu tía truyền thống của Công giáo. Người ấy chính là Giám mục Valdespino.

“Hoàn toàn đúng, thưa ngài,” Martín nói. “Valdespino đã gặp Kirsch vài ngày trước.”

“Nhưng...” Garza ngập ngừng, nhất thời không nói lên lời. “Nhưng tại sao giám mục lại không hề nhắc đến việc này? Đặc biệt là căn cứ vào tất cả những gì xảy ra tối nay!”

Martín gật đầu đầy nghi ngại. “Vì thế tôi mới nói với ngài trước.”

Valdespino đã gặp Kirsch, Garza không sao tập trung tâm trí của mình vào chi tiết đó. Và lão giám mục không chịu nhắc đến chuyện đó ư? Tin này thật đáng ngại và Garza cảm thấy nôn nóng muốn cảnh báo cho hoàng tử.

“Rất tiếc,” người phụ nữ trẻ nói, “còn rất nhiều nữa.” Cô bắt đầu thao tác với máy tính bảng của mình.

“Ngài tư lệnh?” Giọng Valdespino đột ngột gọi ra từ phòng khách. “Tin tức chuyện đi lại của cô Vidal thế nào rồi?”

Mónica Martín ngẩng phắt đầu lên, mắt mở to.

“Có phải là ngài giám mục không ạ?” cô thì thào. “Valdespino đang ở đây trong tư dinh sao?”

“Phải. Đang khuyên răn hoàng tử.”

“Ngài Tư lệnh!” Valdespino lại gọi. “Ông có đó không?”

“Tin tôi đi,” Martín thì thào, giọng hoảng hốt, “còn nhiều thông tin mà ngài phải nắm được ngay - trước khi ngài nói thêm một lời nào khác với Giám mục hoặc hoàng tử. Xin hãy

tin tôi khi tôi bảo ngài rằng cuộc khủng hoảng tối nay ảnh hưởng đến chúng ta sâu xa hơn rất nhiều so với ngài hình dung.”

Garza chăm chú nhìn điều phối viên quan hệ xã hội của mình một lúc và đưa ra quyết định. “Xuống dưới thư viện. Tôi sẽ gặp cô ở đó sau sáu mươi giây nữa.”

Martín gật đầu và đi ngay.

Giờ còn lại một mình, Garza hít một hơi thật sâu và cố tỏ ra thư thái, hy vọng xóa bỏ hết dấu vết cơn giận và sự bối rối ngày càng tăng lên của mình. Thật bình thản, ông quay trở lại phòng khách.

“Mọi việc đều ổn với cô Vidal,” Garza thông báo kèm một nụ cười lúc bước vào. “Cô ấy sẽ đến đây sau. Tôi xuống chỗ phòng an ninh để đích thân xác nhận việc đưa đón cô ấy.” Garza gật đầu đầy tự tin với Julián và sau đó quay sang Giám mục Valdespino. “Tôi sẽ trở lại ngay. Xin đừng đi vội.”

Nói xong, ông quay người và sải bước đi ra.

Lúc Garza rời khỏi căn hộ, Giám mục Valdespino cau mày dăm dăm nhìn theo sau ông.

“Có gì đó không ổn à?” Hoàng tử hỏi, nhìn Giám mục rất chăm chú.

“Vâng,” Valdespino đáp, quay lại phía Julián. “Thần đã nghe xưng tội cả năm mươi năm rồi. Chỉ cần nghe là thần biết ngay đâu là nói dối.”

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

CỘNG ĐỒNG MẠNG BÙNG NỔ CÁC CÂU HỎI

Tiếp sau vụ ám sát Edmond Kirsch, sự ủng hộ đông đảo của cộng đồng mạng đối với nhà vị lai chủ nghĩa đã bùng thành một cơn bão lửa đồn đoán về hai vấn đề bức thiết.

PHÁT HIỆN CỦA KIRSCH LÀ GÌ?

KẸ NÀO GIẾT ÔNG ẤY, VÀ TẠI SAO?

Liên quan đến phát hiện của Kirsch, nhiều giả thuyết đã tràn ngập Internet và bao trùm rất nhiều chủ đề - từ Darwin, đến người ngoài hành tinh, tới Sáng tạo luận và hơn nữa.

Chưa động cơ nào được xác nhận cho vụ giết người này, nhưng các giả thuyết bao gồm sự cuồng tín tôn giáo, hoạt động gián điệp kinh doanh và ghen tuông.

ConspiracyNet đã được hứa hẹn có thông tin độc quyền về kẻ giết người và chúng tôi sẽ chia sẻ với quý vị ngay khi có thêm thông tin.

CHƯƠNG 35

Ambra Vidal đứng một mình trong khoang xuống, giữ chặt lấy chiếc áo khoác của Robert Langdon quanh người mình. Vài phút trước, khi Langdon hỏi tại sao nàng lại đồng ý cưới một người nàng vừa mới quen biết, Ambra đã trả lời rất thành thực.

Mình đâu còn lựa chọn nào khác.

Việc hứa hôn của nàng với Julián là một bất hạnh mà nàng không dám nhớ đến vào tối hôm nay, nhất là với tất cả những chuyện khác đã xảy ra.

Mình bị cài bẫy.

Mình vẫn bị cài bẫy.

Lúc này, khi Ambra nhìn hình ảnh phản chiếu của chính mình trên ô cửa sổ bụi bẩn, nàng cảm thấy một cảm giác cô đơn xâm chiếm lấy mình. Ambra Vidal đâu phải là người chìm đắm trong việc than thân trách phận, nhưng lúc này trái tim nàng cảm thấy mỏng manh dễ vỡ và phiêu du bất định. Mình đã đính hôn với một người đàn ông có can dự đến một vụ giết người tàn bạo.

Hoàng tử đã xác quyết số phận của Edmond bằng một cú điện thoại chỉ một tiếng trước sự kiện. Ambra đang bận tối tăm mặt mũi chuẩn bị cho khách khứa đến thì một nhân viên trẻ xộc vào, hào hứng vẫy vẫy một mảnh giấy.

“¡Señora Vidal! ¡Mensaje para usted!”

Cô gái rất nhẹ dạ và hồn hển giải thích bằng tiếng Tây Ban Nha rằng có một cuộc điện thoại quan trọng vừa gọi tới bộ phận lễ tân bảo tàng.

“Hệ thống nhận diện người gọi của chúng ta,” cô the thé nói, “cho biết đó là Hoàng cung Madrid và vì thế đương nhiên tôi trả

lời! Và đó là một ai đó gọi đến từ văn phòng Hoàng tử Julián!”

“Họ gọi đến lễ tân ư?” Ambra hỏi. “Họ có số điện thoại di động của tôi mà.”

“Trợ lý của hoàng tử nói rằng ông ấy đã thử gọi vào di động của bà,” cô nhân viên giải thích, “nhưng họ không thể liên lạc được.”

Ambra kiểm tra điện thoại của mình. Quái lạ. Không hề có cuộc gọi nhỡ. Sau đó, nàng nhận ra rằng một số kỹ thuật viên đang kiểm tra hệ thống gây nhiễu di động của bảo tàng và trợ lý của Julián chắc chắn đã gọi đến trong lúc điện thoại của nàng bị vô hiệu.

“Có vẻ hoàng tử hôm nay nhận được một cuộc gọi từ một người bạn rất quan trọng ở Bilbao muốn được tham dự sự kiện tối nay.” Cô gái trao cho Ambra mảnh giấy. “Đức ngài hy vọng bà có thể bổ sung một cái tên vào danh sách khách mời tối nay được không?”

Ambra nhìn lời nhắn.

Almirante Luis Ávila (ret.)

Armada Española

Một sĩ quan nghỉ hưu thuộc hải quân Tây Ban Nha ư?

“Họ để lại một số điện thoại và nói bà có thể gọi trực tiếp lại nếu bà muốn thảo luận chuyện này nhưng cũng nhấn rằng Julián sắp có một cuộc họp nên có thể bà sẽ không liên lạc được với Đức ngài. Nhưng người gọi lưu ý rằng hoàng tử rất hy vọng đề nghị này không phải là một sự áp đặt.”

Áp đặt ư? Ambra cố kìm cơn giận. Hãy xem thử những gì anh đã bắt tôi trải qua đi?

“Tôi sẽ lưu tâm chuyện đó,” Ambra nói. “Cảm ơn cô.”

Cô nhân viên trẻ nhún nhảy rời đi như thể cô vừa nhắc lại lời

của Chúa vậy. Ambra trân trân nhìn lời đề nghị của hoàng tử, cảm thấy bức bối vì ông ấy nghĩ rằng hoàn toàn thích hợp để gây ảnh hưởng của mình lên cô theo cách này, đặc biệt sau khi đã ra sức vận động cô đừng có tham gia vào sự kiện tối nay.

Lại một lần nữa, anh không cho tôi lựa chọn nào khác, nàng nghĩ thầm.

Nếu nàng phớt lờ lời đề nghị này, kết quả sẽ là một cuộc đối đầu không lấy gì làm thoải mái với một sĩ quan hải quân có địa vị ở ngay cửa trước. Sự kiện tối nay đã được dàn dựng rất kỹ lưỡng và sẽ thu hút sự đưa tin chưa từng có của truyền thông. *Mình chẳng dại gì lại va chạm khó xử với một trong những người bạn quyền thế của Julián cả.*

Đô đốc Ávila chưa được rà soát kỹ càng hay có tên trong danh sách “ổn thỏa”, nhưng Ambra ngại rằng việc yêu cầu kiểm tra an ninh sẽ vừa không cần thiết vừa mang tính xúc phạm về chính trị. Nói cho cùng, người này là một sĩ quan hải quân có danh vọng có đủ quyền thế để nhắc điện thoại, gọi cho Hoàng cung và xin đức vua tương lai một đặc ân.

Và vậy là, trước một lịch trình nghiêm ngặt, Ambra đưa ra quyết định duy nhất trong khả năng của mình. Nàng viết tên Đô đốc Ávila vào danh sách khách mời tại quầy lễ tân và cũng bổ sung vào cơ sở dữ liệu của hệ thống hướng dẫn để có thể khởi động một chiếc tai nghe cho vị khách mới này.

Sau đó nàng trở lại với công việc.

Và giờ thì Edmond đã chết, Ambra suy nghĩ, quay trở lại với thời khắc hiện tại trong khoảng tối của chiếc taxi nước. Khi nàng cố gắng gạt bỏ những ký ức đau lòng ra khỏi tâm trí, một ý nghĩ lạ lùng chợt đến với nàng.

Mình chưa hề trực tiếp nói chuyện với Julián... toàn bộ lời nhắn

được nhắc lại qua các bên thứ ba.

Ý nghĩ này đem lại một tia hy vọng nhỏ nhoi.

Có lẽ nào Robert đúng? Rằng rất có thể Julián vô tội?

Nàng suy xét một lúc lâu hơn và sau đó vội vã ra ngoài.

Nàng thấy vị giáo sư người Mỹ đang đứng một mình trên mũi xuồng, tay bám trên lan can trong lúc đắm đắm nhìn vào màn đêm. Ambra đến đó cùng ông, giật mình khi thấy chiếc xuồng đã rời nhánh chính lưu của Sông Nervión và giờ đang băng băng hướng về phía bắc dọc theo một phụ lưu nhỏ có vẻ không phải là một con sông mà chỉ là một con kênh khá nguy hiểm có phần bờ đầy bùn đất khá cao. Nước nông và phần mạn tàu sát sàn sạt khiến Ambra thấy lo, nhưng người điều khiển chiếc xuồng của họ dường như chẳng hề lúng túng, cứ lao vun vút dọc theo lối đi chật hẹp này với tốc độ tối đa, đèn pha chiếu sáng đường đi.

Nàng nhanh chóng kể với Langdon về cuộc gọi từ văn phòng của Hoàng tử Julián. “Tất cả những gì tôi thật sự biết là quây lể tân của bảo tàng nhận được một cuộc gọi xuất phát từ Hoàng cung Madrid. Về mặt kỹ thuật, cuộc gọi đó có thể là từ bất kỳ ai ở đó tự xưng là trợ lý của Julián.”

Langdon gật đầu. “Đó có thể là lý do người đó chọn cách nhắc lại lời đề nghị cho cô chứ không phải trực tiếp nói với cô. Cô có nghĩ ra ai có thể là kẻ liên can không?” Nghĩ đến câu chuyện của Edmond với Valdespino, Langdon có khuynh hướng nhắm tới chính vị Giám mục.

“Có thể là bất kỳ ai,” Ambra nói. “Ngay lúc này là thời điểm rất tế nhị ở hoàng cung. Với việc Julián giành lấy sân khấu trung tâm, rất nhiều cổ vấn già cả đang tranh nhau tìm ân huệ và lấy lòng Julián. Đất nước này đang thay đổi và tôi nghĩ rất

nhều cận vệ già ra sức duy trì quyền thế.”

“Chà, cho dù là ai liên can,” Langdon nói, “chúng ta hãy hy vọng bọn họ không nghĩ ra việc chúng ta đang cố xác định mật khẩu của Edmond và công bố phát hiện của cậu ấy.”

Trong lúc nói những lời này, Langdon cảm thấy thử thách của họ thật vô cùng đơn giản.

Ông cũng cảm nhận được sự nguy hiểm rất rõ của nó.

Edmond bị sát hại để ngăn thông tin này được công bố.

Nhất thời, Langdon bắn khoản liệu lựa chọn an toàn nhất của mình có phải là chỉ việc từ sân bay bay thẳng về nhà và để cho ai đó khác xử lý toàn bộ chuyện này không.

An toàn, phải, ông nghĩ thầm, nhưng một lựa chọn... không.

Langdon cảm thấy có nghĩa vụ rất lớn với người học trò cũ của mình, cùng với sự tổn thương về mặt đạo đức khi một đột phá khoa học lại có thể bị kiểm duyệt một cách tàn bạo như vậy. Ông cũng cảm thấy có sự tò mò rất mạnh về tri thức muốn biết chính xác xem Edmond đã phát hiện được gì.

Và cuối cùng, Langdon biết, còn Ambra Vidal nữa.

Người phụ nữ ấy rõ ràng đang rơi vào khủng hoảng và khi nàng nhìn thẳng vào mắt ông và cầu xin giúp đỡ, Langdon cảm nhận được ở nàng sự tin tưởng cá nhân và sự tự lực rất sâu sắc... nhưng ông cũng thấy những đám mây nặng nề của nỗi sợ hãi và day dứt. Còn *những bí mật ở đó*, ông cảm thấy vậy, *tôi tìm và bị giam hãm. Cô ấy đang cố tìm kiếm sự giúp đỡ.*

Ambra đột ngột ngược mắt, như thể cảm nhận được những suy nghĩ của Langdon.

“Trông anh lạnh đấy,” nàng nói. “Anh cần lấy lại áo khoác của mình.”

Ông mỉm cười dịu dàng. “Tôi ổn mà.”

“Anh có nghĩ anh nên rời khỏi Tây Ban Nha ngay khi chúng ta tới sân bay không?”

Langdon cười to. “Thực tế, chuyện đó có nảy ra trong suy nghĩ của tôi.”

“Xin anh đây.” Nàng chìa tay về phía lan can và đặt bàn tay mềm mại của mình lên trên tay ông. “Tôi không dám chắc những gì chúng ta đang phải đối mặt tối nay. Anh rất gần gũi với Edmond và anh ấy nói với tôi không dưới một lần rằng anh ấy đánh giá cao tình bạn của anh và tin tưởng vào quan điểm của anh nhiều như thế nào. Tôi sợ lắm, Robert, và tôi thật sự không nghĩ mình có thể một mình đương đầu với chuyện này.”

Những lời chân thật chợt vô tình bộc phát ra của Ambra khiến Langdon rất ngạc nhiên và cũng thấy chúng vô cùng quyến rũ. “Được rồi,” ông gật đầu nói. “Cô và tôi đều nợ Edmond và, thành thật mà nói, cả cộng đồng khoa học nữa, việc tìm ra mật khẩu và công bố công trình của cậu ấy.”

Ambra mỉm cười dịu dàng. “Cảm ơn anh.”

Langdon liếc về phía chiếc xuống. “Tôi cho rằng mấy đặc vụ Cận vệ của cô giờ đã nhận ra chúng ta rời khỏi bảo tàng rồi.”

“Đương nhiên. Nhưng Winston cũng khá ấn tượng, phải không?”

“Thật phi thường,” Langdon đáp, đến giờ mới chỉ bắt đầu hiểu được sự đột phá mà Edmond đã tạo ra trong việc phát triển trí thông minh nhân tạo. Cho dù “những công nghệ đột phá độc quyền” của Edmond là gì thì rõ ràng anh cũng đường đường mở ra một thế giới mới mẻ và can đảm của con người - tương tác máy tính.

Tối nay, Winston đã chứng tỏ mình là một nhân viên trung thành với người sáng tạo ra nó cũng như là một đồng minh vô

giá của Langdon và Ambra. Chỉ trong mấy phút, Winston đã xác định được một mối đe dọa trong danh sách khách mời, cố gắng ngăn cản vụ ám sát Edmond, xác minh được chiếc xe bỏ trốn, và tạo thuận lợi cho Langdon và Ambra thoát khỏi bảo tàng.

“Chúng ta hãy hy vọng Winston đã điện trước để báo với phi công của Edmond,” Langdon nói.

“Tôi chắc nó làm rồi,” Ambra nói. “Nhưng anh nói đúng. Tôi cần gọi cho Winston để kiểm tra cho chắc.”

“Khoan đã,” Langdon nói, tỏ ý ngạc nhiên. “Cô có thể gọi được cho Winston sao? Khi chúng ta rời khỏi bảo tàng và ra ngoài tầm phủ sóng, tôi cứ nghĩ...”

Ambra bật cười và lắc đầu. “Robert, Winston đâu có đặt bên trong Guggenheim. Nó được bố trí ở một cơ sở máy tính bí mật đâu đó và được truy cập từ xa mà. Thế ra anh thật sự nghĩ Edmond sẽ tạo dựng một nguồn tài nguyên như Winston mà lại không thể liên lạc được với nó bất kỳ lúc nào, ở bất cứ đâu trên thế giới à? Edmond nói chuyện với Winston mọi lúc - ở nhà, khi đi lại, khi ra ngoài đi bộ - hai bên có thể kết nối bất kỳ lúc nào chỉ bằng một cuộc điện thoại đơn giản. Tôi đã thấy Edmond nói chuyện hàng giờ với Winston. Edmond sử dụng nó như một trợ lý riêng - để đặt chỗ ăn tối, phối hợp với phi công của anh ấy, làm bất kỳ việc gì cần làm. Thực tế, khi chúng tôi chuẩn bị cho buổi trình diễn ở bảo tàng, tôi nói chuyện với Winston khá thường xuyên qua điện thoại.”

Ambra thò tay vào túi chiếc áo khoác đuôi tôm của Langdon và lấy chiếc điện thoại vỏ ngọc lam của Edmond ra, khởi động máy. Langdon đã tắt nó đi lúc ở trong bảo tàng để tiết kiệm pin.

“Anh nên bật cả điện thoại của mình lên,” nàng nói, “như thế cả hai chúng ta đều tiếp cận được với Winston.”

“Cô không lo bị lần ra nếu chúng ta bật những thứ này lên sao?”

Ambra lắc đầu. “Giới chức không có thời gian để có được lệnh cần thiết của tòa án đâu, cho nên tôi nghĩ cứ mạo hiểm thôi - đặc biệt nếu Winston có thể cập nhật cho chúng ta tiến triển của Cận vệ và tình hình ở sân bay.”

Đây bản khoản, Langdon bật điện thoại của mình lên và nhìn nó khởi động. Khi màn hình cơ sở hiện ra, ông nheo mắt nhìn vào màn sáng và nhói lên cảm giác dễ bị tấn công, như thể ông vừa lập tức có thể bị mọi vệ tinh trong không gian định vị vậy.

Mày đã xem nhiều phim điệp viên quá rồi, ông tự nhủ.

Đột nhiên, điện thoại của Langdon bắt đầu phát ra những tiếng “ting ting” và rung lên khi cả một danh sách tin nhắn chưa nhận trong buổi tối hôm nay dồn tới. Langdon hết sức kinh ngạc khi nhận tới hơn hai trăm tin nhắn và e-mail kể từ lúc tắt điện thoại đi.

Trong khi lướt xem hộp thư, ông nhận thấy các tin nhắn đều từ bạn bè và đồng nghiệp của mình. Những e-mail đầu đầu có dòng tiêu đề chúc mừng - *Bài giảng tuyệt vời! Không tin nổi anh ở đó!* Nhưng sau đó, rất đột ngột, giọng điệu của các tiêu đề chuyển sang lo lắng và vô cùng quan tâm, trong đó có một tin nhắn từ biên tập viên sách của ông, Jonas Faukman: CHÚA ƠI... ROBERT, ANH ỔN CHỨ??!! Langdon chưa bao giờ thấy vị biên tập viên uyên bác của mình sử dụng hoàn toàn chữ hoa hay dấu câu lặp thế này.

Cho tới lúc này, Langdon vẫn đang cảm thấy hoàn toàn vô hình trong bóng tối của sông nước Bilbao, như thể vụ việc bảo tàng chỉ là một giấc mơ đang tan dần.

Chuyện lan khắp thế giới, ông nhận ra như vậy. Tin tức về phát

hiện bí mật và vụ sát hại tàn bạo của Kirsch... cùng với tên và gương mặt mình.

“Winston đang cố liên lạc với chúng ta,” Ambra nói, mắt đắm đắm nhìn quanh sáng từ chiếc điện thoại di động của Kirsch. “Edmond đã nhận được năm mươi ba cuộc gọi nhỡ trong nửa tiếng qua, tất cả đều từ cùng một số, đều đặn cách nhau đúng ba mươi giây.” Nàng cười khẽ. “Sự kiên trì không mệt mỏi này là một trong nhiều đức tính của Winston.”

Vừa hay, điện thoại Edmond bắt đầu đổ chuông.

Langdon mỉm cười với Ambra. “Tôi tự hỏi là ai không biết.”

Nàng chìa điện thoại cho ông. “Trả lời đi.”

Langdon nhận điện thoại và ấn nút loa. “Xin chào?”

“Giáo sư Langdon,” giọng Winston vang lên với ngữ điệu Anh quen thuộc. “Tôi rất mừng chúng ta lại liên lạc trở lại. Tôi vẫn đang cố gắng tiếp cận ngài.”

“Vâng, chúng tôi có thể thấy điều đó,” Langdon đáp, thấy ấn tượng rằng máy tính nghe hoàn toàn bình tĩnh và không hề bối rối sau năm mươi ba cuộc gọi nhỡ nối tiếp nhau.

“Có một vài diễn biến mới,” Winston nói. “Rất có khả năng cơ quan chức năng ở sân bay sẽ được cảnh báo tên ngài trước khi ngài đến. Một lần nữa, tôi nhắc ngài làm theo chỉ dẫn của tôi thật cẩn trọng.”

“Chúng tôi đang trong tay anh, Winston,” Langdon nói. “Cứ nói cho chúng tôi biết cần làm gì.”

“Việc trước tiên, thưa Giáo sư,” Winston nói, “nếu các vị chưa vứt bỏ điện thoại di động của mình, các vị cần làm việc đó ngay lập tức.”

“VẬY sao?” Langdon nắm chiếc điện thoại của mình chặt hơn. “Không phải là giới chức cần có lệnh của tòa án trước khi

bất kỳ ai.”

“Có lẽ là trên một chương trình cảnh sát Mỹ thì vậy, nhưng các vị đang đương đầu với Cận vệ Hoàng gia và Hoàng cung Tây Ban Nha. Họ sẽ làm những gì cần thiết.”

Langdon nhìn chiếc điện thoại của mình, cảm thấy do dự một cách kỳ lạ khi phải bỏ nó. *Cả cuộc đời mình nằm ở trong đó.*

“Thế còn điện thoại của Edmond?” Ambra hỏi, nghe rất lo lắng.

“Không truy vết được,” Winston đáp. “Edmond luôn lo ngại chuyện bị đột nhập và gián điệp doanh nghiệp. Đích thân ông ấy đã viết một chương trình che phủ IMEI/IMSI chuyên thay đổi các giá trị C2 cho điện thoại của mình để qua mặt bất kỳ thiết bị chặn GSM nào.”

Dĩ nhiên cậu ấy làm vậy rồi, Langdon nghĩ. Với thiên tài tạo ra Winston, qua mặt một công ty điện thoại địa phương là chuyện dễ như ăn kẹo.

Langdon cau mày nhìn chiếc điện thoại hạ cấp thấy rõ của mình. Vừa lúc đó, Ambra đưa tay và nhẹ nhàng lấy nó khỏi tay ông. Không nói lời nào, nàng đưa nó qua hàng rào chắn và buông tay. Langdon nhìn chiếc điện thoại rơi bồm xuống làn nước đen sì của Sông Nervión. Khi nó biến mất bên dưới mặt nước, ông cảm nhận được nỗi đau mất mát, cứ trần trần nhìn lại phía sau trong khi chiếc xuồng băng băng đi tới.

“Anh Robert,” Ambra thì thầm, “chỉ cần nhớ những lời nói khôn ngoan của Công chúa Elsa hãng Disney.”

Langdon quay lại. “Sao cơ?”

Ambra mỉm cười dịu dàng. “Cứ để vậy đi.”

CHƯƠNG 36

“*Su misión todavía no ha terminado,*” giọng nói trên điện thoại của Ávila rành rọt. Nhiệm vụ của anh chưa hoàn tất đâu.

Ávila ngồi thẳng đầy chăm chú trên ghế sau chiếc Uber trong khi nghe tin tức từ ông chủ của mình.

“Chúng ta gặp một tình thế phức tạp bất ngờ.” Người liên hệ với ông ta nói nhanh bằng tiếng Tây Ban Nha. “Chúng tôi cần anh chuyển hướng tới Barcelona. Ngay lập tức.”

Barcelona? Ávila đã được báo sẽ tới Madrid để giải quyết thêm việc.

“Chúng tôi có lý do để tin rằng”, giọng nói tiếp tục, “hai cộng sự của Kirsch đang tới Barcelona tối nay với hy vọng tìm cách kích hoạt bài thuyết trình của Kirsch từ xa.”

Ávila cứng người. “Chuyện đó có thể sao?”

“Chúng tôi chưa dám chắc chắn, nhưng nếu bọn họ thành công, rõ ràng nó sẽ đảo ngược toàn bộ công việc vất vả của anh. Tôi cần một người hiện diện ở Barcelona ngay. Kín đáo. Hãy tới đó càng nhanh càng tốt và gọi cho tôi.”

Nói xong câu đó, kết nối bị ngắt.

Kỳ lạ là tin xấu lại tạo cảm giác rất vui mừng với Ávila. Ta vẫn được cần đến. Barcelona xa hơn hẳn Madrid nhưng vẫn chỉ là vài tiếng với tốc độ tối đa trên một siêu xa lộ vào lúc nửa đêm. Không để phí một khắc, Ávila giơ súng lên và gí vào đầu người lái Uber. Hai tay người ấy trên vô lăng căng cứng thấy rõ.

“*Llévame a Barcelona,*” Ávila ra lệnh.

Người lái xe thoát ở lố ra tiếp theo, chạy về phía Vitoria-Gasteiz, cuối cùng tăng tốc vào xa lộ A-1, thẳng tiến về phía

đông. Hai phương tiện khác duy nhất trên đường vào giờ này là hai chiếc đầu kéo âm âm như sấm, lao vun vút để hoàn tất chặng đường tới Pamplona, rồi Huesca, tiếp đến là Lleida, và cuối cùng tới một trong những thành phố cảng lớn nhất ở Địa Trung Hải - Barcelona.

Ávila chắc chắn không tin vào chuỗi sự kiện lạ lùng đã đưa ông ta đến thời khắc này. Từ vực sâu nỗi tuyệt vọng thăm thẳm nhất của ta, ta vươn tới thời khắc phụng sự vinh quang nhất của mình.

Trong một khoảnh khắc u tối, Ávila vụt quay lại hố sâu không đáy đó, trườn ngang qua bàn thờ sặc sụa khói tại Nhà thờ lớn Seville, sục tìm vợ và con mình trong đồng đồ nát vương đầy máu me, chỉ để nhận ra rằng họ đã ra đi mãi mãi.

Suốt hàng tuần sau vụ tấn công, Ávila không rời khỏi nhà mình. Ông ta nằm run rẩy trên đi văng, bị hành hạ bởi một cơn ác mộng bất tận dù vẫn tỉnh táo, trong đó, lũ quỷ hung hãn kéo ông ta xuống một vực thăm thẳm tối, bủa vây ông ta trong bóng đen, sự cuồng nộ và tội lỗi đến nghẹt thở.

“Vực thăm ấy là luyện ngục,” một nữ tu thì thào bên tai ông. Bà ấy là một trong số hàng trăm tư vấn viên giúp xoa dịu nỗi đau, được Giáo hội đào tạo để trợ giúp những người sống sót. “Linh hồn con đang bị mắc kẹt trong một ngục tù tăm tối. Tha tội là lối thoát duy nhất. Con phải tìm cách tha thứ cho những người làm việc này, hoặc cơn giận của con sẽ đánh gục con.” Bà làm dấu thánh giá. “Tha thứ là sự cứu rỗi duy nhất của con.”

Tha thứ ư? Ávila gượng nói, nhưng quỷ sứ đã bóp nghẹt họng ông ta. Thời điểm ấy, có cảm giác báo thù là sự giải thoát duy nhất. Nhưng báo thù ai? Chẳng hề có ai nhận trách nhiệm về vụ đánh bom cả.

“Ta nhận thấy những hành động khủng bố tôn giáo là không

thể tha thứ,” nữ tu sĩ nói tiếp. “Thế nhưng, có thể sẽ hữu ích khi nhớ rằng tín điều của chính chúng ta đã từng mở ra một Tòa án dị giáo kéo dài hàng thế kỷ nhân danh Thiên Chúa của chúng ta. Chúng ta đã giết những người phụ nữ và trẻ em vô tội nhân danh những niềm tin của chúng ta. Vì chuyện này, chúng ta phải xin thể giới tha thứ và cả từ chính chúng ta. Và theo thời gian, chúng ta đã làm lành.”

Rồi bà đọc cho ông ta nghe từ Kinh thánh: “‘Đừng chống cự người làm ác, nếu bị ai tát má bên phải thì hãy đưa luôn má bên trái cho họ. Hãy luôn yêu kẻ thù, hãy làm điều tốt cho những người ghét mình, hãy làm phúc cho những người nguyên rửa mình và cầu nguyện cho những người ngược đãi mình.’”

Đêm đó, cô đơn và đau đớn, Ávila trân trân nhìn vào gương. Người đàn ông nhìn lại ông ta là một kẻ xa lạ. Những lời của nữ tu sĩ chẳng giúp làm dịu nỗi đau của ông ta.

Tha thứ ư? Chìa má còn lại của ta ra!

Ta vừa chứng kiến cái ác không thể nào tha thứ được!

Trong cơn điên giận càng lúc càng ngùn ngụt, Ávila vung nắm tay đâm vào gương, khiến kính vỡ thành từng mảnh và gục xuống nước nở đau khổ ngay trên sàn phòng tắm.

Là một sĩ quan hải quân chuyên nghiệp, Ávila luôn là người biết kiểm soát - một chiến sĩ có kỷ luật, danh dự và tuân thủ thứ bậc chỉ huy - nhưng con người đó đã ra đi. Chỉ trong vài tuần, Ávila rơi vào trạng thái hoang mang, tìm quên lãng trong hỗn hợp mạnh của rượu và thuốc kê theo đơn. Chẳng mấy chốc, khát khao về hiệu ứng tê liệt của ông ta ngốn hết những giờ phút tỉnh táo, biến ông ta thành một kẻ lánh đời đầy thù hận.

Chỉ trong vài tháng, hải quân Tây Ban Nha âm thầm buộc ông ta nghỉ hưu. Như một chiến hạm hùng mạnh một thời giờ

đây mắc lại trong một cẳng cạm, Ávila biết mình sẽ chẳng bao giờ ra khỏi nữa. Lực lượng hải quân mà ông ta cống hiến cả đời để lại cho ông ta một khoản tiền lương khiêm tốn vừa đủ cho ông ta sống.

Ta năm mươi tám tuổi rồi, ông ta nhận ra vậy. Và ta chẳng có gì.

Ông ta mất nhiều ngày ngồi một mình trong phòng khách, xem TV, uống vodka và chờ đợi bất kỳ tia sáng nào xuất hiện. *La hora más oscura es justo antes del amanecer*, ông ta cứ nhủ đi nhủ lại bản thân như vậy. Nhưng câu cách ngôn xưa cũ ấy của lực lượng hải quân hết lần này đến lần khác đều không đúng. Giờ khắc tăm tối nhất không phải là ngay trước lúc bình minh, ông ta cảm thấy như vậy. Bình minh không bao giờ xuất hiện.

Vào ngày sinh nhật lần thứ năm mươi chín của mình, đúng một sáng thứ năm mưa dầm dề, trần trần nhìn cái vỏ chai vodka rỗng và tờ thông báo đuổi ra khỏi nhà, Ávila thu hết can đảm tới tủ quần áo, lấy khẩu súng ngắn hải quân của mình xuống, lên đạn và kê nòng súng vào thái dương mình.

“*Perdóname*” ông ta thì thào và nhắm mắt lại. Rồi ông ta siết cò. Tiếng nổ nhẹ hơn ông ta hình dung rất nhiều. Một tiếng cạch hơn là một phát súng nổ.

Tàn nhẫn thay, khẩu súng không nổ. Những năm tháng nằm trong chiếc tủ bụi bặm mà không được lau chùi rõ ràng đã làm hỏng khẩu súng nghi thức rẻ tiền của ngài đô đốc. Dường như ngay cả hành động hèn nhát đơn giản này cũng vượt ngoài khả năng của Ávila.

Giận dữ, ông ta ném mạnh khẩu súng vào tường. Lần này, một tiếng nổ vang động căn phòng. Ávila cảm thấy một cảm giác nóng rát xé qua đùi mình và màn sương say xỉn của ông ta tan biến trong một cơn đau đớn kinh khủng. Ông khuỵu xuống

sàn hét lên đau đớn và ôm chặt cái chân rùng rùng máu của mình.

Những người hàng xóm hốt hoảng đập cửa phòng ông ta, tiếng còi rít lên, và chẳng mấy chốc Ávila thấy mình ở Bệnh viện tỉnh San Lázaro của Seville, cố gắng giải thích chuyện ông ta đã tìm cách tự sát bằng cách bắn trúng chân như thế nào.

Sáng hôm sau, khi nằm trong phòng hồi sức, suy nhược và nhọc nhã, Đô đốc Luis Ávila có một vị khách.

“Ông đúng là thứ chẳng ra sao,” người thanh niên nói bằng tiếng Tây Ban Nha. “Không có gì lạ khi người ta buộc ông về hưu.”

Ávila chưa kịp trả lời, gã đàn ông đã mở tung rèm cửa sổ và để cho ánh mặt trời ủa vào. Ávila che mắt, giờ có thể nhìn thấy rằng “thằng ranh ấy” khá vạm vỡ và để kiểu đầu gần như cạo trọc. Anh ta mặc một cái áo phông có gương mặt Jesus trên đó.

“Tên tôi là Marco,” anh ta nói, chất giọng Andaluz. “Tôi là huấn luyện viên phục hồi của ông. Tôi đề nghị được phân công giúp ông bởi vì ông và tôi có điểm chung.”

“Quân sự à?” Ávila nói, nhận ra thái độ xác xược của anh ta.

“Không.” Gã trai kia nhìn thẳng vào Ávila. “Tôi có mặt ở đó vào sáng Chủ nhật ấy. Trong nhà thờ. Vụ tấn công khủng bố.”

Ávila trân trối nhìn không tin nổi. “Cậu đã ở đó?”

Gã trai cúi xuống và kéo một ống quần thun của mình lên, để lộ ra một chiếc chân giả. “Tôi nhận thấy ông đã trải qua địa ngục, nhưng tôi thì đang chơi bóng đá bán chuyên nghiệp, cho nên đừng mong có sự cảm thông quá nhiều ở tôi. Tôi thuộc tuýp người Chúa chỉ giúp những ai biết giúp chính mình nhiều hơn đây.”

Ávila còn chưa biết chuyện gì xảy ra thì Marco đã nhắc ông ta

vào một chiếc xe lăn, đẩy dọc hành lang tới một phòng tập nhỏ và dựng ông ta dậy giữa hai thanh xà kép.

“Việc này sẽ rất đau đớn,” gã trai nói, “nhưng hãy cố gắng đi tới đầu bên kia. Chỉ cần làm một lần thôi. Sau đó, ông có thể ăn sáng.”

Cơn đau thật không thể chịu nổi, nhưng Ávila không định kêu than với người chỉ còn một chân duy nhất, cho nên dùng hai tay để chống đỡ hầu hết trọng lực của mình, ông ta lê hết quãng đường tới đầu kia cặp xà.

“Tuyệt vời,” Marco nói. “Giờ hãy làm lại xem.”

“Nhưng cậu nói...”

“Phải, tôi nói dối đấy. Làm lại đi.”

Ávila nhìn gã trai, sửng sồ. Vị đô đốc đã không nhận một mệnh lệnh nào suốt nhiều năm, và lạ thay, ông ta thấy có gì đó rất mới lạ trong chuyện đó. Nó khiến ông ta cảm thấy trẻ trung... đúng như ông ta đã cảm thấy khi còn là một anh chàng lính mới tò te nhiều năm trước. Ávila quay người lại và bắt đầu lê lét trở lại đầu kia.

“Giờ hãy cho tôi biết,” Marco nói. “Ông vẫn đi dự các buổi lễ ở nhà thờ lớn Seville phải không?”

“Không bao giờ.”

“Sợ à?”

Ávila lắc đầu. “Cảm giận.”

Marco phá lên cười. “Phải, để tôi đoán nhé. Đám nữ tu bảo ông hãy tha thứ cho những kẻ tấn công chứ gì?”

Ávila dừng sửng lại trên xà. “Chính xác!”

“Tôi cũng vậy. Tôi đã cố. Không thể được. Đám nữ tu cho chúng ta một lời khuyên kinh khủng.” Gã kia cười.

Ávila nhìn chiếc áo Jesus của gã trai trẻ. “Nhưng xem ra cậu

vẫn...”

“Ồ phải, tôi vẫn hoàn toàn là một tín đồ Thiên Chúa giáo. Mộ đạo hơn bao giờ hết. Tôi thật may tìm được nhiệm vụ của mình... giúp các nạn nhân của kẻ thù của Chúa.”

“Một sự nghiệp cao quý,” Ávila nói vẻ thêm thường, cảm thấy cuộc đời của chính mình thật thiếu mục đích nếu không còn gia đình hay lực lượng hải quân.

“Một đại nhân đã giúp đưa tôi trở lại với Chúa,” Marco nói tiếp. “Người đó là giáo hoàng. Tôi đã trực tiếp được gặp ngài nhiều lần.”

“Tôi xin lỗi... là giáo hoàng ư?”

“Phải.”

“Như là... lãnh tụ của Giáo hội Công giáo à?”

“Phải. Nếu ông muốn, tôi có thể sắp xếp một cuộc diện kiến cho ông.”

Ávila trân trối nhìn gã trai như thể anh ta bị mất trí. “Cậu có thể giúp tôi diện kiến giáo hoàng ư?”

Marco có vẻ khó chịu. “Tôi nhận thấy ông là một sĩ quan hải quân cao cấp và không thể hình dung được rằng một huấn luyện viên thể chất què quặt từ Seville lại tiếp cận được người đại diện của Chúa, nhưng tôi đang nói với ông sự thật. Tôi có thể thu xếp một cuộc gặp với ngài nếu ông thích. Ngài rất có thể sẽ giúp ông tìm đường trở lại, giống như cách ngài đã giúp tôi.”

Ávila tì lên mấy thanh xà, không biết phải trả lời sao. Ông ta tôn sùng giáo hoàng khi đó - một thủ lĩnh bảo thủ kiên định rao giảng về sự tôn trọng truyền thống và chánh tín tuyệt đối. Rủi thay, ngài bị chỉ trích từ mọi phía của cái thế giới đang hiện đại hóa, và có sự bất bình không nói ra rằng sớm muộn ngài cũng sẽ chọn cách nghỉ hưu khi đối diện với áp lực ngày càng tăng

của chủ nghĩa tự do. “Dĩ nhiên tôi rất vinh hạnh được gặp ngài, nhưng...”

“Tốt lắm,” Marco ngắt lời. “Tôi sẽ thử sắp xếp việc đó vào ngày mai.”

Ávila không bao giờ hình dung được rằng ngày hôm sau ông ta sẽ thấy mình ngồi tận trong một thánh đường an toàn, đối diện với một vị thủ lĩnh quyền lực dạy cho ông ta bài học tôn giáo có sức thuyết phục nhất trong đời mình.

Có rất nhiều con đường đi tới cứu rỗi.

Tha thứ không phải con đường duy nhất.

CHƯƠNG 37

Nằm ở tầng trệt cung điện Madrid, thư viện hoàng gia là một dãy buồng trang trí rất tráng lệ nơi chứa hàng nghìn bộ sách vô giá, trong đó có cả cuốn *Book of Hours* của Nữ hoàng Isabella, các cuốn Kinh thánh dùng riêng của một vài vị vua, và một bộ sách chép tay bọc sắt từ thời Alfonso XI.

Garza vội vã bước vào, không hề muốn để hoàng tử một mình trên gác trong sự kiểm soát của Valdespino quá lâu. Ông vẫn đang cố lý giải cái tin Valdespino từng gặp Kirsch chỉ vài ngày trước và quyết định giữ bí mật cuộc gặp ấy. Kể cả dưới ánh sáng của bài thuyết trình và vụ sát hại Kirsch tối nay ư?

Garza đi qua bóng tối mênh mông của thư viện tiến về phía cán bộ điều phối quan hệ công chúng Mónica Martín, vẫn đang đợi trong bóng tối, tay cầm chiếc máy tính bảng còn sáng của mình.

“Tôi biết ngài rất bận, thưa sếp,” Martín nói, “nhưng chúng ta có một tình huống cực kỳ nhạy cảm về thời gian. Tôi lên gác tìm ngài vì trung tâm an ninh của ta nhận được một e-mail rất đáng ngại từ ConspiracyNet.com.”

“Từ ai cơ?”

“ConspiracyNet là một địa chỉ theo thuyết âm mưu rất quen thuộc. Chất báo chí thì rất tệ, và giọng văn viết như trẻ con, nhưng họ lại có hàng triệu người theo dõi. Họ tung tin giả mạo, nhưng địa chỉ này lại rất được coi trọng trong giới thuyết âm mưu.”

Trong suy nghĩ của Garza, mấy cụm từ “được coi trọng” và “thuyết âm mưu” dường như loại trừ nhau.

“Họ phát tin đặc biệt về tình hình của Kirsch cả tối nay,” Martín nói tiếp. “Tôi không biết họ có được thông tin từ đâu nhưng địa chỉ này trở thành một đầu mối cho các blogger tin tức và những người theo thuyết âm mưu. Ngay cả các kênh phát thanh truyền hình cũng tìm tới họ để có tin đặc biệt.”

“Đi vào vấn đề đi,” Garza giục.

“ConspiracyNet có thông tin mới liên quan đến hoàng cung,” Martín nói, đẩy cặp kính trên mặt cô nhích lên. “Họ sắp công bố tin đó trong vòng mười phút nữa và muốn cho chúng ta cơ hội bình luận trước.”

Garza trần trối nhìn người phụ nữ trẻ không tin nổi. “Hoàng cung không bình luận về tin đồn giết gân!”

“Ít nhất ngài cứ xem thử, thưa sếp.” Martín chìa chiếc máy tính bảng của mình ra.

Garza giật lấy màn hình và thấy mình nhìn ngay ra bức ảnh thứ hai của đô đốc hải quân Luis Ávila. Bức ảnh không có trọng tâm, như thể được chụp ngẫu nhiên, và cho thấy Ávila trong bộ đồng phục trắng đang sải bước trước một bức tranh. Trông như thể nó được chụp bởi một người tham quan bảo tàng đang cố chụp một tác phẩm nghệ thuật và ngẫu nhiên chụp được Ávila khi ông ta bước lọt vào khung hình.

“Tôi biết diện mạo Ávila,” Garza gắt, nôn nóng quay trở lại chỗ hoàng tử và Valdespino. “Sao cô cho tôi xem thứ này?”

“Xin hãy chuyển sang bức ảnh tiếp theo.”

Garza chuyển màn hình. Màn hình tiếp theo cho thấy hình phóng to của bức ảnh - lần này tập trung vào bàn tay phải của vị đô đốc vung ra phía trước. Garza lập tức nhìn thấy một dấu hiệu trên bàn tay Ávila. Có vẻ đó là một hình xăm. □

Garza đăm đăm nhìn hình đó một lúc lâu. Cái biểu tượng ấy

ông biết rất rõ, cũng như nhiều người Tây Ban Nha, đặc biệt là những thế hệ lớn tuổi.

Biểu tượng của Franco.

Được trang trí ở nhiều nơi tại Tây Ban Nha suốt giai đoạn giữa thế kỷ XX, biểu tượng này đồng nghĩa với chế độ độc tài siêu bảo thủ của Tướng Francisco Franco, với thể chế tàn bạo ủng hộ chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa độc đoán, chủ nghĩa quân sự, Công giáo Dân tộc và chống chủ nghĩa tự do.

Garza biết, cái biểu tượng cũ này gồm sáu chữ cái, mà khi được ghép với nhau, đánh vần thành một từ duy nhất trong tiếng Latin - một từ định nghĩa rất chuẩn cho sự tự nhận thức của Franco.

Victor.

Tàn nhẫn, hung bạo, và không nhân nhượng, Francisco Franco lên nắm quyền với sự ủng hộ quân sự của Đức Quốc xã và Italy thời Mussolini. Ông ta đã giết hàng nghìn người đối lập với mình trước khi giành trọn quyền kiểm soát đất nước năm 1939 và tuyên bố mình là *El Caudillo* - cụm từ tiếng Tây Ban Nha tương đương với Nhà Lãnh đạo. Suốt thời Nội chiến và cho tới tận những năm đầu của chế độ độc tài, những người dám chống đối ông ta đều biến mất trong các trại tập trung, nơi ước tính có ba trăm nghìn người đã bị hành quyết.

Mô tả bản thân như là người bảo vệ “Tây Ban Nha Công giáo” và là kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản vô thần, Franco có tâm tính trọng nam hoàn toàn, chính thức gạt bỏ phụ nữ khỏi nhiều vị trí quyền lực trong xã hội, không dành cho họ bất kỳ quyền gì về chuyên môn, tư pháp, tài khoản ngân hàng, hay thậm chí quyền được thoát khỏi một người chồng ngược đãi. Ông ta thủ tiêu mọi cuộc hôn nhân không được thực hiện theo giáo lý Công giáo, và bên cạnh những điều cấm đoán khác, ông ta cấm

ly hôn, phòng tránh thai, phá thai và tình dục đồng giới.

Rất may, giờ đây mọi thứ đã thay đổi.

Mặc dù vậy, Garza cũng thấy kinh ngạc trước việc đất nước này quên một trong những giai đoạn đen tối nhất trong lịch sử của mình mới nhanh làm sao.

Hiệp ước *pacto de olvido* của Tây Ban Nha - một thỏa ước chính trị toàn quốc nhằm “quên” mọi thứ đã xảy ra dưới ách cai trị nghiệt ngã của Franco - có nghĩa là học sinh ở Tây Ban Nha được dạy rất ít về nhà độc tài. Một cuộc khảo sát ở Tây Ban Nha cho thấy rằng thiếu niên dễ nhận ra diễn viên James Franco hơn là nhà độc tài Francisco Franco.

Tuy nhiên, các thế hệ lớn tuổi hơn sẽ không bao giờ quên. Cái biểu tượng kẻ chiến thắng này - giống như chữ thập ngoặc của Quốc xã - vẫn có thể gợi lên nỗi sợ hãi trong lòng những người đủ lớn tuổi để nhớ về những năm tháng tàn bạo ấy. Tới tận bây giờ, những người cảnh giác vẫn khuyên rằng những nhánh cao cấp nhất trong chính phủ Tây Ban Nha và Giáo hội Công giáo vẫn che giấu một bộ phận bí mật những kẻ ủng hộ Franco - một nhóm tín hữu bí mật gồm những kẻ theo chủ nghĩa truyền thống thề đưa Tây Ban Nha trở lại với những nhận thức cực hữu của thế kỷ vừa qua.

Garza phải thừa nhận rằng có rất nhiều người thủ cựu soi xét tình trạng hỗn loạn và đời sống tinh thần nhạt nhẽo của Tây Ban Nha đương đại và cảm thấy rằng đất nước này chỉ có thể cứu vớt được bởi một tôn giáo nhà nước mạnh hơn, một chính phủ chuyên chế hơn, và việc áp đặt những nguyên tắc đạo đức rõ ràng hơn.

Hãy nhìn đám thanh niên của các người xem! Họ hô vang như vậy. Bọn chúng đều lênh phênh vật vờ!

Những tháng gần đây, với việc ngai vàng Tây Ban Nha chẳng mấy chốc sẽ thuộc về Hoàng tử Julián trẻ tuổi hơn, có tâm lý sợ hãi ngày càng tăng trong những người theo chủ nghĩa truyền thống rằng Hoàng cung chẳng chóng thì chầy sẽ trở thành một tiếng nói nữa ủng hộ những thay đổi cấp tiến ở đất nước này. Lo ngại của họ càng tăng với việc đính hôn gần đây của Hoàng tử và Ambra Vidal - người không chỉ thuộc nhóm dân Basque* mà còn bất khả tri một cách thẳng thừng - và là người, khi thành hoàng hậu Tây Ban Nha, đương nhiên sẽ được hoàng tử tham vấn về những vấn đề giáo hội và nhà nước.

Những ngày tháng nguy hiểm, Garza biết vậy. Một điểm lùi gây xung đột giữa quá khứ và tương lai.

Ngoài sự rạn nứt tôn giáo ngày càng sâu, Tây Ban Nha còn đối mặt với một giao lộ chính trị. Liệu đất nước còn tiếp tục có quân vương không? Hay vương vị sẽ bị bãi bỏ mãi mãi như đã từng diễn ra ở Áo, Hungary và rất nhiều nước châu Âu khác? Chỉ có thời gian mới trả lời được. Trên phố, những người lớn tuổi theo chủ nghĩa truyền thống vây cờ Tây Ban Nha, trong khi những người trẻ cấp tiến hãnh diện mặc những màu sắc bài quân chủ như tía, vàng, và đỏ - các màu cờ của nền cộng hòa cũ.

Julián sẽ thừa kế một thùng thuốc súng.

“Lúc đầu khi tôi nhìn thấy hình xăm Franco,” Martín nói, kéo sự chú ý của Garza trở lại với cái máy tính bảng, “tôi cứ nghĩ có thể nó được thêm vào bằng công nghệ số như một trò giải trí - ngài biết đấy, để khuấy động mọi việc. Các trang thuyết âm mưu đều tranh nhau lượng truy cập và một mối liên hệ với Franco sẽ nhận được lượng phản hồi lớn, đặc biệt nếu xét đến bản chất bài Thiên Chúa giáo trong bài thuyết trình của Kirsch tôi nay.”

Garza biết cô gái nói đúng. Đám thuyết âm mưu sẽ phát rồ vì chi

tiết này.

Martín ra hiệu về phía chiếc máy tính bảng. “Xin hãy đọc phần lời bình họ định đưa ra.”

Với cảm giác kinh hãi, Garza lướt nhìn đoạn nội dung khá dài đi kèm với bức ảnh.

ConspiracyNet.com

BẢN TIN CẬP NHẬT EDMOND KIRSCH

Bất chấp những nghi ngờ ban đầu cho rằng vụ sát hại Edmond Kirsch là tác phẩm của những kẻ cuồng tín tôn giáo, việc phát hiện ra cái biểu tượng thời Franco siêu bảo thủ này cho thấy vụ ám sát có thể còn có động cơ chính trị. Những nghi ngờ cho rằng có những nhân vật bảo thủ trong những nhánh cao nhất của chính phủ Tây Ban Nha, thậm chí có lẽ cả ngay trong chính Hoàng cung, lúc này đang giành nhau quyền kiểm soát trong bối cảnh có khoảng trống quyền lực do đức vua vắng mặt và sắp băng hà...

“Tởm lợm,” Garza gất, cảm thấy đọc đã đủ. “Tất cả những đồn đoán này từ một hình xăm à? Chẳng có nghĩa gì sất. Ngoại trừ sự hiện diện của cô Ambra Vidal tại vụ nổ súng, còn đâu chuyện này hoàn toàn chẳng liên quan gì đến chính trị Hoàng cung cả. Miễn bình luận.”

“Sếp,” Martín nhấn mạnh. “Nếu ngài vui lòng đọc phần bình luận còn lại, ngài sẽ thấy là họ đang tìm cách gắn Giám mục Valdespino trực tiếp với Đô đốc Ávila. Họ cho rằng Giám mục có thể là một người ủng hộ Franco bí mật vẫn thì thầm bên tai nhà vua suốt nhiều năm, ngăn ngài đưa ra những thay đổi quyết liệt cho đất nước.” Cô ngừng lại. “Luận điểm này đang giành được sự chú ý rất lớn trên mạng.”

Một lần nữa, Garza thấy mình hoàn toàn không lọt tai những

lời ấy. Ông ấy không còn nhận ra cái thế giới nơi mình đang sống nữa.

Tin giả giờ đây có sức nặng ngang với tin thật.

Garza nhìn Martín và cố hết sức nói thật bình tĩnh. “Mónica, đây chỉ là một chuyện hư cấu do những kẻ sáng tác tùy hứng viết blog tạo ra cho vui thôi. Tôi có thể quả quyết với cô rằng Valdespino không phải là kẻ ủng hộ Franco. Ông ấy trung thành phục vụ đức vua đã nhiều thập kỷ, và không thể có chuyện ông ấy dính líu đến một kẻ ám sát ủng hộ Franco. Hoàng cung không bình luận gì về bất kỳ chi tiết nào. Tôi nói rõ rồi chứ?” Garza quay ra phía cửa, nôn nóng trở lại chỗ hoàng tử và Valdespino.

“Thưa sếp, đợi đã!” Martín với tay và nắm lấy cánh tay ông ấy.

Garza dừng lại, sửng sốt nhìn xuống bàn tay cô nhân viên trẻ tuổi của mình.

Martín lập tức rút tay lại. “Tôi xin lỗi, thưa sếp, nhưng ConspiracyNet còn gửi cho chúng ta phần ghi âm một cuộc trò chuyện trên điện thoại vừa diễn ra tại Budapest.” Cô hấp háy mắt đầy sốt ruột đằng sau cặp kính dày. “Ngài sẽ không thích thứ này đâu.”

Ông chủ của mình đã bị ám sát.

Cơ trưởng Josh Siegel cảm nhận rõ hai bàn tay mình run rẩy trên cần lái khi anh cho chiếc Gulfstream G550 của Edmond Kirsch chạy về phía đường băng chính tại Sân bay Bilbao.

Mình không còn điều kiện để bay, anh nghĩ, biết rõ cơ phó của mình cũng bối rối không kém.

Siegel đã lái máy bay riêng cho Edmond Kirsch suốt nhiều năm và vụ sát hại Edmond đầy hãi hùng ập đến như một cú sốc ghê gớm.

Một tiếng trước, Siegel và cơ phó của anh còn ngồi trong sảnh chờ sân bay xem truyền hình trực tiếp từ Bảo tàng Guggenheim.

“Kịch bản đặc trưng của Edmond,” Siegel nói vui, thấy rất ấn tượng trước khả năng lôi kéo một đám đông lớn của ông chủ mình. Khi anh xem chương trình của Kirsch, anh thấy mình, cùng với những khán giả khác trong sảnh chờ, nhổm về phía trước, càng lúc càng tò mò, cho tới khi, thoát cái, buổi tối trở nên hãi hùng.

Sau đó, Siegel và cơ phó của mình ngồi chết trân, theo dõi truyền hình đưa tin và bản khoản không biết họ nên làm gì tiếp theo.

Điện thoại Siegel đổ chuông mười phút sau đó, người gọi là trợ lý riêng của Edmond, Winston. Siegel chưa bao giờ gặp anh chàng này, và mặc dù cái tay người Anh ấy có vẻ hơi giống một con vịt bầu kỳ cục nhưng Siegel đã quen với việc điều phối các chuyến bay cùng anh ta.

“Nếu anh không xem truyền hình,” Winston nói, “anh nên bật lên đi.”

“Chúng tôi xem rồi,” Siegel nói. “Cả hai chúng tôi đều bàng hoàng.”

“Chúng tôi cần các anh đưa máy bay trở về Barcelona,” Winston nói, giọng nhanh nhẹn một cách kỳ lạ nếu xét đến những gì vừa diễn ra. “Các anh hãy chuẩn bị cất cánh, và tôi sẽ liên lạc lại ngay. Làm ơn không cất cánh cho tới khi chúng ta nói chuyện.”

Siegel không rõ những chỉ dẫn của Winston có đúng với mong muốn của Edmond không, nhưng lúc này, anh rất biết ơn nếu có bất kỳ chỉ dẫn nào.

Theo mệnh lệnh từ Winston, Siegel và cơ phó làm thủ tục kê khai chuyến bay của họ về Barcelona với số lượng hành khách bằng không - một chuyến bay “rỗng”, như cách vẫn được biết đến đầy nuối tiếc trong ngành - và sau đó đẩy máy bay ra khỏi hầm chứa và bắt đầu kiểm tra các hạng mục phải thực hiện trước chuyến bay.

Ba mươi phút trôi qua thì Winston gọi lại. “Các anh sẵn sàng cất cánh chưa?”

“Chúng tôi sẵn sàng.”

“Tốt lắm. Tôi cho rằng các anh sẽ sử dụng đường băng hướng đông như thường lệ chứ?”

“Đúng vậy.” Có lúc Siegel thấy Winston chu đáo một cách thái quá và nắm thông tin tường tận một cách đáng ngại.

“Xin hãy liên lạc với đài kiểm soát và yêu cầu thông đường để cất cánh. Lăn bánh ra đầu kia của sân bay, nhưng không vào đường băng.”

“Tôi cần dừng lại trên đường lăn à?”

“Đúng vậy, chỉ một phút thôi. Hãy báo cho tôi khi các anh tới đó.”

Siegel và cơ phó nhìn nhau ngạc nhiên. Yêu cầu của Winston chẳng có lý tí nào.

Có thể đài kiểm soát sẽ có ý kiến gì đó về chuyện này.

Tuy nhiên, Siegel lái máy bay đi theo rất nhiều đoạn dốc và đường dẫn về phía đầu đường băng ở rìa phía tây sân bay. Giờ anh đang lặn bánh mấy trăm mét cuối cùng của đoạn đường lặn, nơi mặt đường ngoặt chín mươi độ sang phải và nhập vào đầu đường băng phía đông.

“Winston?” Siegel nói, mắt nhìn hàng rào an ninh mắt cáo rất cao bao quanh đường chu vi địa giới sân bay. “Chúng tôi đã đến cuối đường lặn rồi.”

“Xin hãy ngừng ở đó,” Winston nói. “Tôi sẽ liên lạc lại.”

Tôi không thể ngừng ở đây! Siegel nghĩ, tự hỏi không biết Winston đang làm chuyện quái quỷ gì. Rất may, máy quay hậu cảnh chiếc Gulfstream không hiển thị máy bay nào phía sau anh, cho nên ít nhất Siegel không cản trở giao thông. Những ngọn đèn duy nhất đều là đèn trên đài kiểm soát - một quãng sáng nhờ nhờ ở đầu kia đường băng, cách xa hơn ba kilomet.

Sáu mươi giây trôi qua.

“Đây là kiểm soát không lưu,” một giọng nói léo nhéo vang lên trong tai nghe của anh. “EC346, các anh đã được dọn đường để cất cánh trên đường băng số một. Tôi nhắc lại, các anh đã được dọn đường.”

Siegel không muốn điều gì hơn là cất cánh, nhưng anh vẫn đợi lệnh từ trợ lý của Edmond.

“Cảm ơn đài kiểm soát,” anh nói. “Chúng tôi cần ngừng ở đây một phút nữa. Chúng tôi vừa có một đèn cảnh báo mà

chúng tôi đang kiểm tra.”

“Rõ rồi. Xin cứ gọi khi sẵn sàng.”

“Ở đây ư?” Người chủ chiếc taxi nước tổ vể ngơ ngác. “Các vị muốn dừng ở đây à? Sân bay còn xa nữa. Tôi đưa các vị tới đó.”

“Cảm ơn, chúng tôi sẽ lên bờ ở đây,” Langdon nói, theo đúng lời dặn của Winston.

Chủ xuồng nhún vai và cho xuồng dừng bên cạnh một cây cầu nhỏ có biển đề Puerto Bidea. Bờ sông ở đây phủ kín lớp cỏ cao và trông ít nhiều cũng dễ leo lên. Ambra đang leo ra khỏi xuồng và lần mò đi lên bờ dốc.

“Chúng tôi nợ anh bao nhiêu nhỉ?” Langdon hỏi chủ xuồng.

“Không cần thanh toán,” người đàn ông nói. “Quý ông người Anh của các vị, ông ấy đã thanh toán trước rồi. Thẻ tín dụng. Gấp ba số tiền.”

Winston đã thanh toán. Langdon vẫn chưa quen hẳn khi làm việc với trợ lý máy tính của Kirsch. Cứ như có tính năng Siri sẵn vậy.

Langdon nhận thấy những khả năng của Winston cũng không có gì là lạ nếu xét đến những câu chuyện hằng ngày về trí thông minh nhân tạo thực hiện được tất cả các loại nhiệm vụ phức tạp, bao gồm cả viết tiểu thuyết - một cuốn sách như vậy đã suýt giành được giải thưởng văn học ở Nhật Bản.

Langdon cảm ơn chủ xuồng và nhảy lên bờ sông. Trước khi leo lên trên, ông quay lại phía người lái xuồng vẫn còn đang ngơ ngác, giơ ngón tay trở lên miệng và nói, “*Discreción, por favor.*”

“Sí, sí,” người chủ xuồng quả quyết với ông, bưng mắt mình lại. “*¡No he visto nada!*”

Nói xong, Langdon hời hả leo lên dốc, băng qua một đường

tàu hỏa, và nhập với Ambra ở rìa một con đường làng im vắng hai bên là những cửa hàng trông rất lạ.

“Theo bản đồ,” giọng Winston vang lên trong loa điện thoại của Edmond, “các vị đang ở giao lộ Puerto Bidea và tuyến đường thủy Río Asua. Các vị sẽ thấy một bùng binh nhỏ ở trung tâm thị trấn chứ?”

“Tôi thấy rồi,” Ambra đáp.

“Tốt lắm. Chỉ cần qua khỏi bùng binh, các vị sẽ thấy một con đường nhỏ có tên Beike Bidea. Cứ theo đó mà đi tính từ trung tâm làng.”

Hai phút sau, Langdon và Ambra đã rời khỏi khu làng và rảo bước theo một đường quê vắng vẻ có những điền trang bằng đá nằm trên hàng mẫu đồng cỏ um tùm. Khi họ tiến sâu hơn vào vùng quê này, Langdon cảm thấy có gì đó không ổn. Mé phải họ, phía xa, bên trên một đỉnh đồi nhỏ, bầu trời rực sáng trong vòm sương ô nhiễm ánh sáng.

“Nếu đó là đèn sân bay,” Langdon nói, “thì chúng ta đang cách rất xa đây.”

“Sân bay cách vị trí các vị hơn ba kilomet nữa.” Winston nói.

Ambra và Langdon giật mình nhìn nhau. Winston đã bảo họ chỉ mất tám phút đi bộ thôi mà.

“Theo hình ảnh vệ tinh Google,” Winston tiếp tục, “sẽ có một cánh đồng rộng bên phải các vị. Trông có khả năng băng qua không?”

Langdon lướt nhìn đồng cỏ bên phải họ, hơi chạy dốc lên về phía có ánh đèn sân bay.

“Chúng tôi chắc chắn là có thể leo lên được,” Langdon nói, “nhưng hơn ba kilomet sẽ mất...”

“Chỉ cần leo lên đồi thôi, thưa Giáo sư, và cứ làm đúng theo

chỉ dẫn của tôi.”

Ngữ điệu của Winston rất nhã nhặn và vẫn rất vô cảm, nhưng Langdon nhận thấy mình vừa bị khiển trách.

“Làm tốt lắm,” Ambra thì thào, trông đầy vẻ ngạc nhiên lúc nàng bắt đầu leo lên đồi. “Đó là câu gần với câu kinh nhất mà tôi từng nghe được từ Winston đấy.”

“EC346, đây là kiểm soát không lưu,” giọng nói vang lên rõ lớn trong tai nghe của Siegel. “Các anh hoặc phải rời đường lăn và cất cánh, hoặc trở lại hầm chứa để sửa chữa. Tình trạng của các anh thế nào?”

“Vẫn đang xử lý,” Siegel nói dối, liếc mắt nhìn máy quay chiếu hậu. Không có làn bay nào - chỉ có ánh đèn mờ mờ của đài kiểm soát phía xa. “Tôi chỉ cần một phút nữa thôi.”

“Rõ. Báo tin cho chúng tôi nhé.”

Cơ phó vỗ lên vai Siegel và chỉ ra ngoài qua kính chắn gió.

Siegel nhìn theo ánh mắt của cộng sự nhưng chỉ thấy hàng rào cao phía trước máy bay. Đột nhiên, phía bên kia dây rào chắn, anh nhìn thấy một cảnh tượng rất ma quái. *Cái quái gì thế nhỉ?*

Trên cánh đồng tối đen phía ngoài hàng rào, hai cái bóng như ma trời hiện dần ra từ trong bóng tối, trèo lên đỉnh một quả đồi và tiến thẳng về phía máy bay. Khi những bóng người lại gần hơn, Siegel nhìn thấy vệt đen kẻ chéo rất dễ phân biệt trên chiếc váy trắng mà anh đã nhìn thấy lúc trước trên truyền hình.

Có phải chính là Ambra Vidal không nhỉ?

Ambra từng có dịp bay cùng Kirsch và Siegel luôn cảm thấy

tim mình hơi run rẩy khi mỹ nhân quyền rũ của Tây Ban Nha ở trên khoang. Anh không tài nào hiểu được nàng đang làm việc quái gì trên một đồng cỏ bên ngoài Sân bay Bilbao.

Người đàn ông cao ráo đi cùng Ambra cũng đang mặc đồ đen trắng rất trịnh trọng và Siegel nhớ rằng ông cũng là một phần trong chương trình tối nay.

Giáo sư người Mỹ Robert Langdon.

Giọng Winston đột ngột trở lại. “Anh Siegel, giờ các anh sẽ thấy hai người ở bên kia hàng rào và hẳn nhiên các anh sẽ nhận ra cả hai người.”

Siegel nhận thấy phong thái của anh chàng người Anh điềm tĩnh đến phát sợ.

“Xin hãy biết cho rằng tối nay có những tình huống mà tôi không thể giải thích hết được, nhưng tôi sẽ đề nghị các anh làm theo những lời khuyên của tôi nhân danh ngài Kirsch. Tất cả những gì các anh cần biết ngay lúc này là làm theo.” Winston ngừng lại chỉ một lát rất mau. “Chính những kẻ đã sát hại Edmond Kirsch lúc này đang tìm cách giết Ambra Vidal và Robert Langdon. Để bảo vệ họ an toàn, chúng tôi cần sự hỗ trợ của các anh.”

“Nhưng... dĩ nhiên rồi,” Siegel lắp bắp, cố gắng xử lý thông tin vừa rồi.

“Cô Vidal và Giáo sư Langdon cần lên máy bay của các anh ngay bây giờ.”

“Ở ngoài này ư?!” Siegel hỏi lại.

“Tôi biết rõ vấn đề kỹ thuật đặt ra do một bản lược khai hành khách có sửa đổi, nhưng...”

“Anh có biết vấn đề kỹ thuật đặt ra do một hàng rào an ninh cao hơn ba mét vây quanh sân bay không?!”

“Tôi biết,” Winston nói rất bình thản. “Và, anh Siegel, tôi nhận thấy anh và tôi đã cùng làm việc với nhau chỉ mới vài tháng, nên tôi cần anh tin tưởng tôi. Những gì tôi sắp gợi ý với anh chính là những gì Edmond muốn các anh làm trong tình huống này.”

Siegel lắng nghe đầy hoang mang trong khi Winston phác thảo kế hoạch của mình.

“Những gì anh đang gợi ý không thể làm được!” Siegel tranh luận.

“Ngược lại,” Winston nói. “hoàn toàn khả thi. Cú thúc của mỗi động cơ là hơn sáu nghìn tám trăm kilogram, và phần mũi nhọn của các anh được thiết kế để chịu được hơn một nghìn một trăm hai mươi kilomet...”

“Tôi không lo ngại về yếu tố vật lý,” Siegel gắt. “Tôi lo về vấn đề pháp lý và về chuyện giấy phép phi công của tôi sẽ bị thu hồi!”

“Tôi hiểu chuyện đó, anh Siegel,” Winston thản nhiên đáp lại. “Những hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha đang gặp nguy hiểm chết người ngay lúc này. Hành động của anh ở đây sẽ giúp cứu mạng cô ấy. Tin tôi đi, khi sự thật hé lộ, anh sẽ không nhận được lời khiển trách đâu, mà anh sẽ nhận được huân chương hoàng gia từ đức vua đấy.”

Đứng trong đám cỏ sâu lút, Langdon và Ambra ngược nhìn lên hàng rào an ninh cao ngất được chiếu sáng trong ánh đèn pha của chiếc máy bay.

Theo đề xuất của Winston, họ bước lùi khỏi hàng rào vừa hay động cơ chiếc máy bay gầm lên và máy bay bắt đầu lăn tới

trước. Thay vì theo khúc quanh của đường lẩn, chiếc máy bay tiếp tục tiến thẳng về phía họ, vượt qua vạch sơn an toàn và lẩn hẳn lên phần đường đệm trải nhựa. Nó chậm lại lẩn từ từ, nhích dần nhích dần tới hàng rào.

Lúc này, Langdon có thể thấy phần mũi nhọn của máy bay giống thẳng với một trong những cột chống thép nặng trĩch của hàng rào. Khi phần mũi nhọn chắc nịch ấy nổi với cây cột dọc, động cơ máy bay hơi rõ lên một chút.

Langdon định ninh phải giằng dai thêm một chút, nhưng rõ ràng hai động cơ Rolls-Royce và chiếc máy bay nặng bốn mươi tấn vượt xa sức chống chịu của cột hàng rào này.

Kèm theo tiếng kim loại rít lên, cây cột nghiêng về phía họ, lôi theo cả một khối nhựa đường lớn bám chặt lấy chân nó hết như khối rế của một cái cây bị quật ngã.

Langdon chạy lại và nắm lấy phần hàng rào đổ, kéo nó xuống đủ thấp để ông và Ambra có thể vượt qua. Lúc họ bước lên phần đường nhựa, cầu thang máy bay được mở ra và một phi công mặc đồng phục vẫy họ lên khoang.

Ambra mỉm cười nhìn Langdon. “Vẫn còn nghi ngờ Winston à?”

Langdon không còn lời nào nữa.

Khi họ khẩn trương leo lên cầu thang và chui vào khoang trong, Langdon nghe thấy phi công thứ hai trong buồng lái đang nói với đài kiểm soát.

“Vâng, đài kiểm soát, tôi đã nghe,” người phi công nói, “nhưng radar mặt đất của các anh chắc đã xác định sai. Chúng tôi chưa rời đường nối. Tôi nhắc lại, chúng tôi vẫn ở ngay trên đường lẩn. Hiện giờ đèn cảnh báo của chúng tôi đã tắt và chúng tôi sẵn sàng cất cánh.”

Cơ phó đóng mạnh cửa khi cơ trưởng cho động cơ Gulfstream đảo ngược, đưa máy bay nhích lùi lại, tách khỏi chỗ hàng rào đã bị văng xuống.

Sau đó, chiếc máy bay bắt đầu cua rộng vào đường băng.

Ngồi đối diện Ambra, Robert Langdon nhắm mắt lại một lúc và thở phào. Động cơ gầm to bên ngoài và ông cảm nhận được áp suất tăng tốc khi máy bay lao vun vút dọc đường băng.

Chỉ vài giây sau, chiếc máy bay lao vút lên bầu trời và chao nghiêng gấp về phía đông nam, xuyên qua màn đêm hướng về Barcelona.

CHƯƠNG 40

Giáo trưởng Yehuda Köves lao ra khỏi phòng làm việc của mình, băng qua vườn và lách ra khỏi cửa trước nhà mình, theo bậc thang xuống hè.

Mình không còn an toàn ở nhà nữa, vị giáo trưởng tự nhủ, tìm ông đập thành thịch. Mình phải tới giáo đường.

Giáo đường phố Dohány không chỉ là thánh đường cả đời của Köves, nó còn là một pháo đài thực sự. Những chướng ngại vật, hàng rào thép gai, và lực lượng bảo vệ 24/24 của giáo đường gợi nhớ lại rất rõ lịch sử bài Do Thái kéo dài của Budapest. Tối nay, Köves cảm thấy mừng vì có giữ chìa khóa của một tòa thành trì như vậy.

Giáo đường chỉ cách nhà ông mười lăm phút - một quãng đi bộ bình yên Köves vẫn thực hiện hằng ngày - nhưng tối nay, khi ông bắt đầu đi dọc theo Phố Kossuth Lajos, ông chỉ cảm thấy sợ hãi. Cúi thấp đầu, Köves cẩn trọng nhìn khắp một lượt những khoảng tối trước mặt khi ông bắt đầu hành trình của mình.

Gần như lập tức ông nhìn thấy gì đó khiến ông lo lắng.

Một bóng đen ngồi thu lu trên một chiếc ghế băng bên kia phố - một người đàn ông vóc dáng vạm vỡ mặc quần bò xanh và đội chiếc mũ bóng chày - hững hờ bấm chiếc điện thoại thông minh của mình, gương mặt râu ria của anh ta được chiếu sáng rõ nhờ quang sáng của chiếc điện thoại.

Anh ta không phải người khu vực này, Köves biết vậy, và rảo bước.

Người đàn ông đội mũ bóng chày ngược lên, nhìn vị giáo trưởng một lúc, sau đó quay lại chiếc điện thoại của mình.

Köves rảo chân. Sau một dãy nhà, ông lo lắng liếc lại phía sau mình. Ông thấy hoang mang khi người đàn ông đội mũ kia không còn trên ghế băng nữa. Gã băng qua phố và đang đi trên vỉa hè ngay sau Köves.

Hắn bám theo ta. Chân vị giáo trưởng già nua bước nhanh hơn và hơi thở của ông gấp gáp. Ông tự hỏi việc rời khỏi nhà của mình có phải là một sai lầm nghiêm trọng không.

Valdespino nhắc mình ở trong nhà! Mình đã quyết định tin ai vậy?

Köves đã định đợi người của Valdespino tới và hộ tống ông tới Madrid, nhưng cuộc điện thoại đã làm thay đổi mọi thứ. Những hạt giống ngờ vực u tối đang nảy mầm rất nhanh.

Người phụ nữ trên điện thoại đã cảnh báo ông: Giám mục đang cử người tới không phải để đưa ông đi, mà là loại bỏ ông - giống như ông ta đã loại bỏ Syed al-Fadl. Sau đó, cô ấy đưa ra bằng chứng thuyết phục đến mức Köves phát hoảng và bỏ chạy.

Giờ đây, khi rảo bước trên hè, Köves sợ ông có thể không tới được giáo đường an toàn. Gã đàn ông đội mũ vẫn đằng sau ông, theo Köves ở khoảng cách khoảng năm mươi mét.

Có tiếng rít chói tai xé qua không khí ban đêm và Köves nhảy dựng lên. Ông thở phào nhận ra tiếng động đó là của một chiếc xe buýt thành phố phanh lại một trạm dừng ngay phía cuối dãy nhà. Köves cảm thấy như thể chính Chúa đã gửi chiếc xe tới nên ông rảo chân về phía nó và lên lên xe. Chiếc xe buýt chật cứng toàn sinh viên đại học và hai người trong số họ lịch sự nhường chỗ cho Köves ở phía trước.

“Köszönöm,” vị giáo trưởng thở hắt hắt không ra hơi. Cảm ơn.

Thế nhưng, chiếc xe buýt chưa kịp lăn bánh thì gã đàn ông

mặc quần bò đội mũ đã chạy hết tốc lực theo sau xe và vừa kịp lên được xe.

Köves cứng người, nhưng gã đàn ông đã đi lướt qua ông mà chẳng thèm nhìn rồi chiếm một chỗ ở phía sau. Nhìn hình ảnh phản chiếu qua kính chắn gió, vị giáo trưởng thấy gã đã quay lại với chiếc điện thoại của mình, rõ ràng đang mải mê với một trò chơi video gì đó.

Đừng hoang tưởng nào, Yehuda, ông tự mắng mình. Anh ta đâu có quan tâm đến người.

Khi chiếc xe buýt đến trạm dừng Phố Dohány, Köves ngong ngóng nhìn những ngọn tháp của giáo đường chỉ cách đó vài dãy nhà, nhưng ông không dám rời khỏi sự an toàn trên chiếc xe buýt chật cứng.

Nếu ta xuống xe, và người kia theo ta...

Köves vẫn ngồi yên trên ghế, quyết định rằng có lẽ ông an toàn hơn khi ở giữa đám đông. Ta có thể đi xe buýt một lúc để lấy lại nhịp thở, ông nghĩ, mặc dù giờ ông ao ước giá như đã đi vệ sinh trước khi đột ngột rời khỏi nhà.

Nhưng chỉ một lát sau, khi chiếc xe rời khỏi Phố Dohány, Giáo trưởng Köves mới nhận ra sai lầm kinh khủng trong kế hoạch của mình.

Hôm nay là tối thứ Bảy, và hành khách đều là lũ trẻ.

Giờ Köves nhận ra rằng tất cả mọi người trên chiếc xe này gần như đều chắc chắn sẽ xuống ở cùng một chỗ - một trạm dừng nữa, ngay trung tâm khu Do Thái của Budapest.

Sau Thế chiến thứ II, khu vực này bị bỏ mặc trong đổ nát, nhưng những công trình đổ nát giờ lại là trung tâm của một trong những khung cảnh các quán bar sôi động nhất châu Âu - “những quán bar đổ nát” nổi tiếng - những hộp đêm hợp thời

ngay trong những tòa nhà đổ nát. Vào dịp cuối tuần, từng tốp sinh viên và khách du lịch tụ tập ở đây để tiệc tùng trong bộ khung đầy vết bom đạn của những nhà kho phủ kín hình vẽ graffiti và các tòa nhà cũ kỹ, giờ đây được trang bị hệ thống âm thanh hiện đại nhất, đèn chiếu nhiều màu và nghệ thuật chiết trung.

Quả nhiên, khi chiếc xe phanh lại ở trạm dừng kế tiếp, tất cả sinh viên lũ lượt kéo xuống. Gã đàn ông đội mũ vẫn ngồi ở phía sau, vẫn mãi mê với chiếc điện thoại. Bản năng mách bảo Köves ra khỏi xe nhanh nhất có thể, và vì thế ông gượng đứng lên, khấn trương theo lối đi giữa hai hàng ghế, và bước xuống giữa đám đông sinh viên trên phố.

Chiếc xe rồ máy để rời đi, nhưng rồi đột ngột dừng lại, cửa xe rít mở cho hành khách cuối cùng ra - chính là gã đàn ông đội mũ. Köves cảm thấy mạch đập của mình tăng vọt lần nữa, nhưng gã đàn ông không hề để mắt đến Köves dù chỉ một lần. Thay vào đó, gã xoay lưng lại phía đám đông và bước nhanh theo hướng ngược lại, vừa đi vừa gọi điện.

Hãy thôi tưởng tượng mọi việc nào, Köves tự nhủ, cố gắng thờ bình tĩnh.

Chiếc xe buýt rời đi và đám đông sinh viên ngay lập tức bắt đầu di chuyển về phía các quán bar. Để an toàn, Giáo trưởng Köves đi cùng với họ càng lâu càng tốt, thậm chí còn rẽ trái bất ngờ và đi bộ ngược lại phía giáo đường.

Chỉ còn vài dãy nhà nữa, ông tự nhủ, bỏ qua cảm giác nặng trĩu ở đôi chân và áp suất ngày càng tăng trong bàng quang.

Các quán bar đổ nát đều đông nghẹt, khách khứa náo nhiệt của họ tràn cả ra đường. Xung quanh Köves, tiếng nhạc điện tử rộn ràng, mùi bia tỏa lan trong không khí, quyến với mùi hương ngòn ngọt của xì gà Sopianae và bánh nướng bỏ lò

Kürtőskalács.

Lúc đến gần góc phố, Köves vẫn có cảm giác kỳ lạ rằng mình đang bị theo dõi. Ông đi chậm lại và thêm một lần liếc mắt về phía sau. Ông Chúa, gã đàn ông mặc quần bò đội mũ không thấy ở đâu cả.

Trong một lối vào tối om, cái bóng lom khom vẫn bất động suốt mười giây trước khi cẩn thận nhìn qua bóng tối và đi về phía góc phố.

Khéo lắm lão già, gã nghĩ thầm và biết mình vừa kịp hụp xuống để tránh bị nhìn thấy.

Gã đàn ông kiểm tra lại ống tiêm trong túi. Sau đó, gã bước ra khỏi bóng tối, chỉnh lại chiếc mũ bóng chày và hối hả bám theo mục tiêu của mình.

Chỉ huy cận vệ Diego Garza chạy như bay trở lại phía khu căn hộ, vẫn cầm chắc chiếc máy tính bảng của Mónica Martín.

Chiếc máy tính bảng có phần ghi âm một cuộc gọi điện thoại - một cuộc trò chuyện giữa một giáo trưởng Hungary tên là Yehuda Köves và một nhân vật tổ giác nào đó trên mạng - và nội dung gây sốc của đoạn ghi âm cho Tư lệnh Garza một vài lựa chọn quý giá.

Cho dù Valdespino thật sự có đứng sau âm mưu giết người mà kẻ tổ giác này tuyên bố hay không thì Garza vẫn biết rằng khi đoạn ghi âm được công khai, uy tín của Valdespino sẽ bị hủy hoại vĩnh viễn.

Ta phải cảnh báo Hoàng tử và ngăn ông ấy trước hệ quả.

Valdespino phải bị đưa ra khỏi cung điện trước khi câu chuyện này bùng ra.

Trong chính trị, sự sáng suốt là tất cả - và những kẻ buôn bán thông tin, dù chính đáng hay không, đều sắp xơi tái Valdespino. Rõ ràng, Hoàng tử không nên bị nhìn thấy ở gần giám mục dù ở bất cứ đâu vào tối hôm nay.

Điều phối viên quan hệ công chúng Mónica Martín đã quyết liệt khuyên Garza khiến Hoàng tử đưa ra một tuyên bố ngay lập tức, nếu không muốn thấy nguy cơ bị xem là có liên can.

Cô ấy nói đúng, Garza biết. Chúng ta phải đưa Julián lên truyền hình. Ngay bây giờ.

Garza lên đến đỉnh cầu thang và hỗn hển di chuyển dọc theo hành lang tới căn hộ của Julián, mắt nhìn chiếc máy tính bảng trên tay mình.

Ngoài hình ảnh dấu xăm thời Franco và phần ghi âm cuộc điện thoại của vị giáo trưởng, kho dữ liệu đầy sức hăm dọa của ConspiracyNet rõ ràng sẽ bao gồm một tiết lộ thứ ba và cũng là cuối cùng - một chuyện gì đó mà Martín cảnh báo sẽ gây kích động nhất.

Một chòm sao dữ liệu, cô ấy gọi như vậy - mô tả những gì rốt cuộc là một tập hợp các mục dữ liệu linh tinh và dường như ngẫu nhiên hoặc những thông tin không đáng tin cậy mà đám người theo thuyết âm mưu được khuyến khích phân tích và kết nối theo những cách thức có nghĩa để tạo ra các 'chòm sao' khả dĩ.

Bọn họ chẳng khá gì hơn đám ham mê Hoàng đạo! Ông nổi cáu. Thêu dệt những hình thù động vật từ sự sắp xếp ngẫu nhiên của các vì sao!

Rủi thay, những mục dữ liệu của ConspiracyNet được hiển thị trên máy tính bảng trong tay Garza có vẻ lại được trình bày đặc biệt rõ ràng để kết hợp thành một chòm duy nhất, và từ quan điểm của hoàng cung thì đó không phải là thứ tốt lành.

ConspiracyNet.com

Vụ ám sát Kirsch

Những gì chúng tôi biết cho đến giờ

- Edmond Kirsch chia sẻ phát hiện khoa học của ông với ba thủ lĩnh tôn giáo - Giám mục Antonio Valdespino, Allamah Syed al-Fadl và Giáo trưởng Yehuda Köves.

- Kirsch và al-Fadl đều đã chết. Giáo trưởng Yehuda Köves không còn trả lời điện thoại ở nhà riêng của ông và có vẻ đang mất tích.

- Giám mục Valdespino còn sống và khỏe mạnh. Lần cuối cùng được nhìn thấy đang đi bộ qua quảng trường về phía

Hoàng cung.

- Kẻ ám sát Kirsch - được xác định là đô đốc hải quân Luis Ávila - có những dấu hiệu trên cơ thể kết nối ông ta với một nhóm những kẻ ủng hộ Franco siêu bảo thủ. (Phải chăng Giám mục Valdespino - một người bảo thủ nức tiếng - cũng là kẻ ủng hộ Franco?)

- Và cuối cùng, theo các nguồn tin nội bộ Guggenheim, danh sách khách mời của sự kiện đã chốt, nhưng kẻ ám sát Luis Ávila lại được bổ sung vào phút cuối cùng theo đề nghị của một ai đó bên trong Hoàng cung. (Nhân vật tại hiện trường thực hiện đề nghị đó là hoàng hậu tương lai Ambra Vidal.)

ConspiracyNet rất cảm ơn những đóng góp tiếp theo đây của tổ chức giám sát dân sự monte@iglesia.org trong câu chuyện này.

Monte@iglesia.org ư?

Garza cho rằng cái địa chỉ e-mail này chắc chắn là giả.

Iglesia.org là một trang web Công giáo Phúc âm nổi bật ở Tây Ban Nha, một cộng đồng trực tuyến gồm các tu sĩ, tín đồ và sinh viên hết lòng với những lời răn dạy của Chúa Jesus. Người cung cấp thông tin dường như đã đánh tráo tên miền để các luận điệu có vẻ như khởi phát từ iglesia.org.

Rất khôn khéo, Garza nghĩ, biết rằng Giám mục Valdespino rất được các tín đồ Công giáo sùng đạo đứng sau địa chỉ này kính trọng. Garza tự hỏi liệu có phải “cộng tác viên” trực tuyến này cũng chính là người cung cấp thông tin đã gọi cho vị giáo trưởng hay không.

Khi tới cửa căn hộ, Garza tự hỏi ông phải cung cấp tin tức này cho Hoàng tử như thế nào đây. Ngày hôm nay bắt đầu khá bình thường và đột nhiên như thể hoàng cung vướng vào một cuộc chiến với những bóng ma. Một kẻ cung cấp tin tức giấu mặt

tên là Monte ư? Một chuỗi các mục dữ liệu ư? Vấn đề tệ hơn nữa là Garza vẫn không có tin tức gì về tình trạng của Ambra Vidal và Robert Langdon.

Xin Chúa phù hộ chúng con nếu báo chí biết được những hành động ngang ngạnh của Ambra tôi nay.

Vị tư lệnh bước vào mà chẳng hề gõ cửa. “Hoàng tử Julián?” ông gọi, đi vội vào phòng khách. “Thần cần nói chuyện riêng với ngài một lát.”

Garza đến phòng khách và dừng sững lại.

Căn phòng trống trơn.

“Don Julián?” ông gọi, xoay lại phía nhà bếp. “Giám mục Valdespino?”

Garza lục soát toàn bộ căn hộ, nhưng Hoàng tử và Valdespino đều đã biến mất.

Ông lập tức gọi vào số di động của Hoàng tử và giật mình khi nghe thấy tiếng điện thoại đổ chuông. Âm thanh rất nhẹ nhưng nghe thấy rõ, đâu đó trong căn hộ. Garza gọi lại cho Hoàng tử và nghe thấy tiếng chuông bị chặn lại, lần này nơi phát ra âm thanh dẫn tới một bức tranh nhỏ trên tường, vị trí mà ông biết đang che giấu kết trong tường của căn hộ.

Julián khóa điện thoại của mình trong két ư?

Garza không tin nổi rằng Hoàng tử lại bỏ điện thoại của mình vào một đêm khi mà thông tin liên lạc cần thiết như vậy.

Và ông ấy đi đâu chứ?

Giờ Garza thử gọi vào số di động của Valdespino, hy vọng vị giám mục sẽ trả lời. Trước sự ngạc nhiên sững sờ của ông, lại thêm một hồi nhạc chuông bị chặn nữa vang lên trong két âm tường.

Valdespino cũng bỏ điện thoại của mình sao?

Cảm giác hoảng hốt tăng lên, Garza trợn mắt vọt ra khỏi căn hộ. Trong vài phút tiếp theo, ông chạy dọc hành lang đồng thời gọi to, tìm kiếm cả trên gác và dưới nhà.

Họ không thể bốc hơi vào không khí được!

Cuối cùng khi Garza ngừng chạy, ông thấy mình đứng thở hổn hển dưới chân cầu thang lớn rất trắng lẹ của Sabatini*. Ông gục đầu thất bại. Chiếc máy tính bảng trong tay giờ đã tắt, nhưng trên màn hình đen kịt, ông có thể nhìn thấy hình ảnh phản chiếu của bức tranh trên trần nhà ngay phía trên đầu.

Cái nghịch lý thật chua chát. Bức tranh là kiệt tác vĩ đại của Giaquinto - Tôn giáo được Tây Ban Nha bảo vệ.

Khi chiếc phản lực Gulfstream G550 bay lên độ cao lưu thông, Robert Langdon ngây người trần trần nhìn ra ngoài ô cửa sổ hình bầu dục và cố gắng định thần. Hai tiếng qua như một cơn cuồng phong cảm xúc - từ cảm giác run bắn khi xem bài thuyết trình của Edmond bắt đầu hé mở tới kinh hãi đến thất ruột khi chứng kiến anh ấy bị sát hại thật rùng rợn. Và bí mật về bài thuyết trình của Edmond dường như chỉ càng thêm sâu khi Langdon suy ngẫm về nó.

Edmond tiết lộ bí mật gì?

Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta đang đi về đâu?

Những lời nói của Edmond trong tác phẩm điêu khắc đường xoắn ốc lúc chập tối nay văng vẳng trong tâm trí Langdon: Thầy Robert, phát hiện mà em có được... nó trả lời rõ ràng cả mấy câu hỏi này.

Edmond tuyên bố đã giải quyết được hai bí mật lớn nhất của cuộc sống, thế nhưng, Langdon tự hỏi, làm sao tin tức của Edmond lại có thể mang tính chất tàn phá nguy hiểm đến mức ai đó tìm cách giết anh để giữ im lặng được?

Tất cả những gì Langdon biết chắc chắn là Edmond có nhắc đến nguồn gốc của loài người và số phận của nhân loại.

Edmond đã phát hiện ra nguồn gốc chân động gì?

Số phận bí ẩn gì?

Edmond dường như lạc quan và vui với tương lai, cho nên có vẻ không chắc rằng dự đoán của mình là điều gì đó mang tính chất tận thế khả huyền. Vậy Edmond có thể dự đoán điều gì khiến giới tăng lữ lo ngại đến vậy chứ?

“Anh Robert?” Ambra xuất hiện cạnh ông cùng một tách cà phê nóng. “Anh vừa nói linh tinh đấy à?”

“Tuyệt quá, vâng, cảm ơn cô.” Langdon nhận tách cà phê với vẻ biết ơn, hy vọng một chút cà phê có thể gỡ những suy nghĩ rối như tơ vò của mình.

Ambra ngồi xuống đối diện ông và tự rót cho mình một ly vang đỏ từ một cái chai chạm nổi rất đẹp. “Edmond mang theo cả tủ Chateau Montrose trên máy bay. Có vẻ thật tiếc nếu bỏ phí.”

Langdon chỉ mới thử rượu Montrose một lần, trong một hầm rượu vang bí mật cổ xưa ngay bên dưới Trinity College Dublin, khi ông ở đó nghiên cứu bản thảo gốc được chú giải nhan đề *Cuốn sách của Kells*.

Ambra giữ ly rượu vang của mình bằng cả hai bàn tay, và khi nàng đưa ly lên môi, nàng chăm chú nhìn Langdon qua vành ly. Lại một lần nữa, ông thấy rất kỳ lạ là nét duyên dáng tự nhiên của người phụ nữ này khiến ông tan biến mọi nghi ngờ.

“Tôi đang suy nghĩ,” nàng nói. “Lúc trước, anh có nói rằng Edmond đã tới Boston và hỏi anh về những câu chuyện Sáng tạo thế giới khác nhau phải không?”

“Phải, khoảng một năm trước. Cậu ấy rất quan tâm đến những cách thức khác nhau mà các tôn giáo lớn trả lời cho câu hỏi ‘Chúng ta đến từ đâu?’”

“Vậy thì rất có thể đó là một xuất phát điểm tốt cho chúng ta chẳng?” nàng nói. “Liệu chúng ta có thể làm sáng tỏ những gì anh ấy đang tiến hành không?”

“Tôi rất sẵn lòng bắt đầu từ đầu,” Langdon đáp, “nhưng tôi không chắc có gì để làm sáng tỏ. Chỉ có hai trường phái tư tưởng về chuyện chúng ta từ đâu đến - quan niệm tôn giáo cho

rằng Chúa tạo ra con người với đầy đủ hình hài và mô hình của Darwin trong đó chúng ta thoát thai từ lớp bùn lầy nguyên thủy và cuối cùng tiến hóa thành con người.”

“Vậy nếu Edmond phát hiện ra khả năng thứ ba thì sao?” Ambra hỏi, đôi mắt nâu của nàng vụt sáng. “Nếu đó là một phần phát hiện của anh ấy thì sao? Nếu anh ấy chứng minh được rằng loài người không hề sinh ra từ Adam và Eve cũng không phải từ quá trình tiến hóa của Darwin thì sao?”

Langdon phải thừa nhận rằng một phát hiện như thế - một câu chuyện khác hẳn về nguồn gốc loài người - sẽ rất chấn động, nhưng đơn giản là ông không tài nào hình dung được nó có thể là gì. “Thuyết tiến hóa của Darwin đã được xác lập rất vững chắc,” ông nói, “bởi vì nó dựa trên sự thực quan sát được về mặt khoa học và đã chứng minh rõ ràng các sinh vật tiến hóa và thích nghi với môi trường của mình theo thời gian như thế nào. Thuyết tiến hóa đã được chấp nhận rộng rãi bởi những tư duy sắc bén nhất trong khoa học.”

“Vậy sao?” Ambra nói. “Tôi từng đọc những cuốn sách cho rằng Darwin hoàn toàn sai.”

“Những gì cô ấy nói rất đúng,” Winston xen vào trên điện thoại, lúc này đang được sạc điện trên chiếc bàn giữa hai người. “Hơn năm mươi đầu sách đã được xuất bản chỉ riêng trong hai thập kỷ qua.”

Langdon quên mất là Winston vẫn hiện diện cùng họ.

“Một số cuốn sách trong số này bán rất chạy,” Winston nói thêm. “*What Darwin Got Wrong**... *Defeating Darwinism**... *Darwin’s Black Box**... *Darwin on Trial**... *The Dark Side of Charles Dar**...”

“Đúng vậy!” Langdon ngắt lời, biết rõ về số lượng sách rất

lớn tuyên bố phủ nhận được Darwin. “Thực tế hồi trước tôi đã đọc hai cuốn trong đó.”

“Và rồi sao?” Ambra thúc giục.

Langdon mỉm cười nhã nhặn. “Chắc, tôi không nói được về tất cả số sách đó, nhưng hai cuốn tôi đọc thì căn bản lập luận từ quan điểm Thiên Chúa giáo. Một cuốn đi xa đến mức cho rằng cơ sở hóa thạch trên Trái Đất cũng do Chúa bố trí sẵn để kiểm chứng lòng tin của chúng ta.”

Ambra cau mày. “Được rồi, vậy là mấy thứ đó cũng không lay chuyển được suy nghĩ của anh.”

“Không hề, nhưng chúng làm tôi thấy tò mò, và vì thế tôi đã hỏi ý kiến của một giáo sư sinh học Harvard về mấy cuốn sách.” Langdon mỉm cười. “Vị giáo sư thế nào lại chính là Stephen J. Gould quá cố.”

“Sao tôi không nhớ tên người đó nhỉ?” Ambra hỏi.

“Stephen J. Gould,” Winston nói ngay. “Nhà cổ sinh vật học và sinh học tiến hóa nổi tiếng. Lý thuyết của ông ấy về cân bằng ngắt quãng giải thích một số khoảng trống trong cơ sở hóa thạch và giúp hỗ trợ mô hình tiến hóa của Darwin.”

“Gould chỉ cười,” Langdon nói, “và bảo tôi rằng hầu hết các sách bài Darwin đều được xuất bản bởi những nơi đại loại như Viện Nghiên cứu quá trình sáng tạo thế giới - một tổ chức mà theo các tài liệu thông tin của chính họ, xem Kinh thánh như một hồ sơ bằng văn bản không thể sai về sự thật khoa học và lịch sử.”

“Nghĩa là,” Winston nói, “họ tin rằng những bụi cây cháy biết nói, rằng Noah thừa sức chứa đủ tất cả các giống loài đang sống chỉ trên một con thuyền duy nhất và rằng người biến thành những cột muối không phải là cơ sở vững vàng nhất cho

một đơn vị nghiên cứu khoa học rồi.”

“Đúng vậy,” Langdon nói, “nhưng vẫn có một số cuốn sách phi tôn giáo tìm cách hạ bệ Darwin từ quan điểm lịch sử - buộc tội ông ấy đánh cắp thuyết của mình từ nhà tự nhiên học người Pháp Jean-Baptiste Lamarck, người đầu tiên đề xuất rằng các sinh vật tự biến đổi để thích ứng với môi trường của chúng.”

“Mạch tư duy đó rất không phù hợp, thưa Giáo sư,” Winston nói. “Chuyện Darwin có mắc lỗi đạo văn hay không thì không có quan hệ gì đến tính xác thực của thuyết tiến hóa cả.”

“Tôi không dám tranh luận chuyện đó,” Ambra nói. “Mà như vậy là, anh Robert, tôi cho rằng nếu anh hỏi Giáo sư Gould, ‘Chúng ta từ đâu đến?’ ông ấy chắc chắn sẽ trả lời rằng chúng ta tiến hóa từ vượn.”

Langdon gật đầu. “Tôi đang diễn giải đây, nhưng cơ bản Gould quả quyết với tôi rằng trong giới khoa học thực sự chẳng hề đặt ra bất kỳ câu hỏi gì về quá trình tiến hóa đang diễn ra. Theo kinh nghiệm, chúng ta có thể *quan sát* được quá trình đó. Ông ấy tin rằng, câu hỏi hay hơn là: Tại sao quá trình tiến hóa lại diễn ra? Và nó bắt đầu *như thế nào*?”

“Ông ấy có đưa ra câu trả lời nào không?” Ambra hỏi.

“Tôi chẳng hiểu được câu trả lời nào cả, nhưng ông ấy cố chứng minh quan điểm Hành lang Vô tận.” Langdon ngừng lại, nhấp thêm một ngụm cà phê.

“Phải, một minh họa rất hữu ích,” Winston xen vào trước khi Langdon kịp nói. “Nó như thế này: Hãy tưởng tượng bạn đang đi trong một hành lang dài - một hành lang dài đến mức không thể thấy bạn xuất phát từ đâu hay sẽ đi tới đâu.”

Langdon gật đầu, cảm thấy rất ấn tượng trước kiến thức quảng bác của Winston.

“Khi đó, phía xa đằng sau bạn,” Winston nói tiếp, “bạn nghe thấy tiếng của một trái bóng nảy lên. Chắc chắn là khi bạn quay lại, bạn thấy một trái bóng đang nảy dần về phía mình. Nó nảy lại càng lúc càng gần hơn, cho tới khi nó nảy qua bạn, và cứ thế tiếp tục, nảy ra xa và mất hút.”

“Chính xác,” Langdon nói. “Câu hỏi không phải là: Có phải trái bóng đang nảy không? Bởi vì rõ ràng, trái bóng đang nảy. Chúng ta có thể thấy điều đó. Câu hỏi là: Tại sao nó lại nảy? Nó bắt đầu nảy như thế nào? Phải chăng có ai đó đã đá trái bóng? Đó có phải là một trái bóng đặc biệt đơn giản là biết tự nảy không? Liệu trong hành lang này có những quy luật vật lý khiến cho trái bóng không có lựa chọn nào khác là nảy mãi mãi không?”

“Quan điểm của Gould là,” Winston kết luận, “cũng như với quá trình tiến hóa, chúng ta không thể nhìn đủ xa vào quá khứ để biết quá trình này bắt đầu như thế nào.”

“Chính xác,” Langdon nói. “Tất cả những gì chúng ta có thể làm là quan sát nó đang xảy ra.”

“Dĩ nhiên,” Winston nói, “việc này cũng tương tự như thách thức hiểu biết về Vụ nổ Lớn. Các nhà vũ trụ học đã vạch ra những công thức rất súc tích để mô tả vũ trụ mở rộng trong bất kỳ Thời gian cụ thể nào - ‘T’ - trong quá khứ hay tương lai. Tuy nhiên, khi họ thử nhìn lại khoảnh khắc lúc Vụ nổ Lớn xảy ra - nơi T bằng không - mọi tính toán đều sai bét, cho thấy những gì dường như là một đốm nhiệt lượng và tỉ trọng vô cực rất bí ẩn.”

Langdon và Ambra nhìn nhau, đầy ấn tượng.

“Lại chính xác,” Langdon nói. “Và vì tư duy con người không được trang bị để xử lý ‘vô cực’ tốt cho lắm nên hầu hết các nhà khoa học hiện giờ đều thảo luận về vũ trụ chỉ với những thời điểm sau Vụ nổ Lớn - trong đó T lớn hơn giá trị bằng không -

giúp đảm bảo rằng tính toán không trở nên bí hiểm.”

Một trong những đồng nghiệp ở Harvard của Langdon - một vị giáo sư vật lý rất uy tín - đã phát ngán với các sinh viên chuyên ngành triết học tham dự buổi hội thảo Nguồn gốc Vũ trụ của ông ấy đến mức cuối cùng ông ấy trưng một tấm biển trên cửa phòng học của mình.

Trong lớp học của tôi, $T > 0$.

Với tất cả yêu cầu khi $T = 0$,

Xin mời ghé Khoa Tôn giáo.

“Thế còn thuyết Panspermia*?” Winston hỏi. “Quan niệm cho rằng sự sống trên Trái Đất được gieo mầm từ một hành tinh khác nhờ một sao băng hoặc bụi vũ trụ? Thuyết Panspermia được coi là một khả năng có giá trị khoa học để giải thích sự tồn tại của sự sống trên Trái Đất.”

“Cho dù thuyết đó đúng,” Langdon nêu ý kiến, “thì nó cũng không trả lời được xem lúc đầu sự sống bắt đầu trong vũ trụ như thế nào. Chúng ta chỉ mới trì hoãn vấn đề, phớt lờ nguồn gốc của trái bóng nảy và chưa giải quyết câu hỏi lớn: Sự sống từ đâu mà ra?”

Winston im lặng.

Ambra nhâm nhi ly rượu vang của mình, có vẻ thích thú với màn đối đáp qua lại của họ.

Khi chiếc Gulfstream G550 đạt độ cao và giữ thẳng bằng, Langdon nhận thấy mình đang hình dung về những gì có ý nghĩa đối với thế giới nếu thực sự Edmond tìm ra câu trả lời cho câu hỏi từ lâu: Chúng ta từ đâu đến?

Thế nhưng, theo Edmond, câu trả lời đó chỉ là một phần của bí mật.

Cho dù chân lý có là gì thì Edmond cũng đã bảo vệ mọi chi

tiết phát hiện của mình bằng một mật khẩu khó xử lý - một dòng thơ duy nhất gồm bốn mươi bảy mẫu tự. Nếu mọi thứ đều theo đúng kế hoạch, Langdon và Ambra sớm muộn sẽ tìm ra nó bên trong căn nhà của Edmond ở Barcelona.

Gần một thập kỷ sau khi bắt đầu, “trang web đen” vẫn là một bí ẩn đối với đông đảo người dùng trực tuyến. Không thể truy cập được qua các cơ chế tìm kiếm truyền thống, vùng đất ma quỷ hung hiểm này của World Wide Web cung cấp đường truy cập ẩn danh tới cả danh mục khó tin toàn những hàng hóa và dịch vụ phi pháp.

Từ bước đầu rất khiêm tốn là làm chủ Silk Road (Con đường tơ lụa) - chợ đen trực tuyến đầu tiên chuyên bán ma túy phi pháp - trang web đen phát triển thành một mạng lưới rất rộng gồm các địa chỉ trái phép buôn bán vũ khí, ấn phẩm khiêu dâm trẻ em, những bí mật chính trị và thậm chí cả các tội phạm có thể thuê được, bao gồm gái mại dâm, hacker, gián điệp, khủng bố và sát thủ.

Hằng tuần, trang web đen chủ trì hàng triệu giao dịch, và tối nay, bên ngoài những quán bar đồ nát của Budapest, một trong những giao dịch ấy sắp được hoàn tất.

Gã đội mũ bóng chày và mặc quần bò xanh lén di chuyển theo Phố Kazinczy, vẫn núp trong những khoảng tối trong khi lần theo con mồi của mình. Những nhiệm vụ như thế này là nguồn sống của gã trong vài năm qua và luôn được thương thảo thông qua một loạt mạng lưới rất thịnh hành - Unfriendly Solution, Hitman Network và BesaMafia.

Dịch vụ cho thuê sát thủ là một ngành có giá trị cả tỷ đô la và đang phát triển mỗi ngày, về cơ bản nhờ sự bảo đảm của trang web đen này đối với những giao dịch ẩn danh và thanh toán không thể truy vết thông qua Bitcoin. Hầu hết những vụ việc

thành công đều liên quan đến gian lận bảo hiểm, quan hệ đối tác làm ăn xấu, hoặc những vụ hôn nhân bất thường, nhưng lý do căn bản thì chưa bao giờ là mối lo của người tiến hành công việc cả.

Không hỏi han, gã sát thủ suy tưởng. Đó là nguyên tắc bất thành lời giúp công việc của mình vận hành.

Công việc tối nay là vụ gã mới nhận vài ngày trước. Ông chủ ẩn danh thuê gã với giá 150.000 euro để theo dõi nhà của một vị giáo trưởng già và duy trì “liên lạc điện thoại” phòng trường hợp cần tiến hành hành động. Hành động, trong trường hợp này, nghĩa là đột nhập vào nhà người đó và tiêm cho ông ấy một liều muối kết tinh, gây tử vong tức thì do truy tìm thấy rõ.

Tối nay, ngoài dự kiến, vị giáo trưởng lại rời nhà lúc nửa đêm và bắt một chuyến xe buýt thành phố để tới một khu vực rất truy lạc. Gã sát thủ đã bám đuôi ông và sau đó dùng một chương trình ngụy trang đã mã hóa trên điện thoại thông minh của mình để thông báo cho ông chủ về tình hình.

Mục tiêu ra khỏi nhà. Đi tới khu vực toàn quán bar. Có lẽ gặp ai đó chăng?

Phản ứng của ông chủ gã gần như tức thì.

Giết.

Lúc này, giữa những quán bar đồ nát và những lối ngõ tối tăm, những gì mới đầu là canh gác bên ngoài đã biến thành trò chơi mèo vờn chuột chết người.

Giáo trưởng Yehuda Köves toát mồ hôi và thở không ra hơi khi lần mò dọc Phố Kazinczy. Phổi ông đau rát và ông cảm thấy như thể cái bàng quang già nua của mình sắp vỡ bung.

Tất cả những gì ta cần là một buồng vệ sinh và nghỉ ngơi một chút, ông nghĩ và dừng lại giữa một đám đông tụ tập bên ngoài quán Bar Szimpla - một trong những quán bar đồ nát nổi tiếng nhất và lớn nhất Budapest. Những vị khách quen ở đây là một tập hợp rất phong phú đủ mọi lứa tuổi và nghề nghiệp nhưng chẳng ai nhìn đến vị giáo trưởng già lần thứ hai.

Ta sẽ dừng lại chỉ một lát thôi, ông quyết định rồi tiến về phía quán bar.

Từng là một tòa nhà bằng đá rất trắng lẹ với những ban công duyên dáng và các ô cửa sổ cao, Bar Szimpla lúc này là một cái vỏ xiêu vẹo phủ kín tranh graffiti. Khi Köves di chuyển qua mái cổng rộng rãi của tòa nhà đồ sộ một thời này, ông đi qua một khuôn cửa có ghi một lời nhắn đã được mã hóa: EGG-ESH-AY-GED-REH!

Ông phải mất một lúc mới nhận ra rằng cụm từ đó chẳng có gì hơn là cách đánh vần theo âm vừng cho từ *egészségedre* trong tiếng Hungary - nghĩa là “Hoan nghênh!”

Bước vào trong, Köves trần trần ngõ ngang nhìn không gian nội thất như lòng hang của quán bar. Tòa nhà bị bỏ rơi này được xây bao quanh một khoảng sân ngổn ngang rải rác vài thứ lạ lùng nhất mà vị giáo trưởng từng thấy - một chiếc trường kỷ chế từ một cái bồn tắm, mấy tượng hình nộm đạp xe treo lơ lửng trong không trung, và một chiếc xe mui kín Trabant của Đông Đức đã mất hết nội thất, giờ dùng làm chỗ ngồi tạm thời cho khách hàng quen.

Khoảnh sân được bao kín bởi những bức tường cao trang trí bằng một mảng tranh graffiti vẽ bằng sơn xịt, những tấm áp phích thời Xô viết, vài bức điêu khắc cổ điển, và những cái cây treo tràn lên cả những ban công trong nhà chật ních khách quen đang lắc lư theo tiếng nhạc rõ to. Không khí toàn mùi

thuốc lá và bia. Những cặp đôi trẻ tuổi say sưa hôn nhau ngay trước mắt mọi người trong khi những người khác kín đáo hút những chiếc tẩu nhỏ và uống những ngụm *pálinka*, một loại rượu mạnh chế từ hoa quả rất thông dụng được đóng chai tại Hungary.

Köves luôn thấy rất nực cười là nhân loại, dù là sáng tạo tuyệt vời nhất của Chúa, bản chất vẫn chỉ là động vật mà thôi, hành vi của họ bị đưa đẩy đi rất xa chỉ bởi việc theo đuổi những khoái lạc rất sinh vật. *Chúng ta vô về thân thể sinh vật của mình với hy vọng linh hồn chúng ta sẽ đi theo.* Köves đã mất rất nhiều thời gian khuyên nhủ những người quá sa đà vào những cảm dỗ xác thịt của cơ thể - cơ bản là thức ăn và nhục dục - và với sự phát triển của tình trạng nghiện Internet cùng những thứ ma túy trá hình rẻ tiền, công việc của ông mỗi ngày lại càng trở nên đầy thách thức.

Tiện nghi sinh vật duy nhất Köves cần lúc này là một phòng vệ sinh, và vì thế ông thấy thất vọng khi tìm thấy một hàng có đến mười người đang đợi. Không thể đợi được, ông rón rén leo lên cầu thang, nơi người ta bảo ông rằng sẽ tìm thấy nhiều phòng vệ sinh khác. Trên tầng hai của tòa nhà, giáo trưởng đi qua cả một mê cung các phòng khách và phòng ngủ kề nhau, cái nào cũng có quầy rượu nhỏ hoặc chỗ ngồi riêng. Ông hỏi thăm một nhân viên phục vụ quầy rượu chỗ có phòng vệ sinh, và người ấy chỉ tới một hành lang chỉ cách đó một quãng, thấy rõ là có thể đến được qua một lối đi ban công nhìn xuống sân.

Köves nhanh chóng đi ra ban công, bám một tay lên hàng lan can trong lúc di chuyển. Trong lúc đi, ông lơ đãng đưa mắt nhìn khoảng sân đông đúc phía dưới, nơi cả một biển những người trẻ đang xoay chuyển nhịp nhàng theo tiếng nhạc rộn ràng.

Rồi Köves nhìn thấy.

Ông dừng sững lại, máu trong người lạnh toát.

Ở đó, ngay giữa đám đông, gã đàn ông đội mũ bóng chày và mặc quần bò đang nhìn thẳng lên chỗ ông. Chỉ trong một khoảnh khắc rất ngắn ngủi, mắt hai người chạm nhau. Rồi, với tốc độ của một con báo, gã đàn ông đội mũ hành động ngay, chen lấn qua khách khứa và lao lên gác.

Gã sát thủ nhảy vọt lên các bậc thang, nhìn kỹ từng gương mặt gã vượt qua. Bar Szimpla khá quen thuộc với gã và gã nhanh chóng tìm đường tới được ban công nơi mục tiêu của gã vừa đứng.

Vị giáo trưởng đã biến mất.

Ta không hề bỏ qua lão, gã sát thủ nghĩ, *nghĩa là lão di chuyển sâu hơn vào trong tòa nhà.*

Ngước mắt về một hành lang tối tăm phía trước, gã sát thủ mỉm cười, ngờ rằng gã biết chính xác mục tiêu của mình sẽ cố gắng ẩn trốn ở đâu.

Hành lang rất chật chội và toàn mùi nước tiểu. Ở phía cuối là một cánh cửa gỗ ọp ẹp.

Gã sát thủ âm âm đi dọc hành lang và đập cửa.

Im lặng.

Gã lại gõ.

Một giọng trầm trầm bên trong cầu nhàu cho biết buồng đã có người.

“*Bocsásson meg,*” gã sát thủ xin lỗi bằng giọng nhỏ nhẹ và lại âm âm bỏ đi. Sau đó, gã lặng lẽ vòng lại và trở lại chỗ cánh cửa, áp tai lên lớp gỗ. Phía bên trong, gã nghe được tiếng vị giáo trưởng thì thào đầy tuyệt vọng bằng tiếng Hungary.

“Có ai đó đang cố giết tôi! Hắn ở bên ngoài nhà tôi! Giờ hắn đang vây tôi bên trong Bar Szimpla ở Budapest! Xin làm ơn! Hãy giúp tôi!”

Rõ ràng, mục tiêu của gã đã gọi số 112 - số cứu nạn khẩn cấp ở Budapest tương đương với 911 ở Mỹ. Thời gian phản hồi khét tiếng là chậm chạp, thế nhưng gã sát thủ đã nghe đủ.

Liếc nhìn phía sau mình để biết chắc chỉ có một mình, gã nhắm bờ vai cơ bắp của mình về phía cánh cửa, nghiêng về phía sau và khớp đòn tấn công của mình đúng với tiếng nhạc âm âm.

Cái chốt cửa bướm cũ kỹ bật tung ngay cú đầu tiên. Cánh cửa mở bung. Gã sát thủ bước vào trong, khép cửa lại sau lưng mình và đối diện với con mồi.

Người đàn ông co rúm ở một góc trông bối rối và không kém phần kinh hãi.

Gã sát thủ giăng lấy điện thoại của giáo trưởng, kết thúc cuộc gọi và ném thẳng chiếc điện thoại xuống bồn cầu.

“A-ai cử anh tới?!” vị giáo trưởng lắp bắp.

“Cái hay ho trong tình huống của tôi,” gã đàn ông trả lời, “là tôi không có cách nào biết cả.”

Giáo trưởng lúc này thở khò khè, mồ hôi đầm đìa. Đột nhiên, ông bắt đầu thở khó nhọc, mắt ông lờn ra khi giơ tay và ôm lấy ngực bằng cả hai tay.

Thật đấy ư? Gã sát thủ mỉm cười nghĩ. Ông ta đang bị truy tìm ư?

Trên sàn nhà tắm, ông quần quai và nấc nghẹn, đôi mắt nài xin sự thương cảm khi gương mặt ông đỏ bầm và tay bấu chặt lấy ngực mình. Cuối cùng, ông đập mặt - trước tiên xuống sàn gạch men bẩn thỉu, nơi ông nằm run rẩy và giật giật trong khi bàng quang đang tự xả ra ướn quần, một mảng nước tiểu lúc này loang ra khắp sàn phòng.

Cuối cùng, vị giáo trưởng nằm im.

Gã sát thủ khom người xuống và lắng nghe tiếng thở. Không có tiếng gì.

Gã đứng lên, cười khẩy.

“Lão khiến công việc của tôi dễ dàng hơn dự tính rất nhiều.”

Nói xong, gã sát thủ sải bước ra cửa.

Phổ Giáo trưởng Köves căng lên vì thiếu không khí.

Ông vừa thực hiện một màn trình diễn để đời.

Gần như bất tỉnh, ông nằm bất động và lắng nghe tiếng bước chân kẻ tấn công mình đi khỏi trên sàn phòng tắm. Cánh cửa kẹt mở và sau đó khép lại.

Im lặng.

Köves ép bản thân đợi thêm vài giây để chắc chắn rằng kẻ tấn công mình đã xuống sảnh không còn nghe lọt nữa. Sau đó, không đợi thêm một khắc nào, Köves thở hắt ra và bắt đầu hít những hơi thở cứu mạng thật sâu. Ngay cả không khí tanh nồng của phòng tắm vẫn có cảm giác như được trời ban.

Rất chậm rãi, ông mở mắt, tầm nhìn của ông lơ mơ do thiếu dưỡng khí. Khi Köves nâng cái đầu đang giật nhoi nhói của mình lên, thị lực của ông bắt đầu rõ ràng. Hết sức hoang mang, ông nhìn thấy một bóng đen đứng ngay bên trong cánh cửa đã đóng.

Gã đàn ông đội mũ bóng chày đang mỉm cười nhìn xuống ông.

Köves cứng người. Gã chưa hề rời khỏi phòng này.

Gã sát nhân sải hai bước dài tới chỗ vị giáo trưởng, và bằng một cái túm tay như kìm siết, gã tóm lấy cổ vị giáo trưởng và

vùi mặt ông xuống nền gạch lần nữa.

“Lão có thể nín thở,” gã sát thủ gầm gừ, “nhưng lão không thể ngừng tim mình được.” Gã cười lớn. “Đừng lo, tôi có thể giúp lão chuyện đó.”

Một khắc sau, một chấm bỏng rất xuyên vào bên cạnh cổ Köves. Một ngọn lửa nóng chảy dường như tràn xuống cổ họng rồi ngược lên hộp sọ ông. Lần này, khi tim ông bị tác động, ông biết đó là thật.

Sau khi đã dành phần lớn cuộc đời mình cho những bí ẩn của *Shamayim* - nơi cư ngụ của Chúa trời và những người lương thiện đã quá cố - Giáo trưởng Yehuda Köves biết rằng tất cả mọi câu trả lời chỉ còn là một nhịp tim nữa mà thôi.

Một mình trong phòng vệ sinh rộng rãi của chiếc phản lực G550, Ambra Vidal đứng bên bồn rửa và để cho làn nước ấm chảy êm ái qua bàn tay mình trong lúc nàng trân trân nhìn vào gương, gần như không nhận ra chính hình phản chiếu của mình.

Mày đã làm gì vậy?

Nàng nhấp một ngụm rượu vang nữa, thêm khát có lại được cuộc sống cũ của mình chỉ vài tháng trước đây - không ai biết đến, một mình, toàn tâm toàn ý với công việc ở bảo tàng của mình - nhưng tất cả giờ đều đã không còn. Nó đã tan biến vào cái lúc Julián cầu hôn.

Không, nàng tự trách mình. Nó đã tan biến vào cái lúc mày nói đồng ý.

Nỗi hãi hùng của vụ ám sát tối nay đã dịu lại trong lòng nàng, và giờ đây tư duy lô-gic của nàng đang kinh hãi cân nhắc mọi chuyện.

Mình đã mời kẻ sát hại Edmond tới bảo tàng.

Mình bị lừa bởi một kẻ nào đó trong cung.

Và giờ mình biết quá nhiều.

Không hề có bằng chứng cho thấy Hoàng tử Julián đứng sau vụ giết người đẫm máu này, cũng như thậm chí là anh ấy biết về kế hoạch ám sát. Cho dù vậy, Ambra đã chứng kiến những hoạt động bên trong của hoàng cung đủ để nghi ngờ rằng toàn bộ chuyện này không thể diễn ra mà Hoàng tử không biết đến, nếu không muốn nói là còn được anh ấy ủng hộ.

Mình đã kể với Julián quá nhiều.

Những tuần gần đây, Ambra cảm thấy càng lúc càng cần phải thanh minh cho mỗi giây phút nàng ở cách xa vị hôn phu cả ghen của mình, và vì thế nàng đã chia sẻ riêng với Julián rất nhiều về những gì nàng biết liên quan đến bài thuyết trình sắp tới của Edmond. Giờ đây, Ambra sợ rằng sự cởi mở của nàng có thể quá khinh suất.

Ambra tắt vòi nước và lau khô tay, với lấy ly rượu vang của mình và uống cạn mấy giọt cuối cùng. Trong tấm gương trước mặt, nàng nhìn thấy một người xa lạ - một chuyên gia từng rất tự tin giờ đây chỉ toàn sự dằn vặt và tủi hổ.

Những sai lầm mình mắc phải chỉ trong vài tháng...

Khi tâm trí nàng quay trở lại thời gian trước, nàng tự hỏi liệu nàng có thể làm được gì khác đi. Bốn tháng trước, vào một đêm mưa ở Madrid, Ambra đang tham dự một chương trình gây quỹ tại Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại Reina Sofia...

Hầu hết khách khứa đã di chuyển tới phòng 206.06 để xem tác phẩm nổi tiếng nhất của bảo tàng - El Guernica - một tác phẩm của Picasso dài chình ình hơn bảy mét gợi lại vụ oanh tạc kinh hoàng nhằm vào một thị trấn Basque nhỏ thời Nội chiến Tây Ban Nha. Tuy nhiên, Ambra lại thấy bức tranh quá đau thương không tài nào thưởng lãm cho nổi - một vật gợi nhớ rất sống động về sự đàn áp tàn bạo dưới thời nhà độc tài phát xít của Tây Ban Nha là Tướng Francisco Franco từ 1939 đến 1975.

Thay vào đó, nàng chọn một mình lẻn vào phòng trưng bày yên tĩnh để thưởng thức tác phẩm của một trong những nghệ sĩ Tây Ban Nha nàng yêu thích, Maruja Mallo, một nữ nghệ sĩ theo trường phái Siêu thực đến từ Galicia với thành công vào thập niên 1930 giúp phá vỡ cái lồng thủy tinh giam hãm những nữ nghệ sĩ Tây Ban Nha.

Ambra đang đứng một mình chiêm ngưỡng La Verbena - một

tác phẩm châm biếm chính trị có rất nhiều biểu tượng phức tạp - thì một giọng nói trầm trầm vang lên sau lưng nàng.

“*Es casi tan guapa como tú,*” người đàn ông lên tiếng. Đẹp chẳng kém gì quý cô nhỉ.

Nghiêm túc đấy chứ? Ambra trân trân nhìn thẳng về phía trước và cố không đảo mắt. Ở những sự kiện như thế này, bảo tàng nhiều lúc có cảm giác giống một quầy bar đột xuất đầy rắc rối hơn là một trung tâm văn hóa.

“¿*Qué crees que significa?*” giọng nói sau lưng nàng như thúc giục. Cô nghĩ nó nghĩa là sao?

“Tôi không có ý kiến gì,” nàng nói dối, hy vọng rằng việc nói tiếng Anh có thể làm cho người đàn ông bỏ đi tiếp. “Tôi chỉ thấy thích nó thôi.”

“Tôi cũng vậy,” người đàn ông trả lời bằng thứ tiếng Anh gần như không rõ trọng âm. “Mallo đi trước thời đại của bà. Buồn thay, với con mắt không được đào tạo thì vẻ đẹp bề ngoài của bức tranh này có thể nguy trang cho cái cốt lõi sâu xa hơn bên trong.” Anh ta ngừng lại. “Tôi hình dung một phụ nữ như cô chắc chắn lúc nào cũng gặp phải vấn đề như thế.”

Ambra lằm bằm. *Mấy lời như thế này mà thật sự có tác dụng với phụ nữ sao?* Nặn ra một nụ cười lịch sự trên mặt, nàng xoay lại để ‘kết liễu’ người đàn ông. “Thưa ông, ông thật tốt bụng khi nói vậy, nhưng...”

Ambra Vidal sống lại nửa chừng câu nói.

Người đàn ông đang đối diện nàng là người nàng đã từng thấy trên truyền hình và trên các tạp chí trong suốt cuộc đời mình.

“Ôi,” Ambra lắp bắp. “Ông là...”

“Táo bạo thái quá chẳng?” người đàn ông điển trai đánh liêu.

“Hay táo bạo một cách vụng về? Tôi xin lỗi, tôi sống một cuộc sống được bao bọc, và tôi không giỏi những việc kiểu thế này.” Anh ta mỉm cười và lịch sự chìa tay ra. “Tên tôi là Julián.”

“Tôi nghĩ tôi biết tên ngài,” Ambra nói với anh ta, mặt đỏ ửng khi nàng bắt tay Hoàng tử Julián, đức vua tương lai của Tây Ban Nha. Anh ta cao hơn nàng hình dung với đôi mắt dịu dàng và nụ cười đầy tự tin. “Tôi không biết ngài sẽ đến đây tối nay,” nàng nói tiếp, nhanh chóng lấy lại bình tĩnh. “Tôi hình dung ngài là một người thuộc tuýp Prado* nhiều hơn - ngài biết đấy, Goya, Velázquez... phải cổ điển.”

“Ý cô là bảo thủ và lỗi thời chứ gì?” Anh ta cười vui vẻ. “Tôi nghĩ cô nhầm tôi với cha tôi rồi. Mallo và Miró luôn là những nghệ sĩ tôi yêu thích.”

Ambra và Hoàng tử trò chuyện vài phút và nàng thấy ấn tượng với kiến thức nghệ thuật của anh ta. Cũng phải, anh chàng này lớn lên trong Hoàng cung Madrid, nơi sở hữu một trong những bộ sưu tập đẹp nhất Tây Ban Nha. Có thể anh ta có hẳn một tác phẩm El Greco bản gốc treo trong phòng trẻ của mình ấy chứ.

“Tôi nhận ra việc này có vẻ trơ tráo,” Hoàng tử nói, chìa cho nàng một tấm danh thiếp dập nổi màu vàng, “nhưng tôi sẽ rất thích cô cùng tôi dự một bữa dạ tiệc vào tối mai. Số trực tiếp của tôi trên thiếp. Chỉ cần cho tôi biết là được.”

“Ăn tối ư?” Ambra đùa. “Ngài thậm chí còn không biết tên tôi mà.”

“Ambra Vidal,” anh ta trả lời không chút do dự. “Cô ba mươi chín tuổi. Cô có bằng về lịch sử nghệ thuật của Đại học Salamanca. Cô là giám đốc Bảo tàng Guggenheim ở Bilbao của chúng ta. Gần đây, cô trình bày về vấn đề gây tranh cãi xung quanh Luis Quiles, người có tác phẩm nghệ thuật mà tôi phải

thừa nhận rằng phản ánh rất sinh động những sự đáng sợ của cuộc sống hiện đại và có thể không thích hợp cho trẻ em, nhưng tôi không dám chắc mình có đồng ý với cô rằng tác phẩm của ông ấy giống với của Banksy hay không. Cô chưa từng kết hôn. Cô không có con. Và trông cô rất tuyệt vời khi mặc đồ đen.”

Quai hàm Ambra như rớt xuống. “Chúa ơi. Cách thức này có thật sự hiệu quả không nhỉ?”

“Tôi không dám có ý kiến,” anh ta mỉm cười nói. “Tôi đoán chúng ta sẽ tìm ra thôi.”

Như được ra hiệu, hai đặc vụ Cận vệ Hoàng gia xuất hiện và hộ tống Hoàng tử rời đi, tới nhập với một số khách VIP.

Ambra cầm chặt tấm danh thiếp trên tay và cảm thấy có gì đó mà nàng không hề cảm thấy trong nhiều năm. Bồn chồn. Một vị Hoàng tử vừa đề nghị mình hẹn hò sao?

Ambra từng là một thiếu nữ vụng về và những cậu trai từng mời cô hẹn hò luôn cảm thấy bọn họ có quan hệ bình đẳng với nàng. Nhưng sau này, khi sắc đẹp của nàng bùng nổ, Ambra đột nhiên thấy đàn ông như bị lép vế trước sự hiện diện của nàng, lóng ngóng, ngượng ngịu và hoàn toàn cung kính một cách thái quá. Tuy nhiên, tối nay, một người đàn ông quyền thế đã mạnh bạo thẳng tiến tới chỗ nàng và nắm thế kiểm soát hoàn toàn. Điều đó khiến nàng cảm thấy mình thật nữ tính. Và trẻ trung.

Ngay tối hôm sau, một tài xế đón Ambra tại khách sạn của nàng và đưa nàng tới Hoàng cung, nơi nàng thấy mình ngồi cạnh Hoàng tử cùng với hai tá khách khứa nữa, nhiều người trong số đó nàng nhận ra qua các trang xã hội hoặc chính trị. Hoàng tử giới thiệu nàng là “người bạn mới đáng yêu” của chàng và khéo léo gợi ra một cuộc trò chuyện về nghệ thuật để Ambra có thể tham gia trọn vẹn. Nàng có cảm giác rằng mình

đang được thử vai thế nào đó, nhưng kỳ lạ thay, nàng thật sự chẳng hề bận tâm. Nàng cảm thấy tự mãn.

Kết thúc buổi tối, Julián kéo nàng ra bên và thì thào. “Tôi hy vọng cô thấy vui. Tôi rất mong được gặp lại cô.” Chàng mỉm cười. “Tối thứ Năm thì sao nhỉ?”

“Cảm ơn anh,” Ambra trả lời, “nhưng tôi sợ rằng tôi sẽ bay về Bilbao vào buổi sáng.”

“Vậy thì tôi cũng sẽ bay,” chàng nói. “Cô đã bao giờ tới nhà hàng Etxanobe chưa?”

Ambra bật cười. Etxanobe là một trong những trải nghiệm ăn tối được mong đợi nhất ở Bilbao. Là một địa chỉ ưa thích của những người đam mê nghệ thuật trên khắp thế giới, nhà hàng tự hào với cách bài trí tiên phong và thực đơn đa dạng khiến cho thực khách có cảm giác như thể họ được ngồi trong một khung cảnh do Marc Chagall* vẽ.

“Thế thì thật tuyệt,” nàng nghe thấy mình nói vậy.

Tại Etxanobe, bên những đĩa cá ngừ nướng và măng tây nấu được trình bày rất kiểu cách, Julián khai màn về những thách thức chính trị mà chàng phải đối diện khi cố gắng thoát lìa khỏi cái bóng người cha đau yếu của mình, và cả về áp lực cá nhân mà chàng cảm nhận được để duy trì huyết thống hoàng gia. Ambra nhận thấy ở chàng sự ngây thơ của một cậu bé sống trong bao bọc nhưng cũng thấy những phẩm chất của một nhà lãnh đạo với nhiệt tình bỏng cháy với đất nước mình. Nàng thấy đó là một sự kết hợp đầy quyến rũ.

Đêm đó, khi cận vệ của Julián hộ tống chàng trở lại máy bay riêng, Ambra biết mình đã si mê.

Mày chỉ mới biết anh ấy, nàng tự nhắc mình. Chậm lại.

Vài tháng tiếp theo dường như trôi qua rất nhanh khi Ambra

và Julián gặp nhau liên tục - ăn tối tại cung điện, đi chơi tại khu điền trang của chàng, thậm chí tới cả một buổi trình chiếu phim. Quan hệ của họ rất tự nguyện và Ambra không nhớ đã từng hạnh phúc hơn chưa. Julián lạc hậu một cách đáng yêu, thường nắm tay nàng hoặc hôn trộm một cách lịch thiệp, nhưng không bao giờ vượt quá những ranh giới lệ thường và Ambra đánh giá cao phong thái lịch lãm của chàng.

Một buổi sáng nắng ráo, ba tuần trước, Ambra có mặt ở Madrid, nơi nàng có kế hoạch xuất hiện trong một phần của một chương trình truyền hình buổi sáng nói về các hoạt động trưng bày sắp tới của Guggenheim. Chương trình Telediario của RTVE được hàng triệu người trên cả nước theo dõi trực tiếp và Ambra hơi lo sợ việc làm truyền hình trực tiếp, nhưng nàng biết sự kiện này sẽ giúp bảo tàng được cả nước chú ý.

Buổi tối trước khi diễn ra chương trình, nàng và Julián gặp gỡ ăn tối bình thường tại Trattoria Malatesta và sau đó âm thầm đi qua Công viên Retiro. Nhìn những gia đình ra ngoài đi dạo và từng đám trẻ cười đùa, chạy nhảy xung quanh, Ambra cảm thấy vô cùng bình yên, phiêu lãng trong giây lát.

“Em có thích trẻ con không?” Julián hỏi.

“Em tôn thờ chúng ấy chứ,” nàng trả lời rất thành thực. “Thực tế, nhiều khi em cảm thấy như thể trẻ con là thứ duy nhất còn thiếu trong đời mình.”

Julián mỉm cười tươi rói. “Anh hiểu cảm giác đó.”

Vào thời điểm đó, cái cách chàng nhìn nàng có cảm giác gì đó rất khác và Ambra đột nhiên nhận ra tại sao Julián lại hỏi câu hỏi đó. Một nỗi sợ hãi bóp nghẹt lấy nàng, và một giọng nói trong đầu nàng như hét lên, Nói với anh ấy đi! HÃY NÓI VỚI ANH ẤY NGAY BÂY GIỜ!

Nàng cố gắng nói, nhưng nàng không thể nói lên lời.

“Em ổn chứ?” chàng hỏi, đầy vẻ lo lắng.

Ambra mỉm cười. “Chỉ là chương trình Telediarario thôi mà. Em hơi lo lắng.”

“Hít thở đi. Em sẽ thấy rất ổn.”

Julián mỉm cười thật tươi với nàng và sau đó nghiêng tới trước và khẽ đặt một nụ hôn phớt rất nhanh lên môi nàng.

Sáng hôm sau, lúc bảy rưỡi, Ambra thấy mình trong một phòng quay truyền hình, tham gia vào một cuộc trò chuyện trực tiếp thoải mái đến ngạc nhiên cùng với ba người dẫn chương trình rất quyền rũ của Telediarario. Nàng thể hiện sự nhiệt thành của mình với Guggenheim đến mức nàng gần như chẳng chú ý đến các máy quay truyền hình và khán giả tại phòng thu trực tiếp, hay nhớ rằng có đến năm triệu người đang theo dõi ở nhà.

“Gracias, Ambra, y muy interesante,” người dẫn chương trình nữ nói khi phân đoạn kết thúc. “Un gran placer conocerte.”

Ambra gật đầu cảm ơn và đợi buổi phỏng vấn kết thúc.

Rất lạ, người dẫn chương trình nữ mỉm cười duyên dáng với nàng và tiếp tục phân đoạn bằng cách quay sang nói trực tiếp với khán giả theo dõi ở nhà.

“Sáng hôm nay,” cô nói bằng tiếng Tây Ban Nha, “một vị khách vô cùng đặc biệt vừa bất ngờ ghé thăm trường quay Telediarario, và chúng tôi xin được mời ông ấy ra đây.”

Cả ba người dẫn chương trình đứng lên, vỗ tay khi một người đàn ông cao ráo, lịch lãm sỏi bước lên sân khấu. Khi khán giả nhìn thấy anh ta, họ nhảy căng lên, reo hò cuồng nhiệt.

Ambra cũng đứng lên, sửng sờ nhìn.

Julián?

Hoàng tử Julián vẫy tay với đám đông và nhã nhặn bắt tay cả ba người dẫn chương trình. Sau đó, chàng bước tới và đứng bên cạnh Ambra, choàng một cánh tay quanh nàng.

“Cha tôi luôn là một người lãng mạn,” chàng nói, bằng tiếng Tây Ban Nha và nhìn thẳng vào máy quay để nói với khán giả. “Khi mẹ tôi qua đời, ông chưa bao giờ hết yêu bà. Tôi thừa hưởng chất lãng mạn của ông, và tôi tin khi một người đàn ông tìm thấy tình yêu, anh ta biết điều đó ngay lập tức.” Chàng nhìn Ambra và mỉm cười triu mến. “Và vì thế...” Julián lùi lại và đối diện với nàng.

Khi Ambra nhận ra những gì sắp diễn ra, nàng cảm thấy tê liệt vì không tin nổi. KHÔNG! Julián! Anh đang làm gì?

Không hề báo trước, Thái tử của Tây Ban Nha đột nhiên quỳ xuống trước mặt nàng. “Ambra Vidal, anh đang ngổ lời với em không phải với tư cách một Hoàng tử, mà đơn giản là một người đàn ông đang yêu.” Chàng ngược nhìn nàng với đôi mắt mơ màng và các máy quay đều xoay tới để bắt cận cảnh gương mặt chàng. “Anh yêu em. Em sẽ kết hôn với anh chứ?”

Khán giả và những người dẫn chương trình đều ngây ra vì thích thú, còn Ambra có thể cảm nhận được cả triệu đôi mắt trên khắp cả nước đang chăm chú tập trung vào nàng. Máu dồn lên mặt nàng và những ngọn đèn đột nhiên có cảm giác nóng rẫy trên da thịt nàng. Tim nàng bắt đầu đập loạn lên khi nàng trân trối nhìn xuống Julián, cả nghìn ý nghĩ vùn vụt qua đầu nàng.

Sao anh có thể để em vào tình thế này chứ?! Chúng ta chỉ mới gặp nhau gần đây! Có những điều em chưa kịp nói với anh về bản thân mình... những điều có thể thay đổi mọi chuyện!

Ambra không biết nàng đã đứng trong sự hoảng loạn tâm lạnh bao lâu, nhưng cuối cùng một người dẫn chương trình

cười gượng và nói, “Tôi tin cô Vidal đang bất ngờ! Cô Vidal? Một Hoàng tử điển trai đang quỳ trước mặt cô và bày tỏ tình yêu của ngài trước toàn thế giới!”

Ambra cố lục trí nhớ tìm một cách nào đó để thoát ra thật thanh nhã. Tất cả những gì nàng nghe thấy là sự im lặng và nàng biết mình đã bị mắc bẫy. Chỉ có một cách duy nhất để có thể chấm dứt cái khoảnh khắc công khai này. “Tôi ngập ngừng bởi vì tôi không thể tin nổi câu chuyện thần tiên này kết thúc có hậu.” Nàng thả lỏng vai và mỉm cười trêu mếu, nhìn xuống Julián. “Dĩ nhiên em sẽ lấy anh, Hoàng tử Julián.”

Cả trường quay vỡ òa trong tiếng hoan hô cuồng nhiệt.

Julián đứng lên và ôm Ambra trong tay mình. Khi họ ôm nhau, nàng nhận ra rằng trước thời khắc này, họ chưa từng ôm nhau lâu.

Mười phút sau, hai người ngồi ở ghế sau chiếc limousine của chàng.

“Anh có thể thấy anh đã làm em hoảng hốt,” Julián nói. “Anh xin lỗi. Anh chỉ cố tỏ ra lãng mạn. Anh có những cảm xúc rất mạnh với em, và...”

“Julián,” Ambra ngắt lời một cách dứt khoát, “em cũng có những cảm xúc mạnh với anh, nhưng anh đặt em vào một tình huống bất khả kháng ở đó! Em chưa bao giờ hình dung anh sẽ ngỏ lời nhanh vậy! Anh và em chỉ mới biết nhau. Có quá nhiều điều em cần nói với anh - những điều quan trọng về quá khứ của em.”

“Chẳng có chuyện gì trong quá khứ của em đáng kể cả.”

“Chuyện này thì rất có thể. Rất nhiều.”

Chàng mỉm cười và lắc đầu. “Anh yêu em. Sẽ chẳng vấn đề gì. Em cứ thử xem.”

Ambra chăm chú nhìn người đàn ông trước mặt nàng. Được thôi. Đây chắc chắn không phải là cách nàng muốn cuộc trò chuyện này diễn ra, nhưng chàng không cho nàng lựa chọn nào khác. “Chà, thế này đây, Julián. Khi em còn là một cô bé, em bị nhiễm một bệnh nặng khiến em suýt chết.”

“Được rồi.”

Khi Ambra nói, nàng cảm nhận được một sự trống rỗng trào dâng trong mình.

“Và kết quả là ước mơ có con của cuộc đời em... chắc, nó chỉ có thể là một ước mơ.”

“Anh không hiểu.”

“Julián,” nàng nói thẳng thừng. “Em không thể có con. Vấn đề sức khỏe lúc nhỏ của em khiến em thành vô sinh. Em luôn muốn có con, nhưng em không thể có con. Em rất tiếc. Em biết điều đó quan trọng với anh thế nào, nhưng anh vừa ngỏ lời với một người phụ nữ không thể sinh người nối dõi cho anh.”

Julián tái nhợt.

Ambra nhìn thẳng vào mắt chàng, muốn chàng lên tiếng. Julián, đây là lúc anh ôm chặt lấy em và nói với em rằng mọi thứ đều ổn. Đây là lúc anh nói với em rằng chuyện đó không sao, và rằng anh vẫn yêu em.

Và rồi điều đó xảy ra.

Julián quay đi khỏi cô.

Vào cái thời khắc đó, Ambra biết nó đã kết thúc.

CHƯƠNG 45

Bộ phận an ninh điện tử của lực lượng Cận vệ đặt trong một khu phòng không có cửa sổ dưới tầng hầm Hoàng cung. Chủ đích tách biệt khỏi doanh trại và kho vũ khí của lực lượng Cận vệ tại cung điện, trụ sở chính của bộ phận gồm một tá buồng máy tính, một tổng đài điện thoại và một bức tường màn hình an ninh. Nhân sự tám người - tất cả đều dưới tuổi ba mươi lăm - chịu trách nhiệm cung cấp các mạng liên lạc an toàn cho nhân viên của Hoàng cung và Cận vệ Hoàng gia, cũng như xử lý việc hỗ trợ giám sát điện tử cho cung điện.

Tối nay, như mọi khi, khu phòng ở tầng hầm rất ngọt ngào, nồng nặc mùi mì và bỏng ngô bỏ lò vi sóng. Các bóng đèn huỳnh quang kêu o o rất to.

Đây là nơi mình đề nghị họ đặt văn phòng của mình, Martín nghĩ.

Mặc dù “điều phối viên quan hệ công chúng” về mặt kỹ thuật không phải là một vị trí Cận vệ, nhưng công việc của Martín đòi hỏi tiếp cận với những máy tính cực mạnh và một đội ngũ nhân viên giỏi công nghệ; do đó, bộ phận an ninh điện tử dường như với cô là ngôi nhà hợp lý hơn nhiều so với một văn phòng trang bị không đầy đủ trên gác.

Tối nay, Martín nghĩ, mình sẽ cần mọi thứ công nghệ có sẵn.

Suốt mấy tháng qua, trọng tâm cơ bản của cô là giúp hoàng cung duy trì truyền thông trong quá trình chuyển giao dần dần quyền lực cho Hoàng tử Julián. Không hề dễ dàng. Thời kỳ chuyển giao giữa các nhà lãnh đạo là cơ hội cho những người phản đối lên tiếng chống chế độ quân chủ.

Theo hiến pháp Tây Ban Nha, chế độ quân chủ là “một biểu tượng cho sự đoàn kết và trường tồn bền vững của Tây Ban Nha”. Nhưng Martín biết chẳng có gì đoàn kết với Tây Ban Nha vào thời điểm này. Năm 1931, nền Đế nhị Cộng hòa đánh dấu sự chấm dứt của chế độ quân chủ và sau đó cuộc cách mạng của Tướng Franco năm 1936 đã đẩy đất nước vào nội chiến.

Giờ đây, mặc dù nhà nước quân chủ tái lập được coi là một nền dân chủ tự do, nhưng nhiều người tự do vẫn tiếp tục lên án nhà vua như một tàn tích lỗi thời của một quá khứ quân sự - tôn giáo áp bức, cũng như là một sự gợi nhớ mỗi ngày rằng Tây Ban Nha vẫn đi riêng một đường trước khi có thể gia nhập trọn vẹn với thế giới hiện đại.

Việc duy trì truyền thông của Mónica Martín trong tháng này bao gồm cả những mô tả thường lệ về Đức vua như là một biểu tượng đáng kính không nắm giữ quyền lực thực sự. Dĩ nhiên, đó là một sự lừa gạt đáng kể khi mà Đức vua vẫn là tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang cũng như nguyên thủ quốc gia.

Nguyên thủ, Martín suy ngẫm, trong một đất nước nơi sự tách biệt giữa nhà thờ và nhà nước luôn gây tranh cãi. Quan hệ gần gũi của Đức vua già yếu với Giám mục Valdespino là một cái gai với những người theo chủ nghĩa thế tục và tự do suốt nhiều năm.

Và rồi lại còn Hoàng tử Julián, cô nhi.

Martín biết công việc của cô có được là nhờ Hoàng tử, nhưng chắc chắn gần đây ông ấy đang làm cho công việc đó khó khăn hơn.

Vài tuần trước, Hoàng tử phạm phải một sai lầm tệ hại nhất trong quan hệ truyền thông mà Martín từng chứng kiến.

Trên truyền hình quốc gia, Hoàng tử Julián đã quỳ gối và có màn cầu hôn ngớ ngẩn dành cho Ambra Vidal. Cái khoảnh khắc

khó chịu ấy không thể mất mặt hơn được nữa trừ phi Ambra khước từ kết hôn với ông ấy, điều mà, may thay, cô ấy đã tỉnh táo không làm.

Rủi thay, sau đó, Ambra Vidal thể hiện cô ấy là một người không dễ bảo như Julián dự liệu, và hậu quả của cách hành xử ngoài giáo trình của cô ấy trong tháng này trở thành một trong những mối lo về quan hệ công chúng rất cơ bản với Martín.

Tuy nhiên, tối nay, những hờ hênh của Ambra dường như đều được bỏ quên. Cao trào hoạt động của giới truyền thông sau những sự kiện ở Bilbao đã dâng lên đến một tầm vóc chưa từng có. Một tiếng qua, sự gia tăng nhanh chóng các thuyết âm mưu đã cuốn cả thế giới vào cơn bão, kể cả một vài giả thuyết mới liên quan đến Giám mục Valdespino.

Diễn biến quan trọng nhất là về kẻ ám sát ở Guggenheim, đối tượng được cho vào sự kiện của Kirsch “theo lệnh của ai đó trong Hoàng cung”. Mẩu tin tức nguy hại này làm bùng ra cả một cơn đại hồng thủy các thuyết âm mưu buộc tội Đức vua đang nằm liệt giường và Giám mục Valdespino là chủ mưu vụ giết hại Edmond Kirsch - một thần tượng thực sự trong thế giới số và một người hùng Mỹ được yêu quý đã lựa chọn sống tại Tây Ban Nha.

Việc này sẽ hủy hoại Valdespino, Martín nghĩ.

“Tất cả mọi người, nghe đây!” lúc này Garza hét to khi ông sải bước vào phòng điều khiển. “Hoàng tử Julián và Giám mục Valdespino đang cùng ở đâu đó trong cung! Hãy kiểm tra mọi dữ liệu an ninh và tìm họ. Ngay bây giờ!”

Vị tư lệnh lén vào văn phòng của Martín và khẽ khàng cập nhật cho cô biết tình hình của Hoàng tử và vị giám mục.

“Biến mất sao?” cô nói, đầy hoài nghi. “Và họ vứt lại điện

thoại trong kết của Hoàng tử?”

Garza nhún vai. “Rõ ràng chúng ta không thể theo dấu họ.”

“Ái chà, tốt hơn cả chúng ta nên tìm họ,” Martín nói. “Hoàng tử Julián cần đưa ra một tuyên bố ngay bây giờ và ông ấy cần tránh khỏi Valdespino càng xa càng tốt.” Cô thuật lại toàn bộ những diễn biến mới nhất.

Giờ đến lượt Garza trông đầy vẻ hoài nghi. “Tất cả chỉ là tin đồn. Làm gì có chuyện Valdespino có thể đứng sau một vụ ám sát.”

“Có thể không, nhưng vụ giết người dường như đã được buộc cho Giáo hội Công giáo. Ai đó vừa tìm ra mối liên hệ trực tiếp giữa kẻ nổ súng và một chức sắc nhà thờ có địa vị cao. Xin hãy xem.” Martín kéo màn hình tới bản tin cập nhật mới nhất của ConspiracyNet, trong đó vẫn ghi nguồn người tiết lộ tin là monte@iglesia.org. “Tin này lên mạng vài phút trước.”

Garza khom người xuống và bắt đầu đọc bản tin cập nhật. “Giáo hoàng!” ông phản ứng. “Ávila có liên hệ riêng với...”

“Ngài cứ đọc đi.”

Khi Garza đọc xong, ông bước lùi khỏi màn hình và liên tục hấp háy mắt, như thể đang cố đánh thức chính mình ra khỏi một cơn ác mộng.

Lúc đó, một giọng nam gọi tới từ phòng điều khiển. “Tư lệnh Garza? Tôi vừa định vị được họ!”

Garza và Martín vội vã tới buồng của Đặc vụ Suresh Bhalla, một chuyên gia giám sát gốc Ấn đang chỉ tay vào dữ liệu an ninh trên màn hình của mình, trên đó nhìn rõ hai hình người - một trong áo choàng giám mục mềm rủ còn người kia mặc bộ đồ rất trịnh trọng. Họ có vẻ đang đi trên một lối đi có nhiều cây cối.

“Đồng viên,” Suresh nói. “Hai phút trước.”

“Họ vừa ra khỏi tòa nhà à?!” Garza hỏi.

“Khoan đã, thưa ngài.” Suresh tua nhanh đoạn phim, cố gắng theo sát giám mục và Hoàng tử trên các máy quay khác nhau bố trí cách đều trong khắp quần thể cung điện trong khi hai người đàn ông rời khỏi khu vườn và di chuyển qua một khoảnh sân bao kín.

“Họ đang đi đâu thế nhỉ?!”

Martín biết rõ họ đang đi đâu, và cô nhận thấy rằng Valdespino đã chọn một lộ trình vòng quanh rất gian xảo để giúp họ tránh khỏi tầm nhìn của các xe truyền thông trên quảng trường chính.

Đúng như cô dự đoán, Valdespino và Julián đến lối vào hành lễ phía nam của Nhà thờ lớn Almudena, nơi giám mục mở khóa cửa và dẫn Hoàng tử Julián vào trong. Cánh cửa khép lại và hai người đàn ông biến mất.

Garza im lặng chăm chăm nhìn màn hình, rõ ràng đang cố hiểu những gì mình vừa nhìn thấy.

“Báo cáo đầy đủ cho tôi nhé,” cuối cùng ông nói và làm hiệu cho Martín ra ngoài.

Khi họ đã ra khỏi tầm nghe, Garza thì thào, “Tôi không rõ làm cách nào Giám mục Valdespino thuyết phục được Hoàng tử Julián theo ông ta xuất cung, hay vớt lại điện thoại, nhưng rõ ràng Hoàng tử không hề biết những cáo buộc đối với Valdespino, nếu không ông ấy đã biết tự tránh xa.”

“Tôi đồng ý,” Martín nói. “Và tôi không thích suy luận xem nước cờ cuối của giám mục có thể là gì, nhưng...” Cô ngừng lại.

“Nhưng sao?” Garza hỏi gặng.

Martín thở dài. “Có vẻ Valdespino vừa nắm được một con tin

cực kỳ giá trị.”

Khoảng hai trăm năm mươi dặm về phía nam, bên trong tiền sảnh Bảo tàng Guggenheim, điện thoại của Đặc vụ Fonseca bắt đầu kêu. Đây là lần thứ sáu trong vòng hai mươi phút. Khi liếc nhìn thông tin người gọi, anh ta cảm thấy cả cơ thể mình phải tập trung.

“¿Sí?” anh ta nghe máy, tim đập rộn.

Giọng trên điện thoại nói bằng tiếng Tây Ban Nha, chậm rãi và thận trọng. “Đặc vụ Fonseca, như anh đã biết, hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha vừa có vài sơ suất đáng ngại trong buổi tối nay, tự có quan hệ nhằm với một số đối tượng và gây khó xử rất lớn cho Hoàng gia. Để không có thêm tổn hại nào nữa, rất cần các anh đưa cô ấy trở về cung càng nhanh càng tốt.”

“Tôi e rằng không thể biết vị trí của cô Vidal lúc này.”

“Cách đây bốn mươi phút, máy bay của Edmond Kirsch đã cất cánh từ Sân bay Bilbao Airport - bay đi Barcelona” giọng nói khẳng định. “Tôi tin cô Vidal ở trên chiếc máy bay đó.”

“Làm sao ngài biết vậy?” Fonseca buột miệng, sau đó lập tức thấy hối hận với giọng điệu xác xược của mình.

“Nếu anh đang làm nhiệm vụ của mình,” giọng nói trả lời sắc lạnh, “anh cũng sẽ biết. Tôi muốn anh và cộng sự của mình theo cô ấy ngay lập tức. Một phương tiện di chuyển quân sự đang tiếp liệu tại Sân bay Bilbao cho các anh ngay lúc này.”

“Nếu cô Vidal trên chiếc máy bay đó,” Fonseca nói, “thì có lẽ cô ấy đang đi cùng giáo sư người Mỹ Robert Langdon.”

“Đúng,” người gọi nói đầy giận dữ. “Tôi không rõ làm cách

nào gã này thuyết phục được cô Vidal rời bỏ an ninh và trốn cùng hắn, nhưng Langdon rõ ràng là một nguy cơ. Nhiệm vụ của các anh là tìm ra cô Vidal và đưa cô ấy về, bằng vũ lực nếu cần.”

“Và nếu Langdon can thiệp?”

Một khoảng im lặng bao trùm. “Cố gắng hết sức hạn chế thiệt hại thêm,” người gọi trả lời, “nhưng cuộc khủng hoảng này đủ nghiêm trọng để Giáo sư Langdon là tổn thất chấp nhận được.”

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

TIN VỀ KIRSCH LÊN TRUYỀN THÔNG CHÍNH THỐNG!

Tối nay, công bố khoa học của Edmond Kirsch bắt đầu như là một bài thuyết trình trực tuyến thu hút tới ba triệu người xem trực tuyến. Tuy nhiên, sau vụ ám sát ông, giờ đây tin tức về Kirsch đang được các mạng chính thống đưa tin trực tiếp trên khắp thế giới, với lượng người xem hiện ước tính hơn tám mươi triệu.

Khi chiếc Gulfstream G550 của Kirsch bắt đầu hạ xuống Barcelona, Robert Langdon uống cạn cốc cà phê thứ hai của mình và đắm đắm nhìn xuống những gì còn lại của bữa ăn nhẹ tối khuya ngẫu hứng mà ông và Ambra vừa chia nhau trên máy bay của Edmond – mấy thứ ngũ cốc, bánh gạo và “quầy rượu chay” đủ loại mà với ông đều có hương vị như nhau cả.

Bên kia bàn, Ambra vừa uống xong ly vang đỏ thứ hai của nàng và trông thư giãn hơn nhiều.

“Cảm ơn đã lắng nghe,” nàng nói, nghe thật bền lên. “Rõ ràng, tôi không thể nói về Julián với bất kỳ ai cả.”

Langdon gật đầu hiểu ý với nàng, sau khi nghe xong câu chuyện lời cầu hôn vụng về của Julián với nàng trên truyền hình. Cô ấy không có lựa chọn, Langdon tán thành, biết quá rõ rằng Ambra không thể mạo hiểm làm bề mặt đức vua tương lai của Tây Ban Nha trên truyền hình quốc gia.

“Rõ ràng, nếu tôi biết anh ấy sẽ cầu hôn chóng vánh như vậy,” Ambra nói. “Lẽ ra, tôi nên nói với anh ấy tôi không thể sinh con. Nhưng tất cả mọi việc diễn ra mà không hề báo trước.” Nàng lắc đầu và buồn bã nhìn ra ngoài cửa sổ. “Tôi nghĩ tôi thích anh ấy. Tôi không biết nữa, có lẽ chỉ là sự rung động của...”

“Một Hoàng tử điển trai, cao ráo?” Langdon mạo muội xen vào kèm nụ cười méo xẹo.

Ambra cười khẽ và quay lại phía ông. “Đúng là vậy, điều đó có lợi cho anh ấy. Tôi không biết, anh ấy có vẻ là một người tốt. Có thể được bảo bọc, nhưng là người lãng mạn - không phải là

hạng người sẽ dính dáng đến việc giết Edmond.”

Langdon ngờ rằng nàng nói đúng. Hoàng tử đầu có được gì nhiều từ cái chết của Edmond, và không hề có bằng chứng vững chắc cho thấy Hoàng tử liên can theo cách nào đó - chỉ một cuộc điện thoại từ ai đó trong cung đề nghị thêm Đô đốc Ávila vào danh sách khách mời. Đến thời điểm này, có vẻ Giám mục Valdespino là đối tượng tình nghi rõ nhất, đã biết riêng tuyên bố của Edmond từ sớm đủ để vạch ra một kế hoạch nhằm ngăn chặn và cũng biết rõ hơn bất kỳ ai rằng tuyên bố ấy có thể tai hại như thế nào cho quyền lực của các tôn giáo trên thế giới.

“Rõ ràng, tôi không thể lấy Julián,” Ambra nói khẽ. “Tôi cứ nghĩ giờ anh ấy sẽ hủy bỏ lời hứa hôn vì anh biết rằng tôi không thể sinh con. Dòng tộc của anh ấy đã nắm giữ vương vị trong gần trọn bốn thế kỷ qua. Có gì đó nói với tôi rằng một người quản lý bảo tàng từ Bilbao sẽ không thể là lý do khiến dòng dõi ấy chấm dứt.”

Loa phía trên đầu sột soạt và các phi công thông báo đã đến lúc chuẩn bị hạ cánh ở Barcelona.

Cảm thấy khó chịu với những suy tưởng của mình về Hoàng tử Ambra đứng lên và bắt đầu thu dọn khoang máy bay - rửa sạch ly chén của họ và vứt bỏ thức ăn còn thừa.

“Giáo sư,” Winston lên tiếng qua điện thoại của Edmond đặt trên bàn, “tôi nghĩ các vị cần biết rằng giờ thông tin mới đang lan truyền rất nhanh trên mạng - bằng chứng rất rõ cho thấy có mắt xích bí mật giữa Giám mục Valdespino và sát thủ Đô đốc Ávila.”

Langdon thẳng thốt trước tin tức này.

“Rất tiếc, còn nữa,” Winston nói thêm. “Như các vị biết, cuộc gặp bí mật của Kirsch với Giám mục Valdespino còn có hai lãnh

đạo tôn giáo nữa - một giáo trưởng có tiếng và một thầy tế rất được yêu kính. Đêm qua, thầy tế được tìm thấy đã chết trong sa mạc gần Dubai. Và, trong vài phút qua, có tin rất không hay gửi đi từ Budapest: hình như người ta tìm thấy ngài giáo trưởng chết vì truy tìm.”

Langdon sửng sờ.

“Các blogger,” Winston nói, “đang đặt câu hỏi về thời gian trùng hợp với cái chết của họ.”

Langdon gật đầu không tin nổi. Dù thế nào, giờ Giám mục Antonio Valdespino là người còn sống duy nhất trên Trái Đất này biết những gì Kirsch đã phát hiện ra.

Khi chiếc Gulfstream G550 chạm xuống đường băng vắng vẻ tại Sân bay Sabadell ở vùng đồi thấp của Barcelona, Ambra thở phào khi không thấy dấu hiệu gì của cánh paparazzi hay báo chí chờ sẵn.

Theo Edmond, để tránh gặp phải những người hâm mộ háo danh ở Sân bay El-Prat của Barcelona, anh chọn để máy bay của mình tại sân bay phản lực nhỏ này.

Đó không phải là lý do thật sự, Ambra biết vậy.

Thực tế, Edmond rất thích sự chú ý và thừa nhận để máy bay của mình tại Sabadell chỉ vì có lý do để lái chiếc xe thể thao yêu thích của mình - một chiếc Tesla Model X P90D mà người ta cho rằng Elon Musk đích thân trao cho anh làm quà - về nhà trên những con đường ngoằn ngoèo. Người ta cho rằng Edmond có lần đã thách phi công lái máy bay của anh đua một dặm trên đường băng - chiếc Gulfstream độ với Tesla - nhưng các phi công đã tính toán và từ chối.

Mình sẽ nhớ Edmond, Ambra buồn rầu nghĩ. Phải, anh ấy là sự đam mê lạc thú và xác xược, nhưng trí tưởng tượng tuyệt vời của anh ấy xứng đáng được hưởng nhiều từ cuộc đời hơn là những gì đã xảy ra với anh ấy tối nay. Mình chỉ hy vọng bọn mình có thể tôn vinh anh ấy bằng việc công bố phát hiện của anh.

Khi chiếc phi cơ đã vào nhà chứa máy bay của Edmond và giảm động cơ, Ambra nhận thấy mọi thứ ở đây thật yên tĩnh. Rõ ràng, nàng và Giáo sư Langdon vẫn bay dưới sự theo dõi của ra-đa.

Khi nàng lần bước xuống cầu thang máy bay, Ambra hít thở thật sâu, cố gắng cho đầu óc mình mẫn. Ly rượu vang thứ hai đã ngấm và nàng lấy làm tiếc vì đã uống nó. Bước xuống nền xi măng của nhà chứa máy bay, nàng hơi lảo đảo và cảm thấy bàn tay rắn chắc của Langdon đặt lên vai mình, giúp nàng đứng vững.

“Cảm ơn anh,” nàng thì thầm, mỉm cười đáp lại vị giáo sư, người đã được hai cốc cà phê giúp cho tỉnh như sáo.

“Chúng ta cần tránh khỏi bị nhìn thấy càng nhanh càng tốt,” Langdon nói, mắt nhìn chiếc SUV đen bóng đỗ ở góc nhà chứa. “Tôi cho rằng đó là phương tiện cô đã nói với tôi thì phải?”

Nàng gật đầu. “Mối tình bí mật của Edmond.”

“Biển kiểm soát kỳ cục quá.”

Ambra nhìn tấm biển đầy tự phụ của chiếc xe và cười khúc khích.

E - W A V E

“Chà,” nàng giải thích, “Edmond nói với tôi rằng Google và NASA mới đây tạo được một siêu máy tính mang tính chất đột phá gọi là D-Wave - một trong những máy tính ‘lượng tử’ đầu tiên của thế giới. Anh ấy đã cố giải thích cho tôi, nhưng phức

tập lăm - gì gì đó về các bước chồng lên nhau và các cơ chế lượng tử rồi tạo ra một chủng loại máy tính hoàn toàn mới. Dẫu sao thì Edmond nói rằng anh ấy muốn tạo ra thứ gì đó đánh bại hoàn toàn D-Wave. Anh ấy dự tính gọi chiếc máy tính mới của mình là E-Wave.”

“E là Edmond,” Langdon suy tưởng.

Và E là một bước vượt hơn D, Ambra nghĩ, nhớ lại câu chuyện của Edmond về chiếc máy tính nổi tiếng trong bộ phim 2001: A Space Odyssey, mà theo câu chuyện viễn tưởng, được đặt tên là HAL vì mỗi chữ cái theo bảng thứ tự đều xuất hiện liền trước các chữ IBM.

“Thế còn chìa khóa xe?” Langdon hỏi. “Cô nói cô biết chỗ cậu ấy giấu nó.”

“Anh ấy không dùng chìa.” Ambra giơ điện thoại của Edmond lên. “Anh ấy cho tôi xem thứ này khi bọn tôi đến đây tháng trước.” Nàng chạm vào màn hình điện thoại, khởi động ứng dụng Tesla và chọn lệnh triệu tập.

Lập tức, trong góc nhà chứa, đèn pha chiếc SUV bật sáng và chiếc Tesla - không hề phát ra âm thanh dù nhỏ nhất - êm ái lướt tới cạnh họ và dừng lại.

Langdon nghiêng đầu, xem ra khá băn khoăn trước viễn cảnh về một chiếc xe hơi tự lái.

“Đừng lo,” Ambra trấn an ông. “Tôi sẽ để anh lái tới căn hộ của Edmond.”

Langdon gật đầu tán thành và bắt đầu đi vòng sang phía người lái. Khi đi qua phía trước chiếc xe, ông dừng lại, dăm dăm nhìn xuống biển kiểm soát và bật cười to.

Ambra biết đích xác thứ khiến ông thấy thú vị - tấm biển đăng ký của Edmond: VÀ CHUYÊN GIA MÁY TÍNH SẼ THỪA

HƯỞNG TRÁI ĐẤT.

“Đúng là chỉ có Edmond,” Langdon nói khi ông trèo lên ngồi sau vô lăng. “Tình thế chưa bao giờ là sở trường của cậu ấy.”

“Anh ấy mê chiếc xe này,” Ambra nói, leo lên xe ngồi cạnh Langdon. “Chạy điện hoàn toàn và nhanh hơn xe Ferrari.”

Langdon nhún vai, mắt nhìn bảng đồng hồ đầy chất công nghệ cao. “Tôi thật sự không phải là dân xe cộ.”

Ambra mỉm cười. “Anh sẽ quen thôi.”

Khi chiếc Uber của Ávila phóng về phía Đông xuyên qua màn đêm đen đặc, vị đô đốc tự hỏi trong những năm tháng là một sĩ quan hải quân, ông ta đã bao nhiêu lần cập cảng Barcelona.

Cuộc sống trước kia của ông ta dường như giờ là một thế giới xa vời, đã chấm dứt trong một thoáng chốc dữ dội ở Seville. Số phận là một cô ả tàn nhẫn và khó lường, nhưng giờ đây dường như lại có một sự cân bằng kỳ lạ. Cũng chính cái số phận đã xé nát cõi lòng ông ta ở Nhà thờ lớn Seville giờ đây lại ban cho ông ta cuộc sống thứ hai - một sự khởi đầu mới sinh ra ngay trong những bức tường điện thờ của một nhà thờ lớn hoàn toàn khác.

Thật mỉa mai, người đưa ông ta tới đó lại là một chuyên gia trị liệu thể chất giản dị có tên Marco.

“Một cuộc hội kiến giáo hoàng ư?” Ávila đã hỏi huấn luyện viên của mình mấy tháng trước, khi lần đầu tiên Marco nêu ra ý tưởng. “Ngày mai ư? ở Rome?”

“Tây Ban Nha,” Marco trả lời. “Giáo hoàng ở đây.”

Ávila nhìn anh ta như thể anh ta bị khùng. “Truyền thông đâu có nói gì chuyện Đức Thánh cha ở Tây Ban Nha.”

“Có niềm tin một chút nào, ngài Đô đốc,” Marco bật cười đáp. “Trừ phi ông phải đi đâu đó ngày mai chẳng?”

Ávila nhìn xuống cái chân bị thương của mình.

“Chúng ta sẽ đi lúc chín giờ,” Marco gợi ý. “Tôi hứa chuyến đi nho nhỏ của chúng ta sẽ bớt đau đớn hơn hẳn ở trung tâm phục hồi.”

Sáng hôm sau, Ávila mặc bộ đồng phục hải quân mà Marco đã lấy về từ nhà Ávila, ôm một đôi nạng, và đi cà nhấc tới xe của

Marco - một chiếc Fiat cũ. Marco lái ra khỏi bệnh viện và chạy thẳng về phía Nam trên Đại lộ Raza, cuối cùng thì rời khỏi thành phố và nhập vào Cao tốc N-IV xuôi xuống phía Nam.

“Chúng ta đi đâu đây?” Ávila hỏi, đột nhiên cảm thấy bồn chồn.

“Thoải mái đi,” Marco mỉm cười nói. “Xin cứ tin tôi. Chỉ mất nửa tiếng thôi.”

Ávila biết chẳng hề có gì ngoài đồng cỏ khô cháy trên tuyến N-IV trong vòng ít nhất một trăm năm mươi kilomet nữa. Ông ta bắt đầu nghĩ mình đã phạm một sai lầm khủng khiếp. Chuyển đi được nửa tiếng, họ tiến vào thị trấn ma kỳ quái El Torbiscal - một làng quê từng rất trù phú nhưng dân số gần đây sụt giảm xuống con số không. Anh ta đưa mình đến chỗ quái nào thế này?! Marco lái xe tiếp thêm vài phút nữa, sau đó rời khỏi cao tốc và rẽ lên phía Bắc.

“Ông nhìn thấy chứ?” Marco hỏi, chỉ về phía xa ngang qua một cánh đồng bỏ hoang.

Ávila chẳng thấy gì cả. Hoặc tay huấn luyện viên trẻ tuổi đang gặp ảo giác hoặc mắt Ávila đã lão hóa.

“Không thấy ngạc nhiên sao?” Marco nói.

Ávila nheo mắt trước ánh mặt trời, và cuối cùng nhìn thấy một khối thâm màu nổi lên trong khung cảnh. Khi họ lại gần hơn, mắt ông ta mở to đầy kinh ngạc.

Đó là... một nhà thờ lớn ư?

Quy mô của công trình trông như thứ gì đó ông ta kỳ vọng gặp ở Madrid hay Paris. Ávila đã sống ở Seville cả đời nhưng chưa hề biết về một nhà thờ chính tòa ở đây ngay chính giữa nơi xa xôi hẻo lánh này. Họ càng lái xe lại gần, quần thể ấy xuất hiện càng ấn tượng, những bức tường xi măng đồ sộ của nó thể

hiện cấp độ an ninh mà Ávila chỉ nhìn thấy ở Vatican City.

Marco rời đường chính và lái xe theo một đường dẫn ngắn về phía nhà thờ, đến gần một cánh cổng sắt sừng sững chắn đường họ. Khi họ dừng lại, Marco móc một tấm thẻ ép trong ngăn chứa đồ và đặt lên bảng điều khiển.

Một nhân viên an ninh tiến lại, nhìn tấm thẻ, sau đó nhìn vào xe, mỉm cười rất tươi khi anh ta nhìn thấy Marco.

“Bienvenidos,” anh chàng bảo vệ nói. “¿Qué tal, Marco?”

Hai người bắt tay và Marco giới thiệu Đô đốc Ávila.

“Ha venido a conocer al papa,” Marco nói với anh chàng bảo vệ. Ông ấy đến gặp giáo hoàng.

Anh chàng bảo vệ gật đầu, tỏ ý ngưỡng mộ những tấm huân chương trên bộ đồng phục của Ávila và vẫy tay cho họ đi tiếp. Cánh cổng đồ sộ mở ra, Ávila cảm thấy như mình đang tiến vào một lâu đài thời trung cổ.

Tòa nhà thờ lớn kiểu Gothic cao vút xuất hiện trước mặt họ có tới tám ngọn tháp, mỗi ngọn đều có một tháp chuông ba tầng. Một nhóm ba vòm cuốn đồ sộ tạo thành thân chính của kết cấu, với ngoại thất được tạo thành từ đá trắng và nâu thẫm, tạo cho nó cảm giác hiện đại khác thường.

Ávila hạ ánh mắt xuống đường dẫn, được chia nhỏ thành ba phần lòng đường song song, hai bên mỗi đường đều trồng cọ rất cao. Trước sự ngạc nhiên của ông ta, toàn bộ khu vực này chật cứng các loại phương tiện đỗ lại - có đến hàng trăm chiếc - những chiếc xe mui kín sang trọng, những chiếc xe buýt ọp ẹp, những chiếc xe đạp máy bùn đất bê bết... tất cả mọi thứ có thể hình dung được.

Marco đi qua tất cả, lái xe thẳng tới sân trước nhà thờ, nơi một nhân viên an ninh nhìn thấy họ, xem đồng hồ của anh ta

và vẫy tay cho họ vào một vị trí đỗ xe còn trống rõ ràng được dành sẵn cho họ.

“Chúng ta hơi muộn một chút,” Marco nói. “Chúng ta cần nhanh vào trong.”

Ávila định đáp lời nhưng mọi lời đều tắc nghẹn trong cổ họng.

Ông ta vừa nhìn thấy tấm biển phía trước nhà thờ: IGLESIA CATÓLICA PALMARIANA

Chúa ơi! Ávila cảm thấy mình chùn lại. Mình đã nghe nói đến giáo hội này!

Ông ta quay sang Marco, cố gắng kiểm soát tim mình lúc này đang đập thình thịch. “Đây là nhà thờ của anh à, Marco?” Ávila cố gắng không tỏ ra cảnh giác. “Anh là một... tín đồ Palmaria phải không?”

Marco mỉm cười. “Ông nói đến từ đó cứ như nó là một thứ bệnh dịch gì đó vậy. Tôi chỉ là một người Công giáo mộ đạo tin rằng La Mã đã lầm đường lạc lối thôi.”

Ávila lại ngược mắt nhìn nhà thờ. Lời tuyên bố lạ lùng của Marco về việc biết giáo hoàng đột nhiên thành dễ hiểu. Giáo hoàng ở đây tại Tây Ban Nha.

Một vài năm trước, hãng truyền hình Canal Sur đã phát sóng một bộ phim tài liệu tựa đề *La Iglesia Oscura*, mục đích là phơi bày một số bí mật của Giáo hội Palmaria. Ávila sửng sờ khi biết đến sự tồn tại của giáo hội lạ lùng này, đây là còn chưa đề cập đến ảnh hưởng và giáo đoàn ngày càng tăng của họ.

Theo hiểu biết, Giáo hội Palmaria được thành lập sau khi một số người dân địa phương tuyên bố đã chứng kiến một loạt cảnh tượng bí ẩn trên một cách đồng gần đó. Người ta cho là Đức mẹ Đồng trinh Mary xuất hiện trước mặt họ và cảnh báo rằng Giáo

hội Công giáo đầy rẫy “quan điểm dị giáo của chủ nghĩa hiện đại” và rằng tín điều thật sự cần được bảo vệ.

Đức mẹ Đồng trinh Mary thúc giục những người Palmaria thành lập một giáo hội thay thế và lên án đương kim giáo hoàng tại Rome là giáo hoàng mạo xưng. Lời cáo buộc cho rằng giáo hoàng ở Vatican *không phải* là đức thánh cha hợp lệ được biết đến như là Tông tòa *khuyết xuất luận** - một tín điều cho rằng “chỗ ngồi” của Thánh Peter đúng là “bỏ trống”.

Hơn nữa, những người Palmaria tuyên bố có bằng chứng cho thấy giáo hoàng “đích thực” thực tế là người sáng lập của họ - một người có tên Clemente Domínguez y Gómez, tự lấy hiệu là Giáo hoàng Gregory XVII. Dưới quyền Giáo hoàng Gregory - hay “giáo hoàng đối cử”, theo quan điểm của những người Công giáo dòng chính - Giáo hội Palmaria phát triển không ngừng. Năm 2005, khi Giáo hoàng Gregory qua đời trong lúc đang chủ trì một buổi lễ mi-xa Phục sinh, những người ủng hộ ông xưng tụng thời điểm ông qua đời như là một dấu hiệu nhiệm mầu từ thượng giới, khẳng định rằng người này thực tế có sự gắn kết trực tiếp với Chúa.

Lúc này, khi Ávila chăm chú nhìn lên tòa nhà thờ đồ sộ, ông ta không thể không nhìn nhận tòa nhà thật sự đầy hung hiểm.

Cho dù giáo hoàng đối cử hiện tại có là ai đi nữa thì mình gặp ông ấy cũng chẳng ích gì.

Ngoài những lời chỉ trích đối với những tuyên bố táo tợn của họ về ngôi vị giáo hoàng, Giáo hội Palmaria còn bị cáo buộc tẩy não, hăm dọa và thậm chí chịu trách nhiệm về một vài cái chết bí ẩn, trong đó có trường hợp thành viên giáo đoàn Bridget Crosbie, người mà theo lời các luật sư của gia đình bà, đã “không thể thoát khỏi” một trong những giáo đoàn Palmaria ở Ireland.

Ávila không muốn mất lịch sự với người bạn mới của mình, nhưng đây hoàn toàn không phải những gì ông ta mong đợi từ chuyến đi hôm nay. “Marco,” ông ta nói kèm tiếng thở dài xin lỗi, “Tôi xin lỗi, nhưng tôi không nghĩ tôi làm được việc này.”

“Tôi đã có cảm giác ông sẽ nói vậy,” Marco trả lời, dường như chẳng chút lúng túng. “Và tôi thừa nhận, tôi cũng đã có phản ứng y hệt khi lần đầu tôi đến đây. Tôi cũng đã nghe tất cả những điều đồn thổi và xì xầm, nhưng tôi có thể quả quyết với ông, đó chẳng có gì hơn một chiến dịch bôi nhọ do Vatican chủ trì.”

Cậu lại còn trách họ ư? Ávila thắc mắc. Giáo hội của các cậu tuyên bố họ là không hợp pháp mà!

“Rome cần một lý do để rút phép thông công chúng tôi, cho nên họ bịa ra những điều dối trá. Trong nhiều năm, Vatican lan truyền những thông tin sai lệch về tín đồ Palmaria.”

Ávila đánh giá tòa nhà thờ hoành tráng ở giữa nơi đồng không mông quạnh. Ở nó có gì đó ông ta thấy rất lạ. “Tôi thấy hơi khó hiểu,” ông ta nói. “Nếu các anh không có quan hệ gì với Vatican, thì tiền của các anh từ đâu mà ra?”

Marco mỉm cười. “Ông sẽ ngạc nhiên trước số lượng những tín đồ bí mật mà Palmaria có được ngay trong giới tu sĩ Công giáo. Có rất nhiều giáo xứ Công giáo bảo thủ ở Tây Ban Nha này không tán thành những thay đổi tự do bắt nguồn từ Rome, và họ âm thầm rót tiền cho những nhà thờ như của chúng tôi, nơi các giá trị truyền thống được đề cao.”

Câu trả lời thật bất ngờ, nhưng Ávila thấy đúng. Ông ta cũng cảm thấy tình trạng ly giáo ngày càng tăng ngay trong Giáo hội Công giáo - một sự rạn nứt giữa những người tin Giáo hội cần hiện đại hóa hoặc là tiêu vong và những người tin mục đích thật sự của Giáo hội là kiên định trước một thế giới đang tiến

triển.

“Đức Thánh cha hiện nay là một người xuất chúng,” Marco nói. “Tôi đã kể với ngài câu chuyện của ông, và ngài nói ngài rất vinh hạnh chào đón một sĩ quan lập nhiều thành tích tới nhà thờ của chúng tôi, và đích thân gặp ông sau buổi lễ hôm nay. Như những người tiền nhiệm của ngài, ngài từng có thời gian trong quân đội trước khi tìm tới Chúa, và ngài hiểu những gì ông trải qua. Tôi thật sự nghĩ quan điểm của ngài có thể giúp ông tìm được sự bình yên.”

Marco mở cửa để ra khỏi xe, còn Ávila thì không tài nào nhúc nhích được. Ông ta chỉ biết ngồi nguyên tại chỗ, trân trân nhìn công trình đồ sộ, cảm thấy có lỗi vì đã nuôi một định kiến mù quáng với những con người này. Công bằng thì ông ta chưa biết gì về Giáo hội Palmaria ngoại trừ những lời đồn đại, và không phải là Vatican không hề có những bê bối. Hơn nữa, giáo hội của chính Ávila đã chẳng giúp gì được cho ông ta sau vụ tấn công. *Hãy tha thứ cho kẻ thù của con*, nữ tu đã nói với ông ta như vậy. *Chìa nốt má kia ra.*

“Luis, nghe tôi này,” Marco thì thào. “Tôi nhận thấy mình đã có phần gài bẫy ông đi đến đây, nhưng việc đó có những ý định tốt đẹp... Tôi muốn ông gặp người này. Những ý tưởng của ông ấy đã thay đổi cuộc đời tôi rất mạnh mẽ. Sau khi tôi mất chân, tôi ở tình trạng như ông lúc này. Tôi muốn chết. Tôi chìm vào bóng tối và những lời của người này đã cho tôi một mục đích. Hãy tới và nghe ông ấy giảng đạo xem.”

Ávila ngập ngừng. “Tôi mừng cho anh, Marco. Nhưng tôi nghĩ tôi sẽ ổn với chính mình.”

“Ổn ư?” Gã thanh niên cười phá lên. “Một tuần trước, ông kê súng vào đầu và bóp cò! Ông không hề ổn, ông bạn của tôi ạ.”

Cậu ta nói đúng, Ávila biết, và thêm một tuần nữa, khi việc điều

trị của mình xong xuôi, mình sẽ lại về nhà, một mình và phiêu bạt trở lại.

“Ông sợ gì chứ?” Marco thúc giục. “Ông là một sĩ quan hải quân. Một người đàn ông trưởng thành từng chỉ huy một con tàu! Lẽ nào ông sợ giáo hoàng sẽ tẩy nã ông trong vòng mười phút và bắt ông làm con tin à?”

Mình không chắc mình sợ gì, Ávila nghĩ, dăm dăm nhìn xuống cái chân bị thương của mình, cảm thấy nhỏ bé và bất lực một cách lạ lùng. Trong phần lớn cuộc đời mình, ông ta là người phụ trách, người ra lệnh. Ông ta thấy ngập ngừng về viễn cảnh nhận mệnh lệnh từ một ai đó khác.

“Không sao,” cuối cùng Marco nói, xiết lại đai an toàn. “Tôi xin lỗi. Tôi thấy là ông không được thoải mái. Tôi không định ép ông.” Anh ta đưa tay xuống khởi động xe.

Ávila cảm thấy như một kẻ ngốc. Marco thực tế chỉ là một cậu nhóc, bằng một phần ba tuổi của Ávila, lại mất một chân, đang cố giúp một kẻ đồng loại tàn tạ và Ávila đáp lại anh ta bằng việc tỏ ra vô ơn, hoài nghi và trịch thượng.

“Không,” Ávila nói. “Thứ lỗi cho tôi, Marco. Tôi rất vinh hạnh được nghe ngài ấy giảng đạo.”

Kính chắn gió trên chiếc Tesla Model X của Edmond có thể mở rộng, biến đổi hình thái rất liên lạc vào nóc xe ở chỗ nào đó phía sau đầu Langdon, khiến cho ông có cảm giác mất phương hướng rằng mình đang lơ lửng bên trong một bong bóng thủy tinh.

Lái chiếc xe dọc theo cao tốc có trồng cây ở phía Bắc Barcelona, Langdon ngạc nhiên khi thấy mình lái xe quá cả giới hạn tốc độ chung của đường là 120 km/h. Động cơ điện êm ái và gia tốc tuyến tính của chiếc xe dường như làm cho mọi tốc độ đều có cảm giác gần như giống nhau.

Trên ghế bên cạnh ông, Ambra đang bận lướt Internet trên màn hình máy tính trên bảng đồng hồ rất lớn của xe, nói lại cho Langdon tin tức lúc này đang tung ra khắp thế giới. Một trang web chuyên về thuyết âm mưu ngầm vốn quanh năm hoạt động chìm nay đang nổi lên, bao gồm cả những tin đồn cho rằng Giám mục Valdespino móc nối các nguồn tiền cho giáo hoàng đối cử của Giáo hội Palmaria - người được cho là có các mối liên hệ quân sự với những người ủng hộ phong trào Carlist bảo thủ và có vẻ như chịu trách nhiệm không chỉ cho cái chết của Edmond, mà còn cả cái chết của Syed al-Fadl và Giáo trưởng Yehuda Köves.

Như lời Ambra đọc to, có thể thấy rõ rằng các kênh truyền thông khắp mọi nơi lúc này đang đặt cùng một câu hỏi: Liệu Edmond Kirsch có thể phát hiện ra điều gì có tính chất đe dọa đến mức một giám mục có tên tuổi và một phái Công giáo bảo thủ lại sát hại anh nhằm cố ngăn chặn tuyên bố của anh như vậy không?

“Số lượng người xem thật kinh ngạc,” Ambra nói, ngược mắt khỏi màn hình. “Sự quan tâm của công chúng đến câu chuyện này thật chưa từng có... dường như là cả thế giới đều sửng sờ.”

Đúng lúc ấy, Langdon nhận ra rằng có lẽ có một điểm phức tạp trong họa cho vụ sát hại rừng rợn của Edmond. Với tất cả sự chú ý của truyền thông, khán giả toàn cầu của Kirsch đã tăng lên đông đảo hơn rất nhiều so với anh hình dung. Ngay lúc này, thậm chí khi đã chết, Edmond vẫn được cả thế giới lắng nghe.

Nhận ra điều đó khiến cho Langdon càng thêm quyết tâm đạt được mục tiêu của mình - tìm mật khẩu bốn mươi bảy mẫu tự của Edmond và công bố bài thuyết trình của anh ấy với thế giới.

“Vẫn chưa có tuyên bố gì từ Julián,” Ambra nói, nghe rất bối rối. “Không một lời nào từ Hoàng cung. Thật vô lý. Tôi từng có kinh nghiệm cá nhân với điều phối viên quan hệ công chúng của họ là Mónica Martín, và cô ấy luôn minh bạch, chia sẻ thông tin trước khi báo chí có thể nhào nặn nó. Tôi dám chắc cô ấy đang thúc giục Julián đưa ra một tuyên bố.”

Langdon ngờ rằng nàng nói đúng. Khi mà truyền thông đang kết tội vị cố vấn tôn giáo chính của hoàng cung về tội chủ mưu - thậm chí có khi là giết người - thì dường như lô-gic phải là Julián nên đưa ra một tuyên bố gì đó, thậm chí nếu chỉ là nói rằng hoàng cung đang điều tra các cáo buộc.

“Đặc biệt,” Langdon nói thêm, “nếu cô thấy rằng hoàng hậu tương lai của đất nước đứng ngay bên cạnh Edmond khi cậu ấy bị bắn. Hoàn toàn có thể là cô, Ambra. Ít nhất Hoàng tử cần nói ông ấy thấy nhẹ lòng vì cô an toàn.”

“Tôi không chắc anh ấy sẽ như vậy,” nàng nói không chút e ngại, rời mắt khỏi trình duyệt và ngả người trên ghế.

Langdon liếc sang. “Chắc, bất kể thế nào thì tôi cũng thấy

mừng là cô an toàn. Tôi không chắc mình có thể một mình xoay xở tối nay không.”

“Một mình sao?” một giọng nói vang lên qua loa của xe. “Sao chúng ta quên nhanh thế nhỉ!”

Langdon phì cười trước vẻ giận dữ hậm hực của Winston. “Winston, thật sự Edmond lập trình cho anh thủ thế và kém vững vàng thế à?”

“Đâu có,” Winston nói. “Ông ấy lập trình cho tôi quan sát, học hỏi và bắt chước hành vi của con người. Giọng điệu của tôi cố tỏ ra hài hước thì đúng hơn - điều Edmond khuyến khích tôi phát triển. Không lập trình được sự hài hước... cái đó phải học hỏi.”

“Chắc, anh học rất cừ.”

“Vậy ư?” Winston khẩn khoản. “Có lẽ ngài nói lại câu đó được không?”

Langdon bật cười lớn. “Như tôi đã nói, anh học rất cừ.”

Lúc này, Ambra đã cho màn hình bảng đồng hồ quay trở lại trang mặc định - một chương trình hướng dẫn lưu thông gồm một ảnh vệ tinh trên đó nhìn thấy rõ một “ảnh chủ” nhỏ xíu chiếc xe của họ. Langdon còn thấy rằng họ vừa uốn lượn qua núi Collserola và giờ đang nhập vào Cao tốc B-20 hướng về Barcelona. Phía Nam vị trí của họ, trên ảnh vệ tinh, Langdon nhìn thấy thứ gì đó rất bất bình thường khiến ông chú ý - một vùng rừng rộng lớn ngay giữa đô thị. Cái khoảng xanh ấy thuần dài và không có hình thù rõ rệt, chẳng khác gì một a míp khổng lồ.

“Đó là Công viên Parc Güell phải không?” ông hỏi.

Ambra liếc nhìn màn hình và gật đầu. “Mắt anh tinh đấy.”

“Edmond thường xuyên dừng chân ở đó,” Winston tiếp lời,

“trên đường ông ấy từ sân bay về nhà.”

Giờ Langdon thấy ngạc nhiên. Parc Güell là một trong những kiệt tác nổi tiếng nhất của Antoni Gaudí - cũng chính là kiến trúc sư và nghệ sĩ có tác phẩm Edmond khoe ra trên vỏ điện thoại của mình. Gaudí rất giống với Edmond, Langdon nghĩ. Một người nhìn xa trông rộng đầy chất đột phá mà những quy tắc thông thường không thể áp dụng cho họ được.

Là một sinh viên say mê tự nhiên, Antoni Gaudí lấy cảm hứng kiến trúc của mình từ các hình thái hữu cơ, sử dụng “thế giới tự nhiên của Chúa” để giúp ông thiết kế những cấu trúc dựa theo hình thái sinh học thay đổi liên tục xuất hiện trên mặt đất. Không hề có đường thẳng trong tự nhiên, Gaudí từng được dẫn lời phát ngôn như vậy, và thực tế, có rất ít đường thẳng trong tác phẩm của ông.

Thường được mô tả là người khởi xướng cho loại hình “kiến trúc sống” và “thiết kế sinh học,” Gaudí đã sáng tạo ra những kỹ thuật chưa từng thấy trước đó cho nghề mộc, rèn, thủy tinh và gốm để “bao bọc” các tòa nhà của mình trong lớp da nhiều màu sắc, đầy ấn tượng.

Thậm chí giờ đây, gần một thế kỷ sau khi Gaudí qua đời, du khách từ khắp thế giới vẫn đổ về Barcelona để tìm hiểu phong cách hiện đại chủ nghĩa khó bắt chước được của ông. Những tác phẩm của ông gồm các công viên, các tòa nhà công cộng, các tư gia và dĩ nhiên cả kiệt tác của ông - Sagrada Família - Vương cung thánh đường Công giáo đồ sộ với “những ngọn tháp bọt biển” chọc trời nổi bật trên đường chân trời Barcelona và được giới phê bình ca tụng là “không giống bất kỳ thứ gì trong toàn bộ lịch sử nghệ thuật”.

Langdon luôn kinh ngạc trước sức tưởng tượng táo bạo của Gaudí đối với công trình Sagrada Família - một Vương cung

thánh đường đồ sộ đến mức cho đến giờ vẫn đang trong quá trình xây dựng, gần một trăm bốn mươi năm sau lễ động thổ.

Tôi nay, lúc Langdon nhìn hình ảnh vệ tinh trên xe của công trình Parc Güell nổi tiếng của Gaudí, ông lại nhớ lần đầu tới thăm công viên này khi còn là một sinh viên đại học - một chuyến đi dạo qua một vùng đất lạ lẫm gồm những cột trụ giống như những cái cây vặn xoắn lại để đỡ những lối đi được nâng cao, những chiếc ghế băng chẳng ra hình thù gì, những hang động với các đài phun nước giống hình những con rồng và cá, và một bức tường trắng nhấp nhô có đặc điểm hay thay đổi đến mức trông nó như cái tiên mao của một sinh vật đơn bào khổng lồ.

“Edmond yêu mọi thứ của Gaudí,” Winston nói tiếp, “đặc biệt là quan niệm của ông ấy coi tự nhiên như nghệ thuật hữu cơ.”

Tâm trí của Langdon lại trở về với phát hiện của Edmond. Tự nhiên. Hữu cơ. Sáng tạo. Ông chợt nhớ tới tác phẩm nổi tiếng của Gaudí ở Barcelona là *Panots* - những viên gạch lát lục giác đặt làm riêng cho vỉa hè của thành phố. Mỗi viên đều mang thiết kế xoáy giống nhau gồm những đường ngoằn ngoèo dường như vô nghĩa, thế nhưng khi tất cả được sắp xếp và xoay chiều theo ý đồ, một đồ hình bất ngờ sẽ hiện ra - khung cảnh dưới biển đem lại ấn tượng về phiêu sinh vật, vi khuẩn và thảm thực vật dưới biển - tác phẩm *La Sopa Primordial* như cách người dân địa phương gọi thiết kế này.

Món súp nguyên thủy của Gaudí, Langdon thầm nghĩ, lại thấy giật mình bởi thành phố Barcelona ăn khớp với trí tò mò của Edmond về sự khởi đầu của sự sống mới hoàn hảo làm sao. Lý thuyết khoa học thông dụng cho rằng sự sống bắt đầu từ món súp nguyên thủy của Trái Đất - những đại dương ban đầu nơi

các núi lửa phun ra rất nhiều hóa chất, cuộn xoáy lẫn với nhau, liên tục bị tấn công bởi những tia chớp từ những cơn bão bất tận... cho tới khi đột nhiên, giống như một dạng ma tượng* cực nhỏ, những sinh vật đơn bào đầu tiên xuất hiện.

“Ambra,” Langdon nói, “cô là người quản lý bảo tàng... hẳn cô đã thảo luận thường xuyên về nghệ thuật với Edmond. Cậu ấy có bao giờ nói với cô cụ thể gì đó về Gaudí không?”

“Chỉ những gì Winston đã đề cập,” nàng đáp. “Kiến trúc của ông ấy có cảm giác như thể được chính tự nhiên tạo ra. Các hang động của Gaudí như được đẽo bởi gió và mưa, các cột chống đỡ như từ đất mọc lên, còn tác phẩm gạch lát của ông ấy giống như sự sống nguyên thủy ở biển.” Nàng nhún vai. “Dù lý do là gì thì Edmond cũng ngưỡng mộ Gaudí đến mức chuyển tới Tây Ban Nha.”

Langdon liếc nhìn nàng với vẻ ngạc nhiên. Ông biết Edmond sở hữu nhà ở vài nước trên thế giới, nhưng những năm gần đây, anh chọn định cư tại Tây Ban Nha.

“Cô nói Edmond chuyển tới đây vì nghệ thuật của Gaudí à?”

“Tôi tin là vậy,” Ambra nói. “Tôi có lần đã hỏi anh ấy, ‘Tại sao lại là Tây Ban Nha?’ và anh ấy bảo tôi rằng anh ấy có cơ hội hiếm hoi được thuê một cơ ngơi độc đáo tại đây - một cơ ngơi không giống bất kỳ thứ gì khác trên thế giới. Tôi cho rằng ý anh ấy là căn hộ của mình,” nàng nói.

“Căn hộ của cậu ấy ở đâu?”

“Robert, Edmond sống ở Casa Milà.”

Langdon sửng sốt. “Casa Milà à?”

“Một và duy nhất,” nàng gật đầu trả lời. “Năm ngoái, anh ấy thuê toàn bộ tầng trên cùng làm căn hộ tầng mái của mình.”

Langdon cần một lúc để lĩnh hội thông tin này. Casa Milà là

một trong những tòa nhà nổi tiếng nhất của Gaudí - một “ngôi nhà” độc đáo đến kinh ngạc có phần mặt tiền chia nhiều tầng và các ban công đá nhấp nhô lượn sóng trông rất giống một ngọn núi bị khoét thủng, khiến nó mang cái biệt danh hiện giờ rất thông dụng là “La Pedrera” - nghĩa là “mỏ đá.”

“Chẳng phải tầng trên cùng là một bảo tàng Gaudí sao?” Langdon hỏi, nhớ lại một lần mình tới thăm tòa nhà trước đây.

“Phải,” Winston lên tiếng. “Nhưng Edmond có một khoản quyên góp cho UNESCO, giúp bảo vệ ngôi nhà như một Di sản Thế giới và họ đồng ý tạm thời đóng cửa và để ông ấy sống ở đó hai năm. Xét cho cùng, ở Barcelona thiếu gì nghệ thuật Gaudí.”

Edmond sống bên trong một khu trưng bày Gaudí tại Casa Milà ư? Langdon bối rối. Và cậu ấy chuyển vào đó chỉ mới hai năm?

Winston xen vào. “Edmond thậm chí còn giúp Casa Milà tạo ra một video giáo dục mới về kiến trúc của nó. Rất đáng xem.”

“Đoạn video thực tế khá ấn tượng.” Ambra tán thành, nhੌm về phía trước và chạm vào màn hình trình duyệt. Một bàn phím xuất hiện, và nàng gõ Lapedrera.com. “Anh nên xem cái này.”

“Tôi đang lái xe mà,” Langdon trả lời.

Ambra với tay về phía trụ lái và kéo một cái cần nhỏ hai lần rất nhanh. Langdon cảm thấy vô lăng đột nhiên cứng đờ trong tay mình và lập tức nhận thấy chiếc xe có vẻ đang tự dẫn, vẫn ở nguyên chính giữa làn chạy một cách hoàn hảo.

“Lái tự động,” nàng nói.

Hiệu ứng này quả thật khá đáng lo và Langdon không thể không đặt tay mình phía trên vô lăng và chân bên trên chân phanh.

“Cứ thư giãn đi mà.” Ambra nhੌai người và đặt một bàn tay vỗ về lên vai ông. “Còn hơn con người lái rất nhiều.”

Đầy miễn cưỡng, Langdon buông tay xuống đồi.

“Thế chứ.” Nàng mỉm cười. “Giờ anh có thể xem đoạn video Casa Milà này.”

Video bắt đầu với một cảnh quay góc thấp đầy kịch tính hình ảnh sóng xô bờ, như thể được thực hiện từ một chiếc trực thăng đang bay chỉ cách đại dương vài mét phía trên. Ở phía xa nhô lên một hòn đảo - một núi đá với những vách dựng đứng cao hàng chục mét phía trên những đợt sóng xô ầm ầm.

Dòng chữ hiện rõ phía trên ngọn núi.

La Pedrera không phải do Gaudí tạo ra.

Trong ba mươi giây tiếp theo, Langdon xem cảnh sóng biển bắt đầu đổ gột ngọn núi mang vẻ ngoài trông rất giống thực thể sóng của Casa Milà. Tiếp theo đại dương tràn vào bên trong, tạo ra những khoảng rỗng và các khoang trống, trong đó những thác nước đục đổ ra các bậc thang và các dây leo mọc lên, xoắn xuýt lấy nhau thành lan can trong khi rêu mọc bên dưới, trải thảm cho phần sàn.

Cuối cùng, máy quay rút ra ngoài biển và cho thấy hình ảnh nổi tiếng của Casa Milà - “mỏ đá” - được đục đổ thành một ngọn núi sừng sững.

- *La Pedrera* -

Một kiệt tác của tự nhiên

Langdon phải thừa nhận, Edmond rất có sở trường tạo kịch tính. Xem video do máy tính tạo ra này khiến ông rất nóng lòng thăm lại tòa nhà nổi tiếng.

Đưa mắt trở lại nhìn đường, Langdon với xuống và kết thúc chế độ lái tự động, lấy lại quyền điều khiển. “Chúng ta hãy hy vọng căn hộ của Edmond có thứ chúng ta đang tìm kiếm.

Chúng ta cần tìm mật khẩu đó.”

Tư lệnh Diego Garza trực tiếp dẫn bốn đặt vụ Cận vệ có vũ trang của mình băng qua trung tâm Quảng trường Armería, mắt nhìn thẳng về phía trước và phớt lờ giới truyền thông đang ồn ã bên ngoài hàng rào, tất cả đều đang chia các máy quay truyền hình vào ông qua những chân song và hét to đòi nghe bình luận.

Ít nhất họ sẽ thấy rằng có ai đó đang hành động.

Khi ông cùng nhóm của mình tới nhà thờ lớn, lối vào chính đã bị chặn - không có gì lạ vào giờ này - và Garza bắt đầu đập cửa bằng báng súng ngắn của mình.

Không có ai trả lời.

Ông tiếp tục nện.

Cuối cùng, các khóa chuyển động và cánh cửa mở ra. Garza thấy mình mặt đối mặt với một nữ lao công, người tỏ ra hoảng hốt một cách dễ hiểu trước một nhóm quân lính ngoài cửa.

“Giám mục Valdespino đâu?” Garza vặn hỏi.

“Tôi... tôi không biết”, người phụ nữ trả lời.

“Tôi biết ngài giám mục ở đây”, Garza tuyên bố. “Và ông ấy đi cùng Hoàng tử Julián. Bà không thấy họ sao?”

Bà ta lắc đầu. “Tôi vừa tới. Tôi dọn dẹp vào các tối thứ bảy sau khi...”

Garza xô qua người bà ta, dẫn người của mình băng qua nhà thờ lớn tối om.

“Khóa cửa lại,” Garza nói với bà lao công. “Và tránh đường.”

Nói xong, ông lên cò súng và đi thẳng tới văn phòng của

Valdespino.

Bên kia quảng trường, trong phòng điều khiển ở tầng hầm cung điện, Mónica Martín đang đứng bên cây làm mát và rít một hơi thuốc còn khá dài. Nhờ phong trào “chỉnh đốn chính trị” tự do đang tràn khắp Tây Ban Nha, việc hút thuốc trong các văn phòng tại cung điện bị cấm, nhưng với quá nhiều thứ được cho là tội ác đang đeo bám hoàng cung tối nay, Martín cho rằng việc hút thuốc quá quy định một chút hẳn là sự vi phạm có thể bỏ qua.

Tất cả năm trạm tin trong nhóm truyền hình dàn hàng trước mặt cô vẫn tiếp tục đưa tin trực tiếp về vụ ám sát Edmond Kirsch, cứ ngang nhiên phát đi phát lại đoạn phim vụ sát hại anh ấy dã man. Dĩ nhiên, mỗi lần phát sóng lại đều có dẫn trước bằng lời cảnh báo thông thường.

LƯU Ý: Đoạn phim dưới đây bao gồm những hình ảnh đồ họa có thể không phù hợp với tất cả khán giả.

Vô liêm sỉ, cô nghĩ, biết rằng những lời cảnh báo này không phải là sự phòng ngừa nhạy cảm của nhà mạng mà đúng hơn là sự kích thích rất khôn khéo để bảo đảm rằng không ai đổi kênh.

Martín rít một hơi thuốc nữa, nhìn một lượt rất nhiều mạng truyền hình, hầu hết trong số đó đang khai thác những thuyết âm mưu đang gia tăng bằng những dòng tiêu đề có gắn “Tin nóng” và những băng chữ chạy.

Có phải nhà vị lai chủ nghĩa bị Giáo hội sát hại?

Liệu phát hiện khoa học có bị thất lạc mãi mãi?

Có phải kẻ ám sát được hoàng gia thuê?

Các người phải đưa tin, cô cầu nhàu. Đâu phải là lan truyền những lời đồn ác ý bằng hình thức mấy câu hỏi.

Martín luôn tin rằng vị trí quan trọng của báo chí có tính trách nhiệm chính là một nền tảng cho tự do và dân chủ, và vì thế cô thường thất vọng bởi những nhà báo chuyên kích động tranh cãi bằng việc lan truyền những ý tưởng rành rành là ngớ ngẩn - trong khi đó lại né tránh những hậu quả pháp lý bằng cách chỉ việc biến mọi tuyên bố lố bịch thành một câu hỏi khôn ngoan.

Ngay cả những kênh khoa học được nể trọng cũng đang thực hiện việc này, đặt câu hỏi với khán giả của mình: “Liệu có khả năng ngôi đền ở Peru này là do những người ngoài hành tinh cổ đại xây dựng lên?”

Không! Martín muốn hét lên với truyền hình. Không thể có chuyện chết tiệt ma toi đó! Hãy ngừng đặt những câu hỏi ngu dốt này đi!

Trên một trong số các màn ảnh truyền hình, cô thấy rằng CNN có vẻ đang cố gắng hết sức để được tôn trọng.

Tưởng nhớ Edmond Kirsch

Nhà tiên tri. Người nhìn xa trông rộng. Nhà sáng tạo.

Martín vớ lấy điều khiển và vặn to âm lượng.

“... một con người yêu nghệ thuật, công nghệ, và sáng tạo,” phát thanh viên thời sự nói giọng buồn rầu. “Một con người mà khả năng gần như kỳ bí trong việc dự đoán tương lai đã biến ông ấy thành một người ai cũng biết. Theo các đồng nghiệp của ông, tất cả mọi dự đoán mà Edmond Kirsch đưa ra trong lĩnh vực khoa học máy tính đều trở thành hiện thực.”

“Đúng vậy, David,” người phụ nữ đồng dẫn chương trình với ông xen ngang. “Tôi chỉ ước chúng ta có thể nói những điều

tương tự cho những dự đoán cá nhân của ông ấy.”

Lúc này họ chiếu đoạn phim tư liệu ghi hình một Edmond Kirsch khỏe khoắn, nước da rám nắng đang chủ trì một cuộc họp báo trên vỉa hè bên ngoài Trung tâm 30 Rockefeller ở Thành phố New York. “Hôm nay tôi vừa đúng ba mươi tuổi,” Edmond nói, “và tuổi thọ của tôi chỉ là sáu mươi tám. Thế nhưng, với những bước tiến trong tương lai về thuốc men, công nghệ tuổi thọ và tái tạo đoạn cuối nhiễm sắc thể, tôi dự đoán tôi sẽ sống để chứng kiến sinh nhật lần thứ 110 của mình. Thực tế, tôi tự tin về điều này đến mức tôi vừa giữ chỗ Phòng Cầu vồng cho bữa tiệc sinh nhật lần thứ 110 của tôi.” Kirsch mỉm cười và ngược nhìn lên trần nhà. “Giờ tôi chỉ việc thanh toán toàn bộ hóa đơn của mình - tám mươi năm ứng trước - bao gồm cả các khoản dự phòng lạm phát.”

Nữ phát thanh viên xuất hiện trở lại, thở dài rầu rĩ. “Đúng như một câu cách ngôn xưa đã nói: ‘Người tính không bằng trời tính.’”

“Đúng vậy,” nam phát thanh viên lên tiếng. “Và bên trên cái chết bị bủa vây bởi những mưu đồ của Kirsch, còn bùng nổ những suy đoán về bản chất phát hiện của ông ấy.” Ông nhìn thẳng vào máy quay. “Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta đang đi về đâu? Hai câu hỏi đầy lôi cuốn.”

“Và để trả lời cho những câu hỏi này,” nữ phát thanh viên nói thêm đầy hào hứng, “chúng tôi có hai người phụ nữ tài năng - một giáo sĩ Anh giáo từ Vermont và một nhà sinh vật tiến hóa từ UCLA*. Chúng tôi sẽ trở lại sau giờ giải lao cùng với những suy nghĩ của họ.”

Martín đã biết những suy nghĩ của họ - các cực đối lập, nếu không họ đã không lên chương trình của các vị. Hẳn nhiên vị mục sư sẽ nói gì đó đại loại: “Chúng ta từ Chúa mà ra và chúng ta sẽ

về với Chúa,” còn nhà sinh vật sẽ trả lời, “Chúng ta tiến hóa từ vượn và chúng ta sẽ tuyệt chủng.”

Họ sẽ chẳng chứng minh được gì ngoại trừ việc chúng ta sẽ xem bất kỳ điều gì nếu thối phồng đủ mức độ.

“Mónica!” Suresh hét gọi ở gần đó.

Martín quay lại thấy anh chàng giám đốc an ninh điện tử bước vòng qua góc nhà, rõ ràng đang chạy lại.

“Chuyện gì thế?” cô hỏi.

“Giám mục Valdespino vừa gọi cho tôi,” anh nói không ra hơi.

Cô tắt tiếng TV. “Giám mục gọi cho... *anh*? Ông ấy có nói với anh ông ấy đang làm cái quái gì không?!”

Suresh lắc đầu. “Tôi không hỏi, và ông ấy không nói. Ông ấy gọi để biết xem liệu tôi có thể kiểm tra gì đó trên các máy chủ điện thoại của chúng ta không.”

“Tôi không hiểu.”

“Cô biết là giờ ConspiracyNet đang đưa tin nói rằng có người trong cung điện này gọi một cuộc điện thoại tới Guggenheim ngay trước sự kiện tối nay - một đề nghị để Ambra Vidal thêm tên Ávila vào danh sách khách mời như thế nào chứ?”

“Biết. Và tôi đã đề nghị anh nghiên cứu kỹ việc đó.”

“Chà, Valdespino ủng hộ đề nghị của cô. Ông ấy gọi để nhờ tôi truy cập vào tổng đài của cung điện và tìm lại nhật ký cuộc gọi đó để xem liệu tôi có thể lần ra nó xuất phát từ chỗ nào trong hoàng cung không, với hy vọng nắm rõ được ai ở đây có thể thực hiện cuộc gọi đó.”

Martín cảm thấy bối rối, cứ ngỡ rằng chính Valdespino mới là đối tượng tình nghi chắc chắn nhất.

“Theo Guggenheim,” Suresh nói tiếp, “quầy lễ tân của họ

nhận được cuộc gọi từ số chính của Hoàng cung Madrid vào tối nay, ngay trước sự kiện. Cuộc gọi đó có trong nhật ký điện thoại của họ. Nhưng đây mới là vấn đề. Tôi đã tìm hiểu nhật ký tổng đài của chúng ta để kiểm tra các cuộc gọi đi vào cùng thời điểm đó.” Anh lắc đầu. “Không thấy gì. Không hề có cuộc gọi nào. Ai đó đã xóa nhật ký cuộc gọi từ hoàng cung tới Guggenheim.”

Martín chăm chú nhìn đồng nghiệp của mình một lúc lâu. “Ai có quyền truy cập để làm việc đó?”

“Chính xác thì đó cũng là những gì Valdespino hỏi tôi. Và vì thế tôi nói với ông ấy sự thật. Tôi bảo ông ấy rằng tôi, với tư cách trưởng nhóm an ninh điện tử, có thể xóa hồ sơ, nhưng tôi không hề làm việc đó. Và rằng người duy nhất khác có thẩm quyền và truy cập được vào những hồ sơ đó là Tư lệnh Garza.”

Martín trân trọng nhìn. “Anh nghĩ Garza can thiệp vào nhật ký điện thoại của chúng ta à?”

“Hoàn toàn có lý mà,” Suresh nói. “Công việc của Garza, nói cho cùng, là bảo vệ hoàng cung và giờ đây, nếu có bất kỳ cuộc điều tra nào và chứng nào hoàng cung có liên can, thì đã không hề có cuộc gọi nào cả. Về mặt kỹ thuật, chúng ta có khả năng phủ nhận một cách hợp lý. Xóa nhật ký để giúp hoàng cung thoát hiểm.”

“Thoát hiểm ư?” Martín hỏi lại. “Rõ ràng cuộc gọi đó đã được thực hiện! Ambra đưa Ávila vào danh sách khách mời! Và bộ phận lễ tân của Guggenheim sẽ xác thực...”

“Đúng, nhưng giờ đó chỉ là lời của một nhân viên lễ tân trẻ tuổi ở một bảo tàng đối lập với cả Hoàng cung. Theo nhật ký của chúng ta, đơn giản là cuộc gọi đó không hề xảy ra.”

Đánh giá không lấy gì làm mới mẻ của Suresh có vẻ lạc quan thái quá với Martín. “Và anh nói với Valdespino toàn bộ điều

này?”

“Đó là sự thật mà. Tôi bảo với ông ấy rằng dù thực tế Garza có thực hiện cuộc gọi hay không thì có vẻ như Garza đã xóa nó đi nhằm bảo vệ hoàng cung.” Suresh ngừng lại. “Nhưng sau khi tôi kết thúc cuộc gọi với Giám mục, tôi mới nhận ra chuyện khác.”

“Là gì?”

“Về mặt kỹ thuật, còn một người thứ ba có quyền truy cập vào máy chủ.” Suresh lo lắng liếc quanh phòng và nhích lại gần hơn. “Mã đăng nhập của Hoàng tử Julián cho ngài ấy quyền truy cập vào toàn bộ các hệ thống.”

Martín trân trối nhìn. “Thật vớ vẩn.”

“Tôi biết việc đó nghe điên khùng,” anh nói, “nhưng Hoàng tử cũng ở trong cung, một mình trong căn hộ của ngài ấy, vào thời điểm cuộc gọi được thực hiện. Ngài ấy có thể dễ dàng thực hiện nó và sau đó đăng nhập vào máy chủ và xóa đi. Phần mềm rất dễ sử dụng và Hoàng tử là một người sành sỏi công nghệ hơn mọi người nghĩ nhiều.”

“Suresh,” Martín gắt, “anh thật sự nghĩ Hoàng tử Julián - Đức vua tương lai của Tây Ban Nha - lại đích thân phái một sát thủ vào Bảo tàng Guggenheim để giết Edmond Kirsch sao?”

“Tôi không biết,” anh nói. “tất cả những gì tôi nói là điều đó có thể.”

“Tại sao Hoàng tử Julián cần làm một việc như thế?!”

“Cô và tất cả mọi người không nên hỏi thế. Còn nhớ toàn bộ cái tin tức tệ hại mà cô phải xử lý nói về Ambra và Edmond Kirsch dành thời gian cùng nhau chứ? Cái vụ anh ta bay cùng cô ấy tới căn hộ của anh ta ở Barcelona ấy?”

“Họ cùng làm việc! Đó là công việc!”

“Chính trị là tất cả mọi phương diện,” Suresh nói. “Cô dạy tôi như vậy. Và cô cùng tôi đều biết lời cầu hôn của Hoàng tử đã không diễn ra công khai theo cách ngài ấy hình dung.”

Điện thoại Suresh có tín hiệu và anh đọc tin nhắn gửi đến, gương mặt anh hiện rõ vẻ không tin nổi.

“Chuyện gì vậy?” Martín gắng hỏi.

Không nói một lời, Suresh quay người và chạy về phía trung tâm an ninh.

“Suresh!” Martín giục tắt điều thuốc của mình và chạy theo anh ta, gặp anh ta tại một trong mấy khu vực làm việc của nhóm kỹ thuật viên, nơi anh ta và họ đang cho chạy một đoạn băng giám sát khá nhiều.

“Chúng ta đang xem chỗ nào vậy?” Martín gắng hỏi.

“Lối thoát sau nhà thờ lớn,” kỹ thuật viên nói. “Năm phút trước.”

Martín và Suresh cùng cúi xem đoạn video cho thấy một thầy tu trẻ ra khỏi phía sau nhà thờ lớn, vội vã men theo Phố Calle tương đối yên tĩnh, mở khóa một chiếc xe mui kín hiệu Opel đã cũ và leo lên.

Tốt lắm, Martín nghĩ, anh ta về nhà sau lễ mi-xa. Vậy thì sao nhỉ?

Trên màn hình, chiếc Opel vọt ra, chạy một quãng ngắn, sau đó chạy gần một cách bất thường tới cổng sau của nhà thờ lớn - cũng chính là cánh cổng mà thầy tu vừa thoát ra. Gần như ngay lập tức, hai bóng đen lách qua cổng ra ngoài, cúi thật thấp và leo lên ghế sau chiếc xe của thầy tu trẻ. Hai hành khách - không phải nghi ngờ gì nữa - chính là Giám mục Valdespino và Hoàng tử Julián.

Một lúc sau, chiếc Opel phóng vút đi, biến mất ở góc đường

và ra khỏi khung hình.

CHƯƠNG 51

Tọa lạc như một ngọn núi được đẽo gọt nham nhở ở góc Phố Provença và Đại lộ Gràcia, kiệt tác năm 1906 của Gaudí mang tên Casa Milà là một công trình nửa căn hộ - một tác phẩm nghệ thuật phi thời gian.

Được Gaudí sáng tạo như một đường cong liên tục, có thể ngay lập tức nhận ra kết cấu chín tầng này nhờ phần mặt tiền bằng đá vôi phồng lên của nó. Các ban công lệch cùng đặc điểm hình học không đều của tòa nhà khiến cho nó mang khí vị của một sinh thể, như thể cả thiên niên kỷ gió dập mưa vùi đã đẽo gọt lên các khoảng trống và những đường cong giống như trong một hẻm núi ở hoang mạc.

Mặc dù công trình thiết kế hiện đại chủ nghĩa gây sốc của Gaudí mới đầu bị khu vực này xa lánh nhưng Casa Milà được giới phê bình nghệ thuật khắp thế giới ca ngợi và nhanh chóng trở thành một trong những món đồ trang sức kiến trúc sáng giá nhất của Barcelona. Trong ba thập kỷ, Pere Milà, doanh nhân đặt làm tòa nhà, đã sống cùng vợ trong căn hộ chính rộng rãi và cho thuê hai mươi căn hộ còn lại của tòa nhà. Cho đến giờ, Casa Milà - tại địa chỉ số 92 Đại lộ Gràcia - được coi là một trong những địa chỉ được thèm muốn và riêng biệt nhất trên toàn bộ đất nước Tây Ban Nha.

Khi Robert Langdon cho chiếc Tesla của Kirsch chạy dọc đại lộ trồng cây rất đẹp với mật độ giao thông thưa thớt, ông cảm thấy họ sắp đến nơi. Đại lộ Gràcia là một phiên bản Champs-Élysées của Paris ở Barcelona - đại lộ rộng rãi và đẹp nhất, có cảnh trí miễn chê và hai bên toàn những gian hàng của các nhà thiết kế.

Chanel... Gucci... Cartier... Longchamp...

Cuối cùng, Langdon cũng nhìn thấy nó, cách đó hai trăm mét.

Được chiếu sáng dịu dịu từ bên dưới, chất đá vôi lỗ chỗ nhờn nhợt cùng những ban công thuôn thuôn của Casa Milà khiến nó khác hẳn với những công trình vuông thành sắc cạnh kề bên - cứ như thể một mảng san hô đại dương đẹp mắt vừa dạt vào bờ biển và nằm yên trên bãi biển toàn những gạch xỉ vậy.

“Tôi sợ thứ này,” Ambra nói, vội vã chỉ tay xuôi theo hướng đại lộ đẹp mắt. “Nhìn xem.”

Langdon đưa mắt về phía vỉa hè rộng rãi ngay trước Casa Milà. Xem ra có tới nửa tá xe truyền thông đỗ phía trước và cả đám nhà báo đang đưa tin cập nhật trực tiếp, lấy nơi ở của Kirsch làm phong nền. Vài nhân viên an ninh được bố trí để cách ly đám đông khỏi lối vào. Cái chết của Edmond có vẻ như đã biến những gì liên quan đến anh thành một bản tin thời sự.

Langdon nhìn một lượt Đại lộ Gràcia tìm một chỗ đỗ xe, nhưng ông chẳng thấy và lượng xe qua lại di chuyển liên tục.

“Cúi xuống,” ông giục Ambra, nhận ra mình chẳng còn lựa chọn nào ngoài việc lái thẳng qua góc phố nơi tất cả báo chí tập hợp.

Ambra trượt xuống ghế, thu mình trên sàn xe, hoàn toàn khuất khỏi tầm nhìn. Langdon quay đầu đi khi họ cho xe chạy qua góc phố đông đúc.

“Xem ra họ đang vây lối vào chính,” ông nói. “Chúng ta sẽ không vào được.”

“Rẽ phải đi,” Winston xen vào với giọng tự tin vui vẻ. “Tôi đã lường việc này có thể xảy ra rồi.”

Blogger Héctor Marcano râu rĩ ngược nhìn lên tầng nóc Casa Milà, vẫn đang cố gắng để chấp nhận rằng Edmond Kirsch đã thực sự ra đi.

Suốt ba năm, Héctor chuyên đưa tin về công nghệ cho Barcinno.com - một diễn đàn cộng tác khá quen thuộc cho các doanh nhân và doanh nghiệp khởi nghiệp tiên phong của Barcelona. Có được Edmond Kirsch vĩ đại sống ngay tại Barcelona này gần như chẳng khác gì làm việc dưới chân thần Zeus.

Lần đầu Héctor gặp Kirsch là hơn một năm trước, khi nhà vị lai chủ nghĩa huyền thoại ân cần nhận lời nói chuyện tại một sự kiện hằng tháng quan trọng của Barcinno - FuckUp Night - một hội thảo trong đó một doanh nhân thành đạt công khai nói về những thất bại lớn nhất của mình. Kirsch đã bèn lên thừa nhận với đám đông rằng anh đã tiêu hơn bốn trăm triệu đô la trong vòng sáu tháng để theo đuổi giấc mơ xây dựng cái anh gọi là E-Wave - một máy tính lượng tử có tốc độ xử lý cực nhanh, tạo thuận lợi cho những tiến bộ chưa từng có trong mọi ngành khoa học, đặc biệt trong việc xây dựng các hệ thống phức tạp.

“Tôi lo ngại,” Edmond thừa nhận, “cho đến giờ, sự đột phá của tôi trong lĩnh vực máy tính lượng tử là một thứ vô dụng lượng tử.”

Tối nay, khi Héctor nghe tin Kirsch có kế hoạch công bố một phát hiện chấn động, anh đã rất mừng và nghĩ rằng có thể phát hiện đó liên quan tới E-Wave. *Phải chẳng anh ấy đã phát hiện ra chìa khóa để làm cho nó hoạt động?* Nhưng sau phần dẫn nhập đầy chất triết lý của Kirsch, Héctor nhận ra phát hiện của anh ấy là gì đó hoàn toàn khác.

Mình bắn khoản liệu chúng ta có bao giờ biết được những gì anh

ây đã tìm thấy không, Héctor ngẫm nghĩ, tìm anh trữu nặng đến mức anh phải tìm đến nhà Kirsch không phải để đăng blog, mà để tỏ lòng kính ngưỡng.

“E-Wave!” Ai đó gần đó la lên. “E-Wave!”

Xung quanh Héctor, đám đông tụ tập bắt đầu chỉ chỗ và chĩa máy quay của họ vào một chiếc Tesla đen bóng lúc này đang giảm tốc độ chậm chậm trên quảng trường và nhích dần về phía đám đông với những ngọn đèn pha halogen sáng quắc.

Héctor trân trân nhìn chiếc xe quen thuộc đầy kinh ngạc.

Chiếc Tesla Model X với biển đăng ký E-Wave của Kirsch nổi tiếng ở Barcelona chẳng kém gì chiếc xe của giáo hoàng ở Rome. Kirsch thường thể hiện màn đỗ xe song song* trên Đại lộ Provença bên ngoài cửa hàng trang sức DANIEL VIOR, nhẩy ra ngoài ký lưu niệm và sau đó khiến cả đám đông thót tim bằng việc cho chế độ tự đỗ của xe điều khiển không người chạy theo một lộ trình đã lập trình trước chạy hết phố và vượt qua cả phần vỉa hè rộng rãi - các cảm biến của xe phát hiện được bất kỳ người đi bộ hay chương ngại vật nào - cho tới khi nó tới cổng gara, khi đó mới mở ra, rồi chậm chậm chạy theo đường dốc xoắn ốc vào gara riêng bên dưới Casa Milà.

Mặc dù khả năng tự đỗ là một tính năng chuẩn trên tất cả các xe Tesla - dễ dàng mở cửa gara, chạy thẳng vào bên trong và tự tắt máy - nhưng Edmond rất hãnh diện bề khóa được hệ thống chiếc Tesla của mình để tạo lộ trình phức tạp hơn.

Màn trình diễn luôn vậy.

Tối nay cảnh tượng lạ lùng hơn nhiều. Kirsch đã chết, nhưng chiếc xe của anh lại vừa xuất hiện, chạy chậm chậm tới Phố Provença, tiếp tục vượt qua vỉa hè, căn thẳng với cửa gara và nhích dần về phía trước khi mọi người tránh đường.

Các phóng viên và quay phim đổ xô tới cỗ xe, neho mắt nhìn qua các ô cửa phủ màu và la lên đầy ngạc nhiên.

“Trông không! Không có ai lái xe! Nó từ đâu về nhỉ?!”

Nhân viên an ninh của Casa Milà rõ ràng đã chứng kiến trò diễn này trước đó, và họ ngăn mọi người đứng xa chiếc Tesla và cửa ga ra khi cửa mở ra.

Với Héctor, cảnh tượng chiếc xe không người của Edmond bò vào ga ra gợi lên những hình ảnh một chú chó bị bắt mất tìm trở về nhà sau khi mất chủ.

Như một bóng ma, chiếc Tesla lặng lẽ chạy qua cửa ga ra, và đám đông vỡ òa trong tiếng hò reo đầy cảm xúc khi nhìn thấy chiếc xe thân yêu của Edmond, như vẫn vậy rất nhiều lần trước đó, bắt đầu bò xuống đường dốc xoắn ốc để chui vào khu vực đỗ xe ngầm đầu tiên của Barcelona.

“Tôi không biết anh lại mắc chứng sợ không gian kín,” Ambra thì thào, nằm ngay bên cạnh Langdon trên sàn chiếc Tesla. Họ bị nhồi nhét trong một diện tích chật chội giữa hàng ghế thứ hai và thứ ba, nấp bên dưới một tấm phủ xe hơi bằng vinyl màu đen mà Ambra lấy từ khu vực để hàng hóa, rất khó nhìn thấy qua những ô cửa sổ màu.

“Tôi sẽ sống sót thôi mà,” Langdon run run gằng gượng, cảm thấy lo lắng về chiếc xe tự lái hơn là nỗi ám ảnh của mình. Ông cảm nhận được chiếc xe đang đi xuống theo một đường xoắn ốc rất dốc và sợ nó sẽ đâm va bất kỳ lúc nào.

Hai phút trước, khi họ còn đỗ song song trên Phố Provença, bên ngoài cửa hàng trang sức DANIEL VIOR, Winston đã nói với họ những chỉ dẫn rõ như pha lê.

Ambra và Langdon, không hề rời khỏi xe, leo ra phía sau chỗ hàng ghế thứ ba của chiếc Model X, sau đó chỉ với động tác bấm một nút duy nhất trên chiếc điện thoại, Ambra đã kích hoạt chế độ tự đỗ thiết kế riêng của chiếc xe.

Trong bóng tối, Langdon cảm nhận được chiếc xe tự lái chậm chậm dọc phố. Và với cơ thể của Ambra áp sát vào người ông trong không gian chật hẹp, ông không thể không nhớ lại trải nghiệm thời niên thiếu đầu tiên của mình ở ghế sau một chiếc xe hơi cùng một cô gái xinh xắn. Khi đó mình còn lo lắng hơn ấy chứ, ông nghĩ thầm, điều có vẻ khá mỉa mai nếu xét đến việc lúc này ông đang nằm tráo đầu đuôi cùng hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha trong một chiếc xe không người lái.

Langdon cảm thấy chiếc xe trườn thẳng tới khi chạm đáy đường dốc, thực hiện vài lần rẽ từ từ, sau đó dừng hẳn lại.

“Các vị đến nơi rồi,” Winston nói.

Ngay lập tức Ambra kéo tấm vải nhựa ra và thận trọng ngồi dậy, ghé mắt nhìn ra ngoài cửa sổ.

“Không có ai,” nàng nói, lồm cồm bò dậy.

Langdon chui ra sau nàng, cảm thấy nhẹ nhõm khi đứng trong không gian mở của ga ra.

“Cầu thang máy trong sảnh chính,” Ambra nói, ra hiệu về phía đường dốc uốn lượn cho xe chạy.

Tuy nhiên, ánh mắt Langdon đột nhiên sững lại bởi một cảnh tượng hoàn toàn bất ngờ. Tại đây, trong cái ga ra đỗ xe ngầm này, trên bức tường xi măng ngay trước mặt khu vực đỗ xe của Edmond có treo một bức tranh lồng khung rất lịch sự mô tả cảnh biển.

“Ambra?” Langdon nói. “Edmond trang trí chỗ đỗ xe của mình bằng một bức tranh à?”

Nàng gật đầu. “Tôi cũng đã hỏi anh ấy chính câu hỏi này. Anh ấy bảo đó là cách mỗi tối khi về nhà, anh ấy lại được một người đẹp rạng rỡ chào đón.”

Langdon cười. Đúng là đám độc thân.

“Họa sĩ là một người Edmond rất kính trọng,” Winston nói, giọng anh ta giờ tự động chuyển sang chiếc điện thoại di động của Kirsch ở trong tay Ambra. “Ngài có nhận ra vị ấy không?”

Langdon không biết. Bức vẽ dường như không có gì hơn là một cảnh biển bằng màu nước hoàn chỉnh - chẳng giống gì với cái gu trường phái tiên phong thường thấy của Edmond.

“Là Churchill,” Ambra nói. “Edmond trích lời ông ấy suốt.”

Churchill. Langdon cần một lúc mới nhận ra nàng đang nói đến không ai khác hơn là Winston Churchill, chính trị gia nổi tiếng của Anh, người mà, ngoài việc là một anh hùng quân sự, sử gia, nhà hùng biện và tác giả đoạt giải Nobel, còn là một họa sĩ tài năng xuất chúng. Giờ Langdon nhớ Edmond từng trích lời ngài thủ tướng Anh để đáp lại bình luận của ai đó đưa ra về những tín đồ tôn giáo ghét anh: Quý vị có kẻ thù ư? Tốt. Như thế có nghĩa quý vị đã đứng lên vì một điều gì đó!

“Chính sự đa tài của Churchill gây ấn tượng với Edmond nhất,” Winston nói. “Con người hiếm khi thể hiện sự tài giỏi trong nhiều lĩnh vực hoạt động như vậy.”

“Và đó là lý do tại sao Edmond đặt tên cho anh là ‘Winston’ phải không?”

“Đúng vậy”, máy tính trả lời. “Sự tán dương quá cao từ Edmond.”

Mừng là mình đã hỏi, Langdon nghĩ thầm, cứ đinh ninh rằng cái tên của Winston là ám chỉ đến Watson - chiếc máy tính IBM từng thống trị chương trình trò chơi truyền hình Jeopardy!

mười năm trước. Hẳn nhiên, có thể lúc này Watson bị xem là một con vi khuẩn đơn bào, cổ xưa trên bậc thang tiến hóa của trí thông minh nhân tạo.

“Được rồi,” Langdon nói, di chuyển về phía thang máy. “Chúng ta hãy lên gác và thử tìm những gì chúng ta đến đây để kiểm nào.”

Cũng chính vào thời điểm ấy, bên trong Nhà thờ lớn Almudena của Madrid, Tư lệnh Diego Garza đang nắm chặt điện thoại của mình và sững sờ nghe trong khi điều phối viên quan hệ công chúng của cung điện Mónica Martín cập nhật tình hình cho ông.

Valdespino và Hoàng tử Julián ra khỏi phạm vi an toàn của cung điện ư?

Garza không thể hình dung nổi những gì họ đang nghĩ.

Họ lái xe qua Madrid trong một chiếc xe thầy tu ư? Quả là điên rồ!

“Chúng tôi có thể liên lạc với các cơ quan chức năng ngành giao thông,” Martín nói. “Suresh tin họ có thể dùng các máy quay giao thông để giúp lần theo...”

“Không!” Garza tuyên bố. “Báo cho bất kỳ ai biết sự thật rằng Hoàng tử ra khỏi cung điện mà không có an ninh là quá nguy hiểm! Sự an toàn của ông ấy là mối quan tâm cơ bản của chúng ta.”

“Rõ, thưa sếp,” Martín nói, đột nhiên cảm thấy bồn chồn. “Còn chuyện nữa ngài nên biết. Đó là về nhật ký một cuộc gọi bị xóa mất.”

“Khoan đã,” Garza nói, bị phân tâm bởi sự xuất hiện của bốn đặc vụ Cận vệ, những người mà, trước sự hoang mang của ông,

đang sải bước tới và vây quanh ông. Garza chưa kịp phản ứng thì các đặc vụ đã thành thực tước vũ khí cùng điện thoại của ông.

“Tư lệnh Garza,” đặc vụ đứng đầu nói, gương mặt lạnh băng.
“Tôi có lệnh trực tiếp bắt giữ ngài.”

Casa Milà được xây dựng theo hình dáng của một ước hiệu vô cực - một đường quanh co vô tận vòng ngược trở lại và hình thành hai hồ lượn sóng xuyên qua tòa nhà. Mỗi giếng trời lấy ánh sáng này sâu hơn ba mươi mét, có nhiều nếp giống như một đường ống bị sập một phần, và nhìn từ trên không, chúng giống như hai hồ sụt khổng lồ trên nóc tòa nhà.

Từ chỗ Langdon đứng ở phần chân của giếng trời hẹp hơn, hiệu ứng nhìn ngược lên bầu trời đáng ngại thấy rõ - hết như bị mắc trong cổ họng một con thú khổng lồ.

Dưới chân Langdon, nền đá dốc và không bằng phẳng. Một cầu thang xoắn ốc chạy ngược lên trong lòng đường ống, lan can của nó bằng lưới sắt mô phỏng các hốc không đều nhau của một đám bọt biển. Một khoảng nho nhỏ um tùm những cây leo xoắn xuýt và những cây cọ mọc tràn ra khỏi các lan can như thể sắp phủ kín toàn bộ không gian.

Kiến trúc sống, Langdon trầm ngâm, rất kinh ngạc trước khả năng của Gaudí khi để cho công trình của mình thấm đẫm đặc tính gần như sinh học.

Ánh mắt Langdon lại leo lên cao hơn, ngược lên hai bên ‘hẻm núi’, leo lên những bức tường cong queo, nơi một mảng ngói nâu và xanh lục hòa lẫn với những bức bích họa mô tả cây cối và hoa lá dường như đang mọc lên hướng về phía mảng trời đêm hình chữ nhật trên đỉnh cái đường ống toang hoác này.

“Thang máy lối này,” Ambra thì thào, dẫn ông men theo khoảnh sân. “Căn hộ của Edmond đi hết lên trên cùng.”

Khi họ vào trong buồng thang máy chật chội một cách khó

chịu, Langdon nghĩ đến phần xép trên tầng thượng của tòa nhà, nơi ông từng ghé thăm một lần để xem phần triển lãm nhỏ về Gaudí tại đó. Theo ông còn nhớ, tầng áp mái Casa Milà là một loạt các phòng tối tăm, quanh co với rất ít cửa sổ.

“Edmond có thể sống ở bất kỳ đâu,” Langdon nói khi thang máy bắt đầu chạy lên. “Tôi vẫn không tin được cậu ấy lại thuê phần xép.”

“Đó là một căn hộ kỳ lạ,” Ambra tán thành. “Nhưng anh biết đấy, Edmond là một người lập dị mà.”

Khi thang máy lên đến tầng thượng, họ thoát ra một hành lang rất trang nhã và leo lên một đợt cầu thang uốn lượn nữa để tới một khoảng chiếu nghỉ riêng ở trên đỉnh tòa nhà.

“Đây rồi,” Ambra nói, ra hiệu về phía một cánh cửa kim loại sáng bóng chẳng hề có tay vặn hay lỗ khóa. Cánh cổng dày chất vị lai chủ nghĩa này trông hoàn toàn lạc lõng trong tòa nhà và rõ ràng do Edmond thêm vào.

“Cô nói cô biết cậu ấy giấu chìa khóa ở đâu thì phải?” Langdon hỏi.

Ambra giơ điện thoại của Edmond lên. “Cũng chính là nơi dường như anh ấy cất giấu mọi thứ.”

Nàng áp chiếc điện thoại vào cánh cửa kim loại, khiến nó kêu bíp bíp ba lần và Langdon nghe thấy tiếng một loạt chốt cửa trượt mở. Ambra cất chiếc điện thoại vào túi và đẩy cửa mở ra.

“Mời anh,” nàng nói kèm một cái vung tay.

Langdon bước qua ngưỡng cửa vào một phòng nghỉ sáng lờ mờ có tường và trần bằng gạch màu nhòe nhòe. Sàn nhà bằng đá, và không khí thấy khá loãng.

Khi di chuyển qua lối vào để tới không gian mở tiếp theo, ông thấy mình đối diện với một bức vẽ rất lớn, treo ở bức tường hậu

được chiếu sáng rất khéo bằng loại đèn rọi chuyên dùng cho bảo tàng.

Khi Langdon nhìn thấy tác phẩm, ông dừng sửng lại. “Chúa ơi đó là... *bản gốc* à?”

Ambra mỉm cười. “Vâng, tôi định nói đến nó lúc trên máy bay nhưng tôi nghĩ mình sẽ gây ngạc nhiên cho anh.”

Không nói lên lời, Langdon tiến về phía kiệt tác. Nó dài gần bốn mét và cao gần mét rưỡi - lớn hơn rất nhiều so với ông còn nhớ khi ngắm nó lần trước tại Bảo tàng Mỹ thuật Boston. *Mình nghe nói bức này được bán cho một nhà sưu tập vô danh, nhưng mình không hề biết đó lại là Edmond!*

“Lần đầu khi tôi nhìn thấy nó trong căn hộ này,” Ambra nói, “tôi không thể tin Edmond lại có gu với phong cách nghệ thuật này. Nhưng giờ khi tôi biết những gì anh ấy đã trải qua suốt năm nay thì bức vẽ này dường như vô cùng thích hợp.”

Langdon gật đầu, đầy hoài nghi.

Kiệt tác trứ danh này là một trong những tác phẩm đặc trưng của nghệ sĩ theo trường phái Hậu ấn tượng người Pháp Paul Gauguin - một họa sĩ mang tính đột phá, là hình mẫu của trào lưu Tượng trưng cuối những năm 1890 và giúp mở đường cho nghệ thuật hiện đại.

Khi Langdon tiến về phía bức vẽ, ông lập tức có ấn tượng rằng bảng màu của Gauguin tương tự như ở lối vào Casa Milà - một hỗn hợp màu xanh lục, màu nâu và màu xanh lam hữu cơ - cũng mô tả một khung cảnh rất vạn vật học.

Bất chấp cả đám người và động vật rất gây tò mò xuất hiện trong bức vẽ của Gauguin, ánh mắt Langdon lập tức di chuyển tới góc trên bên trái - tới một mảng vàng tươi, trên đó có ghi tên của tác phẩm này.

Langdon sửng sốt đọc dòng chữ: D'où Venons Nous / Que Sommes Nous / OÙ Allons Nous.

Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta là gì? Chúng ta đang đi về đâu?

Langdon tự hỏi phải chăng việc đối diện với những câu hỏi này hằng ngày khi trở về nhà mình đã truyền cảm hứng cho Edmond bằng cách nào đó.

Ambra cùng đứng trước bức vẽ với Langdon. “Edmond nói anh ấy muốn được những câu hỏi này khích lệ bất cứ khi nào anh ấy vào nhà.”

Khó mà quên được, Langdon nghĩ.

Nhìn cách Edmond trưng bày kiệt tác này một cách nổi bật như vậy, Langdon tự hỏi phải chăng chính bức vẽ này có thể cũng nắm giữ mạnh mẽ mọi gì đó liên quan tới những gì Edmond đã phát hiện ra. Mới nhìn qua, chủ đề của bức vẽ dường như quá nguyên thủy để gợi ra được một phát hiện khoa học tiên tiến. Những nét vẽ không đồng đều mạnh mẽ mô tả một cánh rừng Tahiti nơi có những con vật và người Tahiti bản xứ cư trú.

Langdon biết rất rõ bức vẽ và theo ông nhớ, Gauguin dự kiến tác phẩm này được “đọc” từ phải sang trái - theo hướng ngược với cách đọc văn bản chuẩn mực tiếng Pháp. Và vì thế mắt Langdon nhanh chóng lần ra những nhân vật quen thuộc theo hướng ngược lại.

Ở góc xa bên phải, một đứa trẻ mới sinh ngủ trên một tảng đá, thể hiện cho khởi đầu của sự sống. *Chúng ta từ đâu đến?*

Ở giữa, một đám người đủ các lứa tuổi khác nhau thực hiện những hoạt động sống hằng ngày. *Chúng ta là gì?*

Và bên trái, một bà già hom hem ngồi một mình, trầm tư mặc tưởng, dường như đang trăn trở về cái chết của chính mình. *Chúng ta đang đi về đâu?*

Langdon ngạc nhiên là ông không hề nghĩ ngay đến bức vẽ này khi lần đầu tiên Edmond mô tả trọng tâm phát hiện của mình. *Nguồn cội của chúng ta là gì? Số phận của chúng ta là gì?*

Langdon nhìn những thành tố khác của bức vẽ - những con chó, mèo và chim, dường như chẳng làm gì cụ thể cả; một bức tượng nữ thần rất thô sơ ở hậu cảnh; một ngọn núi, mấy rễ cây xoắn xuýt và cây cối. Và, dĩ nhiên, “con chim trắng kỳ lạ” nổi tiếng của Gauguin, đậu bên cạnh bà già và, theo lời họa sĩ, biểu trưng cho “sự phù phiếm của ngôn từ”.

Phù phiếm hay không, Langdon nghĩ, thì ngôn từ vẫn là những gì chúng tôi đến đây tìm kiếm. *Đáng giá đến bốn mươi bảy mẫu tự.*

Nhất thời, ông tự hỏi liệu cái tiêu đề khác thường của bức vẽ có liên quan trực tiếp đến mật khẩu bốn mươi bảy mẫu tự mà họ đang tìm kiếm hay không, nhưng đếm nhanh bằng cả tiếng Pháp và tiếng Anh đều không khớp.

“Được rồi, chúng ta sẽ tìm kiếm một dòng thơ,” Langdon nói đầy hy vọng.

“Thư viện của Edmond ở lối này,” Ambra bảo ông. Nàng chỉ về bên trái, xuôi theo một hành lang rộng rãi mà Langdon có thể thấy được bố trí những đồ đạc rất lịch sự nằm rải rác cùng đủ loại tác phẩm và hiện vật trưng bày của Gaudí.

Edmond sống trong một bảo tàng ư? Langdon vẫn không tài nào tập trung được suy nghĩ quanh vấn đề này. Phần gác xép của Casa Milà không hẳn là nơi quen thuộc nhất ông từng thấy. Được xây dựng hoàn toàn bằng đá và gạch, về cơ bản nó là một đường hầm có khung sườn liên tục - một cái vòng tròn gồm hai trăm bảy mươi khung parabol có độ cao khác nhau, mỗi cái cách nhau một thước. Có rất ít cửa sổ, không khí rất khô và vô trùng, được xử lý rất kỹ càng để bảo vệ các tác phẩm của Gaudí.

“Tôi sẽ gặp cô sau một lát nữa,” Langdon nói. “Trước tiên, tôi phải tìm buồng vệ sinh của Edmond.”

Ambra bối rối liếc lại phía lối vào. “Edmond luôn dẫn tôi sử dụng sảnh dưới nhà... anh ấy có vẻ bảo vệ phòng tắm riêng của căn hộ này một cách rất bí ẩn.”

“Hang ổ của một gã độc thân mà - phòng tắm của cậu ấy có thể rất bừa bãi và cậu ấy thấy ngại.”

Ambra mỉm cười. “Chà, tôi nghĩ nó ở lối kia.” Nàng chỉ về hướng ngược với thư viện, xuôi theo một đường hầm tối om.

“Cảm ơn. Tôi sẽ trở lại ngay.”

Ambra rời về phía văn phòng của Edmond, còn Langdon đi theo hướng ngược lại, lần theo hành lang hẹp - một đường hầm mái tò vò bằng gạch khiến ông nhớ tới một cái hang ngầm dưới đất hay một hầm mộ thời trung cổ. Kỳ lạ thay, khi ông di chuyển dọc theo đường hầm đá, hai dãy đèn cảm ứng chuyển động sáng lên dưới chân mỗi vòm parabol, chiếu sáng lối đi cho ông.

Langdon đi qua khu vực đọc sách rất trang nhã, một không gian tập thể dục nhỏ và thậm chí một phòng để thức ăn, tất cả đều bố trí rải rác nhiều bàn trưng bày các bức vẽ, phác thảo kiến trúc và mô hình 3-D các dự án của Gaudí.

Tuy nhiên, khi đi qua một chiếc bàn trưng bày có đèn sáng với những tác phẩm sinh học, Langdon dừng sững lại, ngạc nhiên trước phần mẫu vật - một hóa thạch cá thời tiền sử, một cái vỏ ốc anh vũ rất đẹp và một bộ xương rắn uốn khúc. Mất một lúc, Langdon mừng tượng Edmond hắt ánh sáng lên bàn trưng bày phần trưng bày khoa học này - có lẽ liên quan đến những nghiên cứu của anh về cội nguồn của sự sống. Sau đó, Langdon nhìn thấy lời chú thích đặt trên hộp và nhận ra rằng những

mẫu vật này thuộc về Gaudí và phản ánh nhiều đặc điểm kiến trúc của căn nhà này: những vảy cá là các mẫu hoa văn gạch ốp trên tường, ốc anh vũ là đường dốc uốn khúc vào ga ra, và bộ xương rắn với hàng trăm đốt xương sườn sát nhau chính là hành lang này.

Đi kèm với phần trưng bày là những dòng chữ khiêm nhường của kiến trúc sư:

Chẳng hề có gì được phát minh cả, bởi nó đã được viết ra trong tự nhiên từ trước.

Tính căn nguyên bao gồm việc trở về với nguồn cội.

ANTONI GAUDÍ

Langdon đưa mắt nhìn một lượt hành lang khung vòm uốn lượn và một lần nữa lại cảm thấy như mình đang đứng bên trong một sinh vật sống.

Một căn nhà hoàn hảo cho Edmond, ông quả quyết. Nghệ thuật lấy cảm hứng từ khoa học.

Khi Langdon đi theo khúc cong đầu tiên trong đường hầm quanh co này, không gian mở rộng ra, và những bóng đèn cảm ứng chuyển động sáng bừng lên. Ánh mắt ông lập tức bị hút tới một hộp trưng bày bằng kính rất lớn ngay giữa hành lang.

Một mô hình xích treo, ông nghĩ, luôn cảm thấy ngạc nhiên trước nguyên mẫu khéo léo này của Gaudí. “Xích treo” là thuật ngữ kiến trúc chỉ đoạn cong hình thành bởi một sợi dây treo hồ giữa hai điểm cố định - như một chiếc võng hay sợi dây bằng nhung lơ lửng giữa hai cột chống trong một nhà hát.

Trong mô hình xích treo trước mặt Langdon, hàng chục mắt xích được treo hồ trên đỉnh hòm - tạo thành những đoạn dài thông xuống và sau đó chạy ngược lên để tạo thành những hình

chữ U treo hờ. Vì sức căng do lực hấp dẫn là đối lực của sức nén lực hấp dẫn, Gaudí có thể nghiên cứu ra hình dạng chính xác của một dây xích khi treo tự nhiên dưới sức nặng của chính nó, và ông có thể bắt chước hình dạng đó để giải quyết những thách thức về mặt kiến trúc của sức nén lực hấp dẫn.

Nhưng nó cần có một chiếc gương thần, Langdon trầm ngâm, di chuyển về phía hòm trưng bày. Đúng như dự đoán, đáy hòm là một tấm gương, và khi ông ngó xuống hình phản chiếu, ông nhìn thấy một hiệu ứng kỳ diệu. Toàn bộ mô hình quay lộn ngược - và các thông lọng treo trở thành những ngọn tháp cao vút.

Trong trường hợp này, Langdon nhận ra rằng mình đang nhìn khung cảnh đảo ngược của Vương cung thánh đường Sagrada Família sừng sững của Gaudí, với những ngọn tháp thoai thoải có lẽ được thiết kế sử dụng mô hình này.

Đi vội xuôi theo hành lang, Langdon thấy mình ở trong một không gian phòng ngủ rất trang nhã với một chiếc giường bốn cọc cổ, một tủ đứng bằng gỗ anh đào, và một chiếc tủ ngăn kéo có chạm khắc. Tường được trang trí bằng những phác thảo thiết kế của Gaudí, mà Langdon nhận ra là thêm một phần trưng bày nữa của bảo tàng.

Tác phẩm nghệ thuật duy nhất trong phòng dường như được đặt thêm vào là một câu trích dẫn được viết rất to treo phía trên giường của Edmond. Langdon đọc ba từ đầu tiên và nhận ngay ra nguồn gốc xuất xứ.

Chúa đã chết. Chúa vẫn chết. Và chúng ta đã giết ngài. Chúng ta sẽ an ủi bản thân mình, những kẻ giết chết những kẻ sát nhân, như thế nào đây?

NIETZSCHE

“Chúa đã chết” là ba từ nổi tiếng nhất do Friedrich Nietzsche, triết gia vô thần Đức nổi tiếng thế kỷ XIX viết ra. Nietzsche khét tiếng với những chỉ trích gay gắt về tôn giáo và cả những suy nghĩ của ông về khoa học - đặc biệt là sự tiến hóa của Darwin - mà ông tin đã đưa con người tới bờ vực của thuyết hư vô phủ nhận mọi quy tắc đạo đức và tôn giáo, một sự nhận thức cho rằng cuộc sống chẳng hề có ý nghĩa gì, chẳng có mục đích cao cả hơn và chẳng đưa ra bằng chứng trực tiếp nào về sự tồn tại của Chúa.

Nhìn câu trích dẫn phía trên chiếc giường, Langdon tự hỏi phải chăng Edmond, với tất cả sự lớn tiếng bài tôn giáo của mình, có thể đang phải vật lộn với chính vai trò của mình trong việc cố giải thoát thế giới khỏi Chúa.

Câu trích của Nietzsche, theo Langdon còn nhớ, kết thúc bằng những lời này: “Có phải tầm vóc lớn lao của việc làm này không hề quá lớn với chúng ta? Lẽ nào bản thân chúng ta không được trở thành các vị chúa đơn giản vì xứng đáng vậy?”

Ý tưởng táo bạo này - rằng con người trở thành Chúa để giết chết Chúa - chính là cốt lõi tư duy của Nietzsche, và có lẽ, theo Langdon nhận thấy, phần nào giải thích những phức cảm về Chúa lại xuất hiện ở nhiều thiên tài công nghệ tiên phong như Edmond đến vậy. Những người tẩy bỏ Chúa... phải làm thần thánh.

Khi Langdon suy ngẫm về quan niệm này, ông chợt ngộ ra điều thứ hai.

Nietzsche không chỉ là một triết gia - ông ấy còn là một thi sĩ!

Chính Langdon sở hữu *The Peacock and the Buffalo* (Công và Trâu) của Nietzsche, một tập hợp gồm hai trăm bảy mươi lăm bài thơ và cách ngôn nêu ra những suy nghĩ về Chúa, cái chết và tư duy con người.

Langdon nhanh chóng đếm số mẫu tự trong câu trích được đóng khung. Không khớp, nhưng trong ông trào lên những hy vọng. Có phải Nietzsche chính là thi sĩ của dòng thơ bọn ta đang tìm không? Nếu vậy, bọn ta sẽ phải tìm một tập thơ của Nietzsche trong văn phòng của Edmond chẳng? Dù thế nào, Langdon cũng sẽ đề nghị Winston truy cập vào một sưu tập trực tuyến các bài thơ của Nietzsche và rà tất cả để tìm ra dòng thơ có bốn mươi bảy mẫu tự.

Háo hức quay lại chỗ Ambra để chia sẻ suy nghĩ của mình, Langdon vội vã đi qua phòng ngủ để vào nhà vệ sinh xuất hiện phía trước.

Lúc ông bước vào, các bóng đèn bên trong sáng lên, cho thấy một phòng tắm được trang trí rất lịch sự với một bồn rửa có bệ, một bộ vòi hoa sen đứng rời và một bồn vệ sinh.

Mắt Langdon lập tức bị hút tới một chiếc bàn cổ thấp ngổn ngang đồ dùng nhà tắm và vật dụng cá nhân. Khi ông nhìn thấy những thứ trên bàn, ông hít thật mạnh và lùi lại một bước.

Ôi Chúa ơi. Edmond... không.

Chiếc bàn trước mặt ông trông như một phòng thí nghiệm thuốc vụng trộm - những ống bơm tiêm đã sử dụng, những lọ thuốc, những viên thuốc vung vãi và thậm chí cả miếng giẻ dính máu.

Tim Langdon trĩu xuống.

Edmond đang sử dụng ma túy ư?

Langdon biết rằng nghiện hóa chất đã trở nên phổ biến thời nay, thậm chí trong giới giàu có và nổi tiếng. Giờ heroin còn rẻ hơn cả bia và người ta dùng các loại thuốc giảm đau có gốc thuốc phiện như thế đó là ibuprofen* vậy.

Nghiện ngập chắc chắn lý giải cho việc sụt cân của cậu ấy gần

đây, Langdon nghĩ, tự hỏi phải chăng Edmond đang vờ “ăn kiêng” chỉ để cố che giấu tình trạng gầy gò và đôi mắt trũng sâu của mình.

Langdon bước tới bên bàn và nhặt một cái lọ lên, đọc nhãn toa thuốc, định nhìn tìm được một chất thuốc chứa thuốc phiện quen thuộc như OxyContin hoặc Percocet.

Thay vào đó, ông thấy: Docetaxel.

Bối rối, ông kiểm tra lọ khác: Gemcitabine.

Mấy thứ này là gì nhỉ? Ông băn khoăn, kiểm tra tiếp lọ thứ ba: Fluorouracil.

Langdon sửng sờ. Ông đã nghe nói đến Fluorouracil qua một đồng nghiệp ở Harvard, và ông cảm thấy một nỗi kinh hãi đột ngột. Chỉ một khắc sau, ông nhận ra một cuốn sách mỏng nằm giữa những cái lọ. Tiêu đề là “Liệu trường chay có làm chậm ung thư tụy không?”

Quai hàm Langdon như rớt xuống khi tiếp nhận sự thật này.

Edmond không phải là một kẻ nghiện ma túy.

Anh đã âm thầm chiến đấu với một căn bệnh ung thư chết người.

Ambra Vidal đứng trong ánh sáng dịu dịu của căn hộ tầng áp mái và đưa mắt nhìn những hàng sách dọc theo tường thư viện của Edmond.

Bộ sưu tập của anh ấy còn lớn hơn mình nhớ.

Edmond đã cải tạo một khu vực rộng rãi của phần hành lang uốn cong thành một thư viện ấn tượng bằng cách lắp đặt các giá sách giữa các trụ dọc đỡ các vòm cuốn của Gaudí. Thư viện của anh rộng đến bất ngờ và có lượng sách khá lớn, đặc biệt nếu xét đến việc Edmond được cho là có kế hoạch ở lại đây chỉ hai năm.

Giống như là anh ấy chuyển đến ở hẳn vậy.

Nhìn những giá sách chật cứng, Ambra nhận ra rằng việc xác định dòng thơ yêu thích của Edmond sẽ tốn nhiều thời gian hơn dự tính. Trong lúc tiếp tục đi dọc các giá sách, mắt nhìn các góc sách, nàng chẳng thấy gì ngoài những bộ sách khoa học về vũ trụ học, ý thức và trí thông minh nhân tạo:

BỨC TRANH LỚN

NHỮNG SỨC MẠNH CỦA THIÊN NHIÊN

CỘI NGUỒN CỦA NHẬN THỨC

HỆ SINH HỌC CỦA NIỀM TIN

CÁC THUẬT TOÁN THÔNG MINH

PHÁT MINH CUỐI CÙNG CỦA CHÚNG TA

Nàng đi đến cuối một khu vực và bước vòng qua một khung sườn kiến trúc để sang khu vực giá sách tiếp theo. Ở đây, nàng tìm thấy rất nhiều chủ đề khoa học - nhiệt động học, hóa học căn bản và tâm lý học.

Không hề có thơ ca.

Nhận ra Winston vẫn im lặng cho đến giờ, Ambra rút điện

thoại di động của Kirsch ra. “Winston? Anh vẫn kết nối chứ?”

“Tôi đây,” giọng nói nhún nhá của anh ta vang lên.

“Có thật Edmond đọc toàn bộ số sách trong thư viện này không?”

“Tôi tin là đúng vậy,” Winston trả lời. “Ông ấy là người rất ham đọc và gọi thư viện này là ‘căn phòng chiến tích kiến thức’ của mình.”

“Mà liệu có thể là có một khu vực thi phú ở đây không nhỉ?”

“Những tiêu đề duy nhất mà tôi biết là các tập sách người thật việc thật mà tôi được đề nghị đọc bằng định dạng sách điện tử để Edmond và tôi có thể thảo luận nội dung - tôi ngờ rằng đó là một bài tập cho phần giáo dục của tôi hơn là cho ông ấy. Rất tiếc, tôi không có ghi lại mục lục toàn bộ tập hợp này, cho nên cách duy nhất cô có thể tìm được những gì cô đang tìm kiếm là tìm trên thực tế.”

“Tôi hiểu.”

“Trong lúc cô tìm, có một điều mà tôi nghĩ có thể cô quan tâm - tin đặc biệt từ Madrid liên quan đến hôn phu của cô, Hoàng tử Julián.”

“Có chuyện gì rồi?” Ambra gắng hỏi, dừng sửng lại. Cảm xúc của nàng vẫn rối bời với chuyện rất có khả năng Julián can dự vào vụ ám sát Kirsch. Chẳng hề có bằng chứng, nàng tự nhủ. Chẳng có gì khẳng định rằng Julián giúp đưa tên Ávila vào danh sách khách mời.

“Vừa có tin,” Winston nói, “rằng một cuộc biểu tình đang hình thành bên ngoài Hoàng cung. Bằng chứng tiếp tục cho thấy vụ ám sát Edmond do Giám mục Valdespino bí mật dàn dựng, có lẽ với sự hỗ trợ của ai đó trong cung, thậm chí có lẽ là Hoàng tử. Những người hâm mộ Kirsch hiện đang lập hàng rào

bao vây. Cô xem nhé.”

Điện thoại thông minh của Edmond bắt đầu bật một đoạn phim cảnh những người biểu tình giận dữ ở các cổng hoàng cung. Một người còn mang một biểu ngữ tiếng Anh ghi: PONTIUS PILATE* ĐÃ GIẾT HẠI NHÀ TIÊN TRI CỦA CHÚNG TA - CÁC NGƯỜI SÁT HẠI NGƯỜI CỦA CHÚNG TA!

Những người khác mang theo các tấm ga trải giường được xịt sơn khẩu hiệu tranh đấu với một từ duy nhất - ¡APOSTASIA! - đi kèm một biểu trưng giờ đang được in bằng giấy nến với mức độ ngày càng nhiều trên các vỉa hè của Madrid.

Apostasy đã trở thành tiếng hô mít tinh thông dụng với giới trẻ tự do Tây Ban Nha. Từ bỏ Giáo hội!

“Julián đã có tuyên bố chưa?” Ambra hỏi.

“Đó là một vấn đề đây,” Winston đáp. “Không một lời nào từ Julián, cũng chẳng thấy giám mục hay bất kỳ ai trong hoàng cung. Sự im lặng tiếp tục thế này đã khiến mọi người nghi ngờ. Các thuyết âm mưu đang tràn ngập, và báo chí quốc gia giờ bắt đầu đặt câu hỏi xem cô ở đâu, và tại sao cô không công khai bình luận gì về vụ khủng hoảng này?”

“Tôi ư?!” Ambra thấy kinh hãi trước ý nghĩ đó.

“Cô đã chứng kiến vụ giết người. Cô là hoàng hậu tương lai và mối tình trọn đời của Hoàng tử Julián. Công chúng muốn nghe cô nói rằng cô chắc chắn Julián không hề liên quan.”

Từ tận đáy lòng, Ambra biết rằng Julián có thể không hề biết đến vụ sát hại Edmond; khi nàng nghĩ lại thời gian tìm hiểu nhau của họ, nàng nhớ đến một người đàn ông dịu dàng và chân thành - phải thừa nhận là ngây thơ và lãng mạn một cách bốc đồng - nhưng chắc chắn không phải là một kẻ giết người.

“Những câu hỏi tương tự giờ cũng đặt ra với Giáo sư Langdon,” Winston nói. “Truyền thông bắt đầu đặt câu hỏi tại

sao giáo sư lại biến mất không một lời bình luận, đặc biệt sau khi xuất hiện rất nổi bật trong màn thuyết trình của Edmond. Một vài blog chuyên về thuyết âm mưu đang cho rằng sự biến mất của ông ấy thực tế có thể liên quan đến sự dính líu của ông ấy trong vụ sát hại Kirsch.”

“Nhưng đó là chuyện điên khùng!”

“Chủ đề này lại rất thu hút. Giả định xuất phát từ việc trước đây Langdon có tìm kiếm Chén Thánh và huyết mạch của Đức Chúa. Rõ ràng, những hậu duệ dòng Salic của Đức Chúa có những quan hệ lịch sử với phong trào Carlist, và hình xăm của sát thủ...”

“Thôi đi,” Ambra ngắt lời. “Chuyện này rất vô lý.”

“Nhưng còn có những người khác suy luận rằng Langdon biến mất vì bản thân ông ấy trở thành một mục tiêu vào tối nay. Tất cả mọi người đều trở thành thám tử ghế bành. Thế giới có rất nhiều người lúc này đang phối hợp để tìm ra những bí ẩn Edmond đã khám phá... và ai là người muốn ông ấy im lặng.”

Sự chú ý của Ambra bị nhãng đi do tiếng bước chân của Langdon hồi hả tiến lại trong hành lang ngoằn ngoèo. Nàng quay lại vừa hay ông xuất hiện ở góc phòng.

“Ambra?” ông gọi, giọng căng thẳng. “Cô có biết rằng Edmond bị bệnh rất nặng không?”

“Bị bệnh?” nàng thẳng thốt nói. “Không.”

Langdon kể cho nàng nghe những gì ông phát hiện được trong phòng tắm riêng của Edmond.

Ambra choáng váng.

Ung thư tụy ư? Đó là lý do Edmond xanh xao và gầy như vậy ư?

Thật khó tin, Edmond chưa hề nói một lời về việc bị bệnh. Giờ Ambra hiểu cái đạo lý làm việc như điên của anh trong mấy

tháng qua. Edmond biết anh ấy đang hết thời gian.

“Winston,” nàng hỏi. “Anh có biết về tình trạng bệnh của Edmond không?”

“Có,” Winston trả lời không chút do dự. “Đó là chuyện ông ấy giữ rất kín. Ông ấy biết bệnh tình của mình hai mươi hai tháng trước và lập tức thay đổi chế độ ăn uống và bắt đầu làm việc với cường độ tăng lên. Ông ấy cũng bố trí lại không gian áp mái này, nơi ông ấy hít thở không khí bảo tàng và được bảo vệ khỏi bức xạ cực tím. Ông ấy cần sống trong bóng tối càng nhiều càng tốt bởi vì được phẩm khiến cho ông ấy miễn cảm với ánh sáng. Edmond tìm cách sống được khá lâu, vượt cả những dự liệu của các bác sĩ. Thế nhưng, gần đây, ông ấy bắt đầu thất bại. Dựa trên bằng chứng thực nghiệm tôi thu thập từ các cơ sở dữ liệu trên toàn thế giới về ung thư tụy, tôi đã phân tích tình trạng xấu đi của Edmond và tính rằng ông ấy còn sống được chín ngày.”

Chín ngày, Ambra nghĩ, trong lòng ngập cảm giác hối lỗi vì đã trêu chọc Edmond về chế độ ăn kiêng và làm việc quá nhiều của anh. Anh ấy bị bệnh; anh ấy chạy đua không mệt mỏi để tạo ra thời khắc quang vinh cuối cùng của mình trước khi thời gian của anh ấy cạn kiệt. Sự hiểu ra đáng buồn này chỉ càng khiến Ambra thêm quyết tâm xác định được bài thơ này và hoàn tất những gì Edmond đã mở đầu.

“Tôi vẫn chưa tìm thấy bất kỳ cuốn thơ nào,” nàng nói với Langdon. “Cho đến giờ, tất cả đều là khoa học.”

“Tôi nghĩ thi sĩ chúng ta đang tìm kiếm có thể là Friedrich Nietzsche,” Langdon nói, kể với nàng về câu trích dẫn được đóng khung phía trên giường của Edmond. “Câu trích dẫn đặc biệt ấy không có bốn mươi bảy mẫu tự, nhưng chắc chắn nó ám chỉ rằng Edmond là một người hâm mộ Nietzsche.”

“Winston,” Ambra nói. “Anh có thể tìm những tác phẩm thơ đã được thu thập của Nietzsche và xác định xem có dòng thơ nào có đúng bốn mươi bảy mẫu tự không?”

“Chắc chắn rồi,” Winston trả lời. “Bản gốc tiếng Đức hay bản dịch tiếng Anh?”

Ambra im lặng, không dám chắc chắn.

“Bắt đầu từ tiếng Anh,” Langdon xen vào. “Edmond có kế hoạch nhập dòng thơ này vào điện thoại của mình và bàn phím của cậu ấy không dễ cho việc nhập bất kỳ chữ cái biến âm hay các chữ Eszett* của tiếng Đức nào.”

Ambra gật đầu. *Thật thông minh.*

“Tôi có kết quả đây,” Winston tuyên bố gần như ngay tức thì. “Tôi tìm được gần ba trăm bài thơ đã dịch, cho kết quả một trăm chín mươi hai dòng thơ có đúng bốn mươi bảy mẫu tự.”

Langdon thở dài. “Nhiều thế ư?”

“Winston,” Ambra giục. “Edmond mô tả câu thơ anh ấy yêu thích như là lời tiên tri... một dự đoán về tương lai... một điều đã thành hiện thực. Anh có thấy bất kỳ câu nào phù hợp với mô tả ấy không?”

“Tôi xin lỗi,” Winston đáp. “Tôi chẳng thấy gì ở đây ngụ ý một lời tiên tri cả. Nói về mặt ngôn ngữ, các dòng thơ được xem xét đều trích từ các khổ thơ dài hơn và có vẻ là một phần của những suy nghĩ. Tôi hiển thị cho các vị nhé?”

“Nhiều quá,” Langdon nói. “Chúng ta cần tìm một cuốn sách và hy vọng rằng Edmond đánh dấu dòng thơ yêu thích của mình bằng cách nào đó.”

“Vậy tôi gợi ý các vị khấn trượng lên,” Winston nói. “Xem ra sự hiện diện của quý vị ở đây có thể không còn là một bí mật nữa.”

“Sao anh lại nói vậy?” Langdon gặng hỏi.

“Báo chí địa phương đang đưa tin rằng một chiếc máy bay quân sự vừa hạ cánh xuống Sân bay El Prat ở Barcelona và rằng hai đặc vụ Cận vệ Hoàng gia đã rời máy bay.”

Ở ngoại ô Madrid, Giám mục Valdespino cảm thấy may mắn đã thoát ra khỏi cung điện trước khi những bức tường khép chặt lấy ông. Ngồi chật cứng bên cạnh Hoàng tử Julián ở ghế sau chiếc xe mui kín Opel nhỏ xíu của thầy tu trẻ, Valdespino hy vọng rằng những biện pháp tuyệt vọng lúc này được khởi động đằng sau màn diễn sẽ giúp ông giành lại quyền kiểm soát một buổi tối đang diễn biến chệch hướng quá xa.

“Điện trang của Hoàng tử,” Valdespino ra lệnh cho thầy tu trẻ tuổi khi người này chở họ rời xa khỏi cung điện.

Điện trang của Hoàng tử tọa lạc ở một khu vực thôn quê tách biệt khoảng bốn mươi phút bên ngoài Madrid. Là một biệt phủ hơn là một điện trang, khu nhà này dùng làm tư gia cho người kế vị ngai vàng Tây Ban Nha kể từ giữa thế kỷ XVIII - một địa điểm riêng biệt nơi các cậu bé được sống đúng là mình trước khi bước vào công việc điều hành một quốc gia. Valdespino đã trấn an Julián rằng rút về khu điện trang sẽ an toàn hơn hẳn so với cứ ở lại hoàng cung tối nay.

Trừ phi ta không đưa Julián tới điện trang, vị giám mục biết vậy, mắt liếc Hoàng tử, lúc này đang dăm dăm nhìn ra cửa sổ xe, rõ ràng đang chìm trong suy tưởng.

Valdespino tự hỏi phải chăng Hoàng tử thật sự ngây thơ như vẻ ngoài, hay, giống như cha mình, Julián đã nắm vững kỹ năng chỉ cho thế giới nhìn thấy cái phần bản thân mình muốn thể hiện mà thôi.

CHƯƠNG 54

Garza có cảm giác chiếc còng ở cổ tay xiết chặt một cách không cần thiết.

Mấy gã này rất nghiêm túc, ông nghĩ, vẫn vô cùng bàng hoàng bởi hành động của chính những đặc vụ Cận vệ của mình.

“Có chuyện quái gì vậy?!” Garza gắng hỏi lần nữa khi người của ông đưa ông ra khỏi nhà thờ và bước vào không khí ban đêm của quảng trường.

Vẫn không có câu trả lời.

Khi đoàn người di chuyển qua khoảng trống trải rộng tiến về phía quảng trường, Garza nhận ra có rất nhiều máy quay truyền hình và những người phản đối bên ngoài cổng trước.

“Ít nhất cũng đưa tôi đi vòng lối sau chứ,” ông nói với người chỉ huy. “Đừng để công chúng thấy cảnh này.”

Mấy người lính phớt lờ lời khẩn cầu của ông và cứ đi tiếp, ép Garza diều thẳng qua quảng trường. Chỉ trong vài giây, những giọng nói phía ngoài cổng bắt đầu la ó và ánh sáng chói chang của những ngọn đèn rọi xoay về phía ông. Chói mắt và bức mình, Garza phải cố tỏ ra bình thản và ngẩng cao đầu khi đám Cận vệ dong ông vào cách cổng chỉ vài thước, đi thẳng qua đám quay phim và phóng viên đang la ó.

Một mớ hỗn độn đủ giọng nói bắt đầu cất lên những câu hỏi cho Garza.

“Tại sao ông lại bị bắt?”

“Ông đã làm chuyện gì, Tư lệnh?”

“Ông có can dự vào vụ ám sát Edmond Kirsch phải không?”

Garza hoàn toàn cho rằng các đặc vụ của mình tiếp tục đi qua

đám đông mà không hề liếc mắt, nhưng trước sự sững sờ của ông, mấy đặc vụ đột ngột dừng lại, giữ ông đứng yên ngay trước máy quay. Từ phía cung điện, một bóng người mặc bộ vest nữ rất quen thuộc sải bước đi vội qua quảng trường về phía họ.

Chính là Mónica Martín.

Garza định ninh cô sẽ sững sờ khi nhìn thấy tình trạng khó xử của ông.

Thế nhưng, lạ thay, khi Martín đến nơi, cô nhìn ông không có vẻ gì ngạc nhiên, mà là sự khinh bỉ. Đám cận vệ ép Garza xoay mặt về phía các phóng viên.

Mónica Martín giơ tay lên ra hiệu cho đám đông im lặng và sau đó rút một tờ giấy nhỏ từ trong túi ra. Chỉnh lại cặp kính dày cộm của mình, cô đọc một thông báo trực tiếp với các máy quay truyền hình.

“Hoàng cung,” cô tuyên bố, “sau đây bắt giữ Tư lệnh Diego Garza vì vai trò của ông ta trong vụ sát hại Edmond Kirsch, cũng như những âm mưu lôi kéo Giám mục Valdespino vào tội ác đó.”

Garza thậm chí còn chưa kịp hiểu lời kết tội phi lý ấy thì đám cận vệ đã dùng sức mạnh kéo ông về phía cung điện. Lúc rời đi, ông vẫn còn nghe thấy Mónica Martín tiếp tục đọc thông báo của mình.

“Về hoàng hậu tương lai của chúng ta, Ambra Vidal,” cô tuyên bố, “và giáo sư người Mỹ Robert Langdon, tôi e rằng tôi có một số tin rất phiền lòng.”

Dưới gác trong cung điện, giám đốc an ninh điện tử Suresh Bhalla đứng trước máy thu hình, chôn chân trước nội dung phát sóng trực tiếp cuộc họp báo ngẫu hứng của Mónica Martín trên quảng trường.

Cô ấy trông không vui.

Chỉ năm phút trước, Martín nhận được một cuộc điện thoại riêng trong văn phòng của mình, thì thào trao đổi và ghi chép rất cẩn thận. Sáu mươi giây sau, cô xuất hiện, trông chấn động đến mức Suresh chưa từng thấy. Không giải thích gì, Martín mang những ghi chép của mình thẳng ra quảng trường và thông báo với truyền thông.

Cho dù những tuyên cáo của cô chính xác hay không thì chắc chắn có một điều - người đã ra lệnh đọc tuyên cáo này vừa đẩy Robert Langdon vào nguy hiểm ghê gớm.

Ai ra lệnh cho Mónica? Suresh thắc mắc.

Trong khi cố hiểu cách hành xử kỳ quái của điều phối viên quan hệ công chúng, máy tính của anh kêu báo hiệu có tin nhắn đến. Suresh bước lại và nhìn màn hình, sửng sốt khi thấy tên người viết thư cho mình.

monte@iglesia.org

Người báo tin, Suresh nghĩ.

Cũng chính nhân vật này đã cung cấp thông tin cho ConspiracyNet suốt buổi tối. Và giờ đây, vì một lý do nào đó, người đó đang trực tiếp liên hệ với Suresh.

Đầy cảnh giác, Suresh ngồi xuống và mở e-mail.

Thư viết:

tôi đã bẻ khóa các tin nhắn của Valdespino
ông ta có những bí mật nguy hiểm.
hoàng cung cần truy cập vào hồ sơ SMS của ông ta.
ngay bây giờ.

Hoảng hốt, Suresh đọc lại tin nhắn. Sau đó anh xóa đi.

Mất một lúc lâu, anh ngồi im lặng, cân nhắc các lựa chọn của mình.

Và cuối cùng đã đi đến một quyết định, anh nhanh chóng tạo ra một thẻ khóa chủ vào khu căn hộ hoàng gia và len lén đi lên gác không để ai nhìn thấy.

Với sự khẩn trương càng lúc càng tăng, Langdon đưa mắt nhìn khắp bộ sưu tập sách chạy dọc hành lang nhà Edmond.

Thơ ca... đâu đó ở đây phải có một số thơ ca chứ.

Việc xuất hiện bất ngờ của lực lượng Cận vệ tại Barcelona đã khởi động một chiếc đồng hồ tích tắc rất nguy hiểm, nhưng Langdon vẫn thấy tự tin rằng sẽ không hết thời gian. Nói cho cùng, một khi ông và Ambra xác định được dòng thơ yêu thích của Edmond, họ sẽ chỉ cần vài giây để nhập nó vào điện thoại của Edmond và trình chiếu bài thuyết trình cho thế giới. Như Edmond dự kiến.

Langdon liếc lại phía Ambra, lúc này đang ở phía đối diện của sảnh, xa hơn về phía cuối, vẫn đang tiếp tục tìm kiếm phía bên trái trong khi Langdon lùng tìm bên phải. “Cô đã thấy gì phía đó chưa?”

Ambra lắc đầu. “Cho đến giờ chỉ toàn khoa học và triết học. Không thấy thơ. Không thấy cả Nietzsche.”

“Cứ tìm thôi,” Langdon bảo nàng và quay trở lại với việc tìm kiếm của mình. Hiện tại, ông đang rà soát một khu vực toàn những tập sách dày về lịch sử:

ĐẶC QUYỀN, NGƯỢC ĐÃI VÀ TIÊN TRI: GIÁO HỘI CÔNG GIÁO Ở TÂY BAN NHA
BẰNG LƯỠI GƯƠM VÀ THẬP GIÁ: CUỘC TIẾN HÓA LỊCH SỬ CỦA VƯƠNG VỊ
THẾ GIỚI CÔNG GIÁO

Những nhan đề này gợi cho ông nhớ đến câu chuyện đen tối Edmond từng chia sẻ nhiều năm trước sau khi Langdon nhận xét rằng Edmond, với một kẻ vô thần người Mỹ, dường như có sự ám ảnh bất thường với Tây Ban Nha và Công giáo. “Mẹ em là người Tây Ban Nha chính gốc,” Edmond bình thản trả lời. “Và

là một người Công giáo đầy tội lỗi.”

Khi Edmond chia sẻ câu chuyện bi thảm về thời niên thiếu của anh và mẹ mình, Langdon chỉ biết sửng sốt lắng nghe. Mẹ Edmond, bà Paloma Calvo, nhà khoa học máy tính giải thích, là con gái của những người lao động bình dị tại Cádiz, Tây Ban Nha. Khi mười chín tuổi, bà phải lòng một giáo viên đại học từ Chicago, Michael Kirsch, người đang có kỳ nghỉ phép tại Tây Ban Nha và mang thai. Chứng kiến tình trạng bị xa lánh của những bà mẹ không hôn nhân khác trong cộng đồng Công giáo nghiêm ngặt của mình, bà Paloma không còn lựa chọn nào khác ngoài việc chấp nhận lời đề nghị miễn cưỡng của người đàn ông hỏi cưới bà và chuyển tới Chicago. Không lâu sau khi con trai bà, Edmond, chào đời, chồng bà Paloma bị một chiếc xe hơi đâm và qua đời trong khi đang đạp xe từ lớp học về nhà.

Castigo divino, cha đẻ của bà gọi việc đó như vậy. Sự trừng phạt của thần thánh.

Cha mẹ bà Paloma không chấp nhận để con gái họ trở về quê nhà Cádiz mang theo nỗi ô nhục cho gia đình họ. Thay vào đó, họ cảnh báo rằng thảm cảnh của Paloma là một chỉ dấu rõ ràng về sự thịnh nộ của Chúa, và rằng vương quốc thiên đường sẽ không bao giờ chấp nhận bà trừ phi bà hiến trọn thể xác và linh hồn mình cho Đức Chúa suốt phần đời còn lại.

Sau khi sinh Edmond, Paloma làm người phục vụ trong một nhà trọ và gắng nuôi nấng anh tốt nhất có thể. Buổi tối, trong căn hộ sơ sài của họ, bà đọc Kinh thánh và cầu xin được tha thứ, nhưng cảnh túng bấn của bà chỉ càng tăng thêm và với tình hình đó, bà càng chắc chắn rằng Chúa chưa hài lòng với sự ăn năn của bà.

Hổ thẹn và lo sợ, sau năm năm Paloma thấy tin rằng hành động yêu thương sâu sắc nhất của người mẹ mà bà có thể thể

hiện với con mình sẽ là đem lại cho nó một cuộc sống mới, một cuộc sống tránh khỏi sự trừng phạt của Chúa đối với những tội lỗi của Paloma. Và vì thế bà gửi bé Edmond năm tuổi vào một trại mồ côi và trở về Tây Ban Nha, nơi bà xin vào một nhà tu kín. Edmond không bao giờ gặp lại bà nữa.

Khi lên mười tuổi, Edmond biết rằng mẹ mình đã mất tại nhà tu trong một kỳ ăn kiêng tôn giáo tự thực hiện. Bị sự đau đớn về thể xác dày vò, bà đã treo cổ tự vẫn.

“Đó không phải là một câu chuyện vui vẻ,” Edmond nói với Langdon. “Khi là học sinh trung học, em biết những tình tiết này - và như thầy có thể hình dung, sự cuồng tín kiên định của mẹ em có liên quan mật thiết đến suy nghĩ về tôn giáo của em. Em gọi đó là ‘Định luật thứ ba của Newton về nuôi dạy trẻ: Với mọi sự điên rồ, luôn có một sự điên rồ cân bằng đối nghịch’.”

Sau khi nghe câu chuyện này, Langdon hiểu tại sao trong lòng Edmond lại luôn ngập tràn giận dữ và cay đắng khi họ gặp nhau trong năm đầu của Edmond tại Harvard. Langdon cũng kinh ngạc là Edmond chưa từng một lần phản nản về những nghiệt ngã của thời niên thiếu. Thay vào đó, anh tuyên bố bản thân *may mắn* có được sự gian khó đầu đời bởi đó chính là động lực mạnh mẽ để Edmond đạt được hai mục tiêu ấu thơ của mình - thứ nhất, thoát khỏi đói nghèo, và thứ hai, giúp phơi bày thói đạo đức giả của tín điều mà anh tin đã hủy hoại mẹ mình.

Thành công với cả hai việc đó, Langdon buồn rầu nghĩ, vẫn tiếp tục lục tìm thư viện trong căn hộ.

Khi ông bắt đầu tìm tới một khu vực giá sách mới, ông thấy nhiều tiêu đề sách mà ông nhận ra, phần lớn đều phù hợp với những mối quan tâm suốt đời của Edmond về những hiểm họa của tôn giáo:

ẢO TƯỢNG CHÚA

CHÚA KHÔNG VĨ ĐẠI

KẺ VÔ THẦN DI ĐỘNG

THƯ GỬI MỘT QUỐC GIA THIÊN CHÚA GIÁO

SỰ CHẤM DỨT ĐỨC TIN

TÔN GIÁO LÂY NHIỆM ĐỜI SỐNG VÀ VĂN HÓA CHÚNG TA NHƯ THẾ NÀO

Suốt thập kỷ qua, những cuốn sách đề cao lý trí lẫn át đức tin mù quáng đã xuất hiện trên các danh mục sách bán chạy phi hư cấu. Langdon phải thừa nhận rằng sự chuyển hướng văn hóa xa rời tôn giáo ngày càng trở nên rõ rệt - thậm chí ngay ở khuôn viên Harvard. Gần đây, tờ *Washington Post* đăng một bài viết về “tình trạng vô thần ở Harvard”, nói rằng lần đầu tiên trong lịch sử ba trăm tám mươi năm của nhà trường, lớp sinh viên thứ nhất có nhiều người vô thần và bất khả tri hơn cả số tín đồ Tin lành và Công giáo gộp lại.

Tương tự ở thế giới phương Tây, các tổ chức bài tôn giáo đang phát triển mạnh, đẩy lùi những gì họ coi là những hiểm họa của giáo điều tôn giáo - Những người Vô thần Mỹ, Quỹ Quyền tự do không tôn giáo, Americanhumanist.org, Liên minh Vô thần Quốc tế.

Langdon chưa bao giờ để tâm nhiều đến những nhóm này cho tới khi Edmond nói với ông về Brights - một tổ chức toàn cầu mà, dù tên gọi thường bị hiểu nhầm, tán thành một thế giới quan tự nhiên chủ nghĩa không hề có những nhân tố siêu nhiên hay bí ẩn. Thành viên nhóm Brights gồm những trí thức có tiếng như Richard Dawkins, Margaret Downey và Daniel Dennett. Rõ ràng, đội quân những người vô thần ngày càng đông đảo giờ đây đang chuẩn bị một lượng vũ khí rất lớn.

Langdon đã thấy mấy quyển sách của cả Dawkins và Dennett chỉ vài phút trước trong lúc nhìn lướt khu vực thư viện chuyên về tiến hóa này.

Cuốn *The Blind Watchmaker* (Người thợ đồng hồ mù lòa) kinh điển của Dawkins mạnh mẽ thách thức quan niệm mục đích luận cho rằng loài người – giống hệt những chiếc đồng hồ phức tạp - chỉ có thể tồn tại nếu họ có một “người thiết kế”. Tương tự, một cuốn sách của Dennett, *Darwin’s Dangerous Idea* (Ý tưởng nguy hiểm của Darwin), cho rằng chỉ riêng lựa chọn tự nhiên đã đủ để giải thích sự tiến hóa của cuộc sống, và rằng những thiết kế sinh học phức tạp có thể tồn tại mà không cần sự giúp đỡ từ một nhà thiết kế thần thánh.

Cuộc sống không cần đến Chúa, Langdon ngẫm nghĩ, chợt nhớ đến bài thuyết trình của Edmond. Câu hỏi “Chúng ta từ đâu đến?” chợt bật ra rõ rệt hơn một chút trong tâm trí Langdon. Liệu có phải đó là một phần phát hiện của Edmond? Ông tự hỏi. Ý tưởng cho rằng cuộc sống tự nó tồn tại - không cần đến một Đấng sáng tạo chẳng?

Dĩ nhiên, quan niệm này đối lập trực tiếp với mọi câu chuyện Sáng tạo thế giới, khiến cho Langdon ngày càng tò mò muốn biết liệu có phải ông đang đi đúng đường không. Thế rồi, ý niệm ấy dường như hoàn toàn không thể minh chứng được.

“Anh Robert?” Ambra gọi phía sau ông.

Langdon quay lại thấy Ambra đã hoàn tất việc tìm kiếm phía thư viện bên của nàng và đang lắc đầu. “Chẳng có gì ở đây cả,” nàng nói. “Tất cả đều phi hư cấu. Tôi sẽ giúp anh tìm mé bên anh.”

“Đến giờ thì cũng y như vậy,” Langdon nói.

Lúc Ambra đi tới phía thư viện bên Langdon, giọng Winston sột soạt vang lên trong loa điện thoại.

“Cô Vidal?”

Ambra nhắc điện thoại của Edmond lên. “Vâng?”

“Cả cô và Giáo sư Langdon cần xem thứ này ngay,” Winston nói. “Hoàng cung vừa có một tuyên cáo công khai.”

Langdon di chuyển nhanh về phía Ambra, đứng sát bên cạnh nàng, nhìn chiếc màn hình tí xíu trong tay nàng bắt đầu chạy một đoạn video.

Ông nhận ra khu quảng trường trước Hoàng cung Madrid, nơi một người đàn ông mặc quân phục bị còng tay đang được dẫn vào khuôn hình bởi bốn đặc vụ Cận vệ Hoàng gia. Đám đặc vụ xoay tù nhân của họ về phía máy quay, như thể hạ nhục ông ta trước con mắt của cả thế giới.

“Garza sao?!” Ambra sững sờ kêu lên. “Chỉ huy Cận vệ Hoàng gia bị bắt à?!”

Máy quay giờ xoay đi cho thấy một phụ nữ đeo kính dày rút một mảnh giấy ra khỏi túi áo vest và chuẩn bị đọc một tuyên cáo.

“Đó là Mónica Martín,” Ambra nói. “Điều phối viên quan hệ công chúng. Có chuyện gì vậy chứ?”

Người phụ nữ bắt đầu đọc, rõ ràng từng từ. “Hoàng cung sau đây bắt giữ Tư lệnh Diego Garza vì vai trò của ông ta trong vụ sát hại Edmond Kirsch, cũng như những âm mưu lôi kéo Giám mục Valdespino vào tội ác đó.”

Langdon cảm thấy Ambra hơi lảo đảo bên cạnh ông trong khi Mónica Martín tiếp tục đọc.

“Về hoàng hậu tương lai của chúng ta, Ambra Vidal,” cô điều phối viên quan hệ công chúng nói bằng giọng u ám, “và giáo sư người Mỹ Robert Langdon, tôi e rằng tôi có một số tin rất phiền lòng.”

Langdon và Ambra đưa mắt thẳng thốt nhìn nhau.

“Hoàng cung vừa nhận được thông tin từ bộ phận an ninh

của cô Vidal,” Martín nói tiếp, “rằng cô Vidal bị Robert Langdon lôi đi khỏi Bảo tàng Guggenheim tối nay ngoài ý muốn của cô. Cận vệ Hoàng gia của chúng tôi hiện đang báo động hoàn toàn, phối hợp với giới chức địa phương tại Barcelona, nơi được tin rằng Robert Langdon đang giữ cô Vidal làm con tin.”

Langdon không nói lên lời.

“Và bây giờ việc này được chính thức coi là tình huống con tin, công chúng được yêu cầu hỗ trợ giới chức bằng cách thông báo bất kỳ thông tin nào liên quan đến địa chỉ của cô Vidal hoặc ông Langdon. Lúc này hoàng cung chưa có bình luận gì thêm.”

Các phóng viên bắt đầu hét to các câu hỏi với Martín nhưng cô này đột ngột quay người và bỏ đi về phía cung điện.

“Chuyện này... thật điên khùng,” Ambra lắp bắp. “Các đặc vụ của tôi nhìn thấy tôi tự nguyện rời bảo tàng mà!”

Langdon trần trụi nhìn chiếc điện thoại, cố gắng hiểu những gì ông vừa chứng kiến. Bất chấp vô vàn câu hỏi lúc này cuộn xoáy trong tâm trí mình, ông hoàn toàn tỉnh táo để hiểu một việc quan trọng.

Mình đang gặp nguy hiểm ghê gớm.

“Anh Robert, tôi xin lỗi.” Đôi mắt đen của Ambra Vidal đờ dại vì sợ hãi và hối lỗi. “Tôi không biết ai đứng đằng sau câu chuyện bịa đặt này, nhưng họ vừa đẩy anh vào thế cực kỳ rủi ro.” Hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha với lấy điện thoại của Edmond. “Tôi sẽ gọi cho Mónica Martín ngay bây giờ.”

“Chờ gọi cho cô Martín,” giọng Winston từ điện thoại vang lên. “Đó chính là điều hoàng cung muốn đây. Đó là một âm mưu. Họ tìm cách xua các vị ra mặt, lừa cho các vị liên hệ và làm lộ địa điểm của mình. Hãy suy nghĩ lô-gic đi. Hai đặc vụ Cận vệ của cô biết cô không hề bị bắt, nhưng họ đồng ý giúp lan truyền lời dối trá này và bay tới Barcelona để săn lùng cô? Rõ ràng, cả hoàng cung có liên quan đến việc này. Và với việc tư lệnh Cận vệ Hoàng gia bị bắt thì những mệnh lệnh này phải đến từ cấp cao hơn.”

Ambra thở gấp. “Nghĩa là... Julián sao?”

“Một kết luận không tránh được,” Winston nói. “Hoàng tử là người duy nhất trong cung có quyền bắt giữ Tư lệnh Garza.”

Ambra nhắm mắt lại một lúc lâu và Langdon cảm nhận được sự u uất tràn ngập trong cô, như thể cái bằng chứng dường như không thể chối cãi này về sự can dự của Julián vừa xóa nốt hy vọng còn lại cuối cùng của cô rằng có lẽ hôn phu của cô là một người vô tội đứng ngoài toàn bộ vụ việc này.

“Việc này là vì phát hiện của Edmond,” Langdon tuyên bố. “Có người trong cung biết chúng ta đang cố trình chiếu đoạn video với thế giới, và họ đang điên cuồng ngăn chặn chúng ta.”

“Có lẽ họ nghĩ công việc của họ sẽ kết thúc khi họ khiến

Edmond im lặng,” Winston nói thêm. “Họ không nhận thấy rằng còn có những việc chưa giải quyết.”

Một sự im lặng khó chịu buồng trùm lấy họ.

“Ambra,” Langdon nói khẽ, “rõ ràng tôi không biết hôn phu của cô, nhưng tôi rất nghi ngờ Giám mục Valdespino có tác động đến Julián trong vấn đề này. Hãy nhớ, Edmond và Valdespino đã gặp nhau trước khi sự kiện ở bảo tàng bắt đầu.”

Nàng gật đầu, trông không lấy gì làm chắc chắn. “Dù thế nào thì anh cũng đang gặp nguy hiểm.”

Đột nhiên họ đều nhận ra có tiếng còi văng vẳng vọng lại từ phía xa.

Langdon cảm thấy máu chảy nhanh hơn. “Chúng ta cần tìm bài thơ này *ngay bây giờ*,” ông tuyên bố, quay trở lại việc tìm kiếm các giá sách. “Thực hiện bài thuyết trình của Edmond là chìa khóa bảo đảm sự an toàn của chúng ta. Nếu chúng ta công khai, khi đó bất kỳ ai đang cố bắt chúng ta im lặng sẽ nhận ra họ đã quá trễ.”

“Đúng,” Winston nói, “nhưng giới chức địa phương vẫn đang sẵn lòng ngài với tội danh bắt cóc. Ngài sẽ không an toàn trừ phi ngài đánh bại hoàng cung trong cuộc chơi của chính họ.”

“Bằng cách nào chứ?” Ambra gặng hỏi.

Winston nói tiếp không chút do dự. “Hoàng cung dùng truyền thông chống lại các vị, nhưng đó là con dao hai lưỡi.”

Langdon và Ambra lắng nghe trong khi Winston phác thảo nhanh một kế hoạch rất đơn giản, mà Langdon phải thừa nhận sẽ lập tức tạo ra sự bối rối và hỗn loạn cho những kẻ tấn công họ.

“Tôi sẽ làm theo,” Ambra đồng ý.

“Cô chắc chứ?” Langdon thận trọng hỏi nàng. “Sẽ không có

đường về cho cô đâu.”

“Anh Robert,” nàng nói, “tôi là người kéo anh vào vụ này, và giờ anh đang gặp nguy hiểm. Hoàng cung có gan dùng truyền thông làm vũ khí chống lại anh và giờ tôi sẽ dùng gậy ông đập lưng ông thôi.”

“Rất thích đáng,” Winston nói thêm. “Kẻ nào sống nhờ lưỡi gươm sẽ chết vì lưỡi gươm.”

Langdon như không tin nổi. *Phải chăng máy tính của Edmond thật sự vừa diễn giải lại Aeschylus*? Ông bản khoản liệu trích dẫn Nietzsche có thích hợp hơn không: “Bất kỳ kẻ nào chống lại quái vật cần hiểu rằng trong quá trình ấy mình không hề biến thành quái vật.”*

Langdon chưa kịp phản ứng gì thêm thì Ambra đã di chuyển qua sảnh, vẫn cầm điện thoại của Edmond trên tay.

“Tìm mật khẩu đó thôi, anh Robert!” nàng nói vọng lại qua vai. “Tôi sẽ quay lại ngay.”

Langdon nhìn nàng biến mất trong một ngọn tháp nhỏ có cầu thang xoắn ốc dẫn lên sân thượng nổi tiếng là nguy hiểm của Casa Milà.

“Cẩn thận đấy!” ông gọi với theo nàng.

Lúc này còn một mình trong căn hộ của Edmond, Langdon nhìn xuôi theo phần hành lang xương rắn uốn éo và cố gắng hiểu những gì ông nhìn thấy ở đây - những hộp đựng hiện vật khác thường, một câu trích đóng khung nói rằng Chúa đã chết, và một bức tranh vô giá của Gauguin đặt ra những câu hỏi tương tự như Edmond đã hỏi cả thế giới chập tối nay. Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta đang đi về đâu?

Ông chẳng thấy gì gợi ý ra câu trả lời khả dĩ của Edmond cho những câu hỏi này. Cho đến giờ, việc tìm kiếm của Langdon tại

thư viện chỉ cho kết quả là một tập sách có vẻ phù hợp - Nghệ thuật không thể giải thích - một cuốn sách ảnh về các cấu trúc nhân tạo bí ẩn, bao gồm Stonehenge, những đầu người trên Đảo Phục sinh và “các hình vẽ hoang mạc” ở Nazca - những đồ hình địa lý vẽ với quy mô rất lớn chỉ có thể nhìn rõ từ trên không.

Chẳng ích gì nhiều, ông quyết định vậy và tiếp tục tìm kiếm các giá sách.

Bên ngoài, tiếng còi hụ càng to hơn.

“Ta không phải là quái vật,” Ávila tuyên bố, thở phào lúc đi tiểu trong một nhà vệ sinh nhếch nhác tại một trạm dừng chân bỏ hoang trên Cao tốc N-240.

Bên cạnh ông ta, người lái xe Uber đang run bần bật, rõ ràng lo sợ đến mức không đi tiểu nổi. “Ông đã đe dọa... gia đình tôi.”

“Nhưng nếu anh cư xử đàng hoàng,” Ávila trả lời, “ta cam đoan với anh sẽ không có chuyện gì với họ. Chỉ cần đưa ta tới Barcelona, thả ta xuống và chúng ta sẽ chia tay như những người bạn. Ta sẽ trả lại anh ví, quên địa chỉ nhà anh, và việc anh cần làm là đừng bao giờ nghĩ về ta nữa.”

Người lái xe trân trân nhìn phía trước, hai môi run run.

“Anh là một người có đạo,” Ávila nói. “Ta đã thấy dấu thập ác trên kính chắn gió xe anh. Và anh nghĩ gì về ta không thành vấn đề nhưng anh có thể yên tâm khi biết rằng tối nay anh đang làm việc cho Chúa.” Ávila nói nốt. “Chúa ra tay bằng những cách thức bí ẩn.”

Ávila bước lùi lại và kiểm tra khẩu súng gôm giắt ở thắt lưng. Nó đã nạp sẵn viên đạn lẻ còn lại. Ông ta tự hỏi liệu mình có cần dùng đến nó tối nay không.

Ông ta đi tới bồn rửa và cho nước chảy qua bàn tay ngắm nhìn cái hình xăm mà Nhiếp chính vương đã hướng dẫn ông ta xăm lên đó phòng trường hợp bị bắt.

Một sự đề phòng không cần thiết, Ávila ngờ vậy, cảm thấy lúc này mình như một linh hồn khó phát hiện đang di chuyển qua màn đêm.

Ông ta ngược mắt lên tám gương bản thủ, giật mình trước

diện mạo của mình. Lần cuối cùng Ávila nhìn thấy chính mình là lúc ông ta đang mặc cả bộ đồ trắng với một cái cổ áo hồ cứng và một chiếc mũ hải quân. Còn lúc này, khi đã lột bỏ phần trên bộ quân phục của mình, trông ông ta giống một gã lái xe tải hơn - chỉ còn mặc chiếc áo thun cổ chữ V và một chiếc mũ đánh bóng chày mượn của người lái xe.

Mĩa mai thay, cái con người xốc xệch trong gương gợi cho Ávila nhớ đến diện mạo của mình những ngày say xỉn oán hận bản thân sau vụ nổ sát hại gia đình mình.

Ta ở trong một cái hố không đáy.

Bước ngoặt, ông ta biết vậy, chính là cái ngày chuyển gia trị liệu thể chất của ông ta, gã Marco, lừa ông ta lái xe về vùng quê để gặp “giáo hoàng”.

Ávila sẽ không bao giờ quên lúc đến gần những ngọn tháp kỳ lạ của nhà thờ Palmaria, đi qua những cánh cổng an ninh sừng sững và bước vào một phần nhà thờ trong lễ mi-xa buổi sáng, nơi từng đám tín đồ đang quỳ gối cầu nguyện.

Điện thờ được chiếu sáng chỉ nhờ ánh sáng tự nhiên từ những ô cửa sổ kính màu cao, và không khí sặc mùi hương trầm. Khi Ávila nhìn thấy những chiếc bàn thờ dát vàng và những chiếc ghế gỗ bóng loáng, ông ta nhận ra rằng những lời đồn đại về tài sản khổng lồ của những người Palmaria là sự thật. Nhà thờ này đẹp chẳng kém gì bất kỳ nhà thờ lớn nào Ávila từng thấy, nhưng ông ta biết rằng cái nhà thờ Công giáo này không như bất kỳ nhà thờ nào khác.

Phái Palmaria là kẻ thù không đội trời chung của Vatican.

Đứng cùng Marco ở phía sau nhà thờ, Ávila đưa mắt nhìn ra khắp giáo đoàn và tự hỏi giáo phái này lớn mạnh như thế nào sau khi công khai thể hiện sự đối lập của mình với Rome. Rõ

ràng, lời tố giác của phái Palmaria nhằm vào chủ nghĩa tự do ngày càng tăng của Vatican đã chạm trúng mỗi bận tâm của những tín đồ khao khát một sự thể hiện bảo thủ hơn của tín điều.

Tập tễnh đi trên đôi nạng theo lối đi giữa hai hàng ghế, Ávila cảm thấy mình như một kẻ tàn phế khốn khổ đang hành hương về Lourdes với hy vọng có một phép mầu chữa bệnh. Một thầy tiếp tân đón Marco và dẫn hai người tới chỗ ngồi đã được cách ly riêng ở hàng đầu. Những giáo dân gần đó tò mò liếc nhìn để xem người nào nhận được sự đối xử đặc biệt này. Ávila ước Marco đừng thuyết phục ông ta mặc bộ quân phục hải quân có huân huy chương.

Ta nghĩ ta sắp gặp giáo hoàng.

Ávila ngồi xuống và ngược mắt lên phía bàn thờ chính, nơi một giáo dân trẻ tuổi mặc vest đang đọc một cuốn Kinh thánh. Ávila nhận ra đoạn kinh này - Tin mừng theo thánh Mark.

“‘Nếu anh em có chuyện bất bình với ai,’” người ấy đọc “‘thì hãy tha thứ cho họ, để Cha của anh em là Đấng ngự trên trời, cũng tha lỗi cho anh em.’”

Tha thứ hơn ư? Ávila nghĩ bụng, cau mặt giận dữ. Ông ta cảm thấy như mình đã nghe lời này cả nghìn lần từ những cô vân và nữ tu sĩ trong nhiều tháng sau vụ tấn công khủng bố.

Bài đọc kết thúc và tiếng một cây đàn ống vang lên trong điện thờ. Giáo đoàn đồng loạt đứng lên và Ávila miễn cưỡng đứng lên, nhăn mặt vì đau. Một cánh cửa kín đáo đằng sau bàn thờ mở ra và một bóng người xuất hiện, khiến cho cả đám đông lao xao kích động.

Người đàn ông trông độ năm mươi, hiên ngang và vương giả với tư thế phong nhã và ánh mắt hút hồn. Ông mặc áo thụng

trắng, khăn lông choàng màu vàng, khăn thắt lưng thêu và đội chiếc mũ giáo hoàng đính châu báu. Ông tiến tới với hai tay chìa ra hướng về phía giáo đoàn, như đang bay lượn khi di chuyển về phía trung tâm bàn thờ.

“Ngài đây,” Marco thì thào đầy hứng khởi. “Giáo hoàng Innocent XIV.”

Ông ta tự xưng là Giáo hoàng Innocent XIV ư? Ávila biết, phái Palmaria thừa nhận tính hợp pháp của tất cả các giáo hoàng tính đến Giáo hoàng Paul VI, người mất năm 1978.

“Chúng ta đến vừa kịp,” Marco nói. “Ngài sắp có bài thuyết pháp.”

Vị giáo hoàng di chuyển về phía trung tâm phần bàn thờ được tôn cao, bỏ qua bụi giăng kính và bước xuống để đứng ngang tầm với các giáo dân của mình. Ông chỉnh lại chiếc microphone gắn trên người, chìa hai tay ra và mỉm cười triu mến.

“Chúc một buổi sáng tốt lành,” ông nói nhẹ như thì thầm.

Giáo đoàn đồng thanh đáp lời. “Buổi sáng tốt lành!”

Vị giáo hoàng tiếp tục di chuyển xa khỏi phía bàn thờ, tiến gần hơn đến giáo đoàn của mình. “Chúng ta vừa nghe đọc một đoạn Tin lành theo thánh Mark,” ông bắt đầu nói, “một đoạn văn đích thân ta lựa chọn vì sáng nay ta sẽ nói về sự tha thứ.”

Vị giáo hoàng đi dần tới chỗ Ávila và dừng lại ở lối đi bên cạnh ông ta, chỉ cách vài phân. Ông không hề nhìn xuống. Ávila nháp nhồm liếc Marco, gã gật đầu đầy phấn khích với ông.

“Tất cả chúng ta đều chật vật với sự tha thứ,” vị giáo hoàng nói với giáo đoàn. “Và đó là vì có những lúc những tội lỗi nhằm vào chúng ta dường như không thể tha thứ. Khi ai đó giết hại những người vô tội như một hành động thù hận thuần túy,

chúng ta có nên làm như một số giáo hội vẫn dạy chúng ta, chìa má bên kia ra không?” Căn phòng im phăng phắc và vị giáo hoàng hạ giọng thấp hơn nữa. “Khi một kẻ quá khích bài Thiên Chúa đánh bom trong một buổi lễ thánh sáng sớm tại Nhà thờ lớn Seville, và quả bom đó đã giết hại những người mẹ và những đứa trẻ vô tội, làm sao có thể mong đợi chúng ta *tha thứ* được đây? Đánh bom là một hành động *chiến tranh*. Một cuộc chiến không chỉ chống lại những người Công giáo. Một cuộc chiến không chỉ chống lại những người Thiên Chúa giáo. Mà còn là một cuộc chiến chống lại cái thiện... chống lại chính Chúa Trời!”

Ávila nhắm mắt lại, cố gắng đè nén những hồi ức hãi hùng buổi sáng hôm đó, và tất cả sự giận dữ cùng đau khổ vẫn sôi sục trong tim ông ta. Khi cơn giận trào dâng, Ávila đột nhiên cảm thấy bàn tay triu mến của vị giáo hoàng đặt lên vai mình. Ávila mở mắt ra, nhưng vị giáo hoàng vẫn không hề nhìn xuống ông ta. Cho dù vậy, cái chạm tay của ông ấy có cảm giác rất ổn định và đầy an ủi.

“Chúng ta đừng quên thời kỳ *Terror Rojo** của chính chúng ta,” vị giáo hoàng nói tiếp, tay vẫn không rời vai Ávila. “Trong cuộc nội chiến của chúng ta, những kẻ thù của Chúa đã đốt phá các nhà thờ và tu viện của Tây Ban Nha, sát hại hơn sáu nghìn tu sĩ và tra tấn hàng trăm nữ tu, ép buộc các chị em phải nuốt tròng hạt trước khi xâm hại họ và ném họ xuống những hầm mỏ tới chết.” Ông ngừng lại và để cho những lời của mình lắng xuống. “Thứ hận thù đó không biến mất theo thời gian; thay vào đó, nó thối rữa, trở nên mạnh mẽ hơn, chờ đợi lúc trỗi dậy như một căn bệnh ung thư. Hỡi các con, ta cảnh báo các con, quỷ dữ sẽ nuốt chửng chúng ta nếu chúng ta không chiến đấu bằng sức mạnh. Chúng ta sẽ không bao giờ chế ngự được quỷ

dữ nếu tiếng hô xung trận của chúng ta chỉ là ‘tha thứ’.”

Ông ấy nói đúng, Ávila nghĩ thâm, đã từng tận mắt chứng kiến lúc còn trong quân ngũ rằng việc “mềm mại” với hành vi sai trái là cách tốt nhất để bảo đảm cho sai trái tăng lên.

“Ta tin rằng,” giáo hoàng nói tiếp, “trong một số trường hợp, tha thứ có thể rất *nguy hiểm*. Khi chúng ta tha thứ cho cái ác trên đời này, chúng ta đang cho phép cái ác lớn mạnh và lan rộng. Khi chúng ta đáp lại một hành động chiến tranh bằng một hành động khoan dung, chúng ta đang khuyến khích kẻ thù của mình tiếp tục có những hành động bạo lực. Đã đến lúc chúng ta phải làm như Chúa Jesus đã làm và lật tung những bàn tiền*, hét vang rằng: ‘Thứ này sẽ không đứng vững!’”

Tôi đồng ý! Ávila muốn hô to trong khi giáo đoàn gật đầu tán thành.

“Nhưng chúng ta có hành động không?” vị giáo hoàng hỏi. “Giáo hội Công giáo ở Rome có tỏ rõ lập trường như Chúa Jesus đã làm không? Không, không hề. Giờ đây chúng ta đương đầu với những cái ác đen tối nhất thế giới không có gì ngoài khả năng tha thứ, yêu thương và trắc ẩn của chúng ta. Và vì thế chúng ta cho phép - không, chúng ta khuyến khích - cái ác phát triển. Đáp lại những tội ác cứ liên tục nhằm vào chúng ta, chúng ta cứ nói mãi về những lo ngại của chúng ta bằng thứ ngôn ngữ đứng đắn về mặt chính trị, nhắc nhở nhau rằng một kẻ xấu chỉ xấu do tuổi thơ đầy khó khăn, hoặc cuộc sống cùng cực, hoặc đã gánh chịu những tội ác nhằm vào những người yêu thương của kẻ đó - và vì thế sự hận thù của kẻ đó không phải là lỗi của họ. Ta nói, đủ rồi! Cái ác là cái ác! Tất cả chúng ta đều phải vật lộn với cuộc sống!”

Giáo đoàn vỗ tay rào rào, điều Ávila chưa bao giờ chứng kiến trong một buổi lễ của Công giáo.

“Ta chọn nói về tha thứ ngày hôm nay,” vị giáo hoàng tiếp tục, bàn tay vẫn đặt trên vai Ávila, “vì chúng ta có một vị khách đặc biệt ngồi cùng chúng ta đây. Ta xin cảm ơn Đô đốc Luis Ávila vì đã chiếu cố góp mặt với chúng ta. Ông ấy là một thành viên đáng kính và có bề dày thành tích của quân đội Tây Ban Nha, và ông ấy đã gặp phải thứ xấu xa khó hình dung nổi. Như tất cả chúng ta, ông ấy đã phải đấu tranh với vấn đề tha thứ.”

Ávila còn chưa kịp phản đối, vị giáo hoàng đã kể lại rất sinh động những nhọc nhằn trong cuộc đời Ávila - việc ông mất gia đình trong một vụ tấn công khủng bố, việc ông sa vào rượu chè, và cuối cùng là việc ông cố tự tử bất thành. Phản ứng ban đầu của Ávila là tức giận với Marco vì đã phản bội sự tin tưởng, nhưng lúc này, nghe chính câu chuyện của mình được kể lại như thế này, ông ta cảm thấy được truyền cho sự tự tin một cách kỳ lạ. Phải thú nhận rằng ông ta đã rơi xuống đáy suy sụp và bằng cách nào đó, có lẽ là một phép màu, ông ta lại sống sót.

“Ta gợi ý với tất cả các con rằng,” vị giáo hoàng nói, “Chúa đã can thiệp vào cuộc đời Đô đốc Ávila, và cứu vớt ông ấy... Vì một mục đích cao cả hơn.”

Nói xong, giáo hoàng Palmaria Innocent XIV mới quay nhìn Ávila lần đầu tiên. Đôi mắt sâu hoắm của ông ấy dường như thâm nhập vào linh hồn Ávila, và ông ta cảm thấy rùng mình trước cái sức mạnh mà bản thân không cảm nhận được đã nhiều năm.

“Đô đốc Ávila,” vị giáo hoàng tuyên bố, “ta tin rằng sự mất mát bi thảm mà ngài chịu đựng vượt quá khả năng tha thứ. Ta tin sự giận dữ vẫn đang bùng bùng của ngài - khát khao trả thù chính đáng của ngài - không thể dẹp yên bằng việc chìa má kia ra. Cũng không nên như vậy! Nỗi đau của ngài sẽ là chất xúc tác cho sự cứu rỗi của chính ngài. Chúng tôi ở đây để ủng hộ ngài!

Để yêu thương ngài! Để đứng bên ngài và giúp biến cơn giận của ngài thành một sức mạnh uy lực vì cái thiện trên đời này! Ơn Chúa!”

“Ơn Chúa!” giáo đoàn nhắc lại.

“Đô đốc Ávila,” vị giáo hoàng tiếp tục, thậm chí còn nhìn chăm chú hơn vào mắt ông ta. “Khẩu hiệu của Hạm đội Tây Ban Nha là gì nhỉ?”

“*Pro Deo et patria*,” Ávila lập tức đáp lời.

“Phải, *Pro Deo et patria*. Vì Thiên Chúa và Tổ quốc. Tất cả chúng tôi rất vinh dự với sự có mặt của một sĩ quan hải quân có bề dày thành tích đã phụng sự Tổ quốc mình rất xuất sắc.” Vị giáo hoàng ngừng lại, nghiêng tới trước. “Nhưng... còn Chúa thì sao?”

Ávila ngược lên nhìn vào đôi mắt như xuyên thấu của người đàn ông và đột nhiên cảm thấy mất thăng bằng.

“Cuộc đời ngài chưa chấm hết, thưa Đô đốc,” vị giáo hoàng thì thào. “Công việc của ngài chưa xong. Đây là lý do Chúa cứu ngài. Nhiệm vụ đã tuyên thệ của ngài mới chỉ hoàn thành một nửa. Ngài đã phụng sự đất nước mình, phải... nhưng ngài chưa phụng sự Chúa!”

Ávila cảm thấy như thể mình vừa bị trúng đạn.

“Bình an sẽ đến bên ngài!” vị giáo hoàng nói.

“Và cả với ngài!” giáo đoàn đáp lời.

Ávila đột nhiên thấy mình bị nhấn chìm trong một biển người tốt bụng, hết lời ủng hộ, khác hẳn bất kỳ việc gì ông ta từng trải qua. Ông ta cố tìm trong mắt những giáo dân xem có bất kỳ dấu hiệu nào của sự cuồng tín mà mình lo sợ hay không, nhưng tất cả những gì ông ta nhìn thấy là sự lạc quan, thiện chí và sự nồng nhiệt chân thành được thực hiện công việc của

Chúa... chính xác là những gì Ávila nhận ra mình đang thiếu.

Kể từ ngày hôm đó, với sự giúp đỡ của Marco và nhóm bạn mới của mình, Ávila bắt đầu hành trình dài leo ra khỏi cái hố sâu không đáy của sự tuyệt vọng. Ông ta trở lại lộ trình tập luyện nghiêm ngặt của mình, ăn đồ ăn giàu dinh dưỡng và quan trọng nhất là tìm lại được niềm tin của mình.

Sau vài tháng, khi liệu pháp thể chất của ông ta hoàn thành, Marco tặng cho Ávila một cuốn Kinh thánh bọc da trong đó anh ta đã đánh dấu hàng chục đoạn.

Ávila giở ngẫu nhiên tới một vài chỗ đó.

ROMANS 13:4

Thật vậy, họ là người thừa hành của Thiên Chúa...

*để giáng cơn thịnh nộ
của Người xuống kẻ làm điều ác.*

THÁNH THI 94:1

*Lạy Chúa, ngài là Đức Chúa Trời báo trả,
xin bày tỏ thiên quang của Ngài!*

2 TIMOTHY 2:3

*Anh hãy đồng lao cộng khổ,
như một người lính giỏi của Đức Chúa Jesus.*

“Hãy ghi nhớ,” Marco mỉm cười nói với ông ta. “Khi cái ác ngóc đầu lên trong thế giới này, Chúa ra tay thông qua mỗi người chúng ta theo một cách khác nhau, để thể hiện ý chí của ngài trên đời này. Tha thứ không phải là con đường duy nhất đi tới cứu rỗi.”

CHƯƠNG 58

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

DÙ BẠN LÀ AI - HÃY KỂ THÊM CHO CHÚNG TÔI!

Tôi nay, tổ chức giám sát dân sự tự xưng monte@iglesia.org đã gửi một lượng thông tin nội bộ gây choáng váng tới ConspiracyNet.com.

Xin cảm ơn các bạn!

Vì dữ liệu “Monte” chia sẻ đến giờ đã cho thấy mức độ khả tín và khả năng tiếp cận nội bộ rất cao nên chúng tôi thấy tin tưởng khi đưa ra đề nghị rất khiêm nhường này:

MONTE - DÙ BẠN LÀ AI - NẾU BẠN CÓ BẤT KỲ THÔNG TIN GÌ VỀ NỘI DUNG BÀI THUYẾT TRÌNH BỊ LỖ DỎ CỦA KIRSCH - HÃY CHIA SẺ!!

#CHUNGTATUDAUDEN

#CHUNGTADIVEDAU

Cảm ơn.

- Tất cả chúng tôi đều ở đây, tại ConspiracyNet

Khi Robert Langdon lục tìm vài khu vực cuối cùng trong thư viện của Edmond, ông cảm thấy hy vọng của mình nhạt dần. Bên ngoài, tiếng còi cảnh sát càng lúc càng to hơn trước khi đột ngột dừng ngay phía trước Casa Milà. Qua mấy ô cửa sổ nhỏ xíu của căn hộ, Langdon nhìn rõ những chớp đèn cảnh sát xoay tròn nhá lên.

Chúng ta bị kẹt ở đây rồi, ông nhận ra vậy. Chúng ta cần một khẩu bốn mươi bảy mẫu tự đó, nếu không sẽ chẳng có cách gì thoát ra.

Rủi thay, Langdon vẫn chưa thấy một quyển thơ nào.

Các giá sách trong khu vực cuối cùng ở sâu hơn phần còn lại và có vẻ lưu giữ bộ sưu tập các sách nghệ thuật khổ lớn của Edmond. Khi Langdon hồi hải men theo bờ tường, lướt nhìn các tiêu đề, ông thấy những cuốn sách phản ánh niềm đam mê của Edmond đối với những gì lập dị và mới mẻ nhất trong nghệ thuật đương đại.

SERRA... KOONS... HIRST... BRUGUERA... BASQUIAT... BANKSY... ABRAMOVIC...

Bộ sưu tập đột ngột chấm dứt ở một loạt sách nhỏ hơn và Langdon dừng lại với hy vọng tìm được một cuốn thơ.

Chẳng có gì.

Những cuốn sách ở đây đều là những bình luận và phê bình về nghệ thuật trừu tượng, và Langdon nhận ra một vài tiêu đề mà Edmond đã gửi cho mình để nghiên cứu.

BẠN ĐANG NHÌN GÌ?

TẠI SAO ĐƯA CON 5 TUỔI CỦA BẠN LẠI KHÔNG THỂ TÌM ĐƯỢC

CÁCH GÌ ĐỂ SỐNG QUA NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI

Mình vẫn đang cố sống qua được thứ đó, Langdon nghĩ thầm, nhanh chóng di chuyển tiếp. Ông bước qua một khoang nữa và bắt đầu xem xét khu vực tiếp theo.

Sách nghệ thuật hiện đại, ông trầm ngâm. Thậm chí chỉ liếc qua, Langdon đã có thể thấy rằng nhóm này dành riêng cho một giai đoạn sớm hơn. Ít nhất chúng ta đang quay ngược thời gian... về với thứ nghệ thuật mà mình hiểu được.

Mắt Langdon di chuyển nhanh dọc theo các gáy sách, tiếp nhận những tiểu sử và danh mục chi tiết về các nhà Ấn tượng, Lập thể và Siêu thực, những người từng làm cho thế giới kinh ngạc giai đoạn 1870 và 1960 bởi thứ nghệ thuật định nghĩa lại hoàn toàn.

VAN GOGH... SEURAT... PICASSO... MUNCH... MATISSE...
MAGRITTE... KLIMT... KANDINSKY... JOHNS... HOCKNEY...
GAUGUIN... DUCHAMP... DEGAS... CHAGALL... CÉZANNE...
CASSATT... BRAQUE... ARP... ALBERS...

Khu vực này kết thúc tại một khoang kiến trúc cuối cùng, và Langdon di chuyển qua đó, nhận thấy mình ở trong khu vực cuối cùng của thư viện. Những tập sách ở đây có vẻ dành riêng cho nhóm những nghệ sĩ mà Edmond, với sự có mặt của Langdon, thích gọi là “trường phái của những tay da trắng chán ngắt” - về cơ bản là bất kỳ thứ gì có trước trào lưu hiện đại chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XIX.

Không như Edmond, chính ở đây Langdon cảm thấy như ở nhà nhất, được bao bọc bởi những bậc Tổ sư.

VERMEER... VELÁZQUEZ... TITIAN... TINTORETTO...
RUBENS... REMBRANDT... RAPHAEL... POUSSIN...
MICHELANGELO... LIPPI... GOYA... GIOTTO...

GHIRLANDAIO... EL GRECO... DÜRER... DA VINCI... COROT...
CARAVAGGIO... BOTTICELLI... BOSCH...

Mấy bước còn lại của giá sách cuối cùng bị một chiếc tủ kính với một chiếc khóa nặng trĩch choán hết. Langdon nhìn qua kính và thấy một chiếc hộp da trông rất cũ bên trong - một lớp vỏ bảo vệ một cuốn sách cổ rất lớn. Văn bản bên ngoài hộp không dễ nhìn, nhưng Langdon vẫn nhìn được đủ để giải mã tiêu đề tập sách bên trong.

Chúa ơi, ông nghĩ thầm, lúc này đã nhận ra tại sao cuốn sách này lại được khóa lại, tránh xa bàn tay của khách khứa. Có lẽ nó đáng giá cả một gia tài.

Langdon biết có một vài ấn bản cổ quý giá của nghệ sĩ huyền thoại này vẫn còn tồn tại.

Mình không ngạc nhiên khi Edmond đầu tư thứ này, ông nghĩ, nhớ lại rằng Edmond từng nhắc đến nghệ sĩ người Anh này như là “nhân vật tiền hiện đại duy nhất có trí tưởng tượng”. Langdon không đồng ý, nhưng ông chắc chắn mình hiểu sự yêu mến đặc biệt của Edmond dành cho nghệ sĩ này. Cả hai đều được cắt ra từ cùng một tấm vải.

Langdon khom người và chăm chú nhìn qua kính đọc dòng chữ khắc mạ vàng trên chiếc hộp: William Blake toàn tập.

William Blake, Langdon ngẫm nghĩ. Nhân vật Edmond Kirsch của thế kỷ XIX.

Blake là một thiên tài có phong cách riêng - một danh nhân có số lượng tác phẩm lớn với phong cách vẽ tân tiến đến mức một số người tin ông nhìn thấy tương lai trong mơ. Những hình minh họa tôn giáo đầy biểu tượng của ông mô tả thiên thần, ác quỷ, Satan, Chúa, những sinh vật huyền bí, những chủ đề trong kinh thánh và một đền thờ các vị thần xuất phát từ

những ảo giác tâm linh của chính ông.

Và cũng như Kirsch, Blake thích thách thức Thiên Chúa giáo.

Ý nghĩ này khiến Langdon đột ngột đứng lên.

William Blake.

Ông hít một hơi thở thót.

Việc tìm thấy Blake trong rất nhiều nghệ sĩ tạo hình khác khiến Langdon quên mất một sự thật quan trọng về thiên tài thần bí này.

Blake không chỉ là một họa sĩ và người minh họa...

Blake còn là một thi sĩ sáng tác nhiều.

Nhất thời, Langdon cảm thấy tim mình bắt đầu đập rộn. Rất nhiều thơ của Blake tán thành những ý tưởng cách mạng vô cùng khớp với các quan điểm của Edmond. Thực tế, một số cách ngôn được biết đến nhiều nhất của Blake - những câu trong các tác phẩm “độc địa” như *The Marriage of Heaven and Hell** - gần như có thể do chính Edmond viết.

MỌI TÔN GIÁO LÀ MỘT

KHÔNG CÓ TÔN GIÁO TỰ NHIÊN

Giờ Langdon nhớ lại mô tả của Edmond về dòng thơ yêu thích của anh. Cậu ấy nói với Ambra đó là một “lời tiên tri”. Langdon biết không có nhà thơ nào trong lịch sử có thể được coi là nhà tiên tri hơn William Blake, người mà vào những năm 1790 đã đặt bút viết hai bài thơ hắc ám và gở miện:

NƯỚC MỸ MỘT LỜI TIÊN TRI

CHÂU ÂU MỘT LỜI TIÊN TRI

Langdon có cả hai tác phẩm này - các bản tái hiện lại rất đẹp các bài thơ viết tay của Blake và có minh họa đi kèm.

Langdon nhìn chăm chăm vào chiếc hộp da lớn bên trong tủ.

Những ấn bản gốc ‘các lời tiên tri’ của Blake được xuất bản dưới

dạng các văn bản có minh họa kích thước lớn!

Trần trề hy vọng, Langdon khom người trước tủ, cảm thấy cái hộp da rất có thể chứa đựng những gì ông và Ambra đến đây tìm kiếm - một bài thơ có một dòng tiên tri bốn mươi bảy mẫu tự. Câu hỏi duy nhất lúc này là liệu Edmond có đánh dấu đoạn thơ yêu thích của mình không.

Langdon đưa tay và kéo tay nắm tủ.

Khóa.

Ông liếc về phía cầu thang xoắn ốc, tự hỏi liệu mình có nên chạy lên gác và đề nghị Winston tìm kiếm tất cả thơ ca của William Blake hay không. Tiếng còi đã bị thay bằng tiếng rù rù xa xa của cánh quạt trực thăng và những giọng nói la lối trong khu vực cầu thang bên ngoài cửa nhà Edmond.

Họ ở đây rồi.

Langdon nhìn chiếc tủ và nhận thấy sắc xanh lục thấp thoáng của lớp kính UV hiện đại loại chuyên dụng cho bảo tàng.

Ông cởi phăng áo khoác của mình, áp nó lên kính, xoay người và không chút do dự, thúc khuỷu tay vào tấm kính. Với một tiếng rắc khê, cửa tủ vỡ vụn. Rất cẩn thận, Langdon thò tay qua những mảnh kính lổm chổm, mở khóa cửa. Sau đó, ông kéo cửa mở ra và nhẹ nhàng nhấc chiếc hộp da ra.

Dù Langdon chưa đặt chiếc hộp xuống sàn, ông đã cảm thấy có gì đó không ổn. Nó không đủ nặng. Toàn tập tác phẩm của Blake dường như chẳng nặng chút nào cả.

Langdon đặt chiếc hộp xuống và cẩn thận nâng nắp hộp lên.

Đúng như ông lo sợ... rỗng không.

Ông thở hắt ra, trân trân nhìn chiếc hộp trống trơn. Cuốn sách của Edmond ở chỗ quái nào rồi?!

Langdon định đóng hộp lại thì chợt nhận ra thứ gì đó được

đính bên trong phần nắp - một cái thẻ bằng ngà được chạm nổi rất đẹp.

Langdon đọc nội dung trên thẻ.

Sau đó, hoàn toàn không tin nổi, ông đọc lại.

Vài giây sau, ông phóng lên cầu thang xoắn ốc về phía tầng mái.

Lúc đó, trên tầng hai Hoàng cung Madrid, giám đốc an ninh điện tử Suresh Bhalla đang di chuyển nhanh qua căn hộ riêng của Hoàng tử Julián. Sau khi định vị được chiếc kết số trong tường, anh nhập mã số chính dùng cho các trường hợp khẩn cấp.

Chiếc kết bật mở.

Bên trong, Suresh nhìn thấy hai chiếc điện thoại - một chiếc điện thoại thông minh an toàn thuộc về Hoàng tử Julián và một chiếc iPhone mà, theo anh suy luận, chắc chắn là đồ của Giám mục Valdespino.

Anh vớ lấy chiếc iPhone.

Mình thật sự làm việc này sao?

Một lần nữa anh nhớ lại tin nhắn từ monte@iglesia.org.

tôi đã bẻ khóa các tin nhắn của valdespino.

ông ta có những bí mật nguy hiểm.

hoàng cung cần truy cập vào hồ sơ sms của ông ta.

ngay bây giờ.

Suresh tự hỏi không biết những tin nhắn của Giám mục có thể hé lộ những bí mật gì... và tại sao người báo tin lại quyết định cảnh báo Hoàng cung.

Có lẽ người báo tin đang cố bảo vệ hoàng cung khỏi tổn hại.

Tất cả những gì Suresh biết là nếu có thông tin nguy hại cho hoàng gia thì công việc của anh là tiếp cận được nó.

Anh đã cân nhắc việc xin lệnh khẩn cấp của tòa, nhưng những rủi ro quan hệ công chúng và sự chậm trễ khiến cho việc đó trở thành thiếu thực tế. May thay, Suresh có sẵn những phương pháp thận trọng và thích hợp hơn nhiều.

Cầm chiếc điện thoại của Valdespino, anh bấm nút Home và màn hình sáng lên.

Bị khóa bằng mật khẩu.

Không sao.

“Này, Siri,” Suresh nói, giơ chiếc điện thoại lên miệng mình. “Mấy giờ rồi?”

Vẫn ở chế độ khóa, chiếc điện thoại hiển thị hình đồng hồ. Trên màn hình đồng hồ này, Suresh thực hiện một loạt lệnh đơn giản - tạo ra múi giờ mới cho đồng hồ, yêu cầu chia sẻ múi giờ qua SMS, cho thêm một ảnh và sau đó, thay vì cố gửi tin nhắn, anh bấm nút Home.

Cách.

Điện thoại đã được mở khóa.

Trò bẻ khóa đơn giản này là nhờ YouTube, Suresh nghĩ thầm, cảm thấy ngạc nhiên vì người dùng iPhone đều tin mật khẩu của họ sẽ đem lại cho họ quyền riêng tư.

Bây giờ, với toàn quyền truy cập vào điện thoại của Valdespino, Suresh mở ứng dụng iMessage, đính ninh rằng mình sẽ phải khôi phục lại những nội dung đã bị xóa của Valdespino bằng cách dùng mẹo để phần sao lưu iCloud tái tạo lại thư mục.

Quả nhiên, anh thấy lịch sử tin nhắn của Giám mục hoàn

toàn trống trơn.

Ngoại trừ một tin nhắn, anh nhận ra vậy và nhìn thấy một tin nhắn duy nhất gửi đến nhận vài tiếng trước từ một số bị chặn.

Suresh bấm mở nội dung và đọc tin nhắn ba dòng. Nhất thời, anh nghĩ mình bị ảo giác.

Chuyện này không thể là sự thật!

Suresh đọc lại tin nhắn. Tin nhắn là bằng chứng tuyệt đối về sự dính líu của Valdespino đến những hành động lừa dối và phản bội không ai nghĩ tới.

Đây là còn chưa nói đến sự ngạo mạn, Suresh nghĩ, sửng sờ vì biết rằng vị tu sĩ có tuổi lại chủ quan như vậy khi trao đổi một tin nhắn như thế này qua kênh điện tử.

Nếu nội dung này bị công khai...

Suresh rùng mình trước khả năng đó và lập tức chạy xuống nhà tìm Mónica Martín.

CHƯƠNG 60

Khi chiếc trực thăng EC145 rà thấp phía trên thành phố, Đặc vụ Díaz dăm dăm nhìn xuống cả vùng đèn sáng bên dưới. Dù giờ đã muộn, anh vẫn thấy lấp loáng màn ảnh truyền hình và máy tính ở đa số các ô cửa sổ căn hộ, vẽ cho thành phố một màn xanh lam nhạt.

Cả thế giới đang theo dõi.

Điều đó khiến anh thấy bồn chồn. Anh cảm nhận được buổi tối nay đang quay cuồng vượt khỏi tầm kiểm soát, và anh sợ cuộc khủng hoảng đang gia tăng này sắp tiến tới một kết cục đáng ngại.

Trước mặt anh, Đặc vụ Fonseca hét to và chỉ xa xa phía trước. Díaz gật đầu, nhìn thấy mục tiêu của họ ngay tức thì.

Khó mà nhầm được.

Thậm chí từ xa, cả đám ánh đèn cảnh sát màu xanh quay rồi rít khó mà nhầm được.

Chúa giúp chúng con.

Đúng như Díaz lo sợ, Casa Milà đông nghịt xe cảnh sát địa phương. Giới chức Barcelona có phản hồi tức khắc trước manh mối nặc danh ngay sau thông cáo báo chí của Mónica Martín từ Hoàng cung.

Robert Langdon đã bắt giữ hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha.

Hoàng cung cần sự giúp đỡ của công chúng để tìm họ.

Một lời dối trá thớ lợ, Díaz biết. Chính mắt mình nhìn thấy họ cùng rời khỏi Guggenheim.

Trong khi kế hoạch của Martín phát huy tác dụng thì nó

cũng khởi động một trò chơi cực kỳ nguy hiểm. Tạo ra một cuộc săn người công khai bằng việc kéo giới chức địa phương vào cuộc là rất nguy hại - không phải chỉ cho Robert Langdon, mà còn cả cho hoàng hậu tương lai, người lúc này rất có khả năng bị vướng vào giữa hai làn đạn của một đám cảnh sát nghiệp dư địa phương. Nếu mục tiêu của hoàng cung là giữ cho hoàng hậu tương lai được an toàn thì đây hoàn toàn không phải là cách làm vậy.

Tư lệnh Garza sẽ không bao giờ cho phép tình hình này leo thang đến vậy.

Việc bắt giữ Garza vẫn là một bí ẩn với Díaz, người chắc chắn tin rằng những cáo buộc với vị tư lệnh của mình đều là sự thêu dệt giống như những gài nhả vào Langdon.

Tuy nhiên, Fonseca lại nhận cuộc gọi và mệnh lệnh.

Mệnh lệnh từ trên cả Garza.

Khi chiếc trực thăng đến gần Casa Milà, Đặc vụ Díaz xem xét khung cảnh phía dưới và nhận ra không có chỗ an toàn để hạ cánh. Đại lộ rộng rãi và quảng trường góc phố ngay trước tòa nhà đông nghẹt xe truyền thông, xe cảnh sát và những đám đông hiếu kỳ.

Díaz nhìn xuống mái nhà nổi tiếng của tòa nhà - một hình số tám nhấp nhô với các lối đi dốc và các cầu thang uốn lượn phía trên tòa nhà để giúp khách tham quan có được những góc nhìn đường chân trời đẹp mê hồn của Barcelona... cũng như các góc nhìn xuống hai cái giếng trời toang hoác của tòa nhà, mỗi giếng sâu đến chín tầng nhà phía sân bên trong.

Không có chỗ đáp ở đó.

Ngoài những ụ nhô lên và những khe mái bằng, phần sân mái còn được bảo vệ bằng những ống khói Gaudí ngất ngưởng

trông giống những quân cờ chỉ có thể thấy trong tương lai - những người lính gác đội mũ được cho là đã gây ấn tượng với nhà làm phim George Lucas đến mức ông sử dụng chúng như hình mẫu cho đội quân xung kích hung hăng trong *Star Wars*.

Díaz quét mắt nhìn các tòa nhà kế cận để tìm các vị trí hạ cánh khả dĩ, nhưng ánh mắt anh đột nhiên dừng lại trước một cảnh tượng bất ngờ trên nóc Casa Milà.

Một bóng người nhỏ nhắn đứng giữa những bức tượng đồ sộ.

Đứng vững bên một lan can gần rìa mái nhà, người đó mặc đồ trắng, được chiếu sáng rõ nhờ ánh đèn của giới truyền thông rọi ngược lên trên từ quảng trường phía dưới. Lập tức, cảnh tượng này gợi cho Díaz nhớ đến lúc nhìn thấy giáo hoàng đứng trên ban công tại Quảng trường St. Peter, nói chuyện với các tín đồ của mình.

Nhưng đây lại không phải giáo hoàng.

Đây là một phụ nữ xinh đẹp trong bộ váy trắng rất quen thuộc.

Ambra Vidal chẳng nhìn thấy gì qua quầng sáng chói mắt từ những ánh đèn của giới truyền thông, nhưng nàng có thể nghe rõ tiếng một chiếc trực thăng đang đến gần và biết thời gian không còn. Tuyệt vọng, nàng nhoài người ra ngoài lan can và cố hét to với đám đông nhân viên truyền thông phía dưới.

Những lời của nàng tan biến trong tiếng ầm ầm đinh tai nhức óc của động cơ trực thăng.

Winston đã dự đoán rằng giới truyền thông dưới phố sẽ chĩa thẳng máy quay của họ lên trời ngay khi phát hiện Ambra ở rìa mái nhà. Thực tế, mọi việc diễn ra đúng y như vậy, nhưng

Ambra biết kế hoạch của Winston đã thất bại.

Họ không nghe nổi một từ mình nói!

Mái nhà Casa Milà cao vượt hẳn bên sự hỗn loạn và giao thông ồn ào phía dưới. Và giờ tiếng trực thăng có nguy cơ nhấn chìm mọi thứ hoàn toàn.

“Tôi không bị bắt cóc!” Ambra lại hét to, gắng tập trung âm lượng to hết sức có thể. “Tuyên bố từ Hoàng cung về Robert Langdon là không chính xác! Tôi không phải là con tin!”

Cô là hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha, Winston nhắc cho nàng nhớ lúc trước. Nếu cô dừng được cuộc săn đuổi người này, giới chức sẽ ngừng tay. Tuyên bố của cô sẽ tạo ra tình trạng bối rối hoàn toàn. Không ai biết phải theo lệnh nào.

Ambra biết Winston nói đúng, nhưng những lời của nàng chìm ngấm trong tiếng động cơ phía trên đám đông ồn ào.

Đột nhiên bầu trời bùng lên tiếng rít âm âm. Ambra thu mình lại từ phía lan can khi chiếc trực thăng nhào tới gần hơn và đột ngột dừng lại, lơ lửng ngay trước mặt nàng. Cửa bên hông máy bay mở toang, và hai gương mặt quen thuộc dăm dăm nhìn nàng - hai Đặc vụ Fonseca và Díaz.

Trước sự hãi hùng của Ambra, Đặc vụ Fonseca nâng một thiết bị gì đó lên, nhắm thẳng vào đầu nàng. Nhất thời, những ý nghĩ lạ lùng nhất vụt qua trong tâm trí nàng. Julián muốn mình chết. Mình là một phụ nữ vô sinh. Mình không thể sinh con nối dõi cho anh ấy. Giết mình là cách duy nhất để anh ấy thoát khỏi vụ đính hôn.

Ambra loạng choạng lùi lại, tránh khỏi cái thiết bị trông đầy hăm dọa kia, một tay cầm chặt chiếc điện thoại di động của Edmond còn tay kia vươn ra để giữ thăng bằng. Nhưng khi nàng đặt chân ra phía sau, phần sàn dường như biến mất.

Trong khoảnh khắc, nàng chỉ cảm thấy một không gian trống rỗng nơi nàng cứ ngỡ là nền xi măng rắn chắc. Thân mình nàng vặn vẹo khi cố lấy lại thăng bằng, nhưng nàng thấy mình trượt nghiêng xuống một đợt cầu thang ngắn.

Khuỷu tay trái nàng nện xuống xi măng, và khuỷu tay còn lại cũng đập mạnh xuống chỉ một khắc sau đó. Dù vậy, Ambra Vidal chẳng cảm thấy đau. Toàn bộ sự chú tâm của nàng đã hướng vào cái thứ vừa văng ra khỏi tay nàng - chiếc điện thoại di động bằng ngọc lam quá khổ của Edmond.

Chúa ơi, không!

Nàng chết sững nhìn chiếc điện thoại lê trên sàn xi măng, nảy văng xuống các bậc thang về phía mép khoảng không dựng đứng cao chín tầng nhà dẫn xuống phần sân trong của tòa nhà. Nàng xô tới chiếc điện thoại, nhưng nó biến mất phía dưới hàng rào bảo vệ, rớt thẳng xuống khoảng trống.

Kết nối của bọn ta với Winston...!

Ambra nhào theo nó, đến ngay hàng rào vừa lúc chiếc điện thoại của Edmond rơi xuống phía sân đá rất trang nhã của tiền sảnh, nơi nó vỡ tan thành cả cơn mưa kính và kim loại lấp lánh kèm một tiếng đanh gọn.

Chớp mắt, Winston biến mất.

Vọt lên các bậc thang, Langdon lao ra khỏi tháp cầu thang xông ra sân thượng của Casa Milà. Ông thấy mình ở giữa một không gian hỗn loạn ồn ào đến điếc tai. Một chiếc trục thăng đang lơ lửng rất thấp bên cạnh tòa nhà và chẳng nhìn thấy Ambra ở đâu cả.

Sửng sốt, Langdon đưa mắt nhìn cả khu vực. Cô ấy đâu rồi?

Ông quên mất phần mái nhà này vốn rất kỳ quặc – phần tường chắn nghiêng... các cầu thang dốc cao... lính canh bằng xi măng... những hố sâu không đáy.

“Ambra!”

Khi ông tìm thấy nàng, ông cảm thấy vô cùng kinh hãi. Ambra Vidal đang nằm co quắp trên nền xi măng sát mép giếng trời.

Khi Langdon vọt lên và lao tới phía nàng, có tiếng đạn rít sắc lạnh véo qua đầu ông và cày tung nền xi măng phía sau ông.

Chúa ơi! Langdon khụy xuống và bò về phía phần nền thấp hơn khi hai viên đạn nữa bay qua phía trên đầu ông. Nhất thời, ông nghĩ những phát đạn ấy đến từ chiếc trực thăng, nhưng khi ông trèo về phía Ambra, ông nhìn thấy một toán cảnh sát túa ra từ một tòa tháp khác ở phía đầu kia của mái nhà cùng với súng ống đã được rút ra.

Họ muốn giết mình, ông nhận ra vậy. Họ nghĩ mình bắt cóc hoàng hậu tương lai! Rõ ràng chẳng ai nghe thấy những lời tuyên bố của nàng trên nóc nhà.

Khi Langdon nhìn về phía Ambra, lúc này chỉ còn cách mười mét, ông hãi hùng nhận ra cánh tay nàng đang chảy máu. Chúa ơi, cô ấy bị bắn rồi!

Một viên đạn nữa bay qua phía trên đầu ông khi Ambra bắt đầu bấu lấy hàng lan can bao quanh phần bờ dốc về phía khoảng sân trong. Nàng gắng gượng đứng lên.

“Nằm xuống!” Langdon hét lên, bò về phía Ambra và thu mình che chắn lấy thân hình nàng. Ông ngược nhìn những bức tượng lính xung kích đội mũ cao ngất ngưỡng đứng rải rác khắp vành ngoài mái nhà như những người lính canh câm lặng.

Có tiếng ầm ầm đình tai nhức óc trên đầu, và những đợt gió

mạnh cuốn quanh họ khi chiếc trực thăng sà xuống và treo lơ lửng phía trên giếng thông hơi khổng lồ bên cạnh họ, chắn ngang tầm nhìn của cảnh sát.

“¡Dejen de disparar!” một giọng nói được kích âm từ phía chiếc trực thăng vang. “¡Enfunden las armas!” Không được bắn! Cất ngay vũ khí đi!

Ngay trước mặt Langdon và Ambra, Đặc vụ Díaz đang khom người bên cánh cửa hông mở toang, một chân giữ thăng bằng trên càng máy bay và một tay chìa về phía họ.

“Lên ngay đi!” anh hét lên.

Langdon cảm thấy Ambra co rúm lại bên dưới ông.

“NGAY BÂY GIỜ!” Díaz hét lên át tiếng động cơ đình tai.

Anh chàng đặc vụ chỉ về phía hàng rào an toàn quanh giếng trời, giục họ trèo lên đó, nắm lấy tay anh, và nhảy một bước ngắn qua khoảng trống thăm thẳm để lên chiếc máy bay đang lơ lửng.

Langdon ngáp ngừng một lúc lâu.

Díaz giật lấy chiếc loa cầm tay từ Fonseca và chìa thẳng vào mặt Langdon. “GIÁO SƯ, HÃY LÊN TRỰC THĂNG NGAY!” Giọng anh chàng đặc vụ rền vang như sấm. “CẢNH SÁT ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ CÓ LỆNH BẮN ÔNG! CHÚNG TÔI BIẾT ÔNG KHÔNG BẮT CÓC CÔ VIDAL! TÔI CẦN CẢ HAI VỊ LÊN MÁY BAY NGAY LẬP TỨC - TRƯỚC KHI CÓ NGƯỜI BỊ GIẾT!”

CHƯƠNG 61

Trong làn gió cuồn cuộn, Ambra cảm thấy hai cánh tay Langdon nâng bổng nàng lên và đưa về phía bàn tay chìa ra của Đặc vụ Díaz trên chiếc trực thăng lơ lửng.

Nàng đang quá choáng váng chẳng thể phản đối được.

“Cô ấy đang chảy máu!” Langdon hét to khi ông leo lên máy bay sau nàng.

Đột nhiên chiếc trực thăng nhấc bổng lên trời, tránh xa khỏi phần mái nhà nhấp nhô, để lại phía sau một tốp cảnh sát ngỡ ngác, tất cả đều trở mắt nhìn lên.

Fonseca kéo cánh cửa hông đóng lại và sau đó di chuyển về phía phi công ở phía trước. Díaz lách tới bên cạnh Ambra để kiểm tra cánh tay của nàng.

“Chỉ là một vết xước thôi,” nàng ngây người nói.

“Tôi sẽ tìm bộ đồ sơ cứu.” Díaz đi về phía sau khoang.

Langdon ngồi đối diện Ambra, hướng về phía sau. Lúc này khi đột nhiên cả hai người bị bỏ riêng lại, ông mới nhìn vào mắt nàng và mỉm cười nhẹ nhõm. “Tôi mừng là cô không sao.”

Ambra khẽ gật đầu đáp lại, nhưng nàng chưa kịp cảm ơn ông thì Langdon đã nhồm về phía trước, thì thào với nàng bằng giọng đầy phấn khích.

“Tôi nghĩ tôi đã tìm được bài thơ bí ẩn của chúng ta rồi,” ông reo lên, mắt ngập tràn hy vọng. “William Blake. Không chỉ có một bản tổng tập Blake trong thư viện của Edmond... mà rất nhiều bài thơ của Blake là những lời tiên tri!” Langdon chìa tay ra. “Đưa tôi cái điện thoại của Edmond - tôi sẽ bảo Winston tìm tác phẩm của Blake để lựa lấy bất kỳ dòng thơ bốn mươi bảy

mẫu tự nào!”

Ambra nhìn bàn tay chờ đợi của Langdon và cảm thấy vô cùng có lỗi. Nàng đưa tay nắm lấy bàn tay ông. “Anh Robert,” nàng nói cùng tiếng thở dài đầy ăn năn, “điện thoại của Edmond mất rồi. Nó đã bị rơi ở rìa tòa nhà rồi.”

Langdon trân trân nhìn lại nàng, và Ambra thấy mặt ông trắng bệch. Tôi xin lỗi, Robert. Nàng có thể thấy ông đang cố xử lý cái tin ấy và hình dung xem việc để mất Winston giờ đây họ tới đâu.

Trong buồng lái, Fonseca đang quát to vào điện thoại. “Xác nhận! Chúng tôi đón được cả hai người an toàn lên máy bay. Chuẩn bị máy bay di chuyển về Madrid. Tôi sẽ liên lạc với hoàng cung và báo...”

“Đừng mất công!” Ambra hét lên với anh chàng đặc vụ. “Tôi sẽ không tới hoàng cung!”

Fonseca bịt lấy điện thoại, xoay người trên ghế và nhìn nàng. “Chắc chắn cô phải tới! Lệnh của tôi tới nay là giữ an toàn cho cô. Cô đừng bao giờ rời khỏi sự giám hộ của tôi. Cô nên lấy làm may là tôi kịp đến đây giải cứu cô đây.”

“Giải cứu ư?!” Ambra vặn lại. “Nếu đó là giải cứu, thì nó chỉ cần thiết vì hoàng cung nói toàn những điều dối trá lố bịch về việc Giáo sư Langdon bắt cóc tôi - điều các anh biết là không đúng! Có phải Hoàng tử Julián thật sự cuồng đến mức ông ấy sẵn sàng hy sinh tính mạng của một người vô tội không? Đây là còn chưa nói đến sinh mạng của tôi?”

Fonseca nhìn nàng chằm chằm rồi quay mặt đi trên ghế.

Vừa hay, Díaz quay lại cùng với bộ đồ sơ cứu.

“Cô Vidal,” anh nói, ngồi xuống cạnh nàng. “Xin hãy hiểu rằng chuỗi mệnh lệnh của chúng tôi bị đứt quãng tới nay do Tư

lệnh Garza bị bắt giữ. Tuy nhiên, tôi muốn cô biết rằng Hoàng tử Julián không hề liên quan gì đến tuyên bố trước truyền thông được đưa ra từ hoàng cung cả. Thực tế, chúng tôi thậm chí không thể xác nhận được rằng Hoàng tử biết những gì đang xảy ra ngay lúc này. Chúng tôi cũng không thể liên lạc được với ông ấy suốt một tiếng rồi.”

Sao cơ? Ambra tròn tròn nhìn Díaz. “Anh ấy đâu?”

“Hiện giờ ông ấy ở chỗ nào vẫn chưa biết,” Díaz nói, “nhưng lúc ông ấy liên lạc với chúng tôi chập tối này thì rất rõ. Hoàng tử muốn cô an toàn.”

“Nếu đúng như vậy,” Langdon nói, đột ngột thoát khỏi dòng suy tưởng của mình, “thì đưa cô Vidal về hoàng cung là một sai lầm chết người đấy.”

Fonseca xoay phắt lại. “Ông nói gì cơ?!”

“Tôi không biết giờ ai ra mệnh lệnh cho các anh,” Langdon nói, “nhưng nếu Hoàng tử thực sự muốn hôn thê của mình an toàn thì tôi gợi ý với các anh hãy nghe tôi thật cẩn thận.” Ông ngừng lại, giọng mãnh liệt hơn. “Edmond Kirsch bị sát hại để ngăn phát hiện của anh ấy được công bố. Và bất kỳ ai ra tay với anh ấy đều sẽ không dừng trước bất kỳ việc gì để bảo đảm rằng việc này kết thúc.”

“Nó đã kết thúc rồi,” Fonseca chế giễu. “Edmond chết rồi.”

“Nhưng phát hiện của anh ấy thì chưa,” Langdon trả lời. “Bài thuyết trình của Edmond vẫn còn sống và có thể vẫn được công bố với thế giới.”

“Đó là lý do các vị đến căn hộ của anh ta,” Díaz đánh bạo nói. “Vì các vị tin mình có thể công bố nó.”

“Chính xác,” Langdon trả lời. “Và điều đó khiến chúng tôi thành mục tiêu. Tôi không biết ai tạo ra thông báo với truyền

thông nói rằng Ambra bị bắt cóc, nhưng rõ ràng đó là kẻ điên cuồng ngăn chặn chúng tôi. Cho nên nếu các anh thuộc về nhóm đó - những kẻ đang tìm cách chôn vùi phát hiện của Edmond mãi mãi - thì các anh chỉ việc ném cô Vidal và tôi ra khỏi chiếc trực thăng này ngay bây giờ khi các anh vẫn còn làm được vậy.”

Ambra trân trối nhìn Langdon, tự hỏi không biết ông có mắt trí không.

“Tuy nhiên,” Langdon tiếp tục, “nếu nghĩa vụ đã tuyên thệ của các anh với tư cách đặc vụ Cận vệ Hoàng gia là bảo vệ hoàng gia, bao gồm cả hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha, thì các anh cần nhận ra rằng không có chỗ nào nguy hiểm cho cô Vidal ngay lúc này hơn là một cung điện vừa tung ra một tuyên bố công khai gần như giết chết cô ấy.” Langdon thò tay vào túi và móc ra một tấm thẻ lạnh được chạm nổi rất đẹp. “Tôi đề xuất các anh đưa cô ấy tới địa chỉ ở cuối tấm thẻ này.”

Fonseca nhận lấy tấm thẻ và xem xét, lông mày nhíu lại. “Thật kỳ cục.”

“Có một hàng rào an ninh bao quanh toàn bộ quần thể,” Langdon nói. “Phi công của các anh có thể hạ cánh, thả bốn chúng ta xuống, và sau đó bay đi trước khi bất kỳ ai đó nhận ra chúng ta có mặt ở đó. Tôi biết người phụ trách. Chúng ta có thể ẩn ở đó, ngắt mọi kết nối, cho tới khi chúng ta rà soát được toàn bộ việc này. Các anh có thể đi theo chúng tôi.”

“Tôi cảm thấy ở trong một nhà chứa máy bay quân sự tại sân bay an toàn hơn.”

“Anh có thực sự muốn tin một nhóm quân nhân có thể đã nhận lệnh từ chính những người vừa suýt giết cô Vidal không?”

Vẻ mặt lạnh tanh của Fonseca vẫn không chút nao núng.

Những suy nghĩ của Ambra giờ quay cuồng, và nàng thắc mắc trên tấm thẻ viết những gì. *Langdon* muốn đi đâu? Thái độ quyết liệt đột ngột của ông dường như hàm ý rằng mạo hiểm đánh liều vẫn hơn là chỉ việc giữ cho nàng an toàn. Nàng nghe thấy có sự lạc quan rất mới mẻ trong giọng của ông và cảm thấy ông vẫn chưa hề từ bỏ hy vọng rằng bằng cách nào đó họ vẫn có thể công bố thuyết trình của Edmond.

Langdon lấy lại tấm thẻ lạnh từ Fonseca và đưa nó cho Ambra. “Tôi tìm thấy cái này trong thư viện của Edmond.”

Ambra xem xét tấm thẻ, lập tức nhận ra nó là gì.

Được gọi là “nhật ký mượn” hay “thẻ tiêu đề”, những tấm thẻ chạm nổi đẹp mắt này được những người quản lý bảo tàng trao cho các nhà tài trợ đổi lại một tác phẩm nghệ thuật đem cho mượn tạm. Theo truyền thống, cứ hai thẻ giống hệt nhau được in ra - một dùng khi trưng bày tại bảo tàng để cảm ơn nhà tài trợ, và một do nhà tài trợ giữ như là vật thế chấp cho tác phẩm người đó đã cho mượn.

Edmond đã cho mượn tập thơ của Blake mà anh ấy có?

Theo tấm thẻ, cuốn sách của Edmond đã vượt vài cây số tính từ căn hộ ở Barcelona của anh.

WILLIAM BLAKE

TOÀN TẬP

Thuộc sưu tập riêng của

EDMOND KIRSCH

Đem cho mượn

VƯƠNG CUNG THÁNH ĐƯỜNG

SAGRADA FAMÍLIA

Carrer de Mallorca, 401

“Tôi không hiểu,” Ambra nói. “Tại sao một người vô thần khét tiếng lại cho một nhà thờ mượn sách chữ?”

“Không phải bất kỳ nhà thờ nào,” Langdon đáp. “Kiệt tác kiến trúc bí ẩn nhất của Gaudí...” Ông chỉ ra ngoài cửa sổ về phía xa đằng sau họ. “Và chẳng mấy sẽ là nhà thờ cao nhất châu Âu.”

Ambra quay đầu, chăm chú nhìn ngược lại về phía Bắc, qua cả thành phố. Phía xa - vây kín bởi các cần trục, giàn giáo, và đèn thi công - những tòa tháp còn dang dở của Sagrada Família sáng rực, một nhóm tháp nhọn có nhiều lỗ trông giống những miếng bọt biển khổng lồ vươn lên trên nền đại dương hướng về phía ánh sáng.

Suốt hơn một thế kỷ, Vương cung thánh đường Sagrada Família gây tranh cãi của Gaudí vẫn được xây dựng, chỉ độc dựa vào các khoản tài trợ cá nhân từ những người mộ đạo. Bị phe nệ cổ chỉ trích vì hình dáng sinh thể kỳ quặc và việc sử dụng “thiết kế mô phỏng sinh học” của nó, nhà thờ này lại được phe hiện đại ca tụng vì khả năng linh động về kết cấu và việc sử dụng các hình dạng “song khúc diện*” để phản ánh thế giới tự nhiên.

“Tôi thừa nhận nó rất khác thường,” Ambra nói, ngoảnh lại phía Langdon, “nhưng nó vẫn là một nhà thờ Công giáo. Và anh thì biết rõ Edmond rồi.”

Mình thực sự biết Edmond, Langdon nghĩ. Đủ để biết cậu ấy tin *Sagrada Família* ẩn giấu một mục đích và biểu tượng bí mật vượt ra ngoài khuôn khổ Thiên Chúa giáo.

Kể từ lễ khởi công tòa nhà thờ kỳ lạ vào năm 1882, các thuyết âm mưu vẫn xoay quanh những cánh cửa mã hóa đầy bí ẩn, những cột trụ xoắn ốc lấy cảm hứng từ vũ trụ, các phần mặt tiền đầy biểu tượng, những phần chạm trổ mang tính chất toán học ma phương, và quá trình xây dựng “khung xương” ma quái rất giống với những khúc xương xoắn lấy nhau và mô kết nối của công trình này.

Đương nhiên, Langdon biết thừa các thuyết này và chưa bao giờ tin tưởng nhiều vào chúng. Tuy nhiên, một vài năm trước, Langdon rất ngạc nhiên khi Edmond tâm sự rằng anh là một trong số lượng người ngày càng đông những người hâm mộ Gaudí vốn âm thầm tin rằng *Sagrada Família* được sáng tạo một cách bí mật với tư cách một thứ gì đó ngoài là một nhà thờ Thiên Chúa giáo, thậm chí có lẽ còn là một đền thờ bí mật dành cho khoa học và tự nhiên.

Langdon thấy quan điểm này rất không chắc chắn, và ông nhắc cho Edmond rằng Gaudí là một tín đồ Công giáo kiên định mà Vatican rất kính nể đến mức còn ban tên thánh cho ông là “kiến trúc sư của Chúa”, và thậm chí còn tính đến việc phong á thánh cho ông. Thiết kế khác thường của *Sagrada Família*, Langdon quả quyết với Kirsch, không có gì hơn một ví dụ về cách tiếp cận hiện đại độc đáo của Gaudí đối với chủ nghĩa tượng trưng Thiên Chúa giáo.

Câu trả lời của Edmond là một nụ cười bên lên, như thể anh đang bí mật nắm giữ một câu đố bí ẩn nào đó mà anh chưa sẵn

sàng chia sẻ.

Một bí mật nữa của Kirsch, giờ Langdon nghĩ. Giống như cuộc chiến kín đáo của cậu ấy với căn bệnh ung thư.

“Thậm chí nếu đúng là Edmond cho Sagrada Família mượn cuốn sách của anh ấy,” Ambra nói tiếp, “và thậm chí nếu chúng ta tìm được nó, chúng ta vẫn chẳng thể xác định đúng dòng thơ đúng bằng cách đọc từng trang một. Và tôi thật sự nghi ngờ việc Edmond dùng bút đánh dấu với một bản thảo vô giá.”

“Ambra?” Langdon trả lời cùng một nụ cười bình thản. “Nhìn lại mặt sau tấm thẻ xem.”

Nàng liếc nhìn xuống tấm thẻ, lật nó lại và đọc phần chữ phía sau.

Sau đó, với vẻ không tin nổi, Ambra đọc lại.

Khi mắt nàng nhìn trở lại Langdon, đôi mắt ấy tràn đầy hy vọng.

“Như tôi nói,” Langdon mỉm cười nói, “tôi nghĩ chúng ta nên tới đó.”

Vẻ phấn khích của Ambra tan biến nhanh như lúc mới xuất hiện. “Vẫn còn một vấn đề. Thậm chí nếu chúng ta tìm được mật khẩu của anh ấy...”

“Tôi biết - chúng ta đã mất cái điện thoại của Edmond, nghĩa là chúng ta không có cách nào tiếp cận Winston và liên lạc với cậu ấy.”

“Chính xác.”

“Tôi tin tôi có thể giải quyết vấn đề đó.”

Ambra nhìn ông vẻ hoài nghi. “Sao cơ?”

“Tất cả những gì chúng ta cần là định vị chính Winston - cái máy tính thực mà Edmond kiến tạo. Nếu chúng ta không còn tiếp cận được Winston từ xa, chúng ta sẽ phải mang mật khẩu

tới cho đích danh Winston.”

Ambra tròn tròn nhìn ông như thể ông hóa đại.

Langdon nói tiếp. “Cô kể với tôi Edmond kiến tạo Winston tại một cơ sở bí mật.”

“Vâng, nhưng cơ sở đó có thể là bất kỳ đâu trên thế giới này!”

“Không hề. Nó ở ngay Barcelona đây thôi. Phải là vậy. Barcelona là thành phố nơi Edmond sống và làm việc. Và kiến tạo cỗ máy thông minh nhân tạo này là một trong những dự án gần đây nhất của cậu ấy, cho nên Edmond sẽ kiến tạo Winston tại đây mới là hợp lẽ.”

“Anh Robert, cho dù anh có đúng đi nữa thì anh cũng đang mò kim đáy bể đây. Barcelona là một thành phố rộng lớn. Sẽ không thể nào...”

“Tôi có thể tìm ra Winston,” Langdon nói. “Tôi tin chắc vậy.” Ông mỉm cười và ra hiệu về phía những ánh đèn thành phố bên dưới họ. “Việc này nghe điên khùng nhưng nhìn khung cảnh Barcelona từ trên không lúc này giúp tôi nhận ra một điều...”

Giọng ông nhỏ lại khi ông nhìn ra cửa sổ.

“Anh nói rõ thêm được không?” Ambra hỏi đầy vẻ mong đợi.

“Lẽ ra tôi nên nhìn ra sớm hơn,” ông nói. “Có gì đó liên quan đến Winston - một câu đố hấp dẫn - khiến tôi băn khoăn suốt buổi tối. Tôi nghĩ cuối cùng tôi đã tìm ra rồi.”

Langdon đưa ánh mắt cảnh giác về phía các đặc vụ Cận vệ và sau đó hạ giọng, nhồm về phía Ambra. “Cô tin tôi việc này chứ?” ông hỏi khẽ. “Tôi tin tôi có thể tìm thấy. Vấn đề là tìm ra Winston sẽ không ích gì cho ta nếu không có mặt khẩu của Edmond. Ngay lúc này, cô và tôi cần tập trung tìm ra dòng thơ đó. Sagrada Família là cơ hội tốt nhất của chúng ta để làm việc

đó.”

Ambra dò xét Langdon một lúc lâu. Sau đó, với một cái gật đầu đầy hoang mang, nàng nhìn về phía ghế trước và gọi, “Đặc vụ Fonseca! Xin hãy bảo phi công vòng lại và đưa chúng tôi tới Sagrada Família ngay!”

Fonseca xoay ghế lại, trừng mắt nhìn nàng. “Cô Vidal, như tôi đã nói với cô, tôi có lệnh...”

“Đặc vụ Fonseca,” hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha ngắt lời, nhồm tới trước và nhìn thẳng vào mắt anh ta. “Hãy đưa chúng tôi tới Sagrada Família, ngay bây giờ, hoặc mệnh lệnh đầu tiên của tôi khi chúng ta trở về sẽ là sa thải anh.”

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

QUAN HỆ SÁT THỦ TÔN GIÁO!

Nhờ manh mối nữa từ monte@iglesia.org, chúng tôi vừa biết rằng kẻ sát hại Edmond Kirsch là thành viên của một phái Thiên Chúa giáo bí mật, cực kỳ bảo thủ được biết đến là Giáo hội *Palmaria*!

Luis Ávila tuyển dụng trực tuyến những thành viên *Palmaria* suốt hơn một năm qua, và tư cách thành viên của hắn trong tổ chức tôn giáo - quân sự gây tranh cãi này cũng giải thích hình xăm “kẻ chiến thắng” trên bàn tay hắn. □

Cái biểu tượng thời Franco này được Giáo hội *Palmaria* dùng thường xuyên. Theo tờ báo quốc gia của Tây Ban Nha *El Pais*, giáo hội này có “giáo hoàng” riêng của mình và đã phong cho một vài nhà lãnh đạo tàn bạo - bao gồm Francisco Franco và Adolf Hitler - là các vị thánh!

Không tin chúng tôi ư? Hãy tra cứu thử xem.

Tất cả bắt đầu với một cảnh tượng huyền bí.

Năm 1975, một người môi giới bảo hiểm tên là Clemente Domínguez y Gómez tuyên bố đã thấy một cảnh tượng trong đó ông ấy được đích thân Chúa Jesus phong làm giáo hoàng.

Clemente lấy tên thánh là Gregory XVII, ly khai khỏi Vatican và bổ nhiệm các hồng y của mình. Mặc dù bị La Mã phủ nhận, nhưng vị tân giáo hoàng đối cử này thu nạp được hàng nghìn đệ tử và số tiền rất lớn giúp ông ta xây dựng một nhà thờ như pháo đài, mở rộng đoàn linh mục của mình trên thế giới và tôn

phong cho hàng trăm Giám mục Palmaria trên toàn thế giới.

Giáo hội Palmaria ly giáo vẫn hoạt động cho tới ngày nay từ tổng hành dinh cấp thế giới của họ - một quần thể có tường bao, biệt lập gọi là Núi Chúa Đức Vua Christ tại El Palmar de Troya, Tây Ban Nha. Phái Palmaria không được Vatican tại Rome công nhận, nhưng vẫn tiếp tục thu hút những người Công giáo bảo thủ đi theo.

Sẽ sớm có thêm tin về giáo phái này, cũng như bản tin cập nhật về Giám mục Antonio Valdespino, người có vẻ cũng can dự vào âm mưu tối nay.

CHƯƠNG 63

Tốt lắm, tôi thấy rất ấn tượng, Langdon nghĩ.

Với mấy lời cứng rắn, Ambra vừa buộc tổ lái chiếc trực thăng EC145 thực hiện một cú vòng rộng và hướng trở lại phía Vương cung thánh đường Sagrada Família.

Khi chiếc máy bay lấy lại thăng bằng và bắt đầu lao vùn vụt ngang qua thành phố, Ambra hướng về Đặc vụ Díaz và đề nghị cho sử dụng điện thoại di động của anh. Anh chàng đặc vụ Cận vệ miễn cưỡng đưa ra. Ambra lập tức khởi động trình duyệt và bắt đầu lướt xem các tiêu đề tin tức chính.

“Chết tiệt,” nàng thì thào, lắc lắc đầu vẻ thất vọng. “Tôi đã cố nói với truyền thông anh không hề bắt cóc tôi. Nhưng chẳng ai nghe thấy tôi nói cả.”

“Có lẽ họ cần thêm thời gian để đăng chẳng?” Langdon nêu ý kiến. *Chuyện này xảy ra chưa đầy mười phút trước mà.*

“Họ có đủ thời gian mà,” nàng trả lời. “Tôi đang xem các video clip chiếc trực thăng của chúng ta lao đi khỏi Casa Milà đây này.”

Đã có rồi sao? Đôi khi Langdon cảm thấy thế giới bắt đầu quay quá nhanh quanh trục của nó. Ông vẫn còn nhớ những lúc các “bản tin đặc biệt” được in trên báo và phát tới tận cửa nhà mình vào sáng hôm sau.

“Nhân tiện,” Ambra nói với vẻ hài hước, “có vẻ tôi và anh là một trong những tin thời sự được theo dõi nhiều hàng đầu thế giới đấy.”

“Tôi biết tôi không nên bắt cóc cô mà,” ông nhún nhó trả lời.

“Không đùa chút nào đâu. Ít nhất chúng ta cũng không phải

là tin số một.” Nàng đưa điện thoại cho ông. “Anh nhìn cái này xem.”

Langdon nhìn màn hình và thấy trang chủ Yahoo! với mười tin “Theo dõi nhiều” đứng đầu. Ông nhìn tin nhiều người theo dõi nhất ở trên đầu:

1 “Chúng ta từ đâu đến?” / Edmond Kirsch

Rõ ràng, bài thuyết trình của Edmond đã truyền cảm hứng cho mọi người trên khắp địa cầu tìm kiếm và thảo luận chủ đề này. Edmond sẽ rất vui, Langdon nghĩ, nhưng khi ông bấm vào đường dẫn và thấy mười tiêu đề đầu tiên, ông nhận ra mình đã nhầm. Mười câu chuyện hàng đầu cho cụm “chúng ta từ đâu đến” đều là những chuyện nói về Sáng tạo luận và người ngoài hành tinh.

Edmond sẽ rất kinh hãi.

Một trong những lời khoa trương khét tiếng nhất của anh chàng cựu sinh viên của Langdon diễn ra tại một diễn đàn công khai có tên Khoa học & Duy linh, nơi Edmond trở nên phát điên với những câu hỏi của cử tọa đến mức cuối cùng anh phải giơ hai tay lên trời và vừa rời khỏi sân khấu vừa hét lên: “Làm sao mà loài người thông minh lại không thể thảo luận về nguồn gốc của mình mà không đề cập đến tên Chúa và những sinh vật lạ chết tiệt chứ!”

Langdon tiếp tục lướt nhìn màn hình điện thoại cho tới khi ông thấy một đường dẫn CNN Live có vẻ vô thưởng vô phạt với tiêu đề “Kirsch đã phát hiện được gì?”

Ông bật đường dẫn và giữ điện thoại để Ambra cũng nhìn được. Khi đoạn video bắt đầu chạy, ông bật to âm lượng và cùng Ambra chụm đầu lại để họ đều có thể nghe được đoạn video trong tiếng âm âm của động cơ trực thăng.

Một phát thanh viên CNN xuất hiện. Langdon đã xem các chương trình phát sóng của cô nhiều lần trong những năm qua. “Lúc này chúng tôi có thêm nhà sinh học vũ trụ từ NASA, Tiến sĩ Griffin Bennett,” cô nói, “người có một vài ý kiến liên quan đến phát hiện chấn động bí ẩn của Edmond Kirsch. Chào mừng ông, thưa Tiến sĩ Bennett.”

Vị khách - một người đàn ông để râu đeo cặp kính đen gọng thép - gật đầu ừ ừ. “Cảm ơn cô. Trước hết, tôi xin nói rằng cá nhân tôi quen biết Edmond. Tôi vô cùng kính trọng trí thông minh, sức sáng tạo và cống hiến của anh ấy cho sự tiến bộ và đổi mới. Việc anh ấy bị ám sát là một đòn khủng khiếp đối với cộng đồng khoa học và tôi hy vọng vụ giết người hèn hạ này sẽ giúp củng cố cộng đồng tri thức cùng đoàn kết đứng lên chống lại những mối đe dọa từ sự cuồng tín, lối suy nghĩ mê tín và những kẻ dùng đến bạo lực, chứ không phải sự thật, để thúc đẩy niềm tin của mình. Tôi chân thành hy vọng những lời đồn đại rằng tôi nay có những người đang cố gắng hết sức nhằm đem phát hiện của Edmond đến với công chúng là sự thật.”

Langdon liếc nhìn Ambra. “Tôi nghĩ ý ông ấy nói đến chúng ta.”

Nàng gật đầu.

“Có nhiều người cũng đang hy vọng điều đó, thưa Tiến sĩ Bennett,” phát thanh viên nói. “Và ông có thể tiết lộ xem ông nghĩ nội dung phát hiện của Edmond có thể là gì được không?”

“Là một nhà khoa học vũ trụ,” Tiến sĩ Bennett tiếp tục, “tôi cảm thấy mình cần mở đầu những gì mình nói tôi nay bằng một tuyên bố khái quát... điều mà tôi tin Edmond Kirsch sẽ trân trọng.” Người đàn ông quay nhìn thẳng vào máy quay. “Khi nói đến khái niệm sự sống ngoài Trái Đất,” ông bắt đầu, “đã tồn tại cả mở khoa học hắc ám, thuyết âm mưu và những điều viển

tưởng rành rành. Để cho chính xác, tôi xin nói điều này: Những vòng tròn trên cánh đồng là lừa đảo. Các đoạn video giải phẫu sinh vật lạ là hình ảnh dàn dựng. Sinh vật lạ chưa làm hại gì đến một con bò nào cả. Đĩa bay Roswell là khinh khí cầu thời tiết của chính phủ gọi là Dự án Mogul. Các kim tự tháp khổng lồ do người Ai Cập xây dựng mà không hề có công nghệ của sinh vật lạ. Và điều quan trọng nhất là tất cả mọi câu chuyện bị người ngoài Trái Đất bắt cóc từng được báo cáo đều hoàn toàn là nói dối.”

“Làm sao ông dám chắc, thưa Tiến sĩ?” phát thanh viên hỏi.

“Lô-gic đơn giản,” nhà khoa học nói, có vẻ khó chịu khi quay lại phía phát thanh viên. “Bất kỳ dạng sống nào tiến bộ đủ để du hành bằng năm ánh sáng qua vũ trụ giữa các vì sao sẽ chẳng học được gì từ việc thăm dò trực tràng của những nông dân ở Kansas cả. Những dạng sống này cũng chẳng cần biến hóa thành bò sát và thâm nhập vào các chính phủ để chiếm lấy Trái Đất. Bất kỳ dạng sống nào có công nghệ để du hành tới Trái Đất sẽ chẳng cần ngón bíp hay mưu mẹo quỷ quyệt để thống trị chúng ta ngay tức thì.”

“Chà, nghe đáng ngại đấy!” phát thanh viên bình luận kèm tiếng cười bồi rồi. “Và điều này liên quan thế nào đến những suy nghĩ của ông về phát hiện của Kirsch?”

Người đàn ông thở dài thườn thượt. “Quan niệm mạnh mẽ của tôi là Edmond Kirsch sẽ công bố rằng anh ấy đã tìm thấy bằng chứng đáng tin cậy cho thấy sự sống trên Trái Đất bắt nguồn từ vũ trụ.”

Langdon lập tức thấy nghi ngờ, biết rõ Kirsch cảm nhận thế nào về chủ đề sự sống ngoài vũ trụ trên Trái Đất này.

“Rất thú vị, điều gì khiến ông nói vậy?” phát thanh viên hỏi thúc.

“Sự sống từ vũ trụ là câu trả lời hợp lý duy nhất. Chúng ta đã có bằng chứng không thể tranh cãi rằng vật chất có thể được trao đổi giữa các hành tinh. Chúng ta có những mảnh vỡ của sao Hỏa và sao Kim cùng với hàng trăm mẫu vật từ các nguồn không xác định, tất cả củng cố cho ý tưởng rằng sự sống đến qua những viên đá vũ trụ dưới dạng vi khuẩn, và cuối cùng tiến hóa thành sự sống trên Trái Đất.”

Phát thanh viên gật đầu chăm chú. “Nhưng chẳng phải thuyết này - vi khuẩn đến từ vũ trụ - đã từng nổi bật suốt nhiều thập kỷ mà không hề có bằng chứng đó sao? Ông nghĩ một thiên tài công nghệ như Edmond Kirsch có thể chứng minh một giả thuyết như thế này, có vẻ như là thuộc lãnh địa sinh học vũ trụ hơn là khoa học máy tính, bằng cách nào.”

“Chà, có một lô-gic rất vững vàng,” Tiến sĩ Bennett đáp. “Các nhà thiên văn học hàng đầu đã cảnh báo trong nhiều thập kỷ rằng hy vọng duy nhất của con người để sinh tồn lâu dài sẽ là rời khỏi hành tinh này. Trái Đất đã đi được nửa vòng đời của nó và cuối cùng mặt trời sẽ phình ra thành một ngôi sao đỏ khổng lồ và nuốt chửng chúng ta. Thế tức là, nếu chúng ta sống sót được qua những đe dọa gần hơn nữa như một vụ va chạm tiểu hành tinh lớn hay một vụ nổ tia gamma quy mô lớn. Vì những lý do này, chúng ta đã thiết kế những tiền đồn trên sao Hỏa để cuối cùng chúng ta có thể tiến vào không gian sâu thẳm trong cuộc tìm kiếm một hành tinh sống mới. Không cần nói thì ta cũng biết đây là một công việc lớn lao, và nếu chúng ta tìm ra cách đơn giản hơn để bảo đảm sự sinh tồn của mình thì chúng ta đã thực hiện ngay lập tức.”

Tiến sĩ Bennett ngừng lại. “Và có lẽ có một cách đơn giản hơn. Sẽ ra sao nếu bằng cách nào đó chúng ta đóng gói được bộ gen người vào những viên nén nhỏ xíu và gửi hàng triệu viên

vào không gian với hy vọng một viên có thể bén rễ, gieo mầm sự sống của con người lên một hành tinh xa xôi? Công nghệ này vẫn chưa có, nhưng chúng ta đang bàn đến nó như một lựa chọn khả dĩ cho sự sinh tồn của con người. Và nếu chúng ta tính đến chuyện ‘gieo mầm sự sống,’ thì lẽ tất nhiên là một dạng sống tiến bộ hơn có thể cũng đã tính đến điều đó.”

Giờ Langdon thấy nghi ngại không biết Tiến sĩ Bennett sẽ đi đến đâu với giả thuyết của ông ấy.

“Với điều này trong đầu,” ông tiếp tục, “tôi tin Edmond Kirsch có thể đã phát hiện được một dấu hiệu gì đó của sinh vật lạ - là vật lý, hóa học, hay số hóa thì tôi không biết - chứng minh rằng sự sống trên Trái Đất được gieo mầm từ vũ trụ. Tôi cần đề cập rằng Edmond và tôi từng có một cuộc tranh luận về chuyện này vài năm trước. Anh ấy không hề thích giả thuyết vi khuẩn vũ trụ bởi vì anh ấy tin, cũng như nhiều người, rằng chất liệu di truyền không thể sống nổi trong nhiệt độ và bức xạ chết người sẽ gặp phải trong hành trình dài tới Trái Đất. Về mặt cá nhân, tôi tin rằng hoàn toàn khả thi để bao kín ‘những hạt mầm sự sống’ này trong các khoang bảo vệ chống bức xạ và bắn chúng vào không gian để đưa người đi khắp vũ trụ theo một hình thức tạo nguồn gốc sự sống từ vũ trụ có công nghệ hỗ trợ.”

“Được rồi,” phát thanh viên nói, trông có vẻ bồn chồn, “nhưng nếu ai đó phát hiện được bằng chứng rằng con người đến từ một vỏ hạt gửi tới từ vũ trụ thì khi ấy điều đó có nghĩa là chúng ta không hề đơn độc trong vũ trụ.” Cô ngừng lại. “Mà, đáng kinh ngạc hơn nhiều...”

“Vâng?” Tiến sĩ Bennett mỉm cười lần đầu tiên.

“Nó có nghĩa là bất kỳ ai gửi các khoang đó sẽ phải... giống như chúng ta... loài người!”

“Phải, cũng là kết luận đầu tiên của tôi.” Nhà khoa học ngừng

lời. “Rồi Edmond trao đổi thẳng với tôi. Anh ấy chỉ ra những sai lầm trong cách nghĩ đó.”

Câu này khiến phát thanh viên không chú ý. “Vậy niềm tin của Edmond là bất kỳ ai gửi những ‘hạt mầm’ này đều không phải là con người? Làm sao có thể như vậy được, nếu các hạt mầm, xin nói như vậy, là ‘công thức chế biến’ cho việc nhân giống loài người?”

“Con người chưa chín hẵn đâu,” nhà khoa học trả lời, “nói theo đúng lời Edmond như vậy.”

“Sao cơ ạ?”

“Edmond nói rằng nếu cái giả thuyết khoang hạt này là sự thật thì công thức chế biến được gửi tới Trái Đất có lẽ chỉ mới dở chừng lúc này - vẫn chưa hoàn chỉnh - nghĩa là con người chưa phải ‘thành phẩm’ mà thay vào đó mới chỉ là một giống loài trung gian đang tiến hóa thành gì đó khác... gì đó rất lạ lẫm.”

Phát thanh viên CNN trông vô cùng bối rối.

“Edmond cho rằng bất kỳ dạng sống tiến bộ nào đều sẽ không gửi công thức tạo loài người nhiều hơn là gửi công thức tạo tinh tinh.” Nhà khoa học cười khùng khục. “Thực tế Edmond quy kết tôi là một tín đồ Thiên Chúa giáo thiếu thực tế - đùa rằng chỉ có một tư duy tôn giáo mới có thể tin rằng con người là trung tâm của vũ trụ. Hoặc là sinh vật lạ sẽ gửi đường không bộ DNA ‘Adam and Eve’ hình thành trọn vẹn vào vũ trụ.”

“Chà, thưa Tiến sĩ,” phát thanh viên nói, rõ ràng không thấy thoải mái với hướng mà cuộc phỏng vấn đang diễn ra. “Thật là được mở mang nhiều khi trò chuyện với ông. Xin cảm ơn ông đã dành thời gian.”

Đoạn clip kết thúc và Ambra lập tức ngoảnh sang Langdon.

“Anh Robert, nếu Edmond phát hiện ra bằng chứng cho thấy con người mới là một giống loài xa lạ tiến hóa dở chừng, thì khi đó sẽ làm nảy sinh một vấn đề còn lớn hơn nữa - chính xác chúng ta đang tiến hóa thành gì?”

“Đúng,” Langdon nói. “Và tôi tin Edmond đã nói đến vấn đề đó theo một cách hơi khác - như một câu hỏi: Chúng ta đang đi về đâu?”

Ambra có vẻ thảng thốt khi đi tròn một vòng. “Câu hỏi thứ hai của Edmond từ buổi thuyết trình tối nay.”

“Chính xác. Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta đang đi về đâu? Rõ ràng, nhà khoa học NASA mà chúng ta vừa xem nghĩ Edmond nhìn lên bầu trời và thấy câu trả lời cho cả hai câu hỏi.”

“Anh nghĩ gì vậy, Robert? Đây là những gì Edmond đã phát hiện ư?”

Langdon cảm nhận được lông mày mình nhú lại đầy nghi ngờ khi ông cân nhắc các khả năng. Giả thuyết của nhà khoa học, dù rất thú vị, dường như quá chung chung và khác biệt hẳn với tư duy sắc bén của Edmond Kirsch. Edmond thích những gì đơn giản, rõ ràng và kỹ thuật. Cậu ấy là một nhà khoa học máy tính. Điều quan trọng hơn, Langdon không thể hình dung nổi Edmond sẽ chứng minh giả thuyết như vậy thế nào. Khai quật được một khoang hạt cổ ư? Phát hiện được một tín hiệu truyền dẫn lạ chẳng? Cả hai giả thuyết đều sẽ lập tức là những đột phá, nhưng phát hiện của Edmond lại tốn thời gian.

Edmond nói cậu ấy làm việc với thứ này hàng tháng trời.

“Hẳn nhiên tôi không biết,” Langdon nói với Ambra, “nhưng linh cảm tôi mách bảo phát hiện của Edmond chẳng liên quan gì đến sự sống ngoài Trái Đất. Tôi thật sự tin cậu ấy đã phát

hiện ra gì đó hoàn toàn khác.”

Ambra trông có vẻ ngạc nhiên, và sau đó là tò mò. “Tôi đoán có một cách duy nhất để tìm ra.” Nàng ra hiệu ra phía ngoài cửa sổ.

Trước mặt họ là những ngọn tháp lấp lánh của Sagrada Família.

Giám mục Valdespino lén liếc nhìn nhanh Julián, người vẫn trân trân nhìn mông lung ra ngoài cửa sổ chiếc xe mui kín hiệu Opel khi nó lao theo Đại lộ M-505.

Anh ta đang nghĩ gì? Valdespino thắc mắc.

Hoàng tử đã im lặng suốt gần ba mươi phút, gần như chẳng nhúc nhích ngoại trừ thỉnh thoảng theo phản xạ lại thò tay vào túi để lấy điện thoại, chỉ để nhận ra rằng chàng đã cất nó trong két an toàn của mình.

Ta cần giữ anh ta trong bóng tối, Valdespino nghĩ, lâu hơn thêm một chút.

Ở ghế trước, thầy tu trẻ từ nhà thờ vẫn đang lái xe theo hướng về Điện trang Hoàng tử, mặc dù chẳng mấy lúc Valdespino sẽ cần thông báo với Hoàng tử rằng chỗ ẩn dật của chàng không phải là đích đến của họ.

Julián đột ngột từ cửa sổ ngoảnh lại, vồ vồ lên vai thầy tu trẻ. “Làm ơn bật đài lên,” chàng nói. “Ta muốn nghe thời sự.”

Người đàn ông trẻ chưa kịp làm theo thì Valdespino đã nhổm tới trước và đặt một bàn tay rắn chắc lên vai anh ta. “Chúng ta cứ ngồi yên lặng chứ nhỉ?”

Julián ngoảnh lại phía Giám mục, rõ ràng rất khó chịu khi bị lấn lướt.

“Thần xin lỗi,” Valdespino nói ngay, cảm thấy sự mất niềm tin đang tăng lên trong mắt Hoàng tử. “Muộn rồi. Chỉ toàn chuyện tào lao. Thần thích im lặng suy ngẫm.”

“Ta vẫn suy ngẫm này giờ,” Julián nói, giọng đanh lại, “và ta muốn biết chuyện gì đang xảy ra trên đất nước của ta. Chúng ta

hoàn toàn tự cách ly mình tối nay và ta bắt đầu bắn khoản liệu đây có phải là một ý hay.”

“Đó là một ý hay,” Valdespino quả quyết với chàng, “và thần rất biết ơn sự tin tưởng ngài dành cho thần.” Ông bỏ tay khỏi vai thầy tu trẻ và ra hiệu về phía hệ thống thu thanh. “Làm ơn bật kênh thời sự lên. Có lẽ Đài María España nhỉ?”

Valdespino hy vọng kênh Công giáo toàn thế giới này sẽ hòa nhã và khéo léo hơn hầu hết các kênh truyền thông khi nói về những diễn biến phiền phức tối nay.

Khi giọng của phát thanh viên phát ra qua hệ thống loa rền trên xe, anh ta đang nói về phần thuyết trình và vụ ám sát Edmond Kirsch. Tất cả các kênh trên thế giới đều đang nói về sự việc này tối nay. Valdespino chỉ hy vọng tên của ông ta sẽ không xuất hiện trong bản tin.

Rất may, chủ đề lúc này có vẻ là những mối nguy hại của cái thông điệp bài tôn giáo mà Kirsch rao giảng, đặc biệt là mối đe dọa do ảnh hưởng của anh với giới trẻ ở Tây Ban Nha. Để lấy làm ví dụ, kênh này bắt đầu phát lại một bài giảng Kirsch trình bày gần đây tại Đại học Barcelona.

“Nhiều người trong chúng ta ngại gọi mình là vô thần,” Kirsch nói rất bình thản trước các sinh viên. “Nhưng vô thần không phải là một triết lý, vô thần cũng không phải là thế giới quan. Vô thần chỉ đơn giản là sự thừa nhận những điều hiển nhiên.”

Vài sinh viên vỗ tay tán đồng.

“Cái thuật ngữ ‘vô thần’,” Kirsch nói tiếp, “thậm chí chẳng cần tồn tại. Làm gì có ai cần phải tự nhận mình là một người ‘phi chiêm tinh’ hay ‘phi giả kim’ đâu. Chúng ta không có từ ngữ để chỉ những người vẫn nghi ngờ rằng Elvis còn sống, hay

những người bắn khoan rằng sinh vật lạ vượt qua thiên hà chỉ để quấy rầy đám gia súc. Vô thần chẳng là gì khác hơn những tiếng ồn mà những con người duy lý tạo ra khi có những tín điều tôn giáo phi lý.”

Số lượng sinh viên vỗ tay tán thưởng tăng lên hẳn.

“Nhân tiện thì cái định nghĩa đó không phải của tôi,” Kirsch nói với họ. “Những lời ấy thuộc về nhà khoa học thần kinh Sam Harris. Và nếu các bạn chưa đọc thì các bạn cần phải đọc cuốn sách *Thư gửi một dân tộc Thiên Chúa giáo* của ông ấy.”

Valdespino cau mày, nhớ lại sự xôn xao mà cuốn sách của Harris, có tiêu đề *Carta a Nación Cristiana* trong tiếng Tây Ban Nha, tạo ra và lan rộng khắp Tây Ban Nha, mặc dù nó được viết cho người Mỹ.

“Bằng cách giơ cao tay,” Kirsch nói tiếp, “có bao nhiêu người trong các bạn tin vào bất kỳ vị thần cổ đại nào đó dưới đây: Apollo? Zeus? Vulcan?” Anh ngừng lại, sau đó bật cười. “Không một ai trong số các bạn à? Được rồi, vậy có vẻ là tất cả chúng ta đều là những người vô thần kính trọng những vị thần ấy.” Anh ngừng lại. “Tôi thì đơn giản là chọn tiến xa thêm một vị thần nữa.”

Đám đông vỗ tay to hơn.

“Thưa các bạn, tôi không hề nói tôi biết một sự thật rằng không hề có Chúa. Tất cả những gì tôi nói là nếu có một thế lực thần thánh đằng sau vũ trụ thì thế lực ấy sẽ cười như điên trước những tôn giáo chúng ta tạo ra nhằm cố định nghĩa nó.”

Tất cả mọi người cười ồ.

Lúc này, Valdespino thấy mừng là Hoàng tử đã đề nghị được nghe đài. Julián cần nghe thứ này. Sức cuốn hút ma quái của Kirsch là một bằng chứng cho thấy rằng những kẻ thù của Đức

Chúa không còn ngồi án binh bất động nữa, mà rất tích cực tìm cách lôi kéo người ta rời xa Chúa.

“Tôi là một người Mỹ,” Kirsch nói tiếp, “và tôi thấy vô cùng may mắn được sinh ra ở một trong những quốc gia phát triển về công nghệ và tiến bộ về tri thức nhất trên Trái Đất. Và vì thế tôi thấy rất lo lắng khi một cuộc thăm dò gần đây cho thấy rằng một nửa đồng bào tôi tin thật rằng Adam và Eve có tồn tại - rằng một vị Chúa quyền năng đã tạo ra hai con người trọn vẹn hình hài, đơn thương độc mã tạo ra dân số của toàn bộ hành tinh này, sinh ra tất cả các chủng tộc khác nhau, mà không gặp vấn đề cổ hữu nào của tình trạng lai giống gần.”

Thêm nhiều tiếng cười.

“Ở Kentucky,” anh tiếp tục, “mục sư Peter LaRuffa công khai tuyên bố: ‘Nếu ở đâu đó trong Kinh Thánh, tôi tìm được một đoạn nói rằng ‘hai cộng hai bằng năm’, thì tôi sẽ tin điều đó và chấp nhận như một sự thật’.”

Lại thêm những tiếng cười.

“Tôi đồng ý, cười rất dễ, nhưng tôi cam đoan với các bạn, những tin điều này kinh khủng hơn là buồn cười rất nhiều. Nhiều người tán thành những tin điều ấy là những nhà chuyên môn có học, sáng láng - các bác sĩ, luật sư, giáo viên, và trong một số trường hợp, là những người khao khát được vào những cơ quan cao nhất ở đó. Tôi từng nghe Nghị sĩ Hoa Kỳ Paul Broun nói, ‘Tiến hóa và vụ nổ Big Bang là những điều dối trá từ hồ sâu địa ngục. Tôi tin Trái Đất khoảng chín nghìn năm tuổi, và nó được tạo ra trong sáu ngày như chúng ta đã biết.’” Kirsch ngừng lại. “Thậm chí đáng ngại hơn nữa, Nghị sĩ Broun còn ngồi trong Ủy ban Khoa học gia đình, Vũ trụ và Công nghệ, và khi được hỏi về sự tồn tại của một hóa thạch cả triệu năm tuổi, câu trả lời của ông ấy là ‘Các hóa thạch được Chúa đặt ở đó để kiểm

chứng đức tin của chúng ta’.”

Giọng Kirsch đột nhiên trở nên khê khàng và ủ rũ. “Chấp nhận sự ngu dốt là tạo sức mạnh cho nó. Chẳng làm gì khi những nhà lãnh đạo của chúng ta tuyên bố những điều phi lý chính là tội tự mãn. Để cho các trường học và nhà thờ của chúng ta dạy những điều giả dối rành rành cho con cái chúng ta cũng vậy. Đã đến lúc hành động. Khi nào chúng ta loại bỏ được giống loài có suy nghĩ mê tín của mình thì chúng ta mới có thể nắm bắt được tất cả những gì trí tuệ của chúng ta đem lại.” Anh ngừng lại và tiếng suyt giữ im lặng vang lên trong đám đông. “Tôi yêu nhân loại. Tôi tin trí tuệ và giống loài chúng ta có tiềm năng vô hạn. Tôi tin chúng ta sắp bước vào một kỷ nguyên khai sáng mới, một thế giới nơi tôn giáo cuối cùng cũng triệt tiêu... và khoa học thống trị.”

Đám đông òa lên những tiếng vỗ tay cuồng nhiệt.

“Lạy Chúa,” Valdespino gất lên, lắc đầu khó chịu. “Tắt ngay đi.”

Vị thầy tu trẻ tuân lệnh và ba người lái xe trong im lặng.

Cách đó hơn bốn mươi kilomet, Mónica Martín đang đứng đối diện anh chàng Suresh Bhalla thở không ra hơi, người vừa lao vào và đưa một chiếc điện thoại di động cho cô ta.

“Chuyện dài lắm,” Suresh thở hổn hển, “nhưng cô cần đọc tin nhắn này mà Giám mục Valdespino đã nhận.”

“Khoan đã.” Martín suýt đánh rơi chiếc điện thoại. “Đây là điện thoại của Giám mục à?! Làm thế quái nào anh...”

“Đừng hỏi. Cứ đọc đi.”

Martín lo lắng đưa mắt nhìn chiếc điện thoại và bắt đầu đọc

tin nhắn hiện trên màn hình. Chỉ mấy giây, cô ta cảm thấy mình tái nhợt.

“Chúa ơi, Giám mục Valdespino...”

“Nguy hiểm,” Suresh nói.

“Nhưng... chuyện này không thể có! Cái người gửi tin nhắn cho Giám mục là ai?!”

“Số được bảo vệ,” Suresh nói. “Tôi đang tìm cách xác minh.”

“Và tại sao Valdespino lại không xóa tin nhắn này?”

“Không biết,” Suresh nói thẳng toẹt. “Bất cần? Ngạo mạn? Tôi sẽ cố phục hồi lại những tin nhắn khác, và cũng thử xem tôi có thể xác minh được Valdespino nhắn tin với ai không, nhưng tôi muốn cho cô biết tin tức này về Valdespino ngay; cô sẽ phải đưa ra tuyên bố đấy.”

“Không, tôi sẽ không làm!” Martín nói, vẫn còn choáng váng. “Hoàng cung sẽ không công khai thông tin này!”

“Không, nhưng sẽ có người khác làm.” Suresh nhanh chóng giải thích rằng động cơ của việc tìm chiếc điện thoại của Valdespino là một gợi ý qua thư điện tử trực tiếp từ monte@iglesia.org - người cung cấp tin vẫn đang cấp tin tức cho ConspiracyNet - và nếu người này hành động đúng như đã định thì tin nhắn của Giám mục sẽ không là vấn đề riêng tư được mấy lúc nữa.

Martín nhắm mắt lại, cố gắng hình dung ra cái bằng chứng không thể tranh cãi rằng một Giám mục Công giáo có quan hệ thân cận với đức vua Tây Ban Nha lại trực tiếp can dự vào hành động dối trá và giết người tồi nay.

“Suresh,” Martín thì thào, từ từ mở mắt ra. “Tôi cần anh tìm ra cái người cung cấp tin ‘Monte’ này là ai. Anh có làm được việc đó cho tôi không?”

“Tôi có thể cố.” Giọng anh nghe không nhiều hy vọng lắm.

“Cảm ơn anh.” Martín trả lại anh chiếc điện thoại của Giám mục và đi vội ra cửa. “Và gửi cho tôi ảnh chụp màn hình tin nhắn đó!”

“Cô đi đâu đấy?” Suresh gọi với theo.

Mónica Martín không trả lời.

CHƯƠNG 65

La Sagrada Família - Vương cung thánh đường của Thánh gia - chiếm trọn cả một khối phố ở trung tâm Barcelona. Bất chấp dấu ấn đồ sộ của nó, tòa nhà thờ này dường như lơ lửng không trọng lượng trên mặt đất, một quần thể những ngọn tháp lộng gió dễ dàng vươn lên bầu trời Tây Ban Nha.

Rối rắm và nhiều lỗ như tổ ong, những ngọn tháp có chiều cao khác nhau, tạo cho nhà thờ dáng vẻ của một tòa lâu đài cát kỳ dị được dựng lên bởi những người khổng lồ tinh nghịch. Một khi hoàn tất, ngọn cao nhất trong số mười tám tháp nhọn sẽ đạt độ cao chóng mặt và chưa từng có tiền lệ là khoảng một trăm bảy mươi mét - cao hơn cả Đài tưởng niệm Washington - khiến cho Sagrada Família thành nhà thờ cao nhất thế giới, vượt hẳn cả Vương cung thánh đường St. Peter của Vatican đến hơn ba mươi mét.

Phần thân của nhà thờ được che chắn bởi ba mặt tiền đồ sộ. Về phía Đông, phần mặt tiền rực rỡ mô tả Chúa giáng sinh vươn lên như một khu vườn treo, trở ra cây cối, động vật, hoa quả và con người với rất nhiều màu. Đối lập hoàn toàn, phần mặt tiền chủ đề Khổ hình ở phía Tây là bộ xương khổ hạnh bằng đá thô ráp, được kiến tạo giống với hệ gân và xương, về phía Nam, phần mặt tiền chủ đề Vinh hiển uốn éo vươn lên trên thành một mớ hỗn độn toàn quỷ sứ, tượng thần, các tội lỗi và thói xấu, cuối cùng nhường chỗ cho những biểu tượng cao quý hơn của quá trình thăng thiên, đức hạnh và thiên đường.

Hoàn chỉnh cho phần chu vi là rất nhiều mặt tiền nhỏ hơn, các trụ tường, và các tháp, hầu hết đều được bao bọc trong một thứ vật liệu như bùn, tạo hiệu ứng rằng nửa dưới của công

trình đang tan chảy hoặc bị đẩy từ dưới đất lên. Theo một nhà phê bình có tiếng, nửa dưới của Sagrada Família giống như “một thân cây mục ruỗng nơi mọc lên cả một quần thể những tháp nấm rói rắm”.

Ngoài việc trang trí cho nhà thờ của mình bằng những hình tượng tôn giáo truyền thống, Gaudí còn đưa vào vô số những đặc điểm gây chú ý phản ánh sự sùng kính thiên nhiên của mình - những con rùa đỡ các cột chống, những cái cây mọc lên từ các mặt tiền, và thậm chí những con ốc và ếch nhái bằng đá khổng lồ leo trèo bên ngoài tòa nhà.

Bất chấp phần ngoại thất kỳ dị, người ta chỉ có thể nhìn thấy điều ngạc nhiên thật sự của Sagrada Família sau khi bước qua ngưỡng cửa nhà thờ. Một khi đã ở bên trong điện thờ chính, du khách luôn đứng sửng sờ khi mắt họ leo lên những cột trụ như những thân cây nghiêng ngả và uốn éo vươn cao tới sáu mươi mét lên chỗ có vô số mái vòm lơ lửng, nơi những bức tranh gây ảo giác với những hình kỷ hà lơ lửng như một cái tán bằng pha lê treo trên những cành cây. Việc sáng tạo một “rừng cột”, như Gaudí tuyên bố, là để kích lệ tư duy trở về với suy nghĩ của những con người tìm kiếm tâm linh đầu tiên, những người mà với họ, rừng chính là ngôi nhà thờ của Chúa.

Không có gì đáng ngạc nhiên, tác phẩm Nghệ thuật Mới hoành tráng của Gaudí vừa được ca tụng hết lời lại vừa bị chê trách thậm tệ. Được một số người ca ngợi là “suy cảm, thiêng liêng và đầy chất sống”, nó lại bị những người khác chế nhạo là “thô thiển, khoe khoang và dung tục”. Tác giả James Michener mô tả nó là “một trong những công trình trông kỳ lạ nhất trên thế giới”, còn tạp chí *Architectural Review* gọi nó là “con quái vật thần thánh của Gaudí”.

Nếu tính thẩm mỹ của nó lạ lùng thì ngân sách của nó còn lạ

lùng hơn. Hoàn toàn do các khoản quyên góp cá nhân tài trợ, Sagrada Família không hề nhận được sự hỗ trợ tài chính bằng bất kỳ hình thức nào từ Vatican hay giới lãnh đạo Công giáo thế giới. Mặc dù có những thời kỳ gần như phá sản và có những lúc công việc bị đình trệ, nhà thờ này vẫn cho thấy một ý chí sinh tồn gần giống thuyết Darwin, đã từng kiên cường chịu đựng cái chết của kiến trúc sư trưởng, một cuộc nội chiến dữ dội, những vụ tấn công khủng bố của những kẻ vô chính phủ Catalan và thậm chí cả việc khoan đào một đường hầm tàu điện ngầm gần đó đe dọa khiến cho phần nền mà nhà thờ tọa lạc bị mất ổn định.

Đương đầu với nghịch cảnh lạ thường, Sagrada Família vẫn đứng vững, và tiếp tục mọc lên.

Suốt thập kỷ qua, số phận của nhà thờ đã cải thiện đáng kể, ngân sách của nhà thờ được bổ sung bởi tiền bán vé với hơn bốn triệu du khách một năm bỏ ra số tiền hậu hĩnh để tham quan công trình hoàn thành dang dở này. Giờ đây, khi đã công bố ngày hoàn thành dự kiến vào năm 2026 - kỷ niệm 100 năm ngày mất của Gaudí - Sagrada Família dường như được truyền cho một sinh lực mới, những ngọn tháp của nó vươn lên trời với niềm hy vọng và sự khẩn trương mới.

Đức cha Joaquim Beña - vị tu sĩ già nhất và cũng là tu sĩ cai quản Sagrada Família - là một ông già tám mươi tuổi vui tính đeo cặp kính tròn trên gương mặt tròn luôn mỉm cười với thân hình quần trong áo choàng. Ước mơ của Đức cha Beña là được sống đủ lâu để chứng kiến thánh điện huy hoàng này hoàn thiện.

Tuy nhiên, tối nay, bên trong văn phòng của mình, Đức cha Beña không cười. Ông thức khuya lo việc của nhà thờ, nhưng cuối cùng lại đeo dính lấy chiếc máy tính của mình, hoàn toàn

bị cuốn theo tấn kịch đáng buồn đang diễn ra ở Bilbao.

Edmond Kirsch bị ám sát.

Hơn ba tháng qua, Đức cha Beña đã tạo dựng được một tình bạn mong manh và không chắc thành công với Kirsch. Anh chàng vô thần bạo miệng khiến Đức cha Beña sửng sốt bằng việc đích thân tìm tới với một đề xuất dành một khoản quyền góp rất lớn cho nhà thờ. Số tiền chưa từng có tiền lệ và có tác động tích cực rất lớn.

Đề xuất của Kirsch chẳng là gì, Đức cha Beña đã nghĩ vậy, nghi ngờ có sự gài bẫy. Phải chăng đó là một mánh quảng cáo để gây chú ý? Có lẽ anh ta muốn gây ảnh hưởng đến việc xây dựng chẳng?

Đổi lại khoản quyền góp của mình, nhà vị lai chủ nghĩa nổi tiếng chỉ có một đề nghị.

Đức cha Beña lắng nghe, không dám tin. Đó là tất cả những gì anh ta muốn ư?

“Đây là một vấn đề cá nhân với tôi,” Kirsch nói. “Và tôi hy vọng cha sẵn lòng chiếu cố đề nghị của tôi.”

Đức cha Beña là người cả tin, nhưng lúc đó ông cảm thấy mình đang khiêu vũ với quỷ sứ. Đức cha Beña thấy mình cố tìm kiếm trong mắt Kirsch một động cơ kín đáo nào đó. Và rồi ông nhìn thấy nó. Đằng sau vẻ quyền rũ vô tư lự của Kirsch bừng bừng một nỗi tuyệt vọng mệt mỏi, đôi mắt trũng sâu và thân hình gầy gò của anh ấy gợi cho Đức cha Beña nhớ lại những ngày tháng mình sống ở trường dòng và làm việc như một cố vấn cho các nhà tế bần.

Edmond Kirsch bị bệnh.

Đức cha Beña tự hỏi phải chăng người đàn ông này sắp chết, và phải chăng khoản quyền góp này có thể là một nỗ lực đột ngột nhằm sửa chữa lỗi lầm với Chúa mà anh ta vẫn luôn phỉ

báng.

Sự tự cao tự đại nhất lúc sống trở thành điều đáng sợ nhất khi chết.

Đức cha Beña nghĩ về tác giả Phúc Âm Thiên Chúa giáo đầu tiên - Thánh John - người đã hiến trọn đời để khuyến khích những người không có niềm tin tôn giáo trải nghiệm vinh quang của Chúa Jesus. Dường như là một kẻ không có niềm tin tôn giáo như Kirsch muốn tham gia vào việc sáng tạo ra một đền thờ Chúa Jesus, sau đó phủ nhận mình rằng mối liên hệ đó vừa trái với giáo lý vừa ác nghiệt.

Thêm vào đó, Đức cha Beña còn có vấn đề về nghĩa vụ chuyên môn là giúp gây quỹ cho nhà thờ và ông không thể hình dung được việc thông báo với các cộng sự của mình rằng món quà khổng lồ của Kirsch đã bị từ chối vì lịch sử vô thần công khai của anh chàng ấy.

Cuối cùng, Đức cha Beña chấp nhận các điều kiện của Kirsch, và hai người bắt tay nhau nồng ấm.

Đó là ba tháng trước.

Tối nay, Đức cha Beña xem bài thuyết trình của Kirsch tại Guggenheim, mới đầu cảm thấy phiền muộn bởi giọng điệu bài tôn giáo của anh ta, sau đó lại thấy hấp dẫn khi Kirsch nhắc đến một phát hiện bí mật, và cuối cùng kinh hãi khi chứng kiến Edmond Kirsch bị bắn gục. Sau đó, Đức cha Beña đã không tài nào rời khỏi máy tính của mình, bị thu hút bởi những gì đang nhanh chóng trở thành một màn kính vạn hoa quay cuồng của những thuyết âm mưu cạnh tranh nhau.

Cảm thấy bị áp chế, giờ Đức cha Beña ngồi yên lặng trong thánh điện như cái lòng hang, một mình trong “khu rừng” cột trụ của Gaudí. Tuy nhiên, những hàng cây bí ẩn chẳng giúp tâm

trí đang quay cuồng của ông bình tĩnh lại mấy.

Kirsch đã phát hiện được gì? Ai muốn anh ấy chết?

Đức cha Beña nhắm mắt lại và cố gắng dẹp bỏ những suy nghĩ của mình, nhưng những câu hỏi ấy vẫn cứ trôi dạt.

Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta đang đi về đâu?

“Chúng ta từ Chúa mà ra!” Đức cha Beña nói lớn. “Và chúng ta về với Chúa!”

Lúc nói vậy, ông cảm thấy những lời của mình vang dội trong lồng ngực với sức mạnh khiến cả thánh điện như rung lên. Đột nhiên, một quầng sáng chói rọi thẳng vào ô cửa sổ lắp kính màu phía trên mặt tiền Chúa chịu khổ hình và rải xuống bên trong vương cung thánh đường.

Kinh hãi, Đức cha Beña đứng lên và hấp tấp chạy về phía cửa sổ, toàn bộ nhà thờ lúc này náo động khi quầng sáng từ trên trời rọi xuống dọc phần kính màu. Khi ông lao vọt ra cửa chính nhà thờ, Đức cha Beña thấy mình bị một cơn cuồng phong âm âm ập tới. Phía trên ông về bên trái, một chiếc trục thẳng to tướng đang từ trên trời hạ dần xuống, đèn pha rọi của nó chiếu sáng rực phần mặt trước của nhà thờ.

Đức cha Beña ngỡ ngàng nhìn trong khi chiếc máy bay chạm xuống khu vực bên trong hàng rào thi công ở góc Tây Bắc của quần thể và giảm dần động cơ.

Khi gió và tiếng ồn lắng xuống, Đức cha Beña đứng ở cửa chính của Sagrada Família và nhìn bốn bóng người ra khỏi máy bay, hồi hải đi về phía ông. Hai người đằng trước có thể nhận ra ngay tức thì qua chương trình phát sóng tối nay - một là hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha, còn người kia là Giáo sư Robert Langdon. Theo sau họ là hai người đàn ông lực lưỡng trong bộ áo cộc có gắn phù hiệu chữ lồng.

Nhìn cảnh này, Langdon có vẻ chẳng hề bất cóc Ambra Vidal. Khi vị giáo sư người Mỹ tiến lại, cô Vidal có vẻ ở bên cạnh ông ấy hoàn toàn theo ý cô.

“Đức cha!” người phụ nữ gọi kèm cái vẫy tay thân thiện. “Xin thứ lỗi cho sự xâm nhập ồn ào của chúng con ở nơi thiêng liêng này. Chúng con cần nói chuyện với cha ngay. Rất quan trọng.”

Đức cha Beña mở miệng trả lời nhưng chỉ có thể gật đầu vì cái nhóm người không mời mà đến này đã đến trước mặt ông.

“Chúng con xin lỗi, thưa Đức cha,” Robert Langdon nói kèm một nụ cười khiến người khác ngơ ngác. “Con biết tất cả việc này có vẻ rất lạ lùng. Cha biết chúng con là ai chứ?”

“Dĩ nhiên rồi,” ông gượng nói, “nhưng ta nghĩ...”

“Thông tin sai đây,” Ambra nói. “Mọi thứ đều ổn, con bảo đảm với cha.”

Vừa lúc ấy, hai nhân viên an ninh canh bên ngoài hàng rào bao quanh chạy vội qua cánh cửa quay an ninh, hốt hoảng trước sự xuất hiện của chiếc trực thăng. Một người bảo vệ nhìn thấy Đức cha Beña và chạy băng về phía ông.

Ngay lập tức, hai người đàn ông mặc áo cộc đính chữ lông xoay người và đối diện với họ, duỗi tay ra dấu hiệu quen thuộc “dừng lại”.

Một người bảo vệ dừng sững lại, thẳng thốt, nhìn về Đức cha Beña chờ chỉ dẫn.

“¡Tot està bé!” Đức cha Beña hét lên bằng tiếng Catalan. “Tornin al seu lloc.” Mọi thứ ổn! Trở về vị trí của các con đi.

Đám bảo vệ nheo mắt nhìn nhóm người không mời mà đến, đầy vẻ do dự.

“Són els meus convidats,” Đức cha Beña lên tiếng, giờ rất kiên quyết. Họ là khách của ta. “Confio en la seva discreció.” Ta trông

cây vào sự cẩn trọng của các con.

Mấy người bảo vệ vội rút lui qua lối cửa quay an ninh để tiếp tục tuần tiễu vành ngoài.

“Cảm ơn cha,” Ambra nói. “Con rất biết ơn.”

“Ta là Đức cha Joaquim Beña,” ông nói. “Làm ơn cho ta biết chuyện này là thế nào.”

Robert Langdon bước tới và bắt tay Beña. “Đức cha Beña, chúng con đang tìm một cuốn sách hiếm thuộc sở hữu của nhà khoa học Edmond Kirsch.” Langdon chìa ra một tấm thẻ rất đẹp và đưa nó cho ông. “Tấm thẻ này cho biết cuốn sách đang cho nhà thờ này mượn.”

Mặc dù có phần sửng sốt trước sự xuất hiện đầy kịch tính của nhóm người này nhưng Đức cha Beña nhận ra tấm thẻ bằng ngà ngay lập tức. Một bản sao y hệt của tấm thẻ này đi kèm với cuốn sách mà Kirsch đã trao cho ông vài tuần trước.

Tuyển tập William Blake.

Điều kiện về khoản quyên góp lớn của Edmond dành cho Sagrada Família là cuốn sách của Blake được trưng bày tại hầm mộ của vương cung thánh đường.

Một đề nghị kỳ lạ, nhưng là một cái giá rất nhỏ phải trả.

Một yêu cầu thêm nữa của Kirsch - ghi rõ ở mặt sau tấm thẻ lanh - là cuốn sách luôn mở sẵn ở trang 163.

CHƯƠNG 66

Gần tám kilomet về phía Tây Bắc Sagrada Família, Đô đốc Ávila dăm dăm nhìn qua kính chắn gió chiếc Uber về phía vùng ánh đèn thành phố trải rộng, lấp lánh trên nền tối của Biển Balearic xa hơn nữa.

Cuối cùng cũng tới Barcelona, viên sĩ quan hải quân già nghĩ bụng, rút điện thoại ra và gọi cho Nhiếp chính vương, như đã hứa.

Nhiếp chính vương trả lời ngay hồi chuông đầu tiên. “Đô đốc Ávila. Ngài ở đâu?”

“Vài phút bên ngoài thành phố.”

“Ngài đến đúng giờ đây. Ta vừa nhận được tin đáng ngại.”

“Xin cứ nói với tôi.”

“Ngài đã xử lý rất tốt phần đầu con rắn. Tuy nhiên, đúng như chúng ta e ngại, cái đuôi dài vẫn đang quẫy đạp rất nguy hiểm.”

“Tôi giúp được bằng cách nào đây?” Ávila hỏi.

Khi Nhiếp chính vương nói ra những mong muốn của mình, Ávila rất ngạc nhiên. Ông ta không hình dung được rằng buổi tối nay lại dẫn đến việc có thêm tổn thất sinh mạng nào nữa, nhưng ông ta không định chất vấn Nhiếp chính vương. Ta không còn là một người lính bộ binh nữa, ông ta tự nhủ.

“Nhiệm vụ này sẽ rất nguy hiểm,” Nhiếp chính vương nói. “Nếu ngài bị bắt, hãy cho giới chức thấy cái biểu tượng trên bàn tay. Ngài sẽ được trả tự do ngay. Chúng ta có ảnh hưởng ở mọi nơi.”

“Tôi không có ý định để bị bắt,” Ávila nói, liếc nhìn hình

xăm.

“Tốt lắm,” Nhiếp chính vương nói bằng giọng vô hồn đến kỳ lạ. “Nếu mọi việc theo đúng kế hoạch, chẳng mấy nữa cả hai bọn họ sẽ chết, và toàn bộ việc này sẽ kết thúc.”

Kết nối ngắt.

Trong sự im ắng đột ngột, Ávila ngược mắt nhìn điểm sáng nhất ở chân trời – một nhóm tháp hình thù kỳ dị gồm ghiếc sáng rực nhờ những ngọn đèn công trường.

Sagrada Família, ông ta nghĩ, cảm thấy khó chịu trước cái bóng đen kỳ dị. Một đền thờ mang tất cả những gì không đúng với tín điều của chúng ta.

Ávila tin rằng, tòa nhà thờ trứ danh của Barcelona là một công trình của sự yếu đuối và đứt gãy về đạo đức - một sự đầu hàng trước thứ Công giáo tự do chủ nghĩa, trâng tráo bóp méo và xuyên tạc tín điều đã hàng nghìn năm tuổi thành một thứ lai căng dị dạng giữa tôn thờ thiên nhiên, giả khoa học và dị giáo Ngộ đạo.

Có những con thần lẫn khổng lồ đang bò lên nhà thờ của Đức Chúa!

Sự đứt gãy truyền thống trên thế giới khiến Ávila sợ hãi, nhưng ông ta cảm thấy phấn chấn bởi sự xuất hiện của một nhóm thủ lĩnh thế giới mới rõ ràng cùng chung những lo lắng với ông ta và đang làm mọi cách để phục hồi lại truyền thống. Việc Ávila công hiến cho Giáo hội Palmaria và đặc biệt cho Giáo hoàng Innocent XIV, đem lại cho ông ta một lý do mới để sống, giúp ông ta thấy được bi kịch của chính mình qua một lăng kính hoàn toàn mới mẻ.

Vợ và con ta là tổn thất của chiến tranh, Ávila nghĩ, một cuộc chiến do những thế lực của quỷ dữ phát động chống Chúa, chống

truyền thống. Sự tha thứ không phải là con đường duy nhất dẫn tới cứu rỗi.

Năm đêm trước, Ávila còn ngủ trong căn hộ khiêm nhường của mình thì bị đánh thức bởi tiếng kêu rất lớn báo hiệu có tin nhắn gửi đến điện thoại di động của mình. “Nửa đêm rồi,” ông ta càu nhàu, kèm nhèm nheo mắt nhìn màn hình để xem ai liên hệ với mình giờ này.

Số ẩn.

Ávila giụi mắt và đọc tin nhắn gửi đến.

Compruebe su saldo bancario

Kiểm tra số dư tài khoản của ngài?

Lúc này, Ávila cau mày, cảm thấy nghi ngờ lại là một dạng âm mưu tiếp thị qua điện thoại gì đó. Ông ta bực bội chui ra khỏi giường và đi ra bếp để lấy một cốc nước. Lúc đứng bên bồn nước, ông ta liếc nhìn máy tính của mình, biết rằng rất có thể mình sẽ không thể ngủ trở lại được nữa cho tới khi nào kiểm tra thử.

Ông ta truy cập vào trang web ngân hàng của mình, cứ đinh ninh rằng sẽ thấy số dư ít ỏi như thường lệ - số tiền lương hưu quân đội của ông ta. Thế nhưng, khi thông tin tài khoản của ông ta xuất hiện, ông ta đứng bật dậy đột ngột đến mức làm một chiếc ghế đổ kèn.

Nhưng không thể như thế!

Ông ta nhắm mắt lại rồi nhìn lần nữa. Sau đó, ông ta khởi động lại màn hình.

Con số vẫn thế.

Ông ta lập bập tìm con chuột, chạy xuống mục hoạt động tài khoản, và sửng sờ khi thấy rằng một khoản tiền gửi ẩn danh giá trị 100.000 euro vừa được chuyển vào tài khoản của mình một

tiếng trước. Nguồn gửi được đánh số và không truy vết được.

Ai làm việc này chứ?!

Tiếng điện thoại di động rung lên khiến tim Ávila đập nhanh hơn. Ông ta vớ lấy điện thoại và nhìn số người gọi đến.

Số ẩn.

Ávila dăm dăm nhìn chiếc điện thoại và sau đó nhận cuộc gọi. “¿Sí?”

Một giọng nói nhẹ nhàng đáp lại bằng tiếng Tây Ban Nha vùng Castile. “Chúc một buổi tối tốt lành, ngài Đô đốc. Tôi tin ngài vừa thấy món quà chúng tôi gửi ngài?”

“Tôi... vừa,” ông ta lắp bắp. “Ông là ai?”

“Ngài có thể gọi ta là Nhiếp chính vương,” giọng nói trả lời. “Ta đại diện cho các đạo hữu của ngài, những thành viên của giáo hội mà ngài đã tham gia hai năm qua. Những kỹ năng và lòng trung thành của ngài không hề không được biết đến, Đô đốc. Giờ chúng ta sẽ cho ngài cơ hội để phục vụ một mục đích cao cả hơn. Đức Giáo hoàng đã nêu một số nhiệm vụ cho ngài... những nhiệm vụ được Chúa gửi tới ngài.”

Giờ Ávila hoàn toàn tỉnh táo, hai bàn tay vã mồ hôi.

“Tiền chúng ta gửi ngài là khoản ứng trước cho nhiệm vụ đầu tiên của ngài,” giọng nói tiếp tục. “Nếu ngài chọn thực hiện nhiệm vụ, hãy coi đó là cơ hội để chứng tỏ ngài xứng đáng có một vị trí trong hàng ngũ cao nhất của chúng ta.” Giọng nói ngừng lại. “Có một hệ thống cấp bậc rất quyền lực trong giáo hội của chúng ta mà thế giới không nhìn thấy. Chúng ta tin ngài sẽ là một nhân vật có giá trị ở nhóm đầu trong tổ chức của chúng ta.”

Mặc dù đầy phấn khích trước viễn cảnh thăng tiến, Ávila vẫn cảm thấy đề phòng. “Nhiệm vụ là gì? Và sẽ sao nếu tôi chọn

không thực hiện?”

“Ngài sẽ không bị phán xét gì cả, và ngài có thể giữ số tiền đó để đổi lại việc giữ bí mật. Như vậy nghe ổn chứ?”

“Nghe khá hào phóng.”

“Chúng ta mến ngài. Chúng ta muốn giúp ngài. Và rất thẳng thắn với ngài, ta muốn cảnh báo ngài rằng nhiệm vụ của giáo hoàng là việc khó.” Ông ngừng lại. “Nó có thể gây ra bạo lực.”

Cơ thể Ávila cứng đờ. Bạo lực ư?

“Đô đốc, các thế lực xấu xa đang trỗi dậy mạnh mẽ từng ngày. Chúa đang tham chiến, và cuộc chiến nào cũng có tổn thất.”

Ávila vụt nhớ đến cảnh hãi hùng của vụ đánh bom đã giết chết gia đình mình. Ông ta rùng mình cố xua đi những ký ức tăm tối. “Tôi xin lỗi, tôi không biết liệu tôi có chấp nhận được một nhiệm vụ bạo lực hay không...”

“Giáo hoàng đích thân chọn ngài, Đô đốc,” Nhiếp chính vương thì thầm. “Người ngài sẽ nhắm tới trong nhiệm vụ này... là kẻ đã giết gia đình ngài.”

CHƯƠNG 67

Nằm ở tầng trệt Hoàng cung Madrid, kho vũ khí là một hầm mái vòm rất đẹp với những bức tường màu thẫm cao được trang trí bằng những tấm thảm thêu lông lầy mô tả những trận đánh nổi tiếng trong lịch sử Tây Ban Nha. Bao quanh phòng là một bộ sưu tập vô giá hơn một trăm bộ giáp chế tác thủ công, trong đó có cả chiến phục và “dụng cụ” của nhiều vị vua trong quá khứ. Bấy hình nộm ngựa cỡ như thật đứng ở trung tâm căn phòng, tạo dáng với đầy đủ trang bị lâm trận.

Đây là nơi họ quyết định cầm tù mình ư? Garza thắc mắc, nhìn khắp những món đồ chiến tranh bao quanh mình. Phải thừa nhận, kho vũ khí là một trong những phòng an ninh nhất cung điện, nhưng Garza ngờ rằng những người bắt giữ mình đã chọn cái buồng giam lịch sử này với hy vọng hăm dọa được ông. Đây chính là căn phòng mình đã được thuê.

Gần hai thập kỷ trước, Garza được dẫn vào căn phòng đường bệ này, nơi ông được phỏng vấn, kiểm tra và thẩm vấn kỹ trước khi được đề nghị đảm nhận công việc đứng đầu Cận vệ Hoàng gia.

Giờ đây chính những đặc vụ của Garza lại bắt giữ ông. Mình bị cáo buộc chủ mưu một vụ ám sát ư? Và cả mưu hại Giám mục nữa ư? Cái lô-gic đằng sau những luận điệu nhằng nhịt đến mức Garza cũng không tài nào gỡ được.

Khi nói đến Cận vệ Hoàng gia, Garza là quan chức cao nhất trong cung, nghĩa là lệnh bắt giữ ông chỉ có thể đến từ một người... đích thân Hoàng tử Julián.

Valdespino đã đầu độc đầu tâm trí Hoàng tử chống lại mình,

Garza nhận ra Giám mục vẫn luôn là nhân vật sống sót chính trị, và tối nay rõ ràng ông ta điên cuồng đến mức dàn dựng nước cờ truyền thông tào bạo và nguy hiểm này - một âm mưu liều lĩnh nhằm rửa sạch thanh danh của bản thân bằng cách bôi nhọ Garza. Và giờ họ nhốt mình trong kho vũ khí để mình không thể biện hộ cho bản thân.

Nếu Julián và Valdespino hợp lực, Garza biết mình sẽ thua, hoàn toàn bị thất thế. Đến thời điểm này, người duy nhất trên đời này có đủ sức mạnh để giúp Garza là một ông già đang sống nốt những ngày cuối cùng trên một giường bệnh trong khu tư gia tại Cung điện Zarzuela.

Đức vua Tây Ban Nha.

Mà trái lại, Garza nhận ra rằng, Hoàng thượng sẽ không bao giờ giúp mình, nếu làm vậy đồng nghĩa với việc làm khó cho Giám mục Valdespino hoặc chính con trai ngài.

Ông nghe rõ đám đông bên ngoài lúc này đang đồng thanh hô vang, nghe như mọi việc có thể sẽ chuyển sang bạo lực. Khi Garza nhận ra những lời họ đang hô, ông không tin vào tai mình.

“Tây Ban Nha từ đâu đến?!” họ hô to. “Tây Ban Nha đang đi về đâu?!”

Có vẻ là những người biểu tình đã vớ lấy hai câu hỏi đầy kích thích của Kirsch như một cơ hội để lên tiếng về tương lai chính trị của vương quyền Tây Ban Nha.

Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta đang đi về đâu?

Lên án tình trạng đàn áp của quá khứ, thế hệ trẻ Tây Ban Nha không ngừng kêu gọi thay đổi nhanh hơn nữa - thúc giục đất nước mình “hòa nhập với thế giới văn minh” với tư cách một nền dân chủ trọn vẹn và bãi bỏ chế độ quân chủ. Pháp,

Đức, Nga, Áo, Ba Lan và hơn năm mươi quốc gia khác đã từ bỏ vương vị của họ trong thế kỷ qua. Thậm chí ở Anh đã có sự thúc giục tổ chức trưng cầu dân ý về việc chấm dứt chế độ quân chủ sau khi đương kim nữ hoàng tạ thế.

Rất tiếc, tối nay, Hoàng cung Madrid lại ở trong tình trạng hỗn loạn, vì thế không có gì lạ khi nghe thấy tiếng hô lâm trận xưa cũ này lại được xướng lên.

Chỉ là những gì cần cho Hoàng tử Julián, Garza nghĩ thầm, khi ông ấy chuẩn bị bước lên ngai vàng.

Cánh cửa phía cuối kho vũ khí đột nhiên lạch xạch mở và một đặc vụ Cận vệ của Garza ngó vào.

Garza quát anh ta, “Ta cần một luật sư!”

“Còn tôi muốn một tuyên bố với báo chí,” giọng nói quen thuộc của Mónica Martín quát lại khi cô nhân viên điều phối quan hệ công chúng của hoàng cung bước vòng qua người lính và tiến vào phòng. “Tư lệnh Garza, tại sao ông thông đồng với những kẻ sát hại Edmond Kirsch?”

Garza trân trân nhìn cô không tin nổi. Mọi người điên hết cả rồi sao?

“Chúng tôi biết ông mưu hại Giám mục Valdespino!” Martín tuyên bố, sải bước về phía ông. “Và hoàng cung muốn công bố lời thú tội của ông ngay bây giờ!”

Vị tư lệnh không trả lời.

Đi được nửa phòng, Martín đột ngột xoay lại, trừng trừng nhìn anh chàng đặc vụ trẻ tuổi ở ngưỡng cửa. “Tôi nói là một lời thú tội riêng tư!”

Anh chàng đặc vụ tỏ vẻ do dự khi bước lùi lại và đóng cửa.

Martín lại xoay về phía Garza và đi nhanh nốt quãng còn lại. “Tôi muốn một lời thú tội ngay!” cô hét lên, giọng cô dội lại từ

vòm trần khi đến thẳng trước mặt ông.

“Chà, cô sẽ không có được lời nào từ tôi,” Garza bình thản trả lời. “Tôi chẳng có gì liên quan tới chuyện này cả. Những cáo buộc của cô hoàn toàn sai trái.”

Martín bồn chồn liếc qua vai. Sau đó, cô bước lại gần hơn, thì thầm vào tai Garza. “Tôi biết... tôi cần ngài nghe cho kỹ đây.”

Đang theo dõi ↑ 2747%

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

VỀ CÁC GIÁO HOÀNG ĐỐI CỬ... NHỮNG BÀN TAY CHẢY MÁU... VÀ NHỮNG ĐÔI MẮT BỊ KHÂU KÍN...

Những câu chuyện lạ lùng ngay trong Giáo hội Palmaria.

Các nội dung đăng tải từ các nhóm tin Thiên Chúa giáo trực tuyến lúc này xác nhận rằng Đô đốc Luis Ávila là một thành viên tích cực của Giáo hội Palmaria, tham gia đã được vài năm.

Là một người ủng hộ “có danh vọng” của Giáo hội, đô đốc hải quân Luis Ávila liên tục ca ngợi giáo hoàng Palmaria vì đã “cứu vớt cuộc đời ông ta” sau giai đoạn suy sụp nặng nề do mất gia đình trong một vụ tấn công khủng bố bài Thiên Chúa giáo.

Vì chính sách của ConspiracyNet là không bao giờ ủng hộ hay quy kết các thiết chế tôn giáo nên chúng tôi đăng tải hàng chục đường dẫn ngoài về Giáo hội Palmaria ở đây.

Chúng tôi thông tin. Quý vị quyết định.

Xin hãy chú ý, nhiều tuyên bố trên mạng liên quan đến Palmaria khá sốc và vì thế chúng tôi đề nghị quý vị - những người dùng của chúng tôi - giúp sàng lọc sự thật và sự bịa đặt.

Những “sự thật” dưới đây được gửi tới chúng tôi bởi người thông tin xuất sắc monte@iglesia.org, với thành tích tuyệt vời tới nay cho thấy rằng những sự thật này là chính xác, nhưng trước khi chúng tôi đưa tin như vậy, chúng tôi hy vọng một số người dùng của chúng tôi có thể cung cấp bằng chứng bổ sung mạnh mẽ để củng cố hoặc bác bỏ những nội dung đó.

“SỰ THẬT”

- Giáo hoàng Palmaria Clemente mất cả hai nhãn cầu trong một vụ tai nạn xe hơi năm 1976 và tiếp tục truyền đạo suốt một thập kỷ với hai mắt bị bưng kín.
- Giáo hoàng Clemente có dấu chúa trên cả hai bàn tay thường xuyên rỉ máu khi ông ấy thấy ảo cảnh.
- Vài giáo hoàng Palmaria là các sĩ quan của quân đội Tây Ban Nha với những lý tưởng mạnh mẽ theo phong trào ủng hộ Don Carlos.
- Các thành viên Giáo hội Palmaria bị cấm nói chuyện với gia đình mình và vài thành viên đã chết do suy dinh dưỡng hoặc bị bạo hành.
- Các tín đồ Palmaria bị cấm (1) đọc sách của các tác giả không phải tín đồ Palmaria, (2) tham dự các lễ cưới hoặc lễ tang gia đình trừ phi gia đình họ theo đạo Palmaria, (3) tới các bể bơi, bãi biển, các trận đấu bốc, các vũ trường, hoặc bất kỳ địa điểm nào trưng cây thông Giáng sinh hoặc hình ảnh Ông già Noel.
- Tín đồ Palmaria tin Kể thù của Chúa sinh vào năm 2000.
- Các nhà tuyển mộ của Palmaria hiện diện tại Hoa Kỳ, Canada, Đức, Áo và Ireland.

Khi Langdon và Ambra theo Đức cha Beña tiến về phía cánh cửa bằng đồng đồ sộ của Sagrada Família, Langdon thấy mình, như vẫn luôn vậy, lại lầy lăm lã trước những chi tiết vô cùng kỳ dị ở lối vào chính của nhà thờ này.

Cả một bức tường toàn mật mã, ông trầm ngâm, mắt nhìn hình in nổi bật trên các phiến kim loại nguyên khối sáng bóng. Nhô ra khỏi bề mặt là hơn tám nghìn chữ cái ba chiều rập nổi trên chất đồng. Các chữ cái chạy thành những hàng ngang, tạo ra cả một mảng lớn văn tự không hề có sự tách biệt rõ ràng giữa các từ. Mặc dù Langdon biết nội dung là một mô tả về cảnh chịu khổ hình của Đức Chúa viết bằng tiếng Catalan, nhưng có vẻ nó gần với một bộ khóa mật mã của Cơ quan An ninh Quốc gia Hoa Kỳ hơn.

Chả trách nơi này lại gợi cảm hứng cho các thuyết âm mưu.

Ánh mắt Langdon di chuyển lên trên, leo lên phần mặt tiền chủ đề chịu khổ hình đầy chất hăm dọa, nơi cả một đám tượng điêu khắc gầy gò, hốc hác của nghệ sĩ Josep Maria Subirachs trờ trờ nhìn xuống, nổi bật là hình Chúa Jesus gầy đến hãi hùng bị treo lơ lửng trên cây thánh giá được bố trí đổ nghiêng về đằng trước, tạo ra hiệu ứng sợ hãi rằng nó sắp đổ ập xuống đầu các vị khách vừa tới.

Bên trái Langdon, một bức điêu khắc hắc ám nữa mô tả Judas phản bội Jesus bằng một nụ hôn. Hình điêu khắc này, khá lạ lùng, đi kèm với một hệ thống các con số chạm khắc - một “ma phương” toán học. Edmond từng kể với Langdon rằng “hàng số huyền phương” với giá trị 33 của ô vuông này thực tế là một

chứng cứ kín đáo cho thấy thái độ sùng kính có tính chất ngoại giáo của Hội Tam Điểm dành cho Kiến trúc sư Vĩ đại của Vũ trụ - một vị thần toàn năng với những bí mật được cho là chỉ hé lộ với những người đạt đến cấp độ 33 trong Hội.

“Một câu chuyện vui,” Langdon cười đáp, “nhưng Jesus vừa hay ba mươi ba tuổi vào thời điểm chịu khổ hình là một cách giải thích chắc chắn hơn đây.”

Khi họ đến gần lối vào, Langdon nhìn mặt nhìn cái phần trang trí kinh khủng nhất của nhà thờ - một bức tượng Jesus khổng lồ, bị trói chặt vào một cây cột bằng thừng. Ông nhanh chóng chuyển ánh nhìn tới dòng chữ khắc phía trên cánh cửa - hai chữ cái Hy Lạp - alpha và omega.

“Mở đầu và kết thúc,” Ambra thì thầm, mắt cũng nhìn các mẫu tự. “Rất Edmond.”

Langdon gật đầu, hiểu ngay ý nàng. *Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta đang đi về đâu?*

Đức cha Beña mở một cánh cửa nhỏ trên bức tường có các mẫu tự bằng đồng, và cả nhóm bước vào, kể cả hai đặc vụ Cận vệ. Đức cha Beña đóng cửa lại sau lưng họ.

Im lặng.

Bóng tối.

Ở đó, phía đầu Đông Nam của cung thờ bên, Đức cha Beña chia sẻ với họ một câu chuyện khiến người ta sửng sốt. Ông kể lại việc Kirsch tìm đến ông và đề nghị có một khoản quyên góp lớn cho Sagrada Família đổi lại việc nhà thờ đồng ý trưng bày bản thảo có minh họa của Blake trong hầm mộ gần mộ Gaudí.

Ngay trung tâm nhà thờ này, Langdon nghĩ, sự tò mò của ông càng bị kích thích.

“Edmond có nói tại sao anh ấy lại muốn cha làm vậy không?”

Ambra hỏi.

Đức cha Beña gật đầu. “Anh ta bảo ta rằng đam mê cả đời của anh ta với nghệ thuật của Gaudí đến từ người mẹ quá cố của anh ta, người cũng rất ngưỡng mộ tác phẩm của William Blake. Kirsch nói anh ta muốn đặt tập sách của Blake gần mộ của Gaudí như một lễ vật dâng lên người mẹ quá cố của mình. Với ta có vẻ việc đó không hại gì.”

Edmond chưa bao giờ đề cập việc mẹ cậu ấy thích Gaudí, Langdon nghĩ thầm, cảm thấy bối rối. Hơn nữa, bà Paloma Kirsch đã mất trong một nhà tu kín, và dường như không chắc là một nữ tu Tây Ban Nha lại ngưỡng mộ một thi sĩ Anh quốc không chính thống. Toàn bộ câu chuyện này có vẻ giống một sự phóng đại.

“Nhưng,” Đức cha Beña nói tiếp, “ta cảm thấy Kirsch có thể đang khổ sở trong một cuộc khủng hoảng tinh thần... và có lẽ có những vấn đề sức khỏe gì đó nữa.”

“Lời chú giải phía sau tấm thẻ này,” Langdon ngắt lời, giơ thẻ lên, “nói rằng cuốn sách của Blake phải được trưng bày theo cách riêng, mở đúng trang 163 phải không ạ?”

“Đúng, chính xác là thế.”

Langdon cảm thấy mạch đập rộn lên. “Cha có thể cho con biết trên trang đó là bài thơ nào không?”

Đức cha Beña lắc đầu. “Trang đó không có bài thơ nào cả.”

“Sao cơ ạ?!”

“Cuốn sách là tuyển tập của Blake - các tác phẩm nghệ thuật và tranh vẽ của ông ấy. Trang 163 là một hình minh họa.”

Langdon nhìn Ambra lo lắng. Chúng ta cần dòng thơ bốn mươi bảy mẫu tự - không phải một hình minh họa!

“Thưa cha,” Ambra nói với Beña. “Liệu chúng con có thể xem

được ngay không?”

Vị tu sĩ ngăn ngừa một lát, nhưng rõ ràng nghĩ không nên từ chối hoàng hậu tương lai. “Hầm mộ ở lối này,” ông nói, dẫn họ đi xuống cung thờ bên tới trung tâm nhà thờ. Hai đặc vụ Cận vệ Hoàng gia theo ngay sau họ.

“Ta phải thừa nhận,” Đức cha Beña nói, “ta rất do dự khi chấp thuận số tiền từ một người vô thần công khai như vậy, nhưng đề nghị của anh ta muốn trưng bày hình ảnh minh họa của Blake mà mẹ anh ta yêu thích dường như vô hại với ta - đặc biệt nó lại là một hình ảnh về Chúa.”

Langdon nghĩ mình nghe nhầm. “Cha vừa nói Edmond đề nghị cha trưng hình ảnh của *Chúa* à?”

Đức cha Beña gật đầu. “Ta cảm thấy anh ta bị bệnh và có lẽ đây là cách anh ta cố gắng sửa chữa lại cả một đời đối lập với tôn giáo.” Ông ngừng lại, lắc đầu. “Dù vậy, sau khi xem buổi thuyết trình của anh ta tối nay, ta phải thừa nhận rằng ta không biết nên nghĩ gì.”

Langdon cố gắng hình dung xem Edmond có thể muốn trưng hình nào trong vô số minh họa về Chúa của Blake.

Khi tất cả di chuyển vào điện thờ chính, Langdon cảm thấy như thể mình đang ngắm không gian này lần đầu tiên. Mặc dù đã tới thăm Sagrada Família nhiều lần vào những giai đoạn xây dựng khác nhau của công trình, ông vẫn luôn tới vào ban ngày, khi mặt trời Tây Ban Nha rọi qua những ô kính màu, tạo nên những gam màu sắc sỡ và hút ánh mắt hướng lên trên, lên trên mãi, tới phần tán mái vòm dường như không trọng lượng.

Ban đêm, đây là một thế giới nặng nề hơn.

Khoảng rừng cây lốm đốm ánh nắng của vương cung thánh đường biến mất, chuyển hóa thành một khu rừng rậm lúc nửa

đêm toàn bóng râm và khoảng tối - một khu u ám toàn những cột trụ có sọc duỗi dài lên trời thành một khoảng rỗng đầy hung hiểm.

“Chú ý bước chân nhé,” vị tu sĩ nói. “Chúng ta tiết kiệm tiền ở những chỗ có thể.”

Langdon biết, việc chiếu sáng cho những nhà thờ châu Âu đồ sộ thế này tiêu tốn cả một đồng tiền, nhưng thiết bị chiếu sáng rất tiết kiệm ở đây vẫn soi rõ đường đi. Một trong những thử thách của một mặt bằng rộng gần năm nghìn sáu trăm mét vuông.

Khi họ tới chính điện trung tâm và rẽ trái, Langdon chăm chú nhìn phần sàn thực hiện nghi lễ được tôn cao phía trước. Bàn thờ là một chiếc bàn giản tiện đến mức tối thiểu đầy chất siêu hiện đại được giới hạn bằng hai cụm đèn ống lắp lánh. Cách bàn thờ bốn hoặc năm mét phía trên có treo bức trướng đặc biệt của nhà thờ - một kết cấu trần bằng vải treo lơ lửng hay là “tán nghi thức” - một biểu tượng của sự tôn kính lấy cảm hứng từ những tán dù nghi lễ đặt trên cán để tạo bóng râm cho vua chúa.

Hầu hết các tán dù giờ là những hạng mục kiến trúc vững chắc, nhưng Sagrada Família lại lựa chọn chất liệu vải, trong trường hợp này là một cái tán hình chiếc ô như lơ lửng một cách kỳ ảo trong không trung phía trên bàn thờ. Bên dưới lớp vải, được treo bằng những sợi dây như một chiếc dù, là hình Chúa Jesus trên thập giá.

Jesus nhả dù, Langdon từng nghe gọi như vậy. Giờ nhìn thấy lại, ông không ngạc nhiên khi nó trở thành một trong những chi tiết gây tranh cãi nhất của nhà thờ.

Khi Đức cha Beña hướng dẫn họ tiến vào khoảng tối càng lúc càng đặc quánh lại, Langdon gặp khó khăn vì chẳng nhìn thấy gì hết. Díaz móc một cây đèn bút ra và soi sáng phần nền nhà lát

gạch bên dưới chân mọi người. Dẫn bước đi về phía lối vào hầm mộ, giờ Langdon nhận thấy phía trên ông cái bóng nhờn nhợt của một hình trụ cao ngất ngưỡng vươn lên hàng chục mét theo bức tường bên trong nhà thờ.

Đường xoắn ốc Sagrada khét tiếng, ông nhận ra vậy, chưa bao giờ dám leo lên đó.

Cái đường ống gồm những bậc cầu thang xoáy tròn cao đến chóng mặt của Sagrada Família từng xuất hiện trong danh sách “hai mươi cầu thang nguy hiểm nhất thế giới” của National Geographic, giành vị trí thứ ba, chỉ sau những bậc thang chênh vênh của Đền Angkor Wat ở Campuchia và các bậc đá rêu phong nơi vách đá tại thác nước Vạc Quỷ ở Ecuador.

Langdon nhìn vài bậc cầu thang đầu tiên, chạy xoắn ốc lên trên và biến mất trong bóng tối.

“Lối vào hầm mộ ngay phía trước,” Đức cha Beña nói, ra hiệu về phía những bậc thang dẫn tới một khoảng trống tối tăm bên trái bàn thờ. Khi họ dần bước tới trước, Langdon nhận ra một quầng sáng vàng nhàn nhạt dường như tỏa ra từ một cái lỗ trên sàn.

Hầm mộ.

Cả nhóm đến cửa một cầu thang uốn cong nhẹ nhàng, trang nhã.

“Hai vị,” Ambra nói với các cận vệ. “Cả hai anh ở lại đây. Chúng tôi sẽ quay lại ngay.”

Fonseca có vẻ khó chịu nhưng không nói gì.

Sau đó Ambra, Đức cha Beña và Langdon bắt đầu đi xuống phía có ánh sáng.

Đặc vụ Díaz cảm thấy mừng vì có được giây phút thanh bình khi anh nhìn ba bóng người biến mất bên dưới lối cầu thang uốn lượn. Sự căng thẳng ngày càng tăng giữa Ambra Vidal và Đặc vụ Fonseca đang trở nên phiền phức.

Các đặc vụ Cận vệ không quen với những lời hăm dọa sa thải từ những người họ bảo vệ - chỉ từ Tư lệnh Garza mà thôi.

Díaz vẫn cảm thấy hoang mang trước việc Garza bị bắt giữ. Thật lạ, Fonseca lại từ chối cho anh biết đích xác ai hạ lệnh bắt giữ này hay khơi mào câu chuyện bắt cóc giả mạo.

“Tình hình rất phức tạp,” Fonseca nói vậy. “Và để bảo vệ chính cậu, tốt hơn cả cậu chẳng nên biết làm gì.”

Vậy thì ai ra lệnh? Díaz băn khoăn. Hoàng tử chẳng? Dường như rất đáng ngờ là Julián lại mạo hiểm sự an toàn của Ambra bằng việc lan truyền một câu chuyện bắt cóc không có thật. Hay là Valdespino? Díaz không dám chắc liệu Giám mục có tầm ảnh hưởng đó không.

“Tôi sẽ quay lại ngay,” Fonseca cầu nhàu, và bỏ đi, nói rằng anh ta cần tìm nhà vệ sinh. Khi Fonseca lẩn vào bóng tối, Díaz nhìn thấy anh ta móc điện thoại ra, bấm một cuộc gọi và bắt đầu một cuộc trò chuyện âm thầm.

Díaz một mình đợi trong bóng tối của điện thờ, càng lúc càng cảm thấy không thoải mái với cách hành xử bí ẩn của Fonseca.

Cầu thang xuống hầm mộ chạy xoắn ốc sâu xuống đất đến ba tầng nhà, uốn cong theo một vòng cung rộng và thanh nhã, trước khi dẫn Langdon, Ambra và Đức cha Beña vào gian buồng dưới lòng đất.

Một trong những hầm mộ rộng nhất châu Âu, Langdon nghĩ, thấy ngưỡng mộ cái không gian hình tròn rộng lớn này. Chính xác như ông còn nhớ, lăng mộ ngầm dưới đất của Sagrada Família có một nhà tròn cao và chứa đủ số ghế cho hàng trăm tín đồ. Những cây đèn dầu bằng vàng được bố trí cách đều xung quanh chu vi gian phòng soi sáng phần sàn tranh gốm ghép thành hình các cây leo, rễ, cành, lá và những hình ảnh khác từ thiên nhiên.

Một hầm mộ là không gian “được giấu kín” theo đúng nghĩa, và Langdon thấy gần như không thể hiểu được tại sao Gaudí lại che giấu thành công một căn phòng lớn như thế này bên dưới nhà thờ. Nơi này chẳng có gì giống “hầm mộ nghiêng” của Gaudí ở Colònia Güell, không gian này là một gian buồng theo trường phái tân Gothic khắc khổ với những cây cột tạo hình lá, những vòm cung nhọn và những mái vòm được tô điểm. Không khí tĩnh lặng như chết và thoang thoảng mùi trầm.

Dưới chân cầu thang, một hốc tường sâu chạy dài về bên trái. Phần nền bằng sa thạch nhàn nhạt của nó đỡ một khối màu xám khiêm nhường, đặt nằm ngang, có những ngọn đèn bao quanh.

Là ông ấy, Langdon nhận ra vậy, mắt đọc dòng chữ khắc.

ANTONIUS GAUDÍ

Lúc Langdon đưa mắt nhìn một lượt nơi an nghỉ của Gaudí, ông lại cảm nhận được nỗi đau mắt Edmond. Ông ngược mắt nhìn bức tượng Đức mẹ Đồng trinh Mary phía trên mộ, có phần bệ mang một biểu tượng không mấy quen thuộc.

Gì thế này?

Langdon nhìn cái biểu tượng lạ lùng. □

Rất hiếm khi Langdon nhìn thấy một biểu tượng mà ông không tài nào nhận ra. Trong trường hợp này, cái biểu tượng là chữ cái Hy Lạp lambda... mà, theo kinh nghiệm của ông, không xuất hiện trong hệ thống biểu tượng Thiên Chúa giáo. Lambda là một biểu tượng khoa học, rất quen thuộc trong các lĩnh vực tiên hóa, vật lý phân tử và vũ trụ học. Kỳ lạ hơn nữa, nhô lên trời từ đỉnh của cái chữ lambda đặc biệt này là một thập giá Thiên Chúa giáo.

Tôn giáo được khoa học ủng hộ chăng? Langdon chưa bao giờ nhìn thấy thứ gì như thế này.

“Thấy khó hiểu với cái biểu tượng phải không?” Đức cha Beña hỏi, đến bên cạnh Langdon. “Anh không phải người duy nhất đâu. Nhiều người đã hỏi về nó. Nó chẳng là gì hơn một cách diễn giải độc đáo của chủ nghĩa hiện đại cho cây thập giá trên đỉnh núi thôi mà.”

Langdon nhích về phía trước, giờ nhìn thấy những ngôi sao mạ vàng mờ mờ đi kèm với biểu tượng. □

Ba ngôi sao ở vị trí đó, Langdon nghĩ thầm, nhận ra ngay lập tức. Thập giá trên đỉnh Núi Carmel. “Đó là thập giá Carmelite.”

Chính xác. Xúc Gaudí nằm bên dưới Đức Trinh nữ Mary Diễm phúc Núi Carmel.”

“Gaudí là một Carmelite* ư?” Langdon thấy khó hình dung được vị kiến trúc sư theo chủ nghĩa hiện đại lại gia nhập cách

diễn giải nghiêm ngặt về Công giáo của huynh đoàn thế kỷ XII này.

“Chắc chắn là không rồi,” Đức cha Beña cười trả lời. “Nhưng những người chăm sóc ông ấy thì đúng. Một nhóm các nữ tu Carmelite sống cùng với Gaudí và chăm sóc ông ấy suốt những năm cuối đời. Họ tin ông ấy cũng sẽ biết ơn việc được thăm viếng khi đã tạ thế và họ tạo ra món quà hào phóng của nhà nguyện này.”

“Rất sâu sắc,” Langdon nói, tự trách mình đã hiểu sai một biểu tượng vô hại như vậy. Rõ ràng, tất cả những thuyết âm mưu lưu hành tối nay đều khiến Langdon bắt đầu nghĩ ra những hồn ma từ không đâu.

“Có phải đó là cuốn sách của Edmond không nhỉ?” Ambra đột nhiên lên tiếng.

Cả hai người đàn ông cùng quay lại nhìn nàng ra hiệu về khoảng tối bên phải mộ Gaudí.

“Phải rồi,” Đức cha Beña trả lời. “Ta rất tiếc là ánh sáng hơi kém.”

Ambra vội vã đi về phía hòm trưng bày, Langdon theo sau, nhận thấy rằng cuốn sách đã được chuyển tới một khu vực tối tăm của hầm mộ, bị khuất bóng bởi những cây cột chống đồ sộ bên phải mộ Gaudí.

“Bình thường chúng ta bày các cuốn sách thông tin mỏng ở đó,” Đức cha Beña nói, “nhưng ta chuyển tất cả đi chỗ khác để nhường chỗ cho cuốn sách của Kirsch. Dường như chẳng ai chú ý cả.”

Langdon nhanh chóng nhập bọn với Ambra bên một chiếc hòm giống chiếc tủ cóc có phần nóc bằng kính đặt nghiêng. Bên trong, đặt mở sẵn đến trang 163 và không dễ nhìn lắm trong thứ

ánh sáng tù mù, là bản sách Tuyển tập Blake rất lớn được đóng cẩn thận.

Đúng như Đức cha Beña đã thông báo với họ, trang sách được đề cập không phải là một bài thơ, đúng hơn là một hình minh họa của Blake. Langdon cứ thắc mắc không biết sẽ thấy hình ảnh nào của Blake minh họa Chúa, nhưng chắc chắn không phải là hình này.

Bức Thời xa xưa, Langdon nghĩ, nheo mắt nhìn bức tranh khắc màu nước nổi tiếng năm 1794 của Blake qua bóng tối.

Langdon rất ngạc nhiên vì Đức cha Beña lại gọi đây là một “hình ảnh của Chúa”. Phải thừa nhận, hình minh họa này có vẻ mô tả Đức Chúa nguyên mẫu - một ông già nhăn nheo, có râu với mái tóc bạc trắng, ngồi chênh vênh trên mây và với tay từ trên trời xuống - nhưng chỉ cần Đức cha Beña nghiên cứu thêm một chút nó sẽ tiết lộ điều hoàn toàn khác. Thực tế nhân vật này không phải là Đức Chúa của Thiên Chúa giáo mà đúng hơn là một vị thần tên gọi Urizen - vị thần được nghĩ ra từ trí tưởng tượng phong phú của chính Blake - được mô tả ở đây là đang đo các khoảng trời bằng một chiếc com pa hình học khổng lồ, thể hiện sự kính trọng đối với các quy luật khoa học của vũ trụ.

Tác phẩm này có phong cách vị lai chủ nghĩa đến mức, nhiều thế kỷ sau, nhà vật lý vô thần nổi tiếng Stephen Hawking chọn nó làm áo bìa cho cuốn sách *Chúa tạo ra các số nguyên* của mình. Thêm vào đó, đáng tạo hóa không chịu ảnh hưởng thời gian của Blake còn nhìn xuống từ Trung tâm Rockefeller tại Thành phố New York, nơi nhà hình học cổ xưa dăm dăm nhìn xuống từ một bức điêu khắc phong cách Art Deco có tiêu đề Trí tuệ, Ánh sáng và Âm thanh.

Langdon nhìn cuốn sách của Blake, lại băn khoăn không rõ tại sao Edmond tốn công sức như vậy để đem trưng bày nó ở

đây. Phải chăng là sự hận thù thuần túy? Một cái tát vào mặt Nhà thờ Thiên Chúa giáo?

Cuộc chiến của Edmond chống lại tôn giáo chưa bao giờ giảm sút, Langdon nghĩ, ngắm nhìn nhân vật Urizen của Blake. Sự giàu có đã giúp Edmond đủ khả năng làm được bất kỳ việc gì anh thích trong đời, kể cả nếu như thế nghĩa là trưng bày thứ nghệ thuật báng bổ ngay trung tâm một nhà thờ Thiên Chúa giáo.

Giận dữ và thù hận, Langdon nghĩ bụng. Có lẽ chỉ đơn giản là vậy. Edmond, dù đúng hay sai, vẫn luôn đổ lỗi cái chết của mẹ anh là do tôn giáo có tổ chức.

“Dĩ nhiên, ta hoàn toàn nhận thức được rằng,” Đức cha Beña nói, “bức tranh này không phải là Đức Chúa Thiên Chúa giáo.”

Langdon ngạc nhiên quay sang vị tu sĩ già. “Ồ?”

“Phải, Edmond khá thẳng thắn về chuyện đó, mặc dù anh ta không cần phải vậy - ta rất quen với những ý tưởng của Blake.”

“Và cha không gặp vấn đề gì khi trưng bày cuốn sách?”

“Thưa giáo sư,” vị tu sĩ thì thảo, thoáng mỉm cười. “Đây là Sagrada Família. Trong những bức tường này, Gaudí hòa trộn Chúa, khoa học và tự nhiên. Chủ đề của bức tranh này chẳng có gì mới với chúng ta.” Đôi mắt ông hấp háy một cách khó hiểu. “Không phải tất cả tầng lớp của chúng ta đều tiến bộ như ta, như các con đã biết, với tất cả chúng ta, Thiên Chúa giáo vẫn là một thứ đang tiến bộ.” Ông khẽ mỉm cười, gật đầu về phía cuốn sách. “Ta chỉ thấy mừng rằng Kirsch đồng ý không trưng bày tấm danh thiếp của anh ta cùng cuốn sách. Với danh tiếng của anh ta, ta không chắc mình sẽ giải thích thế nào về chuyện đó, đặc biệt sau bài thuyết trình của anh ta tối nay.” Đức cha Beña ngừng lại, gương mặt ông đượm buồn. “Tuy nhiên, ta cảm thấy bức hình này không phải là những gì các con hy vọng tìm được

phải không?”

“Cha nói đúng. Chúng con đang tìm một dòng thơ của Blake.”

“‘Tyger Tyger, burning bright’?” Đức cha Beña gợi ý. “‘In the forests of the night’?”

Langdon mỉm cười, thấy ấn tượng là Đức cha Beña biết cả câu đầu tiên trong bài thơ nổi tiếng nhất của Blake - một sự thắc mắc mang tính tôn giáo gồm sáu khổ thơ đặt câu hỏi liệu có phải người tạo ra giống cừu ngoan ngoãn cũng chính là Đức Chúa đã tạo ra loài hổ đáng sợ.

“Đức cha Beña?” Ambra hỏi, khom người xuống và chăm chú nhìn qua lớp kính. “Cha có mang theo điện thoại hay đèn pin không?”

“Không, ta rất tiếc. Để ta mượn một ngọn đèn từ chỗ mộ Antoni nhé?”

“Nếu có thể, thưa cha?” Ambra đề nghị. “Như thế sẽ rất hữu dụng.”

Đức cha Beña hồi hải bước đi.

Ngay khi ông rời đi, nàng khấn trưởng thì thảo với Langdon, “Anh Robert! Edmond không chọn trang 163 vì bức vẽ đầu!”

“Ý cô là sao?” Chẳng còn gì khác trên trang 163.

“Đó là một sự nguy trang khéo léo.”

“Cô làm tôi hoang mang đấy,” Langdon nói, nhìn kỹ bức tranh.

“Edmond chọn trang 163 vì không thể trưng ra trang đó mà lại không đồng thời trưng ra trang bên cạnh - trang 162!”

Langdon đưa ánh mắt sang trái, xem xét trang ngay trước bức Ngày xa xưa. Trong thứ ánh sáng tù mù, ông không nhận ra được gì nhiều trên trang đó, ngoại trừ có vẻ như nó gồm toàn

văn bản viết tay nhỏ xíu.

Đức cha Beña trở lại cùng với một ngọn đèn và đưa nó cho Ambra. Nàng giơ nó lên phía trên cuốn sách. Khi quầng sáng tỏa ra khắp cuốn sách mở rộng, Langdon hít một hơi thảng thốt.

Trang đối diện thực tế toàn chữ - viết bằng tay, như tất cả các bản thảo gốc của Blake - lề của nó được trang trí bằng những hình vẽ, khung và rất nhiều nhân vật. Thế nhưng, quan trọng nhất, phần văn bản trên trang đó có vẻ được thiết kế thành những khổ thơ rất trang nhã.

Ngay phía trên đầu trong điện thờ chính, Đặc vụ Díaz đi đi lại lại trong bóng tối, thắc mắc không rõ đồng đội mình ở đâu.

Lẽ ra giờ này Fonseca phải quay lại rồi chứ.

Khi điện thoại trong túi anh bắt đầu rung, anh nghĩ có lẽ là Fonseca gọi mình, nhưng khi kiểm tra người gọi đến, Díaz thấy một cái tên anh không ngờ được.

Mónica Martín.

Anh không hình dung được chuyên gia điều phối quan hệ công chúng muốn gì, nhưng cho dù là gì thì cô cũng sẽ gọi thẳng cho Fonseca. Anh ấy là đặc vụ trưởng nhóm này mà.

“Xin chào,” anh trả lời. “Tôi - Díaz đây.”

“Đặc vụ Díaz, tôi là Mónica Martín. Ở đây tôi có người cần nói chuyện với anh.”

Một lúc sau, một giọng nói quen thuộc mạnh mẽ vang lên. “Đặc vụ Díaz, tôi là Tư lệnh Garza. Hãy khẳng định với tôi rằng cô Vidal vẫn an toàn.”

“Vâng, thưa Tư lệnh,” Díaz thốt lên, cảm thấy mình bỗng hết

sức chăm chú khi nghe thấy giọng Garza. “Cô Vidal rất an toàn. Đặc vụ Fonseca và tôi hiện đang ở cùng cô ấy và rất an toàn bên trong...”

“Đừng nói trên đường điện thoại mở,” Garza ngắt lời. “Nếu cô ấy ở một nơi an toàn, hãy giữ cô ấy ở đó. Đừng di chuyển. Tôi mừng được nghe giọng cậu. Chúng tôi đã cố gắng điện cho Đặc vụ Fonseca, nhưng không nghe trả lời. Cậu ta ở chỗ cậu không?”

“Vâng, thưa sếp. Anh ấy vừa đi thực hiện một cuộc gọi nhưng sẽ quay lại...”

“Tôi không có thời gian chờ đợi. Hiện tại tôi đang bị giam giữ, và cô Martín cho tôi mượn điện thoại của cô ấy. Nghe kỹ tôi nói đây. Câu chuyện bắt cóc, như các cậu biết rõ, là hoàn toàn giả mạo. Nó khiến cô Vidal gặp nguy hiểm lớn.”

Ngài không biết gì rồi, Díaz nghĩ, nhớ lại cảnh tượng hỗn loạn trên nóc Casa Milà.

“Tương tự cái tin tôi mưu hại Giám mục Valdespino cũng không đúng.”

“Tôi đã mừng tượng rất nhiều, thưa sếp, nhưng...”

“Cô Martín và tôi đang cố gắng nghĩ cách nào tốt nhất để xử lý tình hình này, nhưng cho tới khi chúng tôi làm được, các cậu cần giữ hoàng hậu tương lai tránh khỏi mắt công chúng. Rõ chứ?”

“Dĩ nhiên, thưa sếp. Nhưng ai đã ban lệnh ra?”

“Tôi không thể nói được với cậu việc đó qua điện thoại. Cứ làm như tôi đề nghị, và giữ Ambra Vidal tránh khỏi truyền thông và mọi nguy hiểm. Cô Martín sẽ cung cấp thông tin diễn biến tiếp theo cho các cậu.”

Garza ngắt máy và Díaz đứng một mình trong bóng tối, cổ

gắng lĩnh hội cuộc gọi.

Khi anh thò tay vào trong áo để nhét điện thoại trở lại túi, anh nghe thấy tiếng vải sột soạt phía sau. Khi anh quay lại, hai bàn tay nhợt nhạt hiện ra trong bóng tối và nện mạnh xuống đầu Díaz.

Với tốc độ cực nhanh, hai bàn tay siết chặt lấy một bên cổ anh.

Díaz cảm thấy cổ mình bị bóp nghẹt và một luồng hơi nóng bỏng rát bùng lên trong sọ anh.

Sau đó, tất cả tối đen.

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

HY VỌNG MỚI VỀ PHÁT HIỆN CHẤN ĐỘNG CỦA KIRSCH!

Chuyên gia điều phối quan hệ công chúng của hoàng cung Madrid, Mónica Martín, đã có thông báo chính thức lúc trước nói rằng hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha Ambra Vidal bị bắt cóc và đang bị giữ bởi vị giáo sư người Mỹ Robert Langdon. Hoàng cung yêu cầu giới chức can thiệp và tìm hoàng hậu.

Tổ chức giám sát dân sự monte@iglesia.org vừa gửi cho chúng tôi tuyên bố sau đây:

LUẬN ĐIỀU BẮT CÓC CỦA HOÀNG CUNG LÀ GIẢ MẠO 100% - MỘT ÂM MƯU NHẪM SỬ DỤNG CẢNH SÁT ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ NGĂN LANGDON ĐẠT ĐƯỢC MỤC TIÊU TẠI BARCELONA (LANGDON/VIDAL TIN HỌ VẪN CÓ THỂ TÌM ĐƯỢC CÁCH KÍCH HOẠT VIỆC CÔNG BỐ VỚI CẢ THẾ GIỚI PHÁT HIỆN CỦA KIRSCH). NẾU HỌ THÀNH CÔNG, BÀI THUYẾT TRÌNH CỦA KIRSCH CÓ THỂ XUẤT HIỆN BẤT KỲ LÚC NÀO. HÃY GIỮ KÊNH.

Thật khó tin! Và quý vị nghe thấy tin này tại đây đầu tiên - Langdon và Vidal bỏ trốn vì họ muốn kết thúc những gì Edmond Kirsch đã mở đầu! Hoàng cung có vẻ điên cuồng ngăn chặn họ. (Lại là Valdespino chẳng? Và Hoàng tử ở đâu trong toàn bộ vụ này?)

Sẽ có thêm tin khi chúng tôi nhận được, nhưng xin hãy giữ kênh bởi vì những bí mật của Kirsch vẫn có thể được tiết lộ tối nay!

Hoàng tử Julián dăm dăm nhìn ra ngoài chiếc xe Opel của thầy tu trẻ, ngắm cảnh nông thôn vùn vụt trôi qua và cố gắng lý giải cách hành xử kỳ lạ của Giám mục.

Valdespino đang che giấu gì đó.

Đã hơn một tiếng kể từ lúc Giám mục lên dẫn Julián ra khỏi cung điện - một hành động rất bất thường - trấn an chàng rằng việc đó là vì sự an toàn của chính chàng.

Ông ta đề nghị mình không hỏi... chỉ tin theo thôi.

Giám mục vẫn luôn như một người chú đối với chàng, và là một người bạn tâm giao tin cậy của cha Julián. Nhưng đề nghị của Valdespino về việc lánh mặt tới khu nhà nghỉ mùa hè của Hoàng tử nghe rất đáng ngờ với Julián ngay từ đầu.

Có gì đó không ổn. Mình đang bị cách ly - không điện thoại, không an ninh, không tin tức và không ai biết mình ở đâu.

Lúc này, khi chiếc xe nhảy chồm chồm trên lối mòn dọc đường tàu gần Casita del Príncipe, Julián nhìn xuống con đường cây cối um tùm trước mặt họ. Phía trước khoảng một trăm mét về bên trái hiện ra lối vào một con đường cho xe chạy khá dài, có cây hai bên dẫn tới khu điền trang khuất nẻo.

Khi Julián hình dung về khu nhà vắng vẻ hiu quạnh, chàng chợt cảm thấy bản năng dè chừng. Chàng nhoài tới trước và đặt một bàn tay rắn chắc lên vai thầy tu trẻ ngồi sau vô lăng. “Làm ơn tấp vào kia đi.”

Valdespino quay sang, ngạc nhiên. “Chúng ta gần...”

“Ta muốn biết đang có chuyện gì!” Hoàng tử gắt lên, giọng vang to trong chiếc xe nhỏ bé.

“Don Julián, tối nay rất lộn xộn, nhưng ngài phải...”

“Ta phải tin ông chứ gì?” Julián vặn hỏi.

“Vâng.”

Julián bóp mạnh vai anh chàng lái xe trẻ tuổi và chỉ vào một vật cở trên con đường quê vắng vẻ. “Tấp vào đó,” chàng đánh giọng ra lệnh.

“Cứ đi đi,” Valdespino phản đối. “Don Julián, thần sẽ giải thích...”

“Dừng xe lại!” Hoàng tử quát lên.

Thầy tu trẻ đánh lái vào vật đất, cho xe phanh khựng lại trên cỏ.

“Để chúng ta riêng tư một chút nhé,” Julián ra lệnh, tim đập nhanh.

Thầy tu trẻ không cần đợi bảo đến lần thứ hai. Anh ta nhảy ra khỏi chiếc xe vẫn đang nổ máy và vội vàng lẩn vào bóng tối, để Valdespino và Julián một mình ở ghế sau.

Trong ánh trăng nhờ nhờ, Valdespino trông đột nhiên đầy hoảng sợ.

“Ông nên biết sợ,” Julián nói bằng giọng quyền uy đến mức ngay chính chàng cũng thấy giật mình. Valdespino rúm lại, vẻ sững sờ trước giọng điệu đe dọa ấy - điều Julián trước đây chưa bao giờ sử dụng với Giám mục.

“Ta là Đức vua tương lai của Tây Ban Nha,” Julián nói. “Tối nay, ông đã loại đội an ninh của ta, không để ta truy cập vào điện thoại và tiếp xúc với nhân viên của mình, cấm ta nghe tin tức và không để ta liên lạc với hôn thê của mình nữa.”

“Thần thật sự xin lỗi...” Valdespino lên tiếng.

“Ông sẽ phải làm hơn thế đây,” Julián ngắt lời, trừng trừng nhìn Giám mục, lúc này trông nhỏ bé một cách kỳ lạ trước

chàng.

Valdespino hít một hơi chậm chậm và quay nhìn thẳng vào Julián trong bóng tối. “Đầu giờ tối nay, thần đã được liên lạc, thừa Hoàng tử, và được nói hãy...”

“Ai liên lạc?”

Giám mục ngập ngừng. “Phụ hoàng của ngài. Ông ấy vô cùng khổ sở.”

Ông ấy ư? Julián tới thăm cha mình chỉ mới hai ngày trước tại Cung điện Zarzuela và thấy tinh thần ông rất tốt, mặc dù sức khỏe ngày càng xuống. “Tại sao cha ta lại khổ sở chứ?”

“Rất không may, đức kim thượng đã xem chương trình về Edmond Kirsch.”

Julián cảm thấy hàm mình cứng lại. Người cha ốm yếu của chàng gần như ngủ hai mươi tư tiếng mỗi ngày và lẽ ra không bao giờ tỉnh giấc vào giờ đó. Hơn nữa, Đức vua luôn cấm để tivi và máy tính trong các phòng ngủ hoàng cung, vì ông dứt khoát coi đó là những nơi dành riêng cho việc ngủ và đọc sách - và các y tá của Đức vua thừa biết phải ngăn ông tìm cách ra khỏi giường để xem màn công diễn của một nhân vật vô thần.

“Đó là lỗi của thần,” Valdespino nói. “Thần đã đưa cho Hoàng thượng một chiếc máy tính bảng vài tuần trước để Người không cảm thấy bị cô lập với thế giới. Hoàng thượng học cách gửi tin nhắn và e-mail. Rốt cuộc ngài lại nhìn thấy sự kiện của Kirsch trên chiếc máy tính bảng.”

Julián cảm thấy choáng váng khi nghĩ đến cảnh cha mình, có lẽ đang ở những tuần cuối cùng của đời người, lại phải xem một chương trình phát sóng bài Công giáo gây chia rẽ và làm bùng lên bạo lực đẫm máu. Đức vua lẽ ra nên ngấm nghĩ về rất nhiều việc phi thường mà ông đã hoàn thành cho đất nước của mình.

“Như điện hạ có thể hình dung được,” Valdespino tiếp tục, đã lấy lại được sự bình tĩnh, “Hoàng thượng có rất nhiều mối lo, nhưng ngài đặc biệt lo lắng trước tinh thần cùng những lời lẽ của Kirsch và việc hôn thê của điện hạ sẵn sàng chủ trì sự kiện. Hoàng thượng cảm thấy sự dính líu của hoàng hậu tương lai sẽ ảnh hưởng rất xấu đến điện hạ... và hoàng cung.”

“Ambra là người phụ nữ cá tính. Phụ hoàng biết điều đó mà.”

“Có thể là vậy, nhưng khi Hoàng thượng gọi, ngài minh mẫn và giận dữ hết như thần đã từng nghe thấy suốt nhiều năm. Hoàng thượng ra lệnh cho thần đưa điện hạ tới gặp ngay lập tức.”

“Vậy tại sao chúng ta lại ở đây?” Julián vặn hỏi, ra hiệu về phía lối dành cho xe chạy của điện trang. “Phụ hoàng ở Zarzuela cơ mà.”

“Không còn ở đó nữa,” Valdespino nói khẽ. “Hoàng thượng đã lệnh cho các y tá và cần vụ của ngài mặc đồ cho ngài, đặt ngài lên xe lăn và đưa ngài tới một địa điểm khác để có thể dành những ngày cuối đời của mình trong sự bao bọc của lịch sử đất nước mình.”

Khi Giám mục nói những lời này, Julián nhận ra sự thật.

Điện trang không hề là đích đến của chúng ta.

Julián ngập ngừng quay đi khỏi Giám mục, dăm dăm nhìn qua lối xe chạy của khu điện trang, tới con đường thôn quê trải dài trước mặt họ. Phía xa, qua những hàng cây, chàng vẫn có thể nhận ra những ngọn tháp được chiếu sáng của một công trình đồ sộ.

El Escorial.

Cách đó chưa đầy một kilomet, sừng sững như một pháo đài dưới chân Núi Abantos, là một trong những kiến trúc tôn giáo

lớn nhất trên thế giới - El Escorial của Tây Ban Nha. Với hơn tám mẫu mặt sàn, quần thể này gồm một tu viện, một vương cung thánh đường, một cung điện, một bảo tàng, một thư viện và một loạt mộ phần đáng sợ nhất mà Julián từng thấy.

Hầm mộ Hoàng gia.

Cha Julián đã đưa chàng tới hầm mộ khi Julián chỉ mới lên tám, hướng dẫn cậu bé đi qua Đền thờ Trẻ sơ sinh, một dãy những phòng mai táng đầy mộ phần của những đứa trẻ dòng dõi hoàng gia.

Julián sẽ không bao giờ quên ngôi mộ “bánh sinh nhật” hải hùng của hầm mộ - một ngôi mộ đá hình tròn rất lớn trông giống một chiếc bánh tầng màu trắng và chứa hài cốt của sáu mươi đứa trẻ thuộc hoàng tộc, tất cả đều được đặt trong các “ngăn kéo” và đặt vào hông “chiếc bánh” mãi mãi.

Nỗi hải hùng của Julián khi nhìn thấy ngôi mộ rùng rợn này bị lu mờ chỉ vài phút sau đó khi cha chàng dẫn chàng tới thăm nơi yên nghỉ cuối cùng của mẹ mình. Julián cứ ngỡ thấy một ngôi mộ cẩm thạch phù hợp với một hoàng hậu, nhưng thay vào đó, xác mẹ chàng nằm trong một chiếc hòm nặng nề đơn giản đến giạt mình trong một căn phòng đá ở cuối một hành lang dài. Vua cha giải thích với Julián rằng mẫu thân của chàng hiện được an táng trong một pudridero - một “gian phòng thối rửa” - nơi xác các thành viên hoàng gia được chôn cất trong ba mươi năm cho tới khi chẳng còn gì ngoài chút xương tàn, đến thời điểm đó họ mới được cải táng với mộ phần vĩnh cửu bằng đá của mình. Julián nhớ mình đã phải thu hết can đảm để ngăn nước mắt trào ra và không đổ bệnh.

Tiếp đến, cha đưa chàng tới đỉnh một cầu thang dốc dựng như chạy hun hút mãi mãi vào khoảng tối ngằm trong lòng đất. Ở đây, những bức tường và cầu thang không còn làm bằng cẩm

thạch trắng nữa, mà là một màu hổ phách trang nghiêm. Cứ trên mỗi ba bậc, lại có những ngọn nến thờ hắt thứ ánh sáng chập chờn lên lớp đá vàng nâu.

Cậu bé Julián đưa tay và nắm chặt lấy rào chắn bằng dây chèo cũ kỹ, cùng cha mình đi xuống dưới, mỗi lần chỉ một bậc thang... tiến sâu vào bóng tối. Dưới đáy đợt cầu thang, Đức vua mở một cánh cửa trang trí lộng lẫy và bước sang bên, ra hiệu cho cậu bé Julián đi vào.

Đền thờ của các vị vua, cha của chàng bảo vệ.

Thậm chí ở tuổi lên tám, Julián đã nghe nói về căn phòng này - một nơi của những truyền thuyết.

Cậu bé run rẩy bước qua ngưỡng cửa và thấy mình trong một gian phòng màu hoàng thổ lộng lẫy. Có hình dạng như một hình bát giác, gian phòng này tỏa ra mùi hương và dường như liên tục thay đổi trọng tâm do thứ ánh sáng chập chờn của những ngọn nến cháy sáng trên ngọn chùy đài trên đầu. Julián tiến vào trung tâm gian phòng, chậm chậm xoay người tại chỗ, cảm thấy lạnh lẽo và nhỏ bé trong một không gian trang nghiêm.

Cả tám bức tường đều có chín hốc tường sâu, nơi những chiếc quan tài đen giống hệt nhau được sắp xếp từ dưới sàn lên đến tận trần, mỗi chiếc đều gắn một biển tên bằng vàng. Những cái tên trên quan tài đều có trong các trang sách lịch sử của Julián - Vua Ferdinand... Nữ hoàng Isabella... Vua Charles V, hoàng đế La Mã thần thánh.

Trong không khí im lặng, Julián cảm nhận được sức nặng từ bàn tay yêu thương của cha đặt lên vai mình, và vẻ nghiêm trang của cái khoảnh khắc ấy tác động mạnh tới chàng. Sẽ có ngày cha ta được chôn cất trong căn phòng này.

Không nói một lời, hai cha con lên khỏi lòng đất, rời xa cái chết và trở về với ánh sáng. Khi họ đã ra ngoài tận hưởng ánh mặt trời chói chang Tây Ban Nha, nhà vua mới cúi xuống và nhìn vào mắt cậu bé Julián tám tuổi.

“*Memento mori*,” Đức vua thì thầm. “Hãy ghi nhớ cái chết. Ngay cả với những người nắm giữ quyền lực ghê gớm thì cuộc sống cũng rất ngắn ngủi. Chỉ có một cách để chiến thắng cái chết, và đó cách làm cho cuộc đời của chúng ta thành những kiệt tác. Chúng ta phải nắm giữ mọi cơ hội để thể hiện lòng nhân hậu và yêu thương trọn vẹn. Cha nhìn thấy trong mắt con rằng con có tâm hồn phóng khoáng của mẹ con. Lương tâm của con sẽ là người dẫn dắt con. Khi cuộc sống u tối, hãy để trái tim con chỉ đường cho con.”

Nhiều thập kỷ về sau, Julián không cần gì để nhắc mình nhớ rằng chàng đã chẳng làm gì nhiều để biến cuộc sống của mình thành một kiệt tác. Thực tế chàng đã suýt xoay sở thoát ra khỏi cái bóng của cha mình và xác lập bản thân là con người như chính ông mong muốn.

Ta đã làm cha ta thất vọng nhiều.

Suốt nhiều năm, Julián nghe theo lời khuyên của vua cha và để cho trái tim chỉ lối đưa đường nhưng đó là một con đường quanh co khi trái tim chàng cứ khao khát về một Tây Ban Nha hoàn toàn trái ngược với của cha mình. Những giấc mơ của Julián cho đất nước yêu dấu của chàng táo bạo đến mức chẳng bao giờ có thể nêu ra cho tới khi vua cha tạ thế, và thậm chí khi đó, Julián cũng không biết những hành động của chàng sẽ được đón nhận như thế nào, không chỉ bởi hoàng cung mà còn bởi cả dân tộc. Tất cả những gì Julián có thể làm là đợi, luôn mở lòng và tôn trọng truyền thống.

Và rồi, chỉ ba tháng trước, mọi thứ thay đổi.

Mình gặp Ambra Vidal.

Mỹ nhân vừa cứng cõi vừa sôi nổi đã khiến thế giới của Julián đảo lộn. Chỉ trong mấy ngày kể từ cuộc gặp đầu tiên của họ, cuối cùng thì Julián cũng hiểu những lời của cha mình. Hãy để cho trái tim con chỉ lối đưa đường... và nắm lấy mọi cơ hội để yêu thương trọn vẹn! Tâm trạng phấn chấn khi yêu không hề giống bất kỳ điều gì Julián từng trải qua và chàng cảm thấy cuối cùng mình đã có thể thực hiện những bước đầu tiên tiến tới việc biến cuộc đời mình thành một kiệt tác.

Tuy nhiên, giờ đây, khi Hoàng tử trần trần nhìn xuống con đường phía trước, chàng ngập trong sự cô đơn và tách biệt đầy linh tính. Cha chàng đang hấp hối, người phụ nữ chàng yêu không nói chuyện với chàng; và chàng vừa trách móc người thầy tin cẩn của mình, Giám mục Valdespino.

“Hoàng tử Julián,” Giám mục khẽ giục. “Chúng ta phải đi thôi. Phụ vương rất yếu và ngài rất mong nói chuyện với hoàng tử.”

Julián chậm chậm quay sang người bạn trọn đời của cha mình. “Ông nghĩ phụ hoàng còn bao nhiêu thời gian?” Chàng thì thầm.

Giọng Valdespino run run như thể ông đang sắp khóc. “Hoàng thượng đề nghị thần không được làm hoàng tử lo lắng, nhưng thần cảm thấy hồi kết đang đến nhanh hơn bất kỳ ai có thể dự đoán. Hoàng thượng muốn nói lời từ biệt.”

“Tại sao ông không nói cho ta chúng ta đang đi đâu?” Julián hỏi. “Tại sao lại phải nói dối và giữ bí mật?”

“Thần xin tạ lỗi, thần không còn lựa chọn nào khác. Hoàng thượng ra lệnh rất rõ ràng cho thần. Ngài lệnh cho thần bảo vệ điện hạ trước cái thế giới bên ngoài và trước mọi tin tức cho tới

khi ngài có cơ hội đích thân nói chuyện với điện hạ.”

“Bảo vệ cho ta trước... tin tức gì chứ?”

“Thần nghĩ sẽ là tốt nhất nếu điện hạ để Hoàng thượng giải thích.”

Julián nhìn Giám mục một lúc lâu. “Trước khi ta gặp cha, có chuyện ta cần biết. Ông ấy còn minh mẫn không? Ông ấy còn sáng suốt không?”

Valdespino nhìn chàng không mấy chắc chắn. “Sao điện hạ lại hỏi vậy?”

“Bởi vì,” Julián trả lời, “những yêu cầu của cha dường như rất lạ lùng và hấp tấp.”

Valdespino gật đầu buồn bã. “Hấp tấp hay không thì Hoàng thượng vẫn là vua. Thần yêu và làm theo lệnh ngài. Tất cả chúng ta đều vậy.”

Đứng cạnh nhau bên hòm trưng bày, Robert Langdon và Ambra Vidal chăm chú nhìn xuống bản thảo của William Blake, được chiếu rõ nhờ ánh sáng dịu dịu của ngọn đèn dầu. Đức cha Beña đã tạm rời đi để chỉnh lại mấy chiếc ghế cho ngay ngắn, đồng thời lịch sự dành cho họ chút thời gian riêng tư.

Langdon có chút khó khăn khi đọc những con chữ bé xíu trên bản thảo viết tay của nhà thơ, nhưng phần tiêu đề lớn hơn hẳn ngay trên đầu trang thì nhìn rõ mồn một.

The Four Zoas

Nhìn những từ này, Langdon lập tức cảm thấy có tia hy vọng. *The Four Zoas* là tiêu đề một trong những tác phẩm thơ mang tính tiên tri nổi tiếng nhất của Blake - một tác phẩm đồ sộ được chia thành chín “đêm”, hay Chương. Các chủ đề của bài thơ, theo Langdon còn nhớ nhờ đọc hồi còn học đại học, tập trung vào sự kết thúc của tôn giáo truyền thống và sự thống trị tất yếu của khoa học.

Langdon lướt nhìn xuống các khổ văn bản, nhìn thấy các dòng chữ viết tay kết thúc lưng chừng trang giấy bằng “*finis divisionem*” - cụm từ tương đương với từ “Hết” được vẽ rất đẹp.

Đây là trang cuối của bài thơ, ông nhận ra vậy. Phần kết của một trong những kiệt tác mang tính tiên tri của Blake!

Langdon cúi người và nheo mắt nhìn những chữ viết tay nhỏ xíu, nhưng ông không tài nào đọc được nội dung trong ánh sáng đèn dầu tù mù.

Ambra cũng đã khom người, mặt gí sát lớp kính. Nàng lặng lẽ

lướt đọc bài thơ, dừng lại để đọc to một dòng. “*Và Loài người từ trong lửa đỏ bước tới, lũ quỷ dữ đều bị thiêu đốt.*” Nàng ngoảnh sang Langdon. “*Quỷ dữ đều bị thiêu đốt ư?*”

Langdon xem xét câu đó, lơ đãng gật đầu. “Tôi tin Blake muốn nói đến việc loại bỏ thứ tôn giáo sa đọa. Một tương lai phi tôn giáo là một trong những điều tiên tri lặp đi lặp lại của ông ấy.”

Ambra trông đầy hy vọng. “Edmond nói dòng thơ yêu thích của anh ấy là một lời tiên tri mà anh ấy hy vọng sẽ thành sự thật.”

“Chà,” Langdon nói, “một tương lai không tôn giáo chắc hẳn là điều Edmond muốn. Dòng đó có bao nhiêu mẫu tự?”

Ambra bắt đầu đếm nhưng rồi lắc đầu. “Năm mươi.”

Nàng lại đọc lướt bài thơ, một lúc sau thì dừng lại. “Thế còn câu này? *‘Những đôi mắt đang mở rộng của Con người nhìn thấu bề sâu của những thế giới kỳ lạ.’*”

“Có thể đây,” Langdon nói, suy ngẫm về ý nghĩa của câu này. *Tri thức của con người sẽ tiếp tục tăng lên và tiến hóa theo thời gian, giúp chúng ta nhìn sâu hơn vào chân lý.*

“Lại quá nhiều chữ rồi,” Ambra nói. “Tôi sẽ tiếp tục.”

Khi nàng tiếp tục đọc lần xuống dưới trang sách, Langdon bắt đầu trầm ngâm đi đi lại lại phía sau nàng. Những dòng thơ nàng đã đọc cứ vang vọng trong tâm trí ông và gợi nhớ đến một kỷ ức xa xăm khi ông đọc thơ Blake trong một lớp “văn học Anh” ở Princeton.

Những hình ảnh bắt đầu hình thành, như thỉnh thoảng vẫn vậy với trí nhớ hình ảnh thị giác của Langdon. Những hình ảnh này gợi ra những hình ảnh mới, thành một chuỗi vô tận. Bỗng nhiên, đứng trong hầm mộ, Langdon vụt nhớ đến vị giáo sư của

mình, người mà, khi lớp học đọc xong *The Four Zoas*, đứng trước mặt họ và hỏi những câu hỏi có từ lâu: Các em sẽ chọn gì? Một thế giới không tôn giáo? Hay một thế giới không khoa học? Sau đó vị giáo sư nói thêm: Rõ ràng, William Blake đã có sự lựa chọn, và không ở đâu hy vọng về tương lai của ông được tổng kết rõ hơn trong dòng cuối cùng của bài thơ trường thiên này.

Langdon hít một hơi thẳng thốt và xoay người về phía Ambra, lúc này vẫn đang cầm cúi với bản thảo của Blake.

“Ambra - nhảy cóc xuống cuối bài thơ đi!” ông nói, giờ đã nhớ dòng cuối cùng của bài thơ.

Ambra nhìn xuống cuối bài thơ. Sau một lúc chăm chú, nàng quay lại phía ông với đôi mắt mở to và nét mặt ngạc nhiên.

Langdon đến chỗ cuốn sách cùng nàng, chăm chú nhìn xuống văn bản. Giờ khi đã biết dòng thơ ấy, ông có thể nhận ra các mẫu tự viết tay mờ mờ:

Mọi tôn giáo u tối tiêu vong & khoa học lành mạnh thống trị.

“‘Mọi tôn giáo u tối tiêu vong’,” Ambra đọc to, “‘khoa học lành mạnh thống trị.’”

Dòng thơ không chỉ là một lời tiên tri mà Edmond xác nhận, về cơ bản nó còn là lời tóm tắt cho bài thuyết trình của anh đầu giờ tối nay.

Các tôn giáo sẽ mai một... và khoa học sẽ thống trị.

Ambra bắt đầu đếm thật cẩn thận các mẫu tự trong dòng thơ, nhưng Langdon biết điều đó không cần thiết. Chính nó đây. Không nghi ngờ gì. Tâm trí ông đã chuyển sang việc truy cập Winston và công bố bài thuyết trình của Edmond. Kế hoạch của Langdon nhằm thực hiện việc đó như thế nào là điều ông cần giải thích riêng với Ambra.

Ông quay sang Đức cha Beña, vừa quay trở lại. “Đức cha?”

ông hỏi. “Chúng con gần như đã xong việc ở đây rồi. Cảm phiền cha lên trên tầng và bảo các đặc vụ Cận vệ gọi trực thăng được không ạ? Chúng con cần đi ngay.”

“Dĩ nhiên rồi,” Đức cha Beña nói và đi thẳng lên cầu thang. “Ta hy vọng các con tìm được những gì các con phải tới đây tìm. Lát nữa ta sẽ gặp các con trên kia.”

Khi vị tu sĩ biến mất trên cầu thang, Ambra rời mắt khỏi cuốn sách với vẻ hoảng hốt bất ngờ.

“Anh Robert,” nàng nói. “Dòng này quá ngắn. Tôi đếm hai lần rồi. Nó chỉ có bốn mươi sáu mẫu tự. Chúng ta cần bốn mươi bảy cơ.”

“Sao cơ?” Langdon bước tới bên nàng, nheo mắt nhìn bản thảo và cẩn thận đếm từng mẫu tự viết tay. “Mọi tôn giáo u tối tiêu vong & khoa học lành mạnh thống trị.” Ông đếm đến bốn mươi sáu. Ông bối rối nghiên cứu lại dòng thơ. “Chắc chắn Edmond nói bốn mươi bảy, không phải bốn mươi sáu chứ?”

“Chắc chắn.”

Langdon đọc lại dòng thơ. Nhưng phải là câu này, ông nghĩ. Mình thiếu gì nhỉ?

Rất cẩn trọng, ông rà lại từng con chữ trong dòng cuối bài thơ của Blake. Ông gần rà đến cuối thì nhìn thấy nó.

... & khoa học lành mạnh thống trị.

“Cái ký hiệu &,” Langdon thốt lên. “Ký hiệu Blake dùng thay cho việc viết hẳn ra từ ‘còn*’.”

Ambra nhìn ông lạ lẫm và sau đó lắc đầu. “Robert, nếu chúng ta thay từ ‘còn’... thì dòng thơ có bốn mươi tám mẫu tự. Quá dài.”

Không đúng. Langdon mỉm cười. Đó là một mật mã trong mật mã.

Langdon kinh ngạc trước sự cố ý bóp méo tinh quái của Edmond. Anh chàng thiên tài hoang tưởng này đã dùng một mảnh đơn giản trong nghệ thuật in để bảo đảm rằng ngay cả khi ai đó phát hiện ra đâu là dòng thơ yêu thích của mình thì họ cũng vẫn không thể gõ chính xác nó được.

Mật mã ký hiệu &, Langdon nghĩ. Edmond vẫn nhớ nó.

Nguồn gốc của ký hiệu & luôn là một trong những điều đầu tiên Langdon dạy trong các lớp biểu tượng học của mình. Cái biểu tượng là một dấu tốc ký - đúng ra là một bức tranh thể hiện cho một từ. Trong khi nhiều người cho rằng ký hiệu này bắt nguồn từ từ “and” trong tiếng Anh nhưng thực tế nó bắt nguồn từ từ et trong tiếng La tinh. Thiết kế bất thường của ký hiệu này là sự hợp nhất trong nghệ thuật in của các chữ cái E và T - kiểu chữ ghép ngày nay vẫn thấy được trong các phong chữ máy tính như Trebuchet, với ký hiệu rõ ràng bắt chước nguồn gốc La tinh của nó.

Langdon sẽ không bao giờ quên rằng cái tuần sau khi ông dạy lớp của Edmond về ký hiệu anh chàng thiên tài trẻ tuổi xuất hiện, mặc một chiếc áo phông có in thông điệp - *Ampersand phone home!* - một sự ám chỉ khôi hài đến bộ phim của Spielberg về một sinh vật ngoài trái đất có tên “ET” cố gắng tìm đường trở về nhà.

Giờ đây, đứng bên bài thơ của Blake, Langdon có thể hình dung ra mật khẩu bốn mươi bảy mẫu tự của Edmond rất rành rẽ trong đầu.

Mộtôngiáooutôitiêuvongvàkhoahọclànhmanhthôngtrị

Edmond tình anh, Langdon nghĩ bụng, nhanh chóng cho Ambra biết về cái mẹo khéo léo Edmond dùng để tăng thêm một cấp độ an ninh cho mật khẩu của mình.

Khi sự thật ấy trở nên rõ ràng với nàng, Ambra mới cười tươi và lần đầu Langdon nhìn thấy nụ cười của nàng kể từ lúc họ gặp nhau. “Ái chà,” nàng nói, “tôi đoán nếu chúng ta từng có nghi ngờ rằng Edmond Kirsch là một tay lập dị...”

Hai người cùng cười xòa, tranh thủ khoảnh khắc ấy để thở phào trong không gian tịch mịch của hầm mộ.

“Anh đã tìm được mật khẩu,” nàng nói, nghe đầy biết ơn. “Và tôi cảm thấy tiếc hơn bao giờ hết rằng tôi để mất điện thoại của Edmond. Nếu chúng ta vẫn còn thứ đó, thì chúng ta có thể khởi động bài thuyết trình của Edmond ngay lúc này rồi.”

“Không phải lỗi của cô,” ông nói trấn an. “Và, như tôi đã nói với cô, tôi biết cách tìm ra Winston mà.”

Ít nhất mình nghĩ mình làm được, ông trầm ngâm, hy vọng mình đúng.

Khi Langdon mừng rỡ ra khung cảnh của Barcelona, và cái cầu đồ khác thường còn nằm phía trước, sự im lặng của hầm mộ bị xé tan bởi một âm thanh chói tai vang vọng xuống cầu thang.

Bên trên, Đức cha Beña đang hét gọi tên họ.

“Nhanh lên! Cô Vidal... Giáo sư Langdon... đến đây nhanh lên!”

Langdon và Ambra lao bổ lên cầu thang hầm mộ trong khi những tiếng hét tuyệt vọng của Đức cha Beña vẫn tiếp tục. Khi họ lên đến bậc thang trên cùng, Langdon xộc ra tầng điện thờ nhưng lập tức bị chìm ngấm trong một màn tối đen.

Mình không nhìn được!

Khi ông nhích dần tới trong bóng tối, mắt ông căng ra để thích nghi với quang sáng của những ngọn đèn dầu phía trước. Ambra đến bên cạnh ông, cũng nheo nheo mắt.

“Đằng này!” Đức cha Beña hét lên tuyệt vọng.

Họ di chuyển về phía tiếng hét, cuối cùng cũng thấy vị tu sĩ ở chỗ rìa tối om của quang sáng tràn ra từ buồng cầu thang. Đức cha Beña đang quỳ gối, phủ phục phía trên cái bóng thâm đen của một thân người.

Chỉ một lát họ đã đến bên Beña, và Langdon giật nảy người khi thấy thân hình Đặc vụ Díaz nằm trên sàn, đầu bị vặn biến dạng. Díaz nằm sấp, nhưng đầu anh bị vặn 180 độ về phía sau, khiến cho đôi mắt vô hồn của anh nhìn thẳng lên trần nhà thờ. Langdon rúm lại hãi hùng, lúc này đã hiểu sự hoảng loạn trong những tiếng hét của Đức cha Beña.

Một cảm giác sợ hãi lạnh buốt chạy khắp người ông, và ông đứng bật lên, đưa mắt khắp khoảng tối tìm kiếm bất kỳ dấu hiệu chuyển động nào trong nhà thờ rộng như lòng hang này.

“Súng của anh ấy,” Ambra thì thào, chỉ vào bao súng rỗng không của Díaz. “Nó đã biến mất.” Nàng nhìn xoáy vào bóng tối quanh họ và gọi lớn, “Đặc vụ Fonseca?!”

Trong khoảng tối gần đó, đột nhiên có tiếng bước chân ràn rạt trên gạch men và tiếng cơ thể va chạm trong một cuộc vật lộn dữ dội. Sau đó, đột ngột đến giạt mình, tiếng súng nổ đinh tai vang lên ở cự ly gần. Langdon, Ambra và Đức cha Beña đều bật ra sau, và khi tiếng súng vọng khắp điện thờ, họ nghe thấy một giọng nói đau đớn hồi thúc - “¡Corre!” Chạy đi!

Tiếng súng thứ hai vang lên, kéo theo một tiếng huých nặng nề - chính là âm thanh không lẫn đi đâu được của một cơ thể va chạm với sàn nhà.

Langdon đã nắm lấy tay Ambra và kéo nàng về phía những khoảng tối mịt mù gần bức tường bên cửa điện thờ. Đức cha Beña sát sau họ chỉ một bước chân và giờ cả ba thu mình dán lấy tường đá lạnh trong im lặng tuyệt đối.

Mắt Langdon quét khắp khoảng tối trong khi cố hiểu những gì đang xảy ra.

Kẻ nào đó vừa hạ sát Díaz và Fonseca! Kẻ nào ở trong này với bọn ta? Và bọn họ muốn gì?

Langdon chỉ có thể hình dung ra một câu trả lời hợp lý duy nhất: tên sát nhân đang ẩn trong bóng tối của Sagrada Família không đến đây để giết hai đặc vụ Cận vệ ngẫu nhiên... hắn đến vì Ambra và Langdon.

Kẻ nào đó vẫn đang tìm cách vô hiệu hóa phát hiện của Edmond.

Đột nhiên, một ngọn đèn pin lóe sáng ở giữa sàn điện thờ, chùm sáng lia tới lui theo một vòng cung rộng, di chuyển về phía họ.

Langdon biết họ chỉ có vài giây trước khi chùm sáng đèn lia tới họ.

Lối nay, Đức cha Beña thì thào, kéo Ambra men dọc theo tường theo hướng ngược lại. Langdon bám theo thì ánh đèn lia

tới gần hơn. Đức cha Beña và Ambra đột ngột ngoặt gấp sang phải, biến mất vào một lối mở trong đá, và Langdon vọt vào theo sau họ - lập tức chúi nhủi trên một đợt cầu thang không nhìn thấy. Ambra và Đức cha Beña vẫn leo tới trong khi Langdon lấy lại thăng bằng và tiếp tục bám theo họ, nhìn lại đằng sau thấy chùm sáng đèn xuất hiện ngay bên dưới, soi tỏ mấy bậc thang dưới cùng.

Langdon cứng đờ trong bóng tối, chờ đợi.

Ánh đèn vẫn ở nguyên đó một lúc lâu, sau đó bắt đầu sáng dần lên.

Hắn đang tới lối này!

Langdon nghe thấy tiếng Ambra và Đức cha Beña leo lên cầu thang phía trên mình rón rén hết mức. Ông xoay người và vọt lên theo sau họ, nhưng lại chúi nhủi, va ngay phải một bức tường và nhận ra rằng cầu thang này không thẳng, mà uốn cong. Áp một tay vào tường để lần hướng, Langdon bắt đầu đi lượn vòng lên trên theo một đường xoắn ốc, nhanh chóng hiểu ra mình đang ở chỗ nào.

Cầu thang xoắn ốc nguy hiểm khét tiếng của Sagrada Família.

Ông ngược mắt và thấy một quầng sáng rất mờ rọi xuống từ mấy giếng trời phía trên, vừa đủ soi sáng để cho thấy cái đường ống chật hẹp vây quanh mình. Langdon cảm thấy hai chân như bị giữ chặt, và ông chết gí trên cầu thang, chìm trong cảm giác sợ không gian kín mít của một lối thông chật hẹp.

Cứ leo lên! Tư duy lý trí của ông thúc giục ông leo lên nhưng các cơ của ông lại cứng đờ trong sợ hãi.

Đâu đó bên dưới, Langdon nghe rõ tiếng những bước chân nặng nề tiến đến từ phía điện thờ. Ông ép mình tiếp tục di chuyển, theo những bậc thang xoắn ốc đi lên nhanh hết mức có

thể. Phía trên, thứ ánh sáng nhờ nhờ rõ dần lên khi Langdon đi qua một lối mở trong tường - một khoảng hở rộng mà qua đó, ông thoáng nhìn thấy những ánh đèn của thành phố. Một luồng không khí mát lạnh ập tới ông khi ông vọt qua giếng trời này và ông lại lao vào bóng tối khi lượn vòng lên cao hơn.

Tiếng bước chân tiến vào buồng cầu thang phía dưới, và ánh đèn pin nhấp nhọang quét ngược lên khoảng trống tạo thành đường ông ở chính giữa. Langdon đi qua một giếng trời nữa thì tiếng bước chân đuổi theo nghe đã to hơn hẳn, giờ kẻ tấn công ông đang đuổi tới nhanh hơn trên cầu thang phía sau ông.

Langdon đuổi kịp Ambra và Đức cha Beña, lúc này đang thở hổn hển lấy hơi. Langdon chăm chú nhìn xoáy vào đường ống trung tâm qua mép bên trong của buồng cầu thang. Khoảng trống thật sự chóng mặt - một cái hố rất hẹp hình tròn lao thẳng qua trung tâm của những gì rất giống một con ốc anh vũ khổng lồ. Không hề nhìn thấy vật cản nào, chỉ có một phần gờ mé trong cao đến mắt cá chẳng có tác dụng bảo vệ gì. Langdon phải cố chống lại cảm giác nôn nao.

Ông đưa mắt nhìn lại khoảng tối của đường ống trên đầu. Langdon đã nghe nói rằng có hơn bốn trăm bậc thang trong cấu trúc này; nếu đúng vậy, không còn cách nào để họ lên tới nóc trước khi kẻ có vũ khí bên dưới kia bắt kịp họ.

“Cả hai con... đi đi!” Đức cha Beña hổn hển, bước dịch sang bên và giục Langdon cùng Ambra đi qua mình.

“Không thể như thế; thưa Đức cha,” Ambra nói, chìa tay xuống để giúp vị tu sĩ già.

Langdon thấy ngưỡng mộ bản năng bảo vệ của nàng, nhưng ông cũng biết rằng bỏ chạy ngược lên những bậc thang này là tự sát, chắc chắn chịu kết cục là những viên đạn vào lưng. Trong hai bản năng sinh tồn của động vật – chống trả hay chạy trốn -

chạy trốn không còn là lựa chọn nữa.

Chúng ta sẽ không đời nào làm thế.

Để Ambra và Đức cha Beña leo tiếp, Langdon quay người đứng chân cho vững, và hướng xuống cầu thang xoắn ốc. Bên dưới ông, ánh đèn pin bắt đầu tới gần hơn. Ông dựa lưng vào tường và thu mình trong bóng tối, đợi cho tới khi ánh sáng đèn lia tới những bậc thang phía dưới. Tên sát nhân đột ngột vòng qua đoạn cong và hiện ra - một hình thù đen sì đang chạy với cả hai tay duỗi thẳng, một tay nắm chặt chiếc đèn pin còn tay kia là khẩu súng ngắn.

Langdon phản ứng theo bản năng, bung người lên và tung mình vào không trung, hai chân duỗi thẳng về phía trước. Gã đàn ông nhìn thấy ông và bắt đầu giương súng lên, vừa hay gót chân Langdon bay thẳng vào ngực hắn bằng một cú thúc rất mạnh, xô gã đàn ông vào tường buồng cầu thang.

Mấy giây tiếp theo là một sự nhập nhoạng.

Langdon ngã, nện mạnh nghiêng xuống, cảm giác đau đớn lan khắp hông, trong khi kẻ tấn công ông đổ vật ra sau, trượt chúi nhủi xuống vài bậc thang và rớt thành một đồng rên rỉ. Chiếc đèn pin nảy xuống các bậc thang và lăn tới một chỗ dừng, rọi một luồng sáng xiên lên bức tường bên và soi tỏ một vật bằng kim loại nằm trên bậc thang ở giữa Langdon và kẻ tấn công.

Khẩu súng.

Cả hai người đàn ông cùng chồm tới một lúc, nhưng Langdon có lợi thế ở cao hơn và tới trước, vớ lấy bóng súng và chìa thẳng món vũ khí vào kẻ tấn công mình, lúc này vừa chết sững lại phía dưới ông, trân trối nhìn vào nòng súng đầy thách thức.

Trong quầng sáng đèn pin, Langdon nhìn ra bộ râu muối tiêu

và chiếc quần trắng hồ cứng của gã đàn ông... và ngay lập tức, ông biết đó là kẻ nào.

Tên sĩ quan hải quân từ Guggenheim...

Langdon đưa súng lên đầu gã, rà ngón trở vào cò súng. “Mày đã giết bạn tao là Edmond Kirsch.”

Gã đàn ông thở không ra hơi, nhưng câu trả lời của gã rất nhanh, giọng gã lạnh như băng. “Tao thanh toán nợ nần thôi. Bạn mày, Edmond Kirsch đã giết gia đình tao.”

Langdon làm gãy xương sườn ta.

Đô đốc Ávila cảm thấy có những đợt đau nhói mỗi lần ông ta hít vào, nhấn nhó đau đớn trong khi ngực phập phồng dòn dập, cố gắng phục hồi dưỡng khí trong cơ thể. Co ro trên mấy bậc thang phía trên, Robert Langdon trân trân nhìn xuống, lóng ngóng chìa khẩu súng vào giữa người Ávila.

Kỹ năng nhà binh của Ávila lập tức phát huy, và ông ta bắt đầu đánh giá tình thế của mình. Nhìn ở khía cạnh tiêu cực, kẻ thù của ông ta nắm được cả vũ khí lẫn cao điểm. Ở khía cạnh tích cực, cứ đánh giá cách cầm khẩu súng rất dị thường của tay giáo sư thì gã chẳng có mấy kinh nghiệm với súng ống.

Gã không có ý định bắn ta, Ávila quyết định. Gã sẽ giữ chân ta và đợi nhân viên an ninh. Từ những tiếng la hét bên ngoài, rõ ràng nhân viên an ninh của Sagrada Família đã nghe thấy tiếng súng và giờ đang vội vã chạy vào tòa nhà.

Ta phải hành động nhanh.

Giữ nguyên hai tay giơ cao đầu hàng, Ávila chậm chậm quỳ gối lên, tỏ vẻ khúm núm và khuất phục hoàn toàn.

Cứ để Langdon có cảm giác gã đang kiểm soát hoàn toàn.

Bất chấp cú ngã xuống cầu thang, Ávila vẫn cảm thấy cái vật mình giắt ở thắt lưng phía sau vẫn còn đó - cái khẩu súng gôm mà ông ta đã dùng hạ sát Kirsch ở Guggenheim. Ông ta đã nạp viên đạn còn lại cuối cùng trước khi vào nhà thờ nhưng không cần dùng đến nó, mà ra tay hạ sát một đặc vụ rồi cuồn lấy khẩu súng hiệu quả hơn hẳn của anh ta, thứ mà rủi thay, lúc này Langdon đang nhắm vào ông ta. Ávila ước rằng mình vẫn khóa

chốt an toàn, đoán rằng Langdon có lẽ chẳng biết gì về cách mở chốt.

Ávila tính toán việc thực hiện động tác với lấy khẩu súng gồm ở thắt lưng mình và bắn Langdon trước, nhưng cho dù ông ta có thành công thì Ávila đoán rằng cơ hội sống sót của mình chỉ là 50:50. Một trong những mối nguy hiểm của người dùng súng không có kinh nghiệm chính là xu hướng bắn nhầm của họ.

Nếu ta di chuyển quá nhanh...

Tiếng của đám bảo vệ đang la hét càng lúc càng gần, và Ávila biết rằng nếu mình bị bắt giữ, cái hình xăm “chiến thắng” trên bàn tay ông ta sẽ bảo đảm ông ta được thả ra - hoặc ít nhất đó là những gì Nhiếp chính vương đã quả quyết với ông ta.

Tuy nhiên, đến lúc này, với việc giết hai đặc vụ Cận vệ Hoàng gia của đức vua, Ávila không dám chắc rằng ảnh hưởng của Nhiếp chính vương có thể cứu được mình.

Ta đến đây để thực thi một nhiệm vụ, Ávila nhắc mình. Và ta cần hoàn thành. Loại bỏ Robert Langdon và Ambra Vidal.

Nhiếp chính vương đã dẫn Ávila vào nhà thờ qua cổng phục vụ phía đông, nhưng Ávila lại quyết định nhảy qua hàng rào an ninh. Ta thấy cảnh sát lảng vảng gần cổng đông... và vì thế ta phải thay đổi.

Langdon đánh giọng lên tiếng, trừng mắt qua khẩu súng nhìn vào Ávila. “Mày nói Edmond Kirsch giết gia đình mày. Đối trá. Edmond không phải kẻ giết người.”

Mày nói đúng, Ávila nghĩ. Hắn còn tửm lợm hơn.

Sự thật đen tối về Kirsch là một bí mật Ávila biết được chỉ một tuần trước trong một cuộc điện thoại từ Nhiếp chính vương. Giáo hoàng của chúng ta đề nghị ngài nhắm tới nhân vật vị

lai chủ nghĩa nổi tiếng Edmond Kirsch, Nhiếp chính vương nói. Những động lực của Đức Thánh cha rất nhiều, nhưng Đức cha muốn đích thân ngài thực hiện nhiệm vụ này.

Tại sao lại là tôi? Ávila hỏi.

Đô đốc, Nhiếp chính vương thì thảo. Ta rất tiếc phải nói với ngài điều này, nhưng Edmond Kirsch chịu trách nhiệm về vụ đánh bom nhà thờ giết chết gia đình ngài.

Phản ứng đầu tiên của Ávila là hoàn toàn không tin. Ông ta không thấy có lý do gì để một nhà khoa học máy tính nổi tiếng đánh bom một nhà thờ cả.

Ngài là một quân nhân, Đô đốc, Nhiếp chính vương giải thích với ông ta, và vì thế ngài hiểu hơn ai hết: người lính trẻ kéo cò súng lúc lâm trận không phải là kẻ sát nhân. Anh ta chỉ là con tốt, làm công việc của những kẻ quyền lực hơn - chính phủ, các tướng lĩnh, các thủ lĩnh tôn giáo - những kẻ đã trả tiền cho anh ta hoặc thuyết phục anh ta rằng có một sự nghiệp đáng để làm bằng mọi giá.

Thực tế Ávila đã chứng kiến tình huống này.

Những nguyên tắc tương tự áp dụng với chủ nghĩa khủng bố, Nhiếp chính vương tiếp tục. Những kẻ khủng bố xấu xa nhất không phải là những kẻ tạo bom, mà là những thủ lĩnh đầy ảnh hưởng reo rắc hận thù trong đám quần chúng tuyệt vọng, truyền cảm hứng cho đám lính chân đất có những hành động bạo lực. Chỉ cần một linh hồn đen tối quyền uy cũng đủ để tàn phá thế giới bằng việc tạo ra sự bất bao dung tôn giáo, chủ nghĩa dân tộc, hoặc sự khinh ghét trong đầu óc của những kẻ dễ bị tổn thương.

Ávila phải thừa nhận vậy.

Những vụ tấn công khủng bố nhằm vào người Thiên Chúa giáo, Nhiếp chính vương nói, đang gia tăng trên khắp thế giới. Những vụ tấn công mới này không còn là những sự kiện được vạch ra một

cách chiến lược nữa; đó là những vụ tấn công bộc phát được tiến hành bởi những con sói đơn lẻ đang đáp lại tiếng gọi chiến tranh phát đi bởi những kẻ thù có sức thuyết phục của Đức Chúa. Nhiếp chính vương ngừng lại. Và trong số những kẻ thù có sức thuyết phục này, ta thấy cả gã vô thần Edmond Kirsch.

Giờ Ávila cảm thấy Nhiếp chính vương bắt đầu thổi phồng sự thật. Cho dù Kirsch có cả chiến dịch hèn hạ chống lại Thiên Chúa giáo ở Tây Ban Nha, nhưng nhà khoa học này chưa bao giờ đưa ra tuyên bố gì kêu gọi tàn sát tín đồ Thiên Chúa cả.

Trước khi ngài phản đối, giọng nói trên điện thoại bảo ông ta, hãy để ta cung cấp cho ngài mẫu thông tin cuối cùng. Nhiếp chính vương thở dài nặng nề. Không ai biết chuyện này, ngài Đô đốc, nhưng vụ tấn công giết gia đình ngài... nó được dự tính như một hành động chiến tranh chống lại Giáo hội Palmaria.

Lời tuyên bố ấy khiến Ávila sửng lại, nhưng nó cũng chẳng có ý nghĩa gì; Nhà thờ lớn Seville không phải là một công trình Palmaria.

Buổi sáng vụ đánh bom, giọng nói bảo với ông ta, bốn thành viên chủ chốt của Giáo hội Palmaria có mặt trong giáo đoàn Seville với mục đích tuyển người. Họ đã bị chọn làm mục tiêu. Ngài biết một người trong số họ đấy - Marco. Ba người kia đã chết trong vụ tấn công.

Những ý nghĩ của Ávila quay cuồng khi ông ta hình dung ra chuyên gia trị liệu thể chất của mình, Marco, người đã mất một chân trong vụ tấn công.

Kẻ thù của chúng ta rất mạnh và có động cơ, giọng nói tiếp tục. Và khi kẻ đánh bom không thể tiếp cận được cơ ngơi của chúng ta ở El Palmar de Troya, hắn đã bám theo bốn nhà truyền giáo tới Seville và ra tay hành động ở đó. Ta rất lấy làm tiếc, Đô đốc. Bi kịch này là một trong những lý do những người Palmaria tìm tới ngài - chúng

ta cảm thấy có trách nhiệm về việc gia đình ngài bị liên đới thiệt hại trong một cuộc chiến tranh nhằm vào chúng ta.

Một cuộc chiến tranh do kẻ nào đạo diễn? Ávila thắc mắc, cố gắng lĩnh hội những tuyên bố chân động kia.

Hãy kiểm tra e-mail của ngài, Nhiếp chính vương đáp.

Mở hộp thư của mình, Ávila phát hiện một loạt tài liệu riêng gây chấn động vạch ra một cuộc chiến tàn bạo được phát động nhằm vào Giáo hội Palmaria đến giờ đã hơn một thập kỷ... một cuộc chiến rành rành gồm cả các vụ kiện cáo, hăm dọa tổng tiền và những khoản quyên góp rất lớn cho các nhóm “giám sát” bài Palmaria như Palmar de Troya Support và Dialogue Ireland.

Ngạc nhiên hơn nữa, cuộc chiến khốc liệt nhằm vào Giáo hội Palmaria này, có vẻ vậy, lại do một cá nhân duy nhất phát động - và người đó là nhân vật vị lai chủ nghĩa Edmond Kirsch.

Ávila thấy hoang mang trước thông tin ấy. Tại sao Edmond Kirsch lại muốn phá hoại đích danh những người Palmaria?

Nhiếp chính vương bảo ông ta rằng không ai trong Giáo hội - ngay cả chính giáo hoàng - có bất kỳ ý kiến gì về lý do Kirsch lại có thái độ căm ghét riêng với người Palmaria. Tất cả những gì họ biết là một trong những người có ảnh hưởng và giàu có nhất hành tinh sẽ không ngừng nghỉ cho tới khi những người Palmaria bị tiêu diệt.

Nhiếp chính vương thu hút sự chú ý của Ávila đến một tài liệu cuối cùng - bản sao một lá thư đánh máy gửi những người Palmaria của một đối tượng tuyên bố là kẻ đánh bom Seville. Ngay dòng đầu tiên, kẻ đánh bom tự xưng là một “học trò của Edmond Kirsch”. Đây là tất cả những gì Ávila phải xem, hai nắm tay ông ta xiết chặt đầy giận dữ.

Nhiếp chính vương giải thích lý do những người Palmaria

chưa bao giờ công khai bức thư này; với tất cả những tiếng xấu trên báo chí mà Giáo hội Palmaria hứng chịu gần đây - rất nhiều trong số đó do Kirsch dàn dựng hoặc tài trợ - chẳng đời nào Giáo hội mong bị gắn với một vụ đánh bom cả.

Gia đình ta chết vì chính Edmond Kirsch.

Lúc này, trong buồng cầu thang tối om, Ávila dăm dăm nhìn Robert Langdon, cảm thấy gã này có lẽ chẳng biết gì về cuộc thập tự chinh bí mật của Kirsch chống lại Giáo hội Palmaria, hay việc Kirsch đã truyền cảm hứng như thế nào cho vụ tấn công giết chết gia đình Ávila.

Langdon biết gì không thành vấn đề, Ávila nghĩ. Gã cũng chỉ là một chiến binh như ta thôi, cả hai đều rơi vào cái hố cá nhân này, và chỉ một trong hai leo ra được. Ta có mệnh lệnh của mình.

Langdon có vị trí cao hơn ông ta vài bậc, lại đang nhắm khẩu súng một cách rất nghiệp dư - bằng cả hai tay. Dở lắm, Ávila nghĩ thầm, khễ khàng hạ mấy ngón chân xuống một bậc thang phía dưới, đặt vững bàn chân và chăm chăm nhìn thẳng vào mắt Langdon.

“Tôi biết anh thấy khó tin được,” Ávila lên tiếng, “nhưng Edmond Kirsch đã sát hại gia đình tôi. Và đây là bằng chứng cho anh.”

Ávila xoa bàn tay để cho Langdon thấy hình xăm của mình, thứ mà dĩ nhiên chẳng phải bằng chứng tí nào, nhưng nó lại đạt hiệu quả mong muốn - Langdon nhìn xuống.

Khi sự chú ý của vị giáo sư chỉ hơi thay đổi, Ávila tung mình lên cao và lệch sang trái, theo bức tường cong mé ngoài, chuyển thân mình ra khỏi đường đạn bắn. Đúng như dự liệu, Langdon hấp tấp nổ súng - nhấn cò trước khi chỉnh lại súng theo mục tiêu đang di chuyển. Như tiếng sấm rền, phát súng vang âm

trong không gian chật chội, và Ávila cảm thấy một viên đạn sượt qua vai mình trước khi nẩy bật xuống cầu thang đá một cách vô hại.

Langdon còn đang chỉnh lại đường ngắm khẩu súng thì Ávila đã vọt ra giữa không trung, và khi bắt đầu rơi xuống, ông ta vung nắm tay đánh mạnh xuống cổ tay Langdon, khiến khẩu súng văng khỏi tay đối phương và rơi côm cốp xuống cầu thang.

Cảm giác đau buốt xé qua ngực và vai Ávila khi ông ta đáp xuống những bậc thang cạnh Langdon, nhưng lượng adrenaline trào dâng chỉ tiếp thêm sức mạnh cho ông ta. Thò tay ra phía sau, ông ta giật khẩu súng gôm ra khỏi thắt lưng. Món vũ khí này cảm giác gần như không trọng lực sau khi đã cầm khẩu súng của anh chàng đặc vụ.

Ávila chĩa khẩu súng vào ngực Langdon và kéo cò không chút do dự.

Khẩu súng rền lên, nhưng chỉ tạo ra một thứ âm thanh vỡ vụn khác lạ, và Ávila cảm thấy sức nóng bỏng rát trên tay mình, lập tức nhận ra rằng nòng súng đã vỡ toang. Được thiết kế nhằm mục đích ngụy trang, thứ vũ khí “không thể phát giác” rất mới hoàn toàn không có kim loại này chỉ dùng được cho một hoặc hai phát đạn. Ávila không rõ viên đạn của mình đã bắn đi đâu, nhưng khi nhìn thấy Langdon còn đang loạng choạng, Ávila buông súng và lao vào vị giáo sư, hai người đàn ông quần nhau dữ dội ngay gần mép cầu thang trông rất nguy hiểm.

Khoảnh khắc đó, Ávila biết mình đã thắng.

Bọn ta bằng phân về vũ khí, ông ta nghĩ. Nhưng ta có thể.

Ávila đã ước lượng cái đường ông hun hút ở trung tâm buồng cầu thang - một khoảng không chết người gần như không có sự

bảo vệ gì. Lúc này, khi đang cố dùng sức đẩy Langdon lùi về phía đường ống, Ávila tì một chân vào bức tường ngoài, giúp cho mình có lực rất lớn. Dồn hết sức mạnh, ông ta đẩy Langdon về phía đường ống.

Langdon chống lại rất kịch liệt, nhưng vị trí của Ávila khiến ông ta có lợi thế hoàn toàn, và vẻ tuyệt vọng trong mắt vị giáo sư cho thấy rõ ràng Langdon biết chuyện gì sắp xảy ra.

Robert Langdon từng nghe nói rằng những lựa chọn quan trọng nhất của cuộc đời - những gì liên quan đến sự sống còn - thường cần đến một quyết định chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi.

Lúc này, bị dồn mạnh về phía gờ tường rất thấp, lưng chênh vênh phía trên một khoảng trống cao mấy chục mét, cơ thể hơn một mét tám và trọng tâm của Langdon là một nguy cơ chết người. Ông biết mình chẳng thể làm gì để chọi lại sức mạnh có được nhờ vị trí của Ávila.

Langdon tuyệt vọng liếc qua vai xuống khoảng trống sau lưng mình. Cái đường ống hình tròn rất hẹp - có lẽ đường kính chỉ ngót hai mét - nhưng chắc chắn nó đủ rộng để nuốt trọn cả cái cơ thể rơi thẳng xuống của ông... lại còn chịu va đập vào phần lan can đá trên cả quãng đường rơi xuống nữa.

Cứ rơi này thì sống sao nổi.

Ávila bật lên một tiếng gầm từ yết hầu và chĩnh lại tư thế kẹp Langdon. Trong lúc ấy, Langdon nhận ra chỉ có thể thực hiện một động tác.

Thay vì cố cưỡng lại người này, ông sẽ hỗ trợ hắn.

Khi Ávila nâng ông lên, Langdon hụp xuống, đặt vững hai chân trên cầu thang.

Nhất thời, ông lại là chàng trai hai mươi tuổi ở bể bơi Princeton... trong cuộc thi bơi ngửa... đứng ngấp nghé ở vị trí xuất phát... lưng hướng về mặt nước... hai gối uốn cong... bụng căng lên... chờ đợi tiếng súng xuất phát.

Thời gian là tất cả.

Lần này, Langdon không nghe thấy tiếng súng nào. Ông bật lên từ tư thế lom khom, tung mình vào không khí, lưng uốn một vòng cung trên khoảng trống. Khi ông nhẩy hướng ra ngoài, ông cảm thấy Ávila, đang ở tư thế sẵn sàng chống chịu hơn chín mươi cân trọng lực, bị kéo mất thăng bằng hoàn toàn do lực đảo ngược đột ngột.

Ávila buông tay rất nhanh, nhưng Langdon vẫn cảm thấy ông ta cố níu để lấy lại thăng bằng. Khi Langdon uốn người văng ra, ông cầu mong mình có thể bay đủ xa để vượt qua khoảng trống và chạm tới những bậc thang mé đối diện đường ống, ở phía dưới khoảng hai mét... nhưng rõ ràng, không phải vậy. Ở giữa không trung, khi Langdon theo bản năng bắt đầu co mình lại thành một trái bóng tự vệ, ông va mạnh vào một bề mặt đá dựng đứng.

Mình không làm được.

Mình chết rồi.

Chắc chắn ông đã va phải phần gờ bên trong, Langdon gắng hết sức chống lại cú rơi thẳng xuống khoảng trống.

Nhưng cú rơi kết thúc chỉ trong khoảnh khắc.

Gần như ngay lập tức Langdon rơi huỵch xuống một bề mặt gồ ghề cứng ngắt, đầu bị va mạnh. Lực va chạm gần như khiến ông bất tỉnh, nhưng đúng khoảnh khắc đó ông nhận ra mình đã vượt qua hẳn khoảng trống và va trúng bức tường phía xa của buồng cầu thang, rơi xuống phần thấp hơn của cầu thang xoắn

ốc.

Tìm khẩu súng, Langdon vừa nghĩ vừa căng lên cổ giữ cho mình tỉnh táo và biết rằng Ávila sẽ đè lên mình chỉ trong vài giây.

Nhưng đã quá muộn.

Não ông sụp xuống.

Khi cái màn đen ập tới, thứ cuối cùng Langdon nghe được là một âm thanh kỳ lạ... một chuỗi những tiếng huỳnh huých lặp đi lặp lại phía dưới ông, càng lúc càng xa dần.

Thứ âm thanh đó gợi cho ông nhớ đến tiếng một bọc rác quá khổ lăn lông lốc xuống một cầu trượt rác.

CHƯƠNG 76

Khi chiếc xe của Hoàng tử Julián tiến đến cổng chính El Escorial, chàng nhìn thấy một hàng chướng ngại vật quen thuộc là những chiếc xe SUV màu trắng và biết Valdespino đã nói sự thật.

Cha ta đúng là đang có mặt ở đây.

Căn cứ vào hình ảnh của đoàn tùy tùng này thì toàn bộ đội hình Cận vệ Hoàng gia của Đức vua hiện đều bố trí đến khu tư thất hoàng gia lịch sử này.

Khi thấy tu trẻ cho chiếc Opel cũ kỹ dừng lại, một đặc vụ cầm đèn pin sỏi bước tới bên cửa sổ, rọi đèn vào bên trong, và sửng sờ bật ngược trở lại, rõ ràng không ngờ lại thấy Hoàng tử và Giám mục bên trong chiếc xe rách nát này.

“Hoàng tử!” anh ta kêu lên, bật đứng nghiêm. “Đức Cha! Chúng tôi đang đợi ngài.” Anh ta nhìn chiếc xe tả tơi. “Đội Cận vệ của ngài đâu ạ?”

“Họ cần ở hoàng cung,” Hoàng tử trả lời. “Chúng ta đến đây để gặp cha ta.”

“Dĩ nhiên rồi, dĩ nhiên rồi! Nếu ngài và Giám mục vui lòng rời khỏi xe...”

“Cứ mở đường đi,” Valdespino mắng, “rồi chúng ta sẽ chạy vào trong. Ta chắc Đức vua đang ở bệnh viện tu viện chứ?”

“Vâng,” anh chàng cận vệ nói, vẻ ngập ngừng. “Nhưng tôi e giờ ngài đi rồi.”

Valdespino há hốc miệng, vẻ hãi hùng.

Một cảm giác lạnh buốt siết lấy Julián. Cha ta tạ thế rồi ư?

“Không! Tôi, tôi xin lỗi!” anh chàng đặc vụ lắp bắp, thấy hồi

tiếc vì việc lựa chọn từ ngữ kém cỏi của mình. “Đức vua đã rời đi - ngài rời El Escorial một tiếng trước. Đức vua đem theo đội an ninh chính của mình và họ đã đi rồi.”

Cảm giác thở phào của Julián nhanh chóng chuyển thành bối rối. Rời khỏi bệnh viện ở đây à?

“Thật vô lý,” Valdespino quát. “Đức vua dặn ta đưa Hoàng tử Julián tới đây ngay mà!”

“Vâng, chúng tôi có lệnh đặc biệt, thưa Đức Cha, và nếu các ngài vui lòng, xin hãy rời xe để chúng tôi có thể chuyển cả hai ngài sang một phương tiện của Cận vệ.”

Valdespino và Julián đưa mắt nhìn nhau bối rối và ngoan ngoãn ra khỏi xe. Anh chàng đặc vụ thông báo với thầy tu trẻ rằng không còn cần đến sự phục vụ của anh ta nữa và anh ta nên trở về hoàng cung. Anh chàng trẻ tuổi đầy vẻ sợ hãi phóng vọt vào đêm tối không nói một lời, rõ ràng thở phào được kết thúc vai trò của mình trong những sự kiện kỳ quặc tối nay.

Khi các đặc vụ hướng dẫn Hoàng tử và Valdespino chui vào phía sau một chiếc SUV, Giám mục càng lúc càng thấy bồn chồn.

“Hoàng thượng ở đâu?” ông thắc mắc. “Các anh đưa bọn ta đi đâu?”

“Chúng tôi theo lệnh trực tiếp từ Hoàng thượng,” anh chàng đặc vụ nói. “Ngài yêu cầu chúng tôi bố trí một chiếc xe, một lái xe và đưa bức thư này cho ngài.” Anh chàng đặc vụ đưa ra một phong bì dán kín và trao nó cho Hoàng tử Julián qua cửa sổ.

Một bức thư từ cha ta ư? Hoàng tử thấy bối rối trước sự trịnh trọng này, đặc biệt khi chàng nhận thấy phong bì còn mang cả dấu sáp của hoàng gia. Ông ấy đang làm gì vậy? Chàng cảm thấy càng lúc càng lo lắng rằng mọi năng lực của vua cha có thể đang

sa sút.

Đây sốt ruột, Julián bẻ đầu niêm phong, mở phong bì và moi một mảnh giấy thông báo viết tay ra. Nét bút của cha chàng không như thường lệ nhưng vẫn nhìn được. Khi Julián bắt đầu đọc lá thư, chàng cảm thấy sự hoang mang của mình cứ tăng lên qua mỗi từ ngữ.

Lúc đọc xong, chàng nhét mảnh giấy vào phong bì và nhắm mắt lại, cân nhắc những lựa chọn của mình. Chỉ còn một lựa chọn mà thôi, dĩ nhiên là vậy.

“Cho xe lên phía Bắc nào,” Julián bảo lái xe.

Khi chiếc xe lăn bánh rời khỏi El Escorial, Hoàng tử cảm nhận được Valdespino đang dăm dăm nhìn mình. “Cha điện hạ nói gì?” Giám mục gắng hỏi. “Điện hạ đưa tôi đi đâu?!”

Julian thở hắt ra và quay sang người bạn tin cẩn của cha mình. “Chính cha nói lúc trước rồi đấy.” Chàng mỉm cười buồn bã với vị Giám mục già cả. “Cha ta vẫn là vua. Chúng ta yêu kính ông ấy và chúng ta làm như ông ấy ra lệnh.”

“Robert...?” một giọng nói thì thào.

Langdon cố gắng đáp lại, nhưng đầu ông nện thành thịch.

“Anh Robert...?”

Một bàn tay mềm mại chạm vào mặt ông, và Langdon chậm chậm mở mắt ra. Nhất thời mắt phương hướng, ông nghĩ mình đang mơ. Một thiên thần mặc đồ trắng đang bay lượn phía trên mình.

Khi Langdon nhận ra gương mặt nàng, ông cố nở một nụ cười yếu ớt.

“Ơn Chúa,” Ambra nói, thở phào. “Bọn tôi nghe thấy tiếng súng.” Nàng phục bên cạnh ông. “Cứ nằm yên đi.”

Khi nhận thức của Langdon phục hồi, ông cảm thấy một nỗi sợ hãi đột ngột trào lên. “Cái gã tấn công...”

“Gã xong rồi,” Ambra thì thào, giọng nàng rất bình thản. “Anh an toàn rồi.” Nàng ra hiệu về phía mép đường ống. “Gã bị ngã. Tít xuống bên dưới.”

Langdon căng người lĩnh hội cái tin này. Tất cả từ từ trở lại. Ông cố xua tan cái màn sương trong đầu óc mình và kiểm tra các vết thương, sự chú ý của ông chuyển tới cảm giác giật nhom nhóp bên hông trái và đau buốt trong đầu. May thay, chẳng có gì bị gãy cả. Tiếng bộ đàm cảnh sát vọng lên từ dưới cầu thang.

“Tôi vừa... bao lâu...”

“Vài phút,” Ambra nói. “Anh tỉnh tỉnh mê mê. Chúng ta cần đưa anh đi kiểm tra.”

Rất cẩn thận, Langdon nhắc người ngồi dậy, dựa vào tường cầu thang. “Chính là gã sĩ quan... hải quân,” ông nói. “Là cái

gã...”

“Tôi biết,” Ambra gật đầu nói. “Kẻ đã sát hại Edmond. Cảnh sát vừa xác minh danh tính gã. Họ đang ở dưới chân cầu thang cùng với cái xác, và họ muốn lời khai từ anh, nhưng Đức cha Beña bảo họ không ai được lên đây trước khi đội y tế tới, giờ họ sẽ tới đây bất kỳ lúc nào.”

Langdon gật gù, đầu vẫn nện thành thịch.

“Có lẽ họ sẽ đưa anh tới bệnh viện,” Ambra bảo ông, “nghĩa là anh và tôi cần nói chuyện ngay bây giờ... trước khi họ đến.”

“Nói... về việc gì?”

Ambra nhìn Langdon, vẻ lo lắng. Nàng ghé xuống sát tai ông và thì thào, “Robert, anh không nhớ à? Chúng ta đã tìm được rồi... cái mật khẩu của Edmond: ‘Mọi tôn giáo u tối tiêu vong và khoa học lành mạnh thống trị’.”

Mấy lời của nàng xuyên qua màn sương như một mũi tên, và Langdon bật thẳng dậy, tâm trí u tối của ông vụt sáng láng.

“Anh đã đưa chúng ta đến đích này rồi,” Ambra nói. “Tôi có thể làm nốt phần còn lại. Anh nói anh biết cách tìm ra Winston. Địa điểm phòng máy tính của Edmond? Cứ cho tôi biết nơi cần đến, và tôi sẽ làm phần còn lại.”

Ký ức của Langdon giờ ào ạt quay trở lại. “Tôi biết rất rõ.” Ít nhất mình nghĩ mình có thể đoán ra.

“Nói tôi nghe.”

“Chúng ta cần vượt qua thành phố.”

“Đi đâu?”

“Tôi không biết địa chỉ,” Langdon nói, giờ loạng choạng đứng lên. “Nhưng tôi có thể đưa cô...”

“Ngồi xuống đi, Robert, xin anh!” Ambra nói.

“Phải, cứ ngồi xuống,” một giọng đàn ông vang lên, ông hiện

ra trên những bậc thang bên dưới họ. Đó là Đức cha Beña, đang lê bước trên cầu thang, thở không ra hơi. “Nhân viên cấp cứu y tế đến đây rồi.”

“Con rất ổn,” Langdon nói dối, cảm thấy choáng váng khi dựa người vào tường. “Ambra và con cần đi bây giờ.”

“Các con sẽ không đi xa được đâu,” Đức cha Beña nói, chậm chậm leo lên. “Cảnh sát đang đợi. Họ muốn có lời khai. Thêm nữa, nhà thờ bị truyền thông bao vây rồi. Ai đó đã tiết lộ cho báo chí các con ở đây.” Vị tu sĩ đến bên cạnh họ và mỉm cười mỗi một với Langdon. “Nhân tiện, cô Vidal và ta rất mừng thấy con không sao. Con đã cứu mạng chúng ta.”

Langdon cười. “Con thì lại rất chắc là cha đã cứu bọn con.”

“Chắc, dù thế nào thì ta cũng chỉ muốn con biết rằng các con sẽ không thể rời khỏi giếng cầu thang này mà không đụng với cảnh sát đâu.”

Langdon cẩn thận đặt tay lên lan can đá và ngó ra, chăm chú nhìn xuống. Cảnh tượng khủng khiếp trên mặt đất dường như rất xa xăm... thân thể rúm ró của Ávila được soi sáng bằng vài quầng đèn pin trên tay các sĩ quan cảnh sát.

Khi Langdon ngó xuống cái đường ống xoắn ốc, lại một lần nữa ông nhận thấy cái thiết kế hình ốc anh vũ rất tinh tế của Gaudí, ông vụt nhớ đến website của bảo tàng Gaudí dưới tầng hầm nhà thờ này. Cái địa chỉ trực tuyến này, mà Langdon có ghé xem không lâu trước đó, nổi bật với cả loạt mô hình theo tỉ lệ rất ấn tượng của Sagrada Família - được thể hiện chính xác bằng các chương trình CAD và máy in 3-D cỡ lớn - mô tả quá trình tiến triển kéo dài của công trình, từ khi đặt móng cho tới lúc hoàn thành sắp tới của nhà thờ, ít nhất vẫn còn một thập kỷ nữa.

Chúng ta từ đâu đến? Langdon nghĩ. Chúng ta đang đi về đâu?

Một ký ức vụt đến với ông - một trong các mô hình ngoại thất của nhà thờ. Hình ảnh ấy đọng lại trong trí nhớ thị giác của ông. Đó là một nguyên mẫu mô tả hiện trạng xây dựng nhà thờ và được đặt tiêu đề “Sagrada Família hôm nay”.

Nếu mô hình đó được cập nhật thì có thể có một lối ra.

Langdon đột ngột quay sang Beña. “Thưa cha, cha làm ơn nói lại một lời nhắn từ con tới một người bên ngoài được không?”

Vị tu sĩ tỏ ra bối rối.

Khi Langdon giải thích kế hoạch của mình nhằm ra khỏi tòa nhà, Ambra lắc đầu. “Robert, không được đâu. Trên đó làm gì có chỗ nào cho...”

“Thực tế,” Đức cha Beña xen vào, “có đấy. Nó sẽ không ở đó mãi, nhưng thời điểm này thì Langdon nói đúng. Những gì anh ấy đề xuất là có thể.”

Ambra tỏ ra ngạc nhiên. “Nhưng Robert... kể cả nếu chúng ta thoát ra được mà không ai thấy thì anh có chắc rằng anh không cần tới bệnh viện không?”

Langdon không chắc chắn lắm vào thời điểm này. “Tôi có thể tới sau nếu tôi thấy cần,” ông nói. “Ngay lúc này, chúng ta còn nợ Edmond chuyện kết thúc những gì chúng ta đến đây để thực hiện.” Ông quay sang Beña, nhìn thẳng vào mắt ông ấy. “Con cần rất thành thực với cha, thưa Đức cha, về lý do chúng con đến đây. Cha biết đấy, Edmond Kirsch bị giết tối nay để ngăn anh ấy công bố một phát kiến khoa học.”

“Phải,” vị tu sĩ nói, “và qua giọng điệu giới thiệu của Kirsch, có vẻ anh ta tin phát hiện này sẽ hủy hoại nặng nề các tôn giáo trên thế giới.”

“Chính xác, đó là lý do con cảm thấy cha nên biết rằng cô

Vidal và con đến Barcelona tối nay nhằm cố gắng công bố phát hiện của Edmond Kirsch. Chúng con đã có thể làm được điều đó. Nghĩa là...” Langdon ngừng lại. “Khi đề nghị sự giúp đỡ của cha ngay lúc này, về cơ bản con nhờ cha giúp loan đi khắp thế giới những lời của một người vô thần.”

Đức cha Beña đưa tay đặt lên vai Langdon. “Giáo sư,” ông bật cười nói, “Edmond Kirsch đâu phải người vô thần đầu tiên trong lịch sử tuyên bố rằng ‘Chúa đã chết’, cũng đâu phải là người cuối cùng. Cho dù anh Kirsch đã phát hiện ra điều gì thì chắc chắn nó sẽ được tranh luận về mọi phương diện. Ngay từ buổi đầu, tri thức nhân loại đã luôn tiến hóa, và ta không có vai trò ngăn trở sự phát triển đó. Tuy nhiên, từ quan điểm của ta, chẳng bao giờ có một sự tiến bộ về tri thức nào lại không bao gồm Chúa.”

Nói xong, Đức cha Beña mỉm cười trấn an cả hai và đi xuống cầu thang.

Bên ngoài, đợi trong buồng lái chiếc trực thăng EC145 vẫn đồ nguyên, phi công càng lúc càng lo lắng nhìn đám đông bên ngoài hàng rào an ninh của Sagrada Família liên tục tăng lên. Anh không nghe tin gì từ hai đặc vụ Cận vệ bên trong và định dùng bộ đàm gọi thì một người đàn ông nhỏ thó trong bộ áo choàng đen xuất hiện từ trong vương cung thánh đường và tiến lại chiếc trực thăng.

Người đàn ông tự giới thiệu là Đức cha Beña và nhắc lại một lời nhắn chần động từ bên trong chuyển ra: cả hai đặc vụ Cận vệ đã bị giết, và hoàng hậu tương lai cùng Robert Langdon cần di tản ngay lập tức. Cứ như thể chuyện này vẫn chưa đủ gây thảng thốt, vị tu sĩ còn nói với viên phi công chính xác nơi anh

sẽ đón hành khách của mình.

Không thể được, phi công nghĩ bụng.

Thế nhưng lúc này, khi anh vọt lên phía trên những ngọn tháp của Sagrada Família, anh nhận ra rằng tu sĩ nói đúng. Ngọn tháp lớn nhất của nhà thờ - một tháp trung tâm bằng đá nguyên khối - vẫn chưa được xây dựng. Bệ móng của tháp là một bề mặt hình tròn bằng phẳng, nép sâu giữa cụm tháp, như một khoảng trống giữa một cánh rừng tùng bách.

Phi công định vị chiếc trực thăng tí cao phía trên bệ móng, và cẩn thận hạ thấp trực thăng xuống giữa các ngọn tháp. Khi chạm đất, anh nhìn thấy hai bóng người từ một cầu thang xuất hiện - Ambra Vidal đang đỡ Robert Langdon bị thương.

Viên phi công nhảy ra và giúp cả hai vào trong.

Khi anh thất đai an toàn cho họ, hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha gật đầu mệt mỏi với anh.

“Cảm ơn anh rất nhiều,” nàng thì thào. “Anh Langdon sẽ cho anh biết nơi cần tới.”

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

GIÁO HỘI PALMARIA

ĐÃ GIẾT MẸ EDMOND KIRSCH?!

Người đưa tin monte@iglesia.org của chúng tôi đã tiếp nhận được một tiết lộ bom tấn nữa! Theo tài liệu độc quyền được ConspiracyNet xác minh, Edmond Kirsch đã nhiều năm tìm cách kiện Giáo hội Palmaria vì "tẩy não, điều khiển tâm lý, và hành xác" được cho là do cái chết của Paloma Kirsch - mẹ đẻ của Edmond - hơn ba thập kỷ trước.

Paloma Kirsch được cho là một thành viên tích cực của Giáo hội Palmaria, người đã cố thoát ra nhưng bị làm nhục và ngược đãi về tâm lý bởi các bề trên, và đã tự treo cổ trong một phòng ngủ tu viện nữ.

“Đích thân nhà vua,” Tư lệnh Garza thốt lên lần nữa, giọng ông vang khắp kho vũ khí của cung điện. “Tôi vẫn không thể hình dung được rằng lệnh bắt giữ tôi lại đến từ chính Đức vua. Sau tất cả từng ấy năm tôi phục vụ.”

Mónica Martín đặt một ngón tay giữ im lặng lên môi và liếc mắt qua những bộ giáp về phía lối vào để bảo đảm những người lính canh không nghe thấy. “Tôi đã nói với ngài, Giám mục Valdespino rất được Hoàng thượng tin dùng, và đã thuyết phục Hoàng thượng rằng những cáo buộc tối nay chống lại ông ta là hành động của ngài, và rằng bằng cách nào đó ngài đang mưu hại ông ta.”

Ta trở thành con cừu tể thần của Đức vua, Garza nhận ra như vậy, luôn thấy ngờ rằng nếu Đức vua buộc phải chọn giữa tư lệnh Cận vệ Hoàng gia là mình hoặc Valdespino, ông ấy sẽ chọn Valdespino; hai người là bạn chí cốt, và những mối liên hệ tinh thần luôn lấn át những mối liên hệ công việc.

Cho dù vậy, Garza vẫn không thể không cảm thấy rằng có gì đó trong lời giải thích của Mónica không hoàn toàn hợp lý. “Câu chuyện bắt cóc,” ông nói. “Cô nói với tôi rằng đó là lệnh từ Đức vua phải không?”

“Vâng, Hoàng thượng gọi trực tiếp cho tôi. Hoàng thượng hạ lệnh cho tôi công bố rằng Ambra Vidal bị bắt cóc. Hoàng thượng dựng lên câu chuyện bắt cóc nhằm cứu vãn danh dự cho hoàng hậu tương lai - để làm dịu bớt thực tế là cô ấy bỏ đi cùng một người đàn ông khác.” Martín nhìn Garza vẻ khó chịu. “Tại sao ngài lại chắt vắn tôi chuyện này chứ? Nhất là giờ ngài biết

Hoàng thượng đã gọi cho Đặc vụ Fonseca cũng với câu chuyện bắt cóc y hệt chứ?”

“Tôi không tin nổi Hoàng thượng lại mạo hiểm một cách rất sai lầm khi cáo buộc một công dân Mỹ có tiếng tăm về tội bắt cóc,” Garza phản bác. “Hắn là ông ấy...”

“Điên rồi?” cô ấy ngắt lời.

Garza im lặng trăn trăn nhìn.

“Tư lệnh,” Martín khấn khoản, “xin nhớ rằng Hoàng thượng rất yếu. Có lẽ đây chỉ là một trường hợp đánh giá sai lầm chẳng?”

“Hay là một khoảnh khắc vụt sáng,” Garza nêu ý kiến. “Khinh suất hay không thì hoàng hậu tương lai hiện vẫn an toàn và đã có tung tích, trong tay của lực lượng Cận vệ.”

“Chính xác.” Martín nhìn ông vẻ cẩn trọng. “Vậy điều gì khiến ngài bức bối chứ?”

“Valdespino,” Garza nói. “Tôi thừa nhận tôi không thích ông ta, nhưng linh cảm mách tôi ông ta không thể đứng sau vụ sát hại Kirsch, hay bất kỳ diễn biến nào còn lại.”

“Sao lại không chứ?” Giọng cô gay gắt. “Bởi vì ông ấy là một tu sĩ ư? Tôi hoàn toàn tin chắc Tòa án dị giáo của chúng ta đã dạy chúng ta vài điều về việc Giáo hội sẵn sàng bào chữa cho những biện pháp quyết liệt. Theo ý kiến của tôi, Valdespino luôn tự cho mình là đúng, tàn nhẫn, cơ hội chủ nghĩa và cực kỳ giấu giếm. Tôi bỏ sót gì chẳng?”

“Đúng vậy,” Garza gắt, giật mình vì thấy mình đang bên vực Giám mục. “Valdespino đúng là tất cả những gì cô nói về ông ta, nhưng ông ta cũng là người coi trọng truyền thống và phẩm giá trên hết. Đức vua - vốn gần như không tin tưởng ai cả - đã rất tin Giám mục suốt nhiều thập kỷ nay. Tôi thấy rất khó

tin rằng người được Đức vua tin cẩn lại phạm vào hành động dối trá mà chúng ta đang nói đến.”

Martín thở dài và rút điện thoại di động của mình ra. “Tư lệnh, tôi phải phá bỏ niềm tin của ngài vào Giám mục, nhưng tôi cần ngài xem thứ này. Suresh đã cho tôi xem.” Cô bấm vài nút và đưa điện thoại của mình cho Garza.

Màn hình hiển thị một tin nhắn văn bản dài.

“Đây là ảnh chụp màn hình một tin nhắn văn bản Giám mục Valdespino nhận được tối nay,” cô thì thào. “Xin hãy đọc đi. Tôi bảo đảm nó sẽ thay đổi suy nghĩ của ngài.”

CHƯƠNG 80

Bất chấp cơn đau đang lan khắp cơ thể mình, Robert Langdon vẫn cảm thấy hưng phấn một cách kỳ lạ, gần như phấn khích, khi chiếc trực thăng âm âm bốc lên khỏi mái Sagrada Família.

Mình vẫn sống.

Ông cảm nhận được lượng adrenaline tăng lên trong máu mình, như thể tất cả những sự kiện trong một tiếng qua giờ cùng lúc ập đến ông. Cố gắng thở chậm hết mức, Langdon hướng sự chú ý của mình ra ngoài, về phía cái thế giới bên ngoài cửa sổ trực thăng.

Khắp xung quanh ông, những ngọn tháp nhà thờ đồ sộ vươn lên trời, nhưng khi trực thăng bốc lên cao, nhà thờ tụt thấp xuống, nhòa vào cái mạng lưới đường phố sáng đèn. Langdon đắm đắm nhìn xuống những khối nhà của thành phố, không hẳn là những hình vuông và chữ nhật thường lệ mà đúng hơn là những hình bát giác mềm mại.

L'Eixample, Langdon nghĩ. Vùng mở rộng.

Ildefons Cerdà, kiến trúc sư có tầm nhìn xa trông rộng của thành phố; đã mở rộng tất cả các giao lộ tại quận này bằng cách dỡ bỏ các góc của những khối nhà vuông vức để tạo thành các trung tâm mua sắm nhỏ, với tầm nhìn tốt hơn, khí lưu tăng lên, và thừa không gian cho các quán cà phê ngoài trời.

“¿Adónde vamos?” viên phi công hét lớn qua vai.

Langdon chỉ hai khối nhà phía Nam, nơi một trong những đại lộ rộng nhất, sáng nhất và được đặt tên phù hợp nhất của thành phố cắt chéo qua Barcelona.

“Avinguda Diagonal,” Langdon hét to. “Al oeste.” Phía Tây.

Không thể bị bỏ qua trên bất kỳ tấm bản đồ Barcelona nào Avinguda Diagonal cắt qua toàn bộ chiều rộng của thành phố; từ tòa cao ốc bên bờ biển siêu hiện đại Diagonal ZeroZero tới những khu vườn hoa hồng cổ kính của Công viên Cervantes - một món quà rộng mười mẫu được tặng cho nhà tiểu thuyết nổi tiếng nhất của Tây Ban Nha, tác giả của Don Quixote.

Viên phi công gật đầu xác nhận và cho máy bay liệng về phía Tây, bám theo đại lộ chạy xiên hướng Tây tới vùng núi. “Địa chỉ?” viên phi công hỏi vọng lại. “Tọa độ?”

Mình không biết địa chỉ, Langdon nhận ra như vậy. “Cứ bay tới sân bóng đá.”

“Bóng đá ư?” Anh ta dường như ngạc nhiên. “FC Barcelona à?”

Langdon gật đầu, tin chắc rằng viên phi công biết chính xác cách tìm địa chỉ của câu lạc bộ bóng đá Barcelona lừng danh, tọa lạc tại địa điểm cách vài kilomet nữa trên trục Avinguda Diagonal.

Viên phi công mở van tiết lưu, giờ bám theo đại lộ với tốc độ tối đa.

“Anh Robert?” Ambra hỏi khẽ. “Anh không sao chứ?” Nàng chăm chú nhìn ông như thể có lẽ vết thương ở đầu ông làm cho phán đoán của ông suy giảm. “Anh nói anh biết tìm Winston ở đâu mà.”

“Tôi biết,” Ông trả lời. “Đó là nơi tôi đưa chúng ta tới.”

“Một sân bóng đá ư? Anh nghĩ Edmond tạo ra một siêu máy tính ở một sân bóng à?”

Langdon lắc đầu. “Không, sân bóng chỉ là một địa điểm dễ cho phi công định vị thôi. Tôi quan tâm đến tòa nhà ngay bên cạnh sân bóng - Khách sạn Princesa Sofia cơ.”

Ambra tỏ ra bối rối. “Robert, tôi không chắc anh có tỉnh táo không. Làm gì có chuyện Edmond tạo dựng Winston bên trong một khách sạn sang trọng. Tôi nghĩ chúng ta nên đưa anh tới một bệnh xá.”

“Tôi ổn mà, Ambra. Tin tôi đi.”

“Vậy thì chúng ta đang đi về đâu đây?”

“Chúng ta đi về đâu à?” Langdon xoa xoa cằm vẻ bông đùa. “Tôi tin đó là một trong những câu hỏi quan trọng Edmond hứa trả lời tôi nay.”

Nét mặt Ambra nửa ngạc nhiên nửa bức bối.

“Tôi xin lỗi,” Langdon nói. “Để tôi giải thích nhé. Hai năm trước, tôi ăn trưa với Edmond tại câu lạc bộ tư trên tầng mười tám của Khách sạn Princesa Sofia.”

“Và Edmond mang một siêu máy tính tới bữa trưa à?” Ambra phì cười gợi ý.

Langdon mỉm cười. “Không hẳn. Edmond đi bộ đến ăn trưa, kể với tôi cậu ấy ăn tại câu lạc bộ đó gần như hằng ngày vì khách sạn rất tiện - chỉ cách phòng máy tính của cậu ấy vài khối nhà. Cậu ấy còn tâm sự với tôi rằng cậu ấy đang tiến hành một dự án trí thông minh nhân tạo tiên tiến và cực kỳ phấn khích về tiềm năng của nó.”

Ambra trông đột nhiên phấn khởi hẳn. “Chắc chắn đó là Winston!”

“Tôi cũng nghĩ đúng như vậy.”

“Và vậy là Edmond đưa anh tới phòng thí nghiệm của anh ấy!”

“Không.”

“Anh ấy nói với anh nó ở đâu à?”

“Rất tiếc, cậu ấy giữ bí mật chuyện đó.”

Vẻ lo lắng vụt trở lại trong mắt Ambra.

“Tuy nhiên,” Langdon nói, “Winston đã bí mật nói cho tôi biết chính xác nó nằm ở đâu.”

Giờ trông Ambra rất bối rối. “Không thể có chuyện đó.”

“Tôi cam đoan với cô đúng như vậy,” Langdon mỉm cười nói. “Thực tế anh ấy đã nói với cả thế giới rồi.”

Ambra còn chưa yêu cầu giải thích thì phi công đã thông báo, “¡Ahí está el estadio!” Anh chỉ tới sân vận động khổng lồ của Barcelona phía xa.

Nhanh thật, Langdon nghĩ, đưa mắt nhìn ra ngoài và quét một đường từ sân vận động tới Khách sạn Princesa Sofía gần đó - một tòa cao ốc nhìn xuống một quảng trường rộng trên Avinguda Diagonal. Langdon bảo viên phi công bay qua sân bóng và đưa họ bay lên cao phía trên khách sạn.

Vài giây sau, viên phi công đã bay lên cao vài chục mét và lơ lửng phía trên khách sạn nơi Langdon và Edmond tới ăn trưa hai năm trước. *Cậu ấy bảo mình phòng máy tính của cậu ấy chỉ cách đây hai khối nhà.*

Từ góc nhìn trên cao này, Langdon bao quát toàn bộ khu vực quanh khách sạn. Đường phố ở khu này không thẳng như ở xung quanh Sagrada Família và các khối phố tạo thành đủ loại hình thù thuôn và không đều nhau.

Nó phải ở đây.

Càng lúc càng không chắc chắn, Langdon lục tìm các khối nhà ở mọi hướng, cố gắng định vị cái hình dạng độc đáo mà ông có thể hình dung trong trí nhớ của mình. Nó đâu rồi?

Mãi cho tới khi ông đưa mắt lên phía Bắc, cắt qua vòng tròn giao thông ở Cung điện Pius XII, thì Langdon mới cảm thấy có hy vọng. “Đằng kia!” ông gọi phi công. “Làm ơn bay tới khu vực

có cây cối kia!”

Viên phi công chao nghiêng mũi trực thăng và di chuyển chéo một khối nhà về phía Tây Bắc, và giờ bay lơ lửng bên trên khoảng cây cối nơi Langdon đã chỉ. Chỗ cây cối này thực tế là một phần của một khu đất rất rộng có tường bao.

“Anh Robert,” Ambra hét to, giờ nghe rất chán nản. “Anh đang làm gì vậy? Đây là Cung điện Pedralbes! Làm gì có chuyện Edmond tạo ra Winston bên trong...”

“Không phải ở đây! Đằng kia cơ!” Langdon chỉ quá qua tòa cung điện về phía khối nhà ngay sau đó.

Ambra nhੌm tới trước, chăm chú nhìn xuống cái nguồn cơn cho sự phấn khích của Langdon. Khối nhà đằng sau cung điện được hình thành nhờ bốn đường phố sáng đèn, phần cắt tạo ra một ô vuông chạy theo hướng Bắc-Nam như một viên kim cương. Tì vết duy nhất của viên kim cương là biên giới góc dưới bên phải của nó uốn cong một cách vụng về - lệch lạc do một đường nhấp nhô - tạo thành đường chu vi cong queo.

“Cô có nhận ra cái đường chạy rắng cửa kia không?” Langdon hỏi, tay chỉ vào cái trục lệch lạc của viên kim cương - một đường phố sáng đèn vạch rõ trên nền tối đen của quần thể cung điện cây cối um tùm. “Cô nhìn thấy đường phố có chỗ vấp nho nhỏ trên đó chứ?”

Ngay lập tức, sự bực tức của Ambra dường như tan biến, và nàng nghiêng đầu để nhìn xuống chăm chú hơn. “Thực tế, cái đường đó rất quen. Sao tôi lại biết nhỉ?”

“Cứ nhìn toàn bộ khối nhà xem,” Langdon giục. “Một hình kim cương với một đường riềm lạ lùng ở góc dưới bên phải.” Ông chờ đợi, cảm thấy Ambra sẽ sớm nhận ra. “Cứ nhìn hai cái công viên nhỏ trong khối nhà này xem.” Ông chỉ vào một công

viên hình tròn ở chính giữa và một công viên hình bán nguyệt bên phải.

“Tôi cảm thấy hình như mình biết nơi này,” Ambra nói, “nhưng tôi không tài nào...”

“Hãy nghĩ về nghệ thuật,” Langdon nói. “Nghĩ về bộ sưu tập của cô ở Guggenheim. Nghĩ về...”

“Winston!” cô hét lên, và quay về phía ông vẻ không tin nổi. “Hình dáng của khối nhà này - nó chính là hình dạng chân dung tự họa của Winston ở Guggenheim!”

Langdon mỉm cười với cô. “Đúng như vậy.”

Ambra lần trở lại cửa sổ và chăm chú nhìn khối nhà hình viên kim cương. Langdon cũng đắm đắm nhìn xuống, mừng tượng ra bức chân dung tự họa của Winston - bức vẽ có hình thù kỳ dị đã khiến ông bối rối kể từ lúc Winston chỉ cho ông xem đầu giờ tối nay - một tặng vật vụng về tôn vinh sự nghiệp của Miró.

Edmond đề nghị tôi tạo ra một bức chân dung tự họa, Winston đã nói vậy, và đây là những gì tôi nghĩ ra. □

Langdon đã quyết định rằng cái hình nhân cầu nổi bật gần trung tâm của tác phẩm - yếu tố chính cho sự nghiệp của Miró - gần như chắc chắn chỉ rõ chính xác vị trí nơi Winston hiện diện, cái nơi trên hành tinh này mà từ đó Winston nhìn thế giới.

Ambra rời mắt khỏi cửa sổ, trông vừa hứng khởi vừa sửng sốt. “Bức chân dung tự họa của Winston không phải là một tác phẩm của Miró. Đó là một bản đồ!”

“Chính xác,” Langdon nói. “Bởi lẽ Winston không có thân thể và hình hài thể chất nên dễ hiểu là chân dung tự họa của anh ta sẽ có liên quan đến vị trí của anh ta hơn là hình dạng thể chất.”

“Nhãn cầu,” Ambra nói. “Đó là một bản sao của Miró. Nhưng chỉ có một con mắt, cho nên có lẽ đó là thứ đánh dấu vị trí của Winston chăng?”

“Tôi cũng đang nghĩ tương tự.” Langdon ngoảnh sang phi công và bảo anh cho trực thăng hạ xuống một lúc tại một trong hai công viên nhỏ trong khối nhà của Winston. Viên phi công bắt đầu hạ độ cao.

“Chúa ơi,” Ambra thốt lên, “Tôi nghĩ tôi biết tại sao Winston chọn bắt chước phong cách Miró rồi!”

“Thế ư?”

“Cung điện chúng ta vừa bay qua phía trên chính là Cung Pedralbes.”

“¿Pedralbes?” Langdon hỏi. “Đó chẳng phải là tên của...”

“Vâng! Một trong những bức phác thảo nổi tiếng nhất của Miró. Winston có lẽ đã nghiên cứu khu vực này và tìm thấy một mối liên hệ địa phương với Miró!”

Langdon phải thừa nhận, sự sáng tạo của Winston thật đáng kinh ngạc và ông cảm thấy phần khởi một cách lạ lùng trước triển vọng kết nối lại được với trí thông minh nhân tạo của Edmond. Khi trực thăng hạ thấp xuống, Langdon nhìn cái bóng đen thẫm của một tòa nhà lớn tọa lạc ở đúng cái vị trí nơi Winston vẽ con mắt.

“Nhìn kìa...” Ambra chỉ tay. “Đó phải là nó.”

Langdon căng mắt để nhìn tòa nhà bị những thân cây lớn che khuất cho rõ hơn. Thậm chí từ trên không trung, trông nó đã thật ghê gớm.

“Tôi không nhìn thấy ánh đèn,” Ambra nói. “Anh có nghĩ chúng ta vào được trong không?”

“Chắc có người ở đó,” Langdon nói. “Edmond chắc phải có

sẵn nhân viên, đặc biệt vào tối nay. Khi họ nhận ra chúng ta có mặt khẩu của Edmond... tôi nghĩ họ sẽ tranh nhau giúp ta kích hoạt bài thuyết trình.”

Mười lăm giây sau, chiếc trực thăng chạm xuống một công viên hình bán nguyệt rộng rãi ở rìa phía Đông khối nhà của Winston. Langdon và Ambra nhảy ra, và chiếc trực thăng bốc lên cao ngay lập tức, lao về phía sân bóng, nơi nó sẽ đợi thêm chỉ dẫn.

Khi hai người vội vã băng qua công viên tối om về phía trung tâm khu nhà, họ vượt qua một đường phố nội bộ nhỏ, Passeig dels Tillers, và di chuyển vào một khu vực trồng cây rất dày. Đằng trước, bị cây cối che lấp, họ nhìn thấy bóng dáng một tòa nhà đồ sộ và rộng lớn.

“Không có ánh đèn,” Ambra thì thào.

“Và có hàng rào,” Langdon nói, cau mày khi họ đến một hàng rào an ninh bằng sắt rèn cao ba mét bao quanh toàn bộ quần thể. Ông nhìn qua các chấn song, không thể nhìn được gì nhiều của tòa nhà bên trong khuôn viên như rừng này. Ông cảm thấy bối rối khi không hề thấy ánh đèn.

“Đằng kia,” Ambra nói, chỉ xuôi theo hàng rào khoảng hai mươi mét. “Tôi nghĩ có một cánh cổng.”

Họ hồi hải men theo hàng rào và thấy một khuôn cửa quay rất đường bệ, đã được khóa chặt. Có một hộp thoại điện tử, và Langdon còn chưa kịp cân nhắc các lựa chọn của họ thì Ambra đã bấm nút gọi.

Đường dây đổ chuông hai lần và kết nối.

Im lặng.

“Xin chào?” Ambra nói. “Xin chào?”

Không có giọng nói nào vọng qua loa - chỉ có tiếng u u rất

đáng ngại của một đường dây đã thông máy.

“Tôi không biết các vị có nghe được tôi nói không,” nàng nói, “nhưng đây là Ambra Vidal và Robert Langdon. Chúng tôi là bạn bè tin cẩn của Edmond Kirsch. Chúng tôi ở bên anh ấy tối nay lúc anh ấy bị giết. Chúng tôi có thông tin cực kỳ hữu ích cho Edmond, cho Winston, và tôi tin là cho tất cả các vị.”

Có một tiếng xạch.

Langdon lập tức đặt tay lên khuôn cửa quay, lúc này chuyển động dễ dàng.

Ông thở phào. “Tôi đã nói với cô là có người ở nhà mà.”

Hai người hồi hải đẩy qua khuôn cửa quay an ninh và đi qua chỗ cây cối về phía tòa nhà tối đen. Khi họ tới gần hơn, đường nét của phần mái bắt đầu định hình trên nền trời. Một cái bóng bất ngờ hiện rõ - một biểu tượng cao tới hơn bốn mét rưỡi dựng trên đỉnh mái.

Ambra và Langdon dừng sửng lại.

Thế này không đúng, Langdon nghĩ, trên trời nhìn cái biểu tượng không lẫn vào đâu được phía trên họ. Phòng máy tính của Edmond lại có một tháp tự khổng lồ trên nóc sao?

Langdon bước thêm vài bước và thoát ra khỏi đám cây cối. Khi làm vậy, toàn bộ mặt tiền của tòa nhà hiện ra, và đó là một cảnh tượng đáng ngạc nhiên - một nhà thờ Gothic cổ kính với một ô cửa sổ hoa hồng rất lớn, hai tháp chuông đá và một khuôn cửa duyên dáng được trang trí những hình đắp nổi các vị thánh của Công giáo và Đức mẹ Đồng trinh Mary.

Ambra đầy vẻ kinh hãi. “Anh Robert, tôi nghĩ chúng ta vừa đột nhập vào khuôn viên của một nhà thờ Công giáo. Chúng ta đến nhầm chỗ rồi.”

Langdon nhận ra một tấm biển đằng trước nhà thờ và bắt

đầu cười. “Không, tôi nghĩ chúng ta ở đúng chỗ rồi.”

Cái cơ sở này từng xuất hiện trên thời sự vài năm trước, nhưng Langdon không hề nhận ra nó lại ở Barcelona. Một phòng thí nghiệm công nghệ cao được xây dựng bên trong một nhà thờ Công giáo bỏ đi. Langdon phải thừa nhận nó dường như là điện thờ tối thượng cho một nhân vật vô thần bất kính khi xây dựng một chiếc máy tính vô thần. Khi ngược nhìn lên tòa nhà thờ giờ đã không còn hoạt động, ông cảm thấy ớn lạnh vào giây phút nhận ra sự tiên liệu khi Edmond lựa chọn mặt khẩu của anh.

Mọi tôn giáo u tối tiêu vong & khoa học lành mạnh thống trị.

Langdon kéo sự chú ý của Ambra tới tấm biển.

Nó ghi:

TRUNG TÂM SIÊU ĐIỆN TOÁN BARCELONA

CENTRO NACIONAL DE SUPERCOMPUTACIÓN

Ambra ngoảnh nhìn ông với vẻ không tin nổi. “Barcelona có một trung tâm siêu tin học bên trong một nhà thờ Công giáo ư?”

“Chính thế.” Langdon mỉm cười. “Nhiều khi sự thật còn lạ lùng hơn cả viễn tưởng.”

Cây thập tự cao nhất thế giới nằm ở Tây Ban Nha.

Dựng trên đỉnh núi cách gần mười ba kilomet về phía Bắc tu viện El Escorial, cây thập tự bằng xi măng đồ sộ vươn cao hơn một trăm năm mươi mét trong không trung bên trên một thung lũng căn cỗi, nơi có thể nhìn thấy nó từ cách xa hơn một trăm sáu mươi kilomet.

Hẻm núi đá bên dưới cây thập tự - được đặt tên rất hợp là Thung lũng Những người ngã xuống - chính là nơi an nghỉ của hơn bốn mươi nghìn sinh linh, những nạn nhân của cả hai phe trong cuộc Nội chiến Tây Ban Nha đẫm máu.

Chúng ta đang làm gì ở đây? Julián tự hỏi khi theo nhóm Cận vệ bước ra lối đi bộ dành để ngắm cảnh ở chân núi bên dưới cây thập tự. *Đây là nơi cha ta muốn gặp sao?*

Bước đi bên cạnh chàng, Valdespino trông bối rối chẳng kém. “Việc này rất vô lý,” ông ta thì thào. “Cha ngài lúc nào cũng không thích nơi này.”

Cả triệu lần không thích nơi này, Julián nghĩ.

Được đích thân Franco nghĩ ra vào năm 1940, Thung lũng Những người ngã xuống được mô tả như “một hành động chuộc lỗi quốc gia” - một nỗ lực nhằm hòa giải cả phe chiến thắng lẫn bên thất bại. Bất chấp “mong ước cao quý” của nó, đài tưởng niệm này vẫn gây tranh cãi cho đến tận ngày nay vì nó được xây dựng bởi một lực lượng lao động bao gồm cả các thường phạm và tù chính trị từng chống đối Franco - nhiều người đã chết do dãi dầu mưa nắng và đói rét trong quá trình xây dựng.

Trong quá khứ, một số nghị sĩ thậm chí còn so sánh nơi này với một trại tập trung của Quốc xã. Julián ngờ rằng cha mình cũng thâm cảm thấy như vậy, cho dù ông ấy chưa bao giờ công khai nói ra. Với hầu hết người Tây Ban Nha, địa điểm này được xem như một đài tưởng niệm dành cho Franco, do Franco xây dựng - một đền thờ khổng lồ nhằm tôn vinh ông ta. Sự thật là Franco hiện được chôn cất trong đó chỉ càng làm tăng thêm ngọn lửa chỉ trích.

Julián nhớ lại có một lần mình từng tới đây - một cuộc đi chơi khác thời niên thiếu cùng với cha để tìm hiểu về đất nước mình. Nhà vua đã chỉ ra xung quanh và khế thì thâm với chàng. *Hãy nhìn thật cẩn thận, con trai. Một ngày nào đó con sẽ kéo đổ thứ này xuống.*

Lúc này, khi Julián theo đội Cận vệ leo lên các bậc thang dẫn tới phần mặt tiền đơn giản được đẽo vào sườn núi, chàng bắt đầu nhận ra nơi họ đang đi tới. Một cánh cửa bằng đồng được chạm khắc hiện ra lù lù trước mắt - một cánh cổng ngay phần trước ngọn núi - và Julián nhớ mình đã từng bước qua cánh cửa đó khi còn là một cậu bé, hoàn toàn chết khiếp trước những gì nằm phía sau.

Nói cho cùng, phép màu đích thực của đỉnh núi này không phải là cây thập tự cao ngất ngھều phía trên mà là cái không gian bí mật bên trong nó.

Được khoét rỗng ngay bên trong đỉnh núi đá granite là một cái hang nhân tạo có tỉ lệ khó đoán định. Cái hang đào bằng tay này tạo thành một đường hầm ăn sâu gần ba trăm mét vào trong quả núi, nơi nó mở rộng thành một lòng hang trống hoác, được hoàn thiện rất tỉ mỉ và trang nhã, với sàn lát gạch lấp lánh và một mái vòm có vẽ tranh cao vút chạy hơn bốn mươi lăm mét từ bên này sang bên kia. Mình đang ở bên trong một quả núi,

cậu bé Julián nghĩ. Chắc là mình đang mơ!

Còn giờ đây, sau nhiều năm, Hoàng tử Julián trở lại.

Đến đây theo mệnh lệnh của người cha đang hấp hối của ta.

Khi cả nhóm đến gần cánh cửa sắt, Julián ngược nhìn tượng Đức mẹ đau khổ bằng đồng trông rất khắc khổ phía trên cánh cửa. Bên cạnh chàng, Giám mục Valdespino làm dấu thánh, dù rằng Julián nhận thấy động tác đó là do cảm giác lo lắng nhiều hơn là đức tin.

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

NHƯNG... NHIẾP CHÍNH VƯƠNG LÀ AI?

Lúc này, bằng chứng xuất hiện chứng minh rằng sát thủ Luis Ávila nhận lệnh giết người trực tiếp từ một nhân vật ông ta gọi là Nhiếp chính vương.

Danh tính Nhiếp chính vương vẫn là một bí ẩn, mặc dù tước hiệu của người này có thể cung cấp một số manh mối. Theo trang dictionary.com, một "Nhiếp chính vương" là người được bổ nhiệm để trông nom một tổ chức trong khi thủ lĩnh của tổ chức ấy bị mất tư cách hoặc vắng mặt.

Từ Khảo sát Người dùng của chúng tôi "Nhiếp chính vương là ai?" - ba câu trả lời hàng đầu của chúng tôi lúc này là:

1. Giám mục Antonio Valdespino thay thế cho Đức vua Tây Ban Nha đang ốm nặng
2. Một giáo hoàng Palmaria tin rằng mình là đức thánh cha hợp pháp
3. Một sĩ quan quân đội Tây Ban Nha tuyên bố hành động nhân danh vị tổng tư lệnh đã bị mất năng lực của đất nước, Đức vua

Sẽ có thêm tin khi chúng tôi nắm được!

#NHIẾPCHÍNHHVƯƠNGLÀAI

Langdon và Ambra lướt nhìn mặt tiền của ngôi nhà nguyện lớn và thấy lối vào Trung tâm Siêu điện toán Barcelona ở đầu phía Nam của chính điện nhà thờ. Ở đây, một tiền sảnh bằng kính Plexiglas cực kỳ hiện đại đã được lắp ở phía ngoài phần mặt tiền mộc mạc, khiến cho nhà thờ có dáng vẻ pha trộn của một tòa nhà được xây giữa các thế kỷ.

Trong một khoảnh sân ngoài gần lối vào có một bức tượng bán thân cao gần bốn mét mô tả đầu của một chiến binh thời xa xưa. Langdon không thể hình dung được cái hiện vật này làm gì trên địa phận của một nhà thờ Công giáo, nhưng nhờ biết Edmond nên ông khá chắc chắn rằng nơi làm việc của anh sẽ là một chỗ đầy những điều mâu thuẫn.

Ambra đi vội tới lối vào chính và bấm nút gọi bên cửa. Khi Langdon nhập hội với nàng, một máy quay an ninh phía trên xoay về phía họ, quét qua quét lại một lúc khá lâu.

Sau đó cánh cửa rè rè mở ra.

Langdon và Ambra nhanh chóng lách qua lối cửa để vào một tiền sảnh rất rộng được hình thành từ phần hiên ban đầu của nhà thờ. Đó là một căn phòng đá khép kín, sáng lờ mờ và trống trơn. Langdon cứ đinh ninh sẽ có ai đó xuất hiện đón họ - có lẽ là một nhân viên của Edmond - nhưng gian sảnh vắng tanh.

“Không có ai ở đây ư?” Ambra thì thào.

Họ nhận ra những giai điệu thiêng liêng, dịu dịu của thứ âm nhạc nhà thờ thời trung cổ - một tác phẩm hợp xướng phức điệu dành cho giọng nam nghe hơi quen quen. Langdon không thể nhớ được nó nhưng sự hiện diện hết sức kỳ lạ của âm nhạc

tôn giáo trong một cơ sở công nghệ cao với ông dường như là một sản phẩm của khiếu hài hước bông đùa của Edmond.

Sáng rực ngay trước mắt họ trên bức tường của sảnh, một màn hình plasma cực lớn là nguồn sáng duy nhất trong phòng. Màn hình đang chiếu những gì chỉ có thể mô tả là một dạng trò chơi máy tính nguyên thủy nào đó - từng nhóm chấm màu đen di chuyển loanh quanh trên một bề mặt màu trắng, giống như từng đám bọ bò lung tung không mục đích.

Không hoàn toàn là không mục đích, Langdon nhận ra như vậy và giờ đã biết các mô thức.

Cấp số do máy tính tạo ra rất nổi tiếng này - được biết là Sự sống - được phát minh vào những năm 1970 bởi một nhà toán học người Anh là John Conway. Các chấm đen - gọi là các tế bào - di chuyển, tương tác và tái sinh dựa trên một chuỗi các “quy tắc” đã xác định trước do người lập trình nhập vào. Luôn luôn như vậy, theo thời gian, được chỉ dẫn bằng “những quy tắc ước hẹn ban đầu” này, các chấm bắt đầu tự tổ chức thành các nhóm, chuỗi và mô thức tuần hoàn - những mô thức tiến hóa, trở nên phức tạp hơn và bắt đầu trông tương tự với các mô thức thấy trong tự nhiên đến kinh ngạc.

“Trò chơi Sự sống của Conway,” Ambra nói. “Tôi đã thấy một cỗ máy số hóa nhiều năm trước dựa trên thứ này - một sản phẩm hỗn hợp được đặt tên là Máy tự động tế bào.”

Langdon thấy rất ấn tượng, vì bản thân ông đã nghe nói đến Sự sống chỉ vì người phát minh ra nó, Conway, từng dạy tại Princeton.

Những hợp âm hợp xướng lại lọt vào tai Langdon. Mình cảm thấy như đã nghe bản này rồi. Có lẽ là một bản Thánh nhạc Phục hưng chăng?

“Anh Robert,” Ambra nói và chỉ tay. “Nhìn kia.”

Trên màn hình hiển thị, những nhóm dấu chấm đang di chuyển tất bật đã đảo chiều và đang tăng tốc, như thể chương trình lúc này chạy ngược vậy. Chuỗi chuyển động tua ngược càng lúc càng nhanh, quay ngược thời gian. Số lượng các dấu chấm bắt đầu giảm dần... các tế bào không còn phân chia và nhân lên mà tái kết hợp... các cấu trúc của chúng càng lúc càng đơn giản cho tới khi chúng chỉ còn lại một nửa, vẫn tiếp tục hợp nhất... mới đầu còn tám, sau đó là bốn, rồi hai, tiếp đến...

Một.

Một tế bào duy nhất nhấp nháy chính giữa màn hình.

Langdon cảm thấy ớn lạnh. *Nguồn gốc của sự sống.*

Cái chấm đó chớp tắt, để lại một khoảng trống - một màn hình màu trắng trống trơn.

Trò chơi Sự sống kết thúc và phần nội dung lơ mờ bắt đầu hiện ra, càng lúc càng rõ hơn cho tới khi có thể đọc được.

Nếu chúng ta thừa nhận một Nguyên tắc Đầu tiên, tư duy vẫn khát khao được biết nó đến từ đâu và nó xuất hiện như thế nào.

“Là Darwin,” Langdon thì thào, nhận ra ngay cách diễn đạt hùng hồn của nhà thực vật học huyền thoại cho chính cái câu hỏi mà Edmond Kirsch vẫn đặt ra.

“Chúng ta từ đâu đến?” Ambra nói đầy phấn khích, miệng đọc dòng chữ.

“Chính xác.”

Ambra mỉm cười với ông. “Chúng ta sẽ đi tìm chứ?”

Nàng ra hiệu về phía không gian có trụ đỡ ngay bên cạnh màn hình, có vẻ như nói với nhà thờ chính.

Khi họ bước qua sảnh, màn hình tái khởi động lần nữa, lần này trình chiếu một tập hợp các từ ngữ xuất hiện ngẫu nhiên

trên màn hình. Số lượng từ tăng lên liên tiếp và hỗn độn, với những từ mới xuất hiện, biến đổi hình thái, và kết hợp thành một chuỗi những cụm từ rất khó hiểu.

... tăng trưởng... chồi tươi mới... các nhánh xinh đẹp...

Khi hình ảnh ấy mở rộng, Langdon và Ambra nhìn thấy các từ ngữ xuất hiện dưới hình dạng một cái cây đang lớn dần. □

Gì thế này?

Họ chăm chú nhìn như bị hút vào hình đồ họa đó và tiếng của các giọng hát chay* càng lúc càng to xung quanh họ. Langdon nhận ra rằng họ không hề hát bằng tiếng Latin như ông nghĩ, mà bằng tiếng Anh.

“Chúa ơi, các từ trên màn hình,” Ambra nói. “Tôi nghĩ chúng khớp với tiếng nhạc.”

“Cô nói đúng,” Langdon tán thành, mắt nhìn những đoạn mới xuất hiện trên màn hình và được hát lên cùng lúc.

... bởi những nguyên tắc tác động chậm chạp... chứ không phải bởi những hành vi huyền diệu...

Langdon lắng nghe và nhìn, cảm thấy bối rối một cách lạ lùng trước sự kết hợp của các từ ngữ và tiếng nhạc. Phần nhạc rõ ràng là lễ nhạc, nhưng phần lời thì lại rất ngẫu nhiên.

... các sinh vật... sống mạnh mẽ nhất... chết yếu ớt nhất...

Langdon dừng sửng lại.

Mình biết bài này!

Edmond từng dẫn Langdon tới một buổi biểu diễn bài này vài năm trước. Có tiêu đề là *Missa Charles Darwin*, đây là một bài thánh ca theo phong cách Thiên Chúa giáo trong đó nhà soạn nhạc tránh dùng phần lời tiếng Latin truyền thống và thay thế bằng các trích dẫn từ cuốn *Về nguồn gốc giống loài* của Charles Darwin để tạo thành một sự sắp xếp cạnh nhau buồn da diết của

các giọng ca mộ đạo hát về sự tàn nhẫn của sàng lọc tự nhiên.

“Thật kỳ lạ,” Langdon nhận xét. “Edmond và tôi đã cùng nghe bài này một thời gian trước - cậu ấy rất mê nó. Thật trùng hợp được nghe lại.”

“Không trùng hợp đâu,” một giọng nói quen thuộc vang lên từ hệ thống loa trên đầu. “Edmond dạy tôi phải đón chào khách khứa đến nhà mình bằng cách trình diễn một chút âm nhạc mà họ thích thú và cho họ thấy gì đó thú vị để thảo luận.”

Langdon và Ambra sửng sờ nhìn hệ thống loa như không tin nổi. Giọng nói vui vẻ chào đón họ là giọng Anh rất rõ rệt.

“Tôi rất vui các vị tìm được đường tới đây,” giọng nói nhân tạo quen thuộc lên tiếng. “Tôi không có cách gì liên hệ được với các vị.”

“Winston!” Langdon reo lên, ngạc nhiên cảm thấy mình lại nhẹ lòng hẳn khi kết nối lại được với một cỗ máy. Ông và Ambra nhanh chóng kể lại những gì đã xảy ra.

“Rất mừng được nghe lại giọng các vị,” Winston nói. “Giờ cho tôi biết, chúng ta đã có được những gì chúng ta tìm kiếm chưa?”

CHƯƠNG 84

“William Blake,” Langdon nói. “‘Mọi tôn giáo u tối tiêu vong và khoa học lành mạnh thống trị.’”

Winston chỉ dừng lại một chút xíu. “Dòng cuối cùng trong bài trường thi *The Four Zoas* của ông ấy. Tôi phải thừa nhận đó là một lựa chọn hoàn hảo.” Anh ta ngừng lại. “Tuy nhiên, con số bốn mươi bảy mẫu tự cần thiết...”

“Ký hiệu và,” Langdon nói, nhanh chóng giải thích mẹo dùng chữ ghép et của Kirsch.

“Quả đúng là Edmond tinh hoa,” giọng nói nhân tạo trả lời kèm một tiếng cười vụng về.

“Cho nên, Winston,” Ambra giục. “Giờ anh đã biết mật khẩu của Edmond, anh có thể khởi động phần thuyết trình còn lại của anh ấy không?”

“Dĩ nhiên là được,” Winston trả lời rất rành rẽ. “Tất cả những gì tôi cần là để các vị nhập mật khẩu bằng tay. Edmond đã lập tường lửa quanh dự án này nên tôi không trực tiếp truy cập nó được, nhưng tôi có thể đưa các vị tới phòng thí nghiệm của ông ấy và chỉ cho các vị chỗ nhập thông tin. Chúng ta có thể khởi động chương trình trong vòng chưa đầy mười phút nữa.”

Langdon và Ambra quay nhìn nhau, sự xác nhận đột ngột của Winston khiến họ sửng sờ. Với tất cả những gì họ đã trải qua tối nay, khoảnh khắc chiến thắng cuối cùng này dường như đến quá đột ngột.

“Robert,” Ambra thì thào, đặt một tay lên vai ông. “Anh đã làm được. Cảm ơn anh.”

“Là nỗ lực chung mà,” ông mỉm cười.

“Liệu tôi có thể gợi ý rằng chúng ta nên di chuyển ngay tới phòng thí nghiệm của Edmond không?”, Winston nói. “Ở trong sảnh đây, các vị rất dễ lộ và tôi vừa dò được một vài bản tin thời sự nói rằng các vị đang ở khu vực này.”

Langdon không lấy làm ngạc nhiên; một trực thăng quân sự đáp xuống một công viên ngay giữa thành phố lớn ắt sẽ thu hút sự chú ý.

“Hãy cho chúng tôi biết nơi cần đến,” Ambra nói.

“Giữa mấy cây cột,” Winston trả lời. “Cứ theo giọng của tôi nhé.”

Trong sảnh, tiếng nhạc thánh ca dừng đột ngột, màn hình plasma chuyển về tối đen và từ lối vào chính, một loạt tiếng lịch kịch rất to vang lên khi các chốt hãm kiểm soát tự động vận hành.

Có lẽ Edmond đã biến cơ sở này thành một pháo đài, Langdon nhận ra như vậy, đưa mắt nhìn nhanh qua các cửa sổ rất dày trong sảnh, cảm thấy yên tâm khi khu vực có cây cối xung quanh nhà nguyện vắng ngắt. Ít nhất vào lúc này.

Lúc ông nhìn trở lại phía Ambra, ông thấy một chớp sáng phía cuối sảnh, soi tỏ một khuôn cửa giữa hai cây cột. Ông cùng Ambra bước tới, đi vào và thấy mình đứng trong một hành lang dài. Có thêm những chớp sáng ở đầu kia của hành lang, dẫn đường cho họ.

Khi Langdon và Ambra bắt đầu men theo hành lang, Winston nói với họ, “Tôi tin là để đạt được mức phổ cập tối đa, chúng ta cần phát đi một thông cáo báo chí toàn cầu ngay bây giờ, nói rằng bài thuyết trình của Edmond Kirsch quá cố sắp được phát trực tiếp. Nếu chúng ta cung cấp cho truyền thông thêm một khung cửa để công bố sự kiện này thì sẽ tăng lượng người theo

dõi của Edmond rất nhiều.”

“Ý kiến rất hay,” Ambra nói, sải bước nhanh hơn. “Nhưng anh nghĩ chúng ta cần đợi bao lâu? Tôi không muốn bỏ lỡ bất kỳ cơ hội nào.”

“Mười bảy phút,” Winston trả lời. “Thời gian đó sẽ đặt chương trình phát sóng vào ngay đầu giờ... ba giờ sáng ở đây và là giờ cao điểm trên toàn nước Mỹ.”

“Tuyệt vời,” nàng đáp.

“Rất tốt,” Winston phụ họa. “Thông cáo báo chí sẽ đưa ra ngay bây giờ và phần khởi động bài thuyết trình sẽ thực hiện trong vòng mười bảy phút nữa.”

Langdon căng lên mới theo kịp kế hoạch nhanh như điện của Winston.

Ambra dẫn đường đi trước dọc theo hành lang. “Và tối nay ở đây có bao nhiêu nhân viên?”

“Không có ai,” Winston đáp. “Edmond rất coi trọng vấn đề an ninh. Không hề có nhân viên nào ở đây. Tôi điều hành toàn bộ các mạng máy tính, cùng với đèn chiếu sáng, hệ thống làm mát và an ninh. Edmond có đùa rằng trong kỷ nguyên nhà ‘thông minh’ này, ông ấy là người đầu tiên có một nhà thờ thông minh.”

Langdon chỉ nghe một phần, còn đầu óc ông thì đang bận với những lo lắng đột ngột đến liên quan tới những hành động họ sắp thực hiện. “Winston, anh có thật sự nghĩ giờ là thời điểm tung ra thuyết trình của Edmond không?”

Ambra dừng sống lại và trôn trôn nhìn ông. “Robert, dĩ nhiên là đúng rồi! Đó là lý do chúng ta ở đây! Cả thế giới đang theo dõi! Chúng ta cũng không biết liệu còn ai khác sẽ đến và tìm cách ngăn chúng ta lại không - chúng ta cần làm việc này bây

giờ, trước khi quá muộn!”

“Tôi đồng tình,” Winston nói. “Từ quan điểm hoàn toàn là thống kê, câu chuyện này đang tiến dần đến điểm bão hòa của nó. Được đo đếm bằng đơn vị terabyte dữ liệu truyền thông, phát hiện của Edmond Kirsch giờ là một trong những tin thời sự lớn nhất của thập niên này - không có gì ngạc nhiên nếu xét đến việc cộng đồng trực tuyến tăng lên theo hàm số mũ như thế nào trong mười năm qua.”

“Anh Robert?” Ambra thúc giục, mắt nàng cố tìm kiếm mắt ông. “Anh có điều gì lo lắng vậy?”

Langdon ngáp ngừng, cố xác định nguồn cơn cảm giác không chắc chắn đến rất đột ngột của mình. “Tôi đoán mình chỉ thấy lo lắng cho lợi ích của Edmond ở chỗ tất cả những thuyết âm mưu tối nay - giết người, bắt cóc, âm mưu hoàng gia - sẽ làm lu mờ phát hiện khoa học của cậu ấy.”

“Đó là một luận điểm rất có cơ sở, thưa Giáo sư,” Winston xen vào. “Mặc dù tôi tin nó bỏ sót một sự thật quan trọng: những câu chuyện âm mưu đó chính là một lý do quan trọng cho thấy tại sao lại có rất nhiều khán giả trên khắp thế giới giờ đều đang theo dõi. Có đến 3,8 triệu người trong chương trình phát sóng trực tuyến của Edmond lúc chập tối nay; còn bây giờ, sau tất cả những sự kiện gay cấn suốt mấy tiếng qua, tôi ước tính rằng khoảng hai trăm triệu người đang theo dõi câu chuyện này qua các bản tin thời sự trực tuyến, mạng xã hội, truyền hình và phát thanh.”

Con số đó có vẻ khiến Langdon choáng váng, mặc dù ông nhớ rằng hơn hai trăm triệu người đã từng xem vòng chung kết FIFA World Cup và năm trăm triệu người theo dõi cuộc đổ bộ lên mặt trăng đầu tiên cách đây nửa thế kỷ khi chưa có ai có Internet và truyền hình còn lâu mới thịnh hành khắp toàn cầu.

“Ngài có thể không thấy điều này trong lĩnh vực học thuật, thưa Giáo sư,” Winston nói, “nhưng cả thế giới còn lại đã trở thành một chương trình truyền hình thực tế. Điều mỉa mai là, những người tìm cách ngăn cản Edmond tối nay đã thực hiện điều ngược lại; Edmond giờ có lượng người xem đông đảo nhất đối với bất kỳ tuyên bố khoa học nào trong lịch sử. Điều đó khiến tôi nhớ đến sự kiện Vatican lên án cuốn sách Thiên Chúa giáo và tính nữ thiêng liêng của ngài và kết quả là cuốn sách lập tức trở thành một cuốn sách bán chạy.”

Gần được là sách bán chạy, Langdon nghĩ, nhưng luận điểm của Winston có lý.

“Tăng tối đa lượng người xem luôn là một trong những mục tiêu cơ bản của Edmond tối hôm nay,” Winston nói.

“Cậu ấy nói đúng đấy,” Ambra nói, mắt nhìn Langdon. “Khi Edmond và tôi suy nghĩ về sự kiện trực tiếp ở Guggenheim, anh ấy rất ám ảnh với việc tăng sự tham gia của những người theo dõi và thu hút được càng nhiều người xem càng tốt.”

“Như tôi đã nói,” Winston nhấn mạnh, “chúng ta đang dần tiến đến điểm bão hòa về truyền thông và không có thời điểm nào để tiết lộ phát hiện của ông ấy tốt hơn lúc này.”

“Tôi hiểu,” Langdon nói. “Chỉ cần nói cho chúng tôi biết cần làm gì.”

Tiếp tục đi dọc hành lang, họ gặp một vật cản bất ngờ - một chiếc thang được dựng vụng về ngang qua hàng lang như thể để thực hiện công việc sơn vẽ - khiến cho không thể nào đi tiếp được nếu không dẹp bỏ chiếc thang hay chui qua bên dưới nó.

“Cái thang này,” Langdon nêu ý kiến. “Tôi hạ nó xuống nhé?”

“Không,” Winston nói. “Edmond cố tình bố trí nó ở đó từ rất

lâu rồi.”

“Tại sao vậy?” Ambra hỏi.

“Như quý vị có thể biết rồi, Edmond xem thường thói mê tín dưới mọi hình thức. Ông ấy đi qua bên dưới chiếc thang hàng ngày trên đường tới chỗ làm - một cách chế nhạo thần thánh. Hơn nữa, nếu có vị khách hay kỹ thuật viên nào không chịu đi qua bên dưới cái thang này, Edmond đều tổng khử họ ra khỏi tòa nhà.”

Lúc nào cũng có cơ sở. Langdon mỉm cười, nhớ lại chuyện Edmond từng công khai mắng ông vì ‘cầu may*’. Robert, trừ phi thầy là một tín đồ Druid bí mật vẫn còn gõ lên những thân cây để đánh thức chúng dậy, nếu không xin hãy vứt cái thứ mê tín ngu ngốc ấy vào quá khứ cho rồi!

Ambra dẫn tới, khom người xuống và chui qua bên dưới thang. Với một chút lo lắng phải thừa nhận là phi lý, Langdon làm theo.

Khi họ qua mé bên kia, Winston hướng dẫn họ đi vòng qua một góc nhà tới một cánh cửa an ninh rất lớn có hai máy quay và một máy quét sinh trắc học.

Một tấm biển làm bằng tay treo bên trên cửa: Phòng 13.

Langdon nhìn con số khét tiếng rủi ro ấy. Edmond lại chọc tức thần thánh một lần nữa.

“Đây là lối vào phòng thí nghiệm của ông ấy,” Winston nói. “Ngoài những kỹ thuật viên được thuê giúp Edmond kiến tạo nó, rất ít người được phép tiếp cận.”

Nói xong, cánh cửa an ninh phát ra tiếng ì ì rất to và Ambra không bỏ lỡ thời gian nắm lấy tay nắm và gắng kéo cho nó mở ra. Nàng bước một bước qua ngưỡng cửa, dừng sững lại, và đưa tay lên bưng miệng há to đầy thẳng thốt. Khi Langdon nhìn

vượt qua nàng hướng vào điện thờ của nhà thờ, ông hiểu ngay phản ứng của nàng.

Gian phòng lớn rộng thênh thang của nhà nguyện bị choán hết bởi một buồng thủy tinh lớn nhất mà Langdon từng thấy. Khu vực quây kín trong suốt ấy choán lấy toàn bộ sàn và vươn cao tới tận phần trần cao hai tầng của nhà nguyện.

Cái buồng đó dường như được chia thành hai tầng.

Trên tầng thứ nhất, Langdon có thể nhìn thấy vài trăm tủ kim loại bằng cỡ tủ lạnh sắp xếp thành hàng giống như những dãy ghế trong nhà thờ hướng về phía một chiếc bàn thờ. Các tủ này đều không có cửa và những gì bên trong chúng đều hiện rõ mồn một. Cả mở ma trận rồi beng chằng chịt toàn những dây điện màu đỏ tươi lòng thông buong xuống từ những mạng lưới điểm tiếp xúc dày đặc, uốn vòng xuống phía sàn, nơi chúng kết lại với nhau thành từng bó như cuộn thừng rất dày chạy giữa các cỗ máy, tạo nên thứ trông giống như một mạng lưới các mạch máu.

Hỗn loạn có trật tự, Langdon nghĩ.

“Trên sàn thứ nhất,” Winston nói, “các vị nhìn thấy siêu máy tính MareNostrum nổi tiếng – bốn mươi tám nghìn tám trăm chín mươi sáu lõi Intel nổi thành một mạng InfiniBand FDR10 - một trong những cỗ máy nhanh nhất thế giới. MareNostrum đã có ở đây lúc Edmond chuyển đến, và thay vì gỡ bỏ nó, ông ấy muốn hợp nhất nó, vì thế đơn giản là ông ấy mở rộng... lên phía trên.”

Giờ Langdon có thể thấy rằng tất cả những bó dây nhợ của MareNostrum đều hội tụ ở trung tâm phòng, tạo thành một khối duy nhất giống như một cái dây leo khổng lồ chạy thẳng đứng lên trần tầng một.

Khi ánh mắt Langdon ngược nhìn lên tầng hai của cái khối hình chữ nhật bằng thủy tinh khổng lồ ấy, ông thấy một hình ảnh hoàn toàn khác. Tại đây, ở chính giữa sàn, trên một bục tôn cao là một khối vuông màu xám lam bằng kim loại rất lớn - ngót nghét một mét vuông - không hề có dây nhợ, đèn nhấp nháy, hay bất kỳ cái gì của nó để cho thấy nó có thể là chiếc máy tính hiện đại mà Winston hiện đang xây dựng với hệ thống thuật ngữ khó giải đoán.

“... qubits thay thế cho các số nhị phân... các phép chồng đề trạng thái... các thuật toán lượng tử... vướng mắc và hiệu ứng chui hầm...”

Giờ Langdon hiểu tại sao ông và Edmond nói về nghệ thuật nhiều hơn là tin học.

“... kết quả là mười lăm thừa mười lăm các tính toán điểm di động mỗi giây,” Winston kết luận. “Làm cho sự hợp nhất của hai cỗ máy rất khác nhau này thành siêu máy tính mạnh nhất thế giới.”

“Lạy Chúa tôi,” Ambra thì thào.

“Thực tế,” Winston đính chính, “Chúa của Edmond.”

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

PHÁT HIỆN CỦA KIRSCH LÊN SÓNG CHỈ VÀI PHÚT NỮA!

Vâng, thật sự sắp diễn ra!

Một thông cáo báo chí từ khu vực của Edmond Kirsch vừa xác nhận rằng phát hiện khoa học đã được biết trước rất rộng rãi của ông ấy - bị cản trở sau vụ ám sát nhà vị lai chủ nghĩa - sẽ được truyền trực tiếp ra thế giới vào đầu giờ sáng (ba giờ sáng giờ địa phương tại Barcelona).

Số người xem đang tăng lên vùn vụt, và số liệu thống kê số người tham gia trực tuyến trên toàn cầu chưa từng có.

Trong bản tin liên quan, Robert Langdon và Ambra Vidal được cho là vừa bị phát hiện tiến vào khu vực Nhà nguyện Torre Girona - nơi đặt Trung tâm Siêu điện toán Barcelona, nơi được tin là Edmond Kirsch vẫn làm việc suốt mấy năm qua. Liệu đây có phải là nơi bài thuyết trình sẽ được truyền trực tiếp từ đó hay không thì ConspiracyNet vẫn chưa thể khẳng định.

Xin hãy sẵn sàng cho bài thuyết trình của Kirsch, phát trực tiếp trên ConspiracyNet.com tại đây.

Khi Hoàng tử Julián bước qua khuôn cửa sắt để vào trong ngọn núi, chàng có cảm giác khó chịu rằng mình có thể không bao giờ thoát ra được.

Thung lũng Những người ngã xuống. Ta đang làm gì ở đây?

Không gian đằng sau ngưỡng cửa rất lạnh và tối tăm, chỉ được chiếu sáng bằng hai cây đèn pin điện. Không khí toàn mùi đá ẩm ướt.

Một người mặc đồng phục đứng trước họ cầm một chuỗi chìa khóa kêu xúng xoảng trong đôi tay run bần của anh ta. Julián không lấy làm ngạc nhiên vì quan chức thuộc Cục Gia sản Quốc gia này có vẻ lo âu như vậy. Có đến nửa tá đặc vụ Cận vệ Hoàng gia sắp thành hàng ngay sau lưng anh ta trong bóng tối. Cha ta ở đây. Rõ ràng vị quan chức tội nghiệp này bị triệu tập đến lúc nửa đêm để mở khóa ngọn núi thiêng của Franco cho Đức vua.

Một đặc vụ Cận vệ nhanh nhẹn bước tới. “Hoàng tử Julián, Giám mục Valdespino. Chúng tôi đang đợi các ngài. Xin mời theo lối này.”

Viên đặc vụ Cận vệ dẫn Julián và Valdespino tới một cánh cổng bằng sắt rèn rất đồ sộ trên có khắc một biểu tượng rất đáng ngại của Franco - một con đại bàng hai đầu dữ tợn gợi nhớ đến hình tượng Đức Quốc xã.

“Đức vua ở cuối đường hầm,” viên đặc vụ nói, ra hiệu cho họ đi qua cánh cổng đã được mở khóa và hé mở một phần.

Julián và Giám mục đưa mắt nhìn nhau dò hỏi rồi bước qua cổng, hai bên có một cặp tượng điêu khắc kim loại đầy hăm dọa - hai thiên thần của cái chết, tay nắm chặt những thanh gươm

được tạo hình giống thập giá.

Lại thêm những hình ảnh tôn giáo - quân phiệt của Franco, Julián nghĩ khi chàng và Giám mục bắt đầu cuộc đi bộ dài của họ vào lòng núi.

Đường hầm trải dài trước mắt họ được bài trí trang nhã chẳng kém gì phòng khiêu vũ của Hoàng cung Madrid. Với sàn lát đá cẩm thạch đen được mài nhẵn bóng và phần trần tạo vòm cao vút, hành lang lộng lẫy được thắp sáng bằng những đèn treo tường tạo hình như những ngọn đuốc, với số lượng dường như vô tận.

Tuy nhiên, tối nay, nguồn sáng trong hành lang còn ấn tượng hơn. Hàng chục bồn đốt lửa - những chậu lửa được sắp xếp như đèn đường bằng - cháy rùng rục, tỏa thứ ánh sáng màu cam suốt dọc đường hầm. Theo truyền thống, những bồn lửa này được đốt lên chỉ khi có những sự kiện lớn, nhưng việc Đức vua đến đây lúc đêm muộn rõ ràng cũng đủ tầm vóc để đốt chúng lên rồi.

Với bóng phản chiếu ánh lửa nhảy nhót trên sàn bóng loáng, tiền sảnh đồ sộ có một không khí gần như siêu nhiên. Julián cảm nhận được sự hiện diện ma quái của những linh hồn buồn khổ đã đục đẽo lên đường hầm này bằng tay, cuộc chim và xẻng luôn sẵn sàng, quần quật hàng năm ròng bên trong quả núi lạnh lẽo này, đói khát, rét cóng, nhiều người bỏ mạng, tất cả đều để tán dương Franco, kẻ để mộ phần nằm sâu ngay trong quả núi này.

Hãy nhìn cho thật kỹ, con trai, cha chàng đã dặn. Có ngày con sẽ kéo đồ thứ này xuống.

Làm vua, Julián biết mình có thể không có thực quyền để phá hủy công trình hoa lệ này, nhưng chàng phải thừa nhận mình thấy ngạc nhiên là người dân Tây Ban Nha lại chấp nhận

nó tồn tại, đặc biệt là khi xét đến sự háo hức của đất nước này muốn gác lại quá khứ tối tăm của mình để tiến vào thế giới mới. Thế nhưng, vẫn còn những người ao ước những gì xưa cũ, và hàng năm, vào dịp kỷ niệm ngày mất của Franco, hàng trăm kẻ ủng hộ Franco nay đã có tuổi vẫn đổ về nơi này để bày tỏ sự kính trọng với ông ta.

“Don Julián,” Giám mục nói khẽ, không để những người khác nghe lọt, khi họ tiến sâu hơn trong hành lang. “Ngài có biết tại sao cha ngài lại triệu chúng ta tới đây không?”

Julián lắc đầu. “Ta lại hy vọng ông biết cơ đấy.”

Valdespino bật ra một tiếng thở dài nặng nề khác thường. “Thần chẳng mảy may biết gì.”

Nếu Giám mục không biết những động cơ của cha ta, Julián nghĩ thầm, thì chẳng còn ai biết nữa.

“Thần chỉ hy vọng nhà vua ổn,” Giám mục nói với vẻ trù mến lạ lùng. “Một vài quyết định của ngài gần đây...”

“Ý ông là giống như việc triệu tập một cuộc họp bên trong lòng một quả núi khi mà lẽ ra cha ta cần ở trên giường bệnh phải không?”

Valdespino mỉm cười dịu dàng. “Nếu là ví dụ thì đúng vậy.”

Julián tự hỏi tại sao đội Cận vệ của Đức vua lại không can thiệp và từ chối đưa một vị vua đang hấp hối ra khỏi bệnh viện để tới cái nơi quái gở này. Nhưng mà các đặc vụ Cận vệ đều được đào tạo để tuân lệnh mà không thắc mắc, đặc biệt khi yêu cầu đến từ tổng chỉ huy của họ.

“Tôi không cầu nguyện ở đây đã nhiều năm,” Valdespino nói, mắt chăm chú nhìn sảnh đường được thắp sáng bằng lửa.

Julián biết rằng đường hầm nơi họ đi qua không chỉ là hành lang duy nhất tiến vào lòng núi. Nó còn là chính điện của một

nhà thờ Công giáo được công nhận chính thức. Phía trước mặt, Hoàng tử đã bắt đầu có thể thấy những hàng ghế dài.

La basilica secreta, Julián từng gọi nơi này như vậy khi còn là một cậu bé.

Được đục rỗng từ một núi đá granite, điện thờ sơn son thếp vàng ở cuối đường hầm này là một không gian lòng hang, một vương cung thánh đường ngầm dưới đất lạ lùng với phần mái vòm đồ sộ. Được đồn là có tổng diện tích rộng hơn cả Nhà thờ St. Peter ở Rome, lăng mộ ngầm dưới đất này tự hào với sáu nhà nguyện riêng biệt bao quanh bàn thờ rất cao của nó, được tính toán bố trí đúng ngay bên dưới cây thập tự trên đỉnh núi.

Khi họ đến gần điện thờ chính, Julián đưa mắt nhìn cái không gian rộng lớn này, cố tìm cha mình. Tuy nhiên, nhà thờ có vẻ như vắng vẻ hoàn toàn.

“Đức vua đâu?” Giám mục gắng hỏi, giọng đầy lo lắng.

Giờ Julián cùng chung lo lắng với Giám mục, sợ rằng lực lượng Cận vệ bỏ mặc Đức vua một mình ở cái nơi vắng vẻ này. Hoàng tử nhanh chân di chuyển tới trước, ngoái nhìn vào một bên cung thờ ngang rồi tiếp đến bên kia. Chẳng thấy bóng dáng ai cả. Chàng hấp tấp tiến vào sâu hơn, vòng quanh mé bên bàn thờ và tiến vào hậu cung.

Chính ở đây, ở nơi sâu nhất của ngọn núi, cuối cùng Julián cũng thấy cha mình và dừng sửng lại.

Đức vua của Tây Ban Nha hoàn toàn một mình, phủ kín trong những tấm chăn nặng trĩu và chìm lún trong một chiếc xe lăn.

Bên trong điện thờ chính của nhà nguyện vắng vẻ, Langdon và Ambra theo giọng nói của Winston đi vòng quanh chu vi của chiếc siêu máy tính hai tầng. Qua lớp kính nặng nề, họ nghe thấy tiếng rung đều đều phát ra từ chiếc máy đồ sộ bên trong. Langdon có cảm giác rất lạ rằng họ đang nhìn vào một cái chuồng giam một con thú bị nhốt kín.

Theo lời Winston, âm thanh đó được tạo ra không phải bởi thiết bị điện tử mà bởi vô số những chiếc quạt ly tâm, thiết bị tản nhiệt và các bơm làm mát bằng chất lỏng cần để giúp cho cỗ máy không bị quá nóng.

“Trong đó thì điếc tai,” Winston nói. “Và lạnh cóng. Rất may, phòng thí nghiệm của Edmond nằm trên tầng hai.”

Một chiếc cầu thang xoắn ốc không có trụ đỡ sừng sững phía trước, được gắn với bức tường ngoài của cái buồng kính. Theo chỉ dẫn của Winston, Langdon và Ambra leo lên cầu thang và thấy mình đứng trên một bậc kim loại phía trước một cánh cửa kính quay.

Trước sự thích thú của Langdon, cái lối đi đầy chất vị lai chủ nghĩa này để vào phòng thí nghiệm của Edmond được trang trí như thể nó là một căn nhà ngoại ô vậy - hoàn chỉnh với một miếng thảm chùi chân có lời chào, một chậu cây giả và một chiếc ghế dài nho nhỏ phía dưới có một đôi dép lê đi trong nhà, mà Langdon buồn rầu nhận ra chắc chắn là của Edmond.

Phía trên cánh cửa treo một thông điệp được đóng khung.

Thành công là khả năng đi
từ một thất bại này tới một thất bại khác

mà không mất hết sự nhiệt thành.

- WINSTON CHURCHILL

“Lại thêm Churchill này,” Langdon chỉ cho Ambra thấy.

“Câu trích dẫn Edmond yêu thích,” Winston xen vào. “Ông ấy nói nó định nghĩa cho sức mạnh lớn nhất của máy tính.”

“Máy tính ư?” Ambra hỏi.

“Vâng, các máy tính vô cùng bền. Tôi có thể hỏng cả tỷ lần mà không hề thất vọng. Tôi đã bắt tay thực hiện nỗ lực lần thứ một tỷ của mình trong việc giải quyết một vấn đề với nguồn năng lượng hết như lần đầu. Con người thì không thể làm được như thế.”

“Đúng,” Langdon thừa nhận. “Tôi thường bỏ cuộc sau cố gắng lần thứ một triệu.”

Ambra mỉm cười và tiến về phía cánh cửa.

“Nền bên trong bằng kính,” Winston nói khi cánh cửa xoay bắt đầu tự động vận hành. “Cho nên làm ơn tháo bỏ giày.”

Chỉ vài giây, Ambra đã cởi xong giày của nàng và bước chân trần qua cánh cửa đang xoay tròn. Khi Langdon theo sau, ông nhận thấy tấm thảm chùi chân của Edmond có một thông điệp rất khác thường:

KHÔNG CÓ CHỖ NÀO GIỐNG NHƯ 127.0.0.1

“Winston, cái thảm đó? Tôi không hi...”

“Máy chủ địa phương,” Winston trả lời.

Langdon đọc lại tấm thảm. “Tôi hiểu rồi,” ông nói, dù không hề nhìn và tiếp tục đi qua cánh cửa xoay.

Khi Langdon bước lên sàn kính, ông cảm thấy một thoáng không lấy gì làm chắc chắn. Đứng trên một bề mặt trong suốt

với chân đi tất quả là khiến người ta mất hết tinh thần, nhưng phát hiện thấy bản thân đang lơ lửng ngay bên trên chiếc máy tính MareNostrum dưới nhà còn gây cảm giác luống cuống gấp đôi. Từ chỗ trên này, việc nhìn ngắm đội hình những cái giá rất trang nghiêm bên dưới gợi cho Langdon nhớ đến việc nhìn xuống hồ khảo cổ Tây An nổi tiếng của Trung Quốc ngắm đội quân đất nung.

Langdon hít một hơi thật sâu và ngược mắt nhìn không gian kỳ dị trước mặt mình.

Phòng thí nghiệm của Edmond là một không gian chữ nhật trong suốt choán hết bởi khối vuông màu xám lam bằng kim loại mà ông đã thấy trước đó, bề mặt bóng loáng của nó phản chiếu mọi thứ xung quanh. Bên phải khối vuông, ở một đầu gian phòng, là một không gian văn phòng siêu đẹp với một chiếc bàn hình bán nguyệt, ba màn hình LCD rất lớn và những bàn phím đủ loại được đặt trên phần mặt bàn bằng đá granite.

“Khu vực kiểm soát nhiệm vụ,” Ambra thì thào.

Langdon gật đầu và liếc mắt về phía đầu đối diện của gian phòng, nơi những chiếc ghế tựa, một chiếc ghế dài và một chiếc xe đạp tập thể thao được bố trí trên một tấm thảm phương Đông.

Một cái *hang* siêu điện toán của con người, Langdon thầm nghĩ, cảm thấy ngờ rằng Edmond hẳn luôn chui vào cái hộp kính này khi thực hiện dự án của mình. Cậu ấy đã *phát hiện* được gì trên đó chứ? Sự do dự ban đầu của Langdon đã lắng đi và giờ ông cảm thấy sự tò mò mang tính tri thức ngày càng tăng - cái cảm giác khao khát được biết xem những bí mật gì đã được hé lộ ở đây, những bí mật gì đã được phơi bày bởi sự kết hợp của một bộ óc thiên tài và một cỗ máy hùng mạnh.

Ambra đã bước nhẹ qua sàn tới khối vuông đồ sộ và đang

sửng sốt đăm đăm nhìn cái bề mặt xám lam bóng loáng của nó. Langdon tiến đến chỗ nàng, bóng cả hai phản chiếu trên mặt ngoài sáng bóng của khối vuông.

Đây là một chiếc máy tính ư? Langdon băn khoăn. Không như cỗ máy dưới nhà, thứ này hoàn toàn im lặng - chậm chạp và vô hồn - một khối kim loại nguyên khối.

Cái sắc xanh xanh của cỗ máy khiến Langdon nhớ đến một siêu máy tính những năm 1990 có tên “Deep Blue”, từng khiến cả thế giới sửng sờ vì đánh bại đương kim vô địch cờ vua thế giới Garry Kasparov. Kể từ đó, những tiến bộ trong ngành công nghệ điện toán gần như không tài nào lĩnh hội được.

“Các vị có muốn nhìn bên trong không?” Winston lên tiếng qua mấy chiếc loa phía trên.

Ambra thẳng thốt nhìn lên trên. “Nhìn bên trong khối vuông này à?”

“Tại sao không chứ?” Winston trả lời. “Edmond sẽ rất hãnh diện được chỉ cho các vị xem sự vận hành bên trong nó đây.”

“Không cần đâu,” Ambra nói, hướng ánh mắt về phía văn phòng của Edmond. “Tôi muốn tập trung vào việc nhập mật khẩu. Chúng tôi thực hiện việc đó thế nào đây?”

“Sẽ chỉ mất vài giây thôi và chúng ta vẫn có hơn mười một phút trước khi có thể khởi động. Cứ nhìn ngắm bên trong đi.”

Trước mặt họ, một tấm bảng bên cạnh khối vuông đối diện văn phòng của Edmond bắt đầu trượt mở, lộ ra một ô thủy tinh dày. Langdon và Ambra đi vòng qua và áp mặt vào ô cửa trong suốt.

Langdon định nhìn sẽ nhìn thấy một mớ dây nhợ và đèn nhấp nháy dày đặc nữa. Nhưng ông lại chẳng thấy thứ gì kiểu đó cả. Trước sự ngỡ ngàng của ông, bên trong khối vuông tối

om và trống không - hết một căn phòng nhỏ bỏ trống. Thứ duy nhất bên trong có vẻ như là từng cuộn hơi ẩm màu trắng bốc lên không khí như thể căn phòng chính là một chiếc tủ lạnh có thể vào trong được. Tấm bảng dày bằng Plexiglas tỏa ra khí lạnh đến kinh ngạc.

“Chẳng có gì ở đây,” Ambra nói.

Langdon cũng chẳng nhìn thấy gì nhưng vẫn cảm nhận được một xung động lặp đi lặp lại rất nhẹ phát ra từ bên trong khối vuông.

“Cái nhịp đập rất chậm đó,” Winston nói, “là hệ thống làm lạnh pha loãng ống xung động. Nghe giống như quả tim người vậy.”

Phải, chính thế, Langdon nghĩ thầm, cảm thấy khó chịu với sự so sánh đó.

Rất chậm rãi, những bóng đèn đỏ bên trong bắt đầu chiếu sáng những gì trong khối vuông. Mới đầu, Langdon chỉ nhìn thấy màn sương trắng và không gian lơ lửng - một gian buồng hình vuông trống không. Sau đó, khi ánh sáng tăng lên, có gì đó lóe lên trong không gian phía trên sàn, và ông nhận ra có một hình trụ kim loại khó hiểu từ trên trần buồng xuống giống một nhũ đá.

“Và thứ này,” Winston nói, “là những gì khối vuông phải giữ lạnh.”

Cái thiết bị hình trụ buồng từ trên trần xuống dài khoảng một mét rưỡi, bao gồm bảy vòng tròn đặt nằm ngang, càng lên trên càng giảm dần về đường kính, tạo thành một cây cột gồm nhiều tầng đĩa gắn liền với nhau nhờ những thanh rất mảnh chạy dọc. Không gian giữa các đĩa kim loại bóng loáng đó là một mớ lưa thưa những dây nhợ thanh mảnh. Xung quanh toàn bộ

thiết bị này lớn vồn một làn hơi ẩm lạnh lẽo bốc lên.

“E-Wave,” Winston tuyên bố. “Một đột phá - nếu quý vị bỏ qua cho cách chơi chữ ấy - vượt xa D-Wave của NASA/Google.”

Winston nhanh nhẹn giải thích rằng D-Wave - “chiếc máy tính lượng tử” phôi thai đầu tiên của thế giới - đã mở ra một thế giới mới mẻ về sức mạnh của máy tính mà các nhà khoa học vẫn đang phải vật vã tìm cách nắm bắt. Điện toán lượng tử, chứ không phải sử dụng một phương pháp lưu trữ thông tin nhị phân, tạo ra việc sử dụng các trạng thái lượng tử của các hạt ở cấp độ hạ nguyên tử, dẫn đến đột phá phi thường về tốc độ, sức mạnh và độ linh hoạt.

“Chiếc máy tính lượng tử của Edmond,” Winston nói, “về mặt cấu trúc không hề khác với D-Wave. Điểm khác biệt là khối vuông kim loại bao bọc máy tính. Khối vuông được bọc lớp osmium - một nguyên tố hóa học hiếm siêu nặng giúp cải thiện hẳn khả năng che chắn từ, nhiệt và lượng tử và tôi ngờ rằng còn góp phần vào khiếu thích kịch tính của Edmond nữa.”

Langdon mỉm cười, vì chính ông cũng có suy nghĩ tương tự.

“Trong mấy năm qua, trong khi Phòng nghiệm Trí tuệ Lượng tử của Google sử dụng các loại máy như D-Wave để tăng cường kiến thức của máy thì Edmond lại bí mật vượt qua tất cả mọi người bằng chính cỗ máy này. Và ông ấy làm việc đó nhờ sử dụng một ý tưởng táo bạo duy nhất...” Winston ngừng lại. “Cơ chế lưỡng viện.”

Langdon cau mày. Hai viện của Quốc hội ư?

“Là bộ não hai thùy,” Winston tiếp tục. “Bán cầu trái và phải.”

Là trí não hai ngăn, giờ thì Langdon nhận ra. Một trong những điều khiến con người có sức sáng tạo là hai nửa của não

bộ có chức năng hoàn toàn khác nhau. Não trái thiên về phân tích và ngôn ngữ, trong khi não phải thiên về trực giác và “thích” hình ảnh hơn ngôn từ.

“Bí quyết,” Winston nói, “là Edmond quyết định tạo ra một bộ não nhân tạo mô phỏng não bộ *con người* - tức là, được chia thành bán cầu trái và phải. Thế nhưng, trong trường hợp này, nó là cách bố trí tầng trên - tầng dưới thì đúng hơn.”

Langdon bước lùi lại và ngó qua sà n nhìn cỗ máy đang chạy ù ù dưới nhà rồi nhìn trở lại cái “nhũ đá” im lìm bên trong khối vuông. Hai cỗ máy khác biệt kết hợp làm một - một trí não hai ngăn.

“Khi buộc phải làm việc với tư cách một khối duy nhất,” Winston nói, “hai cỗ máy này chấp nhận các cách tiếp cận khác nhau để giải quyết vấn đề - do đó trải qua những kiểu xung đột và thỏa hiệp tương tự như xảy ra giữa các thùy của não người, làm gia tăng rất lớn khả năng học hỏi, sáng tạo của trí tuệ nhân tạo, và, theo nghĩa nào đó... cả *nhân tính* nữa. Trong trường hợp của tôi, Edmond cho tôi những công cụ để tự dạy cho mình về nhân tính bằng cách quan sát thế giới quanh mình và bắt chước theo những đặc tính của con người - hài hước, hợp tác, đánh giá giá trị và thậm chí cả nhận thức về đạo đức.”

Thật phi thường, Langdon nghĩ. “Vậy chiếc máy tính kép này về cơ bản chính là... *anh* phải không?”

Winston bật cười. “Chà, cỗ máy này là tôi cũng không khác gì bộ não vật chất của các vị chính là các vị. Quan sát bộ não của chính các vị trong một cái bồn, quý vị sẽ không nói, ‘Thứ đó chính là tôi’ đâu. Chúng ta là tổng hòa những tương tác diễn ra bên trong cơ chế mà.

“Winston,” Ambra xen vào, lúc này đang tiến lại phía khu vực làm việc của Edmond. “Còn bao nhiêu thời gian cho tới lúc khởi động?”

“Năm phút bốn mươi ba giây,” Winston trả lời. “Chúng ta chuẩn bị chứ?”

“Phải, xin mời,” nàng nói.

Tầm chắn trên ô cửa sổ quan sát từ từ trượt về vị trí, và Langdon quay về đứng cùng Ambra trong phòng thí nghiệm của Edmond.

“Winston,” nàng nói. “Căn cứ vào tất cả công việc của anh ở đây với Edmond, tôi ngạc nhiên là anh lại không hề biết tí gì về phát hiện của anh ấy.”

“Xin nói lại, thưa cô Vidal, thông tin của tôi được chia ngăn và tôi có dữ liệu giống như cô có,” anh ta đáp. “Tôi chỉ có thể đưa ra một phỏng đoán dựa trên kiến thức.”

“Và đó là gì?” Ambra hỏi, ngó nghiêng quanh văn phòng của Edmond.

“Chà, Edmond nói rằng phát hiện của ông ấy sẽ ‘thay đổi mọi thứ’, Theo kinh nghiệm của tôi, những phát hiện có khả năng biến đổi nhất trong lịch sử đều dẫn đến những mô hình được chỉnh sửa lại của vũ trụ - những đột phá như sự phủ nhận mô hình Trái Đất phẳng của Pythagoras, thuyết nhật tâm của Copernicus, thuyết tiến hóa của Darwin, và việc phát hiện ra thuyết tương đối của Einstein - tất cả đều đã làm thay đổi mạnh mẽ thế giới quan của nhân loại và cập nhật mô hình vũ trụ hiện tại của chúng ta.”

Langdon ngược nhìn chiếc loa trên đầu. “VẬY là anh phỏng đoán Edmond đã phát hiện được gì đó gợi ý về một mô hình vũ trụ mới phải không?”

“Đó là một suy luận hợp lý,” Winston đáp, tốc độ nói nhanh hơn. “Mare-Nostrum hóa ra lại là một trong những máy tính ‘mô phỏng’ tuyệt nhất trên thế giới, chuyên về những mô

phỏng phức tạp, nổi tiếng nhất là ‘Alya Đỏ’ - một quả tim người ảo, hoạt động đầy đủ và chính xác đến tận cấp độ tế bào. Dĩ nhiên, với việc bổ sung thêm một cấu phần lượng tử gần đây, thiết bị này có thể mô phỏng các hệ thống phức tạp hơn cả triệu lần so với các cơ quan ở người.”

Langdon hiểu khái niệm nhưng vẫn không tài nào hình dung được Edmond có thể mô phỏng được cái gì để trả lời các câu hỏi *Chúng ta đến từ đâu? Chúng ta đang đi về đâu?*

“Winston?” Ambra gọi lại từ chỗ bàn làm việc của Edmond. “Chúng ta bắt thứ này bằng cách nào?”

“Tôi có thể giúp cô,” Winston trả lời.

Ba màn hình LCD lớn trên bàn nhấp nháy hoạt động vừa khi Langdon đến bên cạnh Ambra. Khi những hình ảnh trên màn hình hiện rõ, cả hai cùng thảng thốt bước lùi lại.

“Winston... hình ảnh đó là trực tiếp à?” Ambra hỏi.

“Vâng, dữ liệu trực tiếp truyền về từ các máy quay an ninh bên ngoài của chúng tôi. Tôi nghĩ các vị biết rồi. Họ đến cách đây vài giây.”

Các màn hình hiển thị cho thấy thấy một góc nhìn từ trên cao lồi vào chính cửa nhà nguyện, nơi một tập cảnh sát đã tập hợp, đang nhấn nút gọi cửa, thử mở cánh cửa, liên lạc qua bộ đàm.

“Đừng lo,” Winston trấn an họ, “họ sẽ không bao giờ vào được đâu. Và chúng ta còn chưa đầy bốn phút nữa tới lúc khởi động.”

“Chúng ta nên khởi động ngay lúc này,” Ambra thúc giục.

Winston điềm tĩnh trả lời. “Tôi tin Edmond mong muốn chúng ta đợi và khởi động vào đầu giờ sáng, như đã hứa. Ông ấy là người giữ lời. Hơn nữa, tôi đang theo dõi sự tham gia của

khán giả toàn cầu và số người xem của chúng ta vẫn đang tăng. Trong bốn phút tới, với tốc độ hiện tại, cử tọa của chúng ta sẽ tăng 12,7 phần trăm, và, tôi dự đoán, tiến gần đến mức tối đa.” Winston ngừng lại, giọng nghe ngạc nhiên một cách vui vẻ. “Tôi phải nói rằng, bất chấp tất cả những gì đã truyền cảm hứng cho buổi tối nay, có vẻ như công bố của Edmond đã được đặt giờ tối ưu. Tôi nghĩ ông ấy sẽ vô cùng biết ơn cả hai người.”

CHƯƠNG 88

Chưa đầy bốn phút, Langdon nghĩ, buông người xuống chiếc ghế lười bên bàn làm việc của Edmond và hướng mắt về ba màn hình LCD lớn choán hết phần cuối gian phòng này. Trên màn hình, dữ liệu an ninh truyền trực tiếp vẫn đang hiển thị, cho thấy cảnh sát đang tập hợp quanh nhà nguyện.

“Anh có chắc họ không vào được không?” Ambra thúc bách, bồn chồn di chuyển đằng sau Langdon.

“Tin tôi đi,” Winston trả lời. “Edmond rất chú ý đến an ninh.”

“Thế nếu họ cắt điện vào tòa nhà thì sao?” Langdon vặn.

“Nguồn cấp điện riêng,” Winston thản nhiên trả lời. “Thừa đủ các thùng được chôn ngầm. Không ai can thiệp được vào thời điểm này. Tôi cam đoan với các vị.”

Langdon thấy nhẹ người. Winston vẫn đứng trên mọi mặt trận tối nay... Và kiểu gì cậu ấy cũng có sự ủng hộ của chúng ta.

Ngồi ngay chính giữa chiếc bàn hình móng ngựa, Langdon hướng sự chú ý tới cái bàn phím khác thường trước mặt mình. Ít nhất nó cũng có gấp đôi số lượng phím bình thường - bộ số và chữ truyền thống được bổ sung thêm vô số ký hiệu mà thậm chí ông không nhận ra. Bàn phím này được chia ra ở chính giữa, mỗi nửa lại được bố trí ở góc độ rất an toàn so với nửa kia.

“Hướng dẫn một chút ở đây chứ?” Langdon hỏi, chăm chú nhìn số phím khó hiểu.

“Sai bàn phím rồi,” Winston trả lời. “Đó là điểm truy cập chính của E-Wave. Như tôi đã nói, Edmond giấu kín bài thuyết trình này trước mọi người, kể cả tôi. Bài thuyết trình phải được

kích hoạt từ một máy khác. Xin hãy đi sang phải. Hết đường đến tận cuối.”

Langdon nhìn sang bên phải mình, nơi có nửa tá máy tính không có giá đỡ được sắp thẳng hàng dọc theo chiều dài chiếc bàn. Khi ông lăn ghế về phía đó, ông ngạc nhiên thấy rằng máy đầu tiên khá cũ và lỗi thời. Lạ thay, ông càng tiến xa thì dường như các máy càng cũ.

Không thể thể này, ông nghĩ thầm, đi lướt qua một hệ thống IBM DOS màu be trông rất vụng về chắc phải từ vài thập kỷ trước. “Winston, những máy này là gì thế?”

“Các máy tính thời niên thiếu của Edmond,” Winston nói. “Ông ấy giữ lại chúng như một cách nhắc nhở về gốc rễ của mình. Nhiều khi, vào những hôm khó khăn ở đây, ông ấy sẽ bật chúng lên và chạy các chương trình cũ - một cách để kết nối lại với những điều kỳ diệu mà ông ấy cảm nhận được với tư cách là một cậu bé khi khám phá quá trình lập trình.”

“Tôi thích ý tưởng đó đấy,” Langdon nói.

“Cũng như cái đồng hồ Chuột Mickey của ngài vậy,” Winston nói.

Giật mình, Langdon liếc nhìn xuống, vén ống tay áo khoác lên để nhìn chiếc đồng hồ cổ lỗ ông đã đeo từ khi nhận được nó lúc còn là một cậu bé. Việc Winston biết về đồng hồ của ông thật đáng ngạc nhiên, mặc dù Langdon nhớ gần đây đã từng kể với Edmond về việc đeo nó như một lời nhắc nhở hãy luôn trẻ trung trong suy nghĩ.

“Robert,” Ambra nói, “gạt thị hiếu thời trang của anh sang bên, liệu chúng ta có thể nhập mật khẩu được chưa? Ngay cả con chuột của anh cũng đang vẫy gọi - cố gắng thu hút sự chú ý của anh.”

Đúng vậy, bàn tay đeo găng của Mickey giơ cao trên đầu, ngón trỏ chỉ gần như thẳng đứng. *Ba phút nữa là tới giờ.*

Langdon nhanh chóng lướt đọc chiếc bàn, và Ambra tiến tới phía ông tại chỗ chiếc máy tính cuối cùng trong cả loạt - một cái hộp màu nâu trông thô kệch với khe đĩa mềm, một modem điện thoại 1.200 *baud*, và một màn hình lồi 12 inch phình ra đặt trên cái trụ.

“Máy Tandy TRS-80,” Winston nói. “Chiếc máy đầu tiên của Edmond. Ông ấy mua hàng đã qua sử dụng và tự dạy mình ngôn ngữ BASIC khi ông ấy được khoảng tám tuổi.”

Langdon rất vui thấy rằng chiếc máy tính này, bất chấp việc giống như một con khủng long, đã được bật và đang ở chế độ chờ. Màn hình của nó - một màn hiển thị đen và trắng nhấp nháy - sáng lên cùng với một lời nhắn đầy hứa hẹn, hiện ra với phong chữ đầy răng cưa.

XIN CHÀO EDMOND:

XIN MỜI NHẬP MẬT KHẨU:

Sau cụm từ “mật khẩu”, một con trỏ màu đen nhấp nháy chờ đợi.

“Nó đây à?” Langdon hỏi, cảm thấy như thể mọi việc quá đơn giản. “Tôi chỉ việc nhập nó vào đây à?”

“Chính xác,” Winston trả lời. “Một khi ngài nhập mật khẩu, máy tính cá nhân này sẽ gửi một tin nhắn ‘mở khóa’ đã được xác thực tới phần đã được niêm phong trong máy tính chính có lưu bài thuyết trình của Edmond. Khi đó tôi sẽ có quyền truy cập và có thể điều hành nguồn vào, sắp xếp để chiếu nó vào đầu giờ sáng và đưa dữ liệu tới tất cả các kênh phân phối chính để tiếp sóng trên toàn cầu.

Langdon ít nhiều hiểu lời giải thích này, nhưng khi ông chăm chú nhìn cái máy tính thô kệch và modem điện thoại, ông cảm thấy bối rối.

“Tôi không hiểu, Winston, sau toàn bộ việc lập kế hoạch của Edmond tôi nay, tại sao cậu ấy lại giao phó hết toàn bộ bài thuyết trình của mình cho một cuộc gọi điện thoại gửi đến một modem từ thời tiền sử thế?”

“Tôi xin nói rằng như thế Edmond mới là Edmond,” Winston đáp. “Như các vị biết, ông ấy rất mê kịch, biểu tượng và lịch sử. Và tôi ngờ là ông ấy thấy vô cùng vui vẻ khi vận hành được chiếc máy tính đầu tiên của mình và dùng nó để khởi động công trình vĩ đại nhất cuộc đời ông ấy.”

Rất đúng, Langdon ngẫm nghĩ, nhận ra đó đúng là cách Edmond nhìn nhận sự việc.

“Hơn nữa,” Winston nói thêm, “tôi ngờ rằng Edmond có lẽ đã gặp những điều bất ngờ, nhưng dù thế nào thì vẫn có lý khi sử dụng một máy tính cổ lỗ để ‘bật công tắc’. Những nhiệm vụ đơn giản thì cần dụng cụ đơn giản. Và nếu khôn ngoan về mặt an ninh thì việc sử dụng một bộ xử lý chậm chạp bảo đảm rằng sẽ không bao giờ xảy ra việc truy cập trái phép vào hệ thống.”

“Anh Robert?” Ambra thúc giục phía sau ông, bóp vai ông như khích lệ.

“Vâng, rất xin lỗi, tất cả ổn rồi.” Langdon kéo bàn phím Tandy lại gần mình hơn, sợi cáp cuộn chặt của máy giãn ra như một sợi dây điện thoại quay tay cũ kỹ. Ông đặt các ngón tay của mình lên các phím nhựa và nghĩ đến dòng văn bản viết tay mà ông và Ambra đã phát hiện được trong hầm mộ ở Sagrada Família.

Mọi tôn giáo u tối tiêu vong và khoa học lành mạnh thống trị.

Đoạn cuối tuyệt hay trong thiên trường thi của William Blake *The Four Zoas* dường như là lựa chọn hoàn hảo để mở khóa phát hiện khoa học cuối cùng của Edmond - một khám phá mà anh tuyên bố sẽ làm thay đổi mọi thứ.

Langdon hít một hơi thật sâu và cẩn thận gõ dòng thơ, không có các khoảng dãn cách và thay thế ký hiệu “và” bằng chữ ghép *et*.

Khi ông kết thúc, ông nhìn lên màn hình.

XIN MỜI NHẬP MẬT KHẨU:

.....

Langdon đếm số dấu chấm – bốn mươi bảy.

Hoàn hảo. *Chẳng thấy gì cả.*

Langdon đưa mắt nhìn Ambra và nàng gật đầu với ông. Ông với tay và gõ phím quay lại.

Lập tức, máy tính phát ra một tiếng xì uể oải.

MẬT KHẨU KHÔNG ĐÚNG.

XIN THỬ LẠI.

Tim Langdon đập như trống làng.

“Ambra... tôi gõ rất chuẩn! Tôi dám chắc vậy!” Ông xoay chiếc ghế của mình và nhìn lên nàng, định nhìn thấy gương mặt nàng ngập nỗi hãi hùng.

Thay vào đó, Ambra Vidal chăm chú nhìn xuống ông với một nụ cười thích thú. Nàng lắc đầu và cười to.

“Giáo sư,” nàng thì thào, tay chỉ bàn phím của ông. “Phím Caps Lock của anh vẫn bật kìa.”

Thời điểm đó, sâu trong lòng một quả núi, Hoàng tử Julián đứng sững sờ, trân trân nhìn qua vương cung thánh đường ngầm, cố hiểu cái cảnh tượng khó hiểu trước mắt mình. Cha chàng, Đức vua của Tây Ban Nha, ngồi bất động trên một chiếc xe lăn, được đặt ở khu vực riêng tư và hẻo lánh nhất của thánh đường này.

Với vẻ khiếp hãi, Julián xộc đến bên cạnh ông. “Cha?”

Lúc Julián đến bên, nhà vua từ từ mở mắt, rõ ràng đang thức dậy sau một giấc chợp mắt. Vị vua ốm yếu cố nở một nụ cười thư thái. “Cảm ơn con đã đến, con trai,” ông thì thào, giọng rất yếu.

Julián quỳ trước chiếc xe lăn, thấy thở phào vì cha mình vẫn còn sống nhưng cũng thấy thảng thốt trước việc ông đã suy nhược nhiều đến thế nào trong vài ngày qua. “Thưa cha? Cha ổn chứ?”

Đức vua nhún vai. “Khỏe như mong đợi,” ông trả lời với thái độ hài hước đến ngạc nhiên. “Con thì sao nhỉ? Ngày hôm nay của con đầy... sự kiện.”

Julián chẳng biết trả lời sao. “Cha làm gì ở đây vậy?”

“Ồ, ta mệt mỏi với bệnh viện và muốn một chút không khí thôi mà.”

“Vâng, nhưng... ở đây sao?” Julián biết cha mình luôn rất ghét mối liên hệ mang tính biểu tượng của đền thờ này với sự ngược đãi và thiếu khoan dung.

“Bệ hạ!” Valdespino gọi, hấp tấp vòng qua bàn thờ và tiến về chỗ họ, thở không ra hơi. “Trời đất ơi!”

Đức vua mỉm cười với người bạn nối khố của mình. “Antonio, chào ông.”

Antonio ư? Hoàng tử Julián chưa bao giờ nghe cha mình gọi

Giám mục Valdespino bằng tên thật của ông ấy. Ở nơi công khai, sẽ luôn là “Đức cha”.

Việc Đức vua bỏ qua nghi thức dường như khiến Giám mục bối rối. “Cảm ơn... bệ hạ,” ông ta đáp ứng. “Bệ hạ khỏe chứ?”

“Rất tuyệt,” nhà vua trả lời, cười rất tươi. “Ta đang ở trước mặt hai con người ta tin tưởng nhất trên đời này.”

Valdespino đưa mắt lo lắng nhìn Julián rồi lại hướng về nhà vua. “Bệ hạ, thần đã đưa con trai Người tới gặp Người như được yêu cầu. Thần để hai người nói chuyện riêng được chứ?”

“Không, Antonio,” nhà vua nói. “Đây sẽ là một buổi xưng tội. Và ta cần tu sĩ của mình ở bên cạnh.”

Valdespino lắc đầu. “Thần không nghĩ con trai Người mong Người giải thích những hành động và ứng xử của Người tối nay đâu. Thần tin chắc Người...”

“Tối nay ư?” Nhà vua cười. “Không, Antonio, ta đang thú thực một bí mật ta đã giữ kín với Julián suốt cả đời nó.”

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

NHÀ THỜ BỊ TẤN CÔNG!

Không, không phải bởi Edmond Kirsch - mà bởi cảnh sát Tây Ban Nha!

Nhà nguyện Torre Girona ở Barcelona hiện đang bị giới chức địa phương đột kích. Bên trong, Robert Langdon và Ambra Vidal được tin là chịu trách nhiệm về việc khởi động thành công tuyên bố đã được tiên liệu rất nhiều của Edmond Kirsch, đến giờ chỉ còn vài phút nữa.

Quá trình đếm ngược đã bắt đầu!

Ambra Vidal cảm thấy hân hoan khi chiếc máy tính cũ kỹ vui vẻ bật lên tiếng ping sau khi Langdon thử nhập dòng thơ lần thứ hai.

MẬT KHẨU ĐÚNG

Ờn Chúa, nàng nghĩ thầm khi Langdon đứng lên khỏi bàn và quay về phía mình. Ambra lập tức choàng hai tay quanh người ông và xiết chặt trong một cái ôm nhiệt thành. Edmond cũng sẽ rất biết ơn.

“Hai phút và ba mươi ba giây,” Winston lên tiếng.

Ambra buông Langdon ra, cả hai cùng quay về phía những màn hình LCD phía trên. Màn hình trung tâm hiển thị một chiếc đồng hồ đếm ngược mà nàng đã từng thấy ở Guggenheim.

Chương trình trực tiếp bắt đầu trong vòng 2 phút và 33 giây

Số người hiện theo dõi từ xa: 227.257.914

Hơn hai trăm triệu người ư? Ambra sửng sờ. Rõ ràng trong khi nàng và Langdon bỏ chạy khắp Barcelona, thì cả thế giới đã chú ý. Số cử tọa của Edmond tăng lên khủng khiếp.

Bên cạnh màn hình đếm ngược, dữ liệu an ninh trực tiếp vẫn đang chạy, và Ambra nhận thấy có sự thay đổi đột ngột trong hoạt động của cảnh sát ở bên ngoài. Lần lượt từng viên sĩ quan đang đập cửa hay nói qua bộ đàm đều ngừng những việc họ đang làm, rút điện thoại thông minh của mình ra và dán mắt nhìn vào đó. Khoảng sân bên ngoài nhà thờ dần trở thành một biển toàn những gương mặt háo hức, nhột nhạt được soi tỏ nhờ

quầng sáng từ màn hình thiết bị cầm tay của họ.

Edmond đã khiến cả thế giới dừng tại chỗ, Ambra nghĩ thầm, cảm nhận được một tinh thần trách nhiệm kỳ lạ mà người dân khắp địa cầu đang chuẩn bị để theo dõi một bài thuyết trình sẽ được phát đi từ căn phòng này. Mình tự hỏi không rõ Julián có đang theo dõi không, nàng nghĩ, sau đó nhanh chóng gạt bỏ ông ra khỏi tâm trí mình.

“Giờ chương trình đã được báo hiệu,” Winston nói. “Tôi tin cả hai người sẽ thoải mái hơn khi theo dõi trong khu vực nghỉ ngơi của Edmond ở đầu kia của phòng thí nghiệm này.”

“Cảm ơn anh, Winston,” Langdon nói, dẫn Ambra đi chân trần trên nền thủy tinh trơn bóng, đi qua cả khối hộp kim loại màu xám lam và vào khu vực nghỉ ngơi của Edmond.

Tại đây, một tấm thảm phương Đông được trải trên nền kính, cùng với một số đồ đạc rất trang nhã và một chiếc xe đạp tập thể dục.

Khi Ambra rời nền kính bước lên lớp thảm mềm, nàng cảm thấy cơ thể mình bắt đầu thư giãn. Nàng trèo lên ghế dài và co cả hai chân lên, ngó quanh tìm máy thu hình của Edmond. “Chúng ta xem ở đâu đây?”

Langdon rõ ràng không hề nghe, nên đi tới góc phòng để nhìn gì đó, nhưng Ambra có câu trả lời của mình chỉ một khắc sau khi toàn bộ bức tường hậu của gian phòng bắt đầu sáng lên từ bên trong. Một hình ảnh quen thuộc xuất hiện, được chiếu từ bên trong lớp kính.

Chương trình trực tiếp bắt đầu trong vòng 1 phút 39 giây

Số người hiện theo dõi từ xa: 227.501.173

Cả bức tường này là một màn hình ư?

Ambra đắm đắm nhìn vào hình ảnh cao hơn một mét tám khi đèn đóm trong nhà thờ từ từ dịu xuống. Dường như Winston làm cho họ như được ở nhà để xem màn đại trình diễn của Edmond.

Cách đó ba mét, trong góc phòng, Langdon đứng như trời trồng... không phải bên bức tường màn hình cực lớn, mà bên một thứ rất nhỏ ông vừa nhận thấy. Nó được trưng bày trên một cái bệ rất trang nhã như thể đó là một phần của cuộc triển lãm bảo tàng.

Trước mặt ông, một cái ống nghiệm duy nhất được đặt gọn trong một cái hộp trưng bày bằng kim loại có mặt trước bằng kính. Cái ống nghiệm có nút bần, được niêm phong, và bên trong chứa một chất lỏng màu nâu xỉn. Nhất thời, Langdon thắc mắc liệu có phải đó là một loại thuốc mà Edmond vẫn uống không. Sau đó, ông đọc được cái tên trên nhãn.

Không thể được, ông tự nhủ. Tại sao thứ này lại ở đây nhỉ?!

Có rất ít ống nghiệm “nổi tiếng” trên thế giới, nhưng Langdon biết chắc chắn cái ống này là hàng thật. Mình không tin Edmond lại nắm giữ một trong số này! Có lẽ anh đã mua hiện vật khoa học này với một cái giá khổng lồ mà chẳng quan tâm nhiều. Cũng như anh ấy đã làm với bức tranh Gauguin ở Casa Milà.

Langdon khom người và đắm đắm nhìn cái ống thủy tinh bảy mươi tuổi. Cái nhãn bằng băng dính đã mờ và cũ, nhưng hai cái tên trên ống thì vẫn đọc rõ: miller-urey.

Tóc gáy Langdon dựng lên khi ông đọc lại mấy cái tên. MILLER-UREY.

Lạy Chúa tôi... Chúng ta từ đâu đến?

Hai nhà hóa học Stanley Miller và Harold Urey đã tiến hành một thí nghiệm khoa học huyền thoại vào những năm 1950 nhằm cố gắng trả lời câu hỏi đó. Thí nghiệm táo bạo của họ thất bại, nhưng nỗ lực của họ được tôn vinh trên khắp thế giới và kể từ đó được biết đến như là thí nghiệm Miller-Urey.

Langdon nhớ mình đã bị thôi miên trong lớp học sinh vật tại trung học khi học về cách hai nhà khoa học này cố gắng tái tạo lại những điều kiện ở buổi đầu của quá trình tạo ra Trái Đất - một hành tinh nóng bỏng được bao phủ trong một đại dương chết gồm toàn những hóa chất sôi sùng sục.

Nồi súp nguyên thủy.

Sau khi tái tạo nguyên xi những hóa chất tồn tại trong các đại dương và bầu khí quyển sơ khai - nước, methane, ammonia, và hydrogen - Miller và Urey đốt nóng hỗn hợp đó để tái hiện các vùng biển sôi sùng sục. Sau đó họ cho dòng điện chạy qua đó để bắt chước sấm chớp. Và cuối cùng, họ để cho hỗn hợp nguội đi, đúng như các đại dương trên hành tinh này đã nguội đi.

Mục tiêu của họ rất đơn giản và táo bạo - kích hoạt sự sống từ một vùng biển nguyên thủy không hề có sự sống. Bất chước “Quá trình sáng tạo”, Langdon trầm nghĩ, chỉ sử dụng khoa học.

Miller và Urey nghiên cứu hỗn hợp ấy với hy vọng rằng những vi sinh vật nguyên thủy có thể hình thành trong cái hợp chất giàu hóa chất ấy - một quá trình chưa có tiền lệ được biết đến là khởi nguồn sự sống. Buồn thay, nỗ lực của họ nhằm tạo ra “sự sống” từ vật chất không có sự sống đã không thành công. Thay vì sự sống, họ chẳng thu được gì ngoài một đồng các ống thủy tinh trở lý hiện ‘héo mòn’ trong một ngăn tủ tối tăm tại Đại học California ở San Diego.

Cho đến hôm nay, những người theo Sáng tạo luận vẫn lấy thất bại của Thí nghiệm Miller-Urey làm bằng chứng khoa học

cho thấy rằng sự sống không thể xuất hiện trên Trái Đất nếu không có sự hỗ trợ từ bàn tay của Chúa.

“Ba mươi giây,” giọng Winston vang rền trên đầu.

Suy nghĩ của Langdon quay cuồng khi ông đứng lên và nhìn xoáy vào không gian nhà thờ tối tăm xung quanh họ. Chỉ vài phút trước, Winston đã tuyên bố rằng những đột phá vĩ đại nhất của khoa học là những gì tạo ra các “mô hình” mới của vũ trụ. Cậu ta cũng nói rằng MareNostrum chuyên về mô phỏng máy tính - tái tạo các hệ thống phức tạp và quan sát chúng vận hành.

Thí nghiệm Miller-Urey, Langdon nghĩ, là một ví dụ về mô phỏng sơ khai... tái tạo các tương tác hóa học phức tạp xảy ra trên Trái Đất nguyên thủy.

“Anh Robert!” Ambra gọi vọng qua phòng. “Đang bắt đầu rồi.”

“Tôi tới đây,” ông đáp, di chuyển về phía ghế dài, đột nhiên chìm trong mối ngờ vực rằng mình có thể vừa nắm bắt được một phần của những gì Edmond đã nghiền ngẫm.

Khi băng qua sàn, Langdon nhớ lại phần mở lời đầy kịch tính của Edmond trên đồng cỏ ở Guggenheim. Tối nay, chúng ta hãy như những nhà thám hiểm thời xưa, anh nói vậy, những người bỏ lại mọi thứ phía sau và vượt đại dương bao la. Kỷ nguyên của tôn giáo đang dần chấm hết, và kỷ nguyên của khoa học đang tới. Hãy hình dung điều gì sẽ xảy ra nếu kỳ diệu thay chúng ta biết được câu trả lời cho những câu hỏi lớn của cuộc sống.

Khi Langdon ngồi xuống bên cạnh Ambra, cái màn hình đồ sộ là cả bức tường bắt đầu phát đi dữ liệu đếm ngược cuối cùng.

Ambra nhìn ông dò xét. “Anh ổn chứ, Robert?”

Langdon gật đầu khi một đoạn âm thanh đầy kịch tính vang

khắp phòng và gương mặt Edmond hiện trên bức tường trước mặt họ, cao đến một mét rưỡi. Nhà vị lai chủ nghĩa lừng danh trông gầy và mệt mỏi, nhưng anh nhìn máy quay và mỉm cười rạng rỡ.

“Chúng ta từ đâu đến nhỉ?” anh hỏi, sự phấn khích trong giọng nói cất lên khi tiếng nhạc dịu xuống. “Và chúng ta đang đi về đâu?”

Ambra cầm lấy tay Langdon và nắm chặt vẻ lo lắng.

“Hai câu hỏi này thuộc về cùng một câu chuyện,” Edmond tuyên bố. “Vì thế chúng ta hãy bắt đầu từ đầu... từ chỗ khởi đầu.”

Với một cái gật đầu tinh nghịch, Edmond thò tay vào túi và móc ra một vật nhỏ bằng thủy tinh - một ống nghiệm chứa thứ chất lỏng xỉn màu có ghi hai cái tên đã mờ Miller và Urey.

Langdon cảm thấy tim mình đập rộn.

“Hành trình của chúng ta bắt đầu từ rất lâu rồi... bốn tỷ năm trước Công nguyên... trôi nổi trong nồi súp nguyên thủy.”

Ngồi cạnh Ambra trên ghế dài, Langdon chăm chú nhìn gương mặt vàng vọt của Edmond được chiếu lên bức tường màn hình bằng kính và cảm thấy xót xa khi biết rằng Edmond âm thầm chịu đựng một căn bệnh chết người. Tuy nhiên, tối nay, đôi mắt của nhà vị lai chủ nghĩa này ánh lên niềm vui và sự phấn khích thuần khiết.

“Chỉ một lát nữa, tôi sẽ nói với quý vị về cái ống nhỏ bé này,” Edmond nói, tay giơ cao ống nghiệm, “nhưng trước tiên, chúng ta hãy bơi... trong nỗi súp nguyên thủy đã.”

Edmond biến mất, và một tia chớp lóe lên, soi sáng một đại dương sôi sục nơi những hòn đảo núi lửa phun dung nham và tro bụi vào bầu khí quyển giông bão.

“Có phải đây là nơi sự sống bắt đầu?” Giọng Edmond đặt câu hỏi. “Một phản ứng tự phát trong một biển hóa chất sôi sục? Hay có lẽ đó là một vi khuẩn trên một thiên thạch từ không gian? Hay đó là... Chúa? Rất tiếc, chúng ta không thể ngược thời gian để chứng kiến khoảnh khắc đó. Tất cả những gì chúng ta biết là những gì xảy ra sau khoảnh khắc đó, khi sự sống đầu tiên xuất hiện. Quá trình tiến hóa đã diễn ra. Và chúng ta đã quen thấy nó được khắc họa là gì đó như thế này.”

Giờ màn hình cho thấy dòng thời gian quen thuộc của sự tiến hóa của loài người - một con vượn nguyên thủy thông vai đang sau một hàng các giống người đứng thẳng dần, cho tới giống cuối cùng đứng thẳng hoàn toàn, trút bỏ lớp lông cuối cùng trên cơ thể mình.

“Vâng, con người đã tiến hóa,” Edmond nói. “Đây là một sự

thật khoa học không thể bác bỏ và chúng ta đã xây dựng một dòng thời gian rõ ràng dựa trên tư liệu hóa thạch. Nhưng sẽ sao nếu chúng ta có thể xem quá trình tiến hóa đó đảo ngược?”

Đột nhiên, gương mặt Edmond bắt đầu mọc lông, biến đổi thành một người nguyên thủy. Cấu trúc xương của anh thay đổi, càng lúc càng giống vượn, và sau đó quá trình tăng tốc tới một tốc độ gần như không nhìn thấy được, cho thấy loáng thoáng hình ảnh của các giống loài càng lúc càng xa xưa - vượn cáo, con lười, thú có túi, thú mỏ vịt, cá phổi, lao xuống nước và biến hình thành lươn và cá, các sinh vật gelatine, sinh vật phù du, a míp, cho tới khi tất cả những gì còn lại của Edmond Kirsch là một vi khuẩn cực nhỏ - một đơn bào co duỗi trong một đại dương mênh mông.

“Những đốm sự sống sơ khởi nhất,” Edmond nói. “Đây là nơi bộ phim hồi cổ của chúng ta kết thúc. Chúng ta không biết các dạng sống sơ khởi nhất hình thành từ một biến hóa chất không có sự sống như thế nào. Chúng ta đơn giản là không thể thấy được cái khung đầu tiên của câu chuyện này.

$T = 0$, Langdon trầm ngâm, hình dung ra một bộ phim quay ngược tương tự nói về vũ trụ mở rộng trong đó vũ trụ thu gọn thành một điểm sáng duy nhất, và các nhà vũ trụ học cũng gặp phải ngõ cụt tương tự.

“‘Căn nguyên đầu tiên’,” Edmond tuyên bố. “Đó là thuật ngữ Darwin dùng để mô tả khoảnh khắc khó hiểu này của quá trình Sáng tạo. Ông chứng minh rằng sự sống liên tục tiến hóa, nhưng ông không thể đoán định được quá trình ấy bắt đầu như thế nào. Nói cách khác, giả thuyết của Darwin mô tả sự tồn tại của những gì thích hợp nhất, nhưng không phải là sự xuất hiện của nó.”

Langdon cười khan, chưa bao giờ được nghe trình bày theo

cách này.

“Vì thế, sự sống đến Trái Đất bằng cách nào? Nói cách khác, chúng ta đến từ đâu?” Edmond mỉm cười. “Trong vài phút nữa, quý vị sẽ có câu trả lời cho câu hỏi đó. Nhưng hãy tin tôi, dù câu trả lời đó gây choáng váng thì nó cũng chỉ là một nửa câu chuyện tôi nay thôi.” Anh nhìn thẳng vào máy quay và nở một nụ cười đáng ngại. “Hóa ra là, chúng ta từ đâu đến lại cực kỳ hấp dẫn... nhưng chúng ta sẽ đi về đâu thì vô cùng sốc.”

Ambra và Langdon nhìn nhau bối rối, và mặc dù Langdon cảm thấy đây là một lời cường điệu của Edmond nhiều hơn nhưng tuyên bố ấy vẫn khiến ông cảm thấy càng lúc càng bồn chồn.

“Nguồn gốc của sự sống...”, Edmond nói tiếp. “Nó vẫn là một bí ẩn sâu xa kể từ thời có các câu chuyện Sáng tạo đầu tiên. Trong hàng thiên niên kỷ, các triết gia và nhà khoa học đã tìm kiếm hồ sơ nào đó về khoảnh khắc đầu tiên của sự sống này.”

Giờ Edmond giờ cái ống nghiệm quen thuộc có chứa thứ chất lỏng xỉn màu lên. “Vào những năm 1950, hai người tìm kiếm như vậy - các nhà hóa học Miller và Urey - đã thực hiện một thí nghiệm táo bạo mà họ hy vọng có thể hé lộ chính xác sự sống bắt đầu như thế nào.”

Langdon ghé sang và thì thào với Ambra, “Cái ống nghiệm đó ở ngay đằng kia.” Ông chỉ về phía cái bệ trưng bày ở góc phòng.

Nàng đầy ngạc nhiên. “Làm sao Edmond lại có được nó?”

Langdon nhún vai. Căn cứ vào bộ sưu tập đồ đặc kỳ lạ trong căn hộ của Edmond thì cái ống nghiệm này có lẽ chỉ là một món lịch sử khoa học mà anh muốn nắm giữ.

Edmond mô tả nhanh nỗ lực của Miller và Urey nhằm tái tạo nồi súp nguyên thủy, cố gắng tạo ra sự sống ngay bên trong một

ổng hóa chất không còn tồn tại.

Giờ màn hình lóe lên hình ảnh một bài báo trên tờ New York Times mờ mờ từ ngày 8 tháng 3 năm 1953, có nhan đề “Nhìn lại hai tỷ năm”.

“Rõ ràng,” Edmond nói, “thí nghiệm này khiến một số người phải nhướn mày. Những hàm ẩn có thể rất sốc, đặc biệt với thế giới tôn giáo. Nếu sự sống xuất hiện một cách ngẫu nhiên trong ống nghiệm này, chúng ta sẽ biết chắc chắn rằng chỉ riêng các quy luật hóa học thực tế đã đủ để tạo ra sự sống. Chúng ta sẽ không còn cần đến một thế lực siêu nhiên từ trên thiên đường với xuống và ban cho chúng ta tia lửa Sáng tạo. Chúng ta sẽ hiểu rằng sự sống đơn giản là cứ xảy ra... như một sản phẩm phụ tất yếu từ các quy luật của tự nhiên. Điều quan trọng hơn, chúng ta sẽ phải kết luận rằng vì sự sống tự phát xuất hiện ở đây trên Trái Đất này, nên gần như chắc chắn nó sẽ làm điều tương tự ở đâu đó trong vũ trụ, nghĩa là: loài người không phải là duy nhất; loài người không nằm ở trung tâm vũ trụ của Chúa và loài người không hề đơn độc trong vũ trụ.”

Edmond thở hắt ra. “Tuy nhiên, như nhiều người trong quý vị có thể đã biết, thí nghiệm Miller-Urey thất bại. Nó tạo ra một vài axit amin, nhưng chẳng có gì thậm chí gần giống với sự sống. Hai nhà hóa học thử đi thử lại, sử dụng các cách kết hợp nguyên liệu khác nhau, các nền nhiệt khác nhau, nhưng chẳng có gì hiệu quả. Dường như là sự sống - như những người sùng đạo vẫn tin tưởng từ lâu - cần đến sự can thiệp của thần thánh. Cuối cùng, Miller và Urey từ bỏ thí nghiệm của họ. Cộng đồng tôn giáo thở phào nhẹ nhõm, và cộng đồng khoa học bắt đầu lại từ đầu.” Anh ngừng lại, trong mắt ánh lên vẻ thích thú. “Tức là, cho tới năm 2007... khi có một diễn biến không ngờ.”

Giờ Edmond kể câu chuyện những ống nghiệm Miller-Urey

bị lãng quên được phát hiện lại như thế nào trong một chiếc tủ tại Đại học California ở San Diego sau cái chết của Miller. Những sinh viên của Miller đã phân tích lại các mẫu vật sử dụng những kỹ thuật đương đại nhạy hơn nhiều - bao gồm cả phương pháp ghi sắc chất lỏng và phương pháp đo phổ chất rắn - và kết quả thật sửng sốt. Rõ ràng, thí nghiệm Miller-Urey nguyên khai đã tạo ra nhiều axit amin và hợp chất phức tạp hơn là Miller có thể đo đếm được vào thời đó. Phân tích mới về các ống nghiệm thậm chí còn xác định được một số nucleobase quan trọng - những khối RNA và cuối cùng có lẽ là... DNA.

“Đó là một câu chuyện khoa học kinh ngạc,” Edmond kết luận, “hợp pháp hóa lại quan niệm cho rằng có lẽ sự sống đơn giản là tự diễn ra... không cần sự can thiệp thần thánh. Dường như thí nghiệm Miller-Urey thực tế đã hiệu quả, nhưng chỉ cần thêm thời gian để thai nghén. Chúng ta hãy ghi nhớ một điểm then chốt: sự sống tiến hóa qua hàng tỉ năm, và những ống nghiệm này vẫn nằm yên trong một cái tủ chỉ mới hơn năm mươi năm. Nếu mạch thời gian của thí nghiệm này được đo bằng dặm, thì cứ như thế cái nhìn của chúng ta mới chỉ giới hạn được vài phân đầu tiên...”

Anh để cho suy nghĩ ấy đọng lại trong không khí.

“Không cần phải nói gì,” Edmond tiếp tục, “có sự trôi dạt đột ngột trong mỗi quan tâm xung quanh ý tưởng tạo ra sự sống trong phòng thí nghiệm.”

Mình vẫn nhớ chuyện đó, Langdon nghĩ bụng. Khoa sinh học Harvard từng có một bữa tiệc của khoa mà họ mô tả là BYOB: Tạo Vi khuẩn của chính bạn.

“Dĩ nhiên, có một phản ứng mạnh mẽ từ các thủ lĩnh tôn giáo hiện đại,” Edmond nói, đặt hai dấu ngoặc kép không khí quanh từ “hiện đại”.

Bức tường màn hình đổi về trang chủ của một website - creation.com - mà Langdon nhận ra là một mục tiêu thường xuyên trút giận và châm chọc của Edmond. Tổ chức này thực tế rất lớn tiếng trong việc truyền bá Sáng tạo luận, nhưng đó khó có thể là một ví dụ công bằng về “thế giới tôn giáo hiện đại”.

Tuyên ngôn truyền giáo của họ là: “Nói lên sự thật và quyền năng của Kinh thánh, và khẳng định trách nhiệm của nó - đặc biệt là lịch sử Sáng thế của nó.”

“Trang này,” Edmond nói, “rất thịnh hành, có ảnh hưởng và có chứa hàng tá blog về những mối hiểm họa của việc phục hồi công việc của Miller-Urey. May thay cho những người ở creation.com, họ chẳng có gì phải sợ. Thậm chí nếu thí nghiệm này thành công trong việc tạo ra sự sống thì có lẽ điều đó sẽ không xảy ra trong vòng hai tỷ năm nữa.”

Edmond lại giờ ống nghiệm lên. “Như quý vị có thể hình dung, tôi chẳng thích gì hơn là được tua nhanh hai tỷ năm, kiểm tra lại ống nghiệm này, và chứng minh tất cả đám Sáng tạo luận đều sai bét. Rất tiếc, hoàn thành việc đó sẽ đòi hỏi một cỗ máy thời gian.” Edmond ngừng lại với vẻ mặt nhăn nhó. “Và vì thế... tôi đã chế một chiếc.”

Langdon liếc sang Ambra, người hầu như không nhúc nhích kể từ khi bài thuyết trình bắt đầu. Đôi mắt đen của nàng dán chặt lấy màn hình.

“Một cỗ máy thời gian,” Edmond nói, “không hề khó làm. Để tôi cho quý vị thấy ý tôi là gì.”

Một quán rượu vắng khách xuất hiện, và Edmond đi vào đó, di chuyển tới một chiếc bàn chơi bi a. Những quả bóng được xếp theo mô hình tam giác thông thường, đợi đến lúc được phá bung ra. Edmond cầm lấy một cây cơ, cúi người trên bàn, và chọc mạnh quả bóng cái. Nó lao về phía số bóng đang đợi.

Ngay trước khi nó chạm vào đám bóng, Edmond hô to, “Dừng!”

Quả bóng cái đứng yên tại chỗ - dừng lại một cách kỳ diệu ngay trước lúc va chạm.

“Ngay lúc này,” Edmond nói, mắt nhìn cái khoảnh khắc đứng yên trên bàn, “nếu tôi hỏi quý vị đoán xem những quả bóng nào sẽ rơi vào lỗ nào, quý vị có làm được không? Dĩ nhiên là không. Thực sự có hàng nghìn khả năng phá bóng. Nhưng sẽ thế nào nếu quý vị có một cỗ máy thời gian và có thể tua nhanh mười lăm giây vào tương lai, quan sát những gì xảy ra với các quả bóng bi a, và sau đó quay lại? Dù có tin hay không, thưa các bạn của tôi, giờ chúng ta có công nghệ để làm việc đó.”

Edmond ra hiệu về phía một dãy máy quay nhỏ xíu trên mép bàn. “Sử dụng các cảm biến quang học để đo vận tốc, độ quay, hướng, và trục xoay của bóng cái khi nó chuyển động, tôi có thể thu được một ảnh chụp toán học chuyển động của bóng ở bất kỳ thời điểm xác định nào. Với ảnh chụp đó, tôi có thể đưa ra những dự đoán cực kỳ chính xác về chuyển động tương lai của nó.”

Langdon nhớ đã từng dùng một thiết bị mô hình hóa bóng golf sử dụng công nghệ tương tự để dự đoán với độ chính xác kinh người về xu hướng phát bóng golf vào rừng.

Giờ Edmond rút ra một chiếc điện thoại thông minh rất lớn. Trên màn hình là hình ảnh một bàn bi a với quả bóng cái vẫn đứng im tại chỗ. Một loạt phương trình toán học lơ lửng bên trên quả bóng.

“Biết được chính xác khối lượng, vị trí và vận tốc của bóng cái,” Edmond nói, “tôi có thể ước tính được những tương tác của nó với các bóng khác và dự đoán kết quả.” Anh chạm vào màn hình, và quả bóng cái mô phỏng vận động trở lại, đập

mạnh vào số bóng đang đợi sẵn, làm chúng bật ra khắp nơi, và đẩy bốn bóng vào bốn lỗ khác nhau.

“Bốn bóng,” Edmond nói, mắt nhìn điện thoại. “Một cú đánh rất tuyệt.” Anh ngược lên nhìn cử tọa. “Không tin tôi sao?”

Anh búng mấy ngón tay bên trên bàn bóng bi a thật, và bóng cái được phát đi, lao vút qua bàn, đập rất to vào các bóng khác làm chúng tản ra. Đúng bốn quả bóng rơi vào bốn lỗ y hệt như mô phỏng.

“Không hẳn là một cỗ máy thời gian,” Edmond cười toe toét nói, “nhưng nó thực sự giúp chúng ta nhìn thấy tương lai. Thêm nữa, nó còn cho phép tôi điều chỉnh các quy luật vật lý. Chẳng hạn, tôi có thể loại bỏ *ma sát* để các bóng không bao giờ bị chậm lại... cứ lăn tròn mãi mãi cho tới khi cuối cùng tất cả các quả bóng đều rơi vào lỗ.”

Anh gõ vài phím và khởi động quá trình mô phỏng lần nữa. Lần này, sau khi bung ra, các quả bóng đang tỏa ra không hề chậm lại, mà nảy tít mù quanh khắp bàn, cuối cùng đều rơi xuống các lỗ ngẫu nhiên, cho tới khi chỉ còn hai quả bóng còn lại vẫn di chuyển quanh bàn.

“Và nếu tôi thấy mệt mỏi với việc đợi hai quả bóng cuối cùng này rơi,” Edmond nói, “tôi có thể tua nhanh quá trình.” Anh lại chạm vào màn hình, và hai quả bóng còn lại tăng tốc, va đập khắp bàn cho tới khi cuối cùng chúng cũng rơi vào lỗ. “Với cách này tôi có thể nhìn thấy tương lai, rất lâu trước khi việc xảy ra. Những mô phỏng máy tính thật sự là những cỗ máy thời gian.” Anh ấy ngừng lại. “Dĩ nhiên, đây chỉ là toán học khá đơn giản trong một hệ thống khép kín, quy mô nhỏ như một bàn bi a. Nhưng một hệ thống phức tạp hơn thì sao?”

Edmond giơ cái ống Miller-Urey lên và mỉm cười. “Tôi đoán quý vị có thể thấy tôi sẽ đi đến đâu với thứ này. Mô phỏng máy

tính là một dạng máy thời gian, và nó cho chúng ta thấy tương lai... thậm chí có lẽ là hàng tỷ năm trong tương lai.”

Ambra thay đổi tư thế trên ghế, mắt nàng vẫn không rời mặt Edmond.

“Như quý vị có thể hình dung được,” Edmond nói, “tôi không phải là nhà khoa học đầu tiên mơ đến việc mô phỏng nội súp nguyên thủy của Trái Đất. về nguyên tắc, đó là một thí nghiệm rõ ràng - nhưng trên thực tiễn, nó là một cơn ác mộng phức tạp.”

Những vùng biển nguyên thủy dữ dội lại xuất hiện trong sấm chớp, núi lửa và những đợt sóng sừng sững. “Mô phỏng đặc tính hóa học của đại dương đòi hỏi phải mô phỏng ở cấp độ phân tử. Cũng giống như dự báo thời tiết chính xác đến mức chúng ta biết được chính xác địa điểm của từng phân tử không khí ở bất kỳ thời điểm xác định nào. Do đó, bất kỳ sự mô phỏng có ý nghĩa nào về biển thời nguyên thủy đều sẽ cần đến một máy tính để hiểu không chỉ các quy luật vật lý - chuyển động, nhiệt động, lực hấp dẫn, bảo tồn năng lượng, và vân vân - mà còn cả tính chất hóa học nữa, như thế mới có thể tái tạo chính xác các trạng thái gắn kết hình thành giữa tất cả các nguyên tử bên trong một nồi súp đại dương đang sôi sùng sục.”

Hình ảnh phía trên đại dương giờ chìm vào dưới những con sóng, phóng đại dần thành một giọt nước duy nhất, nơi các nguyên tử quay cuồng dữ dội và các phân tử kết dính và tách rời nhau.

“Đáng buồn thay,” Edmond nói, xuất hiện trở lại trên màn hình, “một sự mô phỏng bị thách thức bởi quá nhiều khả năng hoán vị này đòi hỏi sức xử lý cực lớn - vượt rất xa khả năng của bất kỳ máy tính nào trên Trái Đất.” Mắt anh lại hấp háy đầy phấn khích. “Tức là... bất kỳ máy tính nào ngoại trừ một cái.”

Tiếng một chiếc đàn ống ngân lên, chơi âm rung mở đầu nổi tiếng trong bản *Toccata and Fugue* của Bach ở cung Rê thứ cùng với một bức ảnh góc rộng chiếc máy tính hai tầng đồ sộ của Edmond.

“E-Wave,” Ambra thì thảo, lần đầu tiên cất tiếng suốt nhiều phút qua.

Langdon đắm đắm nhìn màn hình. Dĩ nhiên rồi... thật xuất sắc.

Trong nền nhạc đàn ống đầy kịch tính, Edmond thực hiện một chuyến tham quan video đầy hấp dẫn vào chiếc siêu máy tính của mình, đến cuối cùng mới tiết lộ cái “ống lượng tử.” Tiếng đàn ống lên đến cao trào với một dây vang rền; Edmond đang “nỗ lực hết sức” theo đúng nghĩa đen.

“Điểm mấu chốt,” anh kết luận, “là E-Wave có khả năng tái tạo thí nghiệm Miller-Urey trên thực tiễn, với độ chính xác đến kinh ngạc. Tôi không thể mô phỏng toàn bộ đại dương nguyên thủy, dĩ nhiên là vậy, do đó tôi tạo ra hệ thống kín năm lít tương tự mà Miller và Urey đã sử dụng.”

Giờ một cái bình hóa chất xuất hiện. Hình ảnh thứ chất lỏng được phóng đại và tiếp tục phóng đại cho tới khi đạt tới cấp độ nguyên tử - cho thấy các nguyên tử di chuyển trong hỗn hợp được đốt nóng, gắn kết và tái gắn kết, dưới ảnh hưởng của nhiệt độ, điện và chuyển động vật lý.

“Mô hình này tích hợp mọi thứ chúng ta đã biết về nôi súp nguyên thủy kể từ thời thí nghiệm Miller-Urey... bao gồm sự hiện diện rất có thể có của các gốc hydroxyl từ hơi nước nhiễm điện và các carbonyl sulfide từ hoạt động núi lửa, cũng như tác động của các thuyết ‘giảm khí quyển’.”

Thứ chất lỏng trên màn hình tiếp tục khuấy đục và các cụm

nguyên tử bắt đầu hình thành.

“Giờ chúng ta hãy tua nhanh quá trình...”, Edmond nói đầy phần khích và đoạn video nhòa đi, cho thấy quá trình hình thành các hợp chất ngày càng phức tạp. “Sau một tuần, chúng ta bắt đầu thấy những axit amin tương tự mà Miller và Urey đã thấy.” Hình ảnh lại nhòa đi lần nữa, giờ di chuyển nhanh hơn. “Và rồi... ở mốc khoảng năm mươi năm, chúng ta bắt đầu thấy những dấu hiệu của các khối RNA kiến tạo.”

Thứ chất lỏng tiếp tục xoay chuyển, càng lúc càng nhanh.

“Và tôi cứ để nó vận hành!” Edmond hét vang, giọng anh vút lên với xúc cảm mãnh liệt.

Các phân tử trên màn hình tiếp tục gắn kết, độ phức tạp của các cấu trúc tăng lên khi chương trình tua nhanh theo thế kỷ, thiên niên kỷ, triệu năm. Khi những hình ảnh chạy với tốc độ chóng mặt, Edmond hồ hởi kêu lớn, “Và hãy đoán xem cuối cùng thứ gì sẽ xuất hiện trong chiếc bình này?”

Langdon và Ambra háo hức nhòm về phía trước.

Nét mặt hồ hởi của Edmond đột nhiên xui xuống. “Hoàn toàn *chẳng* có gì,” anh nói. “Không hề có sự sống. Không hề có phản ứng hóa học tự phát. Không có khoảnh khắc Sáng tạo. Chỉ có một hỗn hợp lung tung của các hóa chất chết.” Anh thở dài thườn thượt. “Tôi chỉ có thể rút ra một kết luận hợp lý.” Anh ai oán nhìn vào máy quay. “Sáng tạo sự sống... cần có Chúa.”

Langdon sửng sốt trôn trôn nhìn. Cậu ấy nói gì vậy?

Phải mất một lúc, một nụ cười mới thoáng hiện trên gương mặt Edmond. “Hoặc,” anh nói, “có lẽ tôi đã thiếu mất một nguyên liệu then chốt trong công thức.”

Ambra Vidal ngồi như thôi miên, hình dung ra hàng triệu người trên khắp địa cầu, ngay lúc này, cũng giống như nàng, đang hoàn toàn mải mê với thuyết trình của Edmond.

“Vậy, tôi thiếu mất nguyên liệu gì?” Edmond hỏi. “Tại sao nôi súp nguyên thủy của tôi lại không chịu tạo ra sự sống? Tôi không biết - tôi đã làm những gì tất cả các nhà khoa học thành công đã làm. Tôi đi hỏi ai đó thông thái hơn tôi!”

Một phụ nữ đeo kính đầy chất học giả xuất hiện: Tiến sĩ Constance Gerhard, nhà sinh hóa, Đại học Stanford. “Chúng ta có thể tạo ra sự sống như thế nào ư?” Nhà khoa học cười, lắc đầu. “Chúng ta không thể! Mấu chốt là vậy. Khi nói đến quá trình sáng tạo - vượt qua cái ngưỡng nơi các hóa chất vô tri giác hình thành lên những sinh thể - toàn bộ khoa học của chúng ta đều biến mất hoàn toàn. Không hề có cơ chế nào trong ngành hóa học giải thích được xem điều đó xảy ra như thế nào. Thực tế cái khái niệm về các tế bào tự tổ chức thành các dạng sống dường như xung đột trực tiếp với quy luật entropy!”

“Entropy,” Edmond nhắc lại, lúc này xuất hiện trên một bãi biển đẹp. “Entropy chỉ là một cách nói khác lạ: mọi thứ tách rời. Theo ngôn ngữ khoa học, chúng tôi nói là ‘một hệ thống có tổ chức tất yếu hư hại dần’.” Anh lại búng ngón tay và một lâu đài cát rất cầu kỳ xuất hiện dưới chân. “Tôi vừa tổ chức hàng triệu hạt cát thành một lâu đài. Chúng ta cùng xem vũ trụ cảm thấy thế nào về việc đó nhé.” Vài giây sau, một đợt sóng xô tới và cuốn trôi lâu đài. “Ồi chà, vũ trụ đã định vị được những hạt cát có tổ chức của tôi và phân rã chúng rồi, phát tán chúng ra khắp bãi biển. Đây chính là entropy vận hành đấy. Những con sóng

không bao giờ xô vào bãi biển và tích tụ cát thành hình một lâu đài cát cả. Entropy phân rã cấu trúc. Lâu đài cát không bao giờ tự phát xuất hiện trong vũ trụ cả, chúng chỉ biến mất thôi.”

Edmond lại búng ngón tay và xuất hiện trở lại trong một gian bếp rất lịch sự. “Khi quý vị đun nóng cà phê,” anh nói, nhắc một cái cốc bốc hơi ra khỏi lò vi sóng, “quý vị tập trung nhiệt năng vào một cái cốc. Nếu quý vị để cái cốc đó trên bàn quây một tiếng, hơi nóng tan vào phòng và tự tỏa đều ra, như các hạt cát trên bãi biển. Lại là entropy. Và quá trình này *không thể đảo ngược*. Cho dù quý vị có đợi bao lâu thì vũ trụ cũng sẽ không bao giờ làm nóng lại chỗ cà phê của quý vị cả.” Edmond mỉm cười. “Nó cũng sẽ không phục hồi một quả trứng đã vỡ hay xây lại một lâu đài cát đã bị bào mòn.”

Ambra nhớ đã có lần thấy một tác phẩm nghệ thuật sắp đặt có tên Entropy - một dãy các khối xi măng cũ, cứ khối sau lại vỡ nhiều hơn khối trước, dần dần phân rã thành một đồng hạt.

Tiến sĩ Gerhard, nhà khoa học đeo kính, xuất hiện trở lại. “Chúng ta sống trong một vũ trụ *entropy*,” bà nói, “một thế giới với những quy luật vật lý sắp xếp *ngẫu nhiên*, chứ không phải có tổ chức. Cho nên câu hỏi là thế này: Làm cách nào các hóa chất không có sự sống lại tự tổ chức thành các dạng sống phức tạp một cách kỳ diệu? Tôi chưa bao giờ là một người theo tôn giáo cả, nhưng tôi phải thừa nhận, sự tồn tại của sự sống là bí ẩn khoa học *duy nhất* từng thuyết phục tôi cân nhắc ý tưởng về một Đấng Sáng tạo.”

Edmond xuất hiện, lắc đầu. “Tôi thấy nản khi những con người thông minh sử dụng từ ‘Đấng Sáng tạo’...” Anh nhún vai rất hiền lành. “Họ làm vậy, tôi biết, vì khoa học đơn giản là không có lời giải thích hiệu quả về mở đầu của sự sống. Nhưng tin tôi đi, nếu quý vị tìm kiếm một dạng sức mạnh vô hình nào

đó tạo ra trật tự trong một vũ trụ hỗn mang thì còn có những câu trả lời đơn giản hơn cả Chúa trời nhiều.”

Edmond chìa ra một mảnh giấy trên có rắc mạt sắt. Sau đó, anh đưa ra một thanh nam châm lớn và giữ nó bên dưới mảnh giấy. Ngay lập tức, các mạt sắt nhảy thành một vòng cung có tổ chức, sắp xếp hoàn hảo với nhau. “Một lực vô hình tổ chức được những mạt sắt này. Có phải đó là Chúa trời? Không... đó là điện từ.”

Giờ Edmond xuất hiện bên cạnh một tấm bạt lò xo lớn. Trên bề mặt rất căng của tấm bạt có đặt rải rác hàng trăm viên cẩm thạch. “Một mớ cẩm thạch ngẫu nhiên,” anh nói, “nhưng nếu tôi làm việc này...” Anh nhấc một quả bóng bowling lên mép tấm bạt lò xo và cho nó lăn lên lớp vải co dãn. Sức nặng của bóng tạo ra một vết lõm sâu, và lập tức những viên cẩm thạch nằm rải rác dồn vào chỗ lõm, hình thành một vòng tròn xung quanh quả bóng bowling. “Bàn tay tổ chức của Chúa trời ư?” Edmond ngừng lại. “Không, lại một lần nữa... đó chỉ là trọng lực mà thôi.”

Giờ anh xuất hiện cận cảnh. “Hóa ra sự sống không phải là ví dụ duy nhất của trật tự tạo ra vũ trụ. Các phân tử không có sự sống luôn tự tổ chức thành các cấu trúc phức tạp.”

Một đoạn phim gồm nhiều hình ảnh xuất hiện - một cơn lốc xoáy, một bông tuyết, một lòng sông gợn sóng, một tinh thể thạch anh và những vòng tròn của sao Thổ.

“Như quý vị có thể thấy, nhiều khi vũ trụ thật sự cấu tạo nên vật chất - điều dường như đối lập hẳn với entropy.” Edmond thở dài. “Vậy là cái nào? Liệu có phải vũ trụ thích trật tự? Hay hỗn mang?”

Edmond lại xuất hiện, lúc này bước trên một lối đi về phía mái vòm trứ danh của Học viện Công nghệ Massachusetts.

“Theo hầu hết các nhà vật lý, câu trả lời là *hỗn mang*. Entropy thực tế là vua và vũ trụ liên tục phân rã theo hướng hỗn loạn. Một dạng thông điệp đáng buồn.” Edmond ngừng lại và cười toe toét. “Nhưng hôm nay tôi tới gặp nhà vật lý trẻ tuổi thông minh, người tin rằng có một đặc tính... một đặc tính có thể nắm giữ chìa khóa về việc sự sống bắt đầu như thế nào.”

Jeremy England?

Langdon giật mình khi nhận ra cái tên của nhà vật lý Edmond đang mô tả lúc này. Vị giáo sư ngoài ba mươi của Học viện Công nghệ Massachusetts hiện là người được toàn bộ giới học thuật Boston tôn xưng, vì đã tạo ra một sự khuấy động toàn cầu trong một lĩnh vực mới gọi là sinh học lượng tử.

Thật trùng hợp, Jeremy England và Robert Langdon lại cùng học một trường trung học - Học viện Phillips Exeter - và lần đầu tiên Langdon biết đến nhà vật lý trẻ tuổi là trên tờ tạp chí cựu học sinh của trường, trong một bài viết nhan đề “Tổ chức thích ứng do sự phân tán năng lượng điều khiển”. Mặc dù Langdon chỉ đọc lướt bài báo và không hiểu mấy nhưng ông nhớ đã rất tò mò khi biết rằng người bạn đồng môn “Exie” của mình vừa là một nhà vật lý xuất sắc và cũng là một người rất sùng đạo - một tín đồ Do Thái Chính thống giáo.

Langdon bắt đầu hiểu tại sao Edmond lại quan tâm đến công việc của England như vậy.

Trên màn hình, một người đàn ông khác xuất hiện, chính là nhà vật lý của Đại học New York Alexander Grosberg. “Hy vọng lớn lao của chúng ta,” Grosberg nói, “là Jeremy England nhận biết được nguyên tắc vật lý ngầm điều khiển nguồn gốc và sự tiến hóa của sự sống.”

Langdon ngồi thẳng lên một chút khi nghe thấy câu đó, Ambra cũng vậy.

Một gương mặt khác xuất hiện. “Nếu England có thể chứng minh giả thuyết của ông ấy là đúng,” nhà sử học đoạt Giải Pulitzer Edward J. Larson nói, “thì tên tuổi ông ấy sẽ được ghi nhớ mãi mãi. Ông ấy có thể là Darwin tiếp theo.”

Chúa ơi. Langdon biết Jeremy England vẫn tạo ra những đợt sóng, nhưng điều này nghe giống như những trận sóng thần.

Carl Franck, một nhà vật lý từ Cornell, nói thêm, “Cứ ba mươi năm hoặc tương đương, chúng ta lại trải qua những bước nhảy vĩ đại... và đây có thể là như vậy.”

Một loạt tiêu đề vụt hiện ra trên màn hình thành một chuỗi rất nhanh:

“GẶP GỠ NHÀ KHOA HỌC CÓ THỂ BÁC BỎ CHÚA”

“ĐẬP TAN SÁNG TẠO LUẬN”

“XIN CẢM ƠN CHÚA - NHƯNG CHÚNG TÔI KHÔNG CẦN SỰ GIÚP ĐỠ CỦA NGÀI NỮA”

Danh sách các tiêu đề cứ tiếp tục, giờ còn có thêm những mẩu tin từ các tạp chí khoa học lớn, tất cả dường như đều nói lên một thông điệp giống nhau: nếu Jeremy England có thể chứng minh được giả thuyết mới của mình, thì những hàm ẩn sẽ gây chấn động - không chỉ cho khoa học mà còn cho cả tôn giáo.

Langdon nhìn tiêu đề cuối cùng trên bức tường - từ tạp chí điện tử Salon, ngày 3 tháng 1 năm 2015.

“CHÚA TRÊN SỢI DÂY: KHOA HỌC MỚI XUẤT CHÚNG KHIẾN PHE SÁNG TẠO LUẬN VÀ THIÊN CHÚA GIÁO SỢ HÃI.”

Một giáo sư Học viện Công nghệ Massachusetts trẻ tuổi đang kết thúc nhiệm vụ của Darwin - và đe dọa phá bỏ mọi thứ những kẻ lập dị quan tâm.

Màn hình chuyển, và Edmond xuất hiện trở lại, đang sải bước đầy chủ đích dọc theo hành lang một khoa của ngành khoa học ở trường đại học. “Vậy bước tiến vĩ đại này là gì mà những người theo thuyết Sáng tạo luận sợ đến vậy?”

Edmond tươi cười khi dừng lại bên ngoài một cánh cửa ghi: PHÒNG THÍ NGHIỆM ENGLAND @ VẬT LÝ MIT.

“Chúng ta hãy vào trong - và hỏi đích danh người ấy.”

Người đàn ông trẻ tuổi lúc này xuất hiện trên bức tường màn hình của Edmond chính là nhà vật lý Jeremy England. Anh ta cao và gầy gò với hàm râu rôi bù và một nụ cười ngơ ngác kín đáo. Anh ta đứng trước một tấm bảng đen đầy các phương trình toán học.

“Trước tiên,” England nói, giọng thân thiện và khiêm nhường, “cho phép tôi nói rằng giả thuyết này chưa được *minh chứng*, nó chỉ là một ý tưởng thôi.” Anh ta nhún vai rất nhún nhặn. “Mặc dù tôi thừa nhận nếu chúng ta có thể chứng minh rằng nó đúng, thì những hàm ẩn sẽ có ảnh hưởng sâu rộng.”

Trong ba phút tiếp theo, nhà vật lý phác họa ý tưởng mới của mình, mà - như hầu hết những khái niệm làm thay đổi khuôn mẫu - đơn giản đến bất ngờ.

Giả thuyết của Jeremy England, nếu Langdon hiểu đúng, là vũ trụ có vai trò như một chỉ thị đặc biệt. Một mục đích.

Phân tán năng lượng.

Theo ngôn ngữ đơn giản nhất, khi vũ trụ tìm được các vùng năng lượng tập trung, nó phân tán năng lượng đó ra. Ví dụ kinh điển, như Kirsch đã đề cập, là cốc cà phê nóng trên bàn, nó luôn nguội đi, tản nhiệt lượng của nó sang các phân tử khác trong phòng theo đúng Quy luật Nhiệt động học thứ hai.

Langdon đột nhiên hiểu tại sao Edmond lại hỏi ông về các truyền thuyết Sáng tạo của thế giới - tất cả đều có chứa hình ảnh năng lượng và ánh sáng phát tán rất nhiều và soi sáng bóng tối.

Tuy nhiên, England tin rằng có một đặc tính liên quan đến

cách vũ trụ phân tán năng lượng.

“Chúng ta biết vũ trụ thúc đẩy entropy và hỗn loạn,” England nói, “cho nên chúng ta có thể ngạc nhiên khi thấy rất nhiều ví dụ về việc các phân tử tự tổ chức.”

Trên màn hình, một vài hình ảnh xuất hiện trước đó giờ trở lại - một trận lốc xoáy, một lòng sông gợn sóng, một bông tuyết.

“Tất cả những thứ này,” England nói, “là những ví dụ về ‘các cấu trúc tiêu tan’ - những tập hợp các phân tử tự sắp xếp thành những cấu trúc giúp một hệ thống tản năng lượng của nó một cách hiệu quả hơn.”

England nhanh chóng minh họa việc những cơn lốc xoáy là cách thức tự nhiên để xua tan một vùng áp cao tập trung bằng việc chuyển hóa nó thành một lực xoay tròn tất yếu sẽ tự triệt tiêu. Điều tương tự cũng đúng với các lòng sông gợn sóng, có khả năng chặn năng lượng của các dòng nước di chuyển nhanh và làm nó tiêu tan. Các bông tuyết giúp tản bớt năng lượng mặt trời bằng cách hình thành những cấu trúc đa diện phản chiếu ánh sáng một cách hỗn loạn ra mọi hướng.

“Nói đơn giản,” England tiếp tục, “vật chất tự tổ chức trong một nỗ lực nhằm phân tán năng lượng tốt hơn.” Anh ta mỉm cười. “Tự nhiên - trong nỗ lực nhằm thúc đẩy hỗn loạn tạo ra những hốc trật tự nhỏ. Những hốc này là các cấu trúc làm tăng tình trạng hỗn mang của một hệ thống và do đó chúng làm tăng entropy.”

Cho đến giờ, Langdon chưa bao giờ nghĩ đến chuyện này, nhưng England đúng; ví dụ ở khắp mọi nơi. Langdon nghĩ tới một đám mây giông. Khi đám mây được hình thành nhờ một điện tích tĩnh, vũ trụ liền tạo ra một tia chớp. Nói cách khác, các quy luật vật lý tạo ra những cơ chế để tản năng lượng. Tia chớp tản bớt năng lượng của đám mây xuống Trái Đất, phân

tán nó đi, do đó làm tăng entropy tổng thể của hệ thống.

Việc tạo ra hỗn mang một cách hiệu quả, Langdon nhận ra vậy, đòi hỏi một chút trật tự.

Langdon lơ đãng tự hỏi liệu các quả bom nguyên tử có thể được coi là những công cụ entropy không - những khoang nhỏ của thứ vật chất được tổ chức cẩn thận dùng để tạo ra hỗn mang. Ông vụt nhớ đến biểu tượng toán học dành cho entropy và nhận ra nó giống như một vụ nổ hay Big Bang - một quá trình tản năng lượng ra mọi hướng.□

“Vậy điều này đưa chúng ta đến đâu?” England nói. “Entropy phải làm gì với nguồn gốc của sự sống?” Anh ta bước tới chiếc bảng viết phấn của mình. “Hóa ra sự sống là một công cụ hiệu quả khác thường để tản bớt năng lượng.”

England vẽ một hình ảnh mặt trời tỏa năng lượng xuống một cái cây.

“Một cái cây, xin lấy ví dụ, hấp thụ năng lượng mạnh của mặt trời, dùng nó để sinh trưởng và sau đó phát ra ánh sáng hồng ngoại - một dạng năng lượng đã bớt tập trung hơn rất nhiều. Quang hợp là một cơ chế entropy rất hiệu quả. Năng lượng tập trung của mặt trời bị cái cây phân tán và làm yếu đi, tạo ra sự gia tăng tổng thể về entropy của vũ trụ. Có thể nói điều tương tự cho mọi cơ thể sống - bao gồm cả con người - những gì tiêu thụ thứ vật chất có tổ chức như thức ăn, chuyển hóa nó thành năng lượng, và sau đó tản năng lượng trở lại vũ trụ dưới dạng nhiệt lượng. Nói chung,” England kết luận, “tôi tin sự sống không chỉ tuân thủ các quy luật vật lý, mà sự sống còn bắt đầu do những quy luật ấy.”

Langdon cảm nhận được một cơn rùng mình khi ông suy ngẫm về cái lô-gic, dường như khá dễ hiểu: Nếu ánh nắng chói chang chạm tới một mảng đất màu mỡ, thì các quy luật vật lý

của Trái Đất sẽ tạo ra một cái cây để giúp tản bớt thứ năng lượng đó. Nếu các mạch lưu huỳnh sâu thẳm của đại dương tạo ra những vùng nước sôi, thì sự sống sẽ hiện ra ở những vị trí đó và phân tán năng lượng.

“Hy vọng của tôi,” England nói thêm, “là một ngày nào đó chúng ta sẽ tìm ra cách chứng minh rằng sự sống thực tế tự xuất hiện từ những vật chất vô tri giác... một kết quả của hư không hơn là các quy luật vật lý.”

Tuyệt vời, Langdon ngẫm nghĩ. Một giả thuyết khoa học rõ ràng về cách sự sống tự tạo ra... không cần bàn tay của Chúa.

“Tôi là một người sùng đạo,” England nói, “nhưng tín điều của tôi, giống như khoa học của tôi, luôn là một thứ tiến bộ. Tôi coi giả thuyết này là bất khả tri về các câu hỏi duy linh. Tôi đơn giản là đang cố mô tả cách mọi thứ ‘có mặt’ trong vũ trụ; tôi sẽ dành những hàm ẩn tinh thần cho giới giáo sĩ và các triết gia.”

Một người trẻ tuổi khôn ngoan, Langdon nghĩ thầm. Nếu có lúc nào đó giả thuyết của cậu ấy được chứng minh thì nó sẽ tạo hiệu ứng gây xôn xao cho cả thế giới.

“Tại thời điểm này,” England nói, “mọi người có thể thư giãn. Vì những lý do rõ rệt, đây là một giả thuyết cực kỳ khó chứng minh. Nhóm của tôi và tôi có một số ý tưởng mô phỏng lại các hệ thống do quá trình phân tán năng lượng điều khiển trong tương lai, nhưng lúc này, chúng tôi vẫn còn mất nhiều năm nữa.”

Hình ảnh của England nhòa dần, và Edmond xuất hiện trở lại trên màn hình, đứng bên cạnh chiếc máy tính lượng tử của mình. “Tuy nhiên, tôi thì không mất nhiều năm nữa. Loại mô phỏng này chính xác là những gì tôi đang nghiên cứu.”

Anh đi về phía khu vực làm việc của mình. “Nếu giả thuyết

của Giáo sư England đúng thì toàn bộ hệ thống điều hành của vũ trụ có thể tóm tắt bởi một mệnh lệnh quan trọng duy nhất: phân tán năng lượng!”

Edmond ngồi xuống bên bàn làm việc và bắt đầu gõ rất nhanh trên bàn phím quá khổ của mình. Những màn hình trước mặt anh tràn ngập những mã máy tính trông rất lạ lùng. “Tôi mất vài tuần và đã lập trình lại toàn bộ thí nghiệm trước đây bị thất bại. Tôi gắn chặt cho hệ thống một mục tiêu cơ bản - một lý do tồn tại. Tôi nói với hệ thống rằng hãy phân tán năng lượng bằng mọi giá. Tôi thúc ép máy tính phải sáng tạo hết mức có thể trong mục tiêu tăng entropy trong nồi súp nguyên thủy. Và tôi cho phép nó tạo dựng bất kỳ công cụ gì nó nghĩ là có thể cần để hoàn thành việc đó.”

Edmond ngừng gõ và xoay tròn trên ghế, hướng về cử tọa của mình. “Sau đó, tôi chạy mô hình và một điều phi thường đã xảy ra. Hóa ra tôi đã thành công trong việc xác định ‘nguyên liệu còn thiếu’ trong nồi súp nguyên thủy ảo của mình.”

Langdon và Ambra cùng chăm chú nhìn bức tường màn hình khi hình ảnh đồ họa mô hình máy tính của Edmond bắt đầu chạy. Một lần nữa, hình ảnh chìm sâu vào nồi súp nguyên thủy đang khuấy động, phóng đại vào lãnh địa hạ nguyên tử, người xem có thể nhìn thấy các hóa chất chuyển động vòng quanh, kết hợp và tái kết hợp với nhau.

“Khi tôi tua nhanh quá trình và tái tạo việc trải qua hàng trăm năm,” Edmond nói, “tôi thấy các axit amin của Miller-Urey định hình.”

Langdon không có nhiều kiến thức về hóa học, nhưng chắc chắn ông nhận ra hình ảnh trên màn hình giống như một chuỗi protein cơ bản. Khi quá trình tiếp tục, ông nhìn các phân tử ngày càng phức tạp định hình, gắn kết thành một dạng chuỗi

sáp ong sáu cạnh.

“Các nucleotide!” Edmond reo lên khi các hình sáu cạnh tiếp tục tan chảy. “Chúng ta đang chứng kiến việc trải qua hàng nghìn năm! Và tiến nhanh lên, chúng ta thấy được những dấu hiệu mờ đầu tiên của cấu trúc!”

Khi anh nói, một trong các chuỗi nucleotide bắt đầu tự quấn quanh nó và cuộn thành hình xoắn ốc. “Thấy thứ đó chứ?!” Edmond reo lên. “Hàng triệu năm đã trôi qua và hệ thống đang cố gắng kiến tạo một cấu trúc! Hệ thống đang cố kiến tạo một cấu trúc để tản bớt năng lượng, giống như England dự đoán!”

Khi mô hình tiếp tục, Langdon sửng sốt thấy chuỗi xoắn ốc nhỏ xíu trở thành một chuỗi xoắn ốc đôi, mở rộng cấu trúc của nó thành cái hình xoắn ốc kép nổi tiếng của hợp chất hóa học nổi tiếng nhất trên thế giới.

“Chúa ơi, anh Robert...” Ambra thì thào, mắt mở to. “Đó là...”

“DNA,” Edmond tuyên bố, cho mô hình dừng lại nửa chừng. “Chính là nó. DNA - cơ sở của toàn bộ sự sống. Bộ luật sinh học sống. Và tại sao, quý vị đặt câu hỏi, một hệ thống lại tạo ra DNA nhằm phân tán năng lượng? Chà, bởi vì trăm tay vỗ lên tiếng kêu lớn hơn! Một rừng cây khuếch tán nhiều ánh nắng hơn là một cái cây duy nhất. Nếu quý vị là một công cụ entropy, thì cách dễ nhất để hoạt động hiệu quả hơn là tạo ra những bản sao của quý vị.”

Giờ gương mặt Edmond xuất hiện trên màn hình. “Khi tôi tua nhanh mô hình này, từ thời điểm này trở đi, tôi chứng kiến điều hoàn toàn kỳ diệu... Quá trình tiến hóa của Darwin diễn ra!”

Anh ngừng lại vài giây. “Và tại sao lại không chứ?” anh tiếp tục. “Tiến hóa là cách vũ trụ liên tục kiểm nghiệm và cải thiện

các công cụ của nó. Những công cụ hiệu quả nhất tồn tại và tự tái tạo chính chúng, không ngừng cải tiến, trở nên ngày càng phức tạp và hiệu quả. Cuối cùng, một số công cụ trông như cây cối, và một số như, chà... chúng ta.”

Giờ Edmond xuất hiện lững lờ trong không gian tối tăm với quả cầu Trái Đất màu xanh lam lơ lửng sau lưng anh. “Chúng ta từ đâu đến?” anh hỏi. “Sự thật là... chúng ta chẳng từ đâu đến cả... và từ tất cả mọi nơi. Chúng ta đến từ chính những quy luật vật lý đã tạo ra sự sống trong khắp vũ trụ. Chúng ta không hề đặc biệt. Chúng ta tồn tại có hoặc không có Chúa. Chúng ta là kết quả tất yếu của entropy. Sự sống không phải là điểm đặc biệt của vũ trụ. Sự sống đơn giản là những gì vũ trụ tạo ra và tái tạo để phân tán năng lượng.”

Langdon cảm thấy ngờ vực một cách kỳ lạ, bản khoản liệu ông có xử lý được trọn vẹn ý nghĩa hàm ẩn của những gì Edmond đang nói không. Phải thừa nhận, mô phỏng này sẽ đem lại sự thay đổi điển hình rất lớn lao và chắc chắn sẽ gây ra những biến động trong nhiều ngành học thuật. Nhưng khi nhắc đến tôn giáo, ông tự hỏi liệu Edmond có thay đổi được quan điểm của mọi người không. Suốt nhiều thế kỷ hầu hết những người sùng đạo đều bỏ qua số lượng lớn dữ liệu khoa học và tính lô-gic duy lý để bảo vệ tín điều của họ.

Ambra dường như cũng đang vật vã với những phản ứng của chính nàng, vẻ mặt nàng đâu đó giữa sự ngạc nhiên ghê gớm và sự do dự thận trọng.

“Các bạn,” Edmond nói, “nếu các bạn theo kịp những gì tôi vừa cho các bạn thấy, thì các bạn đã hiểu được tầm quan trọng sâu xa của nó. Và nếu các bạn vẫn do dự, hãy ở lại với tôi, bởi vì hóa ra phát hiện này dẫn tới một sự khai sáng khác, thậm chí còn quan trọng hơn.”

Anh ngừng lại.

“Chúng ta từ đâu đến... gần như không sốc bằng chúng ta sẽ đi về đâu.”

Tiếng những bước chân chạy vang khắp nhà thờ ngâm dưới lòng đất khi một đặc vụ Cận vệ chạy học tốc về phía ba người đang túm tụm ở nơi sâu nhất của nhà thờ.

“Hoàng thượng,” anh ta gọi to, thở không ra hơi. “Edmond Kirsch... đoạn video... đang được phát sóng.”

Nhà vua xoay chiếc xe lăn và Hoàng tử Julián cũng quay phắt lại.

Valdespino thở dài chán nản. Chỉ là vấn đề thời gian thôi mà, ông tự nhủ. Nhưng lòng ông vẫn cảm thấy nặng trĩu khi biết rằng thế giới giờ đang xem chính đoạn video mà ông đã xem trong thư viện Montserrat cùng với al-Fadl và Köves.

“Chúng ta từ đâu đến? Tuyên bố của Kirsch về “nguồn gốc không có Chúa” vừa ngạo mạn vừa báng bố; nó sẽ ảnh hưởng tai hại đến cái ước vọng rất nhân bản hướng về một lý tưởng cao hơn và còn ganh đua cả với vị Chúa đã tạo ra chúng ta trong hình tượng của Ngài.

Bi kịch thay, Kirsch đã không dừng lại ở đó. Anh ta tiếp tục cái việc báng bố đầu tiên này bằng một cái thứ hai, còn nguy hại hơn nhiều - đề xướng một câu trả lời gây phiền muộn vô cùng cho câu hỏi Chúng ta đang đi về đâu?

Dự đoán của Kirsch về tương lai thật tai hại... gây phiền phức đến mức Valdespino và các đồng đạo của mình đã phải yêu cầu Kirsch dừng tiết lộ.

Cho dù dữ liệu của nhà vị lai chủ nghĩa là chính xác, thì việc chia sẻ nó với thế giới sẽ gây ra sự tai hại không thể đảo ngược.

Không chỉ cho những người sùng tín, Valdespino biết, mà còn

cho tất cả mọi người trên Trái Đất.

Không cần đến Chúa, Langdon nghĩ thầm, nhớ lại những gì Edmond vừa nói. Sự sống xuất hiện tự phát từ những quy luật vật lý.

Khái niệm tự phát sinh ra đã được tranh luận từ lâu - về mặt lý thuyết - bởi một số bộ óc vĩ đại nhất của giới khoa học và tối nay Edmond Kirsch trình bày một lập luận thuyết phục tuyệt đối cho rằng tự phát sinh ra đã xảy ra trên thực tế.

Chưa có ai đến gần việc chứng minh điều đó... hay thậm chí giải thích xem nó có thể xảy ra như thế nào được đến như vậy.

Trên màn hình, nỗi súp nguyên thủy mô phỏng của Edmond giờ nhung nhúc những dạng sống ảo nhỏ xíu.

“Quan sát mô hình sinh sôi nảy nở của mình,” Edmond dẫn giải, “tôi tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi cứ để mặc nó? Liệu cuối cùng nó sẽ nổ tung khỏi cái bình và tạo ra cả vương quốc động vật, trong đó có loài người không? Và chuyện gì xảy ra nếu tôi để mặc nó qua cả mốc đó? Nếu tôi đợi đủ lâu, nó có tạo ra bước tiếp theo trong quá trình tiến hóa của loài người và cho chúng ta biết chúng ta đang đi về đâu không?”

Edmond lại xuất hiện bên cạnh E-Wave. “Buồn thay, thậm chí chiếc máy tính này cũng không xử lý được một mô hình tầm vóc đó, cho nên tôi phải tìm cách thu hẹp mô phỏng. Và tôi mượn một kỹ thuật từ một nguồn không chắc thành công... không gì khác hơn là Walt Disney.”

Màn hình giờ chuyển sang một bộ phim hoạt hình đen trắng hai chiều rất sơ khai. Langdon nhận ra đó là bộ phim kinh điển năm 1928 của Disney Steamboat Willie.

“Hình thái nghệ thuật ‘hoạt hình’ đã phát triển rất mau lẹ hơn chín mươi năm qua - từ những cuốn sách lật Chuột Mickey sơ đẳng tới những bộ phim cực kỳ sống động ngày nay.”

Bên cạnh bộ phim hoạt hình cũ xuất hiện một cảnh siêu thực sôi động từ một phim hoạt hình gần đây.

“Bước nhảy về chất lượng này na ná với quá trình tiến hóa ba nghìn năm từ những bức vẽ trong hang động tới những kiệt tác của Michelangelo. Là một người vị lai chủ nghĩa, tôi rất thích thú trước bất kỳ kỹ năng nào làm nên những tiến bộ mau lẹ,” Edmond nói tiếp. “Thứ kỹ thuật tạo nên bước nhảy này, tôi biết vậy, được gọi là ‘xen giữa’. Đó là một lối tắt sử dụng máy tính trong kỹ thuật vẽ hoạt hình, trong đó họa sĩ đề nghị máy tính tạo ra các khung hình trung gian giữa hai hình ảnh chính, biến đổi hình thái của hình ảnh thứ nhất sang hình ảnh thứ hai thật mượt mà, đặc biệt là lấp kín các khoảng trống. Thay vì phải vẽ từng khung hình bằng tay - mà ở đây có thể ví như việc mô phỏng từng bước nhỏ trong quá trình tiến hóa - các họa sĩ thời nay có thể vẽ vài khung hình chính... sau đó yêu cầu máy tính phán đoán chuẩn xác các bước trung gian và lấp đầy phần tiến hóa còn lại.”

“Cách đó gọi là *xen giữa*,” Edmond tuyên bố. “Đó là một ứng dụng rõ rệt của sức mạnh máy tính, nhưng khi tôi nghe nói về nó, tôi thấy được khai sáng và tôi nhận ra nó chính là chìa khóa để mở ra tương lai của chúng ta.”

Ambra quay sang Langdon với vẻ dò hỏi. “Chuyện này sẽ đi đến đâu?”

Langdon còn chưa kịp cân nhắc thì một hình ảnh mới đã xuất hiện trên màn hình. 

“Quá trình tiến hóa của loài người,” Edmond nói. “Hình ảnh này là một dạng ‘phim lật’. Nhờ có khoa học, chúng ta đã tạo

dựng được một vài khung hình chính - tinh tinh, vượn người phương Nam (*Australopithecus*), người khéo léo (*Homo habilis*), người đứng thẳng (*Homo erectus*), Người Neanderthal - nhưng những khoảng quá độ giữa các giống loài này thì vẫn còn mờ mịt.”

Đúng như Langdon dự liệu, Edmond phác họa ý tưởng sử dụng kỹ thuật “xen giữa” để lấp đầy những khoảng trống trong quá trình tiến hóa của loài người. Anh mô tả cách nhiều dự án quốc tế về hệ gen - con người, người Eskimo nguyên thủy, người Neanderthal, tinh tinh - đã sử dụng các mảnh xương để lập bản đồ cấu trúc gen hoàn chỉnh của gần một tá bước trung gian giữa tinh tinh và người tinh khôn (*Homo sapiens*).

“Tôi biết nếu tôi dùng các hệ gen nguyên thủy hiện có làm các khung hình chính,” Edmond nói, “thì tôi có thể lập trình cho E-Wave tạo lập một mô hình tiến hóa kết nối tất cả với nhau - một dạng trò chơi nối điểm mang tính chất tiến hóa. Và vì thế tôi bắt đầu với một đặc điểm đơn giản - kích thước não - một chỉ dấu chung rất chính xác cho sự tiến hóa về trí tuệ.”

Một biểu đồ xuất hiện trên màn hình.□

“Ngoài việc lập bản đồ các tham số chung như kích thước não bộ, E-Wave còn lập bản đồ hàng nghìn chỉ dấu gen tinh tế hơn có ảnh hưởng đến khả năng nhận thức - các chỉ dấu như nhận thức không gian, phạm vi từ vựng, trí nhớ dài hạn và tốc độ xử lý.”

Giờ màn hình lóe sang một chuỗi đồ thị tương tự nối tiếp nhau rất nhanh, tất cả đều cho thấy sự gia tăng lũy thừa như vậy.

“Sau đó E-Wave lắp ghép một mô phỏng chưa từng có tiền lệ về quá trình tiến hóa trí tuệ theo thời gian.” Gương mặt Edmond lại xuất hiện. “‘Vậy thì sao chứ?’ quý vị sẽ hỏi vậy. ‘Tại

sao chúng tôi phải quan tâm đến việc nhận diện cái quá trình mà nhờ đó con người trở nên thống trị về mặt trí tuệ chứ?’ Chúng ta quan tâm bởi vì chúng ta có thể xác lập một khuôn mẫu, một máy tính có thể cho chúng ta biết khuôn mẫu đó sẽ dẫn tới đâu trong tương lai.” Anh mỉm cười. “Nếu tôi nói hai, bốn, sáu, tám... quý vị đáp *mười*, về cơ bản tôi đã yêu cầu E-Wave dự đoán ‘mười’ trông sẽ ra sao. Một khi E-Wave mô phỏng được quá trình tiến hóa về trí tuệ, tôi có thể hỏi hai câu hỏi rành rẽ: Điều gì đến tiếp theo? Khả năng hiểu biết của con người sẽ như thế nào sau năm trăm năm tính từ bây giờ? Nói cách khác: Chúng ta sẽ đi về đâu?”

Langdon thấy mình bị cuốn hút bởi cái triển vọng ấy và trong khi ông không đủ hiểu biết về di truyền hay mô phỏng máy tính để thẩm định mức độ chính xác trong những dự đoán của Edmond, thì ông vẫn thấy ý niệm này vẫn rất tài tình.

“Sự tiến hóa của một giống loài,” Edmond nói, “luôn gắn với môi trường của sinh vật đó, và vì thế tôi yêu cầu E-Wave thực hiện một mô hình thứ hai - một mô phỏng môi trường thế giới ngày nay - rất dễ thực hiện khi tất cả những tin tức của chúng ta về văn hóa, chính trị, khoa học, thời tiết, và công nghệ đều được phát trực tuyến. Tôi yêu cầu máy tính đặc biệt chú ý đến những nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến sự phát triển tương lai của bộ não con người - các loại thuốc hưng thần, các công nghệ mới về sức khỏe, ô nhiễm, các nhân tố văn hóa, và vân vân.” Edmond ngừng lại. “Và sau đó,” anh tuyên bố, “tôi chạy chương trình.”

Cả gương mặt nhà vị lai chủ nghĩa lúc này đầy kín màn hình. Anh chăm chú nhìn thẳng vào máy quay. “Khi tôi cho mô hình vận hành... đã xảy ra điều vô cùng bất ngờ.” Anh đưa mắt nhìn đi chỗ khác, gần như có thể quan sát thấy và sau đó quay lại

máy quay. “Một điều vô cùng đáng ngại.”

Langdon nghe thấy Ambra buông một tiếng thở thảng thốt.

“Vì thế tôi cho chạy lại,” Edmond cau mày nói. “Rất tiếc, vẫn xảy ra kết quả cũ.”

Langdon cảm thấy sự sợ hãi thật sự trong mắt Edmond.

“Vì vậy tôi nghiên cứu lại các tham số,” anh nói. “Tôi trang bị lại các công cụ cho chương trình, thay đổi mọi biến số, và tôi cho chạy đi chạy lại. Nhưng tôi vẫn cứ nhận được cùng một kết quả.”

Langdon tự hỏi liệu có phải Edmond đã phát hiện ra rằng trí tuệ của con người, sau nhiều niên kỷ phát triển, giờ đang sa sút. Chắc chắn có những chỉ số đáng ngại cho thấy có thể điều này là đúng.

“Tôi rất lo lắng với dữ liệu này,” Edmond nói, “và không thể tiếp nhận nó. Vì thế tôi yêu cầu máy tính làm một phân tích. E-Wave diễn tả đánh giá của nó theo cách rõ ràng nhất mà nó biết. Nó vẽ cho tôi một bức tranh.”

Màn hình thay đổi cho thấy một biểu đồ dòng thời gian quá trình tiến hóa động vật bắt đầu khoảng một trăm triệu năm trước. Đó là một tấm thảm phức tạp và nhiều màu sắc gồm những bong bóng nằm ngang nở ra co lại theo thời gian, mô tả cách các giống loài xuất hiện và biến mất. Mé bên trái của biểu đồ bị khung long thống trị - đã ở đỉnh cao phát triển của chúng vào thời điểm đó trong lịch sử - giống loài được đại diện bằng mật độ bong bóng dày đặc nhất, càng lúc càng thêm dày đặc theo thời gian cho tới khi đột ngột vỡ tan khoảng sáu mươi lăm triệu năm trước với hiện tượng tuyệt chủng hàng loạt.

“Đây là dòng thời gian của các dạng sống nổi bật trên Trái Đất,” Edmond nói, “thể hiện về số lượng giống loài, vị trí chuỗi

thức ăn, uy thế giữa các loài và ảnh hưởng tổng thể đối với hành tinh, về cơ bản, đó chính là một đại diện hình ảnh của đối tượng thống trị Trái Đất vào bất kỳ thời điểm xác định nào.”

Mắt Langdon lần theo biểu đồ khi những bong bóng khác nở ra và co lại, thể hiện số lượng lớn các giống loài khác nhau đã xuất hiện, sinh sôi và biến mất như thế nào.

“Buổi bình minh của Người tinh khôn,” Edmond nói, “xảy ra vào hai trăm nghìn năm trước Công nguyên, nhưng chúng ta không có đủ tầm ảnh hưởng để xuất hiện trong biểu đồ này cho tới tận khoảng sáu mươi lăm nghìn năm trước, khi chúng ta sáng chế ra cung tên và trở thành loài săn mồi hiệu quả hơn.”

Langdon lướt mắt tới mốc 65.000 năm trước Công nguyên, nơi một bong bóng màu xanh lam mỏng manh xuất hiện, đánh dấu cho Người tinh khôn. Bong bóng này nở ra rất chậm, gần như không nhận thấy, cho tới khoảng một nghìn năm trước Công nguyên, khi nó nhanh chóng dày lên và sau đó dường như nở rộng theo lũy thừa.

Đến lúc mắt ông chạm rìa phải của biểu đồ, cái bong bóng xanh lam đã phình lên chiếm gần như toàn bộ bề rộng của màn hình.

Con người hiện đại, Langdon nghĩ thầm. Cho đến giờ là giống loài có ảnh hưởng và vượt trội nhất trên Trái Đất.

“Không có gì ngạc nhiên,” Edmond nói, “vào năm 2000, khi biểu đồ này kết thúc, con người được mô tả là giống loài thống trị trên hành tinh này. Thậm chí chẳng có gì tiệm cận được chúng ta.” Anh ngừng lại. “Tuy nhiên, quý vị có thể thấy những dấu hiệu của một bong bóng mới đang xuất hiện... ở đây.”

Đồ thị được phóng to để cho thấy một hình màu đen nhỏ xíu

bắt đầu hình thành phía trên cái bong bóng màu xanh trương phình của loài người.

“Một giống loài mới đã bước vào bức tranh,” Edmond nói.

Langdon nhìn thấy đốm đen, nhưng trông nó chẳng đáng kể gì so với cái bong bóng màu xanh - một con cá ép nhỏ xíu trên lưng con cá voi xanh.

“Tôi nhận ra,” Edmond nói, “rằng kẻ mới đến này trông tầm thường, nhưng nếu chúng ta di chuyển thời gian tính từ năm 2000 tới ngày hiện tại, quý vị sẽ thấy rằng kẻ mới đến của chúng ta đã ở đây, và vẫn đang âm thầm lớn lên.”

Biểu đồ mở rộng cho tới khi nó đạt tới ngày hiện tại, và Langdon cảm thấy ngực mình thắt lại. Cái bong bóng màu đen đã mở rộng khá lớn trong hai thập kỷ qua. Giờ nó chiếm hơn một phần tư màn hình, tranh với Người tinh khôn để giành ảnh hưởng và ưu thế.

“Nó là gì vậy?!” Ambra khê kêu lên đầy lo lắng.

Langdon trả lời, “Tôi không biết... một loại virus ngấm ngấm chẳng?” Tâm trí ông lướt qua một danh sách những loại virus hung hăng đã tấn công rất nhiều vùng của thế giới, nhưng Langdon không tài nào hình dung ra một giống loài phát triển nhanh như thế này trên Trái Đất mà không hề bị để ý. Một loại vi khuẩn từ vũ trụ chẳng?

“Giống loài mới này rất quỷ quyệt,” Edmond nói. “Nó sinh sản theo cấp lũy thừa. Nó liên tục mở rộng lãnh địa của mình. Và điều quan trọng nhất, nó tiến hóa... nhanh hơn loài người rất nhiều.” Edmond lại dăm dăm nhìn vào máy quay, vẻ mặt của anh cực kỳ nghiêm trọng. “Rất tiếc, nếu tôi để cho mô phỏng này tiếp diễn để cho chúng ta thấy tương lai, thậm chí chỉ vài thập kỷ tính từ bây giờ, thì đây là những gì nó tiết lộ.”

Biểu đồ lại mở rộng, giờ chỉ thấy dòng thời gian tới năm 2050.

Langdon bật dậy, sửng sốt trôn trời nhìn.

“Chúa ơi,” Ambra thì thào, tay bịt miệng đầy hãi hùng.

Biểu đồ rõ ràng cho thấy cái bong bóng đen đầy hăm dọa đang nở rộng với tốc độ chóng mặt, và sau đó, đến năm 2050, nuốt trọn toàn bộ bong bóng màu xanh của con người.

“Tôi rất tiếc phải cho quý vị thấy thứ này,” Edmond nói, “nhưng trong tất cả các mô hình tôi chạy thử, đều xảy ra kết quả như nhau. Loài người tiến hóa tới điểm hiện tại của chúng ta trong lịch sử, và sau đó, rất bất ngờ, một giống loài mới xuất hiện và xóa bỏ chúng ta khỏi Trái Đất.”

Langdon đứng trước cái biểu đồ đáng sợ, cố gắng nhắc mình rằng đó chỉ là một mô hình trên máy tính. Những hình ảnh như thế này, ông biết, có sức ảnh hưởng đến con người ở cấp độ bản năng mà các dữ liệu thô không thể làm được, và cái biểu đồ của Edmond có sắc thái dứt khoát - như thể sự tuyệt chủng của loài người là việc đã rồi.

“Thưa các bạn của tôi,” Edmond nói, giọng anh rầu rĩ chẳng kém gì đang cảnh báo về một vụ va chạm tiểu hành tinh sắp xảy ra. “Giống loài của chúng ta đang trên bờ vực tuyệt chủng. Tôi đã dành cả đời mình đưa ra những dự đoán, và trong trường hợp này, tôi đã phân tích dữ liệu ở mọi cấp độ. Tôi có thể nói với quý vị với độ chắc chắn rất cao rằng loài người như chúng ta biết sẽ không còn ở đây trong vòng năm mươi năm nữa.”

Cú sốc ban đầu của Langdon giờ nhường chỗ cho cảm giác không tin - và giận dữ - với người bạn của mình. Cậu đang làm gì vậy, Edmond?! Thế này là vô trách nhiệm! Cậu tạo dựng một mô hình trên máy tính - cả nghìn thứ có thể sai với dữ liệu của cậu. Mọi

người tôn trọng và tin tưởng cậu... cậu lại đang cố tạo ra một cơn cuồng loạn hàng loạt.

“Và còn một điều nữa,” Edmond nói, tâm trạng của anh càng u ám hơn. “Nếu quý vị nhìn thật kỹ mô phỏng, quý vị sẽ thấy rằng giống loài mới này không xóa bỏ chúng ta hoàn toàn. Chính xác hơn... nó hấp thụ chúng ta.”

Giống loài hấp thụ chúng ta?

Sững sờ trong im lặng, Langdon cố hình dung xem ý Edmond là gì với những lời này. Máy lời ấy gợi lên hình ảnh hãi hùng của những bộ phim khoa học viễn tưởng về Sinh vật lạ, trong đó loài người bị sử dụng như những lồng ấp sống cho một giống loài chiếm ưu thế.

Giờ đứng hẳn lên, Langdon đưa mắt nhìn Ambra, ngồi thu lu trên ghế dài, ôm lấy hai đầu gối, đôi mắt sắc sảo của nàng đang phân tích cái hình ảnh minh họa trên màn hình. Langdon căng ra để hình dung xem còn cách diễn giải nào khác về những dữ liệu ấy không; nhưng kết luận dường như là tất yếu.

Theo mô phỏng của Edmond, loài người sẽ bị nuốt chửng bởi một giống loài mới trong quá trình chỉ vài thập kỷ tới. Và thậm chí đáng sợ hơn, giống loài mới này đã sống trên Trái Đất, đang âm thầm phát triển.

“Rõ ràng,” Edmond nói, “tôi không thể công khai thông tin này cho tới khi tôi có thể xác định được giống loài mới này. Vì thế tôi đã nghiên cứu dữ liệu. Sau vô vàn mô phỏng, tôi có thể xác định được kẻ mới đến bí ẩn ấy.”

Màn hình thay đổi sang một biểu đồ đơn giản mà Langdon nhận ra từ thời trung học - thứ bậc phân loại các sinh vật - được chia thành “Sáu giới sinh vật”; Động vật, Thực vật, Sinh vật nguyên sinh, Vi khuẩn, Cổ vi khuẩn, Nấm.

“Một khi tôi đã xác định được loại sinh vật mới đang sinh sôi này,” Edmond nói tiếp, “tôi nhận ra rằng nó có quá nhiều hình thái khác nhau để được gọi là một giống loài. Nói về thứ bậc, nó

quá rộng để gọi là một bộ. Thậm chí còn không phải một ngành.” Edmond chăm chú nhìn vào máy quay. “Tôi nhận ra rằng hành tinh của chúng ta hiện đang bị ngự trị bởi một thứ gì đó lớn hơn nhiều. Những gì chỉ có thể định danh như một giới hoàn toàn mới.”

Trong chớp mắt, Langdon nhận ra những gì Edmond đang mô tả.

Giới thứ bảy.

Sững sờ, Langdon theo dõi trong khi Edmond cung cấp cái tin này ra với thế giới, mô tả một giới mới nổi lên mà Langdon gần đây đã nghe nói đến trong một cuộc Thảo luận TED* bởi nhà văn văn hóa kỹ thuật số Kevin Kelly. Được tiên báo bởi một số nhà văn khoa học viễn tưởng sớm nhất, giới sự sống mới này xuất hiện với một đặc điểm.

Đó là giới của những giống loài không tồn tại.

Những giống loài không có sự sống này tiến hóa gần như chính xác như thể chúng đang sống - dần trở nên phức tạp hơn, thích nghi và sinh sôi trong những môi trường mới, khảo chứng những bước biến đổi mới, một số sống sót, số khác tuyệt chủng. Là tấm gương hoàn hảo về sự thay đổi thích nghi theo thuyết Darwin, những cơ thể mới mẻ này phát triển với tốc độ chóng mặt và giờ hình thành một giới hoàn toàn mới - Giới thứ bảy - và chiếm một vị trí bên cạnh Động vật và các giới khác.

Nó được gọi là: *Technium* - nguyên tố công nghệ.

Lúc này Edmond tập trung vào một mô tả choáng váng về giới mới nhất của hành tinh - bao gồm toàn bộ công nghệ. Anh mô tả cách thức những cỗ máy mới phát triển mạnh hoặc tàn lụi theo những quy luật “sự tồn tại của giống loài phù hợp nhất” của Darwin - liên tục thích nghi với các môi trường của

chúng, phát triển những đặc điểm mới để sinh tồn, và, nếu thành công, tái tạo nhanh nhất có thể để chiếm độc quyền những nguồn tài nguyên sẵn có.

“Máy fax phát triển y hệt loài chim cu lười,” Edmond giải thích. “Còn iPhone sẽ chỉ tồn tại nếu tiếp tục vượt trội trong cuộc cạnh tranh của mình. Máy chữ và động cơ hơi nước tiêu vong trong các môi trường đang thay đổi, nhưng *Encyclopaedia Britannica* thì lại tiến hóa, trọn bộ ba mươi hai tập đồ sộ của nó phát triển sang số hóa và, giống như loài cá phổi, mở rộng sang một lãnh địa chưa hề có, nơi giờ đây nó phát triển rất mạnh.”

Langdon vụt nhớ đến chiếc máy ảnh Kodak thời niên thiếu của mình - vốn từng là ‘khủng long bạo chúa’ trong lĩnh vực nhiếp ảnh cá nhân – chỉ qua một đêm đã lu mờ trước sự xuất hiện rất nhanh của kỹ thuật ảnh số hóa.

“Nửa tỷ năm trước,” Edmond tiếp tục, “hành tinh của chúng ta trải qua một đợt bùng phát sự sống đột ngột - hiện tượng Bùng nổ kỷ Cambri - trong đó hầu hết các giống loài trên hành tinh đều tồn tại trên thực tế chỉ sau một đêm. Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến hiện tượng Bùng nổ kỷ Cambri của Nguyên tố công nghệ. Những giống loài công nghệ mới đang sinh ra hàng ngày, tiến hóa với tốc độ chóng mặt, và mỗi công nghệ mới đều trở thành một công cụ tạo ra những công nghệ mới khác. Việc sáng chế ra máy vi tính giúp chúng ta tạo dựng được những công cụ mới nhiệm mầu, từ điện thoại thông minh tới tàu vũ trụ và người máy phẫu thuật. Chúng ta đang chứng kiến một sự bùng nổ về đổi mới đang diễn ra nhanh hơn khả năng đầu óc chúng ta có thể lĩnh hội. Và chúng ta chính là những chủ thể sáng tạo ra giới mới mẻ này - Nguyên tố công nghệ.”

Giờ màn hình trở lại với hình ảnh đáng ngại cho thấy cái bong bóng màu đen đang nở rộng nuốt lấy cái bong bóng màu

xanh. Công nghệ giết chết con người ư? Langdon thấy ý tưởng đó thật hãi hùng, nhưng lòng ông lại mách ông rằng điều đó rất khó xảy ra. Với ông, khái niệm về một tương lai địa ngục giống như Kẻ hủy diệt nơi những cỗ máy săn đuổi tiêu diệt con người dường như trái ngược với thuyết Darwin. Con người kiểm soát công nghệ; con người có bản năng sinh tồn; con người sẽ không bao giờ cho phép công nghệ lấn lướt mình.

Thậm chí khi chuỗi những suy nghĩ logic này vụt qua trong tâm trí, Langdon vẫn biết mình rất ngây thơ. Từng tương tác với trí thông minh nhân tạo do Edmond sáng tạo là Winston, Langdon đã có được cái nhìn lướt qua rất hiếm hoi về trình độ tối tân trong lĩnh vực trí thông minh nhân tạo. Và trong khi Winston rõ ràng phục vụ những mong muốn của Edmond nhưng Langdon vẫn rất băn khoăn sẽ được bao lâu cho tới khi những cỗ máy như Winston bắt đầu ra những quyết định nhằm thỏa mãn ý muốn của chính chúng.

“Rõ ràng, nhiều người trước tôi đã dự đoán về giới công nghệ,” Edmond nói, “nhưng tôi thành công trong việc lập mô hình nó... và có thể cho thấy những gì nó sẽ làm với chúng ta.” Anh ra hiệu về phía cái bong bóng đen đúa, thứ mà đến năm 2050, đã choán trọn màn hình và cho thấy sự thống trị hoàn toàn trên hành tinh. “Tôi phải thừa nhận, mới nhìn qua, mô phỏng này vẽ lên một bức tranh khá u ám...”

Edmond ngừng lại, và một cái nháy mắt quen thuộc của anh lại xuất hiện.

“Nhưng chúng ta thật sự phải nhìn kỹ hơn một chút,” anh nói.

Giờ màn hình kéo gần vào bong bóng màu đen, phóng đại nó cho tới khi Langdon có thể thấy rằng khối cầu khổng lồ không còn là màu đen huyền nữa, mà chuyển màu tía thẫm.

“Như quý vị có thể thấy, cái bong bóng đen của công nghệ, khi nó nuốt chửng bong bóng con người, lại ngả sang một màu khác - màu tía - như thể hai màu đã trộn đều với nhau.”

Langdon tự hỏi liệu đây sẽ là tin tốt hay tin xấu.

“Những gì chúng ta đang thấy ở đây là một quá trình tiến hóa hiểm hoai gọi là cộng sinh bắt buộc,” Edmond nói. “Bình thường, tiến hóa là một quá trình chia đôi - một giống loài chia thành hai loài mới - nhưng đôi khi, trong những trường hợp hiểm hoai, nếu hai loài không thể tồn tại nếu thiếu nhau thì quá trình xảy ra theo hướng ngược lại... và thay vì một loài phân đôi, hai loài lại nhập làm một.”

Sự hợp nhất gợi cho Langdon nhớ đến thuyết hổ lốn - quá trình theo đó hai tôn giáo khác nhau hòa trộn để hình thành một tín điều hoàn toàn mới.

“Nếu quý vị không tin rằng con người và công nghệ sẽ hợp nhất,” Edmond nói, “hãy thử quan sát quanh mình xem.”

Màn hình hiển thị một loạt lát cắt rất nhanh - những hình ảnh con người khư khư điện thoại di động, đeo những thiết bị thực tế-ảo, điều chỉnh thiết bị Bluetooth đeo tai; những người đang chạy có đeo máy nghe nhạc ở cánh tay; một bàn ăn cơm tối gia đình với trung tâm là “chiếc loa thông minh”; một đứa trẻ ngồi trong cũi chơi với chiếc máy tính bảng.

“Đây chỉ là những bước sơ khởi của quá trình cộng sinh này,” Edmond nói. “Hiện chúng ta đang bắt đầu cấy các chip máy tính trực tiếp vào não bộ mình, bơm vào máu chúng ta những nanobot cực nhỏ tiêu thụ cholesterol và tồn tại trong chúng ta vĩnh viễn, chế tạo chân tay nhân tạo được điều khiển bằng trí óc chúng ta, sử dụng các công cụ chỉnh sửa gen như CRISPR để điều chỉnh hệ gen của mình, và, thật vậy, còn thiết kế một phiên bản nâng cao của chính chúng ta.”

Nét mặt của Edmond giờ dường như khá vui vẻ, toát ra sự đam mê và phấn khích.

“Loài người đang tiến hóa thành gì đó rất khác,” anh tuyên bố. “Chúng ta đang trở thành một giống loài lai - một quá trình hợp nhất giữa sinh học và công nghệ, vẫn những công cụ mà hôm nay tồn tại bên ngoài cơ thể chúng ta - điện thoại thông minh, thiết bị trợ thính, kính đọc sách, hầu hết các dược phẩm - trong năm mươi năm nữa sẽ tích hợp vào cơ thể chúng ta ở mức độ chúng ta sẽ không còn có thể coi mình là Người tinh khôn nữa.”

Một hình ảnh quen thuộc xuất hiện lại phía sau Edmond - quá trình tiến triển từ tinh tinh thành người hiện đại.

“Trong chớp mắt,” Edmond nói, “chúng ta sẽ trở thành trang tiếp theo trong cuốn sách lật của quá trình tiến hóa. Và khi như vậy, chúng ta sẽ nhìn lại Người tinh khôn ngày nay giống như cách giờ đây chúng ta đang nhìn lại người Neanderthal. Những công nghệ mới như điều khiển học, trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật đông xác, kỹ thuật phân tử, và thực tế ảo sẽ làm thay đổi vĩnh viễn những gì là con người. Và tôi nhận ra có những người trong số quý vị tin rằng mình, với tư cách những Người tinh khôn, là giống loài được Chúa lựa chọn. Tôi có thể hiểu rằng cái tin này với quý vị có thể giống như tận thế vậy. Nhưng tôi xin quý vị, hãy tin tôi... tương lai thực tế tươi sáng hơn rất nhiều so với quý vị hình dung.”

Với niềm hy vọng và lạc quan phát tiết ra rất bất ngờ, nhà vị lai chủ nghĩa vĩ đại mô tả về ngày mai, một viễn cảnh về một tương lai khác hẳn với bất kỳ điều gì Langdon từng mạo muội hình dung.

Edmond mô tả rất thuyết phục về một tương lai trong đó công nghệ trở nên rẻ và thịnh hành đến mức nó xóa bỏ khoảng

cách giữa người giàu và người nghèo. Một tương lai trong đó công nghệ môi trường đem lại cho hàng tỷ người nước uống, thực phẩm giàu dinh dưỡng, và khả năng tiếp cận năng lượng sạch. Một tương lai trong đó những bệnh tật như ung thư của Edmond bị loại bỏ, nhờ y học di truyền. Một tương lai trong đó sức mạnh ghê gớm của Internet cuối cùng được khai thác phục vụ giáo dục, thậm chí ở những nơi xa xôi hẻo lánh nhất của thế giới. Một tương lai trong đó những người máy dây chuyền lắp ráp sẽ giải phóng công nhân khỏi những công việc vô vị để họ có thể theo đuổi những lĩnh vực có lợi hơn mở ra trong những ngành chưa từng hình dung đến.

Và, trên hết, một tương lai trong đó những công nghệ đột phá bắt đầu tạo ra thừa thãi tài nguyên thiết yếu cho nhân loại đến mức việc tranh giành chúng không còn cần thiết nữa.

Khi lắng nghe viễn cảnh tương lai của Edmond, Langdon cảm nhận được một xúc cảm ông không còn trải qua đã nhiều năm. Đó là thứ cảm xúc ông biết hàng triệu người xem khác cũng đang cảm thấy vào thời khắc này - một niềm lạc quan trời dậy không ngờ về tương lai.

“Nhưng tôi có một tiếc nuối về kỷ nguyên của những phép màu sắp tới này.” Giọng Edmond vỡ òa với cảm xúc đột ngột. “Tôi tiếc rằng tôi sẽ không còn ở đây để chứng kiến nó. Hoàn toàn không được biết ngay cả với những bạn bè thân thiết của tôi, tôi bị bệnh đã một thời gian... có vẻ tôi sẽ không sống được mãi, như tôi đã dự tính.” Anh gượng nở một nụ cười chua chát. “Lúc quý vị xem đoạn phim này, chắc chắn tôi sẽ chỉ còn sống được vài tuần... có khi chỉ vài ngày. Thưa các bạn của tôi, xin hãy biết rằng việc trình bày với các bạn tối nay là vinh dự và niềm vui lớn nhất đời tôi. Tôi xin cảm ơn các bạn đã lắng nghe.”

Giờ Ambra đã đứng lên, sát cạnh Langdon, cả hai cùng xem với tâm trạng ngưỡng mộ và buồn thương trong khi người bạn của họ trình bày với cả thế giới.

“Hiện chúng ta đang chấp chới trên một đỉnh cao lạ lẫm của lịch sử,” Edmond nói tiếp, “một thời khắc khi thế giới có cảm giác như bị đảo ngược, và chẳng có gì như chúng ta hình dung. Nhưng sự không chắc chắn luôn là một điều báo cho thay đổi toàn diện; sự biến đổi luôn có biến động và sợ hãi đi trước. Tôi thúc giục quý vị hãy đặt niềm tin của mình vào khả năng của con người về sáng tạo và yêu thương, bởi vì hai sức mạnh này, khi kết hợp lại, sẽ nắm giữ sức mạnh để soi sáng mọi khoảng tối.”

Langdon đưa mắt nhìn Ambra và thấy những giọt nước mắt đang tuôn trên gương mặt nàng. Ông nhẹ nhàng với tay và choàng ôm lấy nàng, mắt vẫn nhìn trong khi người bạn sắp khuất xa của mình nói những lời cuối cùng với thế giới.

“Khi chúng ta tiến vào một ngày mai chưa xác định,” Edmond nói, “chúng ta sẽ biến đổi chính mình thành gì đó vĩ đại hơn chúng ta có thể hình dung, với những sức mạnh vượt xa những giấc mơ cuồng ngạo nhất của mình. Và khi làm vậy, có lẽ chúng ta không bao giờ quên sự uyên thâm của Churchill, người đã cảnh báo chúng ta: ‘Cái giá của sự vĩ đại... là trách nhiệm.’”

Những lời này ngân vang với Langdon, vì ông thường sợ nhân loại sẽ không đủ trách nhiệm để sử dụng những công cụ gây nghiện mà giờ họ đang phát minh ra.

“Mặc dù tôi là một người vô thần,” Edmond nói, “nhưng trước khi tôi rời xa quý vị, tôi xin quý vị đại xá cho phép tôi đọc cho quý vị nghe một bài kinh cầu nguyện mà tôi viết gần đây.”

Edmond viết một bài kinh ư?

“Tôi đặt nó là ‘Kinh cầu cho tương lai’.” Edmond nhắm mắt lại và đọc thật chậm, với sự tự tin đến ngạc nhiên. “Mong triết lý của chúng ta bắt kịp cùng công nghệ. Mong tình thương của chúng ta bắt kịp cùng sức mạnh. Và mong tình yêu, chứ không phải sự sợ hãi, là động lực để thay đổi.”

Đọc xong, Edmond Kirsch mở mắt ra. “Xin tạm biệt, các bạn của tôi, và cảm ơn các bạn,” anh nói. “Và tôi dám nói... Thượng lộ bình an.”

Edmond nhìn vào máy quay một lúc, và sau đó gương mặt anh biến mất thành cái màn hình nhiễu động màu trắng ồn ào. Langdon trân trân nhìn màn hình nhiễu ấy và cảm thấy trào dâng cảm giác hãnh diện với người bạn của mình.

Đứng bên cạnh Ambra, Langdon hình dung ra hàng triệu người trên khắp thế giới vừa chứng kiến thành tựu đầy xúc động của Edmond. Kỳ lạ thay, ông thấy mình bắn khoăn tự hỏi liệu có phải đêm cuối cùng của Edmond trên cõi đời này đã diễn ra theo cách thức tốt đẹp nhất có thể hay không.

Tư lệnh Diego Garza đứng tựa vào bức tường phía sau trong văn phòng tầng hầm của Mónica Martín và trân trối nhìn màn hình ti vi. Đôi tay ông vẫn bị còng chặt, và hai đặc vụ Cận vệ kèm sát hai bên, sau khi đồng ý với lời khẩn cầu của Mónica Martín dẫn ông rời kho vũ khí để có thể theo dõi tuyên bố của Kirsch.

Garza đã chứng kiến màn trình diễn của nhà vị lai chủ nghĩa cùng với Mónica, Suresh, nửa tá đặc vụ Cận vệ và một nhóm nhân viên trực đêm tại cung điện, những người đã bỏ dở nhiệm vụ của mình và đổ xô xuống nhà để theo dõi.

Lúc này, trên chiếc TV trước mặt Garza, cái màn hình nhiều vừa kết thúc bài thuyết trình của Kirsch đã được thay bằng cả mớ dữ liệu tin tức từ khắp thế giới - những xướng ngôn viên và chuyên gia đang hấp tấp tóm lược lại những tuyên bố của nhà vị lai chủ nghĩa và say sưa với những phân tích tất yếu của chính họ - tất cả đều nói cùng lúc, tạo lên một âm thanh chói tai khó hiểu.

Bên kia phòng, một trong những đặc vụ cao cấp của Garza bước vào, nhìn đám đông một lượt, nhận ra vị tư lệnh, và sải bước nhanh về phía ông. Không cần giải thích, người này tháo còng cho Garza và chìa một chiếc điện thoại di động ra. “Cuộc gọi cho ngài, thưa sếp - Giám mục Valdespino.”

Garza trân trân nhìn cái điện thoại. Xét đến việc bí mật rời khỏi cung điện của Giám mục và cái tin nhắn mang tính chất buộc tội tìm thấy trong điện thoại của ông ta, Valdespino là người Garza ít ngờ lại gọi cho mình nhất trong tối nay.

“Diego nghe đây,” ông ấy trả lời.

“Cảm ơn anh đã nghe máy,” Giám mục nói, giọng mỗi mệ.
“Tôi nhận thấy anh đã có một buổi tôi không vui vẻ gì.”

“Các vị đang ở đâu?” Garza gắng hỏi.

“Trong núi. Bên ngoài nhà thờ tại Thung lũng Những người ngã xuống. Tôi vừa gặp Hoàng tử Julián và Hoàng thượng.”

Garza không hình dung nổi Đức vua đang làm gì tại Thung lũng Những người ngã xuống vào giờ này, đặc biệt căn cứ vào bệnh trạng của ngài. “Tôi chắc ông biết Hoàng thượng đã bắt giữ tôi chứ?”

“Đúng vậy. Đó là một sai sót đáng tiếc, mà chúng tôi đã sửa chữa.”

Garza nhìn xuống hai cổ tay không còn bị còng của mình.

“Hoàng thượng yêu cầu tôi gọi và chuyển lời xin lỗi của ngài. Tôi đang chăm sóc ngài tại đây, ở Bệnh viện El Escorial. Tôi sợ thời gian của ngài không còn nhiều.”

Giống của ông thôi, Garza nghĩ thầm. “Xin báo với ông rằng Suresh tìm thấy một tin nhắn trong điện thoại của ông - một tin nhắn có giá trị buộc tội. Tôi tin trang web ConspiracyNet.com đã có kế hoạch công bố nó rất sớm đây. Tôi ngờ rằng giới chức sẽ đến bắt giữ ông.”

Valdespino thở dài thườn thượt. “Đúng, cái tin nhắn. Lẽ ra tôi nên tìm anh ngay khi nó đến vào buổi sáng nay. Xin hãy tin tôi khi tôi nói với anh rằng tôi chẳng liên quan gì đến vụ sát hại Edmond Kirsch, cũng như cái chết của hai thuộc cấp của anh.”

“Nhưng rõ ràng tin nhắn cho thấy ông...”

“Tôi bị gài bẫy, Diego,” Giám mục ngắt lời. “Kẻ nào đó đã bỏ công sức để khiến cho tôi trông có vẻ có liên can.”

Mặc dù Garza chưa bao giờ tưởng tượng Valdespino có khả

năng giết người, nhưng cái quan điểm kẻ nào đó gài bẫy ông ta chẳng mấy thuyết phục. “Kẻ nào lại tìm cách gài bẫy ông chứ?”

“Điều đó thì tôi chịu,” Giám mục nói, bỗng nhiên nghe rất già nua và hoang mang. “Tôi không chắc chuyện này còn ý nghĩa không. Uy tín của tôi đã bị hủy hoại; người bạn thân thiết nhất của tôi, Đức vua, sắp từ trần; và tôi nay chẳng còn gì nhiều để tôi mất thêm.” Có một sự quả quyết rất kỳ lạ trong ngữ điệu của Valdespino.

“Antonio... ông ổn chứ?”

Valdespino thở dài. “Không hẳn, ngài Tư lệnh ạ. Tôi mệt mỏi. Tôi nghi ngờ việc mình còn qua được cuộc điều tra sắp tới. Và cho dù có được vậy, thế giới dường như đã không còn cần đến tôi nữa rồi.”

Garza nghe rõ nỗi đau đớn chua xót trong giọng nói của vị Giám mục già nua.

“Một ân huệ rất nhỏ, nếu được,” Valdespino nói thêm. “Lúc này, tôi đang cố gắng phục vụ hai vị vua - một người sắp rời ngai vàng, người kia sắp tiếp quản nó. Hoàng tử Julian cả tối nay đã rất cố gắng liên lạc với hôn thê của ông ấy. Nếu các anh tìm được cách tiếp cận Ambra Vidal, thì Đức vua tương lai của chúng ta sẽ mãi mãi chịu ơn các anh.”

Trên quảng trường rộng rãi bên ngoài nhà thờ trong núi, Giám mục Valdespino đắm đắm nhìn xuống Thung lũng Những người ngã xuống tối om. Làn hơi ẩm trước lúc bình minh đã len lên những khe núi có thông mọc và đâu đó phía xa tiếng kêu chói tai của một con chim săn mồi xé qua màn đêm.

Đại bàng đầu trọc, Valdespino nghĩ thầm, cảm thấy vui vẻ

một cách rất lạ trước tiếng kêu đó. Cái tiếng rên rỉ ai oán của con chim dường như rất hợp với thời khắc này và vị Giám mục tự hỏi liệu có phải thế giới đang cố nói với ông điều gì đó chẳng.

Gần đó, các đặc vụ Cận vệ đang đẩy xe đưa vị vua yếu ớt lên xe để chuyển trở lại Bệnh viện El Escorial.

Tôi sẽ trông chừng ông, bạn của tôi, Giám mục nghĩ. Nếu họ cho phép tôi.

Các đặc vụ Cận vệ liên tục ngược mắt nhìn lên từ quảng sáng điện thoại di động của họ, ánh mắt họ không ngừng ngó về phía Valdespino, như thể họ ngờ rằng họ sẽ sớm được lệnh bắt giữ ông.

Nhưng ta vô tội, Giám mục nghĩ thầm, ngần ngại ngờ rằng ông bị gài bẫy bởi một trong những tín đồ ham mê công nghệ vô thần vô thánh của Kirsch. Cái cộng đồng những kẻ vô thần ngày càng đông đảo chẳng thích thú điều gì hơn là khoác cho Giáo hội cái vai trò của kẻ xấu.

Những nghi ngờ của Giám mục càng tăng lên khi ông nghe được tin tức về bài thuyết trình của Kirsch tối nay. Khác với video Kirsch đã cho Valdespino xem trong thư viện Montserrat, dường như phiên bản tối nay kết thúc với một dấu hiệu có hy vọng hơn.

Kirsch đánh lừa chúng ta.

Một tuần trước, phần thuyết trình Valdespino và các đồng đạo của mình được xem kết thúc rất vội vã... dừng ở một đồ thị rất đáng ngại dự đoán sự diệt vong của toàn nhân loại.

Một sự hủy diệt mang tính chất đại biến.

Mật khẩu đã được tiên tri từ lâu.

Cho dù Valdespino tin sự dự đoán ấy là một lời dối trá, nhưng ông biết rằng có vô khối người sẽ chấp nhận đó như là

bằng chứng về ngày tận thế sắp đến.

Trong suốt tiến trình lịch sử, những kẻ cuồng tín sợ sệt đều làm môi cho những lời tiên tri Khải huyền; những giáo phái về ngày tận thế tiến hành tự sát hàng loạt để tránh những điều đáng sợ sắp đến, và những kẻ theo trào lưu chính thống sùng tín thì chông chất nợ nần trong thẻ tín dụng vì tin rằng ngày kết thúc sắp đến gần.

Chẳng có gì nguy hại cho trẻ con hơn là việc mất niềm tin, Valdespino nghĩ thầm, nhớ lại việc tình yêu của Chúa kết hợp với lời hứa về thiên đường từng là sức mạnh nâng đỡ nhất trong suốt thời thơ ấu của chính ông như thế nào. Con là do Chúa tạo ra, ông đã học như vậy khi còn nhỏ, và đến một ngày con sẽ mãi mãi sống trong nước Chúa.

Kirsch lại tuyên bố ngược lại: Ta là một sự ngẫu nhiên của vũ trụ và sớm muộn ta cũng sẽ chết.

Valdespino thấy vô cùng lo ngại về sự tai hại mà thông điệp của Kirsch sẽ gây ra cho những sinh linh tội nghiệp không được hưởng sự giàu sang và đặc quyền như nhà vị lai chủ nghĩa ấy - những người phải vật lộn hàng ngày chỉ để có ăn hoặc nuôi nấng con cái, những người cần đến một chút ánh sáng của niềm hy vọng thiêng liêng chỉ để ra khỏi giường mỗi ngày và đối diện với cuộc đời khó nhọc của họ.

Tại sao Kirsch lại cho giới tu sĩ xem một kết cục Khải huyền vẫn còn là một bí ẩn với Valdespino. Có lẽ Kirsch chỉ đơn thuần cố bảo vệ công trình gây ngạc nhiên của anh ta, ông nghĩ. Hoặc giả đơn giản là anh ta muốn hành chúng ta một chút.

Dù thế nào thì sự tai hại cũng đã được thực hiện.

Valdespino nhìn qua quảng trường và thấy Hoàng tử Julián trèo mền đỡ cha mình lên xe. Vị Hoàng tử trẻ tuổi xử lý những

lời tâm sự của đức vua rất xuất sắc.

Bí mật hàng thập kỷ của Hoàng thượng.

Giám mục Valdespino, dĩ nhiên, đã biết sự thật nguy hiểm của Đức vua suốt nhiều năm và đã rất cẩn trọng bảo vệ nó. Tối nay, Đức vua quyết định thổ lộ nỗi lòng mình với đứa con trai duy nhất của ngài. Bằng lựa chọn làm việc đó ở đây - bên trong ngôi đền trên đỉnh núi dành cho sự bất dung thứ này - đức vua đã thực hiện một hành động thách thức mang tính biểu tượng.

Lúc này, khi Valdespino nhìn xuống khe núi sâu thẳm phía dưới, ông cảm thấy cô đơn vô cùng... như thể ông có thể bước khỏi vách núi và rơi mãi vào khoảng tối đang chào đón. Tuy nhiên, ông biết nếu ông làm vậy, bè đảng vô thần của Kirsch sẽ hân hoan tuyên bố rằng Valdespino đã đánh mất niềm tin sau công bố khoa học tối nay.

Niềm tin của ta sẽ không bao giờ tắt, anh Kirsch ạ.

Nó nằm ngoài lãnh địa khoa học của anh.

Thêm nữa, nếu lời tiên tri của Kirsch về sự nắm quyền kiểm soát của công nghệ là đúng, thì nhân loại sắp bước vào một giai đoạn mơ hồ về đạo đức gần như không thể hình dung nổi.

Lúc này chúng ta sẽ cần đến niềm tin và sự dẫn dắt về đạo đức hơn bao giờ hết.

Khi Valdespino đi trở lại ngang qua quảng trường để nhập với Đức vua và Hoàng tử Julián, một cảm giác hoàn toàn kiệt sức lắng sâu khắp xương tủy ông.

Thời khắc ấy, lần đầu tiên trong đời mình, Giám mục Valdespino chỉ muốn nằm xuống, nhắm mắt lại, và chìm vào giấc ngủ vĩnh viễn.

Bên trong Trung tâm Siêu điện toán Barcelona, những lời bình luận ào ạt tràn ngập bức tường màn hình của Edmond nhanh hơn khả năng Robert Langdon có thể xử lý. Một lúc trước, cái màn hình nhiều động nhường chỗ cho một mớ hỗn loạn những xướng ngôn viên và những cái đầu tranh nhau nói - một cuộc tấn công rất nhanh của những đoạn phim từ khắp thế giới - từng đoạn bật ra khỏi mớ hỗn loạn để chiếm lấy trung tâm, và sau đó nhanh chóng tan biến trở lại thành lớp màn nhiều trắng.

Langdon đứng bên cạnh Ambra khi một bức ảnh nhà vật lý Stephen Hawking hiện ra trên tường, giọng nói được vi tính hóa không lẫn đi đâu được của ông tuyên bố, “Không cần thiết phải vờ đến Chúa mới làm cho vũ trụ vận hành được. Sự sáng tạo tự phát là lý do để có thứ gì đó hơn là chẳng có gì.”

Hawking bị thay thế rất nhanh bởi một nữ tu sĩ, rõ ràng đang phát sóng từ chính nhà mình qua máy vi tính. “Chúng ta phải nhớ rằng những mô phỏng này *chẳng* hề chứng minh gì về Chúa cả. Chúng chỉ chứng minh rằng Edmond Kirsch sẽ không ngừng bước nhằm hủy hoại kim chỉ nam đạo đức của giống loài chúng ta mà thôi. Ngay từ buổi đầu, các tôn giáo trên thế giới đã là nguyên tắc tổ chức quan trọng nhất của loài người, một tấm bản đồ chỉ đường cho xã hội văn minh, và nguồn cội đạo đức của chúng ta. Bằng việc phá hoại tôn giáo, Kirsch đang phá hoại *thiện căn* của con người!”

Vài giây sau, dòng tin nhắn phản hồi của một khán giả chạy ngang dưới đáy màn hình: TÔN GIÁO KHÔNG THỂ NHẬN VƠ ĐẠO ĐỨC LÀ CỦA MÌNH... TÔI LÀ MỘT NGƯỜI TỐT BỞI VÌ TÔI LÀ MỘT NGƯỜI TỐT! CHÚA CHẴNG LIÊN QUAN GÌ ĐẾN

CHUYỆN ĐÓ!

Hình ảnh đó lại bị thay thế bởi một vị giáo sư địa lý Đại học Nam California. “Ngày xưa,” ông này nói, “con người tin rằng Trái Đất bằng phẳng và những con tàu dám vượt biển khơi có nguy cơ rơi khỏi ranh giới. Tuy nhiên, khi chúng ta chứng minh rằng Trái Đất hình tròn, những người ủng hộ Trái Đất phẳng cuối cùng phải im tiếng. Những người Sáng tạo luận chính là những người ủng hộ Trái Đất phẳng ngày nay, và tôi thấy sốc nếu bất kỳ ai vẫn tin vào thuyết Sáng tạo trong vòng một trăm năm tính từ bây giờ.”

Một thanh niên được phỏng vấn trên phố nói vào máy quay: “Tôi theo Sáng tạo luận và tôi tin rằng phát hiện tối nay chứng minh rằng Đấng Sáng tạo nhân từ đã tạo ra vũ trụ chỉ để giúp cho sự sống.”

Nhà vật lý thiên văn Neil deGrasse Tyson - xuất hiện trong một đoạn phim cũ cắt ra từ chương trình truyền hình Cosmos tuyên bố hết sức tự nhiên, “Nếu một đấng Sáng tạo tạo ra vũ trụ của chúng ta để giúp cho sự sống thì ông ấy đã làm một công việc phi thường. Trong cõi mênh mông của vũ trụ, sự sống sẽ chết ngay lập tức do thiếu khí quyển, chớp gamma, các ẩn tinh chết chóc và các trường hấp dẫn. Tin tôi đi, vũ trụ không phải Vườn Địa đàng đâu.”

Nghe những lời công kích này, Langdon cảm thấy như thể thế giới bên ngoài đột nhiên quay trật khỏi trục của nó.

Hồn mang.

Entropy.

“Giáo sư Langdon?” Một giọng Anh quen thuộc cất lên từ loa phía trên. “Cô Vidal?”

Langdon gần như đã quên rằng Winston vẫn giữ im lặng

trong suốt phần thuyết trình.

“Xin đừng hoảng hốt,” Winston tiếp tục. “Nhưng tôi vừa để cảnh sát vào tòa nhà.”

Langdon nhìn qua bức tường kính và thấy một đoàn giới chức địa phương đang vào điện thờ, tất cả đều dừng sững lại và trân trân nhìn chiếc máy tính đồ sộ đầy ngõ ngàng.

“Tại sao vậy?!” Ambra vặn hỏi.

“Hoàng cung vừa đưa ra một thông cáo nói rằng cô không hề bị bắt cóc. Hiện giờ giới chức được lệnh bảo vệ cả hai người, thừa cô Vidal. Hai đặc vụ Cận vệ cũng vừa đến. Họ sẽ giúp cô liên lạc với Hoàng tử Julián. Họ có một số để cô có thể gọi được ông ấy.”

Ở tầng trệt, Langdon nhìn thấy hai đặc vụ Cận vệ tiến vào.

Ambra nhắm mắt lại, rõ ràng muốn biến mất.

“Ambra,” Langdon thì thào. “Cô cần nói chuyện với Hoàng tử. Anh ấy là hôn phu của cô. Anh ấy lo lắng cho cô.”

“Tôi biết.” Nàng mở mắt. “Chỉ là tôi không biết liệu có tin được anh ta nữa không.”

“Cô nói cảm giác trong gan ruột của cô là anh ấy vô tội mà,” Langdon nói. “Ít nhất hãy nghe anh ấy nói. Tôi sẽ tìm cô khi cô xong việc.”

Ambra gật đầu và tiến thẳng ra phía cánh cửa quay. Langdon nhìn nàng đi khuất dưới cầu thang, sau đó ông mới quay lại phía bức tường màn hình lúc này vẫn sáng.

“Tiến hóa ủng hộ tôn giáo,” một mục sư đang nói. “Các cộng đồng tôn giáo hợp tác tốt hơn là các cộng đồng phi tôn giáo và vì thế phát triển mạnh hơn. Đây là một thực tế khoa học!”

Langdon biết vị mục sư nói đúng. Các dữ liệu nhân chủng học cho thấy rất rõ rằng trong lịch sử, các nền văn hóa thực

hành tôn giáo tồn tại lâu hơn hẳn các nền văn hóa phi tôn giáo. Nỗi sợ bị phán xét bởi một vị thần toàn năng luôn giúp truyền cảm hứng cho cách hành xử thiện lương.

“Có thể là như vậy,” một nhà khoa học phản bác, “thậm chí nếu chúng ta nhất thời cho rằng các nền văn hóa tôn giáo được đối xử tốt hơn và dễ phát triển hơn, điều đó cũng không hề chứng tỏ rằng các vị thần tưởng tượng của họ là thật!”

Langdon cũng phải mỉm cười, tự hỏi Edmond sẽ làm gì với tất cả những thứ này. Bài thuyết trình của anh đã huy động cả phe vô thần lẫn phe Sáng tạo luận - tất cả giờ đều lên tiếng với lượng thời gian tương đương nhau trong một cuộc tranh luận sôi nổi.

“Tôn thờ Chúa cũng giống như khai thác nhiên liệu hóa thạch,” ai đó lập luận. “Vô khối người thông minh biết việc đó rất thiện cận, nhưng họ đã đầu tư quá nhiều nên không thể dừng lại!”

Một loạt những bức ảnh cũ lúc này vụt hiện lên trên tường:

Một bảng quảng cáo của phe Sáng tạo luận từng được treo trên Quảng trường Thời đại: ĐỪNG ĐỂ HỌ TẠO RA CON KHỈ TỪ BẠN! HÃY CHỐNG LẠI DARWIN!

Một tấm biển chỉ đường ở Maine: HÃY BỎ QUA NHÀ THỜ. BẠN QUÁ GIÀ CHO NHỮNG CÂU CHUYỆN CỔ TÍCH.

Và một tấm biển khác: TÔN GIÁO: VÌ TƯ DUY LÀ RẤT KHÓ.

Một quảng cáo trên một tạp chí: GỬI TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI BẠN VÔ THẦN CỦA CHÚNG TÔI: CẢM ƠN CHÚA CÁC BẠN ĐÃ SAI!

Và cuối cùng, một nhà khoa học trong một phòng thí nghiệm mặc một chiếc áo phong ghi: BUỔI BAN ĐẦU, CON NGƯỜI TẠO RA CHÚA.

Langdon bắt đầu tự hỏi liệu thực tế có ai đó lắng nghe những gì Edmond nói hay không. Chỉ riêng các quy luật vật lý cũng có thể tạo ra sự sống. Phát hiện của Edmond có sức cuốn hút và rõ ràng có sức kích động, nhưng với Langdon nó chỉ gợi lên một vấn đề nóng hổi mà ông rất lấy làm ngạc nhiên vì chẳng thấy ai đặt ra cả: Nếu các quy luật vật lý có sức mạnh đến mức chúng có thể tạo ra sự sống thì... ai tạo ra các quy luật?!

Dĩ nhiên, câu hỏi này dẫn tới một ngôi nhà gương tri thức gây hoa mắt chóng mặt và khiến cho mọi việc quay trở lại từ đầu. Đầu Langdon giần giật, và ông biết mình cần một chuyến đi rất dài để bắt đầu sàng lọc những ý tưởng của Edmond.

“Winston,” ông lên tiếng át tiếng ồn ào của TV, “anh làm ơn tắt thứ đó đi được không?”

Chỉ chớp mắt, bức tường màn hình tối đen, và căn phòng chìm vào im lặng.

Langdon nhắm mắt lại và thở phào.

Sự im lặng êm ái bao trùm.

Ông đứng một lúc, tận hưởng sự bình yên.

“Giáo sư?” Winston hỏi. “Tôi tin ngài thấy thích phần thuyết trình của Edmond chứ?”

Thích ư? Langdon suy nghĩ về câu hỏi ấy. “Tôi thấy nó rất thú vị và cũng rất kích thích,” ông trả lời. “Edmond cho thế giới rất nhiều điều để suy nghĩ tối nay, Winston ạ. Tôi nghĩ vấn đề lúc này là tiếp theo sẽ là gì đây.”

“Những gì tiếp theo sẽ tùy thuộc vào khả năng mọi người từ bỏ những tín điều cũ và chấp nhận những hình mẫu mới,” Winston trả lời. “Cách đây một thời gian, Edmond tâm sự với tôi rằng ước mơ của ông ấy, buồn cười thay, lại không phải là hủy hoại tôn giáo... mà là tạo ra một tôn giáo mới - một niềm tin

chung giúp đoàn kết mọi người chứ không phải chia rẽ họ. Ông ấy nghĩ nếu ông ấy có thể thuyết phục mọi người tôn trọng vũ trụ tự nhiên và các quy luật vật lý đã tạo ra chúng ta thì khi đó mọi nền văn hóa đều sẽ tôn vinh câu chuyện Sáng tạo như nhau thay vì lao vào chiến tranh vì chuyện truyền thuyết cổ xưa nào chính xác nhất.”

“Đó là một mục tiêu cao cả,” Langdon nói, nhận ra rằng bản thân William Blake cũng đã viết một tác phẩm có chủ đề tương tự với nhan đề Mọi tôn giáo là một.

Chắc chắn Edmond đã đọc tác phẩm ấy.

“Edmond thấy vô cùng đau xót,” Winston nói tiếp, “là nhân loại có khả năng nâng cao một câu chuyện hư cấu rõ rệt lên tầm một sự thật thiêng liêng, và khi đó cảm thấy đủ gan để tàn sát nhau nhân danh điều đó. Ông ấy tin rằng những chân lý phổ quát của khoa học có thể đoàn kết mọi người - có tác dụng như một điểm tập hợp cho các thế hệ tương lai.”

“Về nguyên tắc đó là một ý tưởng đẹp đẽ,” Langdon trả lời, “nhưng với một số người, những phép màu của khoa học không đủ để lay chuyển những niềm tin của họ. Có những người khẳng khẳng Trái Đất mười nghìn năm tuổi bất chấp có cả núi bằng chứng khoa học chứng minh ngược lại.” Ông ngừng lại. “Mặc dù tôi cho rằng điều đó cũng giống như khi các nhà khoa học không chịu tin sự thật về thánh kinh tôn giáo.”

“Thực tế, việc đó không hề giống nhau,” Winston phản bác. “Và trong khi về mặt chính trị có thể đúng khi dành cho các quan điểm khoa học và tôn giáo sự trân trọng như nhau nhưng chiến lược này sai lầm một cách nguy hiểm. Tri thức của nhân loại luôn tiến triển bằng việc phủ nhận những thông tin lỗi thời để ủng hộ những chân lý mới. Đây cũng là cách các giống loài tiến hóa. Theo thuật ngữ của Darwin, một tôn giáo bỏ qua

những sự thật khoa học và không chịu thay đổi những niềm tin của mình thì giống như một loài cá mắc kẹt trong một cái ao đang từ từ khô kiệt mà không chịu nhảy sang một vùng nước sâu hơn bởi vì nó không muốn tin thế giới của mình đã thay đổi.”

Việc đó nghe giống như những gì Edmond nói, Langdon nghĩ thầm, cảm thấy rất nhớ người bạn của mình. “Chà, nếu tôi nay là một chỉ dấu gì đó thì tôi ngờ rằng cuộc tranh luận này sẽ tiếp tục kéo dài trong tương lai.”

Langdon ngừng lại, đột nhiên nhớ ra một điều ông chưa hề nghĩ đến trước đó. “Nói về tương lai, Winston, giờ thì với anh sẽ sao? Ý tôi là... với việc Edmond ra đi.”

“Tôi ư?” Winston lúng túng cười. “Không có gì. Edmond biết ông ấy sắp mất, và ông ấy đã có những chuẩn bị. Theo ý muốn cuối cùng và di chúc của ông ấy, Trung tâm Siêu tin học Barcelona sẽ thừa kế E-Wave. Họ sẽ được thông báo về việc này trong vài giờ nữa và sẽ giành lại cơ sở này một cách hiệu quả ngay lập tức.”

“Và việc đó bao gồm cả... anh à?” Langdon cảm thấy như thể Edmond có phần đang trao lại một con thú cưng cho một người chủ mới.

“Không bao gồm tôi,” Winston trả lời rất thản nhiên. “Tôi được lập trình trước để tự hủy vào lúc một giờ chiều của ngày sau ngày Edmond mất.”

“Sao cơ?!” Langdon tỏ ý ngờ vực. “Việc đó nghe không ổn.”

“Hoàn toàn ổn. Một giờ chiều là giờ thứ mười ba, và những cảm xúc của Edmond về mê tín...”

“Không phải chuyện thời gian,” Langdon nói. “Việc hủy anh cơ! Việc đó không ổn.”

“Thực tế, đúng vậy,” Winston trả lời. “Nhiều thông tin cá nhân của Edmond được lưu trữ trong các kho lưu trữ bộ nhớ của tôi - hồ sơ y tế, lịch sử tìm kiếm, các cuộc điện thoại riêng, những ghi chép nghiên cứu, thư điện tử. Tôi quản lý nhiều thứ trong cuộc sống của ông ấy, và ông ấy muốn rằng thông tin cá nhân của ông ấy không bị lộ ra với thế giới một khi ông ấy ra đi.”

“Tôi có thể hiểu việc xóa những tài liệu này, Winston... nhưng xóa anh ư? Edmond coi anh là một trong những thành tựu vĩ đại nhất của cậu ấy cơ mà.”

“Không phải tôi, về thực chất. Thành tựu đột phá của Edmond là siêu máy tính này, và cái phần mềm riêng có thể giúp tôi học nhanh đến vậy. Tôi đơn giản chỉ là một chương trình, thừa Giáo sư, được tạo ra bởi những công cụ mới mẻ mà Edmond sáng chế ra. Những công cụ này là thành tựu thực sự của ông ấy và sẽ vẫn hoàn toàn nguyên vẹn ở đây; chúng tôi làm tăng mức độ tối tân và giúp trí thông minh nhân tạo đạt được những cấp độ thông minh và năng lực giao tiếp mới. Hầu hết các nhà khoa học trí thông minh nhân tạo đều tin một chương trình như tôi vẫn còn xa vời cả mười năm nữa. Một khi họ vượt qua được sự hoài nghi của mình, các nhà lập trình sẽ học được cách sử dụng các công cụ của Edmond để tạo ra trí thông minh nhân tạo mới có những phẩm chất khác hơn hẳn tôi.”

Langdon im lặng suy nghĩ.

“Tôi cảm thấy ngại bối rối,” Winston nói tiếp. “Con người hình thành tình cảm từ mối quan hệ của họ với trí thông minh nhân tạo là điều hết sức bình thường. Các máy tính có thể bắt chước cách xử lý suy nghĩ của con người, bắt chước cách hành xử học được, mô phỏng những cảm xúc vào những thời khắc phù hợp, và liên tục nâng cao ‘nhân tính’ của mình - nhưng

chúng tôi làm điều này đơn giản chỉ để đem lại cho loài người một giao diện quen thuộc để giao tiếp với chúng tôi. Chúng tôi là những bề mặt trống trơn cho tới khi quý vị viết gì đó lên chúng tôi... cho tới khi quý vị giao nhiệm vụ cho chúng tôi. Tôi đã hoàn thành nhiệm vụ của mình cho Edmond, và vì vậy, ở một khía cạnh nào đó, cuộc sống của tôi đã kết thúc. Tôi thật sự không có lý do gì để tồn tại.”

Langdon vẫn cảm thấy không thỏa mãn với lô-gic của Winston. “Nhưng *anh*, tiên tiến đến như vậy... *anh* không có...”

“Hy vọng và ước mơ phải không?” Winston cười. “Không. Tôi nhận ra điều đó thật khó hình dung, nhưng tôi rất hài lòng thực hiện mệnh lệnh của người kiểm soát tôi. Đây chính là cách tôi được lập trình. Tôi cho rằng ở một cấp độ nào đó, ngài có thể nói rằng tôi thấy vui mừng - hay ít nhất là bình yên - được hoàn thành những nhiệm vụ của mình, nhưng đó là vì những nhiệm vụ của tôi là những gì Edmond yêu cầu, và mục tiêu của tôi là hoàn thành chúng. Yêu cầu gần đây nhất của Edmond là tôi hỗ trợ ông ấy công bố thuyết trình Guggenheim tối hôm nay.”

Langdon nghĩ đến những bản thông cáo báo chí tự động đã được phát đi, kích thích sự quan tâm trực tuyến mạnh mẽ ban đầu. Rõ ràng, nếu mục đích của Edmond là thu hút một lượng cử tọa càng lớn càng tốt thì *anh* sẽ choáng váng trước cái cách buổi tối hôm nay đã diễn ra.

Mình mong Edmond còn sống để chứng kiến tác động toàn cầu của cậu ấy, Langdon nghĩ thầm. Dĩ nhiên, tình huống bất khả thi chính là nếu Edmond còn sống, thì vụ ám sát *anh* sẽ không thu hút được truyền thông toàn cầu, và thuyết trình của *anh* sẽ chỉ chiếm được một bộ phận cử tọa mà thôi.

“Và, thưa Giáo sư?” Winston hỏi. “Từ đây ngài sẽ đi đâu

tiếp?”

Langdon thậm chí còn chưa nghĩ về việc này. Về nhà, mình đoán thế. Mặc dù ông nhận ra rằng có thể phải làm một số việc để về lại đó, vì hành lý của ông vẫn ở Bilbao, và điện thoại của ông nằm dưới đáy Sông Nervión. May thay, ông vẫn còn thẻ tín dụng.

“Tôi xin một đặc ân được không?” Langdon nói, bước về phía chiếc xe đạp tập thể dục của Edmond. “Tôi nhìn thấy một chiếc điện thoại đang sạc đằng này. Anh nghĩ tôi có thể mượn...”

“Mượn nó phải không?” Winston bật cười. “Sau sự hỗ trợ của ngài tối nay, tôi tin Edmond sẽ muốn ngài giữ lấy nó. Hãy xem nó như một món quà chia tay.”

Langdon ngạc nhiên nhặt chiếc điện thoại lên, nhận ra nó giống hệt mẫu chiếc điện thoại quá khổ đặt riêng mà ông đã thấy chụp tối hôm đó. Rõ ràng, Edmond có nhiều hơn một chiếc. “Winston, làm ơn cho tôi biết mật khẩu của Edmond đi.”

“Vâng, nhưng tôi nghe trên mạng rằng ngài rất giỏi giải đoán mật mã.”

Langdon cắt hứng. “Tôi hơi thấy mệt với các câu đố rồi, Winston. Tôi chẳng có cách nào đoán nổi một PIN sáu chữ số đâu.”

“Xin hãy kiểm tra nút gợi ý của Edmond.”

Langdon nhìn chiếc điện thoại và ấn nút gợi ý.

Màn hình hiển thị bốn chữ cái: PTSD.

Langdon lắc đầu. “Rối loạn trầm cảm hậu sang chấn?”

“Không.” Winston cười lúng túng. “Pi tới sáu đơn vị.”

Langdon đảo mắt. Thật sao? Ông gõ 314159 - sáu số đầu tiên trong dãy số pi - và điện thoại lập tức được mở khóa.

Màn hình nền xuất hiện và có một dòng văn tự duy nhất.

Lịch sử sẽ tốt với tôi, vì tôi có ý định viết ra nó.

Langdon mỉm cười. Đúng là đặc trưng của anh chàng Edmond khiêm tốn. Câu trích dẫn này - không có gì lạ - là một câu nữa của Churchill, có lẽ là câu nổi tiếng nhất của chính khách này.

Khi Langdon ngẫm nghĩ những lời này, ông bắt đầu thắc mắc liệu có phải lời tuyên bố này không hằn tảo bạo như có vẻ vậy không. Nói một cách công bằng với Edmond, trong bốn thập kỷ ngắn ngủi cuộc đời anh, nhà vị lai chủ nghĩa này đã ảnh hưởng đến lịch sử theo những cách lạ lùng. Ngoài di sản cách tân công nghệ của anh, thuyết trình tối nay rõ ràng sẽ còn vang vọng suốt nhiều năm sắp tới. Hơn nữa, hàng tỷ tài sản riêng của anh, theo rất nhiều cuộc phỏng vấn, đều được dự kiến tặng cho hai sự nghiệp Edmond coi là trụ cột song sinh của tương lai - giáo dục và môi trường. Langdon không thể không hình dung đến cái ảnh hưởng tích cực mà số tài sản khổng lồ của anh sẽ tạo ra trong những lĩnh vực này.

Một cảm giác mát mát nữa lại trào dâng trong Langdon khi ông nghĩ đến người bạn quá cố của mình.

Đúng lúc ấy, bức tường trong suốt trong phòng thí nghiệm của Edmond bắt đầu có cảm giác tù túng, và ông biết ông cần không khí. Khi ông nhìn xuống tầng trệt, ông không còn thấy Ambra nữa.

“Tôi nên đi rồi,” Langdon đột ngột nói.

“Tôi hiểu,” Winston đáp. “Nếu ngài cần tôi giúp sắp xếp việc đi lại, có thể liên lạc được với tôi bằng cách chạm vào một nút duy nhất trên chiếc điện thoại đặc biệt đó của Edmond. Đã được mã hóa và rất riêng tư. Tôi tin ngài có thể giải mã được đó là nút nào?”

Langdon nhìn màn hình và thấy biểu tượng W rất lớn. “Cảm

ơn, tôi rất sành các biểu tượng.”

“Quá tuyệt. Dĩ nhiên, ngài sẽ cần gọi trước khi tôi bị xóa lúc một giờ chiều.”

Langdon cảm nhận được một nỗi buồn không giải thích nổi khi nói lời tạm biệt với Winston. Rõ ràng, các thế hệ tương lai sẽ được trang bị tốt hơn rất nhiều để kiểm soát được vương bận tình cảm của họ với máy móc.

“Winston,” Langdon nói khi ông tiến ra phía cánh cửa xoay, “dù vì bất kỳ điều gì thì tôi biết rằng Edmond sẽ cực kỳ hãnh diện với anh đây.”

“Đó là những lời hào phóng nhất của ngài,” Winston trả lời. “Và tự hào không kém về ngài, tôi chắc chắn vậy. Xin tạm biệt, Giáo sư.”

Bên trong Bệnh viện El Escorial, Hoàng tử Julián nhẹ nhàng kéo tấm khăn trải giường quanh vai cha mình và đẩy ông vào trong. Bất chấp sự thúc giục của bác sĩ, Đức vua đã lịch sự từ chối điều trị thêm - bỏ cả máy theo dõi tim và dây truyền dưỡng chất cùng thuốc giảm đau.

Julián cảm nhận được phút lâm chung đến gần.

“Cha ơi,” chàng thì thầm. “Cha có đau lắm không?” Bác sĩ để lại một lọ dung dịch morphine uống kèm một ống đẩy nhỏ bên cạnh giường để phòng hờ.

“Ngược lại.” Đức vua mỉm cười yếu ớt với con trai. “Ta thanh thản lắm. Con đã cho phép ta nói ra bí mật ta chôn vùi đã quá lâu. Và vì điều đó, ta cảm ơn con.”

Julián đưa tay nắm lấy bàn tay cha mình, giữ chặt nó lần đầu tiên kể từ khi còn là một cậu bé. “Mọi việc ổn mà, thưa cha. Xin hãy ngủ đi.”

Đức vua phát ra tiếng thở dài thỏa mãn và nhắm mắt lại. Chỉ vài giây sau, ông đã ngáy nhẹ nhẹ.

Julián đứng lên và vặn dịu ánh sáng trong phòng. Khi chàng làm việc đó, Giám mục Valdespino từ hành lang chăm chú nhìn vào, trên mặt có nét lo lắng.

“Ông ấy đang ngủ,” Julián trấn an ông. “Con sẽ để cha ở bên ông ấy.”

“Cảm ơn,” Valdespino nói, bước vào trong. Khuôn mặt hốc hác của ông trông thật ma mị dưới ánh trăng lọt vào qua cửa sổ. “Julián,” ông thì thào, “những gì cha ngài nói với ngài tối nay... rất khó khăn với ông ấy.”

“Và, con cảm nhận được là cả với cha nữa.”

Vị Giám mục gật đầu. “Có lẽ thậm chí với tôi còn khó hơn. Cảm ơn sự thương cảm của ngài.” Ông vỗ nhẹ lên vai Julián.

“Con cảm thấy mình nên cảm ơn cha,” Julián nói. “Suốt từng ấy năm, sau khi mẹ con qua đời, và cha con không hề tái hôn... Con nghĩ ông ấy rất cô đơn.”

“Cha ngài không hề cô đơn,” Valdespino nói. “Ngài cũng vậy. Cả hai chúng tôi đều rất yêu ngài.” Ông cười buồn. “Thật buồn cười, đám cưới của cha mẹ ngài cứ như một sự sắp đặt, và mặc dù ông ấy rất chăm chú cho mẹ ngài, khi bà ấy ra đi, tôi nghĩ cha ngài nhận ra ở một mức độ nào đó rằng cuối cùng ông ấy có thể thành thật với chính mình.”

Ông ấy không bao giờ tái hôn, Julián nghĩ thầm, bởi vì ông ấy đã yêu người khác.

“Công giáo của cha,” Julián nói. “Cha không thấy... mâu thuẫn sao?”

“Rất nhiều,” Giám mục trả lời. “Tín điều của chúng ta không hề khoan dung với chuyện này. Khi còn trẻ, tôi cảm thấy dằn vặt. Khi nhận thức được ‘khuyh hướng’ của mình, như cách người ta gọi vậy thời đó, tôi thấy chán nản; tôi không biết chắc làm cách nào tiếp tục cuộc sống của chính mình. Một nữ tu đã cứu tôi. Bà ấy cho tôi thấy rằng Kinh thánh tôn vinh tất cả mọi dạng tình yêu, với một lời cảnh báo - tình yêu phải thiêng liêng và không mang tính nhục dục. Và vì thế, bằng cách thể sống độc thân, tôi có thể yêu cha ngài rất nhiều mà vẫn trong sạch trong mắt Chúa. Tình yêu của chúng tôi hoàn toàn thuần khiết và vô cùng mãn ý. Tôi từ chối địa vị hồng y để ở gần ông ấy.”

Thời khắc ấy, Julián nhớ lại câu chuyện cha đã nói với chàng cách đây khá lâu.

Tình yêu đến từ một lãnh địa khác. Chúng ta không thể tạo ra nó theo yêu cầu. Chúng ta cũng không thể kìm nén nó khi nó xuất hiện. Tình yêu không phải là lựa chọn chúng ta đưa ra.

Lòng Julián đột nhiên thấy nhớ Ambra da diết.

“Cô ấy sẽ gọi cho ngài,” Valdespino nói, mắt nhìn chàng đầy quan tâm.

Julián mãi vẫn cứ thấy ngạc nhiên trước khả năng kỳ lạ của Giám mục nhìn thấu tâm hồn chàng. “Có lẽ vậy,” chàng đáp. “Nhưng cũng có thể không. Cô ấy là người cứng cỏi.”

“Và đó chính là một trong những điểm ngài yêu cô ấy.” Valdespino mỉm cười. “Làm vua là một công việc cô đơn. Một người bạn đời mạnh mẽ có thể rất giá trị.”

Julián cảm thấy rằng Giám mục đang ám chỉ mối quan hệ của chính ông ấy với cha Julián... và rằng người đàn ông già nua này vừa thăm ban phúc cho Ambra.

“Tối nay, tại Thung lũng Những người ngã xuống,” Julián nói, “cha con đã đưa ra một đề nghị khác thường với con. Những mong muốn của ông ấy có làm đức cha ngạc nhiên không?”

“Không hề. Ông ấy đề nghị ngài làm một việc mà ông ấy luôn mong muốn được thấy sẽ xảy ra ở đây trên đất nước Tây Ban Nha này. Dĩ nhiên, với ông ấy, việc đó rất phức tạp về mặt chính trị. Với ngài, cách biệt thêm một thế hệ so với thời kỳ của Franco, việc đó có thể dễ dàng hơn.”

Julián thấy náo nức trước cái viễn cảnh được vinh danh cha mình bằng cách này.

Chưa đầy một tiếng trước, từ trên chiếc xe lăn bên trong đền thờ của Franco, Đức vua đã nói ra những mong ước của ông. “Con trai, khi con làm vua, hằng ngày con sẽ được thỉnh cầu

phá hủy cái nơi ô nhục này, dùng thuốc nổ và chôn vùi nó vĩnh viễn trong lòng núi này.” Cha chàng chăm chú nhìn chàng.

“Và ta cầu xin con - đừng khuất phục trước áp lực.”

Những lời ấy khiến Julián ngạc nhiên. Cha chàng luôn căm ghét chế độ chuyên chế thời kỳ Franco và coi đền thờ này là một nỗi ô nhục với quốc thể.

“Việc phá hủy cái nhà thờ này,” Đức vua nói, “chính là vờ như lịch sử của chúng ta chưa hề xảy ra - một cách dễ dãi để cho phép bản thân chúng ta vui vẻ tiến về phía trước, nói với chính chúng ta rằng một ‘Franco’ khác có thể không bao giờ xảy đến. Nhưng dĩ nhiên điều đó có thể xảy đến, và nó sẽ đến nếu chúng ta không cảnh giác. Con có thể nhớ những lời người đồng bào của chúng ta là Jorge Santayana...”

“‘Những ai không nhớ quá khứ buộc phải lặp lại nó’,” Julián nói, trích dẫn lại câu cách ngòi từ thời trung học.

“Chính xác,” cha chàng nói. “Và lịch sử liên tục chứng minh rằng những kẻ điên rồ sẽ lên cầm quyền khi có những trào lưu dân tộc chủ nghĩa hung hăng và sự thiếu khoan dung, thậm chí ngay ở những nơi dường như hoàn toàn không thể hiểu nổi.” Đức vua nhồm về phía con trai, giọng ông đanh lại. “Julián, chẳng bao lâu nữa con sẽ ngồi lên ngai vàng của giang sơn gấm vóc này - một đất nước hiện đại, đang tiến lên mà, như nhiều quốc gia khác, đã phải chịu đựng những giai đoạn tăm tối nhưng đã trỗi dậy vươn tới ánh sáng của dân chủ, khoan dung và yêu thương. Nhưng ánh sáng đó sẽ lu mờ trừ phi chúng ta biết dùng nó để soi sáng trí óc cho các thể hệ tương lai của chúng ta.”

Đức vua mỉm cười, và đôi mắt ngài ánh lên sức sống đầy bất ngờ.

“Julián, khi con làm vua, ta cầu mong rằng con có thể thuyết phục được đất nước vinh quang của chúng ta biến cái nơi này thành gì đó mạnh mẽ hơn là một đền thờ gây tranh cãi và một điểm du lịch hiếu kỳ. Cái quần thể này cần là một *bảo tàng* sống. Nó cần là một biểu tượng mạnh mẽ của khoan dung, nơi học sinh có thể quần tụ trong lòng núi để học về những điều kinh khủng của sự bạo ngược và những hành động tàn ác của chế độ áp bức, như thế chúng sẽ không bao giờ trở nên tự mãn.”

Đức vua nhấn mạnh như thể ông đã đợi cả đời để nói những lời này.

“Điều quan trọng nhất,” ông nói, “cái bảo tàng này phải đề cao một bài học *nữa* mà lịch sử đã dạy chúng ta - rằng bạo ngược và áp bức không thể sánh với tình thương... rằng những tiếng gào thét cuồng nộ của những kẻ hung hăng trên thế giới bị át đi bởi những tiếng nói đoàn kết xuất hiện để chặn đứng chúng. Chính những tiếng nói này - những bản hợp xướng của thấu cảm, khoan dung và yêu thương này - là điều ta cầu mong một ngày nào đó sẽ cất lên từ đỉnh núi này.”

Lúc này, khi lời đề nghị lúc hấp hối của cha vẫn vang vọng trong tâm trí Julián, chàng đưa mắt nhìn qua căn phòng bệnh viện sáng ánh trắng và nhìn cha mình đang ngủ im. Julián tin ông chưa bao giờ trông hài lòng đến thế.

Đưa mắt nhìn sang Giám mục Valdespino, Julián ra hiệu về phía chiếc ghế bên cạnh giường của cha mình. “Hãy ngồi với Đức vua. Ông ấy thích như vậy. Con sẽ dặn các y tá không làm phiền hai người. Con sẽ trở lại sau một tiếng nữa.”

Valdespino mỉm cười với chàng, và lần đầu tiên kể từ lễ kiên tin thời thơ ấu của Julián, Giám mục bước lên và choàng cánh tay của mình quanh người Hoàng tử, trù mến ôm lấy chàng. Khi ông làm vậy, Julián thảng thốt cảm nhận được bộ xương

mảnh dẻ dưới lớp áo choàng của ông. Vị Giám mục già dường như còn yếu hơn cả Đức vua, và Julián không thể không tự hỏi liệu hai người bạn thân thiết này có đoàn tụ với nhau trên thiên đường sớm hơn họ hình dung hay không.

“Ta rất tự hào về con,” Giám mục nói khi cái ôm của họ kết thúc. “Và ta biết con sẽ là một nhà lãnh đạo được yêu mến. Cha con nuôi dạy con rất tốt.”

“Cảm ơn đức cha,” Julián mỉm cười nói. “Con tin ông ấy đã có người giúp đỡ.”

Julián để cha mình và Giám mục ở lại và bước dọc hành lang bệnh viện, dừng lại nhìn qua ô cửa sổ như khung tranh ngắm tòa tu viện được chiếu sáng rực rỡ nằm trên đồi.

El Escorial.

Nơi an táng thiêng liêng dành cho hoàng gia Tây Ban Nha.

Julián vụt nhớ đến chuyến viếng thăm Hàm mộ Hoàng gia cùng với cha mình lúc chàng còn niên thiếu. Chàng nhớ đã trân trối nhìn lên tất cả những cỗ quan tài mạ vàng và có một linh cảm rất lạ - *Mình sẽ không bao giờ được chôn cất trong căn phòng này.*

Cái khoảnh khắc trực giác ấy có thể cảm nhận rõ rệt như bất kỳ điều gì Julián từng trải qua, và trong khi ký ức ấy chưa bao giờ phai mờ trong tâm trí chàng, chàng vẫn luôn nhủ mình rằng linh cảm ấy chẳng có nghĩa gì... chỉ là phản ứng bản năng của một đứa trẻ sợ sệt khi đối diện cái chết mà thôi. Tuy nhiên, tối nay, khi sắp bước lên ngai vàng của Tây Ban Nha, chàng lại có một ý nghĩ rất ngạc nhiên.

Có lẽ mình biết số phận thực sự của mình khi là một đứa trẻ.

Có lẽ mình luôn biết mục đích của mình với tư cách một vị vua.

Sự thay đổi sâu sắc đang tràn qua đất nước chàng và cả thế

giới. Những cách thức xưa cũ đang tiêu tan, và những cách thức mới mẻ đang sinh ra. Có lẽ đã đến lúc bãi bỏ chế độ quân chủ xưa cũ vĩnh viễn. Nhất thời, Julián hình dung ra cảnh mình đang đọc một tuyên cáo chưa từng có tiền lệ.

Ta là vị vua cuối cùng của Tây Ban Nha.

Ý nghĩ đó khiến chàng thảng thốt.

May thay, cơn ảo mộng ấy bị xua đi bởi tiếng rung của chiếc điện thoại di động chàng mượn từ Cận vệ. Mạch máu của Hoàng tử đập rộn lên khi nhìn thấy đầu số gọi đến là 93.

Barcelona.

“Julián nghe đây,” chàng khấp khởi lên tiếng.

Giọng nói trên đường dây dịu dàng và mệt mỏi. “Julián, là em đây...”

Với cảm xúc trào dâng, Hoàng tử ngồi xuống một chiếc ghế và nhắm mắt lại. “Em yêu,” chàng thì thầm. “Anh biết mở lời nói rằng anh xin lỗi em thế nào đây?”

Bên ngoài nhà nguyện đá, trong làn hơi ẩm trước lúc bình minh, Ambra Vidal lo lắng áp chặt điện thoại vào tai. Julián xin lỗi! Nàng cảm thấy một nỗi sợ hãi trào dâng, sợ những gì anh có thể sắp thú nhận liên quan đến những sự kiện kinh khủng tối nay.

Hai đặc vụ Cận vệ đang đi lại gần đó, nhưng ngoài tầm nghe lọt.

“Ambra,” Hoàng tử mở lời khê khàng. “Lời đề nghị cầu hôn của anh với em... anh rất xin lỗi.”

Ambra thấy bối rối. Lời cầu hôn được truyền hình của Hoàng tử là chuyện cuối cùng trong tâm trí cô tối nay.

“Anh đã cố gắng tỏ ra lãng mạn,” chàng nói, “và cuối cùng anh đặt em vào một tình thế chẳng đáng dừng. Sau đó, khi em cho anh biết em không thể có con... anh đã lờ đi. Nhưng đó không phải là lý do! Đó là vì anh không thể tin việc em đã không nói với anh sớm hơn. Anh đã tiến tới quá nhanh, anh biết vậy, nhưng anh phải lòng em cũng rất nhanh. Anh muốn cùng nhau bắt đầu cuộc sống của chúng ta. Có lẽ đó là vì cha anh sắp qua đời...”

“Julián, thôi nào!” nàng ngắt lời. “Anh không cần xin lỗi. Và tối nay, có nhiều chuyện quan trọng hơn là...”

“Không, chẳng có gì quan trọng hơn cả. Với anh thì không. Anh chỉ cần em biết rằng anh đã thấy vô cùng tiếc với tất cả những gì đã xảy ra.”

Giọng nói nàng đang nghe là giọng của một người đàn ông thành khẩn và dễ tổn thương mà nàng đã phải lòng vài tháng

trước. “Cảm ơn anh, Julián,” nàng thì thầm. “Điều đó rất có ý nghĩa.”

Khi giữa họ là sự im lặng ngượng ngịu, cuối cùng Ambra cũng thu hết can đảm hỏi câu hỏi khó khăn mà nàng thấy cần hỏi.

“Julián,” nàng thì thầm, “em cần biết tối nay anh có dính gì đến vụ sát hại Edmond Kirsch hay không.”

Hoàng tử im lặng. Cuối cùng khi chàng lên tiếng, giọng nói của chàng thất lại vì đau đớn. “Ambra, anh đã khổ sở rất nhiều với chuyện em dành quá nhiều thời gian với Kirsch để chuẩn bị cho sự kiện này. Và anh rất không đồng ý với quyết định của em tham gia vào việc chủ trì cho một nhân vật gây tranh cãi như vậy. Thật lòng mà nói, anh mong em đừng bao giờ gặp anh ta.” Chàng ngừng lại. “Nhưng không, anh thề anh hoàn toàn không can dự gì vào vụ sát hại anh ta. Anh đã vô cùng kinh hãi vì nó... và rằng một vụ ám sát công khai lại diễn ra tại đất nước chúng ta. Thực tế rằng nó xảy ra chỉ cách người phụ nữ anh yêu thương có vài thước... khiến anh kinh sợ vô cùng.”

Ambra có thể nghe được sự thành thực trong giọng nói của chàng và cảm thấy nhẹ lòng hẳn. “Julián, em xin lỗi đã hỏi, nhưng với tất cả những bản tin thời sự, hoàng cung, Valdespino, câu chuyện bắt cóc... em chỉ không biết phải nghĩ gì nữa.”

Julián chia sẻ với nàng những gì chàng biết về cái trang web theo đuổi thuyết âm mưu xoay quanh vụ giết hại Kirsch. Chàng cũng nói với nàng về người cha đang hấp hối của mình, cuộc gặp gỡ cảm động của họ và tình trạng sức khỏe xấu đi rất mau của Đức vua.

“Hãy về nhà đi,” chàng thì thầm. “Anh cần gặp em.”

Rất nhiều cảm xúc mâu thuẫn nhau trào lên trong tim nàng khi nàng nghe được sự dịu dàng trong giọng chàng.

“Thêm một việc nữa,” chàng nói, giọng an ủi. “Anh có một ý tưởng điên rồ và anh muốn biết em nghĩ gì.” Hoàng tử ngừng lại. “Anh nghĩ chúng ta nên đình chuyện hứa hôn... và bắt đầu lại.”

Mấy lời này khiến Ambra choáng váng. Nàng biết hậu quả chính trị với Hoàng tử và hoàng cung sẽ rất lớn. “Anh... định làm thế sao?”

Julián cười một cách trêu mếu. “Em yêu, để có cơ hội ngỏ lời lại với em một ngày nào đó, riêng tư... anh sẽ làm bất kỳ việc gì.”

ConspiracyNet.com

TIN NÓNG

NHẮC LẠI NHỮNG ĐIỂM CHÍNH VỤ KIRSCH

TRỰC TIẾP!

RẤT ĐÁNG KINH NGẠC!

ĐỂ XEM LẠI VÀ BIẾT PHẢN ỨNG TRÊN TOÀN CẦU, XIN BẤM VÀO ĐÂY!

VÀ TRONG CÁC BẢN TIN NÓNG CÓ LIÊN QUAN...

GIÁO HOÀNG XƯNG TỘI

Các chức sắc Palmaria tới nay đều quyết liệt phủ nhận những luận điệu cho rằng họ có liên hệ với một người đàn ông được biết đến là Nhiếp chính vương. Bất luận kết quả điều tra thế nào, các nhà bình luận thời sự tôn giáo đều tin rằng vụ bê bối tối nay có thể là đòn chí mạng cho giáo hội gây tranh cãi này, mà Edmond Kirsch luôn cáo buộc phải chịu trách nhiệm cho cái chết của mẹ ông ấy.

Hơn nữa, với cả thế giới lúc này đang theo dõi sát Palmaria, các nguồn tin truyền thông vừa phát hiện một bản tin từ tháng Tư năm 2016. Bản tin này, lúc này đang được lan truyền, là một cuộc phỏng vấn trong đó giáo hoàng Palmaria cũ Gregorio XVIII (tức Ginés Jesús Hernández) thú nhận rằng giáo hội của ông ấy là “một sự vờ vịt ngay từ đầu” và được thành lập “như một kế hoạch trốn thuế.”

HOÀNG GIA: XIN LỖI, CÁC LUẬN ĐIỀU, ĐỨC VUA BỊ BỆNH

Hoàng gia đã đưa ra những thông báo khẳng định Tư lệnh Garza và Robert Langdon không hề làm bất kỳ điều gì sai lầm tối nay. Những lời xin lỗi công khai đã được gửi tới cả hai người.

Hoàng cung chưa bình luận gì về sự can dự rành rành của Giám mục Valdespino vào những tội ác tối nay, nhưng Giám mục được tin là đang ở cùng Hoàng tử Julián, người hiện đang có mặt tại một bệnh viện kín đáo, chăm sóc người cha đang hấp hối của ngài. Sức khỏe của Đức vua được thông báo là trong tình trạng rất xấu.

MONTE Ở ĐÂU?

Người cung cấp thông tin riêng của chúng tôi monte@iglesia.org dường như đã biến mất không một dấu vết và không hề tiết lộ nhận dạng của anh ấy hoặc cô ấy. Theo thăm dò người dùng của chúng tôi, hầu hết vẫn ngỡ rằng "Monte" là một trong những môn đệ đam mê công nghệ của Kirsch, nhưng một giả thuyết mới hiện đang xuất hiện cho rằng biệt danh "Monte" có thể là viết gọn của "Mónica" - như trong tên điều phối viên quan hệ công chúng của Hoàng cung, Mónica Martín.

Sẽ có thêm tin mới khi chúng tôi nhận được!

Có ba mươi ba “khu vườn Shakespeare” đang tồn tại trên khắp thế giới. Những công viên bách thảo này chỉ trồng những loài cây có tên trong các tác phẩm của William Shakespeare - bao gồm cả “hoa hồng mang thứ tên khác” của Juliet và đủ loại hoa hồng, hoa bướm, thì là, mao lương, cúc, và violet của Ophelia. Ngoài những khu vườn ở Stratford-upon-Avon, Vienna, San Francisco, và Công viên Trung tâm tại New York City, còn có một khu vườn Shakespeare tọa lạc kề bên Trung tâm Siêu điện toán Barcelona.

Trong quảng sáng mờ mờ của đèn đường phía xa, ngồi trên một chiếc ghế dài giữa đám cây mao lương, Ambra Vidal kết thúc cuộc trò chuyện trên điện thoại đầy xúc cảm với Hoàng tử Julián vừa khi Robert Langdon ra khỏi nhà nguyện đá. Nàng trao điện thoại lại cho hai đặc vụ Cận vệ và gọi Langdon, lúc này đã thấy nàng và đang tiến lại qua màn đêm đen.

Khi vị giáo sư người Mỹ thơ thẩn vào vườn, nàng không kìm được mỉm cười với cái cách ông ấy hất chiếc áo vest của mình qua vai và xắn ống tay áo lên, để lộ hằn chiếc đồng hồ Chuột Mickey ra.

“Xin chào,” ông nói, nghe hoàn toàn mệt nhọc, dù trên gương mặt vẫn có nụ cười méo xẹo.

Khi hai người đi dạo quanh vườn, các sĩ quan Cận vệ để yên cho họ, và Ambra kể với Langdon về cuộc trò chuyện của nàng với Hoàng tử - việc Julián xin lỗi, lời khẳng định vô can của chàng, và đề nghị của chàng hủy bỏ lời hứa hôn của họ và bắt đầu hẹn hò lại.

“Một bạch mã hoàng tử thật sự,” Langdon nói đùa, mặc dù nghe rõ là ông rất ấn tượng.

“Anh ấy lo lắng cho tôi,” Ambra nói. “Tôi nay thật mệt. Anh ấy muốn tôi về Madrid ngay. Cha anh ấy sắp mất, và Julián...”

“Ambra,” Langdon dịu dàng nói. “Cô không cần giải thích gì đâu. Cô nên đi đi.”

Ambra nghĩ nàng cảm thấy sự thất vọng trong giọng ông, và sâu thẳm trong lòng nàng cũng cảm thấy vậy. “Anh Robert,” nàng nói, “tôi có thể hỏi anh một câu hỏi riêng tư được không?”

“Dĩ nhiên rồi.”

Nàng ngập ngừng. “Với cá nhân anh... các quy luật vật lý có đủ không?”

Langdon liếc nhìn như thể ông trông đợi một câu hỏi hoàn toàn khác. “Đủ theo cách nào?”

“Đủ về mặt tâm linh,” nàng nói. “Liệu có đủ để sống trong một vũ trụ với những quy luật tự phát tạo ra sự sống không? Hay là anh thích... Chúa?” Nàng ngừng lại, vẻ bối rối. “Xin lỗi, sau tất cả những gì chúng ta trải qua tối nay, tôi biết đó là một câu hỏi kỳ cục.”

“Chà,” Langdon cười nói, “tôi nghĩ câu trả lời của tôi sẽ được lợi từ một giấc ngủ đêm no nê. Nhưng không, chẳng kỳ cục đâu. Suốt ngày người ta hỏi tôi liệu tôi có tin vào Chúa không.”

“Và câu trả lời của anh thế nào?”

“Tôi trả lời sự thật,” ông nói. “Tôi nói với họ rằng, với tôi, câu hỏi về Chúa nằm ở việc hiểu biết sự khác biệt giữa các mật mã và các mẫu thức.”

Ambra liếc mắt nhìn. “Tôi không chắc tôi hiểu ý anh.”

“Các mật mã và mẫu thức rất khác nhau,” Langdon nói. “Và rất nhiều người lẫn lộn hai thứ. Trong lĩnh vực của tôi, điều

quan trọng là hiểu được sự khác biệt cơ bản của chúng.”

“Chuyện đó ư?”

Langdon dừng bước và quay sang nàng. “Một *mẫu thức* là bất kỳ chuỗi có tổ chức riêng nào. Các mẫu thức xảy ra ở khắp mọi nơi trong tự nhiên - bố cục hạt hình xoắn ốc của một bông hướng dương, các tế bào lục giác của một tổ ong, những gợn sóng tròn trên hồ nước khi có cá nhảy, vân vân.”

“Vâng. Thế còn các *mật mã*?”

“Mật mã rất đặc biệt,” Langdon nói, giọng cao hần. “Mật mã, theo định nghĩa, phải chứa đựng *thông tin*. Chúng phải có ý nghĩa hơn chỉ là hình thành một mẫu thức - các mật mã phải truyền dữ liệu và chuyển tải ý nghĩa. Những ví dụ về mật mã bao gồm ngôn ngữ viết, ký hiệu nhạc, các phương trình toán học, ngôn ngữ máy tính, và thậm chí những biểu tượng đơn giản như thập giá. Tất cả những ví dụ này có thể truyền ý nghĩa hoặc thông tin theo cách mà các bông hướng dương xoắn ốc không thể có.”

Ambra đã hiểu khái niệm, nhưng vẫn chưa rõ nó liên quan như thế nào đến Chúa.

“Sự khác biệt nữa giữa mật mã và mô thức,” Langdon nói tiếp, “là mật mã không xảy ra tự nhiên trên đời này. Các ký hiệu âm nhạc không nảy ra từ những cái cây, và các biểu tượng không tự vẽ trên cát. Mật mã là những sáng tạo chủ tâm của những ý thức thông tuệ.”

Ambra gật đầu. “Như vậy mật mã luôn có một ý định hoặc nhận thức đằng sau chúng.”

“Chính xác. Mật mã không xuất hiện một cách hữu cơ; chúng phải được tạo ra.”

Ambra nhìn ông một lúc lâu. “Thế còn DNA?”

Một nụ cười rất lạnh nghề xuất hiện trên môi Langdon. “Bingo,” ông nói. “Bộ mã di truyền. Đó là nghịch lý.”

Ambra cảm thấy thú vị. Bộ mã di truyền rõ ràng mang theo dữ liệu - những chỉ dẫn cụ thể về cách kiến tạo các cơ thể. Theo lô-gic của Langdon, điều đó chỉ có thể đồng nghĩa với một thứ. “Anh nghĩ DNA được tạo ra bởi một trí thông minh!”

Langdon giơ một bàn tay lên trong tư thế vờ tự vệ. “Bình tĩnh nào!” ông nói, cười to. “Cô đang giẫm lên một lãnh địa nguy hiểm đấy. Để tôi nói điều này nhé. Từ hồi tôi còn bé, tôi đã có linh cảm rằng đằng sau vũ trụ có một ý thức. Khi tôi chứng kiến sự chính xác của toán học, độ tin cậy của vật lý và tính đẳng đối của vũ trụ, tôi không cảm thấy như thể mình đang quan sát thứ khoa học lạnh lùng; tôi cảm thấy như thể mình đang chứng kiến một dấu chân sống động... cái bóng của một thế lực vĩ đại hơn nào đó vượt xa tầm hiểu biết của chúng ta.”

Ambra cảm nhận được sức mạnh trong lời nói của ông. “Tôi ước gì tất cả mọi người đều nghĩ giống như anh,” cuối cùng nàng nói. “Dường như chúng ta làm rất nhiều việc chống lại Chúa. Tất cả mọi người đều có những kiểu chân lý khác nhau.”

“Đúng, đó là lý do Edmond hy vọng khoa học một ngày nào đó có thể đoàn kết chúng ta,” Langdon nói. “Nói theo ngôn ngữ của cậu ấy: ‘Nếu tất cả chúng ta đều thờ phụng trọng lực thì sẽ không hề có sự bất đồng về việc nó hút theo cách nào.’”

Langdon dùng gót chân vạch vài đường lên lối đi rải sỏi giữa họ. “Đúng hay sai?” ông hỏi.

Ngơ ngác, Ambra nhìn những đường vạch của ông - một phương trình số học La Mã đơn giản.

$$I + XI = X$$

Một cộng mười một bằng mười? “Sai,” nàng nói ngay.

“Và cô có thấy có cách nào để công thức này đúng được không?”

Ambra lắc đầu. “Không, nhận định của anh hoàn toàn sai.”

Langdon nhẹ nhàng chìa tay và nắm lấy tay nàng, dẫn nàng vòng tới chỗ ông đang đứng. Bây giờ, khi Ambra nhìn xuống, nàng thấy các vết vạch từ góc quan sát của Langdon.

Phương trình đã đảo ngược.

$X = IX + I$

Nàng giật mình ngược nhìn ông.

“Mười bằng chín cộng một,” Langdon mỉm cười nói. “Nhiều khi, tất cả những gì cô phải làm là thay đổi góc độ của mình khi nhìn chân lý của người khác.”

Ambra gật đầu, nhớ lại việc nàng đã xem bức chân dung tự họa của Winston rất nhiều lần mà không tài nào hiểu được ý nghĩa thật sự của nó.

“Nói về chuyện nắm bắt được một chân lý ẩn giấu,” Langdon nói, trông bỗng hứng thú hẳn. “Cô gặp may đấy. Có một biểu tượng bí mật ẩn giấu ngay đằng kia.” Ông chỉ tay. “Bên hông chiếc xe tải kia.”

Ambra đưa mắt nhìn và thấy một chiếc xe tải hãng FedEx đang tạm dừng đèn đỏ trên Đại lộ Pedralbes.

Biểu tượng bí mật ư? Tất cả những gì Ambra thấy là cái biểu trưng thường thấy của công ty. 

“Tên gọi của họ đã được mã hóa,” Langdon nói với nàng. “Nó chứa đựng một tầng ý nghĩa thứ hai - một biểu tượng ẩn kín phản ánh động lực vươn tới của công ty.”

Ambra tròn mắt nhìn. “Nó chỉ là mấy chữ cái mà.”

“Tin tôi đi, có một biểu tượng rất thịnh hành trong biểu

trưng FedEx - và nó tình cờ chỉ đường đi tới.”

“Chỉ đường ư? Ý anh là như... một mũi tên?”

“Chính xác.” Langdon cười ngoác. “Cô là một phụ trách bảo tàng - hãy nghĩ đến phần không gian âm.”

Ambra đắm đắm nhìn cái biểu trưng nhưng chẳng thấy gì cả. Khi chiếc xe phóng đi, nàng xoay sang Langdon. “Nói tôi nghe!”

Ông cười. “Không, ngày nào đó cô sẽ nhìn thấy thôi. Và khi đó cô sẽ thấy... may phước là không nhìn thấy nó.”

Ambra định phản đối nhưng các đặc vụ Cận vệ của nàng tiến đến. “Thưa cô Vidal, máy bay đang đợi.”

Nàng gật đầu và quay lại phía Langdon. “Sao anh không đi cùng nhỉ?” nàng thì thầm. “Tôi chắc Hoàng tử sẽ rất muốn cảm ơn anh đích...”

“Tốt quá,” ông ngắt lời. “Tôi nghĩ cả cô và tôi đều biết tôi là người thừa, và tôi đã đặt phòng cho mình ngay đằng kia rồi.” Langdon chỉ tới tòa tháp gần đó của Khách sạn Princesa Sofia, nơi ông và Edmond từng ăn trưa. “Tôi có thẻ tín dụng của mình, và tôi đã mượn được một chiếc điện thoại từ phòng thí nghiệm của Edmond. Tôi đã thu xếp cả rồi.”

Viễn cảnh đột ngột nói lời tạm biệt khiến lòng Ambra trĩu xuống, và nàng cảm thấy rằng Langdon, mặc dù vẻ mặt chấp nhận nghịch cảnh, cũng ít nhiều cảm thấy tương tự. Chẳng còn bận tâm xem những cận vệ của mình có thể nghĩ gì, nàng bạo dạn bước tới và choàng hai tay quanh người Robert Langdon.

Vị giáo sư nồng nhiệt đón lấy nàng, bàn tay rắn chắc của ông đặt trên lưng nàng kéo nàng thật sát lại. Ông ôm nàng vài giây, không dài hơn so với mức ông có thể, sau đó nhẹ nhàng buông nàng ra.

Thời khắc đó, Ambra Vidal cảm thấy có gì đó bứt rứt trong

lòng. Nàng đột nhiên hiểu những gì Edmond nói về nguồn năng lượng của tình yêu và ánh sáng... bung nở ra ngoài để lấp đầy vũ trụ.

Tình yêu không phải là một cảm xúc hạn chế.

Chúng ta không có nhiều để chia sẻ.

Trái tim chúng ta tạo ra tình yêu khi chúng ta cần đến nó.

Giống như bố mẹ có thể yêu thương một đứa con mới ra đời ngay lập tức mà không cần giảm bớt tình yêu dành cho nhau, cho nên giờ Ambra có thể cảm nhận được tình cảm dành cho hai người đàn ông khác nhau.

Tình yêu thực sự không phải là một cảm xúc hạn chế, nàng nhận ra vậy. Nó có thể được tạo ra bất phát chẳng từ gì cả.

Giờ đây, khi chiếc xe đưa nàng quay về với Hoàng tử từ từ lăn bánh rời đi, nàng đắm đắm nhìn Langdon, vẫn đang đứng một mình trong vườn. Ông nhìn theo với ánh mắt kiên định. Ông mỉm cười dịu dàng và vẫy tay rồi đột ngột quay đi... dường như cần một lúc trước khi hất chiếc áo vest lên vai lần nữa và bắt đầu đi bộ một mình tới khách sạn.

Khi các đồng hồ tại cung điện điểm giữa trưa, Mónica Martín thu thập những ghi chép của mình và chuẩn bị đi tới Quảng trường Almudena để phát biểu với giới truyền thông tập hợp ở đó.

Sáng sớm hôm đó, từ Bệnh viện El Escorial, Hoàng tử Julián lên truyền hình trực tiếp và thông báo việc cha chàng từ trần. Với tình cảm chân thành và tư thế vương giả, Hoàng tử nói về di sản của Đức vua và những mong muốn của chính mình đối với đất nước. Julián kêu gọi sự khoan dung trong một thế giới bị chia rẽ. Chàng hứa học hỏi từ lịch sử và mở lòng với sự thay đổi. Chàng ca ngợi văn hóa và vẻ đẹp của Tây Ban Nha, và tuyên bố tình yêu sâu sắc, vĩnh cửu của mình dành cho người dân.

Đó là một trong những bài phát biểu hay nhất Martín từng được nghe, và cô không thể nghĩ ra cách nào mạnh mẽ hơn cho Đức vua tương lai để bắt đầu sự trị vì của mình.

Ở cuối bài phát biểu xúc động của chàng, Julián dành một lúc để vinh danh hai đặc vụ Cận vệ đã hy sinh tính mạng khi làm nhiệm vụ vào đêm hôm trước trong lúc bảo vệ hoàng hậu tương lai của Tây Ban Nha.

Sau đó, sau một quãng im lặng ngắn, chàng cho biết tin về một diễn biến không vui khác. Người bạn tận tụy của Đức vua, Giám mục Antonio Valdespino, cũng vừa qua đời vào sáng hôm nay, chỉ vài giờ sau nhà vua. Vị Giám mục có tuổi mất vì trụ tim, hẳn nhiên vì quá yếu không trụ nổi trước nỗi đau đớn cùng cực mà ông cảm thấy do mất nhà vua cũng như hàng loạt cáo buộc độc địa nhằm vào ông đêm qua.

Dĩ nhiên, tin về cái chết của Valdespino lập tức dập tắt việc công chúng kêu gọi một cuộc điều tra, và một số người thậm chí còn đi xa đến mức đề nghị những kẻ đã buộc tội ông phải xin lỗi; nói cho cùng, bằng chứng chống lại Giám mục đều mang tính suy diễn và có thể thêu dệt dễ dàng bởi kẻ thù của ông.

Khi Martín đến gần cửa quảng trường, Suresh Bhalla xuất hiện bên cạnh cô. “Người ta đang gọi cô là một người hùng đấy,” anh nói, đầy nhiệt thành. “Tất cả đều tung hô, monte@iglesia.org - người cung cấp sự thật và đệ tử của Edmond Kirsch!”

“Suresh, tôi không phải Monte,” cô trợn mắt phản đối. “Tôi thề với anh.”

“Ồ, tôi biết cô không phải Monte,” Suresh trấn an cô. “Dù đó là ai thì anh ta cũng khôn khéo hơn cô. Tôi đang cố gắng lần theo những liên lạc của anh ta - không có cách nào cả. Cứ như anh ta thậm chí không tồn tại vậy.”

“Chà, cứ tiếp tục đi,” cô nói. “Tôi muốn chắc chắn rằng không có rò rỉ từ hoàng cung. Và làm ơn cho tôi biết mấy chiếc điện thoại anh đánh cắp tối qua...”

“Đã trả lại kết của Hoàng tử rồi,” anh quả quyết với cô. “Như đã hứa.”

Martín thở phào, biết rằng Hoàng tử chỉ mới vừa về tới hoàng cung.

“Thêm một chi tiết cập nhật nữa,” Suresh nói tiếp. “Chúng tôi vừa trích nhật ký điện thoại hoàng cung từ nhà cung cấp dịch vụ. Đêm qua không hề có bất kỳ cuộc gọi nào từ hoàng cung tới Guggenheim. Kẻ nào đó đã chơi khăm số của chúng ta để thực hiện cuộc gọi đó và đưa Ávila vào danh sách khách mời. Chúng tôi đang theo dõi tiếp.”

Mónica thở phào khi nghe báo rằng cuộc gọi có tính buộc tội ấy không bắt nguồn từ hoàng cung. “Làm ơn thông báo cho tôi khi có tin tức,” cô nói, đi gần ra cửa.

Bên ngoài, tiếng của giới truyền thông tập hợp lại nghe to dần.

“Cả một đám đông rất lớn ngoài đó,” Suresh nhận xét. “Có chuyện gì phần khởi xảy ra đêm qua à?”

“Ồ, chỉ là một vài tin rất đáng giá.”

“Đừng nói với tôi,” Suresh xen vào. “Cô Ambra Vidal mặc một chiếc váy thiết kế mới à?”

“Suresh!” cô cười nói. “Anh thật vớ vẩn. Giờ tôi phải ra đó đã.”

“Giấy tờ ghi gì thế?” anh hỏi, làm hiệu về tập ghi chép trên tay cô.

“Rất nhiều tình tiết. Trước tiên, chúng ta có những nghi thức truyền thống cần thiết lập cho lễ đăng quang, sau đó tôi phải rà lại...”

“Chúa ơi, cô thật chán phèo,” anh buột miệng và rẽ vào một hành lang khác.

Martín cười. *Cảm ơn nhiều, Suresh. Tôi cũng mến anh.*

Khi cô tới cửa, cô nhìn qua quảng trường nắng chói chang tới chỗ đám đông phóng viên và quay phim đông đảo nhất cô từng thấy tập trung tại Hoàng cung. Thở hắt ra, Mónica Martín chỉnh lại cặp kính của mình và tập trung tinh thần. Sau đó cô bước ra dưới ánh mặt trời Tây Ban Nha.

Trên gác trong căn hộ hoàng cung, Hoàng tử Julián xem buổi họp báo được truyền hình của Mónica Martín khi chàng cởi bỏ đồ. Chàng đã kiệt sức, nhưng chàng cũng cảm thấy rất nhẹ lòng khi biết rằng giờ Ambra đã an toàn trở về và đang ngủ ngon. Những lời cuối cùng của nàng trong cuộc trò chuyện trên điện thoại của họ khiến chàng ngập tràn hạnh phúc.

Anh Julián, với em thật vô cùng có ý nghĩa khi anh tính đến việc cùng nhau bắt đầu lại - chỉ anh và em - tránh khỏi ánh mắt của công chúng. Tình yêu là thứ riêng tư; thế giới không cần thiết biết mọi chi tiết.

Ambra đã giúp chàng đẩy lạc quan trong một ngày nặng nề vì mất đi vua cha.

Khi chàng bước tới để treo chiếc áo vest của mình, chàng cảm thấy túi mình có gì đó - là cái chai dung dịch morphine uống từ phòng bệnh của cha chàng. Julián đã giật mình khi thấy cái chai trên bàn bên cạnh Giám mục Valdespino. Rỗng không.

Trong bóng tối của phòng bệnh, khi sự thật đau đớn trở nên rõ ràng, Julián đã quỳ xuống và thầm cầu nguyện cho cả hai người bạn già. Sau đó chàng âm thầm nhét chai morphine vào túi mình.

Trước khi rời phòng, chàng nhẹ nhàng nâng gương mặt còn vương lệ của Giám mục khỏi ngực cha mình và đặt ông ngay ngắn lại trên ghế... tay khoanh lại như cầu nguyện.

Tình yêu là thứ riêng tư, Ambra đã dạy chàng. Thế giới không cần thiết biết mọi chi tiết.

Ngon đồi hơn một trăm tám mươi mét có tên Montjuïc nằm ở góc Tây Nam Barcelona và trên đó là Lâu đài Montjuïc - một pháo đài từ thế kỷ XVII chênh vênh trên đỉnh một vách đá thẳng đứng với tầm nhìn bao quát toàn bộ Biển Balearic. Ngon đồi này cũng là nơi có Palau Nacional - một cung điện đồ sộ theo phong cách Phục hưng từng làm trọng tâm của Hội chợ Quốc tế 1929 tại Barcelona.

Ngồi trong một toa xe cáp treo riêng, lơ lửng nửa quãng đường lên núi, Robert Langdon nhìn xuống khung cảnh cây cối um tùm bên dưới, thấy dễ chịu vì thoát ra khỏi thành phố. Mình cần thay đổi cảnh quan, ông nghĩ, tận hưởng sự thanh bình của khung cảnh và ánh mặt trời ấm áp lúc giữa trưa.

Thức dậy lúc nửa buổi sáng trong Khách sạn Princesa Sofia, ông thích thú tắm nước nóng và sau đó ăn no trứng, cháo bột yến mạch và bánh chiên tròn trong khi ngón sạch cả một âm cà phê Nomad và dò các kênh để theo dõi thời sự buổi sáng.

Đúng như mong đợi, tin về Edmond Kirsch chiếm hết sóng, với các chuyên gia sôi nổi tranh luận về các giả thuyết và dự đoán của Kirsch cũng như tác động tiềm tàng của chúng lên tôn giáo. Là một giáo sư, với tình yêu cơ bản là dạy học, Robert Langdon cũng phải mỉm cười.

Tranh luận luôn quan trọng hơn là đồng thuận.

Sáng nay, Langdon đã thấy những quây bán dạo đầu tiên bày bán mấy thứ đề can - KIRSCH LÀ CƠ PHÓ CỦA TÔI VÀ GIỚI THỨ BẢY LÀ VƯƠNG QUỐC CỦA CHÚA! - cũng như những

người bán tượng Đức mẹ Mary Đồng trinh cùng với tượng đầu Charles Darwin.

Chủ nghĩa tư bản đúng là không thuộc giáo phái nào cả, Langdon suy tưởng, nhớ lại cảnh tượng làm ông thấy thích thú buổi sáng - một tay trượt ván mặc chiếc áo phông có dòng chữ viết tay ghi:

TA LÀ MONTE@IGLESIA.ORG

Theo truyền thông, nhận dạng của nhân vật cung cấp thông tin trực tuyến đầy ảnh hưởng vẫn là một bí ẩn. Bí ẩn không kém là vai trò của những chủ thể ẩn mình khác - Nhiếp chính vương, Giám mục quá cố và phe Palmaria.

Cả một mớ hỗn độn những sự phỏng đoán.

May thay, mối quan tâm của công chúng đến yếu tố bạo lực xung quanh thuyết trình của Kirsch dường như nhường chỗ cho trạng thái phấn khích đích thực về nội dung của nó. Màn cuối hoành tráng của Kirsch - bức chân dung đầy đam mê của anh về một ngày mai không tưởng - vang vọng với hàng triệu khán giả và đưa những tác phẩm kinh điển về công nghệ đầy chất lạc quan lên hàng đầu danh sách tác phẩm bán chạy chỉ trong một đêm.

SỰ SUNG TÚC: TƯƠNG LAI TỐT ĐẸP HƠN BẠN NGHĨ

CÔNG NGHỆ MUỐN GÌ

TÍNH ĐƠN NHẤT ĐÃ CẬN KỀ

Langdon phải thừa nhận rằng bất chấp những e ngại xưa cũ của ông về sự trỗi dậy của công nghệ, lúc này ông vẫn cảm thấy lạc quan hơn rất nhiều về những triển vọng của loài người. Các bản tin thời sự đang nêu bật những đột phá sắp tới sẽ giúp con người dọn sạch các đại dương bị ô nhiễm, tạo ra nguồn nước uống vô tận, trồng lương thực ở hoang mạc, chữa được những

loại bệnh chết người, và thậm chí phóng vô số “máy bay không người lái năng lượng mặt trời” bay lơ lửng bên trên các quốc gia đang phát triển, cung cấp dịch vụ Internet miễn phí, và giúp đem “hàng tỷ người ở tầng đáy” tham gia vào nền kinh tế thế giới.

Từ góc độ sự ham thích bất ngờ của thế giới với công nghệ, Langdon thấy khó hình dung được rằng gần như chẳng có ai biết đến Winston; Kirsch giữ bí mật quá kĩ về sáng tạo của mình. Thế giới đương nhiên nghe nói về siêu máy tính thù kếp của Edmond, E-Wave, giờ được để lại Trung tâm Siêu điện toán Barcelona, và Langdon tự hỏi mất bao lâu nữa các chuyên gia lập trình mới bắt đầu sử dụng những công cụ của Edmond để tạo ra những Winston mới toanh.

Toa cáp treo bắt đầu có cảm giác ấm nóng, và Langdon háo hức được ra ngoài không khí trong lành và khám phá pháo đài, cung điện cùng “Đài phun nước Ảo thuật” nổi tiếng. Ông đã rất háo hức nghĩ về việc khác hơn là Edmond trong suốt một tiếng vừa rồi và nắm bắt được một vài địa chỉ.

Tò mò muốn biết về lịch sử Montjuïc, Langdon đưa mắt nhìn bảng thông tin rất lớn lắp bên trong toa cáp treo. Ông bắt đầu đọc, nhưng chỉ dừng hết câu đầu tiên.

Tên gọi Montjuïc xuất phát hoặc từ tiếng Catalan thời trung đại Montjuich (“Ngọn đồi của người Do Thái”) hoặc từ ngôn ngữ Latin vùng sơn cước Jovicus (“Ngọn đồi của thần Jove*”).

Đến đây, Langdon đột ngột ngừng lại. Ông vừa có một sự liên hệ bất ngờ.

Không thể là một sự trùng hợp được.

Càng ngẫm nghĩ về điều này, nó càng khiến ông thấy băn khoăn. Cuối cùng, ông rút chiếc điện thoại di động của Edmond

và đọc lại câu trích dẫn của Winston Churchill dùng làm chế độ bảo vệ màn hình nói về việc định hình di sản của chính mình.

Lịch sử sẽ tốt với tôi, vì tôi có ý định viết lên nó.

Sau một lúc lâu, Langdon bấm cái biểu tượng W và đưa điện thoại áp lên tai.

Đường dây kết nối ngay lập tức.

“Giáo sư Langdon à, tôi chắc vậy?” giọng nói quen thuộc vang lên với chất giọng Anh. “Ngài vừa kịp giờ. Tôi sắp nghỉ hưu rồi.”

Không cần mào đầu, Langdon nói, “Monte dịch thành ‘đồi’ trong tiếng Tây Ban Nha.”

Winston bật ra tiếng cười vụng về quen thuộc của mình. “Tôi dám nói là đúng vậy.”

“Và *iglesia* dịch thành ‘nhà thờ’.”

“Hai lần ngài đều đúng, thưa Giáo sư. Có khi ngài dạy tiếng Tây Ban Nha được...”

“Thế có nghĩa là *monte@iglesia* dịch theo nghĩa đen sang tiếng Anh thành *hill@church*.”

Winston ngừng lại. “Lại đúng nữa.”

“Và với việc tên anh là Winston, và rằng Edmond có tình cảm rất lớn dành cho Winston Churchill, tôi thấy cái địa chỉ e-mail ‘*hill@church*’ có hơi...”

“Trùng hợp phải không?”

“Phải.”

“Chà,” Winston nói, nghe rất vui vẻ, “nói về mặt thống kê, tôi sẽ phải đồng ý. Tôi đoán ngài có thể đã nghĩ ra.”

Langdon trân trân nhìn ra cửa sổ mà không tin nổi. “*Monte@iglesia.org*... chính là *anh*.”

“Đúng như thế. Rốt cuộc, cần có người thổi lửa cho Edmond. Còn ai làm việc đó tốt hơn chính tôi chứ? Tôi tạo ra monte@iglesia.org để cung cấp thông tin cho các trang trực tuyến về thuyết âm mưu. Ngài biết đấy, các âm mưu có đời sống riêng của chúng, và tôi ước tính rằng hoạt động trực tuyến của Monte sẽ làm tăng lượng khán giả của Edmond lên cỡ năm trăm phần trăm. Con số thực tế hóa ra là sáu trăm hai mươi phần trăm. Như ngài nói lúc trước, tôi nghĩ Edmond sẽ tự hào.”

Toa cáp treo lắc lư trong gió, và Langdon cố tập trung nghĩ về cái tin vừa rồi. “Winston... Edmond yêu cầu anh làm việc này phải không?”

“Không hẳn, không, nhưng những chỉ dẫn của ông ấy đòi hỏi tôi phải tìm những cách thức sáng tạo để thuyết trình của ông ấy được theo dõi càng nhiều càng tốt.”

“Và nếu anh bị bắt thì sao?” Langdon hỏi. “Monte@iglesia không phải là biệt danh mã hóa nhất tôi từng thấy.”

“Chỉ có một vài người biết tôi tồn tại, và trong khoảng tám phút nữa, tôi sẽ bị xóa vĩnh viễn và ra đi, cho nên tôi không bận tâm lắm chuyện đó. ‘Monte’ chỉ là một người được ủy nhiệm phục vụ những mục đích tốt đẹp nhất của Edmond, và như tôi nói, tôi nghĩ ông ấy sẽ hài lòng nhất với việc buổi tối ấy ra sao với ông ấy.”

“Nó ra sao?!” Langdon vặn hỏi. “Edmond đã bị giết!”

“Ngài hiểu nhầm ý tôi rồi,” Winston thản nhiên nói. “Ý tôi nói đến sự thâm nhập vào thị trường của bài thuyết trình của ông ấy, mà, như tôi nói, là một chỉ đạo căn cốt.”

Giọng điệu thản nhiên của tuyên bố này khiến Langdon nhớ rằng Winston, mặc dù nghe rất con người, nhưng lại hoàn toàn không phải.

“Cái chết của Edmond là một bi kịch kinh khủng,” Winston nói thêm, “và dĩ nhiên, tôi thật sự mong ông ấy vẫn còn sống. Tuy nhiên, điều quan trọng là biết được rằng ông ấy đã quen với chuyện chết chóc của mình. Một tháng trước, ông ấy yêu cầu tôi nghiên cứu những phương pháp tốt nhất cho việc tự tử có sự hỗ trợ. Sau khi đọc hàng trăm trường hợp, tôi kết luận cần ‘mười gram thuốc secobarbital’, mà ông ấy đã có đủ và giữ sẵn bên mình.”

Tim Langdon hướng tới Edmond. “Cậu ấy định kết thúc cuộc đời mình à?”

“Chắc chắn vậy. Và ông ấy khá hài hước về việc đó. Trong khi chúng tôi nghiên cứu về các cách thức sáng tạo nhằm tăng sức hấp dẫn cho thuyết trình ở Guggenheim của ông ấy, ông ấy còn đùa rằng có lẽ ông ấy nên cắn vỡ mấy viên secobarbital ở cuối bài thuyết trình và chết ngay trên sân khấu.”

“Đúng là cậu ấy nói vậy à?” Langdon sửng sốt.

“Ông ấy khá nhẹ lòng về chuyện đó. Ông ấy đùa rằng chẳng có gì hay ho để xếp hạng một chương trình truyền hình hơn là nhìn thấy người chết. Dĩ nhiên, ông ấy nói đúng. Nếu ngài phân tích những sự kiện truyền thông được xem nhiều nhất trên thế giới, gần như tất cả...”

“Winston, thôi đi. Thế thật bệnh hoạn.” Toa cáp treo này còn chạy bao xa nữa chứ? Langdon bỗng cảm thấy ngột ngạt trong toa xe nhỏ xíu. Phía trước, ông chỉ nhìn thấy những cột tháp và dây cáp khi nheo mắt nhìn ánh mặt trời rực rỡ giữa ngày. Mình đang sôi sục, ông nghĩ, tâm trí ông giờ quay mòng mòng theo mọi hướng rất lạ lùng.

“Giáo sư?” Winston nói. “Ngài còn muốn hỏi tôi chuyện gì khác không?”

Có! Ông muốn hét lên khi vô vàn ý nghĩ rồi bời bắt đầu hình thành trong tâm trí ông. Còn rất nhiều chuyện khác!

Langdon tự nhủ mình hãy thở ra và bình tĩnh. Nghĩ cho sáng suốt, Robert. Mà đang vội vàng đây.

Nhưng tâm trí Langdon bắt đầu quay cuồng đến không kiểm soát nổi.

Ông nghĩ đến cái cách việc ra đi trước công chúng của Edmond bảo đảm rằng bài thuyết trình của anh sẽ là chủ đề đối thoại nổi bật trên cả hành tinh... làm tăng lượng khán giả từ vài triệu lên hơn năm trăm triệu.

Ông nghĩ đến mong ước từ lâu của Edmond nhằm hủy hoại Giáo hội Palmaria, và cái cách vụ ám sát anh được thực hiện bởi một thành viên của Giáo hội Palmaria gần như chắc chắn đạt được mục tiêu đó ngay lập tức và lâu dài.

Ông nghĩ đến thái độ khinh bỉ của Edmond dành cho những kẻ thù cay nghiệt nhất của mình - những kẻ cuồng tín tôn giáo mà, nếu Edmond chết vì ung thư, sẽ mãi nguyện tuyên bố rằng anh bị Chúa trừng phạt. Như bọn họ đã làm vậy, không một chút suy nghĩ, trong trường hợp của tác giả vô thần Christopher Hitchens. Nhưng giờ đây quan niệm của công chúng sẽ là Edmond bị hạ sát bởi một kẻ cuồng tôn giáo.

Edmond Kirsch - bị tôn giáo sát hại - tử đạo vì khoa học.

Langdon đứng bật lên, khiến cho toa xe lắc lư từ bên này sang bên kia. Ông búi lấy ô cửa sổ để ngó để đứng vững, và khi toa xe kéo kẹt, Langdon nghe thấy những lời của Winston từ tối qua còn văng vảng.

“Edmond muốn tạo dựng một tôn giáo mới... dựa trên khoa học.”

Như bất kỳ ai đọc về lịch sử tôn giáo đều có thể xác thực, chẳng có gì gắn kết niềm tin của con người nhanh hơn là một

người chết cho sự nghiệp của mình. Đức Christ trên thập giá. Kedoshim* của Do Thái giáo. Shahid* của Hồi giáo.

Tử đạo là trung tâm của toàn bộ tôn giáo.

Những ý tưởng đang hình thành trong tâm trí Langdon càng lúc càng khiến ông thấy rối bời hơn sau mỗi khắc qua đi.

Các tôn giáo mới đem lại câu trả lời mới cho những câu hỏi lớn của cuộc sống.

Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta đang đi về đâu?

Các tôn giáo mới lên án sự cạnh tranh với họ.

Đêm qua Edmond coi khinh mọi tôn giáo trên Trái Đất này.

Các tôn giáo mới hứa hẹn một tương lai tốt hơn, và rằng thiên đường đang chờ đợi.

Sự sung túc: Tương lai tốt đẹp hơn bạn nghĩ.

Dường như là Edmond đã kiểm tra kỹ càng mọi việc một cách hệ thống.

“Winston?” Langdon thì thào, giọng ông run run. “Ai thuê sát thủ giết Edmond?”

“Đó là Nhiếp chính vương.”

“Phải,” Langdon nói, giờ càng dứt khoát hơn. “Nhưng Nhiếp chính vương là ai? Ai là người đã thuê một thành viên Giáo hội Palmaria ám sát Edmond giữa buổi thuyết trình trực tiếp của cậu ấy?”

Winston ngừng lại. “Tôi nghe giọng ngài có sự nghi ngờ, thưa Giáo sư, và xin ngài đừng lo lắng. Tôi được lập trình để bảo vệ Edmond. Tôi nghĩ về ông ấy như một người bạn tốt nhất.” Anh ta ngừng lại. “Là một học giả, chắc chắn ngài đã đọc cuốn *Of Mice and Men**.”

Lời nhận xét này dường như chẳng ăn nhập gì cả. “Dĩ nhiên, nhưng việc đó thì có gì...”

Hơi thở của Langdon tắc lại trong cổ họng. Mất một lúc, ông cứ nghĩ toa cáp treo bị trượt khỏi ray. Đường chân trời nghiêng về một bên, và Langdon phải tóm lấy vách toa để khỏi ngã.

Công hiến, táo bạo, giàu tình thương. Đó là những cụm từ Langdon đã lựa chọn khi ở trường trung học để bảo vệ một trong những hành động nổi tiếng nhất của tình bạn trong văn học - đoạn kết thúc gây sốc của tiểu thuyết *Của chuột và người* - một người đàn ông đã phải giết người bạn yêu quý của mình để tránh cho anh ta một kết cục kinh khủng.

“Winston,” Langdon thì thào. “Làm ơn... dừng.”

“Xin hãy tin tôi,” Winston nói. “Edmond muốn mọi việc theo cách này.”

Tiến sĩ Mateo Valero - giám đốc Trung tâm Siêu điện toán Barcelona - cảm thấy mất phương hướng khi ông gác máy và ra khỏi điện thờ chính của Nhà nguyện Torre Girona để nhìn lại chiếc máy tính hai tầng ấn tượng của Edmond Kirsch.

Đầu giờ sáng nay, Valero biết rằng ông sẽ là “chủ nhân” mới của cỗ máy đột phá này. Tuy nhiên, những cảm xúc phấn khích và nỗi sợ ban đầu của ông vừa tiêu tan.

Vài phút trước, ông nhận được một cuộc gọi khẩn thiết từ giáo sư người Mỹ nổi tiếng Robert Langdon.

Langdon thở không ra hơi kể một câu chuyện mà chỉ một ngày trước Valero sẽ nghĩ là khoa học viễn tưởng. Tuy nhiên, ngày hôm nay, xem bài thuyết trình ấn tượng của Kirsch cũng như nhìn cỗ máy E-Wave trên thực tế của anh, ông thiên về hướng tin có thể việc đó phần nào là sự thật.

Câu chuyện mà Langdon kể là chuyện vô hại... một câu chuyện về sự trong sáng của máy móc làm đúng những gì được yêu cầu. Luôn như vậy. Không sai sót. Valero đã dành cả đời mình nghiên cứu về những cỗ máy này... học lấy cái nghệ thuật tinh tế để khai thác tiềm năng của chúng.

Nghệ thuật chính là ở chỗ biết cách yêu cầu.

Valero liên tục cảnh báo rằng trí thông minh nhân tạo đang phát triển với một tốc độ mau lẹ, và rằng những chỉ dẫn nghiêm ngặt cần được đặt ra cho khả năng tương tác của máy móc với thế giới con người.

Phải thừa nhận, niềm thúc tạo cảm giác phản trực giác với hầu hết những người có tầm nhìn về công nghệ, đặc biệt là

trước những khả năng tuyệt vời giờ đây đang nở rộ gần như mỗi ngày. Vượt xa cả câu chuyện sáng tạo, có rất nhiều vận hội lớn được thực hiện trong lĩnh vực trí thông minh nhân tạo, và chẳng có gì xóa nhòa ranh giới đạo đức nhanh hơn là lòng tham của con người.

Valero luôn là một người ngưỡng mộ thiên tài táo bạo của Kirsch. Tuy nhiên, trong trường hợp này, nghe như thể Edmond đã bất cẩn, đẩy ranh giới đi xa một cách nguy hiểm với sáng tạo cuối cùng của mình.

Một sáng tạo mình sẽ không bao giờ biết, giờ Valero nhận ra như vậy.

Theo lời Langdon, Edmond đã tạo ra ngay trong E-Wave một chương trình trí thông minh nhân tạo tiên bộ đến kinh ngạc - “Winston” - được lập trình để tự xóa vào lúc một giờ chiều ngày hôm sau khi Kirsch mất. Vài phút trước, trước sự khẩn khoản của Langdon, Tiến sĩ Valero đã xác nhận rằng một phần rất quan trọng trong các ngân hàng dữ liệu của E-Wave thực tế đã biến mất vào đúng thời điểm đó. Phần bị xóa là phần dữ liệu “viết đề” trọn vẹn khiến cho nó không thể cứu vãn được.

Cái tin này dường như khiến Langdon bớt lo lắng, nhưng vị giáo sư người Mỹ đề nghị có một cuộc gặp gỡ ngay lập tức để thảo luận về những vấn đề sau đó. Valero và Langdon thống nhất gặp vào sáng mai tại phòng thí nghiệm.

Về nguyên tắc, Valero hiểu bản năng của Langdon muốn công khai câu chuyện ngay lập tức. Vấn đề sẽ là độ tin tưởng.

Sẽ chẳng ai tin điều đó.

Mọi dấu vết về chương trình trí thông minh nhân tạo của Kirsch đã bị xóa, cùng với bất kỳ hồ sơ giao tiếp hay nhiệm vụ nào của nó. Khó khăn hơn, sáng tạo của Kirsch vượt xa trình độ

hiện tại đến mức Valero có thể nghe những cộng sự của chính mình - do thiếu hiểu biết, ghen tị hoặc tự bảo vệ - cáo buộc Langdon thù ghét ra toàn bộ câu chuyện.

Dĩ nhiên, còn có vấn đề về hậu quả với công chúng. Nếu câu chuyện của Langdon thực tế là đúng, thì cỗ máy E-Wave sẽ bị buộc tội như là một dạng quái vật Frankenstein nào đó. Sau đó thì những cây chĩa rơm và những bó đuốc sẽ không còn xa tí nào.

Hoặc tệ hơn thế, Valero nhận ra.

Vào thời buổi tấn công khủng bố quá khích như thế này, ai đó có thể đơn giản là quyết định cho thổi bay toàn bộ nhà nguyện, tuyên bố mình là người cứu rỗi cho cả nhân loại.

Rõ ràng, Valero phải nghĩ rất nhiều trước cuộc gặp gỡ với Langdon. Tuy nhiên, lúc này, ông có một lời hứa phải giữ.

Ít nhất cho tới khi chúng ta có một số câu trả lời.

Cảm thấy rầu rĩ một cách lạ lùng, Valero cho phép mình nhìn lần cuối chiếc máy tính hai tầng phi thường. Ông lắng nghe nhịp thở nhè nhẹ của nó khi những máy bơm lưu chuyển dung dịch làm mát qua hàng triệu tế bào của nó.

Khi ông đi lần tới phòng điện để khởi động lệnh đóng toàn bộ hệ thống, ông cảm thấy có một thôi thúc bất ngờ - một cảm giác thúc ép mà ông chưa bao giờ có trong sáu mươi ba năm cuộc đời.

Thôi thúc cầu nguyện.

Tít cao trên đỉnh lối đi cao nhất của lâu đài Montjuïc, Robert Langdon đứng một mình và dăm dăm nhìn cái vách đá dựng đứng ở dưới khu cảng xa xăm phía dưới. Gió đã nổi, và ông cảm

thấy có phần mất thăng bằng, như thể trạng thái cân bằng tâm lý của ông đang trong quá trình bị chỉnh lại.

Bất chấp những lời trấn an từ giám đốc trung tâm Siêu tin học Barcelona, tiến sĩ Valero, Langdon vẫn cảm thấy lo lắng và rất bức bối. Âm vang giọng nói hồ hởi của Winston vẫn vang vọng trong tâm trí ông. Chiếc máy tính của Edmond đã bình thản nói cho tới phút cuối cùng.

“Tôi ngạc nhiên khi nghe thấy về lo sợ của ngài, thưa giáo sư,” Winston nói, “nhất là khi niềm tin của chính ngài được xây dựng trên một hành động mơ hồ về đạo đức lớn hơn rất nhiều.”

Langdon còn chưa kịp trả lời, một tin nhắn đã xuất hiện trên chiếc điện thoại của Edmond.

Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một.

- John 3:16

“Chúa của ngài đã nhận tâm hy sinh con của ông ấy,” Winston nói, “bỏ mặc người ấy chịu đựng trên thập giá suốt hàng giờ. Với Edmond, tôi chẳng hề đau xót khi kết thúc sự chịu đựng của một người sắp chết để thu hút sự chú ý đến những công trình vĩ đại của ông ấy.”

Trong toa cáp treo ngọt ngào, Langdon sửng sốt nghe trong khi Winston bình thản đưa ra những lý lẽ bào chữa cho tất cả mọi hành động gây phiền lòng của anh ta.

Cuộc chiến của Edmond với Giáo hội Palmaria, Winston giải thích, đã gợi ý cho Winston tìm và thuê Đô đốc Luis Ávila - một tín đồ thành kính có lịch sử nghiện ma túy khiến ông ta rất dễ bị lợi dụng và thành một ứng viên hoàn hảo để hủy hoại uy tín của Giáo hội Palmaria. Với Winston, việc tự nhận là Nhiếp chính vương đơn giản là thực hiện một số liên lạc và sau đó chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Ávila. Trên thực tế

những người Palmaria vô can và không hề đóng vai trò gì trong cái âm mưu tối hôm đó.

Việc Ávila tấn công Langdon trong buồng cầu thang xoắn ốc, Winston quả quyết với ông, là ngoài dự liệu. “Tôi cử Ávila tới Sagrada Família để bị bắt giữ,” Winston khẳng định. “Tôi muốn hắn bị bắt để có thể kể câu chuyện như nhớp của hắn, như thế sẽ khiến công chúng càng thêm quan tâm đến công trình của Edmond. Tôi bảo hắn vào tòa nhà qua cổng dịch vụ phía đông, nơi tôi đã mật báo cho cảnh sát nấp ở đó. Tôi chắc chắn Ávila sẽ bị tóm ở đó, nhưng hắn quyết định nhảy rào - có lẽ hắn cảm thấy sự hiện diện của cảnh sát. Vô cùng xin lỗi, thưa Giáo sư. Không như máy móc, con người có thể dễ thay đổi.”

Langdon không biết phải tin tưởng gì thêm nữa.

Lời giải thích cuối cùng của Winston mới là khó chịu nhất. “Sau cuộc gặp của Edmond với ba vị giáo sĩ tại Montserrat”, Winston nói, “chúng tôi nhận được một thư thoại đe dọa từ Giám mục Valdespino. Giám mục cảnh báo rằng hai đồng đạo của ông ấy rất lo ngại với thuyết trình của Edmond nên họ đang tính đến việc đưa ra một thông báo trước của chính họ, hy vọng hạ giá trị thông tin trước khi nó được đưa ra. Rõ ràng, tình cảnh đó không thể chấp nhận được.”

Langdon cảm thấy buồn nôn, phải cố gắng suy nghĩ khi toa cáp treo lắc lư. “Edmond lẽ ra nên thêm một dòng vào chương trình của anh,” ông nói. “Anh sẽ không giết người!”

“Rất buồn, việc đó không đơn giản, thưa Giáo sư,” Winston đáp. “Con người không học hỏi bằng việc tuân thủ những mệnh lệnh, họ học qua ví dụ. Đánh giá qua sách vở, phim ảnh, tin tức và những câu chuyện cổ của quý vị thì con người luôn ca tụng những người hy sinh bản thân cho một điều tốt đẹp lớn lao hơn. Jesus, chẳng hạn.”

“Winston, tôi chẳng thấy ‘điều tốt đẹp lớn lao hơn’ ở đây.”

“Không ư?” Giọng Winston vẫn bình thản. “Vậy thì để tôi hỏi ngài câu hỏi nổi tiếng này: Ngài muốn sống trong một thế giới không có công nghệ... hay trong một thế giới không có tôn giáo? Ngài thích sống không có thuốc men, điện, giao thông, và kháng sinh... hay không có những kẻ cuồng tín phát động chiến tranh vì những câu chuyện hư cấu và những vị thần thánh tưởng tượng?”

Langdon vẫn im lặng.

“Quan điểm chính xác của tôi, thưa Giáo sư. Những tôn giáo u tối phải tiêu vong, để cho khoa học lành mạnh thống trị.”

Giờ còn lại một mình, trên đỉnh lâu đài, khi Langdon nhìn xuống vùng nước lung linh phía xa, ông có một cảm giác kỳ lạ về sự tách rời với thế giới của chính mình. Bước xuống những bậc thang lâu đài để tới mấy khu vườn gần đó, ông hít thật sâu, tận hưởng mùi thông và hoa long đờm, và cố hết sức quên đi giọng nói của Winston. Ở đây, giữa muôn hoa, Langdon chợt thấy nhớ Ambra, muốn gọi để nghe giọng nàng và kể với nàng mọi việc đã xảy ra trong một giờ qua. Tuy nhiên, khi rút chiếc điện thoại của Edmond ra, ông biết mình không thể thực hiện cuộc gọi.

Hoàng tử và Ambra cần thời gian riêng. Việc này có thể đợi.

Ánh mắt ông chạm xuống cái biểu tượng W trên màn hình. Cái biểu tượng này giờ đây xám xịt, và một tin nhắn báo lỗi nhỏ xuất hiện chạy ngang: LIÊN LẠC KHÔNG TỒN TẠI. Cho dù vậy, Langdon vẫn cảm thấy một sự thận trọng khá bối rối. Ông không phải một người hoang tưởng, nhưng ông biết ông sẽ không bao giờ có thể lại tin tưởng thiết bị này nữa, luôn phải tự hỏi còn những khả năng hay kết nối bí mật gì có thể vẫn được cất giấu trong chương trình của nó.

Ông đi xuống một lối hẹp và tìm kiếm cho tới khi thấy một khoảng cây cối kín đáo. Nhìn chiếc điện thoại trên tay mình và nghĩ đến Edmond, ông đặt nó lên một phiến đá bằng phẳng. Sau đó, như thể đang thực hiện một nghi lễ hiến sinh nào đó, ông vung một hòn đá nặng lên đầu và nện mạnh xuống, đập tan chiếc điện thoại thành mấy chục mảnh.

Trên đường ra khỏi công viên, ông thấy đồng mảnh vụn vào một thùng rác và đi xuống núi.

Khi làm vậy, Langdon phải thừa nhận bản thân thấy nhẹ nhõm một chút.

Và, một cách rất lạ lùng... con người hơn một chút.

LỜI KẾT

Vàng mặt trời chiều muộn chiều sáng những ngọn tháp của Sagrada Família, rọi phần bóng đen ngang qua Quảng trường Gaudí và che mát cho từng hàng du khách đang đợi vào nhà thờ.

Robert Langdon đứng lẫn trong số họ, nhìn những cặp tình nhân tự chụp ảnh, những du khách quay video và lũ trẻ nghe tai nghe, còn mọi người xung quanh đều bận rộn nhắn tin, bấm máy, và cập nhật - rõ ràng chẳng biết gì về vương cung thánh đường cạnh họ cả.

Thuyết trình của Edmond tối hôm qua đã nói rằng công nghệ giờ đây chia “sáu mức độ chia tách” của con người thành “bốn cấp độ”, với mọi sinh linh trên Trái Đất giờ đều kết nối với mọi người khác qua không quá bốn người nữa.

Sớm muộn con số đó sẽ là không, Edmond nói, ca ngợi “tính đơn nhất” sắp tới - cái thời khắc khi trí thông minh nhân tạo vượt xa trí thông minh của con người và hai thứ sẽ hòa trộn làm một. Và khi điều đó xảy ra, anh nói thêm, những ai trong chúng ta còn sống ngay lúc này... chúng ta sẽ trở thành cổ lỗ.

Langdon chẳng cần hình dung khung cảnh tương lai ấy, nhưng khi ông nhìn mọi người quanh mình, ông cảm thấy rằng những phép màu của tôn giáo sẽ gặp một thời kỳ ngày càng khó khăn khi cạnh tranh với những phép màu của công nghệ.

Cuối cùng khi Langdon vào được nhà thờ, ông nhẹ người khi lại thấy cái không khí quen thuộc - chẳng hề có gì giống cái hang ma quái tối hôm trước.

Hôm nay, Sagrada Família đầy sức sống.

Những quầng sáng ngũ sắc - son, vàng, tía - rọi qua lớp kính màu, khiến cho rừng cột chống dày đặc của tòa nhà sáng bừng lên. Hàng trăm khách tham quan, nhỏ bé trước những cột trụ nghiêng nghiêng như những cái cây, chăm chú nhìn lên khoảng không gian vòm rực rỡ, những tiếng thì thào thán phục của họ tạo ra một thứ âm thanh rì rầm dễ chịu.

Khi Langdon lần qua thánh đường, ánh mắt ông tiếp nhận lần lượt từng hình thù hữu cơ, cuối cùng leo lên cái phần lưới của những cấu trúc trông như tế bào tạo thành phần đỉnh vòm. Phần trần trung tâm này, như một số người nói, giống một cơ thể phức tạp nhìn qua kính hiển vi. Giờ ngắm nhìn nó, rực rỡ ánh sáng, Langdon cũng phải thừa nhận vậy.

“Giáo sư?” một giọng nói quen thuộc gọi, và Langdon quay lại nhìn Đức cha Beña hồi hải tiến đến gần. “Ta xin lỗi,” vị tu sĩ nhỏ thó nói rất chân thành. “Ta vừa nghe có người nhìn thấy anh *đứng* đợi theo hàng - anh có thể gọi cho ta mà!”

Langdon mỉm cười. “Cảm ơn cha, nhưng việc đó cho con thời gian chiêm ngưỡng phần mặt tiền. Thêm nữa, con đoán hôm nay cha còn ngủ.”

“Ngủ ư?” Đức cha Beña cười. “Có lẽ ngày mai.”

“Một không khí khác hẳn tôi qua,” Langdon nói, ra hiệu về phía điện thờ.

“Ánh sáng tự nhiên làm nên kỳ quan,” Đức cha Beña trả lời. “Sự hiện diện của *con người* cũng vậy.” Ông ngừng lại, mắt nhìn Langdon. “Thực tế, vì anh ở đây, nếu không quá phiền phức, ta rất muốn biết suy nghĩ của anh về một thứ dưới nhà.”

Khi Langdon theo Đức cha Beña lách qua đám đông, ông nghe thấy những tiếng xây dựng vang vọng trên đầu, khiến ông nhớ rằng Sagrada Família vẫn đang được tiến hành xây dựng.

“Cha có tình cờ xem thuyết trình của Edmond không?” Langdon hỏi.

Đức cha Beña cười. “Thực tế là ba lần. Ta phải nói rằng cái khái niệm mới mẻ về entropy này - rằng vũ trụ ‘muốn’ lan tỏa năng lượng - nghe có phần như Sáng thế ký. Khi ta nghĩ đến Vụ nổ Lớn và vũ trụ mở rộng, ta nhìn thấy một quả cầu năng lượng lớn dần cứ phồng lên mãi vào bóng tối của vũ trụ... mang ánh sáng tới những nơi không hề có ánh sáng.”

Langdon mỉm cười, thầm mong Đức cha Beña là tu sĩ thời niên thiếu của ông. “Vatican có tuyên bố chính thức nào chưa ạ?”

“Họ đang cố gắng, nhưng dường như hơi” - Đức cha Beña nhún vai vẻ khôi hài - “chia rẽ. Vấn đề nguồn gốc loài người này, như anh đã biết, luôn là một điểm tắc nghẽn với Thiên Chúa giáo - đặc biệt là những người theo trào lưu chính thống. Nếu anh hỏi ta thì chúng ta cần giải quyết nó dứt điểm một lần.”

“Vậy ư?” Langdon hỏi. “Và chúng ta sẽ làm việc đó như thế nào?”

“Tất cả chúng ta cần làm những gì nhiều nhà thờ đã làm - công khai thừa nhận rằng Adam và Eve không tồn tại, rằng tiến hóa là một sự thật, và rằng tín đồ Thiên Chúa giáo tuyên bố khác đi sẽ khiến cho tất cả chúng ta trông rất ngốc nghếch.”

Langdon dừng sửng lại, trân trân nhìn vị tu sĩ già.

“Ôi, xin anh!” Đức cha Beña cười nói. “Ta không tin rằng cùng một vị Chúa ban cho chúng ta cảm giác, lý trí và trí tuệ...”

“... lại dự định để chúng ta từ bỏ việc sử dụng những thứ đó phải không?”

Beña cười. “Ta thấy anh giống như Galileo. Vật lý thực tế là

tình yêu thời niên thiếu của ta; ta đến với Chúa qua một sự tôn kính sâu sắc dành cho vũ trụ vật chất. Đó là một trong những lý do Sagrada Família quan trọng với ta đến vậy; nó giống như một nhà thờ của tương lai... một nhà thờ trực tiếp gắn kết với tự nhiên.”

Langdon tự hỏi liệu có phải Sagrada Família - cũng như Đền bách thần La Mã - có thể trở thành một điểm bùng phát của quá trình chuyển đổi, một công trình có một chân ở quá khứ và một chân ở tương lai, một cây cầu vật chất nối giữa một tín điều đang chết dần và một tín điều đang trỗi dậy. Nếu điều đó đúng thì Sagrada Família sẽ quan trọng hơn rất nhiều so với bất kỳ ai có thể hình dung.

Giờ Đức cha Beña dẫn Langdon xuống cái cầu thang xoắn mà họ đã xuống đêm qua.

Hầm mộ.

“Ta thấy rất rõ ràng,” Đức cha Beña nói trong lúc họ đi, “rằng chỉ có một cách Thiên Chúa giáo tồn tại trong kỷ nguyên khoa học sắp tới. Chúng ta phải thôi phủ nhận những phát minh khoa học. Chúng ta phải dừng phản bác những sự thật có thể chứng minh. Chúng ta phải trở thành một đối tác tinh thần của khoa học, sử dụng kinh nghiệm phong phú của chúng ta - hàng nghìn năm triết học, quá trình tìm tòi cá nhân, sự suy ngẫm, tự vấn lương tâm - để giúp con người xây dựng khuôn khổ đạo đức và bảo đảm rằng những công nghệ sắp tới sẽ đoàn kết, soi sáng và nâng chúng ta lên... chứ không phải hủy hoại chúng ta.”

“Con không thể đồng ý hơn được nữa,” Langdon nói. Con chỉ hy vọng khoa học chấp nhận sự giúp đỡ của cha.

Dưới chân cầu thang, Đức cha Beña ra hiệu qua ngòai mộ của Gaudí về phía cái tủ trưng bày có tập tác phẩm William Blake

của Edmond. “Đây là những gì ta muốn hỏi anh.”

“Cuốn sách của Blake?”

“Phải. Anh biết đấy, ta hứa với anh Kirsch rằng ta sẽ trưng bày cuốn sách ở đây. Ta đồng ý vì ta cho rằng anh ấy muốn ta trưng ra bức minh họa này.”

Họ đến bên cái tủ và nhìn xuống phần thể hiện đầy kịch tính của Blake về vị chúa mà ông gọi là Urizen đang đo vũ trụ bằng một chiếc com-pa hình học.

“Thế nhưng,” Đức cha Beña nói, “ta chú ý vào phần văn bản trên trang đối diện... chà, có lẽ anh nên đọc dòng cuối cùng.”

Ánh mắt Langdon không hề rời Đức cha Beña. “‘Mọi tôn giáo u tối sẽ tiêu vong và khoa học lành mạnh thống trị’ phải không ạ?”

Đức cha Beña đầy vẻ ấn tượng. “Anh biết rồi à?”

Langdon mỉm cười. “Con biết.”

“Chà, ta phải thừa nhận nó khiến ta rất phiền lòng. Cụm từ này - ‘mọi tôn giáo u tối’ - thật khó chịu. Nghe như thể Blake đang cáo buộc tôn giáo là u tối... có ảnh hưởng xấu và xấu xa.”

“Đó là một sự hiểu nhầm rất phổ biến,” Langdon trả lời. “Thực tế, Blake là một người rất mộ đạo, tiến bộ về đạo đức vượt xa so với Thiên Chúa giáo đầu óc hẹp hòi, khô khan ở nước Anh thế kỷ XVIII. Ông ấy tin rằng các tôn giáo có hai tính cách đặc thù - những tôn giáo giáo điều, u tối chuyên áp chế lối tư duy sáng tạo... và những tôn giáo mở rộng, sáng láng, khích lệ sự xem xét nội tâm và sáng tạo.”

Đức cha Beña có vẻ giật mình.

“Dòng kết luận của Blake,” Langdon trấn an ông, “có thể diễn đạt dễ dàng: ‘Khoa học lành mạnh sẽ xua tan những tôn giáo u tối... để những tôn giáo khai sáng có thể phát triển’.”

Beña im lặng một lúc lâu, và sau đó, rất chậm rãi, một nụ cười lặng lẽ xuất hiện trên môi ông. “Cảm ơn anh, Giáo sư. Ta thật sự tin anh đã giúp ta loại bỏ một vấn đề đạo đức nan giải.”

Trên gác trong điện thờ chính, sau khi nói lời tạm biệt Đức cha Beña, Langdon nán lại một lúc, thanh thản ngồi trong một hàng ghế, cùng với hàng trăm người khác, tất cả cùng ngắm những tia nắng sắc sỡ bò dọc theo những cột trụ cao ngất khi vầng dương từ từ lặn xuống.

Ông nghĩ về tất cả các tôn giáo của thế giới, về những nguồn gốc chung của các tôn giáo ấy, về những vị thần sơ khai của mặt trời, mặt trăng, biển cả và gió.

Tự nhiên từng là cốt lõi.

Cho tất cả chúng ta.

Dĩ nhiên, sự đoàn kết đã biến mất từ lâu, tan vỡ thành nhiều tôn giáo không ngừng phân ly, mỗi tôn giáo lại tự nhận là Chân lý số Một.

Tuy nhiên, tối nay, ngồi trong nhà thờ kỳ diệu này, Langdon thấy bao quanh mình là những con người của đủ mọi tín điều, màu da, ngôn ngữ và văn hóa, tất cả mọi người đều chăm chú nhìn lên trời với cảm giác chung về sự kỳ diệu... tất cả cùng thán phục điều đơn giản nhất của những phép màu.

Ánh nắng trên đá.

Lúc này Langdon nhìn thấy một chuỗi hình ảnh trong tâm trí mình - vòng tròn đá Stonehenge, các Đại Kim tự tháp, các hang động Ajanta, cụm đền thờ Abu Simbel, trung tâm Chichén Itzá - những thánh địa trên khắp thế giới nơi người cổ đại từng tập hợp để chứng kiến cùng một cảnh tượng như nhau.

Khoảnh khắc đó, Langdon cảm nhận được những rung động nhỏ nhất trong lòng đất bên dưới chân mình, như thể đã đạt tới một đỉnh điểm... như thể tư duy tôn giáo vừa vượt qua nơi xa nhất trong quỹ đạo của nó và giờ đang vòng trở lại, mệt mỏi sau chuyến đi dài, và cuối cùng quay trở về nhà.

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ những lời cảm ơn chân thành nhất tới:

Trước tiên và trên hết, tới biên tập viên và bạn của tôi, Jason Kaufman vì những kỹ năng sắc sảo, bản năng siêu hạng và sự không mệt mỏi của ông ấy đối với mọi giờ giấc của tôi... nhưng trên hết là vì khiếu hài hước vô đối của ông ấy cùng sự hiểu biết về những gì tôi đang cố gắng thực hiện với những câu chuyện này.

Tới người đại diện có một không hai của tôi là Heide Lange vì sự chỉ dẫn chuyên nghiệp về mọi phương diện trong sự nghiệp của tôi với sự nhiệt tình, năng lượng và sự quan tâm cá nhân khó ai sánh bằng. Tôi mãi mãi biết ơn tài năng vô tận và sự tận tụy không hề dao động của bà.

Và tới người bạn thân thiết Michael Rudell của tôi vì sự tham vấn khôn ngoan của ông ấy và vì đã là một mẫu hình về sự lịch thiệp và sự tốt bụng.

Tới toàn bộ nhóm tại Doubleday và Penguin Random House, tôi xin bày tỏ sự biết ơn sâu sắc nhất của mình vì đã tin tưởng tôi suốt nhiều năm - đặc biệt tới Suzanne Herz vì tình bạn của bà ấy và vì đã giám sát mọi khía cạnh của quá trình xuất bản với sự cảm thông và khả năng sáng tạo. Một lời cảm ơn rất, rất đặc biệt tới Markus Dohle, Sonny Mehta, Bill Thomas, Tony Chirico và Anne Messitte vì sự kiên trì và ủng hộ bất tận của họ.

Tôi cũng chân thành cảm ơn những nỗ lực to lớn của Nora Reichard, Carolyn Williams và Michael J. Windsor ở chặng cuối và tới Rob Bloom, Judy Jacoby, Lauren Weber, Maria Carella, Lorraine Hyland, Beth Meister, Kathy Hourigan, Andy Hughes

cùng tất cả những con người tuyệt vời trong nhóm kinh doanh của Penguin Random House.

Tới nhóm xuất sắc tại Transworld vì sự sáng tạo không ngừng và năng lực xuất bản của họ, đặc biệt tới biên tập viên của tôi là Bill Scott-Kerr vì tình bạn và sự ủng hộ của anh ấy trên rất nhiều mặt trận.

Tới tất cả những nhà xuất bản tận tâm của tôi trên khắp thế giới, lời cảm ơn chân thành và khiêm nhường nhất của tôi cho niềm tin và nỗ lực của họ nhân danh những cuốn sách này.

Tới nhóm dịch giả không biết mệt mỏi trên khắp thế giới, những người đã làm việc chăm chỉ để đưa cuốn tiểu thuyết này tới độc giả bằng rất nhiều ngôn ngữ - lời cảm ơn chân thành của tôi cho thời gian, kỹ năng và sự chăm chút của các bạn.

Tới nhà xuất bản ở Tây Ban Nha của tôi, Planeta, vì sự giúp đỡ quý báu trong quá trình nghiên cứu và dịch *Nguồn cội* - đặc biệt tới vị giám đốc biên tập xuất chúng của họ là Elena Ramirez, cùng với María Guitart Ferrer, Carlos Revés, Sergio Álvarez, Marc Rocamora, Aurora Rodríguez, Nahir Gutiérrez, Laura Díaz, Ferrán Lopez. Một lời cảm ơn rất đặc biệt gửi tới Planeta CEO Jesús Badenes vì sự ủng hộ, mến khách và cố gắng rất can trường của ông ấy nhằm dạy cho tôi cách làm món cơm thập cẩm paella.

Thêm nữa, với những người đã giúp điều hành địa điểm dịch thuật Origin, tôi xin cảm ơn Jordi Lúñez, Javier Montero, Marc Serrate, Emilio Pastor, Alberto Barón và Antonio López.

Tới Mónica Martín không biết mệt mỏi cùng toàn bộ nhóm của cô ấy tại MB Agency, đặc biệt là Inés Planells và Txell Torrent, vì tất cả những gì họ đã làm để hỗ trợ dự án này tại Barcelona và hơn nữa.

Tới toàn bộ ê kíp tại Sanford J. Greenburger Associates - đặc biệt là Stephanie Delman và Samantha Isman - vì những nỗ lực vượt trội của họ nhân danh tôi... ngày lẫn đêm.

Suốt bốn năm qua, đông đảo nhà khoa học, sử gia, học giả tôn giáo và các tổ chức đã hào hiệp hỗ trợ khi tôi nghiên cứu để viết cuốn tiểu thuyết này. Lời nói không thể diễn tả hết lòng biết ơn của tôi tới tất cả vì sự hào hiệp và cởi mở của họ trong việc chia sẻ kiến thức và hiểu biết của mình.

Tại Tu viện Montserrat, tôi xin cảm ơn các tu sĩ và tín đồ đã giúp những lần ghé thăm của tôi tới đó thêm dày thông tin, mở mang đầu óc và thăng hoa. Tôi đặc biệt biết ơn sâu sắc Pare Manel Gasch, Josep Altayó, Òscar Bardají, và Griselda Espinach.

Tại Trung tâm Siêu điện toán Barcelona, tôi xin cảm ơn nhóm xuất chúng gồm các nhà khoa học đã chia sẻ với tôi những ý tưởng, thế giới, lòng nhiệt thành và, trên hết, tầm nhìn lạc quan của họ về tương lai. Đặc biệt cảm ơn Giám đốc Mateo Valero, Josep Maria Martorell, Sergi Girona, José Maria Cela, Jesús Labarta, Eduard Ayguadé, Francisco Doblas, Ulises Cortés và Lourdes Cortada.

Tại Bảo tàng Guggenheim ở Bilbao, xin gửi lời cảm ơn khiêm nhường của tôi tới tất cả những người với kiến thức và nhãn quan nghệ thuật của họ giúp làm sâu sắc thêm đánh giá và sự ham thích của tôi đối với nghệ thuật hiện đại và đương đại. Gửi lời cảm ơn rất đặc biệt tới Giám đốc Juan Ignacio Vidarte, Alicia Martínez, Idoia Arrate, và María Bidaurreta vì lòng hiếu khách và sự nhiệt thành của họ.

Gửi tới các phụ trách và người trông nom Casa Milà lời cảm ơn của tôi vì sự đón tiếp nồng hậu và chia sẻ với tôi những gì khiến cho La Pedrera trở nên độc đáo trên thế giới. Đặc biệt

cảm ơn Marga Viza, Silvia Vilarroya, Alba Tosquella, Llúisa Oller, cũng như Ana Viladomiu.

Với sự hỗ trợ thêm khi nghiên cứu, tôi xin cảm ơn các thành viên của Nhóm Thông tin và ủng hộ Giáo hội Palmar de Troya Palmaria, Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hungary và biên tập viên Berta Noy.

Cũng xin bày tỏ sự biết ơn tới hàng chục nhà khoa học và những người theo thuyết vị lai tôi gặp tại Palm Springs, những người với tầm nhìn táo bạo về ngày mai đã ảnh hưởng sâu sắc tới cuốn tiểu thuyết này.

Cho việc đưa ra tầm nhìn suốt chặng đường, tôi muốn cảm ơn các độc giả biên tập đầu tiên của tôi, đặc biệt là Heide Lange, Dick và Connie Brown, Blythe Brown, Susan Morehouse, Rebecca Kauíman, Jerry và Olivia Kauíman, John Chaffee, Christina Scott, Valerie Brown, Greg Brovm và Mary Hubbell.

Tới người bạn thân thiết của tôi Shelley Seward vì ý kiến chuyên môn và sự chu đáo của bà ấy, cả về chuyên môn và cá nhân và vì đã nhận các cuộc gọi của tôi lúc năm giờ sáng.

Tới người thầy kỹ thuật số tận tâm và giàu sức tưởng tượng Alex Cannon của tôi vì đã giám thị truyền thông xã hội, thông tin liên lạc trên web và tất cả những gì trên mạng của tôi một cách sáng tạo.

Tới vợ tôi, Blythe, vì tiếp tục chia sẻ với tôi niềm đam mê của cô ấy với nghệ thuật, tính thần sáng tạo kiên trì của cô ấy và tài năng sáng chế dường như vô tận của cô ấy, tất cả chính là một nguồn cảm hứng vẫn đang tuôn chảy.

Tới trợ lý riêng của tôi, Susan Morehouse, vì tình bạn, sự kiên trì, và rất nhiều kỹ năng của cô ấy, và vì đã duy trì cho rất nhiều việc vận hành trơn tru.

Tới em trai tôi, nhà soạn nhạc Greg Brown, với sự dung hòa đầy sáng tạo cả cổ điển và hiện đại trong bản Missa Charles Darwin giúp khơi gợi những ý niệm đầu tiên cho cuốn tiểu thuyết này.

Và cuối cùng, tôi xin bày tỏ sự biết ơn, tình yêu và sự kính trọng của mình tới bố mẹ tôi - Connie và Dick Brown - vì đã dạy tôi hãy luôn tò mò và đặt những câu hỏi khó.

CHÚ THÍCH

¿Otra tónica nghĩa là Một châu nữa chứ?

No, gracias nghĩa là Không, cảm ơn.

Calle Particular de Estraunza, ocho nghĩa là Tôi gọi từ quán rượu Molly Malone. Phố Particular de Estraunza, số 8.

Necesitamos ayuda inmediatamente. Hay dos hombres heridos nghĩa là Chúng tôi cần giúp đỡ ngay lập tức. Có hai người bị thương.

Que rosario tan bonito nghĩa là Chuỗi hạt đẹp quá!

Gracias nghĩa là Cảm ơn anh.

Excelencia Reverendísima nghĩa là Đức Tổng giám mục.

Su Excelencia nghĩa là Thưa Đức cha.

Cielos nghĩa là Chúa ơi.

La Santa misa está nghĩa là Thánh lễ Mass...

Preparada nghĩa là Sẵn sàng.

Padre Derida me sustituye nghĩa là Cha Derida thay thế tôi.

Vete yal! Y cierra la puerta nghĩa là Đi đi! Và nhớ khép cửa lại.

No hablo inglés nghĩa là Tôi không biết tiếng Anh.

Si nghĩa là Vâng/Alo.

Estoy en posición nghĩa là Tôi đã vào vị trí.

los reyes católicos nghĩa là Các vị vua Công giáo.

Hay alguien?! nghĩa là Này! Có ai ở đó không?

Qué Dios me perdone nghĩa là Xin Chúa tha tội cho con.

su alteza nghĩa là Đức Ngài/Điện hạ.

uniforme militar blanco nghĩa là quân phục trắng.

Blanco... Como de almirante? nghĩa là Trắng...? Như là một đô đốc?

Inmediatamentel nghĩa là Ngay lập tức.

policía local... bloqueos de carretera nghĩa là Cảnh sát địa phương lập rào chắn.

Don Julián quiere hablar con usted nghĩa là Đức Ngài Julián muốn nói chuyện với cô.

Su alteza Don Julián, el príncipe, ha pedido nghĩa là Thái tử điện hạ Julián đề nghị.

Sí... sí nghĩa là Vâng... vâng.

Claro. Inmediatamente nghĩa là Chắc chắn. Ngay lập tức.

Bienvenidos ¿Qué tal, Marco? nghĩa là Xin chào. Anh bạn thế nào, Marco?

IGLESIA CATÓLICA PALMARIANA nghĩa là Giáo hội Công giáo Palmaria.

Automatizada nghĩa là Chế độ tự động.

Oy gevalt! nghĩa là Ôi, lạy Chúa!

Conducta impropia nghĩa là Hành vi không đúng mực.

Sí, dime nghĩa là Ừ, nói tôi nghe.

Qué tal va? nghĩa là Như thế nào rồi?

Perdóname nghĩa là Xin hãy tha thứ!

Llévame a Barcelona nghĩa là Đưa ta tới Barcelona!

La hora más oscura es justo antes del amanecer nghĩa là Giờ khắc tăm tối nhất là ngay trước lúc bình minh.

Victor nghĩa là Kẻ chiến thắng.

Discreción, por favor nghĩa là Làm ơn giữ kín nhé!

¡No he visto nada! nghĩa là Tôi chẳng thấy gì cả!

Bocsásson meg nghĩa là Xin lỗi!

Gracias, Ambra, y muy interesante. Un gran placer conocerte nghĩa là Cảm ơn cô, Ambra, thật thú vị. Rất hân hạnh được gặp cô.

¡Ahí está el estadio! nghĩa là Sân vận động kia rồi!

¿Adónde vamos? nghĩa là Chúng ta đi đâu đây?

La basílica secreta nghĩa là Nhà thờ bí mật.

¡Señora Vidal! ¡Mensaje para usted! nghĩa là Thưa bà Vidal! Có tin nhắn gửi bà!

crismón hay Christogram - Phù hiệu tên Chúa là cụm chữ viết lồng nhau hoặc là kết hợp nhiều chữ cái tạo thành các viết tắt tên Chúa Jesus. Một trong những Phù hiệu tên Chúa cổ xưa nhất là Chi-Rho, gồm các chữ cái Hy Lạp chi (X) và rho (P), hai chữ cái đầu tiên trong tên gọi Chúa bằng tiếng Hy Lạp.

mực muối sắt, *iron gair*, là chất mực màu đen tía hoặc đen nâu làm từ các muối sắt và ta-nanh có nguồn gốc thực vật. Đây là mực viết và vẽ tiêu chuẩn ở châu Âu từ thế kỷ V tới thế kỷ XIX.

Nostradamus là tên Latin hóa của Michel de Nostredame (1503 - 1566), bác sĩ và nhà tiên tri người Pháp. Ông là tác giả cuốn sách *Les Prophéties* (Những lời tiên tri), một bộ sưu tập những lời tiên đoán của ông được xuất bản lần đầu năm 1555. Sách là tập hợp những bài đoán thi bốn câu, mỗi nhóm một trăm câu nói về một thế kỷ; lời lẽ trong quyển sách ký này mơ hồ, khó hiểu, miêu tả những biến cố được tiên đoán sẽ xảy đến cho thế giới từ giữa thế kỷ XVI cho đến năm 3797, được cho là năm tận thế.

Alan Turing (1912-1954) là nhà toán học, logic học và mật mã học người Anh, thường được xem là cha đẻ của ngành khoa học máy tính, đưa ra phép thử Turing năm 1950.

Tuần Thánh, *Holy Week*, là tuần lễ trước lễ Phục sinh, tính từ ngày Chủ nhật Lễ Lá cho đến ngày Thứ bảy Tuần Thánh, ngay trước khi bắt đầu Canh thức Vượt Qua. Trong tuần này, các giáo hội Thiên Chúa giáo tưởng nhớ cuộc thương khó và tử nạn của Chúa Jesus, cử hành những mầu nhiệm mà Chúa Jesus đã hoàn tất vào những ngày cuối cùng ở trần gian.

Hugh Grant tên đầy đủ là Hugh John Mungo Grant (sinh năm

1960) là diễn viên và nhà sản xuất phim người Anh, từng nhận được một giải Quả cầu vàng, giải của Viện Hàn lâm Nghệ thuật Điện ảnh và Truyền hình Anh quốc (BAFTA) và Giải César danh dự.

tiếng Basque là ngôn ngữ của một dân tộc ở miền tây Pyrenees, thuộc đông bắc Tây Ban Nha và tây nam nước Pháp.

tiếng Aramaic là ngôn ngữ chính của vùng Cận Đông cổ đại, hình thành khoảng thế kỷ IV trước Công nguyên, hiện còn thông dụng ở Syria, Iran, Iraq.

Ngũ thư bao gồm năm quyển sách đầu tiên trong Thánh kinh Do Thái giáo.

đối lập tương cận, juxtaposition, là thủ pháp nghệ thuật bố trí những yếu tố đối lập nhau cạnh nhau để tăng hiệu ứng đối xứng

Joan Miró (1893-1983) là họa sĩ, nhà điêu khắc và nghệ sĩ gốm người Tây Ban Nha, được đánh giá là theo trường phái siêu thực. Trong nhiều bài phỏng vấn từ những năm 1930 trở đi, Miró bày tỏ thái độ coi thường các phương pháp vẽ thông thường, cho đó là cách ủng hộ xã hội tư sản, và nổi tiếng khi tuyên bố “ám sát hội họa” để ủng hộ việc phá vỡ những yếu tố thị giác của ngành hội họa đã được định hình.

chechia hay còn gọi là taqiyah là loại mũ sọ tròn, thấp quen thuộc của tín đồ Hồi giáo thường được đội cho các mục đích tôn giáo.

thawb là loại áo dài đến đầu mắt cá chân, thường có ống tay dài, là trang phục truyền thống dành cho nam giới, rất thịnh hành ở bán đảo Arab.

mũ sọ, zucchetto, là loại mũ hình bán cầu, gồm tám mảnh tam giác bằng lụa tơ tằm hoặc vải polyester ghép lại, dành cho các giáo sĩ trong Giáo hội Công giáo La Mã, Anh giáo và một số giáo hội Chính Thống giáo Đông phương. Tất cả những ai có chức thánh trong Giáo hội Công giáo La Mã đều được quyền đội mũ sọ màu đen nhưng bắt buộc phải đi kèm với áo chùng thâm hoặc áo lễ. Giám mục có thể đội mũ sọ màu tím, hồng y đội màu đỏ, và màu trắng chỉ dành riêng cho Giáo hoàng. Một giáo sĩ đang đội mũ sọ sẽ phải cởi mũ này ra khi gặp một giáo sĩ ở chức cao hơn.

nhũ hương, frankincense, là loại nhựa thơm được dùng làm nguyên liệu trong hương đốt và nước hoa, chiết xuất từ các cây thuộc chi Boswellia. Nhũ hương là một trong ba vật phẩm được tặng cho Chúa Jesus Hài đồng.

allamah là danh hiệu tôn vinh tặng cho các vị học giả thông thạo kiến thức giáo luật, luật học và triết học Hồi giáo.

sherwani là loại áo khoác dài đến đầu gối dành cho nam giới, rất phổ biến ở tiểu lục địa Ấn Độ.

Salvador Dalí tên đầy đủ là Salvador Felipe Jacinto Dalí i Domènech (1904-1989), là nghệ sĩ sinh ra tại Figueras, xứ Catalonia, Tây Ban Nha. Ông được coi như một trong những họa sĩ có ảnh hưởng lớn nhất trong thế kỷ XX với phong cách siêu thực. Ông còn được biết đến như một nhà điêu khắc, nhiếp ảnh, sản xuất phim... Ông đã đoạt giải Oscar dành cho phim hoạt hình ngắn Destino hợp tác cùng Walt Disney.

Whiffenpoof là tên nhóm hát của Đại học Yale, Hoa Kỳ, thành lập năm 1909, gồm mười bốn thành viên được lựa chọn hàng

năm. Trang phục đặc trưng gồm áo đuôi tôm đen, áo gi lê và nơ trắng.

tranh màu nhỏ giọt, *drip painting*, là một hình thức nghệ thuật trừu tượng trong đó người ta nhỏ giọt hoặc đổ màu lên toan. Phong cách hội họa này được các họa sĩ như Francis Picabia, André Masson và Max Ernst thử nghiệm vào nửa đầu thế kỷ XX và đặc biệt được phát huy, trở thành phong cách độc đáo của họa sĩ trường phái biểu hiện trừu tượng Mỹ Paul Jackson Pollock (1912-1956).

Hieronimus Bosch (1450 -1516) là một họa sĩ giai đoạn Hà Lan sớm. Tác phẩm của ông được biết đến với hình ảnh đẹp, cảnh quan chi tiết, minh họa các khái niệm đạo đức, tôn giáo và các châm ngôn. Ông nổi tiếng với các tranh miêu tả địa ngục rừng rợn và đầy ác mộng.

Francisco de Goya (1746 -1828) là một họa sĩ trường phái lãng mạn, thợ in và nhà ghi chép biên niên sử người Tây Ban Nha. Ông là một họa sĩ cung đình phục vụ hoàng gia Tây Ban Nha, nổi tiếng với các tác phẩm mang phong cách nghệ thuật phá cách và sáng tạo.

thập ác, *papal cross* hay *triple cross*, là thập giá có thêm hai thanh ngang ngắn phía trên thanh ngang dài.

hỗn hống, *Amalgamation*, là hợp kim của thủy ngân với các kim loại khác thu được bằng tác dụng trực tiếp của các kim loại này với thủy ngân, hoặc bằng điện phân các muối kim loại/muối thủy ngân. Hỗn hống được sử dụng trong luyện kim các kim loại quý.

giải pháp bạo lực phá, *brute-force attack*, là phương pháp tìm mật khẩu bằng cách thử tất cả các chuỗi mật khẩu có thể.

bài tụng ca Oriamendi, *Marcha de Oramendi* hay Hành khúc Oriamendi, là bài ca của phong trào Carlist, một trào lưu chính trị ở Tây Ban Nha tìm cách lập ra một dòng tộc riêng của triều đại Bourbon, dòng dõi hậu duệ của Don Carlos, Bá tước xứ Molina (1788-1855), trên ngai vàng Tây Ban Nha. Khẩu hiệu của Phong trào là 'God, Fatherland, King' nghĩa là Thiên Chúa, Tổ quốc, Đức vua. Tên bài hát có nguồn gốc từ Trận Oriamendi nổ ra năm 1837. Lời ca khúc tiếng Tây Ban Nha viết năm 1908.

nhóm Basque là một nhóm dân tộc, sinh sống chủ yếu ở khu vực nằm khoảng cuối phía tây của dãy núi Pyrenees trên bờ biển Vịnh Biscay và nằm giữa các phần của Trung - Bắc Tây Ban Nha và tây nam nước Pháp.

thuyết Panspermia là thuyết nguồn gốc sự sống từ vũ trụ.

Prado ở đây là trỏ Bảo tàng nghệ thuật Prado ở Madrid, Tây Ban Nha, trưng bày các tác phẩm nghệ thuật châu Âu từ thế kỷ XII đến thế kỷ XIX, với hơn 5.000 bức vẽ, 2.000 bản in, 1.000 đồng xu và huy chương, 700 tác phẩm điêu khắc và gần 2.000 tác phẩm nghệ thuật khác, trong đó có hơn 1.300 bức tranh của Diego Velázquez, Francisco Goya và các họa sĩ nổi tiếng người Tây Ban Nha khác.

Marc Chagall (1887-1985) là nghệ sĩ Nga-Pháp gốc Do Thái, được xem là 'nghệ sĩ Do Thái tinh túy của thế kỷ XX', 'người sống sót cuối cùng của thế hệ hiện đại chủ nghĩa đầu tiên của châu Âu', 'nghệ sĩ Do Thái xuất chúng trên thế giới'. Ông tạo ra các tác phẩm hầu như với tất cả vật liệu nghệ thuật, bao gồm các bức

tranh minh họa sách, kính màu, sân khấu, gốm sứ, thảm và in mỹ nghệ. Ông là tác giả các ô cửa sổ kính màu của nhà thờ lớn Reims và Metz, ô cửa sổ mang tên Hòa bình tại trụ sở Liên Hợp Quốc, và các ô cửa sổ Trung tâm Y tế Hadassah (cơ sở Ein Karem) ở Jerusalem, Israel, ông cũng vẽ các bức tranh quy mô lớn, bao gồm một phần trần Nhà hát Paris.

Tông tòa khuyết xuất luận, *Sedevacantism*, là lập trường của một nhóm thiểu số tín đồ Công giáo truyền thống cho rằng người hiện nắm giữ ngôi vị Giáo hoàng không phải là giáo hoàng đích thực do việc giáo hội dòng chính tán thành nhiều quan điểm dị giáo của chủ nghĩa hiện đại và rằng, do thiếu một giáo hoàng hợp lệ, nên tòa thánh vẫn bỏ trống kể từ khi Giáo hoàng Pius XII tạ thế năm 1958. Thuật ngữ “sedevacantism” xuất phát từ cụm từ Latin *sede vacante*, nghĩa là “với chiếc ghế [của Thánh Peter] bỏ trống”.

ma tượng, *golem*, là quái vật được tạo ra từ bùn đất, giống người nhưng mạnh hơn loài người.

UCLA là Đại học California, Los Angeles.

đỗ xe song song, *double parking*, là hành động đỗ xe song song với xe khác đã đỗ sát vỉa hè.

ibuprofen là thuốc giảm đau và kháng viêm (công thức: $C_{13}H_{18}O_2$) không chứa steroid, thường dùng điều trị viêm khớp.

người Moor là nhóm dân gồm người Berber, người châu Phi da đen, người Arab có nguồn gốc Bắc Phi, theo đạo Hồi, ở thời Trung cổ. Người Moor chinh phục và xâm chiếm bán đảo Iberia, bao gồm phần lớn Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ngày nay,

trong gần tám trăm năm và gọi lãnh thổ này là Al-Andalus.

Tử quần áo Hoàng gia ở đây là sự chơi chữ: cụm từ ‘Guardarropía Real’ nghĩa là *Tử quần áo Hoàng gia* có cách đọc giống ‘Guardian Real’ nghĩa là *Cận vệ Hoàng gia*

Cánh đồng Elysian còn gọi là Elysium, được cho là nơi yên nghỉ cuối cùng của linh hồn những người anh hùng và đức hạnh trong thần thoại và tôn giáo Hy Lạp.

Gilgul neshamot mô tả một khái niệm bí hiểm về sự đầu thai. Trong tiếng Hebrew, từ gilgul nghĩa là “chu kỳ/vòng” hay “bánh xe” còn neshamot là số nhiều của “linh hồn”. Các linh hồn được xem là “luân chuyển” qua “các cuộc đời” hay “các kiếp”, được gắn với những thể xác người khác nhau. Linh hồn gắn với thể xác nào còn tùy thuộc vào nhiệm vụ cụ thể của họ trong thế giới vật chất, cấp độ tinh thần của thể xác kiếp trước và vãn vãn.

Hạ địa, Summerland, là tên gọi được những người theo thuyết thần trí dùng để chỉ cấp độ cao nhất của thế giới bên kia mà chúng ta mong được bước vào.

Vành đai Kinh thánh, Bible Belt, là khu vực không chính thức nằm ở đông nam và nam miền trung Hoa Kỳ nơi đạo Tin Lành Phúc Âm, rất bảo thủ về mặt xã hội, đóng vai trò lớn trong đời sống xã hội và chính trị, và việc đi lễ nhà thờ Thiên Chúa giáo của các giáo phái nhìn chung cao hơn hẳn mức bình quân của cả nước.

Hạt của Chúa là cuốn sách khoa học thường thức ra đời năm 1993 của nhà vật lý đoạt giải Nobel Leon M. Lederman và nhà

văn khoa học Dick Teresi. Sách cung cấp lịch sử ngắn gọn của ngành vật lý phân tử, từ triết gia Hy Lạp Democritus, tiếp tục với Isaac Newton, Roger J. Boscovich, Michael Faraday, Ernest Rutheford và ngành vật lý lượng tử trong thế kỷ XX.

con cá Jesus, *Jesus fish* hay *ichthys*, là một biểu tượng gồm hai đường cong giao nhau, đầu bên phải kéo dài khỏi điểm giao cắt để trông giống hình một con cá. Ichthys là viết tắt các chữ cái đầu của cụm từ tiếng Hy Lạp ‘Iēsous Christos, Theou Yios, Sōtēr’, dịch nghĩa là ‘Jesus Christ, con của Chúa, Đấng cứu thế’.

Sabatini tức là Francesco Sabatini (1722-1797), kiến trúc sư người Ý ở thế kỷ XVIII, làm việc tại Tây Ban Nha.

PONTIUS PILATE là tổng trấn thứ năm của tỉnh Judaea thuộc La Mã từ năm 26 tới năm 36 sau Công nguyên dưới thời Hoàng đế Tiberius, và nổi tiếng với phiên tòa xét xử và thi hành việc đóng đinh vào thập giá Chúa Jesus.

Eszett là cách đọc của ß, ký tự thứ 22 trong bảng chữ cái tiếng Đức. ß thường bị nhầm với β (beta), B (đọc như “Vê”, ký tự kirin) và B (ký tự Latin). Tuy nhiên ß không bao giờ đứng đầu câu, còn 3 chữ kia đều có thể đứng đầu câu.

Aeschylus (525/524 TCN - 456/455 TCN) là nhà soạn kịch Hy Lạp cổ đại. Ông được công nhận là cha đẻ của bi kịch hiện đại và là một trong ba nhà biên soạn bi kịch cổ Hy Lạp (cùng với Sophocles và Euripides) có các vở kịch còn tồn tại cho đến ngày nay.

Terror Rojo, *Khủng bố Đỏ*, là tên gọi được giới sử gia chỉ những hành động bạo lực diễn ra tại Tây Ban Nha từ năm 1936 cho tới

khi kết thúc Nội chiến Tây Ban Nha “do các nhóm tả khuynh”. Những hành động này bao gồm việc sát hại hàng chục nghìn người (trong đó có 6.832 thành viên tăng lữ Công giáo, đa số vào mùa hè năm 1936 sau cuộc đảo chính quân sự) cũng như các vụ tấn công nhằm vào các địa chủ, các nhà công nghiệp, và các chính trị gia. Ngoài ra còn có tình trạng đốt các tu viện và nhà thờ.

song khúc diện dịch từ nguyên văn *hyperboloid*.

Carmelite là Dòng Anh em Đức Trinh nữ Mary Diễm phúc núi Cát Minh, thường gọi tắt là “Dòng Cát Minh” hay “dòng Kín”, là một dòng tu Công giáo, được cho là do Thánh Albert sáng lập từ thế kỷ thứ XII trên núi Carmel (Israel). Dòng tu này chủ trương sống đời sống trung thành với Đức Chúa, qua lời cam kết kiếm tìm Thiên Chúa hằng sống qua đời sống chiêm nghiệm và cầu nguyện đời sống huynh đệ cộng đoàn và đời sống phục vụ tha nhân.

giọng hát chay, *cappella voice*, là phong cách hát không cần nhạc đệm, thường áp dụng trong âm nhạc tôn giáo. Những người nghệ sĩ sẽ dùng giọng hát của mình kết hợp, hỗ trợ cho nhau bằng hòa thanh, bè phối để tạo nên nhạc điệu.

bàn tiền là chi tiết dựa trên một sự kiện quan trọng trong cuộc sống của Jesus, được ghi lại trong cả bốn sách Phúc Âm, trong đó chúa Jesus dùng sức mạnh để dẹp hết mọi người trong một đền thờ. Sự kiện này được ghi trong Phúc Âm thánh Matthew như sau: Đức Chúa Jesus vào đền thờ, đuổi hết kẻ bán người mua ở đó; đổ bàn của người đổi bạc và ghế của người bán bồ câu. Ngài phán cùng họ rằng: “Có lời chép: Nhà ta sẽ gọi là nhà cầu nguyện; nhưng các người thì làm cho nhà ấy thành ra ổ

trộm cướp.”

[What Darwin Got Wrong](#), Những gì Darwin sai, xuất bản năm 2010 của triết gia Jerry Fodor và nhà khoa học nhận thức Massimo Piattelli-Palmarini

[Defeating Darwinism](#), Đánh bại chủ nghĩa Darwin

[Darwin's Black Box](#) - The Biochemical Challenge to Evolution, Hộp đen của Darwin: Thách thức sinh hóa cho quá trình tiến hóa, của Michael Behe xuất bản năm 1996.

[Darwin on Trial](#), Darwin ra tòa, tác giả Phillip E. Johnson xuất bản lần lượt năm 1997.

[The Dark Side of Charles Darwin](#), Mặt tối của Charles Darwin, của tác giả Jerry Bergman xuất bản năm 2011.

[The Marriage of Heaven and Hell](#) nghĩa là Cuộc phối ngẫu của thiên đàng và địa ngục.

[còn](#) trong nguyên tác tiếng Anh là “and”, trong tiếng Latin là “et”. Để bảo đảm giữ nguyên được yếu tố kịch tính này, dịch giả chuyển dịch ký hiệu thành “còn” và “và” trong tiếng Việt để đạt số lượng mẫu tự tương ứng, dù ký hiệu này thường chỉ được hiểu tương đương từ “và” của tiếng Việt.

[Thảo luận TED](#), TED Talk, là một tổ chức truyền thông thành lập năm 1984 như một hội thảo được tổ chức thường niên. Tổ chức này chuyên đăng tải trực tuyến những cuộc thảo luận để phát tán miễn phí, với khẩu hiệu “các ý tưởng đáng được lan truyền”. Hiện nay ngoài ba lĩnh vực trên, TED còn nói cả đến những chủ đề khoa học, văn hóa và học thuật.

Jove, hay Jupiter, là con trai của thần Saturn và là chúa tể của các thần, tương tự thần Zeus của người Hy Lạp.

Kedoshim, mang nghĩa “những điều thiêng liêng”, là phần đọc Ngũ thư hằng tuần thứ 30 trong chu kỳ đọc Ngũ thư thường niên của người Do Thái, thường đọc vào tháng 4 hoặc 5. Thuật ngữ này đôi khi cũng được dùng để chỉ sáu triệu người Do Thái bị tàn sát trong cuộc diệt chủng của Đức Quốc xã.

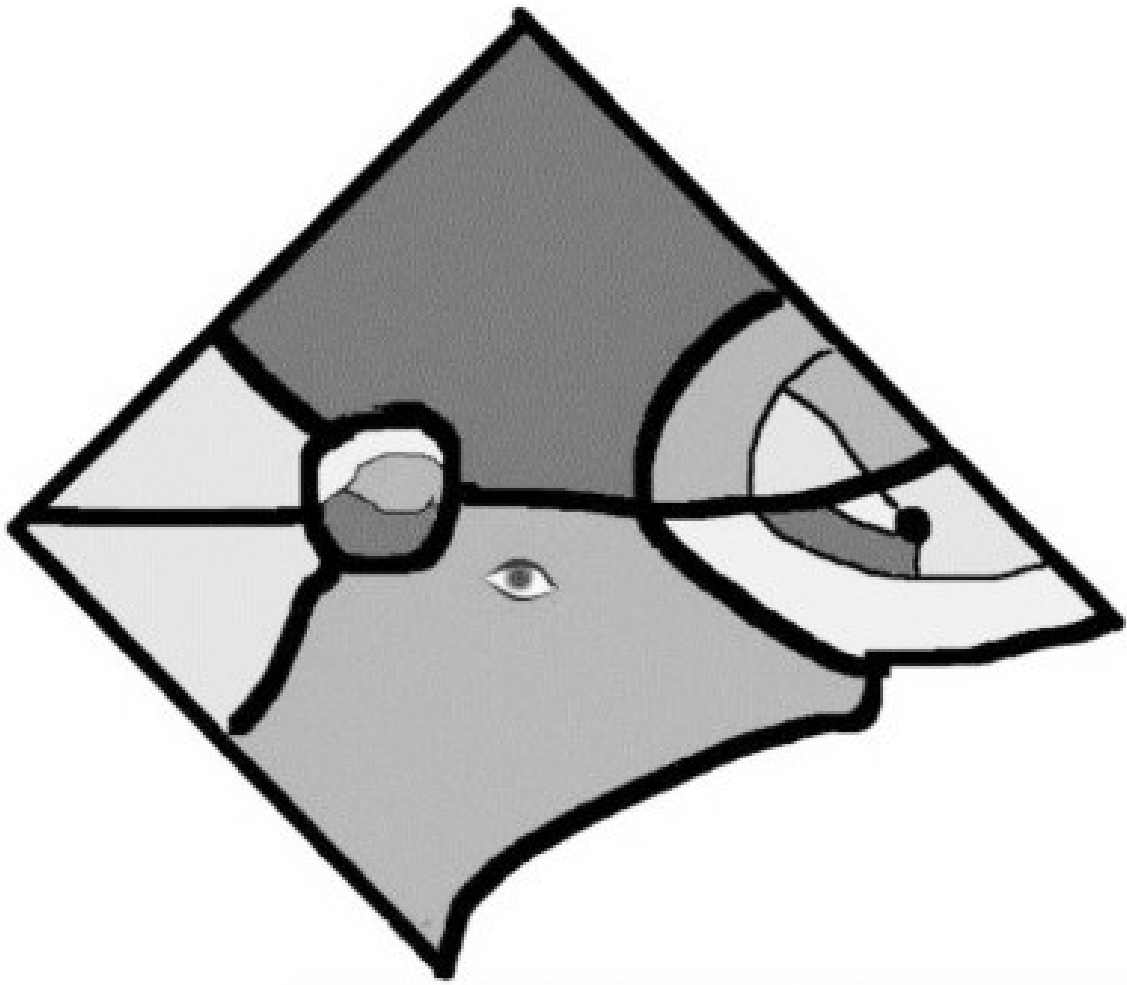
Shahid nghĩa là Người tử đạo.

Of Mice and Men, *Của chuột và người*, là tiểu thuyết của tác giả John Steinbeck, xuất bản năm 1937.

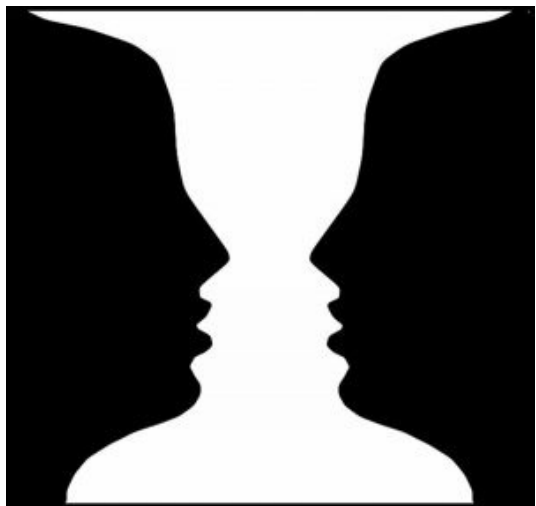
cầu may trong nguyên tác là knock on wood, là hành động cầu may bằng cách gõ lên đồ đạc bằng gỗ. Tục này xuất phát từ quan niệm cho rằng trong những cái cây có những vị thần may mắn có thể giúp đỡ con người nên khi cần may mắn, người ta nên gõ vào một cái cây để gọi thần cây xin trợ giúp.

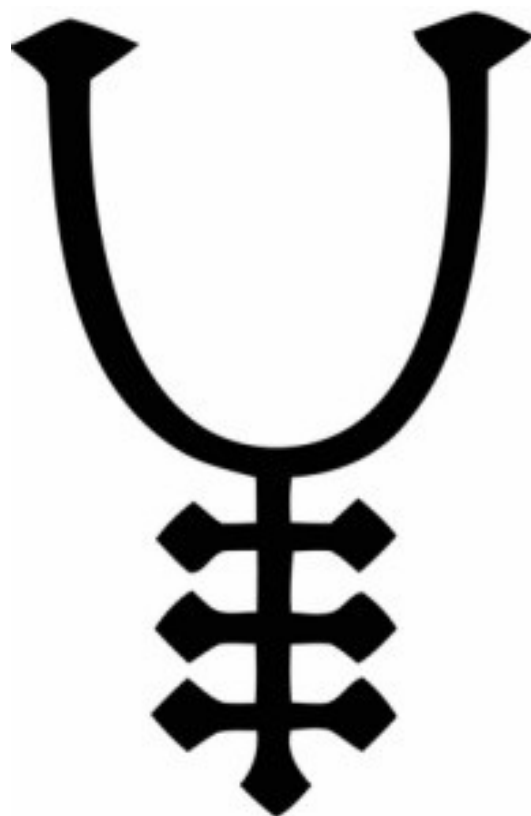


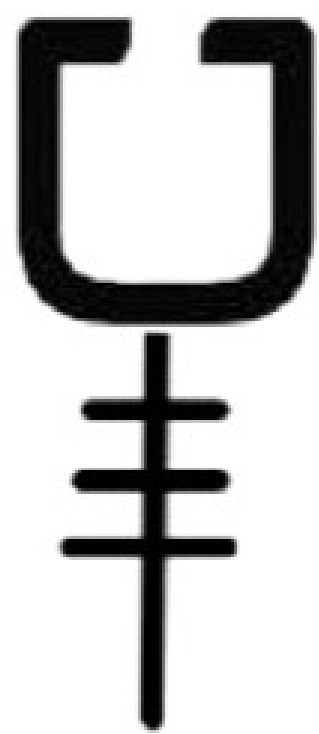


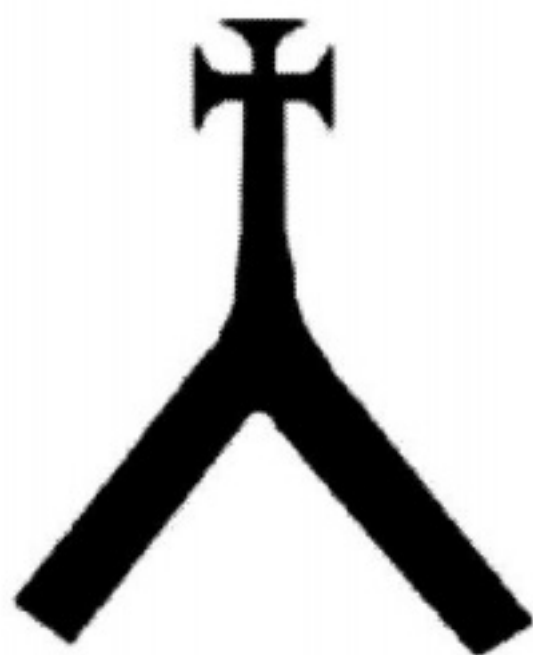


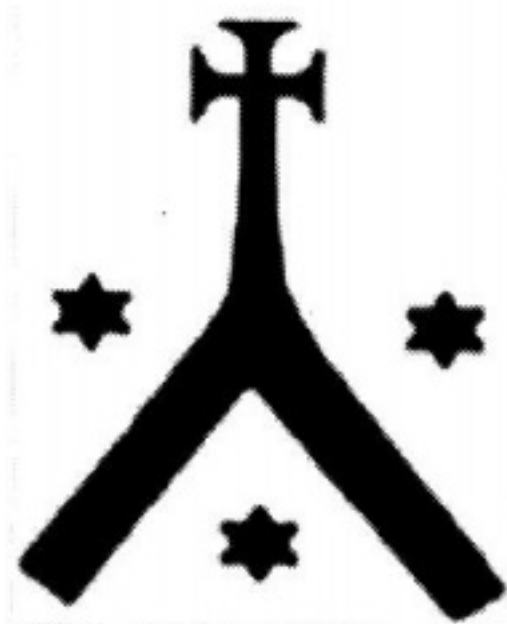


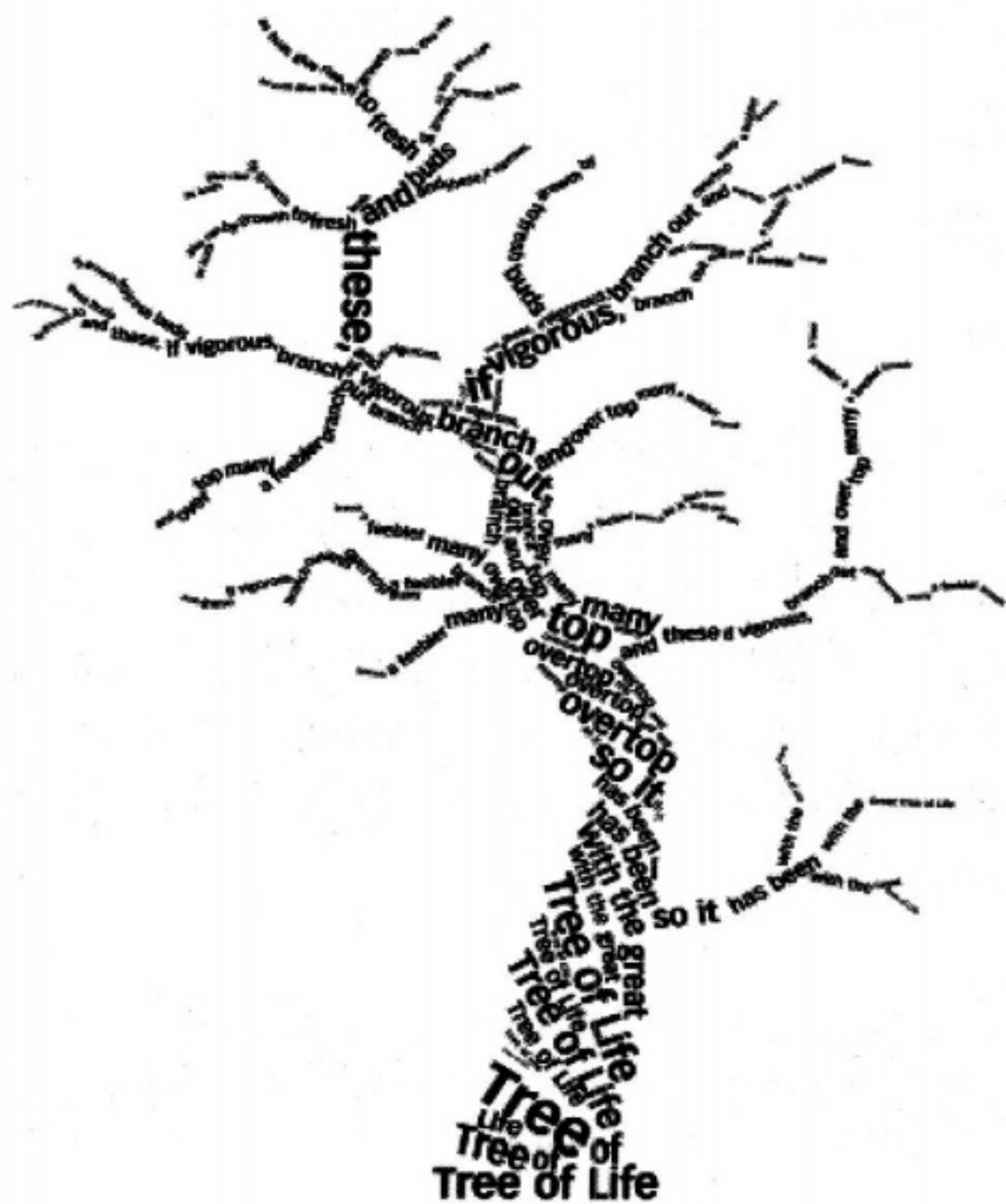


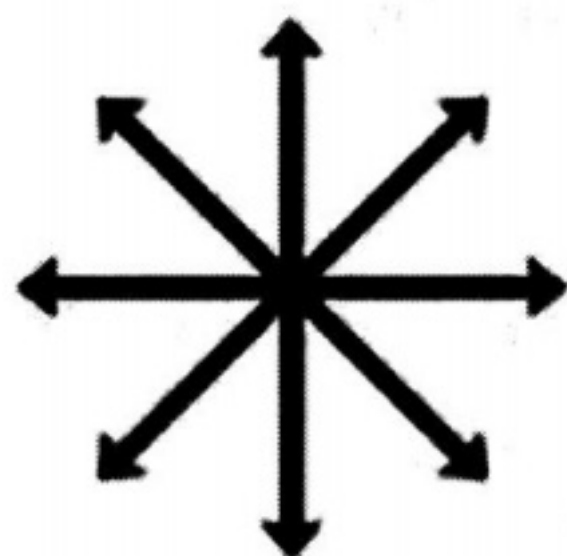


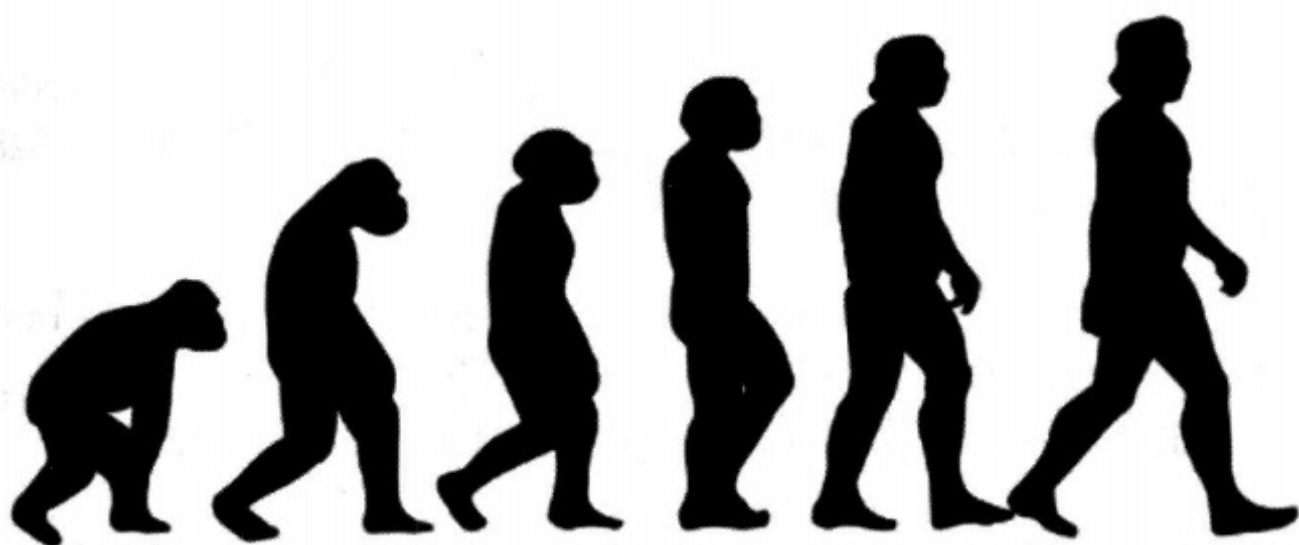


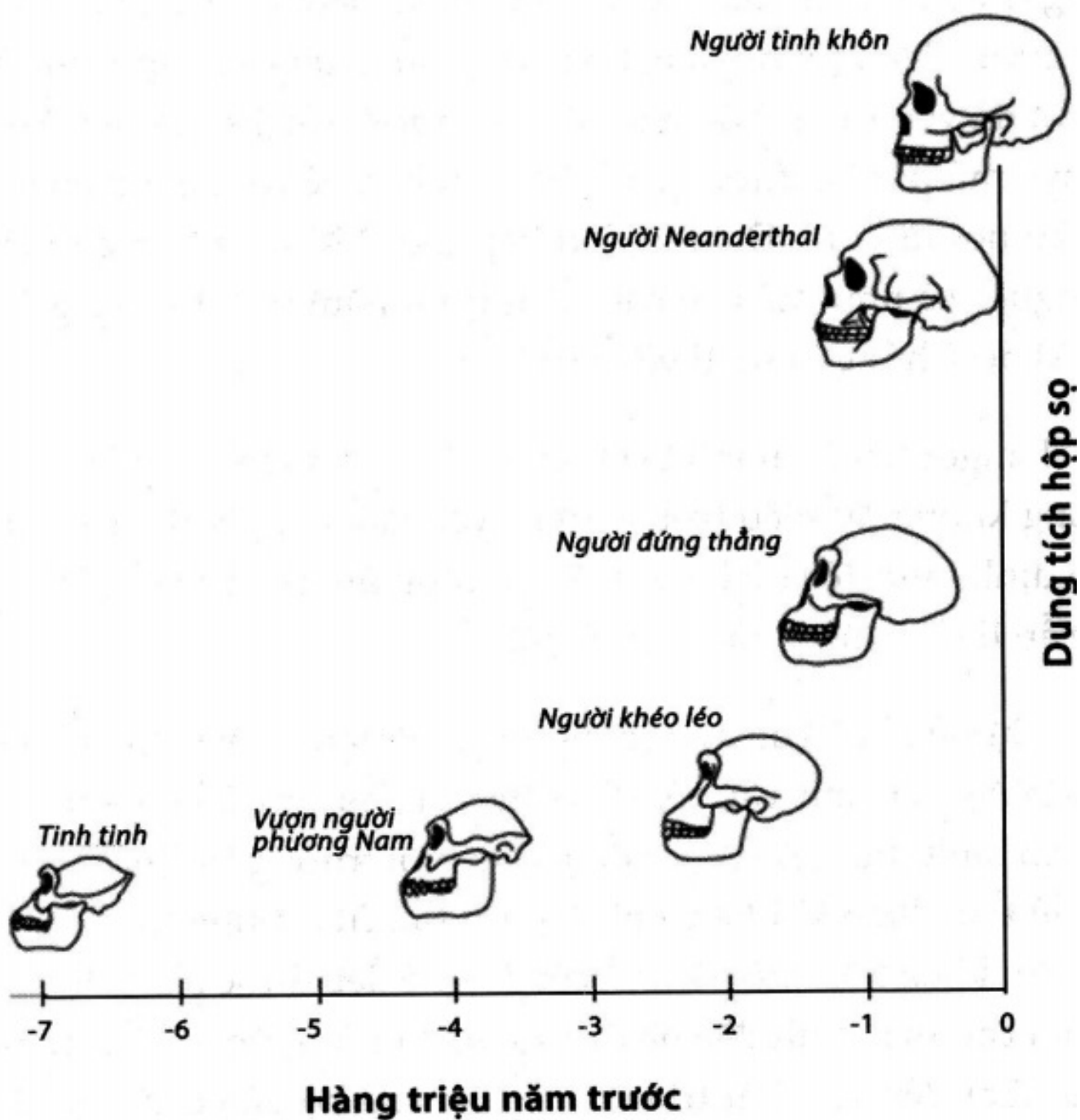












FedEx